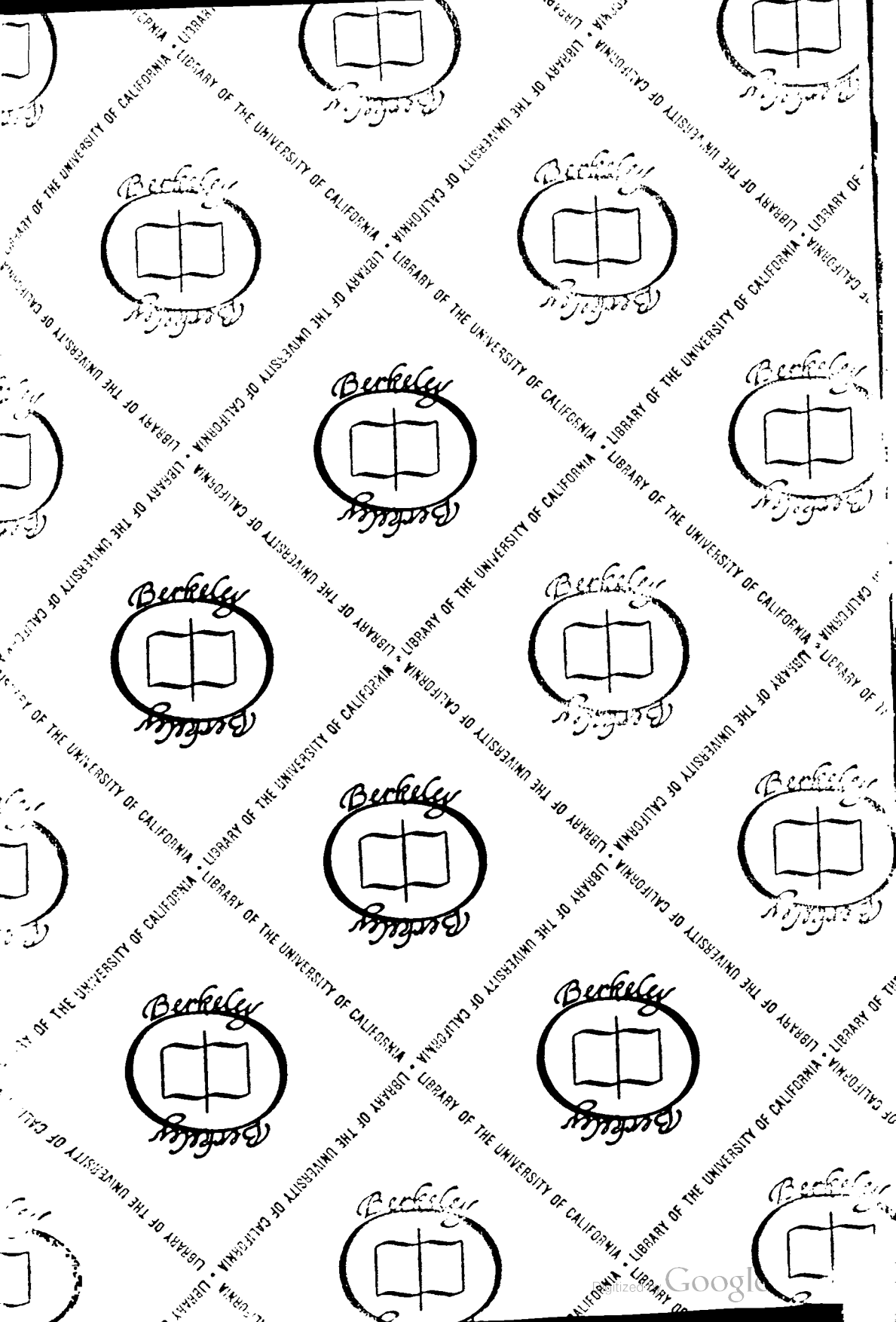




Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B



7

7.1981

THE
JOURNAL
OF
THE
ROYAL
ANTHROPOLOGICAL
INSTITUTE

VOL. LXXV. PART 1.
1945

PUBLISHED BY THE INSTITUTE OF CHURCH LANE, LONDON, E.C. 4.

EDITED BY
J. H. HUXLEY, F.R.S.
AND
J. E. S. THORNTON, F.R.S.

TẤT CẢ VÌ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, VÌ HẠNH PHÚC CỦA NHÂN DÂN ! (*)

LÊ - DUÀN .

Kính thưa Đoàn chủ tịch,

Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,

THAY mặt Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam, tôi xin nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đại biểu Quốc hội khóa bảy, những đại diện ưu tú được nhân dân bầu ra trong cuộc Tổng tuyển cử ngày 26 tháng 4 năm 1981.

Quốc hội khóa sáu đã làm xong một nhiệm vụ trọng đại là xây dựng và thông qua Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Sự ra đời của Hiến pháp mới là một sự kiện lớn, đánh dấu một bước phát triển quan trọng của cách mạng nước ta.

Hiến pháp mới phản ánh toàn bộ thành quả cách mạng vĩ đại đã giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam, từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cực kỳ gay go, gian khổ và thắng lợi hết sức vẻ vang. Hiến pháp mới thể chế hóa đường lối của cách mạng Việt-nam

trong giai đoạn mới do Đại hội lần thứ tư của Đảng đề ra, và là vũ khí sắc bén để toàn dân ta tiếp tục cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên Tổ quốc ta. Đó là Hiến pháp của cả thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Hiến pháp của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động nước ta.

Quốc hội khóa bảy có nhiệm vụ phát huy đầy đủ vai trò cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nhân dân trong việc củng cố và hoàn thiện chế độ làm chủ tập thể, thi hành Hiến pháp mới và đưa những chế định của Hiến pháp vào cuộc sống hiện thực của xã hội.

Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,

NĂM năm của nhiệm kỳ Quốc hội khóa sáu là một thời kỳ đặc biệt có ý nghĩa quan trọng trong quá

* Diễn văn đọc tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa bảy.

trình tiến lên của cách mạng Việt-Nam.

Sự kiện nổi bật nhất trong thời gian qua là nhân dân ta đã đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược do bọn bành trướng Trung-quốc chủ mưu và trực tiếp gây ra. Từ lâu, Bắc-kinh đã ôm ấp mưu đồ thôn tính Việt-nam và bán đảo Đông-dương, hòng mở đường thực hiện giấc mơ bành trướng và làm bá chủ cả Đông Nam châu Á. Điều xấu xa là họ đã câu kết với Mỹ, thực hiện mưu đồ ấy ngay sau khi đất nước ta vừa ra khỏi cuộc kháng chiến chống tên đế quốc đầu sỏ, rắp tâm đánh quỵ nhân dân ta bằng hai mũi tiến quân chiến lược, từ phía nam lên và từ phương bắc xuống.

Họ đã sử dụng tập đoàn Pôn Pốt — lêng Xa-ry — Khiêu Nam-phon ở Cam-pu-chia làm đội quân đánh thuê, gây chiến tranh ở biên giới tây-nam nước ta, mưu toan đánh chiếm nhiều vùng quan trọng từ Hà-tiên đến Tây-ninh hòng tạo cơ hội cho bọn phản động bên trong miền Nam Việt-nam nổi dậy chống phá sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa vừa say mới bắt đầu. Sau khi cũng bề lũ tay sai thất bại ở phía nam, Bắc-kinh đã ngang nhiên phát động chiến tranh xâm lược quy mô lớn, đưa 60 vạn quân tiến công toàn tuyến biên giới phía bắc nước ta, hòng buộc nhân dân ta phải khuất phục.

Như các đồng chí đã biết, Đảng và Nhà nước ta đã tìm mọi cách giải quyết những vấn đề tranh chấp do lịch sử để lại giữa nước ta với Trung-quốc thông qua con đường thương lượng. Song tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh vẫn một mực theo đuổi chính sách thù địch chống Việt-nam. Bằng cuộc chiến tranh tội ác ấy, họ đã tự vạch mặt là kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm của nhân dân ta. Đồng thời, họ phơi bày trước thế giới bản chất cực kỳ hung bạo và xảo quyệt của chủ nghĩa bành

trướng và bá quyền Trung-quốc, thể lực phản động quốc tế lớn nhất đang uy hiếp độc lập dân tộc, hòa bình và ổn định ở Đông-dương và Đông Nam châu Á.

Phát huy sức mạnh vĩ đại của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và nêu cao truyền thống « **Diên Hồng** » của dân tộc, nhân dân và quân đội anh hùng của chúng ta đã bẻ gãy hai mũi tiến quân của địch ở hai đầu đất nước, bảo vệ được biên giới thiêng liêng của Tổ quốc. Đồng thời, chúng ta đã làm tròn nhiệm vụ quốc tế giúp nhân dân Cam-pu-chia anh em đập tan một chế độ diệt chủng dã man chưa từng thấy, và cùng với nhân dân hai nước Lào và Cam-pu-chia, tạo nên thế chiến lược liên hoàn vững chắc cho cách mạng của ba nước Đông-dương. Bằng cuộc chiến đấu và chiến thắng của mình, nhân dân ta đã góp phần tăng cường ba dòng thác cách mạng của thời đại, công hiến xứng đáng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là thắng lợi có ý nghĩa lịch sử hết sức to lớn. Qua cuộc chiến đấu này, nhân dân ta hiểu rõ lòng dạ phản trắc xấu xa của bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh và mài sắc tinh thần cảnh giác đối với chúng. Đồng thời, chúng ta có thực tế để khẳng định rằng, dù cho kẻ thù mới có hung hãn và độc ác đến đâu, nhân dân ta cũng có đủ lực lượng và khả năng để đánh thắng, nếu chúng lại liều lĩnh gây chiến tranh xâm lược nước ta một lần nữa.

Gắn liền với thắng lợi đó là **những thành tựu có tính chất chiến lược trong việc tăng cường tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân ta với nhân dân các nước anh em trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa.** Quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông-

đương phát triển lên một giai đoạn mới chưa từng có, với các Hiệp ước hữu nghị hợp tác Việt-nam - Lào và Việt-nam - Cam-pu-chia, đã phát huy tác dụng to lớn trong việc giữ gìn độc lập, an ninh của mỗi nước, và củng cố vị trí của chủ nghĩa xã hội ở khu vực này của thế giới.

Việc ký kết và thực hiện Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt-nam - Liên-xô, một sự kiện vĩ đại của sự hợp tác toàn diện giữa hai nước, đã góp phần hết sức quan trọng vào thắng lợi của nhân dân ta trong chiến tranh giữ nước, đem lại cho chúng ta những bảo đảm vững chắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Việc nước ta gia nhập Hội đồng trợ trợ kinh tế và ký kết Hiệp ước hữu nghị hợp tác với một số nước anh em khác, đánh dấu một bước phát triển mới về chất trong quan hệ giữa nước ta với cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta đã đập tan những thủ đoạn xảo quyệt và hèn hạ của Bắc-kinh, được sự đồng lõa và giúp sức của Mỹ, hòng bao vây, cô lập và làm giảm uy tín nước ta. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại với hầu hết các nước trên thế giới, tăng cường vị trí quốc tế của mình, tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của các nước và các dân tộc yêu chuộng độc lập, tự do, của tất cả các lực lượng cách mạng, tiến bộ và hòa bình.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước đã thu được những thắng lợi to lớn. Việc sớm thực hiện thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước đã tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần của nhân dân ta, phát triển sự đoàn kết và thống nhất dân tộc lên một giai đoạn mới, dưới ngọn cờ độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Hệ thống chuyên chính vô sản trong phạm vi cả nước được thiết lập vững vàng, và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động bước đầu được xây

dựng. Trong tình trạng đảo lộn nghiêm trọng về kinh tế - xã hội sau chiến tranh lâu dài, chúng ta đã giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Những cuộc "nội loạn" và "tám mấu" mà đế quốc Mỹ rắp tâm chuẩn bị cho thời kỳ hậu chiến bằng chính sách Việt-nam hóa chiến tranh, đã không xảy ra như chúng tiên đoán và mơ tưởng. Đó là thành tựu rực rỡ của chính sách đại đoàn kết dân tộc trước sau như một của chế độ mới.

Trên mặt trận kinh tế và văn hóa, chúng ta đã nhanh chóng khắc phục những thiệt hại nặng nề do chiến tranh xâm lược của Mỹ và của bọn bành trướng Bắc-kinh gây ra, kịp thời giải quyết nhiều vấn đề kinh tế, xã hội cấp bách. Ở miền Nam, giai cấp tư sản mại bản đã bị xóa bỏ hẳn; công thương nghiệp tư doanh đã được cải tạo về cơ bản; hợp tác hóa nông nghiệp đã thu được kết quả bước đầu. Ở miền Bắc, quan hệ sản xuất mới đang được hoàn thiện. Những cơ sở kinh tế bị đánh phá về cơ bản đã được khôi phục; sản xuất trên một số mặt có phát triển hơn trước. Lao động xã hội bước đầu được phân bố lại trong phạm vi cả nước, một số vùng kinh tế mới đã và đang hình thành. Hàng triệu người lao động đã được sắp xếp việc làm.

Cơ sở vật chất và kỹ thuật của nền kinh tế đã được tăng cường một bước đáng kể. Tài sản cố định của kinh tế xã hội chủ nghĩa trong các ngành sản xuất đã tăng thêm 94%. Trong nông nghiệp, đã mở thêm một triệu héc ta đất canh tác; tăng diện tích gieo trồng một triệu tám mươi vạn héc ta. Nông nghiệp được cung ứng thêm hơn 20 nghìn máy kéo các loại; 37% khâu làm đất đã được cơ giới hóa. Trong công nghiệp, năng lực sản xuất được bổ sung thêm 20 vạn ki-lô-oát điện, hai triệu tấn than, 50 vạn tấn xi măng. Ngành giao thông đã khôi phục và xây dựng mới gần

1500 ki-lô-mét đường sắt, 3800 ki-lô-mét đường ô-tô, 4000 mét bến cảng. Nhiều công trình công nghiệp đang được xây dựng như các nhà máy điện, xi-măng, cơ khí động lực cơ khí đóng và sửa chữa tàu thuyền, các bến cảng, các xưởng kéo sợi, các nhà máy đường, nhà máy giấy... Đó là những công trình rất trọng yếu đối với nền kinh tế nước ta. Không có những công trình như thế, không thể nói đến việc tiến lên sản xuất lớn. Trong thời kỳ kế hoạch 1981 - 1985, nhiều nhà máy, nhiều cơ sở mới hiện đã xây dựng một phần quan trọng sẽ đi vào sản xuất.

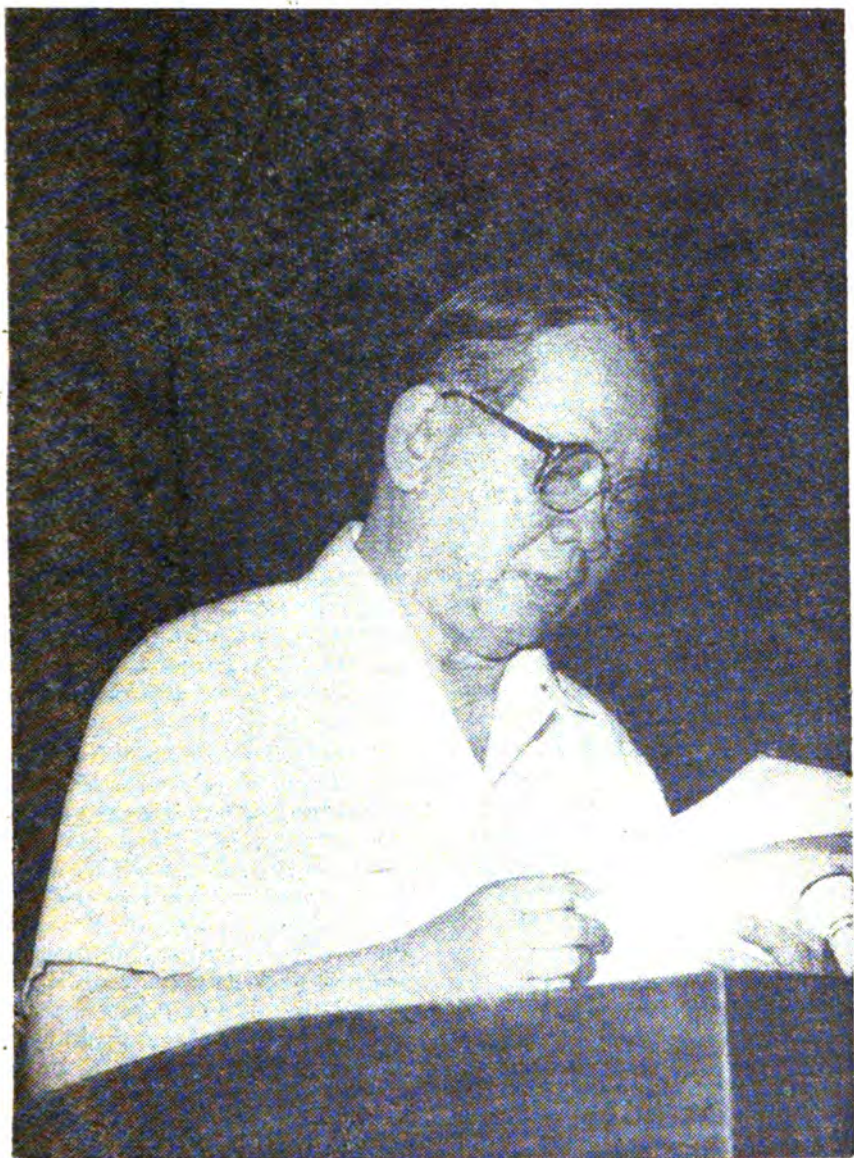
Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế đạt được những bước phát triển quan trọng thể hiện tính ưu việt của chế độ mới. Nạn mù chữ ở miền Nam đã được xóa bỏ về cơ bản. Số học sinh các trường phổ thông, đại học, các lớp bồi túc văn hóa và các trường đào tạo lên đến gần 16 triệu người; bình quân hơn ba người dân có một người đi học. Các ngành khoa học, kỹ thuật đã giải quyết được một số yêu cầu quan trọng phục vụ cho sự nghiệp kinh tế và quốc phòng. Việc đấu tranh xóa bỏ văn hóa thực dân mới thu được kết quả tốt. Việc thanh toán những bệnh tật và tệ nạn xã hội, sản phẩm của chế độ Mỹ - nguy, đã đem lại cuộc sống mới cho hàng chục vạn người. Trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc cũng như trong lao động xây dựng xã hội mới, xuất hiện ngày càng nhiều những tấm gương tập thể và cá nhân tiêu biểu cho phong cách và đạo đức của con người mới xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, những thành tựu của cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là trên lĩnh vực kinh tế, còn thấp so với yêu cầu, so với công của đã bỏ ra. Vấn đề lương thực, thực phẩm chưa giải quyết được một cách vững chắc. Lao động xã hội chưa được sử dụng hết. Các mặt năng lượng, nguyên liệu, giao thông vận tải đang càng thẳng.

Chênh lệch giữa xuất khẩu và nhập khẩu còn lớn. Thị trường và vật giá không ổn định. Đời sống của công nhân, viên chức và nông dân những vùng bị thiên tai, địch họa có nhiều khó khăn. Phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, phong cách lao động mới chưa đầy lùi được những thói quen của sản xuất nhỏ, của lối kinh doanh cũ. Kỷ luật và pháp luật bị buông lỏng. Quyền làm chủ của nhân dân lao động ở nhiều nơi bị vi phạm.

Những khó khăn trên đây trước hết do tình trạng yếu kém của nền kinh tế nước ta, mà sản xuất nhỏ còn phổ biến, lại bị tàn phá nặng nề bởi mấy cuộc chiến tranh liên tiếp và bị tổn thất lớn vì thiên tai dồn dập. Năm năm qua, chúng ta đã tiến hành chiến tranh giữ nước ngót ba năm, đã động viên một phần quan trọng sức người, sức của vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, khiến cho nhiều chỉ tiêu của kế hoạch 1976 - 1980 không thể triển khai thực hiện một cách bình thường. Kế hoạch lại luôn luôn tìm mọi cách phá hoại chúng ta về mọi mặt.

Song, những khuyết điểm và sai sót của các cơ quan Đảng và Nhà nước về quản lý kinh tế, quản lý xã hội đã làm cho một số khó khăn kéo dài, một số mặt mất cân đối có nơi, có lúc nặng nề thêm. Do chưa quán triệt đầy đủ đường lối của Đảng và chưa nắm chắc tình hình thực tế nên đã có khuyết điểm trong việc tổ chức thực hiện. Nổi lên là những khuyết điểm trong kế hoạch hóa kinh tế và bố trí đầu tư, trong chế độ quản lý kinh tế, trong đấu tranh chống tiêu cực. Kế hoạch kinh tế chưa thật sự là cương lĩnh thứ hai của Đảng; cơ cấu đầu tư và bố trí sản xuất của nhiều ngành chưa hợp lý. Trong quản lý kinh tế, chậm xóa bỏ chế độ hành chính quan liêu bao cấp, chậm khắc phục tư tưởng ỷ lại, dè dặt chuyển sang chế độ quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Các biện pháp kinh tế trong quản lý bị xem nhẹ, lại không kết hợp chặt chẽ



với biện pháp hành chính, biện pháp tư tưởng, điều đó khiến cho những hiện tượng tiêu cực trong kinh tế và đời sống xã hội chậm được khắc phục.

Chúng ta nghiêm khắc vạch ra những khuyết điểm, sai lầm để có phương hướng sửa chữa đúng đắn. Song, để đánh giá chính xác, cần phải đặt tình hình kinh tế gắn liền với cục diện chung của cách mạng nước ta trong năm năm qua. Bọn bành trướng Bắc-kinh muốn làm cho chúng ta suy sụp, nhưng chúng ta đã vượt qua những thử thách nghiêm trọng và đứng vững. Chúng ta đã đập tan đòn phản kích nguy hiểm của kẻ thù. Chúng ta đã phấn đấu vượt bậc và không hề xảy ra nạn đói. Chẳng những thế, đời sống của nhân dân ở nhiều vùng nông thôn đã có sự cải thiện đáng kể. Chúng ta đã tăng cường được một bước năng lực sản xuất của các ngành kinh tế. Chúng ta đã tạo ra lực lượng mới về mọi mặt để vững bước tiến lên. Năm năm qua là một thời kỳ thắng lợi rất to lớn. Nhân dân ta đã viết thêm một chương oanh liệt trong bản anh hùng ca chiến đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc, đã đưa cách mạng Việt-nam phát triển lên một thể chiến lược mới, vững chắc hơn bất cứ thời kỳ nào trong lịch sử. Chưa bao giờ nhân dân ta có khả năng dồi dào như ngày nay để bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Những thành tựu đã đạt được bắt nguồn từ sự lãnh đạo vững vàng của Đảng cộng sản Việt-nam, một đảng trung thành vô hạn với Tổ quốc và dân tộc, với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Thể hiện lòng tin cậy và sự tin nhiệm của nhân dân đối với Đảng. Hiện pháp mới khẳng định Đảng là lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo xã hội, là nhân tố chủ yếu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt-nam. Trong nghị quyết Đại hội

toàn quốc lần thứ tư, Đảng đã vạch ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối kinh tế đúng đắn. Thực tiễn cách mạng năm năm qua, chứng tỏ Đảng đã nắm bắt kịp những diễn biến phức tạp của tình hình, đề ra những chủ trương chiến lược kiên quyết và sáng suốt, quyết định hướng đi đúng đắn của cách mạng ở những thời điểm nghiêm trọng và khẩn trương.

Những thành tựu đã đạt được, một lần nữa, chứng tỏ phẩm chất anh hùng và năng lực sáng tạo của nhân dân và quân đội ta trong chiến đấu cũng như trong xây dựng Quốc hội chúng ta nhiệt liệt biểu dương đồng bào cả nước từ bắc đến nam, đồng bào các dân tộc ít người thuộc các tỉnh ở hai đầu biên giới, cùng toàn thể cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang và công an nhân dân, đã đoàn kết một lòng, chiến đấu anh dũng, lập công xuất sắc trong hai cuộc chiến tranh giữ nước, bảo vệ vững chắc vùng đất, vùng trời, vùng biển và các hải đảo của Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Quốc hội chúng ta nhiệt liệt biểu dương tập thể giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và anh chị em trí thức, những nhà khoa học, những cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật đã cố gắng bền bỉ, khắc phục khó khăn, phát huy sáng kiến, thu được những thành tích quan trọng trong việc khôi phục và phát triển sản xuất, bảo đảm những nhu cầu tối thiểu về vật chất và văn hóa của đời sống nhân dân.

Nhân dịp này, chúng ta bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc của nhân dân ta đối với Liên-xô, người đồng chí, người anh em tin cậy đã kịp thời dành cho nhân dân ta sự giúp đỡ toàn diện nhất, to lớn nhất và có hiệu quả nhất. Chúng ta bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc đối với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em, những

người bạn cùng chiến hào đã sát cánh với chúng ta chống kẻ thù chung và hết lòng giúp đỡ nhân dân ta trong quá trình chiến đấu và xây dựng. Chúng ta biết ơn các nước xã hội chủ nghĩa khác đã dành cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta sự giúp đỡ khẳng khái và to lớn. Chúng ta chân thành cảm ơn tất cả bầu bạn trên thế giới đã đem đến cho nhân dân ta sự ủng hộ quốc tế hết sức mạnh mẽ và quý báu.

Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,

Sau thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, đất nước ta đã bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên cả nước hoàn toàn độc lập, thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong hơn nửa thế kỷ đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã dành 45 năm vào nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Năm năm qua và từ nay về sau, nhiệm vụ lịch sử của cả nước ta là ra sức phấn đấu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đưa đất nước từng bước tiến lên trên con đường tiến bộ, văn minh.

Sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của chúng ta đang vấp phải chính sách thù địch của chủ nghĩa bành trướng và bá quyền Trung-quốc. Hiện nay, Bắc-kinh được các thế lực hiếu chiến Mỹ phụ họa và tiếp tay, đang tiến hành một kiểu chiến tranh phá hoại toàn diện chống Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia. Chúng gây sức ép, khiêu khích, lấn chiếm bằng quân sự. Chúng dùng chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp để chia rẽ dân tộc, phá rối an ninh. Chúng thi hành chính sách bao vây kinh tế, đồng thời tiến hành phá hoại sản xuất, gây rối thị trường. Chúng tìm đủ cách vu khống và nói xấu nước ta trên trường quốc tế. Chúng tập hợp những tên phản bội và bọn tay sai ở mỗi nước, và lôi kéo bọn phản động quốc tế để chống phá cách mạng ba nước Đông-dương.

Ngày càng trượt dài trên con

đường phản cách mạng, nhà cầm quyền Bắc-kinh vẫn ngoan cố theo đuổi âm mưu làm suy yếu nước ta cũng như hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em, chuẩn bị tiến hành chiến tranh xâm lược quy mô lớn nhằm thôn tính cả vùng này. Đất nước ta, vì vậy, vẫn ở trong tình thế vừa có hòa bình, vừa có thể xảy ra chiến tranh.

Chúng ta kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình và tranh thủ thời gian để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Song, lúc nào chúng ta cũng phải sẵn sàng đến mức cao nhất để bảo vệ Tổ quốc. Độc lập, tự do vẫn là sự nghiệp hàng đầu của nhân dân ta, là một động lực cơ bản và mạnh mẽ của công cuộc cách mạng của nước ta.

Trong một thời gian lịch sử lâu dài, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải tiếp tục tiến hành đồng thời **hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, quyết làm thất bại mọi âm mưu và hành động xâm lược của chủ nghĩa bành trướng, bá quyền Trung-quốc và các thế lực phản động quốc tế, góp phần vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới.**

Với tinh thần cảnh giác thường xuyên đối với bọn phản động Bắc-kinh và các thế lực đế quốc hiếu chiến, chúng ta phải động viên những cố gắng mọi mặt của nhân dân và các lực lượng vũ trang, đồng thời sử dụng tốt nhất sự giúp đỡ của Liên-xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, để bảo đảm cho đất nước luôn luôn có đủ sức mạnh đánh thắng kẻ thù trong bất cứ tình huống nào và trong bất kỳ loại chiến tranh nào do chúng gây ra.

Phải tiếp tục xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân đủ sức làm trụ cột cho nền quốc phòng toàn dân, làm nòng cốt trong chiến tranh nhân

dân bảo vệ Tổ quốc. Quân đội nhân dân phải tăng cường rèn luyện thành đội quân cách mạng hùng mạnh, có ý chí quyết thắng không gì lay chuyển được, có trình độ chính quy hiện đại ngày càng cao, đồng thời phải tham gia lao động sản xuất, xây dựng kinh tế bằng những phương thức thích hợp.

Về xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta khẳng định tiếp tục thực hiện đường lối chung và đường lối kinh tế do Đại hội lần thứ tư của Đảng đề ra mà nội dung cơ bản là: nắm vững chuyên chính vô sản, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, xây dựng chế độ làm chủ tập thể về mọi mặt, tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, tạo lập nền sản xuất lớn có cơ cấu công-nông nghiệp hiện đại, kết hợp kinh tế trung ương và kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp kinh tế với quốc phòng. Đường lối đó có giá trị cho cả thời kỳ quá độ đưa nước ta từ một nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội.

Quán triệt đường lối đó và xuất phát từ thực trạng kinh tế hiện nay, cần thiết phải vạch ra một chương trình kinh tế-xã hội cho những năm 80 nhằm những mục tiêu sau đây:

1 - Ổn định và tiến lên cải thiện một bước rõ rệt đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, trước hết giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, đáp ứng nhu cầu thiết yếu về mặc cho toàn xã hội.

2 - Khắc phục những mất cân đối nghiêm trọng nhất, tạo nguồn tích lũy đáng kể từ nội bộ nền kinh tế quốc dân, xây dựng có trọng điểm cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

3 - Đáp ứng đầy đủ nhu cầu của công cuộc phòng thủ đất nước và giữ gìn an ninh của nước nhà.

Tình hình hiện nay chứng tỏ rằng tình trạng chậm phát triển của nông nghiệp về sản xuất lương thực, thực

phẩm và cây công nghiệp, về sử dụng lao động và đất đai là trở ngại chính đối với việc thực hiện ba mục tiêu nói trên; đồng thời khả năng phát triển lớn nhất của kinh tế nước ta hiện nay cũng chính là trong nông nghiệp. Do vậy, trong những năm 80, mặt trận hàng đầu của kinh tế là đẩy mạnh nông nghiệp thực hiện một bước quan trọng việc đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý. Phải tập trung vốn đầu tư, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, cải tiến công tác quản lý của Nhà nước để phân bố và sử dụng hầu hết các nguồn lao động trong phạm vi cả nước, sử dụng đến mức cao nhất hàng chục triệu héc ta đất ruộng, đất rừng và mặt nước, ứng dụng rộng rãi khoa học và kỹ thuật, bảo đảm cho nông nghiệp và cả lâm nghiệp, ngư nghiệp, làm tròn ba nhiệm vụ cơ bản: đáp ứng đủ nhu cầu của xã hội về lương thực, thực phẩm, cung ứng nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ, và sản xuất được một khối lượng hàng hóa dồi dào cho xuất khẩu, tạo cơ sở vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà. Tất cả các ngành kinh tế, nhất là công nghiệp, kể cả công nghiệp nặng, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản phải lấy việc phát triển nông nghiệp làm đối tượng phục vụ trước hết của mình. Để phát triển nông nghiệp và cả lâm nghiệp, ngư nghiệp theo hướng sản xuất lớn, phải lấy huyện làm địa bàn tổ chức sản xuất và phân công lao động sử dụng hợp lý đất đai và mở mang ngành nghề, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân và xây dựng nông thôn mới.

Để đạt được những mục tiêu và phương hướng nói trên, trong **những năm trước mắt**, phải nắm vững và thực hiện tốt những nhiệm vụ lớn như sau:

1 - Tập trung cao độ lực lượng của các ngành, các cấp vào mặt

trận hàng đầu là nông nghiệp, giải quyết một cách ổn định yêu cầu tối thiểu về lương thực, thực phẩm cho xã hội; và ra sức phát triển hàng tiêu dùng. Bằng các biện pháp đồng bộ về tổ chức sản xuất, về cải tiến quản lý và ứng dụng khoa học kỹ thuật, khai thác tốt hơn nữa những thuận lợi của nông nghiệp nhiệt đới, những khả năng to lớn về tăng vụ và thâm canh, về khai hoang, phục hóa, để tăng nhanh sản lượng lúa và hoa màu, hình thành các vùng cây công nghiệp tập trung và đẩy mạnh chăn nuôi. Đi đôi với phát triển nông nghiệp, chú ý phát triển nghề rừng, nghề cá.

Coi trọng phát triển công nghiệp nhẹ để sản xuất hàng tiêu dùng bằng nguyên liệu trong nước và thông qua biện pháp xuất nhập để tạo thêm nguyên liệu, nhằm đáp ứng những nhu cầu thiết yếu nhất của nhân dân về mặc, học hành, chữa bệnh, đồ dùng trong nhà và phương tiện đi lại thông thường.

Bằng công sức của cả Nhà nước và nhân dân, cải thiện một bước điều kiện ở, nhất là tại thủ đô và các thành phố lớn.

2 - Cố gắng vượt bậc tăng nhanh xuất khẩu để nhập khẩu, góp phần khắc phục từng bước những mất cân đối hiện nay, đồng thời bảo đảm thiết bị và vật tư kỹ thuật cho nhu cầu ngày càng tăng của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Phấn đấu mở rộng xuất khẩu nông sản, lâm sản, hải sản, khoáng sản và các mặt hàng gia công, nâng cao chất lượng và tạo những hàng chủ lực có giá trị cao. Đặc biệt làm tốt việc xuất khẩu sang các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế theo những hiệp định đã ký kết, thu hẹp dần chênh lệch giữa xuất khẩu và nhập khẩu, tiến tới cân bằng xuất nhập. Tất cả các ngành, các địa phương và cơ sở có nghĩa

vụ thực hiện chủ trương chiến lược quan trọng này

3 - Xây dựng có trọng điểm một số cơ sở mới và sử dụng tốt những cơ sở đã có của công nghiệp nặng và giao thông vận tải, nhằm thúc đẩy nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và xuất khẩu, chuẩn bị cho bước phát triển mạnh mẽ về sau của nền kinh tế quốc dân. Ra sức phát triển điện, than, thăm dò dầu khí; sản xuất thêm phân hóa học và những nguyên liệu, vật liệu cần thiết và có điều kiện, khắc phục dần tình trạng mất cân đối về các mặt này. Sắp xếp lại lực lượng cơ khí theo quy hoạch và tăng đầu tư, nhất là đầu tư chiều sâu để bảo đảm được nhu cầu sửa chữa, chế tạo phụ tùng và công cụ thông dụng; đồng thời nâng cao năng lực cơ khí để đáp ứng từng bước nhu cầu trang bị kỹ thuật mới của các ngành kinh tế.

Cải tiến tổ chức và quản lý vận tải, đầu tư thích đáng để tăng thêm phương tiện và mở rộng các hệ thống giao thông. Kết hợp vận tải cơ giới với vận tải thô sơ, hết sức chú trọng vận tải thủy; tăng nhanh năng lực bốc dỡ và rút hàng ở các cảng và các ga.

4 - Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Kết hợp chặt chẽ cải tạo với tổ chức lại sản xuất và phát triển sản xuất. Cũng cố các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất trong cả nước. Ở miền Nam, xây dựng tập đoàn sản xuất và hợp tác xã gắn liền với điều chỉnh ruộng đất. Nơi chưa xây dựng tập đoàn sản xuất hoặc hợp tác xã, vẫn phải điều chỉnh ruộng đất, làm cho mọi người nông dân đều có ruộng cày. Cải tiến các chính sách và hình thức khoán, khuyến khích nông dân thâm canh, tăng năng suất trồng trọt và chăn nuôi, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ

thuật, làm ra nhiều sản phẩm. Tiếp tục cải tạo công thương nghiệp tư doanh. Sử dụng tốt các thành phần kinh tế, củng cố và tăng cường thành phần quốc doanh và kinh tế xã hội chủ nghĩa trong mọi lĩnh vực.

5 - Phát huy vai trò quan trọng của khoa học và kỹ thuật, khai thác các khả năng sẵn có và tiềm năng của nền kinh tế.

Khuyến khích các ngành và cơ sở kinh tế áp dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo nguyên liệu và vật liệu thay thế, làm ra sản phẩm mới. Tổ chức và đẩy mạnh phong trào quần chúng phát huy sáng kiến hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật. Từng ngành phân đấu năm vững khoa học, kỹ thuật của ngành mình, tổng kết và nâng cao kinh nghiệm trong sản xuất và quản lý, đưa các cơ sở đi vào sản xuất có định mức kinh tế - kỹ thuật ngày càng tiến bộ. Ban hành chính sách cụ thể nhằm động viên các nhà khoa học vào việc giải quyết các nhiệm vụ thiết thực và cấp bách của nền kinh tế. Đầu tư thích đáng vào việc nghiên cứu ứng dụng và triển khai khoa học, kỹ thuật.

6 - Cải tiến quản lý kinh tế và phân phối, lưu thông. Tổ chức lại nền sản xuất xã hội, khắc phục tình trạng phân tán, rời rạc của sản xuất nhỏ, hình thành các ngành kinh tế kỹ thuật, ra sức phát triển kinh tế địa phương, đi đôi với xây dựng kinh tế trung ương, theo một cơ cấu hợp lý, chú trọng đặc biệt xây dựng huyện. Kiên quyết loại bỏ chế độ quản lý hành chính quan liêu bao cấp; chuyển mạnh sang phương thức quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thể hiện làm chủ tập thể trên ba cấp cơ bản (1), bảo đảm sự nhất trí giữa ba lợi ích (2), khuyến khích đúng mức người lao động. Coi trọng hiệu quả kinh tế, năng suất lao động, chất lượng sản phẩm

đi đôi với triệt để thực hành tiết kiệm. Phần đầu giảm từ 10 đến 15% chi phí trong mọi hoạt động, nhất là tiết kiệm lương thực, xăng dầu, điện, than, nguyên liệu, vật liệu... coi đó là một chính sách lớn của Nhà nước.

Cải tiến mạnh mẽ công tác kế hoạch hóa, thể hiện đúng đường lối kinh tế của Đảng, phát huy được mọi khả năng, đáp ứng được những nhu cầu hợp lý. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, xây dựng chế độ kế hoạch hóa ba cấp, chú trọng kế hoạch của cơ sở và huyện. Trong kế hoạch hóa, cần vận dụng các quan hệ hàng hóa - tiền tệ, thực hiện hạch toán kinh tế. Đi đôi với kế hoạch hóa, cần sử dụng và quản lý tốt thị trường ngoài kế hoạch. Trong toàn bộ công tác quản lý, cần phát huy tác dụng của các đòn bẩy kinh tế. Kiện toàn cơ cấu tổ chức quản lý, cải tiến công tác cán bộ, sửa đổi và hoàn thiện phương pháp công tác.

Chấn chỉnh thương nghiệp, cải tiến tài chính, ngân hàng, giá cả, tiền lương nhằm thúc đẩy sản xuất, phân phối hợp lý thu nhập quốc dân, ổn định và cải thiện từng bước đời sống của người lao động. Thiết lập trật tự trong phân phối, lưu thông trên cơ sở mới, bảo đảm cho Nhà nước tập trung được vật tư và hàng hóa chủ yếu vào tay mình và nắm vững tiền tệ. Mở rộng thị trường có tổ chức, hướng dẫn và kiểm soát thị trường tự do, loại trừ đầu cơ, buôn lậu và khắc phục các hiện tượng tiêu cực khác.

7 - Đẩy mạnh hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội, làm tốt hơn nữa việc xây dựng con người mới, gia đình văn hóa mới. Giữ vững và phát triển sự nghiệp giáo dục sát với tình hình từng miền; tích cực

(1) Ba cấp cơ bản là : cả nước, địa phương và cơ sở.

(2) Ba lợi ích là : lợi ích toàn xã hội, lợi ích của tập thể, lợi ích của từng người lao động.

thực hiện cải cách giáo dục. Đào tạo cán bộ và công nhân lành nghề theo quy mô và cơ cấu hợp lý, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế. Sử dụng tốt cán bộ khoa học kỹ thuật, đào tạo thêm nhiều cán bộ quản lý kinh tế. Phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật, thể dục, thể thao; tiếp tục đấu tranh quét sạch văn hóa phản động, đồi trụy. Tăng cường công tác phòng bệnh, phòng dịch, vệ sinh môi trường. Khai thác được liệu trong nước, bảo đảm sản xuất đủ thuốc chữa bệnh thông thường. Dẩy mạnh vận động sinh đẻ có kế hoạch. Chăm sóc chu đáo bà mẹ, trẻ em; làm tốt công tác thương binh, xã hội.

Trong lĩnh vực kinh tế, mối quan tâm lớn nhất của Đảng và Nhà nước ta là đẩy mạnh sản xuất, ổn định và cải thiện từng bước đời sống nhân dân. Nghị quyết các hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng, nhất là nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu và lần thứ chín, cũng như nghị quyết của Bộ chính trị về cải tiến phân phối, lưu thông đã được đề ra nhằm phát huy những nhân tố mới tích cực trong phong trào quần chúng và sửa chữa những khuyết điểm về quản lý kinh tế. Cuộc đấu tranh để thực hiện các nghị quyết đó, đặc biệt là việc cải tiến các hình thức khoán trong nông nghiệp và công nghiệp, đã làm đẩy lên khí thế lao động sản xuất sôi nổi đưa lại những thành quả bước đầu đầy hứa hẹn.

Năm nay, trong điều kiện thời tiết bình thường, cả nước đã đạt một vụ lương thực đông xuân thắng lợi; sản lượng lương thực tăng 22 vạn tấn so với đông xuân 1980. Các hợp tác xã áp dụng đúng hình thức khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động đều đạt kết quả tốt: năng suất và sản lượng lúa tăng lên đáng kể, thu nhập của xã viên khá hơn hẳn, nghĩa vụ đối với Nhà nước thực hiện nhanh gọn, hợp tác xã thật sự

được củng cố một bước. Trong công nghiệp, mặc dù điều kiện về năng lượng và nguyên liệu rất khó khăn, một số xí nghiệp bước đầu khắc phục được chế độ hành chính quan liêu bao cấp, đã tỏ ra linh hoạt trong sản xuất, kinh doanh, phát huy được nhiều sáng kiến, hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước, thu nhiều lãi cho ngân sách, cải thiện đời sống cho công nhân đúng nguyên tắc phân phối theo lao động.

Việc phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống đạt kết quả nhiều hay ít, nhanh hay chậm, một phần quan trọng tùy thuộc vào tinh thần chủ động, tự giác, ý thức kỷ luật và sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể nhân dân ta. Trên đà thuận lợi đã được tạo ra, các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở hãy ra sức phấn đấu khắc phục khó khăn, thực hiện bằng được yêu cầu của đất nước: với phương tiện, vật tư kỹ thuật bằng hoặc ít hơn trước, phải sản xuất tốt hơn trước, làm ra nhiều của cải hơn trước cho xã hội. Mỗi người lao động hãy tích cực vươn lên làm người chiến sĩ dũng cảm và tài năng, người chủ chuyên cần và sáng suốt trên mặt trận sản xuất và phân phối. Chỉ có như thế mới thực hiện được một chuyển biến quan trọng của nền kinh tế quốc dân, vượt qua được những khó khăn hiện nay, đáp ứng được những yêu cầu trước mắt, đồng thời góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,

Năm năm qua, sau thất bại của đế quốc Mỹ ở Việt-nam, ba dòng thác cách mạng của thời đại lớn mạnh vượt bậc, kết thành một sức mạnh tổng hợp vĩ đại làm thay đổi nhanh chóng cục diện của thế giới. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ

nghĩa xã hội không ngừng phát triển và giành được nhiều thắng lợi mới rất to lớn. »

Hòng tìm lối thoát cho khủng hoảng kinh tế và giành lại ưu thế đã mất, các thế lực hiếu chiến Mỹ ráo riết tập hợp lại lực lượng để phản kích các đồng thác cách mạng, chia mũi nhọn chủ yếu vào Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Trong âm mưu này, đế quốc Mỹ tìm được một đồng minh mới là chủ nghĩa bành trướng và bá quyền Bắc-kinh. Sự câu kết giữa bọn phản động Trung-quốc với đế quốc Mỹ là đặc điểm nổi bật của tình hình quốc tế hiện nay, đồng thời là nguy cơ đe dọa hòa bình và ổn định trên thế giới, trước hết là ở Đông Nam châu Á và châu Á.

Nguyên nhân cơ bản gây tình hình căng thẳng trên thế giới hiện nay là chính sách hiếu chiến và xâm lược của đế quốc Mỹ, kẻ đứng đầu các giới đế quốc quân phiệt và phản động quốc tế. Đế quốc Mỹ đang ráo riết tăng cường quân sự, đẩy mạnh chạy đua vũ trang với quy mô chưa từng có, đưa tên lửa hạt nhân tầm trung bình vào châu Âu, gây không khí chiến tranh lạnh và phá hoại hòa dịu quốc tế. Chúng đang cùng các thế lực đế quốc và phản động khác can thiệp vào công việc nội bộ của Ba-lan, hòng tách Ba-lan ra khỏi hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.

Đặc biệt nghiêm trọng là chính quyền Mỹ đang xúc tiến câu kết về quân sự với bọn phản động Bắc-kinh và đang ra sức « chơi con bài Trung-quốc ». Chúng tăng cường vũ trang cho các chế độ độc tài phản động ở Tây Nam Á, ở Trung Mỹ, ra sức tiếp tay cho I-xra-en ở Trung Đông, cho bọn phân biệt chủng tộc ở Nam Phi v.v. chống lại phong trào giải phóng dân tộc, đe dọa nền độc lập của nhiều nước không liên kết.

Nhân dân ta nghiêm khắc lên án những âm mưu và hành động hiếu

chiến đó của các thế lực đế quốc và phản động quốc tế. Chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh và hoàn toàn ủng hộ cương lĩnh hòa bình rất quan trọng của Liên-xô do đồng chí L.I. Brê-giơ-nép trình bày tại Đại hội lần thứ 26 Đảng cộng sản Liên-xô và những đề nghị hòa bình mới đây của Liên-xô về khu vực vịnh Péc-xích và vùng Địa-trung-hải, nhằm làm lạnh mạnh bầu không khí quốc tế và củng cố lòng tin giữa các nước.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và toàn thể nhân dân Việt-nam nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi của xô-viết tối cao Liên-xô do đồng chí L.I. Brê-giơ-nép đưa ra nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 Ngày nhân dân xô-viết bắt đầu cuộc chiến tranh vệ quốc chống phát xít Hít-le. Đây là lời kêu gọi cao cả của một dân tộc, một đất nước đã hy sinh nhiều nhất và cống hiến to lớn nhất vì cuộc sống hòa bình của toàn nhân loại. Chúng ta tin chắc lời kêu gọi khẩn thiết này sẽ được các dân tộc trên thế giới hoan nghênh nhiệt liệt và sẽ vang dội sâu xa trong trái tim của hàng trăm triệu người trên quả đất.

Hòa bình là điều kiện thiết yếu nhất cho sự tồn tại của loài người, và là thành quả chung của cuộc đấu tranh của nhân dân các nước. Bảo vệ hòa bình là nhiệm vụ chính trị hàng đầu của tất cả các dân tộc. Mọi người có lương tri trên thế giới đều nhận thức sâu sắc rằng những thành quả của hòa bình và hòa dịu quốc tế phải được bảo vệ. Âm mưu đen tối và phiêu lưu của các giới đế quốc hiếu chiến và bọn phản động phải bị ngăn chặn lại. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và nhân dân Việt-nam quyết ra sức phấn đấu vì hòa bình, an ninh và hợp tác quốc tế.

Đảng và Nhà nước ta khẳng định tiếp tục thi hành chính sách đối ngoại do Đại hội lần thứ tư của Đảng vạch

ra, một chính sách có tính nguyên tắc, đã được khảo nghiệm trong thực tế và được chứng minh là đúng đắn.

Chúng ta làm hết sức mình tăng cường hợp tác toàn diện với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Chúng ta coi sự hợp tác toàn diện với Liên-xô, theo Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt-nam - Liên-xô, là hòn đá tảng của đường lối quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta là một vấn đề nguyên tắc xuất phát từ bản chất cách mạng của hai Đảng Mác - Lê-nin và hai Nhà nước xã hội chủ nghĩa cùng chung lý tưởng. Đó là một chiến lược cơ bản, lâu dài bảo đảm cho thắng lợi của công cuộc bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, cho việc củng cố vị trí của chủ nghĩa xã hội trên bán đảo Đông-dương.

Củng cố và tăng cường quan hệ đặc biệt giữa nước ta với nước Lào và nước Cam-pu-chia anh em, là vấn đề sống còn đối với vận mệnh của cả ba nước, là bảo đảm vững chắc cho việc giữ gìn độc lập và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước, đồng thời là nhân tố quan trọng đối với hòa bình và ổn định ở Đông Nam châu Á. Trên tinh thần tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau, bình đẳng và tin cậy lẫn nhau, chúng ta hết lòng hết sức làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với hai nước anh em; đồng thời cùng hai nước hợp tác chặt chẽ trên tất cả các lĩnh vực để phục vụ ngày càng có hiệu quả công cuộc xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng của mỗi nước.

Chúng ta bày tỏ sự ủng hộ chân thành đối với cuộc đấu tranh của Đảng công nhân thống nhất Ba-lan, của những người cộng sản và nhân dân Ba-lan chống lại các thế lực phản

động nhằm đập tan kế hoạch phân cách mạng của chúng, bảo vệ thành quả cách mạng và những lợi ích sống còn của nước Ba-lan xã hội chủ nghĩa. Chúng ta khẳng định tình đoàn kết mạnh mẽ với những người cộng sản và nhân dân Ba-lan anh em. Chúng ta tin chắc rằng những người cộng sản và nhân dân Ba-lan, được sự giúp đỡ của Liên-xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, sẽ giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh khó khăn và phức tạp này.

Chúng ta kiên quyết ủng hộ nhân dân Áp-ga-ni-xtan anh em, với sự giúp đỡ của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, đang đấu tranh bảo vệ những thành quả của Cách mạng Tháng Tư. Chúng ta ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân a-rập Pa-le-xtin dưới sự lãnh đạo của Tổ chức giải phóng Pa-le-xtin PLO, chống chủ nghĩa bành trướng I-xra-en, nhằm giành những quyền dân tộc cơ bản, kể cả việc thành lập một Nhà nước riêng của mình.

Nhân dân ta nghiêm khắc lên án những cuộc tiến công khiêu khích của bọn bành trướng I-xra-en chống Xy-ri và nhân dân Li-băng, kịch liệt lên án việc I-xra-en ném bom lò phản ứng hạt nhân của Cộng hòa I-rắc, xem đó là một hành động xâm lược trắng trợn đang gây nên tình hình hết sức nguy hiểm ở Trung Đông.

Nhân dân ta đánh giá cao vai trò của Ấn-độ và nhiệt liệt ủng hộ những đề nghị của Ấn-độ và các nước không liên kết khác nhằm làm dịu tình hình quốc tế, góp phần gìn giữ hòa bình và ổn định ở châu Á và trên thế giới.

Chúng ta luôn luôn đứng bên cạnh nhân dân các nước Cu-ba, Ni-ca-ra-goa, Grê-na-da đang đấu tranh chống sự đe dọa xâm lược của đế quốc Mỹ. Chúng ta hoàn toàn ủng hộ cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân En Xau-va-đo đánh đổ chế độ độc tài phát xít

và phản đối sự can thiệp của Mỹ. Nhân dân ta bày tỏ sự đồng tình và ủng hộ nhiệt liệt đối với nhân dân Na-mi-bi-a anh em và các dân tộc khác ở miền Nam châu Phi đang chiến đấu vì độc lập dân tộc, chống ách thống trị của bọn phân biệt chủng tộc Nam Phi.

Chúng ta phản đối việc triệu tập cái gọi là "hội nghị quốc tế về Cam-pu-chia" theo sự giật dây của nhà cầm quyền Trung-quốc, được sự đồng lõa của thế lực hiếu chiến Mỹ và bọn phản động quốc tế, nhằm can thiệp vào công việc nội bộ của Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia. Gần đây, ba nước Đông-dương đã nêu ra những đề nghị mới nhằm giải quyết những vấn đề trong quan hệ giữa các nước ASEAN và Đông-dương thông qua đối thoại và thương lượng trực tiếp. Một lần nữa, chúng ta khẳng định rằng đó là những biện pháp đúng đắn, hoàn toàn phù hợp với lợi ích của các nước Đông Nam Á là hòa bình, hữu nghị và hợp tác.

Nhân dân Việt-nam kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu xâm lược, thôn tính của nhà cầm quyền Trung-quốc đối với nước ta. Nhưng chúng ta không chống nhân dân Trung-quốc, chúng ta đoàn kết với những người Hoa sinh sống lâu đời trên đất nước ta, coi họ như công dân Việt-nam. Giữ vững chính sách hữu nghị với nhân dân Trung-quốc, chúng ta mong muốn khôi phục quan hệ bình thường giữa hai nước trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau và giải quyết những vấn đề tranh chấp bằng con đường thương lượng. Song, nhà cầm quyền Bắc-kinh đã khước từ mọi đề nghị thương lượng của chúng ta, và đang làm cho quan hệ giữa hai nước thêm căng thẳng. Phía Trung-quốc phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hậu quả của tình hình đó.

Thư các đồng chí đại biểu Quốc hội,

Đề thực hiện Hiến pháp và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, điều có ý nghĩa quyết định là phải phấn đấu hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Trước mắt, phải thực hiện được trong thực tiễn các hình thức và phương pháp hoạt động thích hợp, có hiệu lực, thể hiện mối quan hệ đúng đắn giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, tạo ra sức mạnh tổng hợp của làm chủ tập thể trên các lĩnh vực và ở tất cả các cấp.

Đảng phải nâng cao hơn nữa chất lượng lãnh đạo của mình, nhất là nâng cao năng lực tổ chức trên mặt trận kinh tế. Phải luôn luôn nắm vững tinh hình sản xuất, đời sống và diễn biến của phong trào quần chúng, kịp thời đề ra và bổ sung các chủ trương, chính sách, tăng cường công tác kiểm tra, sớm phát hiện những nhân tố mới và sửa chữa khuyết điểm.

Đảng phải chăm lo xây dựng Nhà nước, phát huy hiệu lực của bộ máy Nhà nước trong việc quản lý kinh tế, quản lý xã hội, kiên quyết khắc phục tình trạng Đảng bao biện công việc của chính quyền. Nhà nước vững mạnh là biểu hiện sự lãnh đạo có hiệu lực của Đảng cầm quyền và là một bảo đảm cho quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Sự lãnh đạo của Đảng phải được thể hiện bằng hành động của các tổ chức Đảng, của cán bộ, đảng viên gương mẫu chấp hành những chủ trương, chính sách về cải tạo và xây dựng, thực hiện và bảo vệ quyền làm chủ tập thể của nhân dân, giữ gìn kỷ luật lao động, tôn trọng và thi hành pháp luật của Nhà nước. Đảng kiên quyết đấu tranh chống những sự thoái hóa trong hàng ngũ của mình và xử lý nghiêm khắc những cán bộ, đảng viên xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, ăn hối lộ, ức hiếp quần chúng.

Đề phát huy quyền làm chủ tập thể và góp phần dốc lực vào việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể, mỗi người lao động phải nhận thức sâu sắc vai trò và trách nhiệm làm chủ của mình, hiểu rõ và làm tròn nghĩa vụ và quyền lợi công dân đã được Hiến pháp quy định.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân lao động thực hiện quyền làm chủ tập thể chủ yếu bằng Nhà nước, đồng thời thông qua các đoàn thể cách mạng cũng như qua các hình thức tổ chức và phương thức công tác do tự mình sáng tạo ra, phù hợp với những điều kiện khác nhau của các lĩnh vực hoạt động kinh tế và đời sống xã hội. Nhân dân lao động thực hiện quyền làm chủ tập thể ở cả ba cấp, đặc biệt là làm chủ ở cơ sở, nơi thường xuyên diễn ra ba cuộc cách mạng, có tác động trực tiếp đến đời sống và lợi ích của mỗi công dân.

Quyền làm chủ tập thể phải thể hiện trong phong trào thi đua sản xuất và tiết kiệm ở nông thôn cũng như ở thành phố, ở hợp tác xã cũng như trong các xí nghiệp, công trường. Các đoàn thể quần chúng có nhiệm vụ động viên, tổ chức và nuôi dưỡng phong trào cách mạng luôn luôn sôi nổi, liên tục. Các cơ quan Nhà nước phải thực hiện cho được một cơ chế quản lý khuyến khích mạnh mẽ người lao động hăng hái làm việc, vì lợi ích của xã hội, của tập thể và của chính bản thân mình. Về mặt này, những kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến đã cho chúng ta nhiều bài học quý. Các cấp, các ngành phải tổng kết và phổ biến những bài học ấy, đề thúc đẩy phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước ta phải thật sự xứng đáng là công cụ chủ yếu để nhân dân lao động thực hiện quyền làm chủ, phải thật sự là công cụ chủ yếu của chuyên chính vô sản. Phải bảo đảm cho Quốc hội, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất, thật sự phát huy vai trò của

minh trong việc quyết định pháp luật, quyết định những vấn đề lớn của quốc gia, và giám sát sự hoạt động của các cơ quan chính quyền cấp trung ương. Phải bảo đảm cho hội đồng nhân dân các cấp hoạt động thiết thực, góp phần dốc lực vào việc xây dựng địa phương về mọi mặt, đúng với vị trí là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và chính quyền cấp trên. Phải bảo đảm cho đại biểu của các cơ quan dân cử giữ được mối liên hệ đều đặn với cử tri, phản ánh được những ý kiến và nguyện vọng chính đáng của quần chúng.

Kỷ họp thứ nhất của Quốc hội khóa bảy sẽ bầu Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân tối cao, Hội đồng Quốc phòng, Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội, theo đúng những quy định của Hiến pháp. Trong nhiệm kỳ của Quốc hội khóa này, phải kiện toàn tổ chức, cải tiến hoạt động của cơ quan Nhà nước, đặc biệt coi trọng kiện toàn các cơ quan quản lý kinh tế, từ các cơ quan tổng hợp đến các cơ quan quản lý ngành, gắn liền với việc xây dựng cơ cấu kinh tế mới và cơ chế quản lý mới.

Phải làm cho bộ máy quản lý kinh tế gọn nhẹ hơn, năng động hơn, gần với cơ sở, phục vụ cơ sở, giảm bớt các cấp trung gian. Phải định rõ chức năng nhiệm vụ, cung cách hoạt động của các tổ chức sản xuất, kinh doanh và các cơ quan quản lý hành chính kinh tế. Thực hiện phân công, phân cấp rành rẽ giữa trung ương và địa phương, bảo đảm cho bộ máy quản lý kinh tế từ trên xuống dưới hoạt động có nền nếp và hiệu quả. Cùng với việc xóa bỏ chế độ hành chính bao cấp, phải đấu tranh bền bỉ khắc phục bệnh quan liêu, hống hách, thái độ cửa quyền, gây phiền hà cho quần chúng.

Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa là một yêu cầu cấp thiết để nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân, và làm tròn chức năng của chuyên chính vô sản. Điều đó đòi hỏi phải kiên trì xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh từng bước hệ thống pháp luật của Nhà nước ta, nhất là hệ thống pháp luật kinh tế, bảo đảm phục vụ tốt cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cơ bản đã được vạch ra. Chú ý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ pháp lý; kiện toàn và tăng cường các cơ quan chuyên trách về công tác pháp luật; xây dựng nền nếp quản lý xã hội theo pháp luật. Làm tốt việc tuyên truyền, giải thích sâu rộng Hiến pháp và pháp luật trong các tầng lớp nhân dân, xây dựng ý thức và phong cách sống theo pháp luật, tự giác tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh pháp luật.

Đảng và Nhà nước phải có biện pháp cứng rắn hơn trong cuộc đấu tranh chống các hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, nghiêm trị những cán bộ, nhân viên có chức có quyền làm trái pháp luật. Kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, bọn bóc lột không chịu cải tạo, bọn lưu manh, ăn cắp, hối lộ, đầu cơ, buôn lậu. Nhà nước phải giữ vững kỷ cương xã hội, chống mọi sự lợi lòng, phải sử dụng đầy đủ cả quyền lực chính trị và quyền lực kinh tế để ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực, chấm dứt tình trạng pháp chế không nghiêm.

Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,

Hiện nay nhân dân ta đứng trước những nhiệm vụ lịch sử hết sức nặng nề. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa triển khai trong cả nước với biết bao công việc mới mẻ và phức tạp. Bọn bành trướng Bắc-kinh vẫn theo đuổi những âm mưu xâm lược

và thường xuyên phá hoại chúng ta. Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta phải vượt qua nhiều khó khăn, trở ngại.

Song, triển vọng cách mạng nước ta rất sáng sủa và tốt đẹp. Chúng ta đang đi trên con đường đúng. Chúng ta có khả năng dồi dào để phát triển sản xuất, xây dựng kinh tế. Chúng ta có lực lượng hùng hậu để bảo vệ vững chắc Tổ quốc ta. Chúng ta có những đồng minh tin cậy và bầu bạn chí tình. Năm năm qua, chúng ta đã đương đầu với những thử thách cực kỳ nghiêm trọng và giành được những thắng lợi to lớn.

Trong thời gian sắp tới, nhất định chúng ta sẽ phát huy được thuận lợi, khai thác tốt tiềm năng, khắc phục được khó khăn trước mắt, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng Việt-nam vững vàng tiến bước trên con đường độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Không một kẻ thù nào khuất phục nổi chúng ta. Không một khó khăn nào ngăn nổi bước tiến của nhân dân ta.

Khẩu hiệu hành động của chúng ta hiện nay là: «Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân». Đồng bào các dân tộc anh em trong cả nước, công nhân, nông dân, tri thức, thanh niên, phụ nữ và các lực lượng vũ trang nhân dân, hãy một lòng đoàn kết, đem hết tinh thần và lực lượng, bèn bĩ phấn đấu, anh dũng tiến lên! Thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại, Đảng cộng sản Việt-nam quyết một lòng một dạ vì Tổ quốc, vì nhân dân mà hy sinh chiến đấu, xứng đáng với lòng tin cậy của đồng bào cả nước.

Chúng ta tin tưởng rằng Quốc hội khóa bảy sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình, đoàn kết, động viên các tầng lớp nhân dân ta xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới.



**Chủ tịch Hội đồng Nhà nước
TRƯỜNG - CHÍNH**

LỜI PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC TRƯỜNG-CHINH

Thưa Đoàn chủ tịch,

Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,

Thay mặt các đồng chí được bầu vào các cơ quan lãnh đạo của Nhà nước ta và nhân danh cá nhân, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin nhiệm của Quốc hội. Chúng tôi nhận thức sâu sắc rằng, bằng cuộc bầu cử này, các đồng chí đại biểu Quốc hội đã dành cho chúng tôi một vinh dự lớn, đồng thời giao phó cho chúng tôi những trách nhiệm rất nặng nề.

Trước hết, đó là trách nhiệm vận dụng đường lối, chính sách của Đảng cộng sản Việt-nam, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, giữ vững trật tự, an ninh; phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân; tăng cường Nhà nước về mọi mặt, làm cho bộ máy Nhà nước có đủ hiệu lực quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Chúng tôi sẽ cố gắng làm cho Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp hoạt động thiết thực và có hiệu quả, xứng đáng là cơ quan quyền lực Nhà nước ở trung ương và địa phương; các đại biểu do dân cử ra tiếp xúc thường kỳ với cử tri, hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Cùng với Quốc hội, chúng tôi đầy mạnh giám sát việc thi hành Hiến pháp và pháp luật; tiếp tục cụ thể hóa Hiến pháp bằng những luật và pháp lệnh, tăng cường pháp chế xã

hội chủ nghĩa; xây dựng nề nếp quản lý xã hội theo pháp luật, giữ vững kỷ cương của Nhà nước; chống mọi hành động phạm pháp; chống quan liêu, hách dịch, cửa quyền; chống dốt nát, ăn cắp, hối lộ; chống địa phương chủ nghĩa, cục bộ, bản vị...

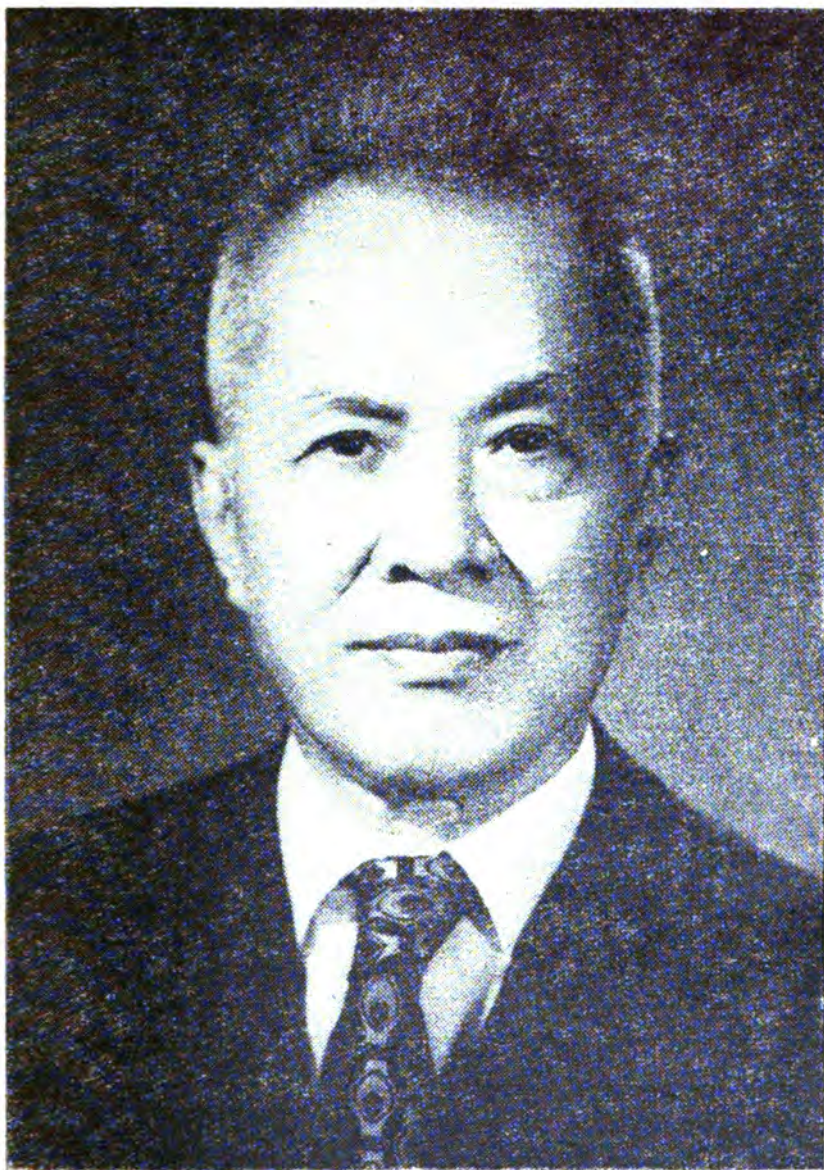
Chúng tôi sẽ ra sức cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân, xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, cải tiến quản lý kinh tế, chấm dứt chế độ hành chính bao cấp, thực hiện kinh doanh xã hội chủ nghĩa, trước mắt làm tốt công tác phân phối, lưu thông, ổn định và cải thiện từng bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ta.

Chúng tôi tin tưởng rằng, với cố gắng của bản thân mình, lại được sự giám sát của Quốc hội và sự cộng tác của tất cả các đồng chí đại biểu, chúng tôi sẽ làm tròn nhiệm vụ, không phụ lòng tin cậy của Quốc hội và của đồng bào cả nước.

Thưa các đồng chí đại biểu,

Cách đây 5 năm, ngày 2-7-1976, cũng tại hội trường Ba-dinh lịch sử này, Quốc hội khóa VI đã quyết định nước ta lấy tên là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Trong 5 năm qua, Nhà nước ta không ngừng được củng cố; nhân dân ta đã giành được những thắng lợi hết sức to lớn trong cuộc chiến đấu chống bọn bành trướng Trung-quốc và bẻ



**Chủ tịch Quốc hội
NGUYỄN-HỮU-THỌ**

lũ Pôn Pốt - lừng Xa-ry tay sai của chúng, bảo vệ Tổ quốc thân yêu, giúp nhân dân Cam-pu-chia trừ họa diệt chủng; ban hành Hiến pháp mới, hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước; bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; tăng cường hữu nghị hợp tác về mọi mặt với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác; tăng cường đoàn kết với Lào và Cam-pu-chia; góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới.

Đúng như lời đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam, đã nói trong bài diễn văn quan trọng mở đầu khóa Quốc hội này: «... nhân dân ta đứng trước những nhiệm vụ lịch sử hết sức nặng nề, sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta phải vượt qua nhiều khó khăn, trở ngại. Song triển vọng cách mạng nước ta rất sáng sủa và tốt đẹp». Chúng ta hoàn toàn có cơ sở đề khẳng định rằng: dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam, với lòng nồng nàn yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, với tinh cảm quốc tế chủ nghĩa sâu sắc, với truyền thống đoàn kết, cần cù, dũng cảm và sáng tạo, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt-nam: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc thân yêu và làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Chúng tôi nguyện hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, hoàn thành những trọng trách mà Quốc hội đã giao phó, cùng toàn dân phấn đấu thực hiện điều mong muốn cuối cùng của Bác Hồ: «Xây dựng một nước Việt-nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới»

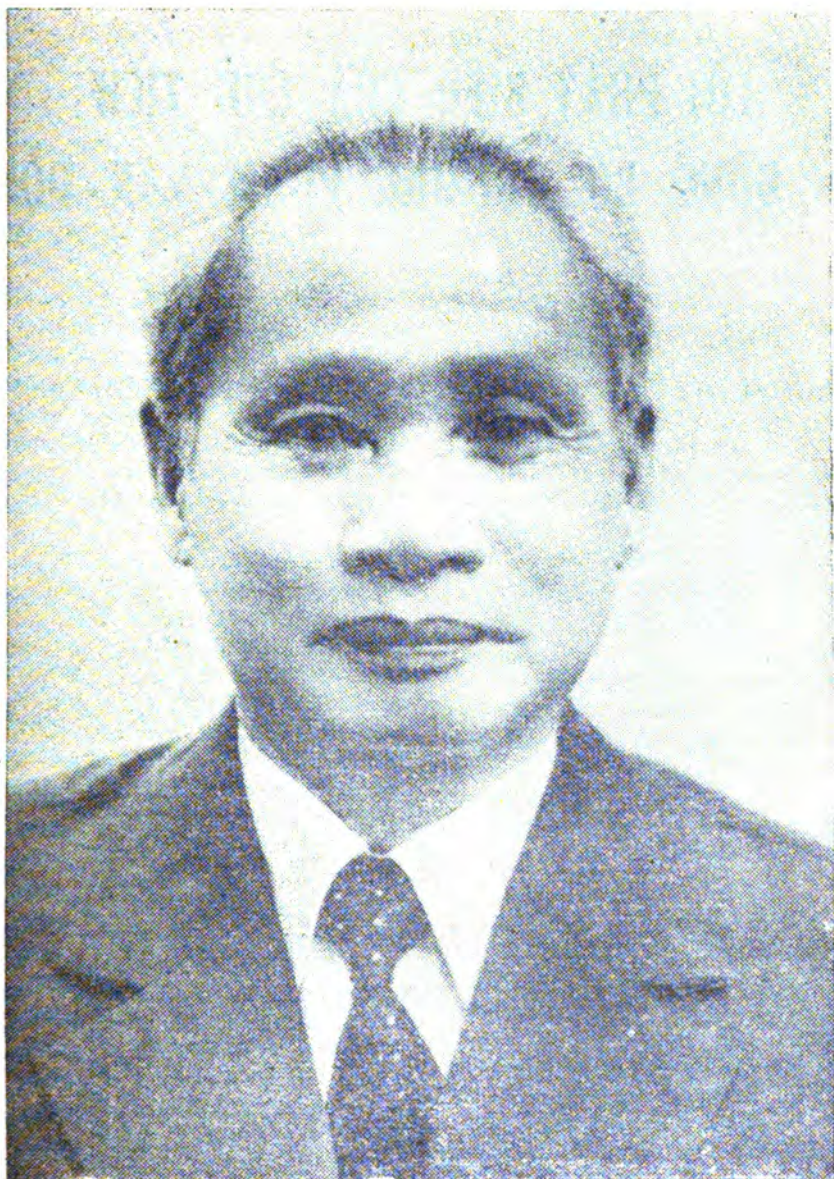
Chúng tôi nguyện ra sức góp phần vào cuộc đấu tranh của các dân tộc và nhân dân toàn thế giới vì những

mục tiêu cao cả của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, vì hòa dịu và an ninh quốc tế. Trên tinh thần đó, chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh và hoàn toàn tán thành lời kêu gọi của Xô viết tối cao Liên-xô ngày 23-6-1981 gửi Quốc hội và nhân dân các nước. Đó là một văn kiện rất quan trọng nói lên chính sách đối ngoại lè-ni-nít của Đảng và Nhà nước Xô viết không ngừng đấu tranh làm dịu tình hình quốc tế và bảo vệ hòa bình thế giới. Đó là một văn kiện phản ánh sâu sắc ý chí của các giới Quốc hội, các vị hoạt động Nhà nước có trách nhiệm và của hàng tỷ người yêu chuộng hòa bình, mong muốn dùng đối thoại thay cho đối đầu trong tình hình quốc tế căng thẳng hiện nay do chính sách chạy đua vũ trang, can thiệp và xâm lược của chủ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế gây ra.

Thưa các đồng chí đại biểu,

Hiện nay, nhân dân ta đang mở một cuộc thi đua xã hội chủ nghĩa lấy thành tích chào mừng Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng. Mong rằng các đồng chí đại biểu, trên cương vị công tác của mình, hãy hăng hái tham gia và vận động các tầng lớp nhân dân tham gia cuộc thi đua đó, nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1981, làm đà cho cao trào thi đua thực hiện Nghị quyết Đại hội sắp tới của Đảng.

Nhờ các đồng chí đại biểu Quốc hội, về các địa phương, chuyển lời thăm hỏi ân cần của chúng tôi đến đồng bào và chiến sĩ cả nước. Chúc các đồng chí đại biểu mạnh khỏe và thu được nhiều thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, công tác, chiến đấu và học tập, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng một nước Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa.



**Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng
PHẠM-VĂN-ĐỒNG**

LỜI PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG PHẠM-VĂN-ĐỒNG

Thưa Đoàn chủ tịch,

Thưa các đồng chí đại biểu Quốc hội,

Thay mặt các đồng chí trong Hội đồng bộ trưởng vừa được Quốc hội bầu, tôi xin bày tỏ với các đồng chí đại biểu Quốc hội lòng biết ơn chân thành và sâu sắc của chúng tôi.

Sự tin nhiệm của các đồng chí là một sự đòi hỏi, một sự mong đợi nghiêm túc và nghiêm khắc, và đó cũng là sự đòi hỏi, sự mong đợi cấp bách và thiết tha của nhân dân nước ta trước tình hình hiện nay của đất nước và dân tộc, trước nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt Nam thân yêu của chúng ta.

Toàn thể Hội đồng bộ trưởng chúng tôi và mỗi một người chúng tôi, với tất cả ý thức trách nhiệm và lương tâm cách mạng của mình, biểu thị ý chí phấn đấu kiên cường và bền bỉ nhằm hoàn thành những chức năng và nhiệm vụ theo tinh thần và lời vắn của Hiến pháp, theo tinh thần và lời vắn của Luật về tổ chức Hội đồng bộ trưởng vừa được Quốc hội thông qua.

Chúng tôi nguyện đem hết nghị lực và tài năng, phát huy những thắng lợi vĩ đại đã giành được, những thuận lợi sẵn có và đang xuất hiện khắp mọi nơi và trong mọi lĩnh vực, nhằm từng bước khắc phục những khó khăn

từ các phía, nhất là khắc phục những chỗ yếu kém của chúng tôi trong toàn bộ công tác quản lý của chúng tôi, chủ yếu trong quản lý nền kinh tế quốc dân và trong đời sống của nhân dân.

Về thuận lợi, cần làm nổi bật thuận lợi to lớn của nước ta trong quan hệ tốt đẹp về mọi mặt với Liên-xô, với hai nước láng giềng Lào và Cam-pu-chia, với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa anh em, trong quan hệ rộng rãi với các nước bạn và nhiều nước khác, vì hòa bình và hữu nghị, vì độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới.

Chúng tôi chăm lo vận dụng một cách sáng tạo và có hiệu quả đường lối của Đảng mà những nét lớn đã được đồng chí Tổng bí thư Lê-Duẩn trình bày trước Quốc hội, đó là những chủ trương chiến lược soi sáng con đường vững chắc tiến lên phát triển nền kinh tế quốc dân hiện nay và trong thời gian tới; chúng tôi chăm lo cổ vũ, động viên và phát huy mọi khả năng về nhiều mặt của các ngành và các địa phương cho đến cơ sở, tạo thành sức mạnh và thế mạnh tổng hợp, đó cũng là sức mạnh và thế mạnh vô cùng to lớn và sẽ được nhân lên gấp bội trong quá trình quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động được thể chế hóa dưới nhiều hình thức ở mọi cấp và trên mọi lĩnh vực. Căn cứ những điều vừa

trình bày trên đây, chúng tôi chăm lo tăng cường năng lực quản lý của Nhà nước, công cụ của chuyển chính vô sản, phấn đấu thực hiện tốt kế hoạch của Nhà nước, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa bằng việc làm thiết thực trong đời sống hằng ngày, chính trị, kinh tế và văn hóa.

Trong toàn bộ công việc của mình, chúng tôi ra sức làm đúng lời di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh kính mến, ra sức làm người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, và có làm người đầy tớ thật trung thành, thì mới trở nên người đầy tớ đặc lực của nhân dân. Đó là điều mong muốn thiết tha và đẹp đẽ nhất của chúng tôi. Mọi người chúng ta đều phải nhận thức một cách sâu sắc rằng dân tộc Việt-nam ta, nhân dân lao động nước ta, con người Việt-nam ta là những người rất giàu nhiệt tình cách mạng, giàu lòng dũng cảm, trí thông minh và tài năng sáng tạo, luôn luôn sẵn sàng phấn đấu quên mình vì Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội; đó là những

người mà lịch sử, lịch sử trước đây cũng như lịch sử gần đây là một bản trường ca anh hùng bất hủ, và ngày nay, với sự lớn mạnh của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, sẽ làm nên những thắng lợi mà chúng ta chưa lường hết được tầm quan trọng.

Nói như vậy tức là xác định một lần nữa trách nhiệm nặng nề và cao đẹp của chúng tôi, đồng thời nói lên niềm phấn khởi và lòng tin tưởng không bờ bến của chúng tôi, của tất cả chúng ta, đối với sự nghiệp vinh quang của dân tộc Việt-nam ta.

Nói như vậy cũng tức là yêu cầu sự giám sát sáng suốt và chặt chẽ của Quốc hội và các đồng chí đại biểu Quốc hội, những người đại diện của nhân dân Việt-nam anh hùng.

«Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân!» Chúng ta hãy vững bước tiến lên!

Một lần nữa, chúng tôi xin cảm ơn sự tin nhiệm của Quốc hội.

Tuyên bố của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam hưởng ứng Lời kêu gọi của Xô viết tối cao Liên-xô ngày 23-6-1981 gửi Quốc hội và nhân dân các nước trên thế giới

V

ới ý thức trách nhiệm sâu sắc đối với sự nghiệp hòa bình của các dân tộc, Quốc hội khóa bảy nước

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, trong phiên họp ngày 4 tháng 7 năm 1981, nhiệt liệt hoan nghênh và hưởng ứng Lời kêu gọi ngày 23 tháng 6 năm 1981 của Xô-viết tối cao Liên-xô gửi Quốc hội và nhân dân các nước trên thế-giới, do Chủ tịch L.I. Brê-giơ-nép đưa ra nhân 40 năm ngày phát xít Hít-le tiến công Liên-xô.

Hoàn toàn nhất trí với những đánh giá về tình hình quốc tế và nhiệm vụ cấp bách bảo vệ hòa bình hiện nay được nêu ra trong Lời kêu gọi cao cả đó, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam cho rằng nguyên nhân cơ bản gây ra tình hình căng thẳng hiện nay trên thế giới là chính sách hiếu chiến và xâm lược của đế quốc Mỹ. Chúng đang ráo riết tăng chi tiêu quân sự, đẩy mạnh cuộc chạy đua vũ trang, xúc tiến kế hoạch triển khai tên lửa hạt nhân tầm trung bình ở Tây Âu, mưu giành ưu thế về

quân sự, làm sống lại bầu không khí chiến tranh lạnh và phá hoại hòa dịu quốc tế. Chúng đang cùng các thế lực đế quốc và phản động khác can thiệp vào công việc nội bộ của Ba-lan, hòng tách Ba-lan khỏi cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Chúng tăng cường vũ trang cho các chế độ phản động ở Tây Nam Á, ở Trung Mỹ, ra sức tiếp tay cho bọn xâm lược I-xra-en ở Trung Đông, cho bọn phản biệt chủng tộc ở Nam Phi, chống lại phong trào giải phóng dân tộc, đe dọa hòa bình, an ninh, độc lập và chủ quyền dân tộc của nhiều nước không liên kết.

Một đặc điểm nổi bật của tình hình quốc tế hiện nay là sự tăng cường cầu kết giữa Hoa-kỳ và bọn phản động Bắc-kinh chống Liên-xô, chống cộng đồng xã hội chủ nghĩa, chống phong trào cách mạng và phong trào hòa bình thế giới. Với sự đồng lõa của đế quốc Mỹ, giới cầm quyền phản động Trung-quốc đang đẩy mạnh chính sách bành trướng và bá quyền, tiếp tục khiêu khích đe dọa xâm lược Việt-nam và Lào, ủng hộ bọn

diệt chủng Pôn Pốt - Iêng Xa-ry, can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của Cam-pu-chia, thúc ép một số nước tham dự cái gọi là "hội nghị quốc tế về Cam-pu-chia", tiếp tục phá hoại sự nghiệp cách mạng chân chính của nhân dân Cam-pu-chia, gây mâu thuẫn giữa các nước ASEAN với các nước Đông-dương, gây tình hình căng thẳng ở Đông Nam Á.

Trong tình hình đó, Xô viết tối cao Liên-xô kêu gọi Quốc hội và nhân dân các nước trên thế giới tích cực hành động vì hòa bình, an ninh và hợp tác quốc tế, đồng thời tuyên bố không đe dọa ai, không giành ưu thế quân sự, không muốn đối đầu với bất cứ một nước nào, sẵn sàng tiến hành ngay các cuộc thương lượng nhằm ngăn chặn cuộc chạy đua vũ trang, thực hiện giải trừ quân bị, duy trì và thúc đẩy hòa dịu. Tiếp theo Cương lĩnh hòa bình được trình bày tại Đại hội lần thứ 26 Đảng cộng sản Liên-xô, Lời kêu gọi của Xô viết tối cao Liên-xô thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của Liên-xô, Nhà nước gồm nhiều dân tộc đã hy sinh nhiều nhất, cống hiến nhiều nhất cho cuộc sống hòa bình của loài người và đang là trụ cột vững chắc của hòa bình và cách mạng thế giới.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam hoàn toàn ủng hộ Lời kêu gọi của Xô viết tối cao Liên-xô và tin tưởng rằng Lời kêu gọi đó sẽ được sự hưởng ứng tích cực của Quốc hội các nước, của các giới cầm quyền có trách nhiệm trên thế giới và sự hoan nghênh nhiệt liệt của cả loài người tiến bộ.

Nhân dân Việt-nam đã chịu đựng nhiều hy sinh trong cuộc đấu tranh lâu dài chống lại những thế lực đế quốc và phản động tàn bạo nhất, vì độc lập, tự do và chủ quyền dân tộc. Vì vậy, nhân dân Việt-nam càng hiểu rõ giá trị của hòa bình và rất thiết tha muốn có hòa bình để xây dựng đất nước. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và toàn thể nhân dân Việt-nam nguyện sát cánh với Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa khác, các nước yêu chuộng hòa bình và cả loài người tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống chính sách hiếu chiến, xâm lược và bành trướng, bá quyền của các thế lực đế quốc và phản động quốc tế, vì một khu vực Đông Nam Á hòa bình, ổn định, hữu nghị và hợp tác, vì nền hòa bình chung bền vững trên hành tinh của chúng ta.

Hà-nội, ngày 4 tháng 7 năm 1981

QUYẾT TÂM GIÀNH THẮNG LỢI TRÊN MẶT TRẬN PHÂN PHỐI LƯU THÔNG

ĐỖ - MUỘI

TÌNH hình kinh tế và đời sống đời
hỏi cấp bách phải có sự chuyển
biến mạnh mẽ và toàn diện trong các
hoạt động phân phối lưu thông. Muốn
tạo sự chuyển biến ấy, cần thực hiện
tích cực các biện pháp và chính sách
trương đối đồng bộ trên tất cả các
lĩnh vực: tài chính, tiền tệ, thương
nghiệp, quản lý thị trường, giá cả,
tiền lương... theo phương hướng và
chủ trương mà nghị quyết 26 của Bộ
chính trị đã vạch ra. Nhiệm vụ quan
trọng nhất là đẩy mạnh sản xuất và
tăng cường nắm nguồn hàng, tạo điều
kiện để ổn định đời sống, ổn định tài
chính, tiền tệ, giá cả, thị trường. Vấn
đề mấu chốt trong phân phối lưu
thông lúc này là vấn đề *giá cả và
tiền lương*.

Giá cả là một phạm trù kinh tế
mang tính tổng hợp cao; nó không
những chịu sự tác động của quy luật
giá trị, mà còn chịu sự tác động của
nhiều quy luật kinh tế khác, và chịu
sự tác động của tình hình kinh tế,
chính trị, xã hội; nó biểu hiện tổng
hợp nhiều mối quan hệ lớn trong nền
kinh tế. Vì vậy, giá cả là một vấn
đề kinh tế phức tạp nhất, có quan hệ

đến các lợi ích của các giai cấp và
các tầng lớp nhân dân trong xã hội;
nó trở nên đặc biệt phức tạp trong
giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ tiến
lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, khi
nền kinh tế còn nhiều thành phần,
cuộc đấu tranh giữa hai con đường
xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa
diễn ra gay gắt.

Trong điều kiện chuyển chính vô
sản, Nhà nước có thể và cần phải sử
dụng giá cả như một công cụ sắc bén,
có hiệu lực để quản lý kinh tế quốc
dân. Do đó, Nhà nước cần có một
chính sách giá cả đúng đắn, thích hợp
với từng giai đoạn cách mạng và
phải thay đổi kịp thời theo yêu cầu
của nhiệm vụ chính trị, kinh tế của
mỗi giai đoạn cách mạng.

Tính đến năm 1964, sau 10 năm
tiên hành cải tạo xã hội chủ nghĩa
và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền
Bắc, Đảng và Nhà nước ta đã xây
dựng được một chính sách giá cả
trương đối hợp lý, đã có tác dụng
kích thích sản xuất phát triển, nắm
nguồn hàng, làm chủ thị trường, ổn
định đời sống nhân dân. Nhưng từ
năm 1965 đến nay, do hoàn cảnh

chiến tranh, chúng ta không có điều kiện ổn định để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống giá cả. Quyết định của chúng ta là trong khi tình hình và nhiệm vụ cách mạng đã có những biến đổi cơ bản từ hòa bình, chuyển sang chiến tranh, rồi từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, đất nước thống nhất, việc điều chỉnh hệ thống giá cả đã không kịp thời. lại "ổn định" một cách cứng nhắc; tuy có điều chỉnh một số giá, nhưng việc điều chỉnh có tính chất chấp vá, bị động, gây ra những bất hợp lý mới. Do đó, hệ thống giá cả hiện nay bộc lộ nhiều mâu thuẫn, nhiều nhược điểm, không còn phù hợp và gây nhiều tác động tiêu cực. Giá cả không còn dựa trên cơ sở giá trị, vì các căn cứ để xác định giá cả hàng hóa đã thay đổi nhiều, chi phí sản xuất và lưu thông biến động, cung và cầu mất cân đối lớn, giá cả trên thị trường thế giới về những mặt hàng nhập khẩu tăng nhanh. Hệ thống giá được điều chỉnh một cách chấp vá làm cho quan hệ tỷ giá giữa giá nông sản và giá hàng công nghiệp trở nên không hợp lý. Giá cả không còn khả năng làm tốt các chức năng tính toán, phân phối và đòn bẩy. Giá cả không hợp lý đã gây trở ngại cho sản xuất và lưu thông hàng hóa tiền tệ, làm cho ngân sách Nhà nước phải bù lỗ ngày càng nhiều. Nó không còn là công cụ sắc bén để thương nghiệp quốc doanh đấu tranh có hiệu lực với thị trường "tự do".

Vì vậy, yêu cầu khách quan của nhiệm vụ xây dựng kinh tế trong giai đoạn mới là phải xây dựng lại hệ thống giá cả mới, khắc phục tình trạng giá cả không bù đắp được chi phí sản xuất, không bảo đảm doanh lợi hợp lý cho đơn vị sản xuất và tích lũy cho Nhà nước; xóa bỏ tình trạng giá thấp giá tạo do chính sách bù lỗ, bù giá thông qua cơ chế tài chính bao cấp đã áp dụng phổ biến từ trước đến nay. Song đây là một

công tác lớn có nhiều khó khăn không thể tiến hành điều chỉnh lảng lớt một cách vội vã.

Chúng ta biết rằng giá cả và tiền lương có quan hệ mật thiết với nhau. Với mức tiền lương danh nghĩa nhất định, nếu giá cả thay đổi thì tiền lương thực tế sẽ thay đổi, mức sống của công nhân viên chức sẽ thay đổi theo. Vì vậy, khi xem xét vấn đề giá cả, đặc biệt là giá bán lẻ hàng tiêu dùng là loại giá có quan hệ trực tiếp với tiền lương, chúng ta không thể không tính tới mối quan hệ giữa giá cả và tiền lương.

Ở nước ta, trong thời gian 1955 - 1965, quan hệ giữa giá cả và tiền lương đã được giải quyết tương đối thỏa đáng, đời sống của công nhân viên chức và các tầng lớp nhân dân được cải thiện một bước, quan hệ về thu nhập giữa công nhân và nông dân đã tương đối hợp lý.

Từ đó đến nay, do chiến tranh và hậu quả chiến tranh, nền kinh tế có nhiều mất mát cân đối, năng suất lao động không những không tăng mà còn giảm sút, chúng ta chưa có điều kiện để cải thiện tiền lương và tăng lương, hệ thống tiền lương xây dựng từ năm 1960 căn bản không thay đổi, tuy tiền lương danh nghĩa có tăng lên một ít. Trước yêu cầu bảo đảm đời sống cho công nhân viên chức, Nhà nước phải giữ giá bán lẻ hàng tiêu dùng, nhất là giá các loại hàng thiết yếu cho đời sống. Do khó khăn về kinh tế, lương hàng Nhà nước cung cấp theo giá ổn định không bảo đảm được mức dùng làm cơ sở để tính tiền lương. Công nhân viên chức phải dùng tiền lương để mua thêm hàng ở thị trường "tự do" với giá cao hơn nhiều so với giá bán lẻ của Nhà nước. Quan hệ tương đối hợp lý được xác lập trước đây giữa giá cả và tiền lương đã bị phá vỡ, đời sống của công nhân viên chức gặp rất nhiều khó khăn.

Hiện nay, vấn đề đặt ra là phải *phấn đấu từng bước xác lập lại mối quan hệ hợp lý giữa giá cả và tiền lương*. Trong tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn, chúng ta phải tiến hành điều chỉnh giá cả, nhưng lại chưa có điều kiện cải tiến hệ thống tiền lương và tăng lương. Vì vậy, đề bảo đảm đời sống, trong công tác giá cả và tiền lương phải có những biện pháp thích hợp, phải tính đến tác động của giá cả đối với tiền lương thực tế, áp dụng mọi biện pháp cần thiết để bảo đảm cho những thay đổi về giá cả không những không làm giảm, mà còn tạo khả năng nâng dần từng bước tiền lương thực tế, góp phần ổn định và cải thiện đời sống của công nhân viên chức.

Thực tế đã cho ta thấy, không thể ổn định được tình hình kinh tế tài chính, thúc đẩy được sản xuất và kinh doanh, đồng thời ổn định được đời sống của người lao động, nhất là của công nhân viên chức, nếu không giải quyết một bước vấn đề giá cả và tiền lương.

Do đó Bộ chính trị đã chỉ thị: «Hiện nay chưa có đủ điều kiện cải cách giá cả, tiền lương. Dựa vào phương hướng chính sách của Đảng và Nhà nước, lấy kế hoạch làm căn cứ chủ yếu, phải nghiên cứu điều chỉnh một bước hệ thống giá cả của Nhà nước cho phù hợp với tình hình thực tế, rồi dần dần đi đến xác định hệ thống giá chính thức; không lấy giá thị trường tự do (trong đó có những yếu tố đầu cơ phá hoại) làm căn cứ để chỉ đạo giá và các hoạt động kinh tế. Phải nắm và chỉ đạo hai hệ thống giá: hệ thống giá tương đối ổn định do Chính phủ xác định và công bố (giá thu mua trong nghĩa vụ và giá bán tư liệu sản xuất theo hợp đồng kinh tế hai chiều, giá bán lẻ những mặt hàng thiết yếu...) và hệ thống giá vận dụng linh hoạt trong hoạt động kinh doanh của thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã.

Đi đôi với việc điều chỉnh một bước hệ thống giá, cần *phụ cấp lương cho công nhân viên chức*; thương nghiệp quốc doanh phải bằng mọi cách bảo đảm cung cấp các mặt hàng thiết yếu; các ngành sản xuất dựa theo chính sách của Chính phủ, vận dụng đúng đắn các hình thức lương khoán, lương sản phẩm để tăng thu nhập, phấn đấu bảo đảm tiền lương thực tế của công nhân viên chức không bị giảm sút và đi dần vào thể ổn định» (1).

Phương hướng phấn đấu theo tinh thần nghị quyết 26 của Bộ chính trị đề ra là: «cải cách giá cả và tiền lương, tiến tới bỏ cung cấp, mua bán bình thường bằng một giá». Nhưng trước mắt, trong tình hình kinh tế chưa ổn định và cung cầu còn mất cân đối lớn, nếu tăng giá lên, bán một giá để làm cho cung (tổng quỹ hàng hóa) ngang bằng cầu (tổng sức mua), thì chỉ mới tạm thời cân đối trên tổng số; các mặt cân đối trong cơ cấu quỹ hàng hóa và trong nhu cầu của các đối tượng người tiêu dùng khác nhau và những mặt hàng khác nhau không phải vì thế mà được giải quyết. Mặc dù tổng quỹ hàng hóa bằng tổng sức mua, nhưng đối với những mặt hàng thiết yếu của đời sống (là những mặt hàng hiện nay nằm trong phạm vi cung cấp của Nhà nước) lực lượng hàng còn chưa đủ cung cấp, giá cả nhất định sẽ còn biến động. Mặt khác, trong hoàn cảnh lực lượng hàng hóa còn thiếu thì những người có nhiều tiền (phần nhiều là do làm ăn bất chính mà có) sẽ giành mua hết phần của những người ít tiền (phần đông là công nhân viên chức). Nhà nước cũng có thể áp dụng chế độ cung cấp theo một giá sát với thị trường «tự do». Nhưng làm như vậy, giá Nhà nước sẽ tùy thuộc theo giá thị trường

(1) Chỉ thị của Bộ chính trị ngày 19-5-1981 về tiếp tục thi hành Nghị quyết số 26 về cải tiến công tác phân phối lưu thông.

« tự do » (là giá chịu ảnh hưởng của các yếu tố đầu cơ và phá hoại), tiền lương sẽ phải tiếp tục tăng lên và số tiền mặt sẽ phải tiếp tục tung ra ngày càng nhiều.

Kinh nghiệm của các nước trải qua chiến tranh cho ta thấy, chỉ sau thời kỳ khôi phục sản xuất, xác lập được cân đối cung cầu (do tăng năng suất lao động, tăng thu mua, chuẩn bị lực lượng hàng hóa, vật tư tương đối đầy đủ) mới có thể bỏ chế độ cung cấp, bỏ tem phiếu, bỏ chế độ hai giá, xây dựng hệ thống giá mới cao hơn giá cung cấp, thấp hơn giá kinh doanh thương nghiệp, đồng thời cải cách tiền lương (năng lương).

Chúng ta biết rằng, khi còn giữ chế độ cung cấp thì còn khả năng bị lợi dụng, đầu cơ, móc ngoặc, ăn cắp... Nhưng trong khi tình hình kinh tế chưa ổn định, cung cầu mất cân đối gay gắt, chúng ta phải chọn một trong hai cái: giữ chế độ cung cấp, tức là còn khả năng bị lợi dụng, đầu cơ, móc ngoặc, ăn cắp..., và đối phó bằng cách kiên quyết chống tiêu cực; hoặc là bỏ chế độ cung cấp tức là để cho công nhân viên chức phải mua hàng trên thị trường (dù là của quốc doanh hay tư doanh) với giá cả biến động và không bảo đảm được đời sống.

Chúng ta giữ chế độ cung cấp những mặt hàng thiết yếu của đời sống công nhân, viên chức, nhưng không chấp nhận chế độ bao cấp, phải thu hẹp diện mặt hàng cung cấp và người được cung cấp so với hiện nay. Chúng ta có thể tùy theo tình hình phát triển sản xuất và tình hình thị trường ở các vùng (nông thôn, thành phố) mà quy định diện cung cấp một cách thích hợp; đồng thời, tích cực thực hiện các biện pháp chống đầu cơ, ăn cắp..., cải tiến phương thức và tổ chức cung cấp, tách cửa hàng cung cấp ra khỏi cửa hàng kinh doanh, hình thành một hệ thống riêng, tăng cường kiểm tra và quản lý, tăng cường kỷ luật Nhà nước.

Chúng ta cho rằng, trong tình hình hiện nay, Đảng và Nhà nước chủ trương điều chỉnh một bước hệ thống giá cả đi đôi với việc phụ cấp lương cho công nhân viên chức và bảo đảm cung cấp các mặt hàng thiết yếu theo giá ổn định, nhằm bảo đảm tiền lương thực tế của công nhân viên chức khỏi bị giảm sút và đi dần vào thể ổn định, là một phương hướng đúng đắn, một chủ trương hợp lý



Để thực hiện phương hướng và chủ trương giải quyết vấn đề giá cả và tiền lương trên đây, cần tiến hành đồng bộ và tích cực các chủ trương, biện pháp sau đây:

1 - Cần tiếp tục cải tiến các hoạt động trong lĩnh vực phân phối lưu thông, bảo đảm làm tốt nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất, tập trung nguồn hàng vào tay Nhà nước.

Kết quả bán lương thực và thu mua lương thực và các nông sản khác ở đồng bằng sông Cửu-long trong thời gian qua nói lên phương thức, chính sách giá mua, bán giữa Nhà nước và nông dân là thích hợp. Một mặt, cần tiếp tục hoàn chỉnh phương thức mua, bán và hệ thống giá mới đối với lương thực và các nông sản khác trên cơ sở xác định quan hệ tỷ giá hợp lý giữa hàng công nghiệp và hàng nông sản đang từng bước hình thành, và nghiên cứu cách vận dụng quan hệ tỷ giá mới đối với các sản phẩm khác. Mặt khác, cần nghiên cứu xây dựng hệ thống giá mua, bán hợp lý và ổn định áp dụng trong toàn hệ mua, bán với hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp.

Ở miền Bắc và các tỉnh khu 5 cũ, trong vụ chiêm xuân này, cần giữ giá chỉ đạo mua, bán trong nghĩa vụ theo hợp đồng hai chiều mà Nhà nước ký kết với các hợp tác xã nông nghiệp, đồng thời đẩy mạnh việc mua, bán

theo giá thỏa thuận (hoặc trao đổi bằng hiện vật theo quan hệ tỷ giá hợp lý) đối với phần sản phẩm nông nghiệp mua ngoài nghĩa vụ. Mặt khác, cần nghiên cứu điều chỉnh từng bước hệ thống giá chỉ đạo mua và bán cho phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay, trên cơ sở một quan hệ tỷ giá hợp lý hơn giữa hàng công nghiệp và hàng nông sản. Đối với nghề cá và các ngành nghề tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, Nhà nước cần nghiên cứu sửa lại giá mua, bán cho phù hợp với quan hệ giá cả mới hình thành trong công nghiệp và nông nghiệp.

Thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định 25 - CP, 26 - CP và 61 - CP của Hội đồng chính phủ, đề tập trung nguồn hàng do khu vực kinh tế quốc doanh sản xuất vào tay Nhà nước, các xí nghiệp phải giao nộp hết sản phẩm thuộc cả 3 phần kế hoạch cho thương nghiệp quốc doanh, không để tình trạng từng xí nghiệp, từng ngành, từng địa phương tự tiện giữ lại một phần sản phẩm để trao đổi "nhiều chiều", phân phối nội bộ. Nhà nước cũng phải nắm tuyệt đại bộ phận nguồn hàng trong khu vực tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp.

2 - Quản lý tốt thị trường.

Kinh nghiệm thực tế cho thấy, muốn quản lý tốt thị trường, Nhà nước phải vận dụng đồng bộ và toàn diện cả ba biện pháp: kinh tế, hành chính và giáo dục, trong đó biện pháp kinh tế là chủ yếu. Thời gian qua, trong công tác quản lý thị trường, biện pháp kinh tế chưa làm tốt. Thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán còn lúng túng trong phương thức kinh doanh, chưa thoát khỏi tình trạng "hành chính - quản lý, bao cấp", chưa mở rộng hoạt động kinh doanh và phục vụ trên cả ba khâu: thu mua, bán buôn, bán lẻ và dịch vụ, chưa thi hành mạnh mẽ và linh hoạt chính sách hai giá, do đó chưa đấu tranh có hiệu quả với

thị trường "tự do". Mặt khác, chúng ta cũng chưa kết hợp thật chặt chẽ biện pháp kinh tế với các biện pháp hành chính và giáo dục; chưa trừng trị kịp thời những hành động đầu cơ buôn lậu và phá hoại kinh tế; chúng ta cũng chưa giáo dục tốt cho quần chúng để họ cùng với Nhà nước đấu tranh ngăn chặn các hành động đầu cơ, buôn lậu, phá hoại kinh tế..., quản lý tốt thị trường, bảo vệ trật tự an ninh xã hội.

Trong thời gian tới, do yêu cầu đẩy mạnh sản xuất, làm chủ thị trường, ổn định đời sống nhân dân, ổn định giá cả, tài chính, tiền tệ, Nhà nước cần kiên quyết thi hành các biện pháp quản lý thị trường nghiêm ngặt: công bố lệnh cấm tư nhân mua bán trên thị trường một số mặt hàng Nhà nước thống nhất quản lý như: vàng, ngoại tệ, xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc lá..., và một số mặt hàng nhập khẩu có tính chất xa xỉ như: thuốc lá và bia, rượu nước ngoài. Người nào vi phạm lệnh này phải bị xử lý theo pháp luật và hàng hóa bị tịch thu. Ai kinh doanh phải nhất loạt đăng ký giá, niêm yết giá. Cần kiểm soát chặt chẽ việc kinh doanh trên thị trường, mọi sự vi phạm quy định của Nhà nước về quản lý thị trường như: kinh doanh không đăng ký, bán quá giá niêm yết, v.v. đều phải xử lý thật nghiêm. Kết hợp hoạt động của lực lượng công an kinh tế với việc phát động quần chúng ở cơ sở để tiến hành điều tra, phát hiện và trừng trị bọn đầu cơ buôn lậu, chú ý trừng trị bọn buôn bán qua các đường biên giới, bọn ăn cắp, hối lộ, phá hoại kinh tế.

Đi đôi với biện pháp hành chính, cần khẩn trương mở rộng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực thu mua, bán buôn, bán lẻ, dịch vụ để nắm phần lớn sản phẩm, chi phối bán lẻ, làm chủ thị trường. Phát triển thanh mạng lưới mậu dịch quốc doanh, hợp tác xã mua

bán dễ phục vụ tốt việc mua sắm hàng hóa của nhân dân và cung cấp hàng hóa cho cán bộ, công nhân, viên chức và chiếm lĩnh thị trường. Hình thành ngay mạng lưới thu mua gắn với mạng lưới cung ứng vật tư hàng hóa (xăng dầu, phân bón...), mạng lưới ngân hàng dễ vừa phục vụ tốt yêu cầu sản xuất và thu mua, vừa thuận tiện cho việc mua bán của nhân dân. Các ngành ở trung ương và chính quyền địa phương cần chủ động tìm mọi biện pháp tăng cường lực lượng hàng hóa; nắm chắc nguồn hàng trong khu vực quốc doanh, hợp tác xã, cá thể, trong sản xuất và trong hệ thống thương nghiệp, để có nguồn hàng đầy mạnh bán ra, đấu tranh kéo giá thị trường «tự do» xuống, không để cho giá cả thị trường đột biến lên cao.

3—Thực hiện tốt việc phân phối hàng hóa.

Trong tình hình hàng hóa còn ít, việc phân phối hàng hóa là một khâu rất quan trọng bảo đảm thực hiện tốt các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về phân phối và tiêu dùng. Cần có quan điểm chính sách đúng đắn trong phân phối hàng hóa.

Do đó, chính sách phân phối hàng hóa hiện nay phải thể hiện đầy đủ các nguyên tắc sau đây:

—Hậu phương phải lo cho tiền tuyến, Nhà nước và nhân dân phải chăm sóc các lực lượng vũ trang.

—Tập trung lương thực và thực phẩm cho thành phố, khu công nghiệp và dành phần thích đáng hàng công nghiệp để phân phối cho nông thôn, kết hợp với chính sách thu mua.

—Phải chăm sóc đúng mức trẻ em, người bệnh.

—Quan tâm nhiều hơn đến nhu cầu của sản xuất và đời sống của đồng bào miền núi, thể hiện rõ chính sách dân tộc của Đảng.

—Cả nước phải lo cho thủ đô.

4—Quản lý giá cả.

Vì giá cả là biểu hiện tập trung của nhiều chính sách, liên quan đến nhiều mối quan hệ trong nền kinh tế như: quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa nông nghiệp và công nghiệp, giữa công nhân và nông dân..., cho nên khi định giá, phải tính toán nhiều mặt, thận trọng, không tùy tiện. Cần sửa đổi ngay hệ thống giá thu mua, giá bán buôn vật tư, giá bán buôn xí nghiệp, giá bán buôn công nghiệp, nhằm khuyến khích sản xuất, giải quyết hợp lý ba lợi ích kinh tế, tập trung nguồn hàng và nguồn tiền vào tay Nhà nước. Sửa đổi giá bán lẻ để xóa bỏ những khoản bù lỗ không hợp lý trong ngân sách, nhưng việc sửa đổi giá này phải làm từng bước, thận trọng và có chính sách phân biệt đối với từng loại hàng. Mở rộng việc thực hiện chính sách bán hai giá với điều kiện bảo đảm cung cấp những mặt hàng thiết yếu cho công nhân, viên chức và nhân dân theo giá ổn định và có lực lượng để có thể bán bình thường, đấu tranh có hiệu lực với giá cả thị trường.

5—Bảo đảm tiền lương thực tế cho công nhân viên chức.

Trên cơ sở làm tốt việc tập trung nguồn hàng và tiền vào tay Nhà nước, quản lý tốt phân phối, thị trường và giá cả, Nhà nước có điều kiện bảo đảm giữ vững tiền lương thực tế và đời sống của công nhân viên chức bằng cách bảo đảm cung cấp theo định lượng những mặt hàng thiết yếu của đời sống công nhân viên chức như: lương thực, thịt, cá, nước chấm, đường, chất đốt, mì chính, vải, xà phòng, rau, muối; và bảo đảm phân phối cho công nhân viên chức những mặt hàng theo phương thức thích hợp như: phụ tùng xe đạp (xiết, lốp, sơm, lốp), chiếu cời, vải nhựa di mura, quạt bàn loại nhỏ, ruột phích, chè uống.

Mặt khác, Nhà nước mở rộng hình thức lương khoán, lương sản phẩm,

phụ cấp lương do giá hàng biến động, trong đó có một số mặt hàng do Nhà nước điều chỉnh giá lên.

Đề bảo đảm cung cấp các mặt hàng thiết yếu theo định lượng và theo giá chỉ đạo của Nhà nước cho công nhân và viên chức, các ngành nội thương, lương thực cần đẩy mạnh thu mua, điều động lực lượng hàng hóa, cải tiến phương thức phân phối hàng hóa, thực hiện tiêu chuẩn, chế độ cung cấp những mặt hàng nói trên ngày càng tiến bộ; ngành tài chính, nội thương và Tổng công đoàn chịu trách nhiệm xây dựng chế độ phương thức cung cấp, kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm cho người được cung cấp mua được hàng hóa.

Phối hợp với Tổng công đoàn, Bộ lao động chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện quyết định 26 - CP của Hội đồng chính phủ về lương khoán, lương sản phẩm, hướng dẫn xây dựng và áp dụng đơn giá mới trên cơ sở lương chính được phụ cấp thêm. Sau khi có đơn giá mới, phải uốn nắn và sửa đổi tất cả những việc làm lệch lạc, vượt quá quy định chung, ngăn chặn việc tùy tiện xây dựng và vận dụng đơn giá, định mức trong lương khoán và lương sản phẩm.

6 - Quản lý thống nhất tài chính, tiền tệ.

Đi đôi với các biện pháp nói trên. Nhà nước cần tăng cường các biện pháp quản lý thống nhất tài chính tiền tệ, tăng thu (bao gồm thu quốc doanh và thu thuế trong khu vực tập thể và cá thể) và tiết kiệm chi, nhất là chi xây dựng cơ bản, chi quốc phòng, chi hành chính, tăng cường tính thống nhất và kỷ luật Nhà nước về tài chính, về phát hành tiền, về giá cả và tiền lương. Cần tập trung đầy đủ nguồn thu của ngân sách Nhà nước và nguồn thu tiền mặt, đồng thời triệt để tiết kiệm chi, để có tiền thu mua, trả lương, bảo đảm cung cấp theo cơ chế giá, lương mới, thực hiện

cần đổi thu chi ngân sách, cần đổi thu chi tiền mặt. Cần chấn chỉnh việc quản lý và điều hòa lưu thông tiền tệ, mở rộng việc thanh toán không dùng tiền mặt, cải tiến tổ chức và công tác nhận và trả tiền tiết kiệm. Mặt khác, Nhà nước nghiên cứu sửa đổi các chính sách, chế độ tài chính, nhằm cải tiến và tăng cường quản lý tài chính xí nghiệp theo phương thức kinh doanh hạch toán kinh tế; cải tiến việc phân cấp quản lý tài chính, trên nguyên tắc tập trung dân chủ mà mở rộng quyền tự chủ về tài chính của địa phương và cơ sở. Đồng thời, Nhà nước cải tiến các hoạt động ngân hàng, làm cho ngân hàng vừa là cơ quan quản lý về tín dụng, tiền tệ, thanh toán của Nhà nước, vừa là một tổ chức kinh doanh hạch toán toàn ngành, một mặt chịu trách nhiệm thống nhất quản lý phát hành tiền, mặt khác chịu trách nhiệm hoàn toàn về hiệu quả của việc phân phối và sử dụng vốn ngân hàng, về lỗ lãi kinh doanh. Ngân hàng Nhà nước cần mở rộng hoạt động tín dụng trên nguyên tắc bảo đảm hiệu quả kinh tế, vốn bỏ ra cho vay phải bảo đảm thu nợ đúng hạn, có vốn có lãi; cùng với các xí nghiệp, cơ quan xem xét và định lại mức tồn quỹ tiền mặt cho hợp lý, tập trung nguồn vốn vào ngân hàng, nhưng không để gây trở ngại cho sản xuất, kinh doanh; mở rộng việc thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng; mở rộng mạng lưới ngân hàng, vận động gửi tiền tiết kiệm, kịp thời tập trung nguồn thu, đáp ứng yêu cầu chi và phục vụ tốt khách hàng.



Chúng ta đang thực hiện những nhiệm vụ kinh tế năm 1981 trong điều kiện những mất cân đối về hiện vật và tài chính trong nền kinh tế chưa được khắc phục. Vì vậy, cần nắm vững những quan điểm, chủ

trương, biện pháp mà Đảng và Nhà nước đã nêu ra, thực hiện đúng tinh thần chỉ thị của Bộ chính trị là :

“ Mọi hoạt động phân phối lưu thông phải lấy việc phục vụ và thúc đẩy sản xuất, phục vụ đời sống của nhân dân làm mục tiêu hàng đầu.

Phải sửa đổi các chính sách, chế độ và phương thức phân phối lưu thông theo hướng : khuyến khích sản xuất, bảo đảm không ngừng phát triển thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa đi đôi với sử dụng và quản lý tốt các thành phần kinh tế khác ; phải tiếp tục khắc phục lối quản lý hành chính – quan liêu và bao cấp, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, mở rộng quyền tự chủ tài chính và hoạt động kinh doanh cho địa phương và cơ sở ; đồng thời kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa phân tán, tùy tiện, kịp thời ngăn chặn tình trạng vô tổ chức, vô kỷ luật. ”

Phải kết hợp đúng đắn ba loại biện pháp, trong đó biện pháp kinh tế là cơ bản, đồng thời phải sử dụng mạnh mẽ biện pháp hành chính ; chống đầu cơ buôn lậu, chống những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, lập lại trật tự trong nền kinh tế và trên thị trường, phải tăng cường giáo dục tư tưởng, làm cho mọi người nhận rõ hơn nữa tình hình và nhiệm vụ, tích cực sản

xuất, công tác, cần kiệm xây dựng đất nước, cảnh giác với mọi âm mưu thâm độc của địch ».

Đề giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh trên mặt trận phân phối lưu thông, phải đẩy mạnh được sản xuất, Nhà nước nắm được hàng, tiền, giá cả và thị trường. Nếu không nắm được hàng thì mọi ý định tốt đẹp để cải thiện tình hình đều không có hiệu quả ; đồng thời nếu không quản lý được thị trường, không chống được nạn đầu cơ, buôn lậu hiện đang làm rối loạn kinh tế, thị trường, thì Nhà nước không thực hiện được các chủ trương chính sách đúng đắn về phân phối lưu thông, phát triển sản xuất, và nhất là không giải quyết được vấn đề giá cả và tiền lương hiện nay.

Cuộc đấu tranh lần này là một thử thách đối với năng lực tổ chức của Nhà nước chuyên chính vô sản. Phải khắc phục được những khó khăn hiện nay, đưa kinh tế và đời sống lên, lập lại trật tự kinh tế : đó là điều mong đợi của mọi người. Điều quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh này là đội ngũ chiến đấu phải *thống nhất ý chí và hành động*, chủ động tiến công, tiến công liên tục, cho đến thắng lợi hoàn toàn, không được hoài nghi, vì hoài nghi sẽ dẫn tới vô trách nhiệm và thất bại

60 NĂM ĐẤU TRANH VÀ THẮNG LỢI

X. LÚP-XAN-CÔM-BÔ

*Ủy viên trung ương Đảng nhân dân cách mạng Mông-cô
Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng
nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô*

NĂM 1921, nhân dân Mông-cô dưới sự lãnh đạo của đội tiên phong từng trải của mình — Đảng nhân dân cách mạng Mông-cô, được sự viện trợ đầy tình thân quốc tế chủ nghĩa của nước mà giai cấp vô sản đã thắng lợi — Liên-xô vĩ đại, đã giành được thắng lợi trong cuộc Cách mạng nhân dân. Từ đó đến nay đã sáu chục năm. Cuộc cách mạng đó thắng lợi vào buổi ban mai của kỷ nguyên mới mở đầu bằng Cách mạng Tháng Mười vĩ đại đã mở ra cho nước Mông-cô phong kiến lạc hậu con đường quá độ đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đây là bước ngoặt trong lịch sử của nhân dân chúng tôi.

Nước Mông-cô trước Cách mạng là một nước phong kiến lạc hậu, nghề chăn nuôi du mục chiếm ưu thế trong nền kinh tế Mông-cô. Trong nước không có công nghiệp, nhân dân chưa hề biết gì về văn minh.

Bị ách thực dân Mãn-châu Trung-quốc đè nặng trong suốt hai trăm năm, nhân dân Mông-cô đã đấu tranh ngoan cường để giành lại độc lập dân tộc. Các cường quốc đế quốc chủ

nghĩa cầu kết với bọn phong kiến để cướp bóc nhân dân

Sau thắng lợi của Cách mạng nhân dân, Đảng chúng tôi đã thi hành hàng loạt biện pháp quan trọng nhằm củng cố những thành quả của cuộc Cách mạng nhân dân chống đế quốc và chống phong kiến và mở đầu sự nghiệp phát triển kinh tế và văn hóa mới.

Đảng chúng tôi, toàn thể nhân dân chúng tôi đánh giá cao sự viện trợ vô tư của Liên-xô vĩ đại. Sự viện trợ và ủng hộ đó đã đóng vai trò quyết định trong sự nghiệp xây dựng cuộc sống mới của nhân dân Mông-cô.

Cuộc gặp gỡ giữa D. Xu-khê Ba-to, người sáng lập Đảng và Nhà nước chúng tôi, với Lê-nin vĩ đại và việc ký Hiệp định đầu tiên giữa Mông-cô và Liên-xô ngày 5-11-1921 đặt nền móng đầu tiên cho quan hệ hữu nghị giữa hai nước chúng tôi. Trong khi cụ thể hóa con đường phát triển phi tư bản chủ nghĩa và củng cố những thành quả của cuộc Cách mạng nhân dân, V.I. Lê-nin đã đặc biệt nêu rõ vai trò lãnh đạo và tầm quan trọng của

Đảng nhân dân cách mạng Mông-cô, của Chính phủ nhân dân trong tiến trình của sự chuyển biến lịch sử đó.

Trong nhiều tác phẩm của mình, V.I. Lê-nin đã xác định những phương hướng cơ bản, những con đường thiết lập ở Mông-cô những hình thức để xây dựng nền kinh tế mới như hợp tác hóa, công nghiệp hóa, việc hình thành giai cấp công nhân, phát triển và củng cố toàn diện các hình thức mới phi tư bản chủ nghĩa của nền kinh tế và trên cơ sở đó phát triển từng bước nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Dại hội thứ III của Đảng nhân dân cách mạng Mông-cô họp năm 1924 đã vạch ra đường lối chung của Đảng về con đường phát triển phi tư bản chủ nghĩa của Mông-cô.

Trong những năm đầu của Cách mạng nhân dân, Đảng và Nhà nước đã thi hành nhiều biện pháp nhằm xóa bỏ chế độ nông nô và nhiều thứ thuế phong kiến, nhằm thủ tiêu bộ máy Nhà nước cũ và xây dựng bộ máy Nhà nước mới. Tất cả các biện pháp đó đã giáng một đòn mạnh mẽ vào nền kinh tế của giai cấp phong kiến.

Tất cả các khoản nợ mà Chính phủ phong kiến cũ vay của bọn con buôn và bọn cho vay nặng lãi nước ngoài, đều bị hủy bỏ.

Đầu những năm 20, đã lập hợp tác xã tiêu dùng Mông-cô, đồng thời, với sự viện trợ của Liên-xô, chúng tôi đã lập Ngân hàng công - thương nghiệp và tiến hành cải cách tiền tệ. Song song với những biện pháp đó, chúng tôi đã quốc hữu hóa các xí nghiệp công nghiệp nhỏ hiện hành và được Liên-xô giúp đỡ, đã lập một xí nghiệp giặt len, các nhà máy chế biến lông gia súc và sản xuất xà phòng.

Trong những năm 30, chúng tôi đã lập hợp tác xã thủ công nghiệp, điều này góp phần vào việc tạo ra những yếu tố xã hội chủ nghĩa trong nền

kinh tế Mông-cô. Đảng đã chú ý nhiều đến việc dạy chữ quốc ngữ cho nhân dân, việc đặt nền móng cho hệ thống giáo dục, xây dựng những trung tâm khoa học và văn hóa đầu tiên.

Thanh toán ảnh hưởng của tôn giáo đối với quần chúng đông đảo là một trong những vấn đề hết sức phức tạp. Trong lĩnh vực này, Đảng đã thi hành một chính sách linh hoạt song nhất quán.

Công nghiệp, vận tải, thông tin, kiến trúc tiếp tục phát triển, và đến cuối những năm 30 sản xuất của những ngành này chiếm 24% tổng sản phẩm xã hội.

Trong những năm 40, các cơ sở kinh tế quốc doanh và hợp tác xã đã được phát triển rộng rãi, thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa được củng cố. Đến thời kỳ đó, các cơ sở kinh tế quốc doanh và hợp tác xã chiếm 30% qui quốc gia, 40% tổng sản phẩm xã hội.

Dại hội thứ X của Đảng nhân dân cách mạng Mông-cô họp năm 1940 đã tổng kết giai đoạn dân chủ của Cách mạng nhân dân và xác định đường lối xây dựng cơ sở của chủ nghĩa xã hội ở Mông-cô.

Thắng lợi lịch sử của nhân dân Liên-xô trong chiến tranh thế giới thứ hai, việc trên 10 nước châu Âu và châu Á gia nhập gia đình xã hội chủ nghĩa và sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã tạo ra những điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô.

Việc hoàn thành thắng lợi sự nghiệp hợp tác hóa xã hội chủ nghĩa nền nông nghiệp vào cuối những năm 50 đã trở thành một sự kiện lịch sử có tầm quan trọng ngang với cuộc Cách mạng nhân dân. Nhờ vậy, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã giành được thắng lợi trong tất cả các lĩnh

vực kinh tế quốc dân, thời kỳ quá độ từ chế độ phong kiến, bỏ qua chủ nghĩa tư bản, lên chủ nghĩa xã hội đã kết thúc, và nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô đã bước vào giai đoạn phát triển mới của mình — giai đoạn hoàn thành xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nhờ chính sách sáng suốt của Đảng nhằm xây dựng thành công xã hội mới, trong một thời gian lịch sử ngắn, nước Mông-cô đã hoàn thành việc chuyển từ những quan hệ tiền tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội, đó là sự thể hiện trong thực tế học thuyết của Lê-nin về khả năng của các nước trước đây lạc hậu, tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Ở mỗi giai đoạn phát triển của nước Mông-cô xã hội chủ nghĩa, Đảng chúng tôi đã củng cố bằng mọi biện pháp trong tất cả mọi lĩnh vực đời sống xã hội tình hữu nghị và sự hợp tác anh em với nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên — Liên-xô và được Liên-xô viện trợ và ủng hộ một cách toàn diện.

Sự hợp tác giữa Mông-cô và Liên-xô ngày càng phát triển, và mang tính chất hợp tác có hệ thống và liên kết theo kế hoạch, quá trình hai nước xích lại gần nhau trong tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội đang phát triển một cách mạnh mẽ. Kinh nghiệm phát triển của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt kinh nghiệm phát triển phi tư bản chủ nghĩa của nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô là một bằng chứng về con đường thực tế nhất để đạt được sự tiến bộ kinh tế và xã hội.

60 năm là một thời gian chưa bằng cuộc đời một thế hệ, nhưng trong thời gian đó nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô đã có thể hoàn thành quá trình tiến từ chế độ phong kiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Đại hội thứ XVIII vừa rồi của Đảng nhân dân Cách mạng Mông-cô đã xác

nhận rằng dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và với sự viện trợ quốc tế chủ nghĩa và theo tinh thần anh em của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, nhân dân Mông-cô đã giành được những thành tựu to lớn trong việc hoàn thành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước mình.

Nền công nghiệp của nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô đang phát triển có kết quả, nền nông nghiệp tiếp tục phát triển theo chiều sâu. Các ngành công nghiệp: nhiên liệu — năng lượng, khai khoáng và sản xuất vật liệu xây dựng đang phát triển với nhịp độ nhanh; trong đó có Liên hiệp xi nghiệp làm giàu quặng « Éc-đê-nét » qui mô to lớn do Liên-xô và Mông-cô cùng xây dựng.

Cương lĩnh của Đảng nhân dân cách mạng Mông-cô, được Đại hội thứ XV thông qua, đã đề ra nhiệm vụ biến Mông-cô thành nước công — nông nghiệp. Tại Đại hội thứ XVIII của Đảng nhân dân cách mạng Mông-cô, đồng chí Iu. Xê-đen-ban đã nêu lên những sự việc cụ thể để chứng minh rằng những nhiệm vụ đó đang được thực hiện một cách có kết quả và rút ra một kết luận lý luận quan trọng: việc đẩy mạnh hơn nữa quá trình công nghiệp hóa theo chiều rộng và chiều sâu rất cuộc sẽ đưa đến hoàn thành việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô, điều đó sẽ bảo đảm những điều kiện cần thiết để từng bước đưa Mông-cô tiến vào giai đoạn lịch sử hoàn thành xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển.

Nhờ có những biện pháp mà Đảng đã thông qua, tỷ trọng của nền công nghiệp xã hội chủ nghĩa đã được nâng cao, cơ cấu ngành của nền kinh tế quốc dân đang được hoàn thiện. Trong thời kỳ 1940 — 1980, tổng sản phẩm quốc dân đã tăng gấp 11,4 lần, thu nhập quốc dân tăng gấp 9 lần.

vốn cố định của nền kinh tế quốc dân tăng gấp gần 15 lần. Trong thời gian 20 năm gần đây, vốn cố định của nền kinh tế quốc dân tăng gấp 6 lần, trong đó vốn cố định trong sản xuất tăng gấp 5,5 lần, tổng số vốn đầu tư tăng gấp 5,4 lần. Nếu năm 1965, công nghiệp sản xuất 39% tổng sản phẩm ròng của nông nghiệp và công nghiệp, thì hiện nay nó sản xuất 66%.

Trong thời gian kế hoạch 5 năm thứ sáu, tổng sản lượng công nghiệp tăng gấp 1,5 lần, vốn cố định trong sản xuất tăng gấp 2,2 lần. Công nghiệp mở được phát triển ưu tiên, năm 1980 sản lượng tăng gấp 6 lần so với năm 1975.

Công nghiệp xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải ngày càng phát triển, đem lại 64% tổng sản phẩm xã hội, 46% thu nhập quốc dân.

Trong 60 năm phát triển của nước Mông-cô xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội - giai cấp đã có những sự thay đổi sâu sắc về chất lượng. Hiện nay xã hội chúng tôi gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân xã viên hợp tác xã và tầng lớp trí thức lao động. Giai cấp công nhân đã lớn lên về số lượng, uy tín và vai trò được nâng cao, đó là lực lượng lãnh đạo xã hội. Năm 1971, công nhân, viên chức và gia đình họ chiếm 61,7% tổng số dân.

Nông nghiệp, một ngành kinh tế cực kỳ quan trọng đang phát triển có kết quả.

Các liên hiệp nông nghiệp, nông trường quốc doanh được củng cố về tổ chức và kinh tế, vốn sản xuất cố định tăng lên. Tổng số vốn cố định của nông nghiệp tăng gấp 13 lần (không kể súc vật) so với năm 1960.

Việc phát triển theo chiều sâu ngành trồng trọt đồng thời với việc hoàn thiện các phương pháp và biện pháp trong ngành chăn nuôi, một ngành truyền thống của nền kinh tế Mông-cô, đã cho phép sản xuất và

bảo đảm lương thực cho đất nước.

Đảng và Chính phủ đã thi hành nhiều biện pháp nhằm xóa bỏ nạn mù chữ, thu hút quần chúng nông dân đông đảo tích cực tham gia xây dựng xã hội mới, nhờ vậy nước chúng tôi đã thực hiện được cuộc cách mạng văn hóa, và nhân dân Mông-cô đã đạt được những thành tựu to lớn trong việc xây dựng nền văn hóa mới, xã hội chủ nghĩa. Trong thời kỳ Cách mạng nhân dân, lần đầu tiên hệ thống giáo dục nhân dân được xây dựng.

Ngày nay, ở nước chúng tôi, cứ 4 người thì có 1 người đi học trong một loại trường nào đó. Được Đảng thường xuyên quan tâm cải tiến sự nghiệp bảo vệ sức khỏe của nhân dân, trong những năm dưới chính quyền nhân dân, hệ thống Nhà nước bảo vệ sức khỏe đã hình thành, nhân dân được chữa bệnh không mất tiền. Hiện nay, cứ 10 000 người dân thì có 22 y, bác sĩ và 107 giường bệnh.

Sự phát triển mạnh mẽ của nền văn hóa có hình thức dân tộc và nội dung xã hội chủ nghĩa đã trở thành nhân tố bảo đảm sự hình thành và phát triển toàn diện về tinh thần của nhân dân Mông-cô. Mông-cô đang phát triển có kết quả nền kinh tế mới và nền văn hóa mới tiến bộ, hình thành giới trí thức mới của nhân dân.

Được sự viện trợ và ủng hộ của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, nước chúng tôi đang xây dựng thắng lợi cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đang phát triển và củng cố không ngừng lực lượng sản xuất xã hội ở thành thị và nông thôn.

Đảng chúng tôi đề ra những nhiệm vụ mới to lớn trong kế hoạch 5 năm mới nhằm tiếp tục phát triển kinh tế và xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân.

Những nhiệm vụ đó đã được vạch ra trong dự thảo kế hoạch « Những phương hướng cơ bản phát triển kinh

tế quốc dân và văn hóa của nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô trong thời gian 5 năm 1981 — 1985², dự thảo kế hoạch đã được Đại hội thứ XVIII của Đảng nhân dân cách mạng Mông-cô nhất trí thông qua.

Trong kế hoạch 5 năm mới, tổng sản phẩm xã hội sẽ tăng 41 — 45%, thu nhập quốc dân tăng 38 — 41%, vốn đầu tư tăng 25—26%, năng suất lao động xã hội tăng 24 — 26%, trong đó 2 phần 3 số tăng thu nhập quốc dân là do năng suất lao động tăng.

Quá trình công nghiệp hóa ngày càng phát triển theo chiều sâu bằng con đường phát triển theo chiều sâu nền công nghiệp trong kế hoạch 5 năm mới. Đến năm 1985, tổng sản phẩm công nghiệp sẽ tăng 52—58% so với năm 1980.

Đảng chúng tôi coi nhiệm vụ chủ yếu về phát triển công nghiệp trong kế hoạch 5 năm mới là tiếp tục củng cố cơ sở vật chất kỹ thuật của nó, bảo đảm không ngừng tăng sản lượng bằng con đường cải tiến tổ chức sản xuất.

Vốn đầu tư cơ bản dành cho củng cố cơ sở sản xuất của nông nghiệp sẽ tăng 30% so với kế hoạch 5 năm trước, còn chỉ tiêu trung bình của sản lượng nông nghiệp trong kế hoạch 5 năm mới sẽ tăng 22 — 26%.

Tổng số vốn đầu tư cho nông nghiệp sẽ tăng 30% so với kế hoạch 5 năm trước, tổng sản lượng trung bình hằng năm của nông nghiệp trong kế hoạch 5 năm mới sẽ tăng 22 — 26%.

Không ngừng nâng cao mức sống

của nhân dân là mục đích cao nhất của Đảng chúng tôi. Trong kế hoạch 5 năm mới thu nhập thực tế tính theo đầu người sẽ tăng 10 — 12%, tiền lương của công nhân viên chức sẽ tăng 4—6%, thu nhập bằng tiền của các thành viên thuộc các liên hiệp nông nghiệp sẽ tăng 20 — 23%. Kế hoạch 5 năm mới phải giải quyết những nhiệm vụ quan trọng và to lớn nhằm cải thiện điều kiện ở và phục vụ sinh hoạt của nhân dân lao động.

Những nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của kế hoạch 5 năm mới là gắn chặt khoa học với sản xuất trong việc giải quyết những vấn đề nóng hổi xuất hiện trong quá trình xây dựng về xã hội — kinh tế, hoàn thiện công nghệ sản xuất, ứng dụng các kiến nghị khoa học vào sản xuất.

Nước chúng tôi đi vào con đường mới phát triển lịch sử của mình cách đây 60 năm, đã xóa bỏ được tình trạng lạc hậu trước đây, đã bảo vệ được nền độc lập và đang phát triển mạnh mẽ nền kinh tế và văn hóa trên cơ sở vật chất kỹ thuật ngày càng được nâng cao nhờ sự viện trợ vô tư của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, trước hết là của Liên-xô, chỗ dựa đáng tin cậy của nhân dân Mông-cô.

Nhân dân Mông-cô tự hào một cách chính đáng là đã làm chủ Nhà nước của mình, được hưởng những thành quả của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và được sống trong hạnh phúc. Nhân dân Mông-cô lạc quan nhìn về tương lai, sẽ tiếp tục tiến bước một cách vững chắc trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CHÍNH SÁCH GIÁ HIỆN NAY

Giáo sư ĐOÀN-TRỌNG-TRUYỀN

GIÁ cả có vị trí quan trọng trong nền kinh tế và trong hệ thống quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Nó làm chức năng tính toán giá trị, đo lường mức hao phí lao động xã hội. Với chức năng này, giá cả trở thành công cụ không thể thiếu của công tác kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân.

Trong hệ thống quản lý kinh tế, giá cả là một công cụ có hiệu lực và nhạy bén để tổ chức các mối quan hệ kinh tế thông qua việc phát huy chức năng phân phối thu nhập quốc dân và chức năng đòn bẩy kinh tế.

Trong chủ nghĩa xã hội, lợi ích toàn xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân người lao động xét về cơ bản, lâu dài là thống nhất với nhau, nhưng cũng có những mặt mâu thuẫn cục bộ, tạm thời cần được giải quyết một cách đúng đắn. Hệ thống giá cả phải bảo đảm kết hợp tốt các loại lợi ích đó.

Trong thời kỳ quá độ, do còn tồn tại mâu thuẫn giữa các thành phần kinh tế khác nhau (thành phần xã hội chủ nghĩa và các thành phần không xã hội chủ nghĩa), cho nên giá cả có tác dụng giải quyết các mâu thuẫn ấy, bảo đảm thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong cuộc đấu tranh giữa hai con

đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.

Việc cải tiến chính sách và hệ thống giá cả hiện nay *phải đặt trong khuôn khổ cải tiến quản lý kinh tế, xây dựng hệ thống quản lý kinh tế mới, quán triệt đường lối xây dựng và phát triển kinh tế của Đảng*. Phải đứng trên quan điểm toàn diện, đồng bộ đặt vấn đề giá cả trong tổng thể của nền kinh tế quốc dân, lấy kế hoạch hóa làm trung tâm, thể hiện đúng đắn ba lợi ích kinh tế, kết hợp chặt chẽ đòn bẩy giá cả với các công cụ kinh tế khác để tác động đồng bộ đến nền kinh tế quốc dân theo những phương hướng, mục tiêu mà Đảng và Nhà nước đã vạch ra.



Hệ thống giá cả Nhà nước trước đây vốn chưa hoàn chỉnh và có nhiều chỗ chưa hợp lý. Trong 15 năm qua, do hoàn cảnh có chiến tranh kéo dài, ta phải giữ hệ thống giá ít điều chỉnh. Từ đó đến nay, và nhất là từ khi miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất, những điều kiện kinh tế và xã hội — cơ sở khách quan của hệ

thống giá:— đã có nhiều biến đổi trên một số mặt chủ yếu:

1 — Chi phí sản xuất và chi phí lưu thông hàng hóa thay đổi theo hướng làm cho giá trị hàng hóa tăng lên: sản xuất nông nghiệp đi vào thâm canh tăng vụ, không những phải đầu tư thêm lao động, mà còn phải tăng thêm phân bón, xăng dầu, nhất là ở đồng bằng sông Cửu-long; diện tích canh tác mở rộng thêm ở những vùng đất mới, ít màu mỡ hơn, chi phí ban đầu cao hơn; việc khai thác gỗ và các lâm sản khác phải đi dần vào rừng sâu, chi phí vận xuất tăng, lại phải chăm lo việc bảo vệ rừng, trồng lại rừng mới bảo đảm có nguồn để khai thác về sau; điều kiện khai thác nhiều loại khoáng sản không còn dễ dàng như trước; nhiều hàng thuộc công nghiệp địa phương và tiểu công nghiệp phải chuyển sang sản xuất theo thủ công, bằng nguồn nguyên liệu thay thế, hoặc phế thải, cho nên chi phí chế biến tốn kém hơn; do thiết bị, máy móc bị hư hỏng, thiếu đồng bộ, do năng lượng, nguyên liệu thiếu, và do quản lý kém, giá thành những sản phẩm công nghiệp quan trọng và giao thông vận tải đều tăng lên nhiều so với thời kỳ 1960 — 1965, và có cái còn cao hơn cả thời kỳ 1975 — 1976. Giá trị hàng hóa có xu hướng tăng trên đây phản ánh những điều kiện khách quan của sản xuất, kinh doanh hiện nay khó hơn trước; nhưng một phần quan trọng khác là nguyên nhân chủ quan về kế hoạch hóa, tổ chức và quản lý.

2 — Giá vật tư trên thị trường quốc tế đã tăng cao từ năm 1970 đến nay, nhưng lâu nay nhờ Liên-xô giữ giá hình thành cho ta, cho nên chúng ta vẫn giữ được ổn định giá bán buôn vật tư theo mức rất thấp và Nhà nước phải bù lỗ lớn. Nếu tính theo giá thị trường thế giới và theo tỷ giá kết toán mới đúng thực tế thì giá vốn vật tư nhập khẩu tăng nhiều lần. Trong điều kiện năng suất lao động trong nước và hiệu quả của

việc sử dụng những vật tư nhập khẩu chưa có gì thay đổi, tất yếu là giá bán buôn vật tư, giá thành sản xuất nhiều loại sản phẩm công nghiệp và nông nghiệp đều tăng lên.

3 — Quan hệ tỷ giá giữa giá nông sản và giá hàng công nghiệp trở nên bất hợp lý. Trong nhiều năm qua, do yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp, Nhà nước đã nhiều lần tăng giá thu mua nông sản nhưng lại vẫn giữ ổn định giá bán tư liệu sản xuất nông nghiệp và hàng tiêu dùng thiết yếu. Từ đó dẫn đến quan hệ tỷ giá quá bất hợp lý giữa hàng công nghiệp và hàng nông sản (1kg ure = 1kg thóc; 1 lít dầu diesel = 0,8kg thóc, 1m vải phin = 1kg thóc...). Tình hình đó đã gây nhiều khó khăn cho việc cân đối ngân sách, tiền tệ, đến việc giải quyết mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa đời sống công nhân và nông dân, không phù hợp với yêu cầu khách quan của sự phát triển nền kinh tế trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ.

4 — Số lượng tiền đưa vào lưu thông ngày càng nhiều, trong khi sản xuất phát triển chậm, hàng hóa thiếu, sức mua của đồng tiền bị giảm. Yếu tố này tác động lớn đến sự hình thành giá và mức giá cụ thể, nhưng vừa qua chưa được tính đến, khiến cho giá chỉ đạo của Nhà nước trở nên quá thấp một cách giá tạo.

Trong những điều kiện đã thay đổi nói trên, « hệ thống giá Nhà nước không còn phù hợp và gây nhiều tác động tiêu cực. Giá cả không còn dựa trên cơ sở giá trị..., quan hệ tỷ giá giữa giá nông sản và giá hàng công nghiệp trở nên bất hợp lý. Giá cả không còn khả năng làm tốt chức năng tính toán, phân phối và đòn bẩy... ».

Là phạm trù kinh tế, giá cả hình thành trên những điều kiện kinh tế — xã hội nhất định và chịu sự chi phối của những quy luật

kinh tế khách quan. Vì vậy, mỗi khi những điều kiện kinh tế - xã hội biến đổi, hệ thống giá cần phải có những điều chỉnh phù hợp, thì mới phát huy được tác dụng của các chức năng của giá cả để phục vụ được tốt nhất các nhiệm vụ kinh tế chính trị của Đảng và Nhà nước đã đề ra.



Giá cả không có mục đích « tự thân ». Giá cả nhằm phục vụ những mục tiêu kinh tế và chính trị của Đảng và Nhà nước đã đề ra cho từng thời kỳ. Trong thời gian trước mắt, việc cải tiến chính sách và hệ thống giá phải nhằm những mục tiêu chủ yếu sau :

1 - Kích thích và phục vụ sản xuất phát triển mạnh mẽ, trọng tâm là sản xuất nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng (bao gồm cả tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp), và hàng xuất khẩu. Muốn vậy, giá cả phải bảo đảm bù đắp được chi phí sản xuất và có mức lãi thỏa đáng cho các đơn vị sản xuất; không những có tác dụng khuyến khích ở những nơi thuận lợi mà phải khuyến khích được sản xuất ở những nơi điều kiện khó khăn, năng suất còn thấp, nhưng xã hội đang cần.

2 - Góp phần ổn định và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân lao động, cấp bách nhất là giữ cho tiền lương thực tế của công nhân, viên chức không bị giảm sút hơn nữa, bảo đảm thu nhập hợp lý cho nông dân, ngư dân, thợ thủ công, để họ phấn khởi sản xuất.

Mặt khác, giá cả phải góp phần thực hiện việc phân phối lại thu nhập quốc dân giữa các tầng lớp dân cư trong phạm vi toàn xã hội, điều tiết lại thu nhập bất hợp lý của những kẻ làm ăn bất chính (đầu cơ, buôn lậu...).

3 - Góp phần ổn định nền tài chính quốc gia, giảm bớt những bù lỗ không

hợp lý, góp phần tích lũy cho Nhà nước, củng cố sức mua của đồng tiền. Chỉ có phát triển sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất và kinh doanh, thì những sự tính toán về điều chỉnh giá bán với ý định tăng tích lũy cho xã hội, tăng thu cho ngân sách Nhà nước mới có cơ sở. Vì lẽ đó, giá cả trước hết phải thúc đẩy, khuyến khích được hàng triệu người lao động phấn khởi sản xuất, tăng hiệu quả kinh tế, tạo cơ sở để tăng tích lũy và tăng thu cho ngân sách.

Trên cơ sở sản xuất phát triển, giá cả có vai trò lớn trong việc giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, tập trung nguồn tích lũy vào Nhà nước và cân đối ngân sách. Vì thế, cấp thiết phải điều chỉnh giá bán buôn vật tư, xây dựng lại giá bán buôn xí nghiệp và giá bán buôn công nghiệp, phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh hiện tại. Phải gắn chặt đòn bẩy giá bán buôn với chế độ thu quốc doanh, chế độ phân phối lợi nhuận thành một cơ chế kinh tế có hiệu lực đối với các xí nghiệp, nhằm hướng hoạt động của các xí nghiệp đi vào việc tăng năng suất lao động, cải tiến quản lý để hạ giá thành, trên cơ sở đó mà thực hiện đúng đắn sự kết hợp ba lợi ích: toàn xã hội, tập thể xí nghiệp, và cá nhân người lao động.

4 - Phục vụ việc cải tạo xã hội chủ nghĩa, thông qua chính sách giá mà góp phần củng cố và tăng cường lực lượng kinh tế xã hội chủ nghĩa (quốc doanh và hợp tác xã) trong lĩnh vực sản xuất cũng như trong lĩnh vực phân phối, lưu thông, vận dụng tỷ giá ưu đãi, có phân biệt giữa các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất với nông dân cá thể để giúp sức cho các tổ chức kinh tế tập thể phát triển sản xuất và cải thiện đời sống cho xã viên, củng cố quan hệ sản xuất mới. Vận dụng cơ chế giá sinh hoạt trong thu mua cũng như trong bán ra để giúp

sức cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa tập trung được nguồn hàng, mở rộng mạng lưới kinh doanh và phục vụ, từng bước làm chủ thị trường, phát huy tác dụng lãnh đạo và cải tạo thị trường « tự do ».

5 - Góp phần xóa bỏ lối quản lý hành chính quan liêu - bao cấp, thực hiện *phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa*. Là một yếu tố quan trọng của hệ thống quản lý kinh tế, giá cả phải được điều chỉnh, xây dựng đồng bộ (từ giá bán buôn vật tư đến giá bán buôn xí nghiệp, giá bán buôn công nghiệp); phải kết hợp chặt chẽ giá cả với các đòn bẩy kinh tế khác như lợi nhuận, tiền lương, tiền thưởng, tín dụng... để phát huy hiệu lực của hệ thống đòn bẩy kinh tế, để thực hiện phương thức kinh doanh mới theo chế độ hạch toán kinh tế.



Việc điều chỉnh giá cả phải dựa trên những nguyên tắc và căn cứ chủ yếu sau đây :

1 - *Giải quyết đúng đắn vấn đề giá cả trong quan hệ thống nhất giữa giá trị và giá trị sử dụng.*

Giá cả là biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa. V.I. Lê-nin đã khẳng định « giá trị là quy luật của giá cả ». Giá cả là biểu hiện của giá trị bằng tiền, mà thực thể của giá trị chính là lượng lao động xã hội cần thiết để tạo ra giá trị sử dụng.

Giá trị sử dụng và giá trị là hai mặt của hàng hóa. Dưới chủ nghĩa xã hội, giá trị sử dụng trở thành mục đích của sản xuất hàng hóa và do đó cũng là mục đích của giá cả. Mối quan hệ giữa giá trị sử dụng và giá trị là mối quan hệ giữa mục đích và phương tiện, chúng thống nhất với nhau. Vì vậy, giá cả xã hội chủ nghĩa cũng là phương tiện nhằm đạt mục đích của nền sản xuất xã hội là tạo ra nhiều của cải vật chất với chi phí ít nhất

nhằm thỏa mãn các nhu cầu ngày càng tăng lên của xã hội và của con người.

Giá cả phải bù đắp được chi phí sản xuất và lưu thông theo những định mức tiêu hao lao động và tiêu hao vật tư chặt chẽ nhưng sát thực tế của từng loại hàng; đối với sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp, khai khoáng, giá cả phải bù đắp chi phí theo điều kiện tự nhiên của từng vùng, điều kiện đầy mạnh việc thâm canh thay cho quảng canh, điều kiện khai thác khoáng sản, lâm sản có xu hướng ngày càng khó khăn, tốn kém hơn, v.v.

Trong khi chăm lo khuyến khích việc sản xuất trong những điều kiện khó khăn, vẫn phải luôn luôn khắc phục tình trạng « làm ăn với bất cứ giá nào », không tính toán hiệu quả kinh tế, lợi dụng việc buông lỏng hạch toán kinh tế để đẩy chi phí sản xuất tăng lên giả tạo, làm bình phong che đậy mọi sự tham ô, lãng phí vật tư và tiền vốn của Nhà nước, thu lợi riêng cho đơn vị mình, dẫn đến phá giá đồng tiền. Mặt khác, đối với nước ta trong nhiều năm tới, phải bằng mọi cách tạo cho được một lượng giá trị sử dụng lớn thông qua việc sử dụng hết lực lượng lao động dồi dào đang còn thiếu công ăn việc làm và sử dụng tốt các năng lực sẵn có về tài nguyên thiên nhiên, đất đai, rừng, biển, khoáng sản, v.v. Giá cả phải góp phần thu hút được thêm sức lao động vào sản xuất ở những nơi điều kiện sản xuất khó khăn hơn, năng suất lao động có thể thấp hơn do lao động thủ công, chi phí sản xuất có thể cao hơn, nhưng năng suất lao động xã hội của 25 triệu lao động có việc làm sẽ tạo ra tổng sản phẩm xã hội lớn hơn.

2. *Tính đến giá cả của thị trường thế giới.*

Phân công lao động quốc tế giữa các nước ngày càng sâu rộng, quan

hệ kinh tế quốc tế ngày càng chặt chẽ là xu thế phát triển trong thời đại ngày nay. Trong điều kiện đó, giá cả trở thành tiêu chuẩn rất quan trọng, phản ánh quan hệ về lợi ích của các nước tham gia vào hệ thống kinh tế thế giới.

Sự biến động giá cả trên thị trường thế giới có ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả của nước ta. Tính đến sự biến động của giá thị trường thế giới là một tất yếu khách quan. Hơn nữa đó là yêu cầu của việc tính toán hiệu quả kinh tế của việc xuất khẩu và nhập khẩu.

Trong nhiều năm qua, do quan hệ kinh tế của nước ta với thế giới (mà trước hết và chủ yếu là đối với Liên-xô) được thực hiện thông qua hệ thống giá hình thành, cho nên chúng ta tạm thời tránh được tác động tiêu cực của sự biến động giá trên thị trường thế giới. Nhưng đồng thời do những thiếu sót của chúng ta, điều đó cũng làm cho hệ thống giá trong nước ta thấp một cách giả tạo, không phản ánh đúng tiêu chuẩn hiệu quả kinh tế của quan hệ trao đổi quốc tế, và gây nên lãng phí trong nước. Vì vậy, việc điều chỉnh giá vật tư nhập khẩu trở nên cấp bách. Giá bán buôn hàng nhập phải được tính toán trên cơ sở giá nhập mới trong thời gian 1981 - 1985 với tỷ giá kết toán mới, và mức giá bán buôn nói chung là tăng lên khá cao. Đây là một tác động rất lớn đối với nền kinh tế, cho nên cần phải tính toán đúng đắn và kỹ lưỡng các yếu tố hình thành giá cả (giá nhập khẩu bằng ngoại tệ, tỷ giá kết hối, mức doanh lợi trong giá bán buôn hàng nhập khẩu và giá bán buôn xí nghiệp, mức thu quốc doanh và các khoản thu khác vào ngân sách Nhà nước...).

3 - Phù hợp với sức mua của đồng tiền.

Giá cả, một mặt chịu tác động của các nhân tố định lượng của giá trị

hàng hóa, mặt khác chịu tác động của bản thân giá trị tiền tệ. Khi sức mua của đồng tiền bị giảm thì giá cả tăng, đó là điều không tránh khỏi. Một trong những thiếu sót của công tác giá vừa qua là chậm điều chỉnh giá cho thích ứng với sự giảm sút sức mua của đồng tiền, không kịp thời chủ động điều chỉnh giá thích hợp để bù đắp chi phí sản xuất (nhất là loại sản phẩm do nông dân, ngư dân, thợ thủ công sản xuất mà những người này phải sống một phần bằng giá thị trường «tự do»), cũng như không kịp thời điều chỉnh giá để điều tiết cung-cầu đã mất cân đối nặng do lượng tiền phát hành thêm.

Việc điều chỉnh giá phải được tính toán cho phù hợp với sức mua của đồng tiền, không phải dựa trên tiêu chuẩn sức mua của đồng tiền trên thị trường «tự do» mà là trên thị trường xã hội; mặt khác, phải trên cơ sở điều hòa lưu thông tiền tệ, quản lý chặt chẽ tiền mặt, sử dụng công cụ tiền tệ có hiệu quả, khuyến khích phát triển sản xuất, tăng cường nắm nguồn hàng trong tay Nhà nước, tăng cường quản lý thị trường mà cũng cố giá trị đồng tiền, ổn định giá cả.

4 - Giải quyết đúng đắn các quan hệ trong nền kinh tế quốc dân, trước hết là quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, thể hiện trong tỷ giá giữa hàng công nghiệp và hàng nông sản.

Vấn đề tỷ giá luôn luôn là một trong những vấn đề cơ bản của công tác kế hoạch hóa giá cả. Quan hệ tỷ giá hợp lý phản ánh được quan hệ tỷ lệ về hao phí lao động xã hội để sản xuất ra các hàng hóa của các bên tham gia trao đổi. Đồng thời, giá cả từng thứ hàng có thể tách rời trong một phạm vi nhất định giá trị hàng hóa, do đó quan hệ tỷ giá cũng có thể tách rời quan hệ tỷ lệ các chi phí sản xuất nói trên. Thông qua sự vận dụng khả năng tách rời đó, Nhà nước có thể thực hiện các chính sách khuyến

khích hay hạn chế sản xuất, tiền dùng đối với các sản phẩm khác nhau.

Trong việc điều chỉnh quan hệ tỷ giá giữa hàng nông sản và hàng công nghiệp trong giai đoạn trước mắt, cần giải quyết các vấn đề sau đây:

+ Hiện nay, tỷ giá này bị thu hẹp quá bất hợp lý, ảnh hưởng đến nhiều mối quan hệ kinh tế, cho nên cần thiết phải mở rộng ra. Trong việc mở rộng quan hệ tỷ giá này, cần tiến hành thận trọng, có căn cứ kinh tế. Tiêu chuẩn hàng đầu phải tính đến khi xác định tỷ giá này là người sản xuất phải có lợi, làm cho nông dân yên tâm, phấn khởi sản xuất, đồng thời Nhà nước có tích lũy hợp lý.

+ Hiệu quả kinh tế đem lại khi sử dụng tư liệu sản xuất nông nghiệp ở mỗi vùng, với mỗi phương thức canh tác, thậm chí mỗi vụ có khác nhau; vì vậy, cần quy định tỷ giá khác nhau cho từng vùng thậm chí từng vụ khác nhau, và có tính đến các chi phí khai hoang, hoặc đi vào thâm canh tăng vụ một cách phổ biến.

+ Nhà nước sử dụng tỷ giá khác nhau có phân biệt nông dân tập thể hóa (hợp tác xã, tập đoàn sản xuất) với nông dân cá thể nhằm giúp vào việc củng cố và phát triển quan hệ sản xuất mới ở nông thôn.

+ Không nên xem quan hệ tỷ giá nói trên là cái gì bất di bất dịch, mà phải thường xuyên xem xét, điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế trong từng thời kỳ nhất định.

5 - Giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa giá cả với tiền lương, giữa bảo đảm đời sống và tăng tích lũy cho Nhà nước.

Giá cả (nhất là giá bán lẻ hàng tiêu dùng) và tiền lương có quan hệ mật thiết với nhau. Với mức tiền lương danh nghĩa đã được quy định, nếu giá cả thay đổi thì tiền lương thực tế và mức sống của người ăn

lương sẽ thay đổi. Vì vậy, khi xem xét điều chỉnh giá bán lẻ hàng tiêu dùng không thể không tính đến quan hệ gắn bó giữa giá cả và tiền lương.

Trong tình hình hiện nay, một yêu cầu cấp bách là phải giữ vững đời sống công nhân, viên chức, không để giảm sút, và có phần cải thiện. Song việc giải quyết tiền lương và đời sống trong điều kiện hàng hóa còn thiếu, áp lực tiền tệ trong lưu thông rất lớn, thu nhập giữa các tầng lớp nhân dân quá khác nhau, đòi hỏi phải lựa chọn biện pháp giải quyết có hiệu quả. Nếu chỉ giải quyết quan hệ cung - cầu đơn thuần về mặt giá trị bằng cách tăng giá tất cả hàng hóa theo sát thị trường để bán bình thường và trên cơ sở đó tăng tiền lương tương ứng, thì nhất định giá thị trường sẽ tăng vọt, công nhân, cán bộ với tiền lương vừa được tăng thêm sẽ không mua được hàng và nhất định đời sống của họ và cả nền kinh tế sẽ gặp khó khăn lớn hơn.

Vì vậy biện pháp đúng đắn hơn cả là:

+ Bảo đảm cung cấp theo giá ổn định một số hàng thiết yếu theo định lượng, do Nhà nước quy định cho cán bộ, công nhân. Thương nghiệp có hệ thống cung cấp riêng để bảo đảm các mặt hàng cung cấp, ngân sách Nhà nước bù lỗ cho thương nghiệp.

+ Tăng thu nhập cho công nhân, viên chức bằng cách tạo thêm việc làm, cải tiến cách trả lương, (lương khoán, lương sản phẩm) và chế độ tiền thưởng...

+ Phụ cấp lương do giá sinh hoạt tăng.

Đối với những hàng không phải thuộc nhu cầu thiết yếu của đời sống, thì Nhà nước áp dụng chính sách bán bình thường, nhằm đấu tranh thị trường, điều tiết cung - cầu và thu nhập, để bù lỗ cho những hàng thiết yếu bán theo giá thấp.

Trong khi điều chỉnh giá mua để phát triển sản xuất, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giá bán lẻ và tiền lương, phải đồng thời giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa *tích lũy và tiêu dùng*, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển vững chắc, tạo điều kiện thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Chính sách giá phải bảo đảm cho xí nghiệp, hợp tác xã làm ăn bình thường có lãi, và Nhà nước có tích lũy. Giá mua nông sản quy định theo vùng phải có tính đến việc tập trung một phần địa tô chênh lệch vào tay Nhà nước, ở những vùng có điều kiện thiên nhiên ưu đãi. Điều chỉnh giá để xóa bỏ những việc bù lỗ bất hợp lý không có nghĩa là mọi hàng hóa đều phải có lãi như nhau, đều phải bảo đảm giá cả phản ánh đúng giá trị. Nếu chỉ đạo giá cả theo nguyên tắc đó thì về thực chất là biến giá cả thành một công cụ tính toán đơn thuần, mất hết tác dụng công cụ phân phối và chính sách đòn bẩy, không giải quyết đúng các mối quan hệ, mà cũng không thể giải quyết được vấn đề tiền lương và đời sống của công nhân viên chức. Ngược lại, phải trên cơ sở vận dụng cơ chế giá cả có thể tách rời giá trị đối với từng loại hàng mà thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước; có mặt hàng bán thấp hơn giá trị, cũng có những mặt hàng bán cao hơn giá trị theo quy luật tổng giá cả bằng tổng giá trị của tất cả hàng hóa.

6 - *Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa kế hoạch hóa và sử dụng quan hệ thị trường, giữa giá chỉ đạo của Nhà nước và giá thị trường "tự do".*

Cơ cấu thị trường nước ta hiện nay gồm hai loại: thị trường có kế hoạch và thị trường không có kế hoạch; cũng từ đó có hai hệ thống giá chịu sự chi phối của hai loại quy luật. Hai bộ phận thị trường này lại nằm trong một thể thống nhất, không biệt lập nhau mà tác động lẫn nhau, thể hiện rõ rệt và nhảy bèn trên lĩnh vực giá

cả. Vì vậy, trong công tác chỉ đạo giá cả, cần lấy *việc kế hoạch hóa làm chính*, tức là giá cả phải hình thành một cách có kế hoạch theo những yêu cầu của đường lối, chính sách của Đảng. Cần tránh hai khuynh hướng không đúng:

+ *Thứ nhất*, xem giá thị trường "tự do" là cái tiêu chuẩn phản ánh đúng đắn giá trị xã hội của hàng hóa và do đó là tiêu chuẩn của mọi cuộc điều chỉnh giá cả.

+ *Thứ hai*, xem hệ thống giá cả Nhà nước là duy nhất, không tính đến sự tồn tại khách quan của giá cả trên thị trường không có tổ chức, không chủ động sử dụng giá chỉ đạo tác động vào sự hình thành và vận động của giá cả trên thị trường "tự do", hướng nó phát triển cùng quỹ đạo và phụ thuộc vào giá chỉ đạo.

Vì vậy, hơn bất cứ thời kỳ nào trước đây, trong tình hình hiện nay, việc chỉ đạo giá cả phải lấy giá chỉ đạo của Nhà nước làm căn cứ, vận dụng đúng đắn *hai hệ thống giá*: giá tương đối ổn định do Nhà nước quy định và giá "linh hoạt", nhằm đấu tranh thị trường, điều hòa cung - cầu, phấn đấu ổn định giá trên thị trường "tự do".



Căn cứ vào tình hình hiện nay và các mục tiêu mà giá cả phải phục vụ, phương hướng chính sách giá cả trong thời gian tới là: « *Điều chỉnh giá cả để kích thích sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp; tiến tới cải cách toàn bộ hệ thống giá Nhà nước theo hướng làm cho giá phản ánh đầy đủ hơn các chi phí hợp lý về sản xuất và lưu thông, bảo đảm cho người sản xuất có lợi nhuận thỏa đáng; giá phải phù hợp với sức mua của đồng tiền, và có tính đến giá hàng nhập của thị trường thế giới; xóa bỏ những bù lỗ bất hợp lý của Nhà nước* »

và chấm dứt tình trạng xí nghiệp sản xuất, kinh doanh bị lỗ vốn do giá sai... » (Nghị quyết số 26 NQ/TU ngày 23-6-1980 của Bộ chính trị). Phương hướng trước mắt là : *« Điều chỉnh từng bước, hệ thống giá Nhà nước cho phù hợp với tình hình thực tế, dần dần đi đến xác định hệ thống giá mới ; không lấy giá thị trường « tự do » (trong đó có những yếu tố đầu cơ phá hoại) làm căn cứ để chỉ đạo giá và các hoạt động kinh tế ; nắm và chỉ đạo hai hệ thống giá : hệ thống giá tương đối ổn định do Nhà nước xác định và công bố (giá thu mua trong nghĩa vụ và giá bán tư liệu sản xuất theo hợp đồng kinh tế hai chiều, giá bán lẻ những mặt hàng thiết yếu...) và hệ thống giá vận dụng linh hoạt trong hoạt động kinh doanh của Nhà nước và hợp tác xã »* (Chỉ thị 109 ngày 19-5-1981 của Bộ chính trị).

Để thực hiện tốt phương hướng và nhiệm vụ giá cả nêu trên, cần nắm vững *phương châm* của chính sách giá trong thời gian tới là : *« điều chỉnh từng bước, ổn định từng phần, đấu tranh giữ giá và kéo dần giá thị trường « tự do » xuống, dần dần đi đến xác định hệ thống giá mới. Xây dựng một hệ thống giá mới có căn cứ kinh tế, phản ánh được giá trị của hàng hóa, làm cho hệ thống giá thực hiện được*

chức năng là một công cụ quản lý kinh tế có hiệu lực... là đòi hỏi rất cấp bách của nhiệm vụ phát triển kinh tế trong kế hoạch Nhà nước 1981 — 1985 và cũng là mục tiêu của công tác giá trong thời gian tới.

Nhưng trong tình hình kinh tế chưa ổn định, quan hệ cung — cầu, tiền — hàng còn chưa cân đối, thị trường đang biến động, thì những căn cứ hình thành giá cũng đang chuyển động. Vì vậy không thể xây dựng được ngay một hệ thống giá mới hợp lý và ổn định, mà phải trải qua một quá trình *điều chỉnh từng bước*. Đi đôi với việc điều chỉnh giá, phải *ổn định từng phần* giá cả và đấu tranh làm chủ thị trường « tự do ». Qua nhiều lần điều chỉnh như vậy mà góp phần làm cho nền kinh tế phát triển được ổn định và cân đối hơn, tức cũng là tạo tiền đề để xác định những cơ sở đúng đắn cho sự hình thành hệ thống giá mới hợp lý và ổn định. Đó là cả một cuộc đấu tranh gian khổ để cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển sản xuất, ổn định tình hình kinh tế và đời sống, từng bước xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, chấn chỉnh và cải tiến quản lý, tăng cường nền chuyên chính vô sản và chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA NHÂN TỐ DÂN TỘC VÀ NHÂN TỐ QUỐC TẾ (*)

HỒNG - CHƯƠNG

Thưa các đồng chí và các bạn thân mến,

Chúng tôi rất vui mừng phấn khởi được tham dự cuộc Hội nghị lý luận khoa học quốc tế do tạp chí « Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội » phối hợp với Trung ương Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Hung-ga-ri tổ chức. Thay mặt những người làm công tác lý luận của Đảng cộng sản Việt-nam, chúng tôi xin gửi đến các đồng chí lời chào mừng nhiệt liệt nhất. Xin gửi đến các đồng chí Hung-ga-ri, những người chủ nhà mến khách của chúng tôi, lời cảm ơn sâu sắc nhất.

Thưa các đồng chí và các bạn thân mến,

Là người con của một dân tộc bị chủ nghĩa đế quốc áp bức và dày xéo 117 năm, dựa vào sự đoàn kết quốc tế của các nước xã hội chủ nghĩa, của phong trào cộng sản và công nhân, của phong trào giải phóng dân tộc để đấu tranh giành lại chủ quyền

dân tộc, chúng tôi rất quan tâm đến đề tài mà những người tổ chức hội nghị đã đề ra: « Phép biện chứng của dân tộc và quốc tế trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế ». Đề tài này làm cho chúng tôi hứng thú vì nó có liên quan đến công tác lý luận và công tác thực tiễn của Đảng chúng tôi. Soi sáng đề tài này về mặt lý luận sẽ giúp cho chúng tôi làm công tác thực tiễn được tốt hơn. Chúng tôi tin chắc rằng qua sự trao đổi ý kiến trong cuộc hội nghị lý luận khoa học này, chúng tôi sẽ học tập được nhiều điều bổ ích.

Dưới đây chúng tôi xin trình bày một số kinh nghiệm của cách mạng Việt-nam có liên quan đến đề tài « Phép biện chứng của dân tộc và quốc tế trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế ».

* Bài phát biểu tại Hội nghị lý luận khoa học quốc tế do Tạp chí « Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội » phối hợp với Trung ương Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Hung-ga-ri tổ chức tại Ba-la-tôn phôn-đơ-va từ ngày 5 đến ngày 7-5-1981.

Thưa các đồng chí và các bạn thân mến,

Những người cộng sản Việt-nam chúng tôi hầu hết đã trải qua con đường mà đồng chí Hồ-Chí-Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng cộng sản Việt-nam đã đi, tức là con đường từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản. Lúc đầu, chúng tôi, những người Việt-nam yêu nước, chưa biết đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Là những người mất nước, chúng tôi đi tìm con đường cứu nước. Trải qua nhiều thất bại và đau khổ, chúng tôi đến được với chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Chúng tôi tìm thấy ở chủ nghĩa đó một lý luận khoa học, một vũ khí sắc bén để đấu tranh chống kẻ thù xâm lược giải phóng đất nước. Chúng tôi cũng tìm thấy ở đó phương hướng để xây dựng đất nước chúng tôi sau khi giải phóng khỏi ách thống trị của nước ngoài. Trải qua đấu tranh cách mạng, vừa nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vừa làm công tác thực tiễn, chúng tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ. Nhờ tiếp thu được chủ nghĩa Mác - Lê-nin, cách mạng Việt-nam có được đường lối đúng đắn và có triển vọng giành thắng lợi. Thắng lợi của cách mạng Việt-nam chính là thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trên đất nước chúng tôi.

Nếu ở các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây, đảng cộng sản ra đời trên cơ sở kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân, thì ở Việt-nam Đảng cộng sản được thành lập trên cơ sở kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Chính vì thế Đảng cộng sản Việt-nam không chỉ có cơ sở ở các thành thị và các khu công nghiệp là nơi tập

trung giai cấp công nhân, mà còn có cơ sở ở khắp vùng nông thôn rộng lớn, nơi không có giai cấp công nhân mà chỉ có nông dân và các tầng lớp nhân dân yêu nước khác. Điều đó bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng bao trùm lên toàn bộ đất nước chúng tôi. Đảng cũng đã thu hút vào hàng ngũ của mình những phần tử ưu tú trong tầng lớp trí thức yêu nước. Ngay từ đầu Đảng xuất hiện với tư cách là lãnh tụ của phong trào yêu nước giương cao ngọn cờ dân tộc và ngọn cờ chủ nghĩa xã hội. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin được nhân dân Việt-nam công nhận là người lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc, là đội tiên phong của cả dân tộc. Do thành phần xuất thân từ giai cấp công nhân trong Đảng chúng tôi ít, Đảng chúng tôi đặc biệt coi trọng việc giáo dục về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và lập trường giai cấp vô sản cho cán bộ, đảng viên.

Hoạt động trong hoàn cảnh một nước thuộc địa, Đảng chúng tôi nắm vững mối quan hệ khăng khít giữa thuộc địa và «chính quốc». Đồng chí Hồ-Chí-Minh đã ví chủ nghĩa đế quốc như con dĩa có hai vôi, một vôi hút máu của giai cấp vô sản ở chính quốc, một vôi hút máu của giai cấp vô sản ở thuộc địa. Người cũng ví cách mạng vô sản như con chim có hai cánh, một cánh là cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa, một cánh là cách mạng vô sản ở chính quốc. Mối quan hệ giữa cách mạng vô sản ở «chính quốc» và cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa là mối quan hệ ủng hộ lẫn nhau. Sự ủng hộ của giai cấp vô sản ở «chính quốc» có tác động tích cực đối với cách mạng ở thuộc địa. Cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa cũng tác động ngược trở lại đối với cách mạng vô sản ở «chính quốc». Trong khi đặt cách mạng ở thuộc địa trong mối quan hệ mật thiết

với cách mạng ở «chính quốc». Đảng chúng tôi cho rằng cách mạng ở thuộc địa không nên bị động trông chờ thắng lợi của cách mạng ở «chính quốc». Đảng chúng tôi nhấn mạnh tính chủ động của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và khẳng định rằng trong thời đại ngày nay, với những điều kiện thuận lợi nhất định, cách mạng giải phóng dân tộc có thể thắng lợi trước ở thuộc địa và trở thành một sự ủng hộ và cổ vũ to lớn đối với cách mạng vô sản ở «chính quốc». Đồng chí Hồ-Chí-Minh đã từng nói các thuộc địa, nơi cung cấp lương thực và binh lính cho các nước đế quốc, có tầm quan trọng rất lớn đối với sự tồn tại của chủ nghĩa đế quốc: «nếu chúng ta muốn đánh bại các nước đế quốc, thì trước hết chúng ta phải tước hết thuộc địa của chúng đi».

Các dân tộc ở thuộc địa đều có chung một kẻ thù là chủ nghĩa đế quốc cần đoàn kết cùng nhau đề chống lại kẻ thù chung đó để giành lại độc lập dân tộc. Kẻ thù của dân tộc bị áp bức ở thuộc địa cũng là kẻ thù của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở «chính quốc». Các dân tộc bị áp bức ở thuộc địa và giai cấp công nhân, nhân dân lao động ở «chính quốc» phải đoàn kết lại để đánh đổ kẻ thù chung đó. Song muốn giành được độc lập, tự do, mỗi dân tộc bị áp bức ở thuộc địa không được ỷ lại trông chờ thắng lợi của cách mạng vô sản ở «chính quốc» đem lại sự giải phóng cho mình, mà phải trông cậy trước hết vào lực lượng của bản thân mình, phải tự mình giải phóng cho mình.

Đảng chúng tôi cho rằng trong thời đại ngày nay chỉ có đi theo con đường cách mạng vô sản thì cách mạng giải phóng dân tộc mới phát triển đúng theo xu thế khách quan của lịch sử, mới giành được thắng lợi chắc chắn. Đồng chí Hồ-Chí-Minh viết: «Muốn cứu nước và giải phóng dân

tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản». Đảng chúng tôi cho rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới đem lại độc lập thật sự và hoàn toàn cho mỗi dân tộc, mới bảo đảm cho các dân tộc bị áp bức vĩnh viễn thoát khỏi mọi ách nô dịch và có được cuộc sống ấm no hạnh phúc. Cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng vô sản trên phạm vi toàn thế giới; cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn. Đảng chúng tôi cho rằng giữa giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội có mối quan hệ mật thiết.

Đảng chúng tôi luôn luôn khẳng định rằng cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt-nam phải do giai cấp công nhân lãnh đạo. Ở một nước thuộc địa, nông dân chiếm tỷ lệ rất cao trong dân cư, Đảng chúng tôi đặc biệt coi trọng việc vận động nông dân và xây dựng liên minh công nông; song Đảng chúng tôi cho rằng nông dân phải có sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thì mới phát huy được khả năng cách mạng to lớn của mình liên minh công nông phải do giai cấp công nhân lãnh đạo thì cách mạng mới thắng lợi được. Ngay từ năm 1923, đồng chí Hồ-Chí-Minh đã nhấn mạnh điều đó. Tại diễn đàn Hội nghị Quốc tế nông dân năm 1923, đồng chí Hồ-Chí-Minh đã nói: «Trong thời đại ngày nay, chỉ có giai cấp công nhân là giai cấp độc nhất và duy nhất có sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng, bằng cách liên minh với nông dân. Những trào lưu cơ hội chủ nghĩa, phình nở nông dân, coi nông dân là lực lượng chủ yếu, là động lực duy nhất của cách mạng, là đội ngũ cách mạng nhất, chỉ dẫn tới chủ nghĩa phiêu lưu, chủ nghĩa cực đoan vô chính phủ và đi tới chỗ phản bội chủ nghĩa Lê-nin mà thôi». Đảng chúng tôi bác bỏ quan điểm của những

người theo chủ nghĩa Mao cường điệu vai trò của nông dân, phủ nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong cách mạng.

Đảng chúng tôi chủ trương xây dựng và tăng cường đoàn kết quốc tế. Đồng chí Hồ-Chí-Minh nói: «Bốn phương vô sản đều là anh em». Chúng tôi chủ trương tăng cường đoàn kết trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Đoàn kết với Liên-xô, thành quả vĩ đại của Cách mạng tháng Mười, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên, trụ cột của hòa bình, chỗ dựa vững chắc của cách mạng thế giới là biểu hiện quan trọng của chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi luôn luôn chăm lo tăng cường đoàn kết với Liên-xô. Chúng tôi tăng cường đoàn kết với Lào và Cam-pu-chia, với các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, đoàn kết với các đảng cộng sản và công nhân anh em, đoàn kết với các dân tộc đấu tranh cho độc lập, tự do. Chúng tôi chủ trương đoàn kết với các nước trong phong trào không liên kết; đoàn kết với nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới. Đoàn kết quốc tế vừa đề tranh thủ sự đồng tình ủng hộ giúp đỡ của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới đối với cách mạng Việt-nam; vừa đề góp phần tích cực của nhân dân Việt-nam vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Đoàn kết quốc tế không những cần thiết cho sự nghiệp đấu tranh giành chính quyền, tiến hành chiến tranh giải phóng đánh đuổi quân xâm lược nước ngoài, giành độc lập tự do và thống nhất Tổ quốc, mà còn rất cần thiết cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng tôi.

Trong thời đại ngày nay, về mặt kinh tế, giữa các nước có mối quan

hệ rất mật thiết. Không một dân tộc nào có thể sống tách biệt khỏi các dân tộc khác như Rô-bin-xơn Cờ-ruy-dô-ê sống một mình trên hòn đảo. Về mặt kinh tế, đoàn kết và hợp tác quốc tế là một điều kiện quan trọng để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trong một nước, nhất là các nước thuộc địa mới giành được độc lập.

Về mặt kinh tế, mỗi chủ nghĩa đế quốc, bao gồm «chính quốc» và thuộc địa, là một đơn vị, trong đó mỗi thuộc địa là một bộ phận cấu thành và là bộ phận phụ thuộc. Sau khi được giải phóng, nước thuộc địa gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế vì nó không thể tìm thấy trong bản thân nó sự cân đối về các mặt như cân đối giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ, giữa khu vực sản xuất tư liệu sản xuất và khu vực sản xuất tư liệu tiêu dùng, giữa sản xuất và lưu thông phân phối,... Chỉ có thông qua sự đoàn kết và hợp tác với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, nó mới có thể tạo ra dần dần sự cân đối đó. Và chỉ có thông qua sự đoàn kết và hợp tác quốc tế đó, nó mới có thể từng bước xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, làm cơ sở cho nền độc lập về chính trị đã giành được.

Lê-nin đã dạy rằng các nước thuộc địa sau khi thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, có thể dựa vào sự giúp đỡ của các nước chuyên chính vô sản thành công trước để tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản. Tuân theo lời dạy đó của Lê-nin, sau khi giành được độc lập và thống nhất, Việt-nam đã ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác với Liên-xô, đã gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế, đã thực hiện sự liên minh và hợp tác toàn diện với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa chân chính khác. Những

biện pháp đúng đắn đó có tác dụng tích cực bảo đảm cho nhân dân chúng tôi xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước mình.

Việt-nam trước đây là một thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, kinh tế lạc hậu, sản xuất nhỏ là chủ yếu. Ngày trước, Tờ quốc chúng tôi chỉ là một cái mỏ lớn cung cấp các thứ quặng cho nền công nghiệp của «chính quốc» và là một cái chợ lớn để tiêu thụ hàng công nghiệp của chính quốc. Sau ngày giải phóng, nền kinh tế của nước chúng tôi mất cân đối nghiêm trọng. Chúng tôi gặp nhiều khó khăn trong việc khôi phục và phát triển kinh tế. Chỉ có liên minh và hợp tác toàn diện với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa chân chính, chúng tôi mới xây dựng thành công nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trên đất nước chúng tôi.

Một mặt, đảng chúng tôi vạch rõ cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thấy rằng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội chúng tôi cần phải tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, phải tích cực tham gia sự phân công và hợp tác quốc tế giữa các nước xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, đảng chúng tôi nhắc nhở cán bộ, đảng viên và nhân dân phải phát huy đến mức cao nhất sự cố gắng của bản thân để xây dựng đất nước, không được ỷ lại trông chờ sự viện trợ của các nước anh em. Đảng chúng tôi vạch rõ cho mọi người thấy rằng trong hoàn cảnh quốc tế hiện nay, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa tồn tại và phát triển không ngừng, mỗi dân tộc sau khi thoát khỏi ách áp bức, bóc lột, và giành được quyền làm chủ đất nước, với sự cố gắng của bản thân, có thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước của mình.

Thưa các đồng chí và các bạn thân mến,

Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động trên thế giới đang câu kết với nhau để chống lại các lực lượng cách mạng. Sự đoàn kết quốc tế của các lực lượng cách mạng là điều kiện tất yếu để chiến thắng chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động.

Ngày nay các dân tộc đang thức tỉnh. Chủ nghĩa yêu nước là động lực mạnh mẽ của cách mạng trong mỗi nước.

Nắm vững quan hệ biện chứng giữa nhân tố dân tộc và nhân tố quốc tế, chúng ta sẽ làm tốt công tác tuyên truyền cách mạng, thúc đẩy cuộc đấu tranh của nhân dân các nước, đẩy lùi từng bước các thế lực đế quốc và phản động, giành thắng lợi từng bước cho cách mạng, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn, tích cực thúc đẩy sự quá độ của thế giới từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Việc tuyên truyền rộng rãi các quan điểm của Mác, Ăng-ghe-nê và Lê-nin về vấn đề dân tộc và quốc tế lúc này là rất cần thiết. Công tác này đòi hỏi phải đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa dân tộc tư sản và chủ nghĩa cơ hội các loại. Một trong những thứ chủ nghĩa cơ hội nguy hiểm hiện nay là chủ nghĩa Mao. Chủ nghĩa Mao là chủ nghĩa dân tộc tư sản tệ hại nhất. Nấp dưới chiêu bài chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nó là một thứ chủ nghĩa sô vanh phản động. Chủ nghĩa Mao là chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn. Tham vọng của nó là thực hiện bá quyền của Trung-quốc ở Đông Á và trên toàn thế giới. Nó câu kết với chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác chống cộng đồng xã hội chủ nghĩa, chống phong trào cộng sản và công nhân, chống phong trào giải phóng dân tộc. Mang mặt nạ cộng sản nó là thứ chủ nghĩa chống cộng xấu xa

nhất. Bộ mặt thật của chủ nghĩa Mao đã bộc lộ hoàn toàn khi tập đoàn cầm quyền theo chủ nghĩa Mao ở Bắc-kinh đem 60 vạn quân tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, một nước vừa giành được độc lập sau hơn một thế kỷ bị chủ nghĩa đế quốc thống trị, và sau hơn 30 năm kháng chiến chống chủ nghĩa đế quốc, đang xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đồng ruộng của chiến tranh.

Tập đoàn cầm quyền theo chủ nghĩa Mao ở Bắc-kinh tự nguyện làm đối xung kích phản cách mạng chống Liên-xô mà nó vu khống là « đại bá ». Nó hô hét dạy « bài học thứ hai » cho Việt-nam mà nó vu khống là « tiểu bá ». Nó tuyên truyền kỳ thị dân tộc. Nó kích động những tinh cảm dân tộc thấp hèn nhất trong nhân dân Trung-quốc hòng kích động nhân dân Trung-quốc chống Liên-xô, chống Việt-nam, chống Cu-ba và các nước xã hội chủ nghĩa chân chính khác. Nó tuyên truyền chia rẽ các dân tộc ở Đông-dương và Đông Nam Á hòng thúc đẩy dân tộc này chống lại dân tộc khác để nó hưởng lợi. Nó thực hiện chính sách « lấp lỗ trống » ở Đông Nam Á trong khi chủ nghĩa đế quốc đang từng bước bị đẩy ra khỏi khu vực này.

Cách đây mấy chục năm đế quốc Nhật đưa ra kế hoạch Đại Đông Á nhằm thôn tính các nước Đông Á. Sau khi đế quốc Nhật bị đánh bại trong chiến tranh thế giới thứ hai, kế hoạch Đại Đông Á của Nhật tan thành mây khói. Ngày nay tập đoàn cầm quyền theo chủ nghĩa Mao ở Bắc-kinh mưu toan thực hiện kế hoạch Đại Đông Á của Trung-quốc hòng thiết lập bá quyền của Trung-quốc ở Đông Á. Di theo vết xe đã đổ của đế quốc Nhật, chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung-quốc nhất định cũng sẽ thất bại thảm hại như tiền bối của nó mà thôi.

Thưa các đồng chí và các bạn thân mến,

Sau hơn 30 năm kháng chiến chống đế quốc Pháp và đế quốc Mỹ, nhân dân Việt-nam không có nguyện vọng nào khác hơn là được sống trong hòa bình để xây dựng lại đất nước, khôi phục và phát triển kinh tế, cải thiện đời sống, mở rộng quan hệ với các dân tộc trên thế giới. Nhưng tập đoàn cầm quyền theo chủ nghĩa Mao ở Bắc-kinh coi một nước Việt-nam thống nhất, xã hội chủ nghĩa, có đường lối độc lập tự chủ, đoàn kết quốc tế trong sáng là trở ngại lớn nhất đối với mưu đồ bành trướng, bá quyền của nó xuống khu vực Đông Nam Á. Nó mượn tay bọn Pôn Pốt - lêng Xa-ry làm công cụ xâm lược gây chiến tranh ở biên giới tây-nam Việt-nam và huy động 60 vạn quân tiến công xâm lược miền Bắc Việt-nam. Nhưng bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc đã thất bại nhục nhã. Quân và dân Việt-nam giữ vững chủ quyền và lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, đã đẩy lùi cuộc tiến công xâm lược của bọn phản động Trung-quốc, đồng thời giúp nhân dân Cam-pu-chia đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt - lêng Xa-ry, mở ra một giai đoạn mới trong quan hệ đoàn kết chiến đấu Việt-nam - Lào - Cam-pu-chia.

Không cam chịu thất bại, bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc đang ráo riết chuẩn bị cho Việt-nam « bài học thứ hai ». Chúng lôi kéo các nước đế quốc và bọn phản động các nước bao vây kinh tế ba nước Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia. Chúng tiến hành phá hoại ở nội địa Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia bằng nhiều cách: chiến tranh phá hoại kinh tế, chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý. Hiện nay chúng đang chiếm đóng một số hòn đảo của nước chúng tôi và nhiều nơi ở phía Bắc nước chúng tôi sát biên giới. Chúng

tập trung quân sát biên giới phía Bắc nước chúng tôi, thường xuyên khiêu khích, gây xung đột quân sự. Chúng công khai hô hào bạo loạn phản cách mạng lật đổ Ban lãnh đạo của Đảng và Nhà nước chúng tôi.

Trước nguy cơ xâm lược của Trung-quốc, ngày nay nhân dân Việt-nam đang đứng trước những nhiệm vụ mới rất nặng nề và rất vẻ vang. Đất nước chúng tôi tuy có hòa bình, nhưng phải luôn luôn chuẩn bị chống chiến tranh xâm lược của bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh. Tình hình đó đòi hỏi toàn Đảng toàn dân và toàn quân Việt-nam chúng tôi phải thường xuyên cảnh giác và nỗ lực phi thường để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chính mình.

Trong cuộc chiến đấu chống chủ nghĩa đế quốc và chống chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung-quốc

cũng như trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng tôi luôn luôn được sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của các nước anh em và các Đảng anh em trong hệ thống xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Chúng tôi mãi mãi biết ơn sâu sắc về sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ quý báu đó.

Thưa các đồng chí và các bạn thân mến,

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin là vô địch. Nắm vững quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về quan hệ biện chứng giữa nhân tố dân tộc và nhân tố quốc tế, nhất định chúng ta sẽ làm tốt công tác của chúng ta, đưa sự nghiệp cách mạng của chúng ta tiến lên thu được thắng lợi ngày càng to lớn hơn nữa.

Xin cảm ơn các đồng chí và các bạn.

« PHÁN »

PHÁN. « phán truyền », « phán bảo », « phán xử », « phán xét » là những từ ngày xưa dùng để chỉ ý kiến của vua chúa, của quan tòa, hoặc của các đấng bề trên ban ra, truyền xuống cho các bầy tôi, cho dân dân thiên hạ. Trong đời sống của những người dân bình thường người ta ít dùng những từ đó. Nói cách khác, chỉ có vua quan, những kẻ có quyền, có thế, có thái độ kẻ cả mới hay phán và thích phán.

Nhưng gần đây trong chúng ta có một số người thích « phán », và do đó mà từ « phán » xuất hiện với tần số tương đối cao. Nó được dùng với ý nghĩa châm biếm khá sâu sắc.

Xin nêu một số ví dụ :

Có cán bộ phụ trách, với chức năng chỉ đạo trực tiếp của mình, đáng lẽ phải đưa ra được những ý kiến chỉ đạo cụ thể, thiết thực, phải lẫn lộn trong công tác thực tế, đi sâu nắm chắc vấn đề, tổ chức thực hiện bằng được các chỉ thị, nghị quyết của Đảng thì anh ta lại chỉ « phán » một cách rất chung chung. Dường như trách nhiệm của anh ta chỉ là « phán » ; « phán » xong là anh ta hết trách nhiệm ! Nhiều khi vì không nắm được vấn đề hoặc vì « lực bất tòng tâm » anh ta chỉ đưa ra được « mấy đường tơ » chung chung, vô bổ. Nhiều người đã rí tai nhau : « Nếu cứ « phán » suông như thế thì ai chả « phán » được ».

Và cái câu « thủ trưởng « phán » mấy đường tơ » đã trở thành khá phổ biến ở một số cơ quan, đơn vị để giễu nhẽ cán bộ làm việc kiêu như vậy.

Cũng có những đồng chí khi nói thì hay, thì đúng. Chẳng hạn như : « Chúng ta phải gương mẫu trước quần chúng, phải miệng nói tay làm, phải sống cho trong sạch, không được tham ô, ăn cắp của công, phải giữ gìn kỷ luật của Đảng, phải đồng cam cộng khổ với quần chúng, phải... » Đúng quá ! Nhưng khổ một nỗi là bản thân người phát ra những lời vàng ngọc đó lại không làm đúng như lời mình nói, nhiều khi nói một đường làm một nẻo, thành thử những lời nói hay ho của họ chẳng có ý nghĩa gì, và người ta đánh giá « ông ấy chỉ « phán » là giỏi ».

Một số đồng chí khác không chín chắn, thận trọng khi phát ngôn. Là người « cầm cân nảy mực » ở đơn vị, trước một sự việc, một hiện tượng, nhất là những sự việc, hiện tượng mới và phức tạp, đáng lý phải xem xét cụ thể, tìm hiểu kỹ càng rồi hãy có ý kiến, đồng chí đó lại vội vã « phán » ngay. Có những việc hệ trọng như nhận xét cán bộ, đánh giá tình hình công tác... đồng chí đó cũng kết luận một cách vội vàng, thiếu sự cân nhắc, thận trọng cần thiết. Hoặc giả khi về nghiên cứu, xem xét thực tế ở một địa phương, vừa mới chân ướt chân

ráo, chưa hiểu hết tình hình cụ thể ở đó thế nào (và có trường hợp cũng không phải là trách nhiệm của mình nữa), đã vội đưa ra những ý kiến «quan trọng», có khi rất «bạo phôi». Nhiều người thường gọi những đồng chí này là những anh «phán ầu».

Như vậy, trước hết «phán» là một hiện tượng thường thấy ở một số cán bộ có chức có quyền. Tuy nó có những biểu hiện, những hình vẽ khác nhau nhưng chung quy đều là biểu hiện của thứ tư tưởng chủ quan, của thái độ bề trên, có khi pha lẫn cả sự non kém về kiến thức, trình độ hoặc về phương pháp tư tưởng. Cứ đề ý quan sát mà xem, những người thích «phán» thường là những người thích đứng cao hơn người khác một cái đầu, thích tỏ ra ta đây là «cỡ này cỡ nọ», thích lên giọng «dạy bảo» người khác. Họ thường nghĩ rằng ý kiến của mình bao giờ cũng là chân lý, là «khuôn vàng thước ngọc», và lầm tưởng rằng do có chức có quyền, họ nói thế nào thì quần chúng và cấp dưới cũng phải nghe. Họ không nhớ rằng chính vì họ là người giữ cương vị phụ trách, cho nên mọi lời phát ra của họ càng phải chín chắn, thận trọng. Nếu không chịu khó nghiên cứu, đi sâu vào thực tiễn, lắng nghe ý kiến quần chúng, tìm hiểu công việc kỹ càng, chỉ bằng vào những kiến thức và kinh nghiệm ít ỏi, cù kỹ của mình để mà «phán» thì chẳng giải quyết được vấn đề, thậm chí còn gây ra những tác hại không nhỏ. Có khi chỉ vì một lời «phán» sai, một câu kết luận hồ đồ mà ảnh hưởng tới cả một phong trào, công việc trở thành rối rắm, cán bộ tốt bị hiểu thành xấu, việc đáng khen trở thành đáng chê, hoặc ngược lại. Ví dụ: đã có trường hợp trên cùng một cánh đồng, hôm qua anh cán bộ tỉnh về thăm bảo phải trồng đậu tương, hôm nay chị cán bộ huyện về bảo phải trồng khoai lang, hôm sau nữa một anh vụ trưởng ở trung ương về lại bảo phải trồng thứ khác..

Nhiều lời «phán» quá, không còn biết lối nào mà lần!

Đó là chưa kể đối với bản thân người «phán», nếu cứ «phán» theo những kiểu như vậy thì uy tín của họ sẽ còn gì? Hoặc nếu lời nói không đi đôi với việc làm, nói một đường làm một nẻo thì họ còn thuyết phục được ai?

Nhưng đừng nghĩ rằng chỉ những người có chức có quyền mới «phán». Trong thực tế còn có không ít những người tuy chẳng có chức tước gì nhưng cũng thích «phán» ra phết đấy. Trước những khó khăn, tiêu cực trong kinh tế và đời sống hiện nay họ cũng ra dáng «quan tòa», tự xếp mình lên trên hoặc đứng ngoài cuộc để phán xét một cách rất chủ quan, tùy tiện. Họ chê bai hết việc này đến việc nọ, bắt bẻ hết lý này đến lẽ khác, dường như họ chẳng có trách nhiệm gì, trong khi trên thực tế chính bản thân họ cũng là một sức ỳ, là một trong những người làm sai, làm bậy. Thậm chí có người phủ nhận cả đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng, nói năng lung tung, cứ như là trên đời này chỉ có một mình anh ta là sáng suốt, là tài giỏi; anh ta là trung tâm của lẽ phải, là cái rốn của chân lý (!) Nhiều khi chẳng hiểu biết tý gì anh ta cũng «phán»; mới nghe đồn hoặc mới biết phong thanh, chưa rõ thực hư thế nào đã «phán»; «phán» bừa bãi, vô trách nhiệm. Có khi vô tình tự biến mình thành cái loa phát ngôn, cái đài tiếp âm cho bọn chiến tranh tâm lý mà không biết.

Ấy thế mà những người như vậy cứ ngộ nhận rằng mình «phán» như vậy là có «dũng khí đấu tranh»! Họ không hiểu rằng đó chính là một biểu hiện của tính vô tổ chức, rất xa lạ với tinh thần xây dựng của những người có ý thức làm chủ.

Nói chung, những người «phán» vô tổ chức này là những người vừa kém tinh thần trách nhiệm, vừa mắc bệnh

chủ quan khi phát ngôn. Họ nhìn nhận sự việc, đánh giá tình hình một cách phiến diện, đơn giản. Biết ít nhưng lại muốn tỏ ra thành thạo, chưa nắm hoặc nắm chưa đầy đủ vấn đề đã vội « phán ». « Phán » không kịp suy nghĩ, không cần biết có đúng sự thật hay không.

Tục ngữ ta có câu : « Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe ». Có thể đó cũng là một tác phong cần thiết cho công tác của cán bộ, đảng viên chúng ta. Nó giúp cho chúng ta chín chắn hơn, thận trọng hơn và cũng thể hiện sự tôn trọng cần thiết của chúng ta đối với người khác.

Đương nhiên, ta không nhầm lẫn cho rằng mọi ý kiến nhận xét, phê bình, chỉ đạo kịp thời đều là vội vã, là đáng trách. Không, trong thực tế có rất nhiều đồng chí do hiểu biết rộng, từng trải nhiều, giàu kinh nghiệm, cho nên trước những vấn đề gay cấn, phức tạp, thường có được ngay những ý kiến sắc sảo, kịp thời, những quyết định dứt khoát và đúng đắn. Điều đó là hoàn toàn cần thiết. Chúng ta rất quý mến và trân trọng

những cán bộ như thế, cách làm như thế.

Chúng ta cũng không máy móc nghĩ rằng chỉ những ai quen với lĩnh vực nào, làm giỏi việc nào mới có quyền được phát biểu ý kiến về những việc ấy. Trái lại, Đảng ta luôn luôn yêu cầu mọi cán bộ, đảng viên phải nêu cao ý chí cách mạng, dũng khí đấu tranh, làm việc hết sức mình và phát biểu thẳng thắn những ý kiến xây dựng của mình, không quá « thận trọng » đến mức thu mình lại, không dám phê bình, đấu tranh.

Vấn đề quan trọng ở đây là khi đưa ra một ý kiến, một nhận xét, một lời khuyên... chúng ta cần *xác định* đầy đủ *trách nhiệm của mình, và phải có phương pháp đúng*. Tức là phải có nghiên cứu, có suy nghĩ, có cân nhắc thận trọng, nói đúng chỗ, đúng lúc; suy tính đầy đủ đến tác dụng, hiệu quả và hậu quả lời nói của mình, không « phán » vội và nhất là không « phán » bừa, « phán » ẩu. Cương vị càng cao, trách nhiệm càng lớn lại càng phải thận trọng.

TRỌNG-NGHĨA

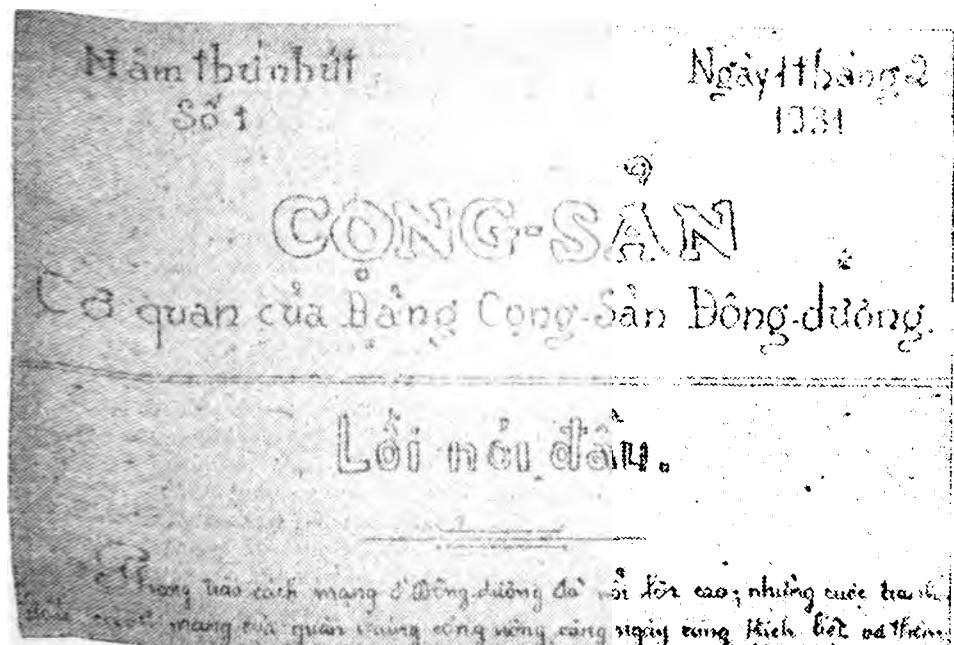
Tạp chí CỘNG SẢN số đầu tiên

LỜI BỐ BIÊN TẬP: Công tác lý luận là mối quan tâm hàng đầu của Đảng ta. Những năm đầu khi vừa mới thành lập, cùng với việc xuất bản báo, Đảng ta đã xuất bản Tạp chí để giáo dục lý luận và chính sách cho cán bộ và đảng viên. Tạp chí Cộng sản, cơ quan lý luận của Đảng, xuất bản số đầu tiên ngày 1-2-1931. Trong Lời nói đầu, tạp chí Cộng sản đã nói rõ mục đích chính của mình là « giải thích chính sách của Quốc tế cộng sản và của đảng ta, kích lệ công kích những tư tưởng sai lầm, những xu hướng hoạt đầu và biệt phái, đề làm cho nền tư tưởng và cách hành động trong đảng được nhất thống. »

Trong hoàn cảnh đấu tranh gian khổ và ác liệt trước đây, tạp chí của Đảng ta xuất bản không được đều kỳ và liên tục. Đã nhiều lần tạp chí của Đảng phải đổi tên cho thích hợp với chiến lược và sách lược cách mạng của Đảng trong các thời kỳ.

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, Đảng ta cũng cố gắng xuất bản tạp chí để tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đường lối chính sách của Đảng.

Nhân dịp chuẩn bị liên tới Đại hội thứ V của Đảng, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc tạp chí Cộng sản số đầu tiên với Lời nói đầu, cùng với bài Cần phải mở rộng việc tự chỉ trích trong Đảng, một trong những bài đã được đăng trong số đó.



CỘNG SẢN

Cơ quan của Đảng cộng sản Đông-dương

LỜI NÓI ĐẦU

Phong trào cách mạng ở Đông-dương đã nổi lên cao; những cuộc tranh đấu cách mạng của quần chúng công nông càng ngày càng kịch liệt và thêm sâu lan rộng. Từ bắc chí nam khắp xứ Đông-dương những cuộc đình công, mít tinh, thị oai chống đế quốc Pháp, địa chủ và quan làng xảy ra luôn tiếp. Cái cơ sở đè nén, bóc lột của đế quốc và địa chủ đã bị lay chuyển cho nên chánh phủ đế quốc hết sức tiêu diệt Đảng cộng sản Đông-dương và phá hoại phong trào cách mạng của công nông.

Tình hình cách mạng trong xứ một ngày một tăng thêm, số quần chúng ra tranh đấu càng ngày càng đông đúc. Nhưng đảng của chúng ta thì đương còn ấu trĩ, chưa đầy 1 tuổi. Đương lúc sơ khai mà lại gặp lúc rất nhiều công việc, cho nên sự lãnh đạo của Đảng chưa được hoàn toàn. Các cấp đảng bộ và các đảng viên chưa có kinh nghiệm cách mạng, thường suy xét tình hình không đúng, làm những điều sai lầm không hợp với chánh sách của Đảng. Và lại từ khi có thời cuộc cách mạng lớn xảy ra ở Đông-dương cho tới nay đã hơn nửa năm trời rồi, những việc rất quan trọng cho phong trào cách mạng toàn xứ Đông-dương xảy ra rất nhiều, các xu hướng biệt phái và hoạt đầu cũng mọc lên không ít. Vậy mà đảng của chúng ta chưa có một cái cơ quan để giải quyết những vấn đề ấy và để tuyên truyền giải thích cái chánh sách đúng của đảng. Đó là một điều khuyết điểm rất lớn trong công tác hằng ngày của chúng ta. Hiện nay công việc đảng đã bắt đầu chỉnh đốn lại, tạp chí "Cộng sản" xuất bản để lấp chỗ khuyết điểm ấy lại. Mục đích chánh của tạp chí "Cộng sản" là cốt để giải thích chánh sách của Quốc tế cộng sản và của đảng chúng ta, kịch liệt công kích những tư tưởng sai lầm, những xu hướng hoạt đầu và biệt phái, để làm cho nền tư tưởng và cách hành động trong đảng được nhứt thống. Tạp chí "Cộng sản" sẽ thu góp các điều kinh nghiệm trong sự tranh đấu và lãnh đạo tranh đấu của các đảng viên và các đảng bộ ở Đông-dương và những sự kinh nghiệm tranh đấu của các đảng anh em trong toàn thế giới để làm cho đảng chúng ta mau phát triển. Tạp chí Cộng sản là cái chỗ chung cho các đảng viên thảo luận hết thấy mọi vấn đề quan trọng cho phong trào cách mạng Đông-dương và toàn thế giới. Tạp chí "Cộng sản" cũng là chỗ đăng các bài nghiên cứu về tình hình chánh trị, kinh tế trong xứ và trong toàn thế giới để góp tài liệu cho đảng dự định kế hoạch tranh đấu. Sau bộ tạp chí "Cộng sản" cũng là cái chỗ chung cho các đảng viên tự chỉ trích những điều sai lầm, khuyết điểm trong công tác hằng ngày của đảng, phát biểu ra những ý kiến mới mẻ để cùng nhau đi theo con đường chánh trị đúng.

Bây giờ chánh là lúc đảng đương dự bị khai đảng đại hội, những công việc đã kể ra trên lại cần phải làm một cách rất náo nhiệt. Bởi vậy hết thảy đảng viên đều phải hăng hái tham gia vào công tác của tạp chí «Cộng sản»: phải thường phát biểu ý kiến, góp kinh nghiệm và thảo luận các vấn đề quan trọng, tự chỉ trích v.v. Nhiệm vụ của tạp chí «Cộng sản» rất nặng nề và quan trọng. Nếu mỗi đảng viên không gắng sức gánh vác một phần thì nhiệm vụ ấy, tạp chí «Cộng sản» không thể làm trọn được.

Một điều mà các đảng viên nên đề ý là tạp chí «Cộng sản» cốt để dùng cho đảng viên chứ không phải là một cái cơ quan tuyên truyền trong quần chúng

Cộng sản

CẦN PHẢI MỞ RỘNG VIỆC TỰ CHỈ TRÍCH TRONG ĐẢNG

Nhận lỗi của mình, tìm nguyên nhân đều lằm lỏi ấy, xét tình thế đã gây ra lỗi ấy, chăm chỉ kiếm cách để sửa lỗi ấy là cái chứng cứ rằng đó là một đảng đúng đắn, đó là tâm tròn phần sự, đó là giáo dục và huấn luyện cho giai cấp và quần chúng.

(Lê-ninh)

Đ HONG trào quần chúng càng ngày càng sôi nổi, cuộc tranh đấu của quần chúng công nông càng ngày càng lan rộng, trách nhiệm của Đảng càng ngày càng nhiều, nếu không mở rộng sự tự chỉ trích ở trong đảng thì không làm sao mà làm được trọn nhiệm vụ to tát trong lúc bây giờ nghĩa là làm trọn cái nhiệm vụ *thu phục quần đại quần chúng*. Một ít đồng chí tưởng rằng: «Khẩu hiệu tự chỉ trích là một vật làm cho rung động tới các cơ quan chỉ đạo, hoặc cho rằng đảng mình mới sinh trưởng, nên không mở rộng sự tự chỉ trích, vì nó làm cho quần chúng không hiểu mà phản văn.» Những quan niệm đó rất sai. Không những là sai mà trái hẳn với sự thật. Lịch sử đảng cộng sản Nga đã chỉ cho chúng ta rằng: tự chỉ trích làm cho việc chỉ đạo của đảng càng mạnh thêm mà thực hiện các nhiệm vụ to tát của giai cấp vô sản. Nếu không có sự tự chỉ trích thì có đâu đảng cộng sản Nga thành được một đảng mạnh như sắt, có đâu đảng cộng sản Đức thành một đảng thấu phục rất đông quần chúng thợ thuyền. Lấy một cái thí dụ rất gần là đảng cộng sản Hoa-kỳ. Nếu đảng cộng sản Hoa-kỳ hồi năm ngoái mà không mở rộng sự tự chỉ trích, không kịch liệt đánh đổ những xu hướng sai lầm trong đảng, không chỉnh đốn những cách thực hành thì có đâu mà năm nay đảng thu phục được nhiều quần chúng. Lấy một cái thí dụ rất xa là hồi đảng Bôn-sơ-vích mới thành lập, nếu trong mấy năm đảng mới thành lập mà Lê-ninh không chỉ trích những điều sai lầm trong đảng, nếu đảng không mở rộng sự tự chỉ trích thì đảng Bôn-sơ-vích có đâu trở nên mạnh mẽ như ngày nay.

Ngon lửa tự chỉ trích bôn-sô-vích càng làm cho đảng cộng sản càng mạnh mẽ. Tự chỉ trích là một phần không thể thiếu trong nền dân chủ (démocratie) trong đảng không sống được. Đồng chí Ma-nun-xít-ki thay mặt cho Quốc tế cộng sản trong kỳ hội thường vụ của Quốc tế cộng sản thanh niên có nói rằng: «Dầu trong lúc bình thường hay trong lúc làn sóng cách mạng dội lên, từ đảng cộng sản đã thực hiện vô sản chuyên chính cho đến đảng tranh đấu để lập vô sản chuyên chính, không có một đảng nào bỏ qua sự tự chỉ trích được. Chỉ có tự chỉ trích thì mới có thể huấn luyện những người cán sự trong đảng. Nếu không lấy muôn ngàn cách kinh nghiệm trong cuộc thế giới công nhân vận động mà chỉ trích gắt những lỗi của ban chỉ đạo và của mình thì biết lấy phương pháp gì mà kéo những lớp rộng trong giai cấp thợ thuyền, lấy gì mà dạy cho họ thi hành theo một cái chiến lược đúng?». *Tự chỉ trích là một phần trong các điều nghị quyết của kỳ hội thường vụ thứ mười của Quốc tế cộng sản.* Nếu không có tự chỉ trích thì không thể nào thi hành những điều nghị quyết đó được... ; nhưng mà phải khôn khéo thi hành tự chỉ trích theo cách bôn-sô-vích». Sự tự chỉ trích thiệt Bôn-sô-vích là lấy quyền lợi của giai cấp vô sản làm cao trọng hơn hết; sự tự chỉ trích thiệt bôn-sô-vích là cốt để cho đảng kiên cố và bền vững; sự tự chỉ trích thiệt bôn-sô-vích là chỉ trích những điều sai lầm về chính trị để sửa đổi lại cho công việc thực hành được hoàn thiện mỹ mãn hơn. Sự tự chỉ trích cần phải có những điều kiện: một là ít những lời tuyên bố về tự chỉ trích, mà chỉ trích những điều thiếu thốn và những điều sai lầm nhiều lên; hai là thi hành tự chỉ trích phải có phương pháp nghĩa là ban Trung ương của đảng phải bày ra tự chỉ trích, phải phát triển sự tự chỉ trích ra và phải lãnh đạo về việc thực hiện những điều đã chỉ trích, nếu không như vậy thì sự tự chỉ trích không có ích gì và không có phương pháp gì; ba là từ hạ cấp đến thượng cấp, ai nấy phải có phần trách nhiệm về chính trị để đảng có thể chất vấn người nhận trách nhiệm về những lẽ thất bại và ai nấy phải chống hẳn cách bạn bè kiếm cách che đậy cho nhau; bốn là phải hết sức tỉnh nguyện chữa lỗi của mình. Nếu theo những điều kiện đó, sự tự chỉ trích mới thật bôn-sô-vích. Sự tự chỉ trích thật bôn-sô-vích là một việc rất cần cho đảng ta bây giờ. Nếu không mở sự tự chỉ trích trong đảng thì biết lấy gì mà rõ những điều lầm lỗi từ xưa đến nay; nếu không có tự chỉ trích thì biết kiếm phương kế gì mà chữa những điều lầm lỗi ấy. Đảng của chúng ta là đảng của vô sản giai cấp cách mạng cho nên chúng ta không sợ mà không nói những sự sai lầm của chúng ta. Lê-ninh nói rằng: «đảng cộng sản hơn các đảng khác mà không bao giờ tiêu hủy là đảng cộng sản biết chỉ trích những lầm lỗi của mình và sửa đổi những điều lầm lỗi». Các đồng chí trong khi chỉ trích phải cần chú ý rằng: *tự chỉ trích thiệt bôn-sô-vích thì mới giúp đảng hóa nên bôn-sô-vích được*, chỉ có chỉ trích một cách thiệt bôn-sô-vích thì mới giáo dục và huấn luyện giai cấp vô sản và quần chúng lao động được. Mở sự tự chỉ trích theo cách bôn-sô-vích là một điều kiện cho đảng ta thực hiện những nhiệm vụ thu phục quần đại quần chúng công nông để dự bị cuộc cách mạng. Sự tự chỉ trích là một sự cần. Muốn cho những điều sai lầm lỗi lạc về trước thành ra những bài học chung cho hết thầy đảng viên để mau sửa đổi thì những điều tự chỉ trích phải đăng vào tạp chí này. Bởi vậy các đồng chí phải đặc biệt chú ý về vấn đề ấy và viết vào tạp chí Cộng sản.

Cộng sản

Mấy vấn đề

VĂN HỌC PHƯƠNG TÂY HIỆN ĐẠI

NGUYỄN-CHÍ-TÌNH



NONG văn học phương Tây hiện đại có những khuynh hướng lạc hậu, phản động, công khai phục vụ mưu đồ chính trị, kinh tế của giai cấp tư sản đế quốc, có cả những khuynh hướng tiến bộ, mác xít. Lại có những khuynh hướng thực chất là tư sản, nhưng lại dường như là “ở giữa”, lưu hành khá rộng rãi, làm nên hình sắc nổi nhất, dễ nhận ra nhất của văn học tư sản phương Tây hiện nay. Bài này chỉ nói tới những khuynh hướng, đúng hơn là một số vấn đề thuộc những khuynh hướng thứ ba đó.

I- VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA VĂN HỌC VÀ HIỆN THỰC

Đối với chúng ta, những người theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vấn đề quan hệ giữa văn học và hiện thực, một vấn đề cơ bản có tính chất phương pháp luận, đã được giải quyết về cơ bản: một nghệ sĩ chân chính bao giờ cũng thừa nhận có một hiện thực khách quan và cố gắng phản ánh chân thật hiện thực khách quan ấy. Nhưng các

nhà văn tư sản phương Tây (1) lại có một quan niệm hoàn toàn khác. Theo họ văn học cũng nói lên một hiện thực, nhưng đó là hiện thực của văn học, cái hiện thực của văn học đó là của chủ quan nhà văn và chỉ của chủ quan nhà văn mà thôi. Thế giới văn học chính là cái thế giới đề cho khối óc và con tim của nhà văn tung hoành, bất chấp mọi hiện thực tự nhiên và xã hội. Nhà tiểu thuyết Pháp A-lanh Rô-bơ Gơ-ri-ê (Alain Robbe Grillet) cho rằng: đối với thế giới của cuộc sống quanh mình có thể cảm giác được, nhà văn không mấy may quan tâm; đối với thế giới truyền thống được lịch sử để lại, nhà văn phải đấu tranh gạt bỏ; cuối cùng, chỉ còn thế giới huyền thoại nảy sinh trong trí tưởng tượng của chủ quan nhà văn, đấy mới là hiện thực đích thực của văn học... Nhưng trí tưởng tượng đó ra đời và hình thành như thế nào, trong hoàn cảnh nào, bị chi phối bởi những điều kiện gì của cuộc sống xã hội trong đó nhà văn tồn tại như một thành viên không thể lẩn đi

(1). Từ đây, xin gọi tắt là nhà văn phương Tây, văn học phương Tây (N. C. T)

dầu được, thì A-lanh Rô-bơ Gơ-ri-ê và các nhà văn phương Tây không nói đến. Họ bảo rằng trước khi cầm bút thì trước mặt họ vẫn là con số không không lồ, một khoảng trời «chân không» chẳng vương vất bóng dáng một mảnh đời thực nào, từ những sự kiện vang động xã hội cho đến cả những kỷ niệm còn con của dĩ vãng, thế rồi tất cả tựa như bỗng đứng bật lên từ sự vận động tinh thần chủ quan của họ, tất cả ủa ra, đổ xuống trang giấy, thành chữ nghĩa, thành tác phẩm, thành cái thế giới hiện thực của riêng văn học, một hiện thực tự mình đầy đủ với mình, tự mình giải thích cho mình, không đếm xỉa đến bất cứ một quy luật khách quan nào của tồn tại. Họ tự cho mình hoàn toàn không có trách nhiệm phải trả lời cho một ai đó muốn hỏi họ, khi chỉ ra những sự khác biệt lắm lúc đến quái gở giữa những điều họ viết ra và hiện thực sờ sờ của cuộc sống.

Dễ dàng nhận thấy cái quan niệm «hiện thực chủ quan» này trong văn học trong những năm gần đây, dù nó được tô vẽ công phu, đội những cái tên bóng bẩy «thế giới của văn học thiêng liêng», «hiện thực sáng tạo của nghệ thuật» v.v. vẫn là cùng một dòng với chủ nghĩa duy tâm chủ quan trong triết học từ lâu đã đổ rụi trước sức tiến công của triết học mácxít.

Cần lưu ý rằng quan niệm trên đây thường gắn liền với thái độ dè dặt của các nhà văn phương Tây đối với chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa. Bị lên án là bỏ rơi hiện thực khách quan, họ lại ra sức chứng minh ngay trên bình diện lý luận — dĩ nhiên là uổng công vô ích — rằng chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa cũng không có khả năng phản ánh hiện thực chân chính, nó chỉ là một khái niệm gán ghép, thậm chí không có ý nghĩa văn học!

II — VỀ CHỨC NĂNG CỦA VĂN HỌC — MỐI QUAN HỆ GIỮA VĂN HỌC VÀ CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI

Trước tiên, phải kể đến quan niệm «quay lưng với mọi quan niệm», nhưng cũng vẫn là một thứ quan niệm. Người ta cho rằng văn học là một không gian hoàn toàn độc lập, gọi là «Không gian văn học» (*l'espace littéraire*, theo chữ của Mô-ri-xơ Blăng-sô (Maurice Blanchot). Cái không gian đó không dính dáng gì đến chính trị, xã hội Văn học và chính trị tựa như hai tinh cầu cách xa nhau đến mức không có một chút sức hút nào đối với nhau. Văn học tồn tại từ lâu, tự mình đầy đủ với mình, trước khi vấn đề quan hệ giữa văn học và chính trị, xã hội được đặt ra một cách khiến cưỡng bởi những kẻ chẳng hiểu gì về văn học. Nhà văn Clô-đơ Xi-mông (Claude Simon), khi được hỏi về mối quan hệ này, đã trả lời cụt lủn: «Tôi không hiểu câu hỏi đó». Từ quan niệm ấy, các nhà văn phương Tây cho rằng không nên gán cho văn học bất cứ vai trò, chức năng chính trị hay xã hội gì cả; văn học chỉ có một chức năng duy nhất là: nó lại tìm về bản thân nó; nhà văn không nên bận tâm vì những vấn đề hay thực trạng chính trị, xã hội ngay cả trên mảnh đất nhà văn đang sống.

Khốn thay, quan niệm «vô trách nhiệm» đó lại không được cuộc sống thực tế chấp nhận. Những sự kiện chính trị, xã hội của phương Tây, của cả thế giới cứ tác động đến mọi số phận con người, chi phối miếng cơm tấm áo của nhà văn. Các thủ lĩnh chính quyền các nước phương Tây cũng chẳng tôn trọng gì lời hứa rất trang trọng của họ rằng họ sẽ không can thiệp vào lao động sáng tạo của các nhà văn. Những hoạt động chính trị, xã hội tự nó đòi hỏi câu trả lời của văn học.

Hơn ba mươi năm trước, Giảng Pôn Xắc-tơ-rơ (Jean Paul Sartre) viết

tập tiểu luận nổi tiếng « Văn học là gì? », tuyên bố thẳng thắn rằng văn học phải phục vụ chính trị, xã hội, nhà văn phải đấu tranh cho những lý tưởng chính trị, xã hội một cách có ý thức, bằng vũ khí nghệ thuật của mình. Đối với Xéc-tơ-rơ, việc nhà văn thực tế tham gia các hoạt động chính trị, xã hội không những là điều có thể, mà còn là cần thiết cho sự đào luyện con người nhà văn để làm tròn trách nhiệm văn học. Đồng thời Xéc-tơ-rơ lại đòi hỏi nhà văn phải được độc lập hoàn toàn, tự do tuyệt đối, nghĩa là sống, tư duy và sáng tạo nghệ thuật không gấn bó với bất cứ một chủ nghĩa hay thiết chế chính trị nào. Theo Xéc-tơ-rơ, không tự xưng là « cánh tả » hay « cánh hữu », nhà văn, trong từng trường hợp cụ thể, có thể tán thành phe này hay phái kia, hoặc giả chẳng tán thành ai cả. Tất nhiên, sự đòi hỏi tự do mang tính siêu hình này đã dẫn đến những mâu thuẫn có tính chất bi kịch trong đời sống tinh thần của những nhà văn như Xéc-tơ-rơ, nhưng dù sao cái quan niệm « dẫn thân » xã hội và chính trị của Xéc-tơ-rơ cũng có những yếu tố tiến bộ, và từ đó Xéc-tơ-rơ đã có được những hành động văn học và xã hội tích cực rõ rệt.

Một số nhà văn thừa nhận mối quan hệ không thể tránh khỏi giữa văn học và chính trị, xã hội, thừa nhận rằng nhà văn phải có chính kiến, có thái độ chính trị, xã hội của mình, nhưng mặt khác, họ lại chủ trương nhà văn không nên trực tiếp tham gia hoạt động chính trị và xã hội. Theo họ, làm như thế sẽ có hại cho bản thân lao động sáng tạo của nhà văn, một thứ lao động tế nhị cần được bảo vệ một cách toàn vẹn nhất, trách nhiệm xã hội hay chính trị của nhà văn chỉ ở trong phạm vi hoạt động văn học mà thôi.

Lại có những nhà văn đưa ra quan niệm « con người đôi », coi đó là

một quan niệm đặc trưng của thời đại mới: hai bình diện, bình diện chính trị, xã hội và bình diện văn học, tồn tại song song trong một cuộc đời nhà văn; hai con người, con người chính trị, xã hội và con người văn học, tồn tại song song trong một con người nhà văn. Giữa hai bình diện ấy và hai con người ấy, không phải bao giờ cũng có sự tương ứng theo kiểu lô gích học. Nhà văn có thể tham gia hoạt động xã hội, chính trị, hay hơn thế nữa là đảng viên của một đảng chính trị, chấp hành nghiêm túc những nhiệm vụ chính trị cụ thể mà đảng giao cho, nhưng khi viết văn, làm thơ thì những điều nhà văn viết ra lại có thể cho người đọc thấy một thái độ chính trị và xã hội khác hẳn, bởi vì khi ấy con người thứ hai trong « con người đôi » của nhà văn làm việc độc lập; con người nghệ sĩ đang sáng tạo nghệ thuật. Có thể vừa là nhà văn vừa là đảng viên của một đảng chính trị, nhưng không bao giờ là nhà văn — đảng viên (!).

Một số nhà văn phương Tây mặc nhiên công nhận sự thâm nhập của chính trị vào văn học nhưng lại cho rằng văn học không nên trực tiếp nói đến chính trị, không nên đưa ra sự nhìn nhận đối với những quan niệm hay hiện tượng chính trị. Theo họ, văn học làm chính trị bằng cách không nói đến chính trị: « Quyền lực của lời nói đó ở sự im lặng » Hu-be Gioăng (Hubert Juin). Tiến thêm bước nữa, có những người như Mác-quy-dơ (Marcuse) tuyên bố rằng tiềm lực chính trị của một tác phẩm văn học lại duy nhất ở giá trị thẩm mỹ của tác phẩm đó, cái thẩm mỹ mà mọi người có thể cảm thụ được không cần đến lời lẽ chính trị. Nói theo Mác-quy-dơ, trong văn học chính là « kích thước thẩm mỹ » sẽ làm nên sức mạnh chính trị. Quan niệm này mở đường cho việc chạy theo một thứ thẩm mỹ chung chung, thuần túy.

Vấn đề mối quan hệ giữa văn học và chính trị, xã hội quả là đang được diễn giải rất đa dạng và phức tạp ở các nhà văn phương Tây, song nét chủ đạo vẫn là sự quay lưng với trách nhiệm chính trị và xã hội cụ thể.

III — NHỮNG KHUYNH HƯỚNG HIỆN ĐẠI ĐẲNG CHỦ Ý

Từ những vấn đề cơ bản nói trên của văn học phương Tây, trong sáng tác và nghiên cứu văn học đã nảy sinh một loạt khuynh hướng hiện đại.

Chủ nghĩa cấu trúc đã một thời ồn ào trong văn học phương Tây. Đó là khuynh hướng nghiên cứu và lý giải tác phẩm văn học chỉ dựa trên cấu trúc nội tại của tác phẩm mà thôi. Người nghiên cứu, do đó không cần biết đến tác giả, không cần biết đến hoàn cảnh lịch sử và mọi điều kiện khách quan của sự ra đời tác phẩm, chỉ cần đào sâu vào bản thân văn bản tác phẩm, làm những công việc có tính chất toán học như thống kê số lượng lượt dùng một từ nào đó trong tác phẩm, một loại hành động nào đó của nhân vật, v.v. rồi từ đây rút ra những kết luận văn học. Tìm hiểu cấu trúc nội tại của tác phẩm văn học, nhìn nhận nó như một tồn tại khách quan, điều đó là cần thiết; nhưng tách rời tác phẩm văn học ra khỏi tác giả và hoàn cảnh lịch sử khách quan cụ thể thì còn gì là tính khoa học của một công trình nghiên cứu văn học? Ấy thế mà chủ nghĩa cấu trúc có tham vọng thay thế chủ nghĩa Mác! Tuy tham vọng ấy ngày nay đã tỏ ra là viên vông, song dấu vết nó để lại trên các công trình nghiên cứu văn học chưa mất đi và ở phương Tây nhiều công trình theo tinh thần phương pháp luận của chủ nghĩa cấu trúc vẫn tiếp tục ra đời.

« *Tiểu thuyết mới* » mà có người coi như một trường phái văn học, là một khuynh hướng đã một thời được dư luận chú ý và gây nên nhiều cuộc bàn

cãi. Các nhà « tiểu thuyết mới » tuyên bố sự cáo chung của thể loại tiểu thuyết truyền thống. Trong « tiểu thuyết mới » không còn có cốt chuyện, không còn có nhân vật như người ta vẫn quan niệm trước đây. Diễn biến sự việc cũng không còn được trình bày theo trật tự thời gian bình thường. Ngôn ngữ cũng không theo những quy phạm ngôn ngữ đã có mà nhiều khi trở thành trò ảo thuật... Thế là một loạt vấn đề được đặt ra: Ở thời đại ngày nay, thể loại tiểu thuyết vẫn giữ nguyên những quy phạm, cốt cách đã hoàn chỉnh từ thế kỷ trước? Nền quan niệm thế nào là cốt chuyện, là nhân vật? Trong số những hình thức kỹ thuật của « tiểu thuyết mới » như « dòng tâm tư », « thời gian đồng hiện », « thời gian tâm lý », và cả sự phá vỡ quy phạm ngôn ngữ truyền thống nữa, những gì đáng suy nghĩ và có thể khai thác được? Có điều là những biểu hiện mới lạ của « tiểu thuyết mới » nhiều khi không có được một nguồn gốc ít nhiều hợp lý nào, cho nên ngay ở phương Tây cũng khó mà chinh phục được công chúng. « Tiểu thuyết mới » vì vậy rất ít người đọc, và dễ tiếp cận người đọc, nó thường cần có sự lý giải của bản thân các nhà « tiểu thuyết mới ».

Đề cao vai trò của cái vô thức trong văn học. Vô thức là một hoạt động tâm thần không cảm giác được, là hình thái hoạt động của bộ não ở bên ngoài ý thức của chủ thể tuy gắn liền với cả quá trình xử lý phức tạp về thông tin trong những điều kiện nhất định. Những năm vừa qua, vấn đề vô thức trong và ngoài lĩnh vực văn học càng được bàn đến nhiều hơn, nhất là khi có những người tự xưng là « Phrớt (Freud) mới » ra sức diễn giải quan điểm của mình. Nổi lên khuynh hướng đề cao một chiều vai trò của cái vô thức; có những công trình nghiên cứu nhằm chứng minh tác phẩm chủ yếu là kết quả hoạt động của cõi vô thức, vô thức

của tác giả và của văn bản. Có những sáng tác văn học trong đó mọi sự việc, mọi hành động đều bắt nguồn từ cái vô thức của nhân vật. Thế là qua văn học, người ta đã làm chìm đi cái phần ý thức của con người vốn gắn liền với hoàn cảnh lịch sử, tác động xã hội, mà lại dùng cái vô thức để lý giải mọi hiện tượng của cuộc sống. Làm như thế mà một số người theo chủ nghĩa « Phrôt mới » lại tuyên bố rằng họ không hề đối lập với chủ nghĩa Mác, họ chỉ bổ sung cho chủ nghĩa Mác, họ đang đào sâu vào cái khía cạnh « con người » của cuộc sống nói chung và văn học nói riêng, cái khía cạnh mà Các Mác, vì quá chuyên tâm về những vấn đề chính trị, kinh tế, đã không có điều kiện đề cập đúng mức! Thật ra, trong hoạt động văn học, không thể bỏ qua vai trò của cái vô thức, nhưng đề cao cái vô thức như những người theo chủ nghĩa « Phrôt mới » đang làm là tuyên truyền chủ nghĩa thần bí, là đánh lạc hướng việc nhận thức cuộc sống.

Vấn đề số phận con người đặc biệt nổi lên trong các tác phẩm văn học phương Tây từ những năm sau chiến tranh thế giới thứ hai. Có thể nói từ bấy đến nay văn học phương Tây là tiếng kêu bi đát của số phận con người, một con người đau khổ, chán chường và tuyệt vọng. Nhiều nhà văn phương Tây trở thành thần tượng một thời, chỉ vì đã đánh trúng tâm trạng tối tăm đó của lớp người đọc đã chứng kiến chiến tranh tàn khốc. Những năm gần đây, người ta khoe xã hội phương Tây đã bước tới trình độ xã hội tiêu thụ, trong đó vấn đề đặt ra cho con người không phải là nỗ lực sản xuất hay phân phối của cải, mà là tiêu thụ những của cải sản xuất ra quá ư sung mãn. Cứ lý mà suy thì thế là hậu quả của chiến tranh đã được khắc phục, bi kịch số phận con người gắn liền với đói nghèo lạc hậu đã chấm dứt, và văn học khi nói tới số phận con người hẳn là phải lạc

quan, tươi sáng. Nhưng sự thật lại không phải như vậy. Trong văn học, màu sắc của nhân tâm không tươi tắn hơn chút nào, tiếng nói của nhân tình không trong trẻo hơn chút nào, số phận con người vẫn bi đát lạ thường: tai họa đủ hình đủ vẻ làm tan nát mọi ước mơ, kẻ cả ước mơ được sống những ngày yên ổn; nhân vật quằn quại trong trò đánh đố dai dẳng của số phận, vì vậy mà nhiều nhân vật đã tự nguyện kết thúc cuộc đời không chút nuối tiếc.

Đáng chú ý là trước tình trạng số phận con người thể hiện trong văn học như thế, các nhà văn phương Tây không hề có sự lý giải thỏa đáng, thậm chí không có sự lý giải nào cả. Tiếng kêu số phận, lắm lúc nghe xé ruột, vẫn chỉ là tiếng kêu trời. Nỗi cay đắng của con người thời đại công nghiệp phát triển vẫn nhuộm màu định mệnh. Cả những sự kiện có tầm lịch sử, xã hội lớn lao gắn liền với bản chất của các cơ chế chính trị cũng bị các tác giả phương Tây thu về bình diện những số phận cá nhân. Chẳng hạn một cuộc chiến tranh trong đó chính nghĩa, phi nghĩa đã rõ ràng cũng chỉ còn là cuộc phiêu lưu và đụng độ của những số phận cá nhân; kẻ phạm tội có ý thức cũng như nạn nhân khốn khổ của nó, tất cả đều là những « số phận » đáng thương! Một số nhà văn phương Tây, như muốn vạch ra lối thoát cho số phận con người ngày nay, lại tìm về thiên nhiên và quá khứ, họ lên án toàn bộ nền văn minh hiện đại, lên án thời gian phản bội đã kéo con người rời xa sự bình yên và những nguồn vui nguyên thủy. Có người viết rất văn vẻ rằng: « Chúng ta đã từ bỏ những cánh rừng có cuộc sống bộ lạc. Chúng ta đã xây dựng những thành phố và đi cùng trái đất. Nhưng chúng ta không sung sướng. Và giờ đây luôn luôn ám ảnh trong ta cái lòng nhớ nhung tìm lại cội nguồn nơi đất mẹ, ở đây đang vươn lên sức mạnh của cây rừng ».

IV-VĂN HỌC VÀ CÁCH MẠNG KHOA HỌC KỸ THUẬT

Cách mạng khoa học kỹ thuật đã tác động đến toàn bộ xã hội phương Tây, kể cả văn học và nhà văn.

Phương tiện khoa học kỹ thuật hiện đại cho phép phổ biến các tác phẩm văn học rộng rãi hơn trước rất nhiều; thu vào đĩa hát, đọc trên đài phát thanh, « diễn » trên vô tuyến truyền hình. Có những lớp « nhà văn » chuyên viết cho những hình thức phổ biến của kỹ thuật hiện đại. Đồng đảo người đọc « tiếp thu » văn học chỉ để giết thì giờ. Loại sách bỏ túi, ở mỗi góc phương Tây hằng năm phát hành hàng trăm triệu bản, dễ mua, dễ mang, đọc rồi có thể vứt đi. Không ít thể loại mới ra đời: « Tiểu thuyết trên làn sóng »; « tiểu thuyết điện ảnh », « tiểu thuyết ảnh », v.v. Có lối viết câu văn cụt lùn, gọi là văn chương của « thời đại tốc độ ». Có người dựng những bài văn, những quyển sách hoàn toàn bằng cách chép nối những câu trích của các nhà văn khác, từ cổ điển đến hiện đại, và tuyên bố: « Nếu trong khoa học kỹ thuật, việc sử dụng lại một phát minh của người nào đó hoàn toàn không bị lên án, thì trong văn học, lặp lại một câu văn, một đoạn văn đã ra đời, với một văn cảnh mới, cũng là điều rất tự nhiên ».

Có điều là tất cả những hiện tượng trên đây về hình thức và thể loại, đều không thoát ra ngoài quy luật chạy theo lợi nhuận trong xã hội tư bản chủ nghĩa phương Tây, nảy nở hay lụi tàn thường là do những yêu cầu thương mại.

Đáng chú ý hơn trong mối quan hệ giữa văn học và cách mạng khoa học kỹ thuật là nội dung phản ánh của văn học. Ở đây không phải chỉ là phản ánh đời sống con người có những tiện nghi tuyệt vời của khoa học kỹ thuật hiện đại, hay những câu chuyện máy móc thay thế con người nghe như

huyền thoại. Điều chủ yếu là văn học biểu hiện sự nhìn nhận của nhà văn đối với tiền đồ của xã hội loài người, của từng con người và nhìn con người trong sự phát triển vũ bão của khoa học kỹ thuật như thế nào? Theo đà phát triển của khoa học kỹ thuật, nhân cách và nhân tính sẽ ra sao, con người sẽ đối xử với nhau ra sao? v.v. Đáng buồn là các nhà văn phương Tây thường vẽ lên một bức tranh đen tối, đầy những cảnh cáo đau xót cho hiện tại và những dự đoán bi đát cho tương lai. Trong các tác phẩm của họ, nhất là tiểu thuyết hư cấu và viễn tưởng, con người với tư cách là con người cứ bị tha hóa đi theo sự tiến lên của khoa học kỹ thuật, ngạt ngụa trong tiêu thụ vật chất, nhưng ngày càng nghèo nàn, méo mó về tâm hồn, đi đến đoạn tuyệt với những truyền thống đạo đức và văn hóa tốt đẹp nhất. Trong các tác phẩm của họ, loài người sử dụng những phương tiện hiện đại khủng khiếp, lẫn xà vào những cuộc chém giết lẫn nhau, cuối cùng sẽ tiêu diệt chính mình và tiêu diệt mặt đất từng ghi dấu bao thành quả lao động của mình. Ở đây nữa, ta cũng thấy các nhà văn phương Tây khi đưa ra những nhận xét và tiên đoán đen tối nhất, vẫn không hề có một sự lý giải nào. Không một ai động đến vấn đề cơ bản về cơ chế xã hội để giải đáp câu hỏi: « Vậy thì khoa học kỹ thuật ở trong tay ai? ».



Những khuynh hướng dường như là « ở giữa » trong văn học tư sản phương Tây nói trên thật nhiều hình nhiều vẻ và biến dạng không ngừng, như muốn đi tìm một lối thoát cho cuộc sống của con người trong xã hội phương Tây. Nhưng lối thoát không ở về phía giai cấp tư sản, mà loay hoay mãi « ở giữa » thì vẫn không ra khỏi vòng luẩn quẩn, chầy chường, bế tắc.

THẮNG LỢI LỚN *của lực lượng dân chủ ở Pháp*

LIÊN tiếp trong hai tháng 5 và 6 vừa qua, các lực lượng dân chủ ở Pháp đã giành được những thắng lợi lớn.

Trong cuộc bầu cử tổng thống ngày 10-5-1981, ông Phrăng-xoa Mi-tơ-răng, thủ lĩnh của Đảng xã hội Pháp, đã trúng cử với 52,29% số phiếu bầu và trở thành tổng thống thứ 21 của nước Pháp với nhiệm kỳ bảy năm. Ông Gi-xca De-xtanh, lãnh tụ Đảng liên minh dân chủ Pháp, tổng thống hết nhiệm kỳ ra ứng cử lại, chỉ được 47,71% số phiếu bầu và đã bị đánh bại. Chức vụ tổng thống ở nước Pháp đã tuột khỏi tay các thủ lĩnh của các đảng cánh hữu và đã rơi vào tay thủ lĩnh của một đảng cánh tả!

Trong các cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội trong hai ngày 14-6 và 21-6-1981, các đảng cánh hữu ở Pháp cũng bị thất bại thảm hại: chỉ giành được khoảng 150 ghế và trở thành phái thiểu số trong Quốc hội Pháp. Các đảng cánh tả (bao gồm Đảng xã hội, Đảng cộng sản và một số đảng khác) đã thu được thắng lợi lớn: giành được hơn 330 ghế và trở thành phái đa số áp đảo trong Quốc hội 491 ghế của nước Pháp.

Trong cuộc bầu cử Tổng thống, các lá phiếu của các cử tri cộng sản Pháp đã góp phần quyết định vào thắng lợi của ông Phrăng-xoa Mi-tơ-răng. Trong cuộc bầu cử Quốc hội, các lá phiếu của các cử tri cộng sản lại góp phần quan trọng vào việc tạo ra một đa số mới ở Quốc hội Pháp.

Ngay sau ngày bầu cử Quốc hội, các đại biểu của Đảng cộng sản và Đảng xã hội đã họp với nhau và ra tuyên bố chung bày tỏ « quyết tâm đẩy tới đường lối mới mà các nam nữ công dân Pháp đã chọn » bằng cách bỏ phiếu cho cánh tả. Hai đảng cam kết « thực hiện sự thay đổi bằng con đường dân chủ ». Sự thay đổi đó đặc biệt bao gồm những biện pháp mới về công lý xã hội và nâng cao thu nhập cho những người thiệt thòi nhất. Hai đảng thỏa thuận về việc mở rộng khu vực quốc doanh. Trong tuyên bố chung, hai đảng nêu lên sự cần thiết phải thảo ra một kế hoạch hai năm khôi phục kinh tế để tạo điều kiện cho sự phát triển mới về kinh tế và chống thất nghiệp có hiệu quả. Hai đảng tuyên bố ủng hộ một chính sách làm giảm bớt bất công xã hội. Hai đảng cũng thỏa thuận « sẽ hành động để bảo đảm và mở rộng

quyền tự do, phát triển quyền của người lao động và dân chủ hóa đời sống đất nước”.

Về mặt quốc tế, hai đảng cam kết ủng hộ hành động quốc tế của nước Pháp “vi hòa bình và giải trừ quân bị dân từng bước nhằm giải tán đồng thời các khối quân sự”. Hai đảng cũng bày tỏ “tinh đoàn kết với các dân tộc thế giới thứ ba đang đấu tranh, như ở Xan-va-đo và Ni-ca-ra-goa, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, vì sự phát triển tự do dân chủ xã hội của mình”. Hai đảng tuyên bố lấy những điều đã nhất trí làm cơ sở ở mọi lĩnh vực, đồng thời khẳng định tinh thần của mỗi bên duy trì cá tính riêng và các lập trường cơ bản của mình.

Dương nhiên, ở các nước tư bản, thường có một khoảng cách giữa các cương lĩnh và việc thực hiện các cương lĩnh đó. Mặc dù vậy, việc Đảng cộng sản và Đảng xã hội Pháp đi đến được một sự thỏa thuận về những hành động chung nhằm tạo ra sự thay đổi ở nước Pháp cũng có thể là một sự bắt đầu chuyển biến theo chiều hướng mới.

Sau ngày bầu cử Quốc hội, Tổng thống Mi-tơ-răng giao cho ông Pi-e Mô-roa trách nhiệm đứng ra lập chính phủ mới. Ngày 23-6-1981 chính phủ mới đã được thành lập gồm 41 bộ trưởng, trong đó có 4 bộ trưởng là đại diện của Đảng cộng sản Pháp. Đồng chí Sác-lơ Phi-téc-man, ủy viên Bộ chính trị, bí thư Trung ương Đảng, giữ chức Bộ trưởng Giao thông vận tải; đồng chí Giắc Ra-lít, Bộ trưởng Y tế; đồng chí A-ni-xê Lo-po, Bộ trưởng Phục vụ dân sự và cải cách hành chính; đồng chí Mác-xen Ri-gu, Bộ trưởng Dạy nghề.

Sau 34 năm bị gạt ra khỏi Chính phủ, những người cộng sản Pháp lại trở lại tham gia Chính phủ Pháp. Sự kiện này đánh dấu một sự chuyển biến mới trong tình hình nước Pháp

theo hướng có lợi cho các lực lượng hòa bình và dân chủ.

Các lực lượng dân chủ ở Pháp giành thắng lợi lớn trong tình hình chủ nghĩa tư bản Pháp ngày càng lún sâu vào cuộc tổng khủng hoảng. Thời kỳ tạm thời ổn định và phát triển của chủ nghĩa tư bản Pháp sau chiến tranh đã qua đi và không bao giờ trở lại. Được Mỹ trả công khá hậu hĩ trong «chiến tranh bẩn thỉu» ở Việt-nam, đế quốc Pháp đã thu được một số đô la khá lớn để trang bị lại kỹ thuật mới cho nền kinh tế Pháp. Nhờ đó nước Pháp tư bản đã có được một thời kỳ phồn vinh và tương đối ổn định. Nước Pháp già cỗi đã được «trẻ hóa» một phần. Tuy vậy, thời kỳ vàng son đó không kéo dài được lâu. Mấy năm gần đây nền kinh tế Pháp bị chững lại và suy thoái. Lạm phát phi nước đại với tỷ lệ mười ba phần trăm. Thất nghiệp lên đến con số khủng khiếp: hai triệu người! Hơn 15 vạn hộ nông dân bị phá sản. Hàng loạt xí nghiệp loại vừa và nhỏ phải đóng cửa. Các ngành công nghiệp thép, than, đóng tàu, máy công cụ, hàng dệt... phải thu hẹp hoạt động. Riêng năm 1980 cán cân buôn bán hụt tới 80 tỷ phrăng. Sự cạnh tranh của Nhật-bản, Cộng hòa liên bang Đức, Mỹ... làm cho nền kinh tế Pháp càng thêm lao đao. Những mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước Pháp ngày càng sâu sắc.

Trong các vấn đề hóc búa mà nước Pháp tư bản đang gặp phải, thất nghiệp là vấn đề quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của các cuộc bầu cử. Những người lao động Pháp không thể chịu đựng mãi các nhà cầm quyền đã đẩy họ vào cảnh không có việc làm để kiếm sống và nuôi sống gia đình họ. Trong cuộc bầu cử lần này, tuổi đi bầu được hạ thấp từ 21 xuống 18 tuổi. Số cử tri thanh niên tăng lên rất nhiều, trong đó có những người mới bước vào đời

đã làm vào cảnh không có công ăn việc làm. Số cử tri trẻ tuổi này đã làm tăng thêm lực lượng của những người đòi hỏi phải có sự thay đổi và đã góp phần quan trọng vào việc làm biến đổi lực lượng đối sánh giữa cánh tả và cánh hữu trong các cuộc vận động bầu cử ở Pháp.

Kết quả của các cuộc bầu cử ở Pháp nói lên tâm trạng chán ghét và thất vọng của phần đông các cử tri Pháp đối với chế độ tư bản chủ nghĩa ở Pháp. Nó cũng nói lên sự bất lực của giai cấp đại tư bản Pháp trong việc giải quyết các vấn đề đặt ra trước nước Pháp. Nó bộc lộ những mâu thuẫn và chia rẽ trong cánh hữu đại diện của giai cấp đại tư bản Pháp.

Ông Mi-to-răng ra tranh cử chức vụ tổng thống Pháp với danh nghĩa là lãnh tụ của Đảng xã hội Pháp. Mặc dù chưa đạt được nhiều điểm tiêu cực, cương lĩnh tranh cử của ông Mi-to-răng và Đảng xã hội ở một mức độ nào đó đáp ứng được nguyện vọng của đa số cử tri Pháp mong muốn có một sự thay đổi.

Thắng lợi của cánh tả trong các cuộc bầu cử ở Pháp chứng tỏ đa số các cử tri Pháp đang thức tỉnh. Thắng lợi đó là kết quả sự đoàn kết của các lực lượng cánh tả nhằm đấu tranh cho sự thay đổi.

Một nguyên nhân quan trọng đưa đến thắng lợi của lực lượng cánh tả trong các cuộc bầu cử là sách lược linh hoạt của Đảng cộng sản Pháp trong các cuộc vận động bầu cử. Ai cũng biết trong vòng đầu bầu cử tổng thống, ông Mi-to-răng chỉ được 25,81% số phiếu, ông De-xtanh được 28,31% số phiếu; nhưng qua vòng hai ông Mi-to-răng được 52,29% số phiếu, ông De-xtanh được 47,71% số phiếu. Do đâu mà có sự thay đổi đột ngột đó? Đó là nhờ những lá phiếu của bốn triệu rưỡi cử tri cộng sản. Đảng cộng sản Pháp đã kêu gọi bỏ phiếu cho ông Mi-to-răng trong vòng hai nhằm đánh bại cánh hữu và tạo điều kiện thành

lập một chính phủ cánh tả đề thực hiện sự thay đổi. Bốn triệu rưỡi cử tri bỏ phiếu cho Đảng cộng sản trong vòng một, qua vòng hai đã dồn phiếu cho thủ lĩnh Đảng xã hội, do đó, góp phần quyết định vào việc đưa ông Mi-to-răng vào diện E-li-dê.

Trong cuộc bầu cử Quốc hội, sách lược linh hoạt của Đảng cộng sản Pháp đã có tác dụng quyết định đánh bại các đảng phái cánh hữu ở Quốc hội và trong cả nước. Các cử tri cộng sản, bằng cách dồn phiếu cho các ứng cử viên của Đảng xã hội trong vòng hai, đã giúp cho Đảng xã hội giành được 283 ghế, tăng thêm 170 ghế so với số ghế của đảng đó trong Quốc hội khóa trước. Điều này vừa thể hiện bước tiến lớn của Đảng xã hội, vừa nói lên sự bất công của chế độ bầu cử ở Pháp: với 38% số phiếu bầu, Đảng xã hội đã giành được 60% số ghế trong Quốc hội! Đảng cộng sản chỉ được 44 ghế trong Quốc hội mới; điều này không phù hợp với uy tín thật sự của Đảng cộng sản trong nhân dân Pháp: theo đúng tỷ lệ phiếu bầu (16%) thì lẽ ra Đảng cộng sản phải được gấp đôi số đại biểu Quốc hội. Trong cuộc vận động bầu cử vừa qua, Đảng cộng sản Pháp phải đương đầu với các lực lượng cánh hữu có những phương tiện thông tin đại chúng không lồ. Mặt khác, Đảng lại phải đối phó với khuynh hướng xã hội dân chủ còn có nhiều ảnh hưởng trong các tầng lớp trung gian ở Pháp. Mặc dù mất nửa số ghế so với số ghế trong Quốc hội khóa trước, Đảng cộng sản Pháp vẫn giữ một vai trò quan trọng trong đời sống chính trị của nước Pháp. Đảng đã giữ vai trò cần thiết không thể thiếu trong việc đánh bại cánh hữu. Việc các ứng cử viên cộng sản rút lui trong vòng hai để dồn phiếu cho các ứng cử viên xã hội ở tất cả các khu vực mà Đảng xã hội đứng đầu đã cho phép Đảng xã hội giành được thắng lợi lớn trong cuộc bầu cử Quốc hội.

Kết quả của các cuộc bầu cử đã đem lại một tình hình mới ở nước Pháp: đã có một đa số cánh tả, rất rõ rệt ở trong nước và rộng lớn hơn nữa ở Quốc hội. Như thế là đã có điều kiện để thực hiện những cam kết đã được đưa ra trong cuộc vận động bầu cử, những cam kết trong các lĩnh vực kinh tế và xã hội, cũng như trong lĩnh vực dân chủ, độc lập dân tộc và giải trừ quân bị.

Việc thực hiện một chính sách mới, theo đúng những lời hứa hẹn mà ông Mi-to-răng đã đưa ra trong cuộc vận động bầu cử, chắc chắn sẽ vấp phải sức kháng cự của giới chủ và của cánh hữu. Vì vậy, sự đoàn kết và hợp tác của các lực lượng cánh tả là điều cần thiết để thực hiện một sự thay đổi theo hướng mà cánh tả mong muốn. Chính vì vậy, tổng thống Mi-to-răng đã mời các đại diện của Đảng cộng sản tham gia Chính phủ mới. Dù muốn dù không, ông Mi-to-răng và Đảng xã hội không thể không đếm xỉa đến nguyện vọng của đa số cử tri Pháp là những người đã bỏ phiếu cho họ và đưa họ lên cầm quyền.

Sự thay đổi mà các đảng cánh tả ở Pháp đang ra sức phấn đấu để thực hiện chỉ hạn chế trong khung khổ hiến pháp và luật pháp tư sản của nước Pháp tư bản chủ nghĩa. Về cơ bản, nó không đụng chạm tới cơ cấu của chế độ xã hội hiện thời ở nước Pháp. Mặc dù vậy, nếu được thực hiện, nó sẽ đem lại một phần quyền lợi cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp, hạn chế một phần sự áp bức và bóc lột của tư bản lũng đoạn Pháp, củng cố nền độc lập dân tộc của nước Pháp, giảm bớt một phần sự lệ thuộc của nước Pháp vào nước ngoài.

Cánh hữu ở Pháp không cam chịu thất bại. Với những phương tiện khổng lồ mà nó có trong tay, nó đang tìm cách ngăn cản và chống phá mọi sự thay đổi có hại cho tư bản lũng đoạn. Chính vì vậy cuộc đấu tranh cho sự thay đổi cũng đồng thời là cuộc đấu tranh chống phái hữu và tư bản lũng đoạn mà nó đại diện. Có dựa vào toàn bộ lực lượng của cánh tả, có dựa vào đa số cử tri đã bỏ phiếu cho cánh tả, thì cuộc đấu tranh đó mới thu được kết quả.

Các thế lực phản động quốc tế, nhất là đế quốc Mỹ, đang tỏ ra hằn học trước việc cánh tả lên cầm quyền ở Pháp. Chúng đang ra sức ngăn cản và chống phá mọi sự thay đổi ở Pháp theo hướng hòa bình và dân chủ. Liệu các nhà cầm quyền mới ở nước Pháp có cường lại nỗi sức ép của các thế lực đế quốc nước ngoài hay không?

Nước Pháp đang ở trong cảnh bế tắc. Nhân dân Pháp đòi hỏi phải có sự thay đổi. Trong chương trình tranh cử của mình, ông Mi-to-răng và Đảng xã hội hứa hẹn sẽ thực hiện một sự thay đổi. Chính vì vậy đa số cử tri Pháp đã bỏ phiếu cho ông Mi-to-răng và Đảng xã hội.

Ngày nay ông Mi-to-răng đã trở thành Tổng thống của nước Pháp. Đảng xã hội đã chiếm được đa số trong Quốc hội Pháp. Một chính phủ mà hầu hết thành viên là người của Đảng xã hội đã được thành lập. Ông Mi-to-răng và Đảng xã hội đã có điều kiện thuận lợi để thực hiện chương trình mà họ đã công bố trong thời gian vận động bầu cử. Vấn đề được đặt ra là liệu ông Mi-to-răng và Đảng xã hội có giữ đúng những lời hứa hẹn của mình trong thời gian vận động bầu cử hay không?

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ № 7 — 1981 г.

ЛЕ ЗУАН — Все во имя социалистической Родины, счастья народа. ДО МЫОЙ — Добьемся победы на фронте распределения и товарообращения. С. ЛУВСАНГОМБО — 60 лет борьбы и триумфа. ДОАН ЧОНГ ЧУЕН — Основные проблемы политики цен в настоящее время. ХОНГ ТЬЫОНГ — Диалектическая связь национального и интернационального факторов. ★ Лучшие традиции нашего «Коммунистического журнала». НГУЕН ТИ ТИНЬ — Некоторые проблемы современной литературы Запада. КОММЕНТАРИЙ — Крупная победа демократических сил во Франции.

REVIEW OF COMMUNISM № 7 — 1981

LÊ-DUÂN — All for the socialist fatherland and the people's happiness. ĐỒ-MUỖI — Resolved to win on the front of distribution and circulation. C. LUVSANGOMBO — Sixty years of struggle and victory. ĐOÀN-TRỌNG-TRUYỀN — Fundamental problems of the present price policy. HỒNG-CHƯƠNG — The dialectical relationship between the national and the international factors ★ Our Party's tradition in the publication of reviews. NGUYỄN-CHÍ-TÌNH — Some problems of modern Western literature. Commentary — Great victory of the democratic forces in France.

REVUE DU COMMUNISME № 7 — 1981

LÊ-DUÂN — Tout pour la Patrie socialiste et le bonheur du peuple. ĐỒ-MUỖI — Résolus à remporter des succès sur le front de la distribution et de la circulation des marchandises. C. LUVSANGOMBO — 60 années de lutte et de victoires. ĐOÀN-TRỌNG-TRUYỀN — Les problèmes fondamentaux de notre actuelle politique des prix. HỒNG-CHƯƠNG — Le rapport dialectique entre le facteur national et le facteur international ★ Les traditions de la revue de notre Parti. NGUYỄN-CHÍ-TÌNH — Quelques problèmes de la littérature occidentale contemporaine. Commentaire — La grande victoire des forces démocratiques en France.

REVISTA DEL COMUNISMO № 7 — 1981

LÊ-DUÂN — Todo por la patria socialista y por la felicidad del pueblo. ĐỒ-MUỖI — Optimizar con resolución la distribución y circulación de mercancías. C. LUVSANGOMBO — 60 años de luchas y victorias. ĐOÀN-TRỌNG-TRUYỀN — Los problemas fundamentales de la actual política de precio. HỒNG-CHƯƠNG — Relación dialéctica entre el factor nacional y el internacional. ★ La tradición periodística de nuestro Partido. NGUYỄN-CHÍ-TÌNH — Algunos problemas de la literatura occidental contemporánea. Comentario — La gran victoria de las fuerzas democráticas en Francia.

MỤC LỤC

LÊ-DUẨN - Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân	1
Lời phát biểu của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Trường-Chinh	18
Lời phát biểu của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Phạm-Văn-Đồng	22
Tuyên bố của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam	24
ĐỖ-MUÔI - Quyết tâm giành thắng lợi trên mặt trận phân phối lưu thông	26
X. LÚP-XAN GÔM-BÔ - 60 năm đấu tranh và thắng lợi	34
ĐOÀN-TRỌNG-TRUYỀN - Những vấn đề cơ bản của chính sách giá hiện nay	39
HỒNG-CHƯƠNG - Quan hệ biện chứng giữa nhân tố dân tộc và nhân tố quốc tế	47
Sinh hoạt tư tưởng ★ TRỌNG-NGHĨA - « Phân »	54
Truyền thống tạp chí của Đảng ta	57
NGUYỄN-CHÍ-TÌNH - Một vấn đề văn học phương Tây hiện đại	61
Bình luận - Thắng lợi to lớn của lực lượng dân chủ ở Pháp	67

8107 - A

Tìm đọc :

LÊ - DUẨN

- Chủ nghĩa Lê-nin và cách mạng Việt-nam
- Xứng đáng hơn nữa là thành phố mang tên Bác Hồ vĩ đại



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM



8

8.1981

TÒA ÁN NHÂN DÂN VÀ VIỆC THI HÀNH HIẾN PHÁP VÀ PHÁP LUẬT

PHẠM - HUNG

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

TĂNG cường pháp chế xã hội chủ nghĩa là một yêu cầu cấp thiết của cách mạng đề nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước và bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Là cơ quan có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, Tòa án nhân dân phải phát huy vai trò của mình trong việc đấu tranh đề phòng ngừa và chống những tội phạm và những việc làm trái pháp luật, pháp chế.

Nguyên nhân của những tội phạm và những việc làm trái pháp luật.

Trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, Đảng và Nhà nước ta phải tích cực đấu tranh đề phòng ngừa và chống những tội phạm và những việc làm trái pháp luật, vì đó là những hiện tượng tiêu cực gây tác hại về nhiều mặt: chính trị, kinh tế và xã hội, thậm chí có khi còn gây nguy hại lớn cho nền an ninh của Tổ quốc.

Từ khi cả nước bắt đầu quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Tòa án nhân dân đã cùng với các ngành khác đạt được những thành tích to lớn trong việc bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Mặc dù vậy, tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật chưa được loại trừ một cách căn bản và còn trầm trọng. Đó là vì ở cả hai miền, mặc dù cách mạng đã thắng lợi, nhưng những thế lực phản cách mạng vẫn không cam tâm chịu thất bại, chúng vẫn tìm cách chống phá cách mạng, lật đổ chính quyền nhân dân. Chúng gồm những tên tay sai của bọn đế quốc và bọn bành trướng Trung-quốc, một số phần tử trong nguy quân và nguy quyền trước kia hoặc trong các giai cấp bóc lột không chịu cải tạo và những phần tử khác chống chủ nghĩa xã hội.

Hơn nữa nước ta từ sản xuất nhỏ tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, phải trải qua một quá trình lâu dài cải tạo nền sản xuất nhỏ. Mà những người sản xuất nhỏ và giai cấp tiểu

tư sản thì mang nặng tư tưởng tự do
tân mạn và cá nhân chủ nghĩa.

Trong khi đó, ở miền Nam giai cấp
tư sản, chủ yếu là tư sản thương
nghiệp, có quan hệ rất sâu rộng với
những người sản xuất nhỏ, lối kinh
doanh tư bản chủ nghĩa và những
ảnh hưởng của nó đang là một trở
ngại lớn cho việc quản lý kinh tế và
xã hội. Chủ nghĩa thực dân mới của
Mỹ để lại trong xã hội những lớp
người như: bọn lưu manh chuyên
nghề giết người, cướp của, bọn «hụi
đời», hàng loạt thanh niên hư hỏng
khác, v.v.

Những kẻ làm ăn phi pháp lợi dụng
tình hình khó khăn của đất nước gây
thiệt hại lớn cho Nhà nước, làm rối
loạn thị trường và làm cho đời sống
của nhân dân khó khăn thêm. Bên
cạnh đó có một số người không giữ
được phẩm chất, đã làm những việc
trái pháp luật.

Trong việc quản lý kinh tế và xã
hội, chúng ta còn thiếu kinh nghiệm
và có nhiều khuyết điểm; việc quản
lý kinh tế và xã hội thiếu chặt chẽ;
các chính sách và chế độ về kinh tế
và xã hội của ta mang nặng tính chất
hành chính bao cấp tạo nhiều kẽ hở
cho hoạt động phi pháp; pháp chế xã
hội chủ nghĩa chưa hoàn chỉnh; công
tác tuyên truyền giáo dục pháp luật
chưa được coi trọng; việc xử lý những
tội phạm và những việc làm trái
pháp luật nhiều khi chưa nghiêm
minh, v.v.

Do vậy, cuộc đấu tranh đề phòng
ngừa và chống những tội phạm và
những việc làm trái pháp luật trong
xã hội ta còn là một cuộc đấu tranh
lâu dài và phức tạp. Cuộc đấu tranh
đó không thể tách rời với việc cải tạo
kinh tế và xã hội, việc xây dựng sản
xuất lớn xã hội chủ nghĩa và xây
dựng con người mới xã hội chủ nghĩa,
việc xây dựng và hoàn chỉnh chế độ
quản lý của Nhà nước.

Có người cho rằng, tình hình tội
phạm và những việc làm trái pháp
luật hiện nay là hậu quả tất nhiên
của những khó khăn trong đời sống
nhân dân; chừng nào kinh tế còn khó
khăn thì không thể đấu tranh có hiệu
quả chống những hiện tượng tiêu cực
trong xã hội được. Nghĩ như vậy là
không đúng. Đường nhiên, đời sống
khó khăn là môi trường thuận lợi cho
những hiện tượng tiêu cực phát triển.
Song đó không phải là nguyên nhân
gây nên những hiện tượng tiêu cực.
Trong thực tế, khi đời sống còn có
nhiều khó khăn, đại đa số nhân dân
ta vẫn chấp hành nghiêm chỉnh những
chính sách lớn của Đảng và Nhà nước.
Quả thật có một số người làm trái
pháp luật, nhưng những kẻ phạm tội
nghiêm trọng thì lại không phải là vì
đời sống của chúng có khó khăn mà
trái lại, chúng là những kẻ đã biến
chất, sa đọa, muốn hưởng lạc và làm
giàu bằng con đường tội lỗi. Bởi vậy,
chúng ta cần xác định dứt khoát rằng,
trong bất cứ hoàn cảnh nào, mọi công
dân đều phải nghiêm chỉnh chấp hành
pháp luật, và bất cứ hành động phạm
pháp nào cũng đều phải được xử lý
nghiêm minh. Quan điểm cho rằng
những tội phạm và những việc làm
trái pháp luật là những hiện tượng
không thể tránh được, do đó cần được
chiếu cố, là một quan điểm rất sai
lầm vì nó làm cho việc đấu tranh
chống những mặt tiêu cực trong xã
hội bị lơ lửng, và như vậy thì cũng
không thể xây dựng được kinh tế và
cũng không thể làm cho đời sống nhân
dân bớt khó khăn.

Trong năm qua, nhờ việc thực hiện
những nghị quyết của Đảng về cải
tiến phân phối lưu thông, đồng thời
do nhiều nơi làm tốt việc kết hợp
ba lợi ích, người lao động phấn khởi
và sản xuất đang chuyển biến tốt.
Nơi nào tạo được sự chuyển biến tốt
về kinh tế và có những biện pháp
tích cực bảo vệ trị an, thì ở đó những
hiện tượng tiêu cực trong kinh tế

giảm dần và trật tự xã hội cũng tốt hơn. Rõ ràng, cuộc đấu tranh đề phòng ngừa và chống những tội phạm và những việc làm trái pháp luật hoàn toàn có khả năng đạt được kết quả tốt.

Vai trò của Tòa án nhân dân trong việc thi hành Hiến pháp và pháp luật.

Pháp luật và Tòa án nhân dân phải là công cụ của nhân dân lao động để đấu tranh chống những tiêu cực trong xã hội, cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới. Lê-nin đã chỉ rõ rằng, trong điều kiện của chuyên chính vô sản, còn cần phải có trấn áp và cưỡng chế và cần tưởng rằng chỉ giáo dục và động viên là có thể giải quyết được những mặt tiêu cực trong xã hội thì là một sự « không tưởng ». Và Người đã chỉ rõ rằng, trong thời kỳ hòa bình xây dựng, Tòa án nhân dân phải là « sự biểu hiện điển hình » của sự trấn áp và cưỡng chế vì, trong thời kỳ này, nhân dân lao động không dùng lực lượng vũ trang của mình để trấn áp bọn phản cách mạng mà dùng Tòa án để trấn áp chúng. Đồng thời việc cưỡng chế cũng cần thiết đối với những người trong nhân dân không tự giác tuân theo pháp luật. Tuy nhiên, Lê-nin cũng lại chỉ rõ rằng, khác hẳn với các tòa án tư sản, các tòa án của chuyên chính vô sản còn có một nhiệm vụ quan trọng nữa là « giáo dục kỷ luật » vì việc trừng trị những kẻ phạm tội cũng là để giáo dục họ và qua việc xét xử, Tòa án nhân dân cũng giáo dục nhân dân về ý thức tuân theo pháp luật và quy tắc sinh hoạt xã hội. Trong thời gian qua một trong những nguyên nhân của việc xử lý chưa nghiêm minh một số tội phạm và việc làm trái pháp luật là vì chúng ta đã coi nhẹ việc cưỡng chế, không có quan điểm đúng về tác dụng giáo dục của

việc xét xử của Tòa án, tách rời việc giáo dục với cưỡng chế, không thấy rằng cưỡng chế cũng là một biện pháp giáo dục cần thiết đối với những người không tự giác tuân theo pháp luật, đề nêu cao kỷ luật của xã hội mới.

Tòa án nhân dân phải là một công cụ sắc bén của chuyên chính vô sản, cho nên phải thực hiện đúng đắn chính sách trừng trị bọn phản cách mạng là: *ng nghiêm trị bọn chủ mưu, bọn cầm đầu, bọn thủ ác, bọn ngoan cố chống lại cách mạng. Còn đối với những tội hình sự thường, thì nghiêm trị bọn lưu manh chuyên nghiệp, bọn tái phạm, bọn phạm tội có tổ chức, bọn cầm đầu, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội, bọn gây thiệt hại nặng.* Trong tình hình hiện nay, yêu cầu của cách mạng là phải trừng trị thẳng tay bọn phản cách mạng hiện hành, bọn phản quốc, trừng trị đích đáng bọn ăn cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, bọn đầu cơ, buôn lậu và bọn lưu manh chuyên nghiệp. Ngoài ra, những việc phạm pháp của cán bộ nhân viên Nhà nước thường gây tác hại rất lớn, cho nên Tòa án nhân dân cần phải trừng trị đích đáng những kẻ tham ô, móc ngoặc với những phần tử xấu lạm dụng chức quyền để tuồn vật tư, hàng hóa của Nhà nước ra thị trường « tự do », ăn hối lộ và ức hiếp quần chúng.

Từ trước tới nay, người ta thường nói nhiều đến việc Tòa án nhân dân trừng trị những tội phạm, nhưng chưa thấy được việc Tòa án giải quyết những việc tranh chấp về dân sự xảy ra rất nhiều trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội có quan hệ đến việc bảo vệ chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa, bảo đảm những việc giao dịch về kinh tế và dịch vụ trong xã hội được thực hiện nghiêm chỉnh, bảo vệ quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tập thể và quyền lợi chính đáng của công dân, góp phần xây dựng và bảo

vệ những quan hệ xã hội đúng đắn và lành mạnh, đặc biệt là quan hệ gia đình. Hiện nay, do quan niệm lệch lạc nói trên đã có không ít trường hợp lợi ích của Nhà nước hoặc của tập thể bị xâm phạm nhưng các cơ quan quản lý vẫn không chú ý bảo vệ và ngược lại, cũng không ít những trường hợp các cơ quan có trách nhiệm không chú ý đầy đủ việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của công dân. Quan niệm đó thể hiện phổ biến nhất và nghiêm trọng nhất ở chỗ không quán triệt nguyên tắc *mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật*, đã có nhiều trường hợp nề nang, cảm tình, « chiếu cố » thành tích trước kia của người vi phạm pháp luật, sợ mất ảnh hưởng của cơ quan, sợ mất thành tích thi đua của đơn vị hoặc địa phương, mà không xử lý hoặc xử lý không đúng mức đối với những việc làm trái pháp luật, có khi cả đối với những trường hợp phạm tội của cán bộ. Cho nên để khắc phục tình trạng đó, Hiến pháp mới ngoài việc nhắc lại nguyên tắc quan trọng nói trên, còn quy định rõ *“ Mọi hành động xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tập thể và quyền lợi chính đáng của công dân đều phải được xử lý theo pháp luật ”* (Điều 127) và *« Người bị thiệt hại có quyền được bồi thường »* (Điều 73).

Quán triệt phương châm đấu tranh chống và loại trừ tiêu cực trong xã hội ta, Tòa án nhân dân triển khai hoạt động của mình trên hai hướng: thứ nhất là thông qua xét xử bị những sơ hở của cơ quan Nhà nước, bởi vì những sơ hở đó thường là những điều kiện khách quan làm cho tội phạm và những việc làm trái pháp luật dễ phát sinh và phát triển. Tòa án nhân dân cố gắng trong quá trình xét xử rút ra những nguyên nhân và điều kiện đã gây ra những tội phạm hoặc những việc làm trái pháp luật để yêu cầu các cơ quan có trách nhiệm sửa chữa. Những yêu cầu đó

của Tòa án góp phần nâng cao công tác quản lý kinh tế và xã hội của Nhà nước ta, bảo vệ quyền lợi chính đáng của công dân. Thứ hai, Tòa án nhân dân hướng một bộ phận hoạt động của mình vào việc xây dựng các tổ chức xét xử — hòa giải ở cơ sở. Kinh nghiệm đã cho thấy rõ rằng, việc giải quyết kịp thời những việc xích mích, tranh chấp nhỏ trong nhân dân là rất cần thiết để tránh việc nhỏ có thể trở thành mâu thuẫn sâu sắc gây nên những việc kiện tụng kéo dài hoặc những vụ án hình sự. Vì vậy, từ năm 1963, ở cơ sở đã tổ chức những tổ hòa giải nhân dân, ở những nơi các tổ hòa giải hoạt động tốt, số việc kiện tụng và tội phạm mà Tòa án phải xét xử, giảm đi. Dựa vào kinh nghiệm đó, Hiến pháp đã quy định: *“ Ở cơ sở, thành lập các tổ chức thích hợp của nhân dân để giải quyết những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong nhân dân, theo quy định của pháp luật ”* (Điều 128). Nếu thành lập được các tổ chức thích hợp và xác định rõ nhiệm vụ của các Ủy ban nhân dân, đoàn thể nhân dân và Tòa án nhân dân trong việc xây dựng, bồi dưỡng và quản lý các tổ chức đó thì sẽ thu hút được nhân dân tham gia quản lý công việc Nhà nước, công việc xã hội, và mọi người sẽ nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

Bảo đảm cho việc xét xử được chính xác và kịp thời.

Trong công tác xét xử những vụ án hình sự, nếu để lọt kẻ gian hoặc xử phạt chúng không đúng mức thì những phần tử nguy hiểm sẽ có thể tiếp tục hoạt động phạm tội; nhưng nếu xử oan người vô tội thì lại là xâm phạm nghiêm trọng đến sinh mệnh chính trị, tự do, danh dự của họ và nhiều khi còn ảnh hưởng cả đến gia đình họ; sai lầm đó dù có được sửa chữa cũng không thể lấy gì đền bù được. Còn xét xử sai về dân sự thì không

bảo đảm được tài sản của Nhà nước, của tập thể và những quyền lợi chính đáng của công dân.

Đề bảo đảm cho Tòa án nhân dân thật sự là cơ quan công lý, trước tiên chúng ta phải có một đội ngũ thẩm phán có đủ năng lực và phẩm chất để thực hiện nhiệm vụ. Người thẩm phán trước hết phải là người tuyệt đối trung thành với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, với cách mạng, đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân và nắm chắc quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, có kinh nghiệm xã hội, gương mẫu về mọi mặt và có tinh thần kiên quyết đấu tranh để bảo vệ các chính sách của Đảng và Nhà nước. Thẩm phán còn phải có kiến thức về văn hóa và pháp lý. Nếu không nắm được lý luận, những nguyên tắc và những chế định pháp lý thì trình độ của thẩm phán sẽ rất hạn chế. Họ có thể có kinh nghiệm về giải quyết một số loại án nhất định nhưng nếu gặp những vụ án khó, phức tạp thì sẽ bị lúng túng.

Thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động đối với công tác xét xử, các hội thẩm nhân dân được tham gia việc xét xử tại các Tòa án nhân dân và ngang quyền với thẩm phán. Sự tham gia của các hội thẩm nhân dân sẽ giúp cho việc xét xử được chính xác vì họ là những người rất sát với sản xuất và sinh hoạt của nhân dân; ngoài ra, sau khi xét xử, các hội thẩm nhân dân còn có thể phổ biến rộng rãi bản án trong nhân dân để phát huy tác dụng giáo dục của Tòa án. Nói chung, hiện nay, các hội thẩm nhân dân đã phát huy được tác dụng, tuy nhiên cũng còn những hội - thẩm nhân dân chưa tích cực thu xếp công tác để tham gia xét xử, và một số cơ quan cũng chưa tạo điều kiện cho hội thẩm nhân dân tham gia xét xử. Mặt khác, do trình độ hạn chế và cũng do thẩm phán chưa thật sự chú ý giúp đỡ, một số hội

thẩm nhân dân chưa phát huy vai trò của mình trong công việc xét xử.

Công an, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân đều làm một nhiệm vụ chung là đấu tranh để phòng ngừa và chống những tội phạm và những việc làm trái pháp luật, nhưng mỗi cơ quan có chức năng khác nhau: Công an điều tra, Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát điều tra, phê chuẩn truy tố và kiểm sát xét xử, còn Tòa án nhân dân thì xét xử. Cả ba cơ quan đều phải thực hiện yêu cầu chung trong việc đấu tranh chống tội phạm là: xử lý đúng pháp luật đối với những kẻ phạm tội. Đề bảo đảm yêu cầu đó, pháp luật đã quy định *những thủ tục tố tụng về điều tra, bắt giam, khám xét, truy tố, xét xử, thi hành án*. Trong những thủ tục này, chức năng và quan hệ công tác giữa ba ngành, cũng như những quyền và nghĩa vụ của công dân, đã được quy định chặt chẽ. Vì vậy, mỗi ngành đều phải thực hiện nghiêm chỉnh những thủ tục tố tụng đó; nếu coi thường những quy định về thủ tục tố tụng, coi đó chỉ là vấn đề hình thức, thì khuyết điểm này thường dẫn đến những tác hại như: bắt giam, khám nhà trái phép, điều tra và xét xử chậm, xử lý không nghiêm minh v.v. Ba ngành phải phối hợp công tác để thực hiện nhiệm vụ chung, nhưng trong khi phối hợp vẫn phải thực hiện đúng chức năng của mỗi ngành và nhất là không được xuê xoa đối với những việc làm trái pháp luật của nhau.

Trong khi điều tra, truy tố và xét xử các vụ án, các cơ quan công an, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân đều phải bảo đảm *quyền bào chữa* của bị cáo vì bị cáo có được trình bày những chứng cứ và lý lẽ có thể chứng minh rằng họ bị oan hoặc chỉ có trách nhiệm trong chừng mực nhất định thì việc xét xử mới khách quan và chính xác. Quyền bào chữa của bị cáo đã được quy định trong Hiến pháp mới và cần được

bảo đảm bằng những quyền của bị cáo là: được biết là mình bị khởi tố về tội gì; được giải thích về quyền bào chữa trước khi hỏi cung; được trình bày những chứng cứ và những lời thỉnh cầu; được tổng đặt bản cáo trạng; được tự bào chữa hoặc nhờ luật sư hoặc người bào chữa nhân dân bào chữa; được nói lời cuối cùng trước khi Tòa án nghị án. Dưới chế độ ta, người bào chữa góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa vì họ giúp cho Tòa án xem xét vụ án được đầy đủ và áp dụng pháp luật được chính xác. Do đó, họ phải làm việc một cách tận tình nhưng không được phép bóp méo sự thật hoặc dùng những thủ đoạn bất hợp pháp để giúp cho kẻ có tội trốn tránh pháp luật. Mớm cung, truy cung, ép cung, không lắng nghe lời bào chữa, đó là những điều cần phải ngăn ngừa, vì đó là những việc xâm phạm đến quyền bào chữa của bị cáo và làm cho việc xử lý không chính xác.

Việc điều tra, truy tố chính xác thì việc xét xử của Tòa án nhân dân sẽ thuận lợi. Tuy nhiên, nếu từ đó mà lại cho rằng Tòa án nhân dân chỉ làm nhiệm vụ «*hợp pháp hóa*» những kết luận của cơ quan Công an hoặc của Viện kiểm sát nhân dân thì là không thấy được vai trò của Tòa án nhân dân, vì với chức năng xét xử, Tòa án nhân dân phải qua phiên tòa mà xác minh lại mọi tình tiết của vụ án và chỉ được phép dựa vào kết quả của phiên tòa mà quyết định bản án. Tòa án không bị ràng buộc bởi ý kiến của cơ quan Công an hoặc của Viện kiểm sát nhân dân mà chỉ căn cứ vào sự thật khách quan và pháp luật mà quyết định. Vì vậy, công tác phiên tòa là hoạt động tập trung nhất của Tòa án nhân dân và nếu coi việc mở phiên tòa chỉ là hình thức là không thấy đúng vai trò và nhiệm vụ của Tòa án nhân dân.

Để bảo đảm cho Tòa án nhân dân thực hiện được đầy đủ nhiệm vụ,

Hiến pháp đã quy định: «*Khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*» (Điều 131). Quy định này rất cần thiết vì nó xác định rõ *trách nhiệm* của thẩm phán và hội thẩm nhân dân là phải thi hành đúng pháp luật mà không được để cho bất cứ ảnh hưởng nào bên ngoài chi phối. Mặt khác, Nhà nước cũng cấm bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào can thiệp để làm cho các thẩm phán và hội thẩm nhân dân xét xử không đúng pháp luật. Hội thẩm nhân dân ngang quyền với thẩm phán, và Tòa án nhân dân quyết định theo đa số, cho nên thẩm phán không được áp đặt ý kiến của mình cho hội thẩm nhân dân.

Hiến pháp đã xác định *sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam* đối với Nhà nước, cho nên nếu nghĩ rằng «*Khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*» là Đảng không được và không nên lãnh đạo công tác của Tòa án nhân dân, thì là sai. Trái lại, phải khẳng định rằng chỉ có đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng thì Tòa án nhân dân mới thực hiện được tốt nhiệm vụ của mình. Đảng ta có nhiệm vụ tăng cường Nhà nước và phát huy vai trò của Nhà nước, cho nên Đảng phải quan tâm lãnh đạo các Tòa án nhân dân về đường lối, chính sách xét xử, bồi dưỡng cán bộ Tòa án về quan điểm, lập trường, hướng công tác của Tòa án phục vụ những nhiệm vụ chính trị, xây dựng các Tòa án nhân dân về mặt tổ chức, bố trí những cán bộ có đủ năng lực và đạo đức làm thẩm phán, và thông qua các tổ chức của Đảng và của các đoàn thể nhân dân mà kiểm tra công tác của Tòa án nhân dân. Đảng không làm thay Nhà nước cho nên các thẩm phán và hội thẩm nhân dân bao giờ cũng phải thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Điều lệ của Đảng đã quy định rằng mọi đảng viên và tổ chức của Đảng

(Xem tiếp trang 15)

Chức năng lập pháp và giám sát của Quốc hội

PHAN-TRUNG-LÝ

TRONG hệ thống các cơ quan Nhà nước ở nước ta, Quốc hội được Hiến pháp xác định là “cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất”, là cơ quan thể hiện ý chí tập trung, thể hiện quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân.

Chúng ta cần tăng cường hoạt động của Quốc hội để Quốc hội làm tròn những chức năng, nhiệm vụ được giao, trước hết là thực hiện tốt chức năng lập pháp và giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật.

Lập pháp là chức năng quan trọng của Quốc hội.

Trong xã hội ta, Quốc hội nói riêng và các cơ quan Nhà nước nói chung là công cụ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nhiệm vụ chủ yếu của Quốc hội là thể chế hóa bằng pháp luật Nhà nước đường lối chính sách của Đảng nhằm bảo đảm cho đường lối chính sách đó được đưa vào cuộc sống, được toàn thể cán bộ và nhân dân triệt để chấp hành.

Lập pháp là một chức năng rất quan trọng, vì chỉ có lập pháp mới biến ý chí của nhân dân thành pháp luật. Mặt khác, Lê-nin đã nói: « Ý chí, nếu là ý chí của Nhà nước cần được thể hiện bằng luật do chính quyền quy định, khác đi thì chữ « ý chí » chỉ là một âm thanh trống rỗng làm rung chuyển không khí mà thôi » (1).

Lập pháp là khâu đầu tiên tạo điều kiện để “Nhà nước quản lý xã hội theo pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa” như Điều 12 của Hiến pháp đã quy định.

Lập pháp là hình thức xây dựng pháp luật quan trọng hàng đầu ở nước ta. Thực chất của lập pháp là cụ thể hóa những điều đã được quy định trong Hiến pháp thành luật. Tất nhiên, không phải tất cả những gì được Hiến pháp nêu ra đều được biến thành những luật riêng. Chức năng lập pháp của Quốc hội chỉ cho phép cụ thể hóa những quy định có tính chất chung nhất, quan trọng nhất của Hiến pháp thành những văn bản luật có hiệu lực pháp lý cao nhất (sau Hiến pháp). Vì vậy, yêu cầu của chức năng lập pháp đặt ra cho Quốc hội trách nhiệm rất nặng nề: tất cả những quy định chính của Nhà nước điều chỉnh các quan hệ xã hội nhằm « tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, làm cho mọi hoạt động của các cơ quan Nhà nước đi vào quy chế chặt chẽ, thật sự tôn trọng quyền làm chủ tập thể và bảo đảm quyền lợi của nhân dân, đồng thời đòi hỏi mọi công dân làm tròn nghĩa vụ và tuân theo pháp luật » (2) đều phải được thể chế hóa bằng luật.

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập* (bản tiếng Nga), Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, tập 32, tr. 340.

(2) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 68.

Thực hiện chức năng lập pháp của mình, Quốc hội ta đã thông qua nhiều luật quan trọng, góp phần không nhỏ vào việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nhưng nhìn chung, các luật đã được thông qua và ban hành chưa đáp ứng kịp yêu cầu của cuộc sống. Trong xã hội ta, vẫn còn hiện tượng như sau: nhiều vấn đề lẽ ra phải được quy định trong luật thì mới chỉ được quy định trong những văn bản dưới luật, do đó hiệu lực pháp lý chưa cao, tính cưỡng chế của pháp luật chưa phát huy được hết.

Hiện nay, cuộc đấu tranh xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đòi hỏi Nhà nước ta phải khẩn trương xây dựng hệ thống luật hoàn chỉnh; sửa đổi, bổ sung những chế độ, thể lệ không còn phù hợp với tình hình mới của cách mạng.

Để đưa việc xây dựng luật vào nền nếp, trước mắt cần có kế hoạch cụ thể xây dựng luật và bổ sung luật, nêu rõ hướng xây dựng pháp luật chủ yếu trong một thời gian nhất định, quy định danh mục những dự thảo luật cần chuẩn bị, cơ quan có trách nhiệm chuẩn bị và thời hạn thông qua.

Trong những năm tới, bên cạnh việc thông qua những luật về tổ chức hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cần xúc tiến chuẩn bị và thông qua gấp những luật nhằm bảo đảm và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân; những luật cần thiết trong lĩnh vực quản lý kinh tế và tăng cường các hoạt động kinh tế. Ở đây, cần đặc biệt chú ý đến việc xây dựng luật điều chỉnh các quan hệ nảy sinh trong công tác kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân. Để góp phần làm cho kế hoạch Nhà nước thật sự là «cương lĩnh thứ hai của Đảng», bên cạnh việc Quốc hội ban hành kế hoạch Nhà nước dưới hình thức đạo luật, cần phải cấp bách xây dựng luật về kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân. Chỉ

có luật (chứ không phải những văn bản dưới luật như hiện nay) gồm những quy phạm cơ bản ổn định và đồng bộ, mang tính chất nguyên tắc mới có đủ hiệu lực pháp lý cần thiết để đưa kế hoạch hóa vào nền nếp, để chế độ trách nhiệm thực hiện kế hoạch Nhà nước được triệt để tôn trọng.

Ngoài ra, thực tế còn đòi hỏi trong một thời gian ngắn, công tác lập pháp phải đáp ứng được yêu cầu có các luật cần thiết, điều chỉnh quan hệ xã hội ở các lĩnh vực của cuộc sống.

Công tác lập pháp của Quốc hội càng quan trọng, yêu cầu thực hiện chức năng lập pháp của Quốc hội càng nặng nề sau khi Quốc hội thông qua Hiến pháp mới.

Chức năng giám sát của Quốc hội.

Nếu như lập pháp nhằm biến ý chí Nhà nước thành luật thì giám sát là khâu rất quan trọng nhằm bảo đảm cho ý chí đó, sau khi đã hình thành luật, được thực hiện trong cuộc sống. Hiến pháp đã giao cho Quốc hội chức năng quan trọng đó.

Chức năng giám sát của Quốc hội bắt nguồn từ quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân. Tầm quan trọng và tính chất của chức năng giám sát của Quốc hội do tính chất của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa quy định. Ở nước ta «Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân» (Điều 82 của Hiến pháp), thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước; Quốc hội bầu và bãi miễn những cơ quan và những người lãnh đạo cao nhất của bộ máy Nhà nước. Các cơ quan này chịu trách nhiệm và báo cáo trước Quốc hội.

Công tác giám sát của Quốc hội là bộ phận quan trọng trong hệ thống hoàn chỉnh kiểm tra, thanh tra và giám sát của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Quốc hội giám sát toàn bộ hoạt động của các cơ quan Nhà nước nhằm làm cho Hiến pháp và pháp luật được triệt để thi hành. Việc giám sát của Quốc hội là sự phối hợp giữa cơ quan giám sát và cơ quan bị giám sát để cùng nhau góp sức thực hiện nghiêm chỉnh chủ trương đường lối của Đảng, nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Sự giám sát của Quốc hội nhằm làm cho các cơ quan Nhà nước thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ đã được quy định và phát huy hết vai trò và hiệu lực của mình.

Sự giám sát của Quốc hội đối với các cơ quan Nhà nước được thể hiện rõ nhất tại các kỳ họp của Quốc hội. Ở đây, Quốc hội nghe các cơ quan báo cáo công tác, thảo luận và tổ thái độ đối với các báo cáo đó. Những vấn đề được Quốc hội đặc biệt chú ý là: đường lối chính sách của Đảng được đưa vào cuộc sống như thế nào, các cơ quan Đảng và Nhà nước tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân ra sao.

Giữa hai kỳ họp của Quốc hội, chức năng giám sát được Hội đồng Nhà nước thực hiện.

Quốc hội thực hiện chức năng giám sát của mình thông qua Hội đồng dân tộc và các ủy ban thường trực của Quốc hội. Các ủy ban này hoạt động theo quyền hạn và nhiệm vụ mà Quốc hội giao cho. Các ủy ban thường trực của Quốc hội không có chức năng giám sát độc lập; trong từng lĩnh vực cụ thể các ủy ban thường trực của Quốc hội giúp Quốc hội thực hiện quyền giám sát. Thực tế đã chỉ ra rằng: hình thức hoạt động của các ủy ban thường trực của Quốc hội là hình thức hoạt động không thể thiếu, phong phú và liên tục của Quốc hội.

Hiện nay, Quốc hội ta chưa thành lập nhiều ủy ban thường trực. Nội dung hoạt động và tính thiết thực

trong hoạt động của các ủy ban chưa phải đã hết vấn đề đề bàn; nhưng nhìn chung, các ủy ban thường trực của Quốc hội đã cố gắng giúp Quốc hội thực hiện quyền giám sát của mình. Bước chuyển biến quan trọng trong hoạt động của các ủy ban là bước chuyển từ sinh hoạt theo những vấn đề chung sang sinh hoạt theo chuyên đề, kết hợp giám sát qua báo cáo với việc đi khảo sát và nghiên cứu thực tế. Nhờ bước chuyển này mà các vấn đề đưa ra được nghiên cứu sâu hơn, sát hơn và tập trung hơn. Các kiến nghị nêu lên có cơ sở thiết thực hơn và có hiệu lực hơn.

Sự giám sát của Quốc hội còn được thực hiện nhờ hoạt động của bản thân mỗi đại biểu Quốc hội. Hình thức quan trọng nhất trong hoạt động của đại biểu Quốc hội là sử dụng tốt quyền chất vấn của mình. Quyền chất vấn của đại biểu Quốc hội và nhiệm vụ của các cơ quan Nhà nước phải trả lời chất vấn đã được quy định trong Hiến pháp và Luật tổ chức Quốc hội. Nghiêm túc thực hiện những quy định đó là thiết thực góp phần cải tiến công tác quản lý Nhà nước và xã hội.

Chức năng giám sát của Quốc hội có tầm quan trọng đặc biệt. Chính vì vậy mà Quốc hội đã lập ra Ủy ban pháp luật để trực tiếp giúp mình thực hiện chức năng giám pháp sát việc tuân theo Hiến và pháp luật.

Để việc giám sát của Quốc hội có kết quả thiết thực, trong từng thời gian nhất định, tùy theo nội dung các nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Hội đồng Nhà nước định ra kế hoạch giám sát cụ thể, đề ra yêu cầu, trọng tâm, trọng điểm giám sát trong từng thời gian và định ra chế độ trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước đối với việc thực hiện các nghị quyết mà Quốc hội đưa ra trong quá trình giám sát.

XÂY DỰNG VỐN RỪNG KINH TẾ TẬP TRUNG ỔN ĐỊNH

PHAN-XUÂN-ĐỢT



ỔN 20 năm qua chúng ta đã có nhiều cố gắng trong việc quản lý, bảo vệ rừng, gây trồng rừng mới và khai thác hàng chục triệu mét khối gỗ và nhiều loại lâm sản, đặc sản khác đáp ứng nhu cầu của công cuộc xây dựng đất nước và xuất khẩu. Tốc độ trồng rừng phát triển khá nhanh, chất lượng rừng trồng ngày càng tiến bộ. Qua kiểm kê rừng, trong vòng 20 năm (1961 - 1979) miền Bắc đã trồng được 71 vạn héc ta rừng (diện tích thành rừng tính đến năm 1979 hiện còn khoảng 31 vạn héc ta), riêng trong kế hoạch 5 năm thứ hai (1976 - 1980) cả nước đã trồng được hơn 50 vạn héc ta (bình quân 10 vạn héc ta/năm). Đặc biệt phong trào nhân dân trồng cây theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch đã đem lại những kết quả to lớn và thiết thực.

Tuy nhiên trong quá trình xây dựng và bảo vệ rừng, chúng ta không tránh khỏi khuyết điểm. Quy luật tái sản xuất tài nguyên rừng đòi hỏi việc khai thác, sử dụng phải gắn liền với việc bảo vệ và xây dựng vốn rừng. Ở nước ta, khả năng sản xuất tự nhiên của rừng mỗi năm vào khoảng 12 -

15 triệu mét khối, nhưng thực tế khai thác, sử dụng mỗi năm đã lên tới 25 - 30 triệu mét khối gỗ tròn và gỗ củi (trong đó Nhà nước khai thác theo kế hoạch là 5 triệu mét khối; nhân dân, cơ quan, đơn vị bộ đội khai thác 20 - 25 triệu mét khối/năm). Việc lấy ra một khối lượng lâm sản lớn gấp hai lần khối lượng lâm sản sản xuất tự nhiên của rừng cùng với tình trạng quản lý lỏng lẻo, đốt rừng làm nương rẫy, khai thác lặt vặt (chặt cây tốt, để lại cây xấu)... đã phá hoại hàng chục vạn héc ta rừng, làm cho rừng mất khả năng tái sinh hồi phục, vốn rừng bị giảm sút một cách nghiêm trọng, ảnh hưởng đến môi trường và sự cân bằng sinh thái.

Chúng ta đang đứng trước hai con đường, một là cứ tiếp tục làm ăn theo lối cũ dễ rơi dần đến chỗ rừng tàn kiệt thêm và chẳng bao lâu nữa sẽ lâm vào tình thế khó khăn hơn về cung cấp lâm sản và môi trường sinh thái; hai là ngay từ bây giờ phải kiên quyết chuyển mạnh theo hướng phát triển nghề rừng một cách toàn diện với nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng lại vốn rừng kinh tế tập trung ổn định và khai thác có kế hoạch nhằm chủ động tạo ra nguồn nguyên

liệu lớn đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu. Tất nhiên chúng ta sẽ lựa chọn con đường xây dựng vốn rừng kinh tế tập trung ổn định.

I — SỰ TẤT YẾU PHẢI XÂY DỰNG VỐN RỪNG KINH TẾ TẬP TRUNG ỔN ĐỊNH.

Xây dựng vốn rừng kinh tế tập trung ổn định là xây dựng những vùng rừng nguyên liệu có diện tích đủ lớn, có trữ lượng và sản lượng lớn, tập trung, có năng suất tăng trưởng cao, chu kỳ sản xuất ngắn, sản phẩm tương đối đồng nhất về quy cách chất lượng, thuận tiện cho việc khai thác và chế biến công nghiệp. Nói cách khác là xây dựng những khu rừng có năng suất tổng hợp cao, có hiệu quả kinh doanh lớn. Vốn rừng đó, sau khi quy hoạch, điều chỉnh lại sự phân bố tự nhiên, tỷ lệ tán che và kết cấu cây trồng hợp lý, phải tiến tới ổn định về ranh giới, diện tích, khối lượng, chất lượng, năng suất, nhằm bảo đảm cung cấp sản phẩm lâu dài, liên tục và ổn định theo kế hoạch của nền kinh tế quốc dân, đồng thời luôn duy trì và phát huy được các mặt tác dụng khác của rừng.

Đất rừng vừa là đối tượng lao động vừa là tư liệu sản xuất, là vốn cơ bản nhất để tạo nên tài nguyên rừng và sản phẩm lâm nghiệp, cho nên nói xây dựng vốn rừng kinh tế tập trung ổn định cũng có nghĩa là phải xây dựng vốn đất ổn định cả về diện tích và độ phì, bởi vì độ phì của đất rừng là yếu tố quyết định năng suất rừng, đồng thời phản ánh trình độ thâm canh sử dụng đất, sử dụng rừng. Xây dựng vốn rừng kinh tế tập trung ổn định trước hết phải xuất phát từ yêu cầu bố trí một cơ cấu cây trồng hợp lý, thực hiện thâm canh, bồi dưỡng đất để rừng luôn luôn có năng suất và sản lượng cao, đồng thời tạo nên hoàn cảnh sinh thái ổn định. Tình

trạng kinh doanh sử dụng rừng theo lối khai thác tàn kiệt làm suy thoái độ màu mỡ của đất dẫn đến hậu quả kinh tế ngược lại.

Rừng của ta có thuận lợi là, sinh trưởng nhanh, sinh khối lớn, nhưng năng suất gỗ tròn thực tế lại rất thấp (trung bình chỉ đạt 2 mét khối/ha/năm), sản lượng gỗ hàng hóa không nhiều mà lại phân tán, phần lớn ở núi cao, sườn dốc, việc khai thác có nhiều khó khăn. Có nơi muốn lấy ra một mét khối gỗ phải đầu tư 600—700 đồng cho chi phí mở đường. Hiện nay chúng ta khai thác mỗi năm khoảng 2 triệu mét khối gỗ tròn nhưng phải triển khai trên hàng triệu héc ta, vì năng suất gỗ/héc ta chỉ được 3—5 mét khối. Nếu xây dựng được những khu rừng kinh tế có sản lượng trung bình 100—200 mét khối/ha thì chỉ cần một diện tích vốn rừng khoảng 10 vạn héc ta (có chu kỳ sản xuất 40—12 năm) cũng có thể thu được 1—2 triệu mét khối gỗ/năm. Dự tính trong 10—15 năm tới (mức tiêu dùng gỗ bình quân theo đầu người 0,5 mét khối mỗi năm) cả nước cần có 35—40 triệu mét khối/năm (trong đó gỗ nguyên liệu giấy và sợi dệt thường chiếm 20—25%, gỗ dán, lạng 30—40%, gỗ xẻ 35—40%, gỗ ép 10%). Đó là chưa tính đến các nhu cầu khác về than củi, tre nứa, đặc sản, dược liệu... Riêng về củi đốt của nhân dân, mỗi năm cần đến hàng chục triệu mét khối. Hiện nay và trong một thời gian dài nữa than, củi vẫn giữ vị trí chủ yếu trong thành phần chất đốt của nhân dân. Nhiều nước đang phát triển cũng rất coi trọng nguồn năng lượng tái sinh này từ rừng: điều chế và trồng những loại cây mọc nhanh để đáp ứng yêu cầu cấp bách về than củi trong đời sống hằng ngày. Mặt khác việc chế biến theo phương pháp công nghiệp chẳng những đòi hỏi cung cấp số lượng lớn và ổn định gỗ và các lâm sản khác mà còn đòi hỏi nghiêm khắc về quy cách, chất lượng. Do đó, chỉ trên cơ sở chủ

động cải tạo các rừng tự nhiên, trồng mới những rừng kinh tế bằng những biện pháp kỹ thuật và quản lý có hiệu quả thì mới tạo ra được nguồn nguyên liệu đáp ứng yêu cầu sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu.

Việc xây dựng vốn rừng kinh tế tập trung ổn định còn tạo điều kiện để quản lý, bảo vệ rừng được thuận lợi, gắn công tác tái sinh, trồng rừng với khai thác và chế biến, gắn cơ sở chế biến với nguồn nguyên liệu, ổn định lâu dài địa bàn sản xuất, và cũng từ đó hình thành những liên hợp lâm-nông-công nghiệp hoàn chỉnh với các kết cấu kinh tế hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống của lao động nghề rừng và nhân dân sinh sống gần rừng.

Tóm lại, xây dựng vốn rừng kinh tế tập trung ổn định là con đường tất yếu của quá trình xây dựng và phát triển nghề rừng từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, từ sử dụng rừng chủ yếu dựa vào tự nhiên đến chủ động xây dựng lại rừng trên cơ sở vận dụng đúng đắn các quy luật sinh thái và quy luật sinh vật học nhằm đạt tới những mục tiêu kinh tế tối ưu, phát huy vị trí xứng đáng của nghề rừng đối với sự nghiệp xây dựng kinh tế và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II— NỘI DUNG XÂY DỰNG VỐN RỪNG KINH TẾ TẬP TRUNG ỔN ĐỊNH

Xây dựng vốn rừng kinh tế tập trung ổn định trước hết là xây dựng rừng có năng suất và sản lượng cao, có hiệu quả kinh tế lớn, là làm cho mỗi đơn vị diện tích, mỗi thành phần kết cấu nên vốn rừng đều phát huy được giá trị kinh tế. Nói cách khác đó là công tác tổ chức lại rừng cả về hình thức lẫn nội dung; sắp xếp lại cơ cấu rừng hợp lý để đạt tới mục tiêu kinh tế tối ưu và có tác dụng phòng hộ tốt nhất. Do đó nội dung xây dựng vốn rừng kinh tế tập trung

ổn định được thể hiện trước hết ở cơ cấu vốn rừng:

— Vốn rừng kinh tế được điều chế từ rừng tự nhiên.

— Vốn rừng nhân tạo, cải tạo, trồng lại trên nền rừng tự nhiên hoặc trồng mới trên đất chưa có rừng.

— Vốn rừng nguyên liệu, rừng nhiên liệu tập trung của địa phương và vườn cây gia dụng của tập thể hợp tác xã và nhân dân...

Ba bộ phận cấu thành vốn rừng kinh tế trên đây được xây dựng lâu dài và ổn định trên những vùng kinh tế lâm nghiệp thuộc trách nhiệm quản lý kinh doanh của các đơn vị lâm nghiệp quốc doanh, tập thể và nhân dân và được kết hợp chặt chẽ trên địa bàn huyện.

Một cơ cấu vốn rừng hợp lý trước hết, trước mắt cũng như lâu dài, phải đáp ứng được những nhu cầu về lâm sản trong nước và xuất khẩu.

a) Loại rừng tự nhiên có trữ lượng giàu và trung bình ở nước ta hiện nay tuy không nhiều, song nó có vị trí đặc biệt quan trọng trong xuất khẩu. Do đó việc khai thác có kế hoạch vốn rừng tự nhiên để tạo ra một khối lượng lớn về lâm sản xuất khẩu cũng như việc tác động để tái sinh, trồng nhanh nhằm phát huy hơn nữa ưu thế của vốn rừng tự nhiên nằm trong chiến lược kinh tế chung của cả nước. Ở đây cần giải quyết tốt mối quan hệ giữa khai thác và cải tạo, phát triển vốn rừng. Không vì khuyết điểm của sự khai thác cũ, lạc hậu, gây tổn hại đến rừng mà hạn chế việc đặt mạnh vấn đề khai thác. Khai thác lâm sản với ý nghĩa khoa học đúng đắn đã bao gồm sự cải tạo và phát triển vốn rừng. Do đó tư tưởng chỉ đạo cơ bản để xây dựng vốn rừng tự nhiên trong những năm tới là, đi đôi với đẩy mạnh khai thác để xuất khẩu, cần áp dụng mạnh mẽ các biện pháp kinh tế—kỹ thuật để biến những vốn rừng tự nhiên thành vốn rừng kinh tế tập trung ổn định.

b) Vốn rừng nhân tạo được xây dựng trên cơ sở cải tạo rừng tự nhiên đã bị nghèo kiệt hoặc trồng mới trên địa bàn đất trống và đồi trọc. Nói chung việc cải tạo, trồng lại rừng mới là biện pháp tích cực, chủ động và có hiệu quả nhất để tạo ra nguồn nguyên liệu theo yêu cầu công nghiệp. Xu hướng chung của nghề rừng hiện đại, khi mà trình độ chế biến, sử dụng gỗ đã được nâng cao, là phải hướng chủ yếu vào việc cải tạo rừng tự nhiên để trồng lại những loài cây mọc nhanh, có độ cứng và đường kính trung bình, năng suất cao, vòng quay ngắn. Với loại cây trồng này, nếu tích cực đầu tư thâm canh thì có khả năng đạt sản lượng từ 200 đến 400 mét khối/héc-ta, với lượng tăng trưởng hằng năm từ 20 đến 40 m³/ha. Ở nước ta, nếu đầu tư đúng mức, chúng ta hoàn toàn có khả năng tạo được vốn rừng có năng suất tương tự.

Trồng rừng trên địa bàn đất trống, đồi trọc là một vấn đề hết sức khó khăn và tốn kém nhiều (vì phải dùng nhiều biện pháp, trước hết là phải cải tạo đất trước khi trồng). Cho nên trong những năm đầu cần đầu tư tập trung để dứt điểm trồng lại rừng kinh tế ở những vùng có yêu cầu cấp bách (cả kinh tế và môi sinh) và nơi có điều kiện giao thông tương đối thuận lợi, chẳng hạn vùng cát ven biển, những vùng đồi quy hoạch nhằm cung cấp gỗ và củi đun cho thành phố, thị trấn và khu công nghiệp...

Một cơ cấu vốn rừng nhân tạo hợp lý phải được thể hiện bằng cơ cấu sản phẩm bao gồm: gỗ lớn xây dựng cơ bản, gỗ dán, gỗ lạng và gỗ nhỏ phục vụ sản xuất giấy, sợi, diêm, bút chì, trụ mỏ và các loại than củi. Đặc biệt chú trọng các loại gỗ quý và đặc sản có thể mạnh xuất khẩu như nhựa thông, quế, hồi, cánh kiến, ba kích... Xây dựng cơ cấu rừng hợp lý giữa cây lá kim và cây lá rộng, giữa cây thu hoạch chu kỳ dài và cây thu hoạch chu kỳ ngắn, nhằm tạo ra

nguồn nguyên liệu vừa thỏa mãn yêu cầu ngày càng tăng nhanh của nền công nghiệp, vừa tạo nên hệ sinh thái bền vững cho mỗi vùng khí hậu.

c) Vốn rừng nguyên liệu, nhiên liệu của tập thể và vốn cây gia dụng của nhân dân, cơ quan, trường học có vị trí rất quan trọng, nó góp phần hoàn chỉnh cơ cấu vốn rừng kinh tế chung của cả nước. Để thực hiện cân đối nhu cầu lâm sản, trước hết là cân đối nhu cầu gỗ trên từng địa bàn huyện, cần thông qua công tác giao đất giao rừng, xúc tiến quy hoạch để gây trồng những rừng nguyên liệu và rừng gia dụng trên từng xã, hợp tác xã, nông trường, cơ quan, trường học... Cơ cấu cây trồng chủ yếu gồm cây mọc nhanh, chu kỳ ngắn, có sản lượng gỗ củi lớn. Phát huy nguồn giống và kinh nghiệm sẵn có của địa phương để gây trồng rừng đặc sản thích hợp với mỗi vùng.

Ở đồng bằng tuy đất đồi bãi không nhiều, nhưng kinh nghiệm 20 năm trồng cây gây rừng chỉ rõ nếu làm tốt việc quy hoạch trồng cây theo hướng kết hợp nông - lâm nghiệp, thủy lợi, giao thông và tận dụng đất quanh nhà, bờ vùng, bờ thửa thì chúng ta có thể xây dựng được vốn rừng, vốn cây rất phong phú và đa dạng, hiệu quả kinh tế rất lớn. Nhiều huyện, nhiều hợp tác xã ở đồng bằng, vùng ven biển đã có những cách làm phong phú và sáng tạo để tạo ra nguồn nguyên liệu cho công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ở địa phương và hằng năm có thêm nhiều gỗ, củi đáp ứng yêu cầu tại chỗ của nhân dân. Theo cách làm đó, nếu mỗi huyện trồng mỗi năm khoảng 2 triệu cây phân tán thì cũng sẽ có sản lượng gỗ tương đương 1000 héc-ta rừng. Nơi trồng cây theo bờ ruộng để chắn gió, hằng năm cũng sẽ thu hoạch từ 1 đến 2 mét khối gỗ, 2 đến 4 xẻ củi trên mỗi héc-ta canh tác mà không hề ảnh hưởng đến diện tích sản xuất nông nghiệp.

III — NHỮNG BIỆN PHÁP CƠ BẢN ĐỂ XÂY DỰNG VỐN RỪNG KINH TẾ TẬP TRUNG ỔN ĐỊNH

1 — Đầu tư theo chiều sâu là phương pháp cơ bản để đạt tới mục tiêu xây dựng vốn rừng kinh tế tập trung ổn định. Rừng kinh tế đồng nghĩa với rừng cao sản, thuần nhất và có điều kiện thuận lợi để quản lý, nuôi dưỡng, khai thác đạt năng suất cao, giá thành hạ. Rừng đó phải được thâm canh, do đó « phải coi việc đầu tư trồng rừng như đầu tư xây dựng mỏ mới, phải tiến tới « làm rừng như làm vườn » (1). Theo hướng đó thì việc đầu tư tập trung để sớm hình thành những vùng nguyên liệu có giá trị kinh tế cao phải gắn liền với thâm canh trên từng đơn vị diện tích và từng loại cây cụ thể. Trước hết dành ưu tiên cho những rừng gỗ lớn xuất khẩu, rừng nguyên liệu cho công nghiệp giấy và sợi dệt, rừng nguyên liệu đặc sản có giá trị xuất khẩu lớn như nhựa thông, quế, hồi, cánh kiến... Muốn vậy, trước hết phải điều tra đánh giá lại toàn bộ tài nguyên bao gồm trữ lượng, phẩm chất rừng và tiềm năng đất đai, trên cơ sở đó mà tiến hành quy hoạch và lập kế hoạch cải tạo và xây dựng vốn rừng toàn diện, vững chắc phù hợp với năng lực và điều kiện thực tế của nước ta.

2 — Thực hiện sự kết hợp lâm — nông nghiệp là biện pháp thâm canh và là phương thức kinh doanh hợp lý. Trước đây do sự tách rời giữa nông nghiệp và lâm nghiệp, ở miền núi và trung du thường diễn ra sự tranh chấp giữa đất rừng và đất trồng cây lương thực. Kết quả là rừng bị phá nghiêm trọng mà sản xuất lương thực vẫn không tăng lên, đất đai bị rửa trôi xói mòn do thiếu rừng phòng hộ. Thực hiện « kết hợp chặt chẽ lâm nghiệp với nông nghiệp và công nghiệp chế biến ngay trong từng hợp tác xã, nông trường, lâm trường trên từng huyện, từng vùng ở miền núi,

trung du và bờ biển (2) chẳng những giải quyết được mâu thuẫn nói trên mà còn tạo nên sự gắn bó giữa sản xuất lâm nghiệp với nông nghiệp và công nghiệp chế biến trên địa bàn huyện. Sự kết hợp đó có thể thực hiện trên mặt bằng và theo tầng tán cây rừng nhằm triệt để lợi dụng tiềm năng đất đai, khí hậu và tạo nên sự hài hòa về mặt sinh thái. Thực tiễn cho thấy trên đất rừng cải tạo, kết hợp trồng cây lương thực trong 2—3 vụ đầu và trồng xen trong vài năm sau, vẫn có thể đạt được năng suất bình quân từ 0,7 đến 1 tấn lương thực (quy thóc)/héc ta. Trồng các loại cây đặc sản, dược liệu, nấm hương, mộc nhĩ... hoặc quy vùng chăn nuôi dưới rừng đều có khả năng phát triển tốt và có giá trị thu nhập cao trên đơn vị diện tích. Vấn đề quan trọng là khi áp dụng ở mỗi vùng, mỗi địa phương, phải tìm ra một hình thức và phương pháp kết hợp đúng đắn, có hiệu quả; xây dựng mô hình nông — lâm nghiệp kết hợp là phương hướng quan trọng để phát triển vốn rừng.

3 — Cả nước ta có 275 huyện có rừng (trong đó 180 huyện có diện tích từ 1 vạn héc ta rừng trở lên). Do đó tăng cường xây dựng lâm nghiệp cấp huyện là yêu cầu hết sức quan trọng trong quản lý kinh doanh, bảo vệ rừng.

Chúng ta chủ trương cải tiến một số chính sách đòn bẩy kinh tế nhằm tạo điều kiện cho huyện vươn lên hoàn thành tốt chức năng quản lý lâm — nông nghiệp hay nông — lâm nghiệp. Vấn đề quan trọng là nguồn vốn xây dựng vốn rừng. Từ trước đến nay, nguồn vốn đó chủ yếu do Nhà nước cấp thông qua vốn xây dựng cơ bản. Từ nay bằng cách « lấy rừng nuôi rừng », thực hiện

(1) Lê Duẩn: Báo Nhân dân ngày 22-7-1976.

(2) Nghị quyết Hội nghị thứ 2 của Ban chấp hành trung ương Đảng.

chính sách thu tiền bán cây đứng thay cho chính sách thuế lâm sản để tái tạo rừng, chúng ta sẽ khắc phục dần tình trạng bao cấp, tiến tới hạch toán toàn ngành, thực hiện tiết kiệm nghiêm ngặt trong khai thác, đồng thời có thêm nguồn vốn dành cho ngân sách huyện.

Thực hiện chính sách giao đất giao rừng là thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong việc quản lý, bảo vệ và xây dựng vốn rừng. Thông qua chính sách đó, Nhà nước khuyến khích hợp tác xã đầy mạnh việc khai thác theo kế hoạch và quy hoạch, hoàn thành tốt việc giao nộp sản phẩm chính cho Nhà nước, còn sản phẩm phụ và cây lương thực, cây đặc sản thu được do tận dụng đất rừng để làm thí tập thể và xã viên được quyền sử dụng. Nhà

nước khuyến khích hợp tác xã xây dựng vốn rừng tự có thông qua khai thác lâm sản trên đất rừng cải tạo, trồng lại (theo quy hoạch của Nhà nước), đồng thời mở rộng phạm vi cho hợp tác xã vay vốn để xây dựng vốn rừng.

Lao động nghề rừng vất vả nặng nhọc, người công nhân, xã viên làm việc trong điều kiện hết sức khó khăn gian khổ, trong lúc đó giá gỗ và giá trồng rừng quá thấp làm cho các lâm trường, hợp tác xã luôn bị thua lỗ. Do đó, trong thời gian trước mắt cần cải tiến một cách cơ bản hệ thống giá cả lâm sản, bảo đảm bù đắp hao phí vật chất, hao phí sức lao động và có lãi, nhằm tạo nên khí thế hăng hái phấn khởi trong lao động sản xuất lâm nghiệp.

Tòa án nhân dân và việc thi hành...

(Tiếp theo trang 6)

đều phải chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật. Vì vậy, bất cứ đảng viên hoặc tổ chức nào của Đảng, dùng bất kỳ hình thức nào buộc các thẩm phán và hội thẩm nhân dân xét xử sai pháp luật là vi phạm kỷ luật của Đảng.

Hiện nay, các Tòa án nhân dân đang cố gắng phát huy tác dụng của

mình, nhưng cũng còn có nhiều hạn chế vì pháp luật có những mặt chưa hoàn chỉnh, trình độ nghiệp vụ của cán bộ chưa cao, tổ chức chưa được tăng cường đúng mức và chưa hoàn chỉnh... Đó là những vấn đề sẽ được giải quyết dần dần dưới sự lãnh đạo của Đảng đề Tòa án nhân dân thật sự phát huy được vai trò của mình.

Về vấn đề ba lợi ích :

LỢI ÍCH CỦA XÃ HỘI, LỢI ÍCH CỦA TẬP THỂ VÀ LỢI ÍCH CỦA CÁ NHÂN

PHẠM-THÀNH

TRONG chủ nghĩa xã hội có sự thống nhất của ba lợi ích: lợi ích của xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân.

Lợi ích của xã hội không phải là con số cộng đơn thuần những lợi ích cá nhân. Các Mác đã nói xã hội là « sản phẩm của sự tác động lẫn nhau giữa người với người » (1), xã hội là một cộng đồng những cá nhân gắn bó với nhau bằng những quan hệ về nhiều mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội do quan hệ sở hữu quyết định.

Xã hội xã hội chủ nghĩa là cộng đồng những cá nhân gắn bó với nhau bằng quan hệ làm chủ tập thể, dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Ở đây, lợi ích của xã hội là không ngừng củng cố và phát triển quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, không ngừng mở rộng và phát triển sản xuất theo yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản là: « Thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của toàn xã hội, bằng cách không ngừng phát triển và hoàn thiện sản xuất, trên cơ sở chế độ làm chủ tập thể và một nền khoa học kỹ thuật hiện đại » (2).

Cá nhân dưới chủ nghĩa xã hội không phải là những cá nhân hoạt động riêng rẽ, người nọ tách người kia và đối lập với xã hội như dưới chế độ tư hữu, mà là những con người gắn bó với nhau và gắn bó với xã hội bởi chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

Lợi ích của cá nhân là ở chỗ được tham gia làm chủ tư liệu sản xuất, được quyền sử dụng tư liệu sản xuất đó phù hợp với năng lực của mình, được tham gia quản lý trong quá trình sản xuất và được hưởng thành quả của sản xuất tập thể theo mức độ cống hiến của mình.

Cá nhân gắn bó với xã hội bằng tổ chức, không phải một cách trực tiếp mà thông qua những khâu trung gian của một hệ thống tổ chức. Trong sản xuất, đó là những đơn vị kinh tế, ở đó mỗi cá nhân gắn bó với những cá nhân khác thành một tập thể có tổ chức, được giao những nhiệm vụ,

(1) C. Mác — F. Ăng-ghen: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tập II, tr. 540.

(2) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 24.

chức năng nhất định. Vì vậy bên cạnh lợi ích của xã hội và lợi ích của cá nhân, có lợi ích của tập thể. Lợi ích của tập thể là: mở rộng và phát triển năng lực sản xuất của đơn vị, củng cố và hoàn thiện quan hệ tổ chức và hợp tác trong đơn vị nhằm làm cho tập thể đơn vị thành một sức sản xuất tập thể có hiệu quả cao, cải thiện những điều kiện làm việc và sinh hoạt của tập thể, tạo điều kiện cho tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất của mình.

Quan niệm về ba lợi ích như trên là do vị trí khách quan của ba mặt: xã hội, tập thể và cá nhân trong quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa quyết định. Chỉ có xác định ba lợi ích phù hợp với vị trí khách quan của ba mặt như vậy mới có thể giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa ba lợi ích.

Một khi được xác định như vậy, ba lợi ích rõ ràng là nhất trí. Sự nhất trí đó biểu hiện trên các mặt sau đây:

Một là, chúng là điều kiện của nhau.

Lợi ích của xã hội nhất trí với lợi ích của tập thể bởi vì: quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được củng cố tạo điều kiện cho từng đơn vị sản xuất được củng cố về tổ chức và quản lý, khiến từng đơn vị hoạt động lành mạnh đúng chế độ, chính sách. Lực lượng sản xuất xã hội và sản xuất xã hội phát triển tạo điều kiện cho từng đơn vị được cung cấp đầy đủ vốn, vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng. Của cải xã hội tăng lên đem lại cho từng đơn vị khả năng cải thiện điều kiện làm việc và sinh hoạt của tập thể công nhân trong đơn vị. *Lợi ích của xã hội cũng nhất trí với lợi ích của cá nhân* bởi vì, khi những lợi ích của xã hội như đã nói ở trên được bảo đảm, thì quyền của cá nhân tham gia làm chủ, sử dụng tư liệu sản xuất được bảo đảm, mỗi cá nhân không bị đe dọa rơi vào cảnh bị bóc lột, cảnh thất nghiệp, mỗi cá nhân có địa bàn

hoạt động để phát huy năng lực, sở trường của mình, có điều kiện để được thỏa mãn nhu cầu của mình.

Lợi ích của tập thể là nhất trí với lợi ích của xã hội, bởi vì, tập thể đơn vị phát triển được sản xuất sẽ đóng góp ngày càng nhiều sản phẩm cho xã hội, đơn vị được củng cố về tổ chức và quản lý sẽ góp phần làm cho quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được củng cố, phúc lợi tập thể được nâng cao góp phần vào việc nâng cao phúc lợi chung của xã hội và làm giảm nhẹ gánh nặng của xã hội. *Lợi ích của tập thể cũng nhất trí với lợi ích của cá nhân* bởi vì sản xuất của tập thể phát triển, tổ chức và quản lý của tập thể tốt là điều kiện để cá nhân phát huy được khả năng lao động của mình; điều kiện làm việc của đơn vị được cải thiện tạo điều kiện cho cá nhân lao động tốt hơn; phúc lợi tập thể được nâng cao góp phần cho cá nhân cải thiện sinh hoạt của mình.

Lợi ích của cá nhân cũng nhất trí với lợi ích của xã hội và của tập thể bởi vì, khi quyền lao động của cá nhân được bảo đảm, năng lực của cá nhân được phát huy thì cá nhân sẽ góp phần tạo ra nhiều của cải cho xã hội, làm giàu thêm cho tập thể; khi lao động của cá nhân được bù đắp thích đáng (phù hợp với yêu cầu của quy luật phân phối theo lao động) thì cá nhân càng thêm phấn khởi lao động, càng lao động một cách sáng tạo để góp phần phát triển sản xuất xã hội.

Hai là, chúng tác động qua lại với nhau, như những khâu độc lập trong một thể thống nhất.

Quan hệ giữa ba lợi ích là quan hệ nhất trí, không phải vì ba lợi ích là một, mà chính vì ba lợi ích đó là khác nhau, ở những vị trí khác nhau, nhưng lại có mối quan hệ tác động qua lại với nhau, làm chỗ dựa cho nhau.

Vị trí của lợi ích xã hội được quyết định bởi sự tồn tại của chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Chế độ này làm cho *lợi ích xã hội giữ vai trò chủ đạo*. Lợi ích xã hội không phải là tổng số số học của lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân, mà là lợi ích tổng hợp, lợi ích của toàn xã hội xét trong tổng thể của nó. Nó chi phối mọi quan hệ lợi ích. C. Mác nói: « Chỉ có trong thể cộng đồng mới có thể có tự do cá nhân » (3). Diễn dịch sang ngôn ngữ kinh tế, ta có thể nói « chỉ có bảo đảm lợi ích xã hội mới thực hiện được lợi ích cá nhân ». Hồ Chủ tịch đã nói: « Trong chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động làm chủ, thì mỗi người là một bộ phận của tập thể, giữ một vị trí nhất định, và đóng góp một phần công lao trong xã hội. Cho nên lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện để được thỏa mãn » (4). Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa không được củng cố, sản xuất không phát triển, của cải xã hội không tăng lên thì những lợi ích của cá nhân như việc làm, nhu cầu sinh hoạt không thể được bảo đảm, các đơn vị sản xuất không có điều kiện phát triển sản xuất, kinh doanh.

Vị trí của lợi ích tập thể được quyết định bởi *tính tất yếu của tập thể về một tổ chức*. Lợi ích tập thể không phải là lợi ích của từng tập thể đơn vị tách rời nhau như những phường hội, cũng không phải là lợi ích của một đơn vị số học góp phần vào lợi ích xã hội như một đại lượng cộng vào cái chung của xã hội. Đó là *lợi ích của một tế bào của kinh tế xã hội*. Lợi ích tập thể được bảo đảm sẽ có tác động về nhiều mặt đối với lợi ích xã hội, góp phần tăng lợi ích xã hội cả về lượng và về chất. Lợi ích tập thể cũng không phải là số cộng của lợi ích cá nhân hoặc của những bộ

phận lợi ích cá nhân. Lợi ích tập thể là lợi ích cá đơn vị xét trong tổng thể của nó, do đó không thể phân chia. Mỗi cá nhân được hưởng lợi ích tập thể không phải với tính cách là kẻ được chia phần trong lợi ích tập thể mà là với tính cách là một thành viên của tập thể, được tham dự vào lợi ích tập thể.

Vị trí của lợi ích cá nhân được quyết định bởi *vị trí của cá nhân trong xã hội*. Theo quan điểm của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, giải phóng xã hội xét đến cùng là để giải phóng cá nhân. Mục đích của chủ nghĩa cộng sản là xây dựng một xã hội trong đó mỗi cá nhân thỏa mãn được ngày càng đầy đủ nhu cầu của mình và do đó được phát triển tự do và toàn diện. Vì vậy *lợi ích của cá nhân là mục đích cuối cùng của sản xuất*. Lợi ích của cá nhân không phải là lợi ích từng người riêng rẽ, xét tách rời xã hội và tập thể như dưới chế độ tư hữu, cũng không phải là lợi ích của từng đơn vị số học cộng vào lợi ích xã hội. Mỗi cá nhân là một đơn vị, nhưng là một đơn vị gắn bó với tập thể và xã hội bằng những quan hệ xã hội phong phú. Lợi ích của cá nhân được bảo đảm, thì những quan hệ xã hội ấy sẽ được củng cố, tăng cường, phát triển, lợi ích của xã hội và lợi ích của tập thể cũng được phát huy. Bởi vì trong trường hợp đó, *cá nhân càng gắn bó với tập thể trong các quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội*. Cá nhân tự thấy mình là người chủ thật sự, sẽ dốc sức ra làm việc cho tập thể, cho xã hội. Bằng cách đó sẽ thực hiện được dự kiến của C. Mác và F. Ăng-ghe-n: « Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người » (5).

(3) C. Mác — F. Ăng-ghe-n: *Hệ tư tưởng Đức*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tr. 89.

(4) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập II, tr. 105.

(5) C. Mác — F. Ăng-ghe-n: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tập I, tr. 51.

Thực hiện ba lợi ích là cụ thể hóa việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động trong cả nước, ở từng địa phương, ở cơ sở, là kết hợp cộng đồng làm chủ và từng người làm chủ.

Ba là, chúng thống nhất với nhau ở chỗ mỗi một mặt trong ba mặt xã hội, tập thể và cá nhân đều mang cả ba lợi ích.

Xã hội trực tiếp mang lợi ích của xã hội. Nhưng với chế độ công hữu về tư liệu sản xuất thì những lợi ích của xã hội cũng là lợi ích của tập thể và của cá nhân. Đó không phải là những lợi ích trực tiếp của tập thể và của cá nhân nhưng là *những lợi ích mà tập thể và cá nhân dự phần thông qua những mối giết trung gian.* Sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất là thuộc lợi ích trực tiếp của xã hội, đó là lợi ích xã hội. Nhưng thông qua việc giao tư liệu sản xuất cho tập thể và cá nhân sử dụng, xã hội chuyển lợi ích của mình thành lợi ích của tập thể và của cá nhân. Xã hội nắm sở hữu về tư liệu sản xuất không phải chỉ vì lợi ích xã hội mà còn vì lợi ích của tập thể và của cá nhân. Như vậy xã hội mang cả ba lợi ích, mang cả lợi ích của xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân.

Tập thể trực tiếp mang lợi ích của tập thể. Những lợi ích của tập thể xét như một tế bào của xã hội cũng là lợi ích của xã hội. Lợi ích của tập thể xét về phương diện là tập thể những cá nhân được tổ chức lại cũng là lợi ích của từng cá nhân. Sự phát triển sản xuất của tập thể bằng cách sử dụng tất cả tiềm năng của đơn vị chẳng hạn không chỉ là lợi ích của tập thể mà cũng là lợi ích của xã hội và cũng là lợi ích của cá nhân. Tập thể trực tiếp mang lợi ích của tập thể, đồng thời thông qua những khâu trung gian cũng mang cả lợi ích của xã hội và lợi ích của cá nhân. Thông qua việc giao nộp sản phẩm cho xã hội, tập thể thực hiện lợi ích của xã hội; thông qua

việc trích lập quỹ khen thưởng và tăng quỹ lương, tập thể thực hiện lợi ích của cá nhân; thông qua việc phát triển sản xuất, tập thể bảo đảm công ăn việc làm cho cá nhân. Như vậy tập thể mang cả ba lợi ích: lợi ích của tập thể, lợi ích của xã hội và lợi ích của cá nhân.

Cá nhân trực tiếp mang lợi ích của cá nhân, nhưng lợi ích cá nhân với tính cách là thành viên của tập thể và xã hội luôn luôn bao hàm lợi ích của xã hội và của tập thể. Ngay cả việc thỏa mãn nhu cầu cá nhân mới thoát nhìn tựa hồ chỉ liên quan đến lợi ích cá nhân, nhưng thật ra cũng chính là vì lợi ích xã hội. Nhu cầu sinh hoạt cá nhân được thỏa mãn thì sức lao động của cá nhân được hồi phục và bồi dưỡng. Sức lao động ấy là một bộ phận của lao động tập thể và lao động xã hội. Cho nên lợi ích của người lao động ở đây cũng là lợi ích của xã hội và của tập thể. Có điều đó là lợi ích được thực hiện thông qua khâu trung gian là sự thực hiện lợi ích của người lao động. Như vậy cá nhân cũng mang cả ba lợi ích: lợi ích của cá nhân, lợi ích của tập thể và lợi ích của xã hội.



Sự thống nhất của ba lợi ích như đã trình bày ở trên là một đặc điểm cơ bản của chế độ làm chủ tập thể. Nhưng sự thống nhất của chúng không loại trừ mà còn bao hàm *màu thuẫn.*

Nhu cầu của xã hội là không ngừng củng cố quan hệ sản xuất và phát triển sản xuất để thỏa mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần không ngừng tăng lên của xã hội và của các thành viên của nó. Đây là nhu cầu của cả cộng đồng rộng lớn xét trong tổng thể của nó. Nhu cầu này không phải bao giờ cũng nhất trí với nhu cầu của tập thể và nhu cầu của cá nhân. Xuất phát từ nhu cầu riêng

của mình, xã hội thường phải quan tâm chủ yếu đến lợi ích toàn cục, lợi ích cơ bản và lợi ích lâu dài của toàn xã hội. Do đó có khả năng xảy ra *mâu thuẫn giữa lợi ích của xã hội xét trong toàn bộ với lợi ích trước mắt của tập thể và của cá nhân*. Mâu thuẫn này có khi diễn ra gay gắt, nhất là trong trường hợp xã hội không có biện pháp điều chỉnh đúng đắn để bảo đảm sự thống nhất khách quan của ba lợi ích.

Nhu cầu của tập thể là phát huy hết năng lực của mình về các mặt tổ chức quản lý, vật tư, vốn để phát triển sản xuất của đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Nhưng những nhu cầu ấy của tập thể không phải bao giờ cũng phù hợp với lợi ích của xã hội. Bởi vì xuất phát từ nhu cầu riêng, có khi mỗi đơn vị chỉ theo đuổi những lợi ích nhỏ hẹp của đơn vị mà làm thiệt hại đến lợi ích chung. Những nhu cầu của tập thể không phải bao giờ cũng phù hợp với lợi ích cá nhân. Bởi vì, xuất phát từ nhu cầu của tập thể, có khi đơn vị phải yêu cầu cá nhân tăng cường độ lao động, thu hẹp nhân lực ở khâu khác, để tăng cường nhân lực ở khâu khác, khiến cá nhân người lao động không kịp thích ứng, hoặc tạo ra sự mất cân đối giữa quỹ phát triển sản xuất, quỹ phúc lợi, và quỹ khen thưởng. Mâu thuẫn giữa lợi ích tập thể và lợi ích xã hội có thể trở nên gay gắt khi tập thể rơi vào khuynh hướng cục bộ, bản vị theo lối phường hội. Mâu thuẫn giữa lợi ích tập thể với lợi ích cá nhân có thể trở nên gay gắt khi lãnh đạo đơn vị có khuynh hướng nóng vội, chạy theo những tính toán chủ quan.

Nhu cầu của cá nhân là ăn, mặc, ở, sức khỏe, học tập, đi lại, giải trí, hoạt động văn hóa và điều kiện không thể thiếu để thỏa mãn những nhu cầu này là lao động với tính cách là phương tiện để sinh sống. Xét về phương diện từng cá nhân thì đây là những nhu

cầu thuần túy cá nhân. Những nhu cầu này không phải bao giờ cũng phù hợp với lợi ích của xã hội và của tập thể. Đặc biệt là khi nhu cầu về đời sống của cá nhân vượt quá khả năng cung cấp của xã hội, vượt quá mức cống hiến của cá nhân cho tập thể và cho xã hội, khi lao động của cá nhân không đáp ứng được yêu cầu của xã hội và của tập thể, không tương xứng với sự đãi ngộ của xã hội và của tập thể. — khi đó lợi ích cá nhân sẽ mâu thuẫn gay gắt với lợi ích của tập thể và của xã hội.

Sự thống nhất giữa ba lợi ích là khuynh hướng tất yếu khách quan, là quy luật khách quan của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Nhưng sự thống nhất ấy không phải là tự động mà được thực hiện thông qua hoạt động quản lý của Nhà nước — người tiêu biểu cho toàn xã hội — nhằm khắc phục những mâu thuẫn nói trên.

Một khi sự thống nhất ấy được bảo đảm, thì nền kinh tế xã hội phát triển lành mạnh. Trong trường hợp ngược lại, sự phát triển kinh tế sẽ bị cản trở, nền kinh tế có thể giảm chân tại chỗ hoặc thụt lùi, thậm chí bị phá hoại.

Sự thống nhất giữa ba lợi ích thường bị vi phạm khi một trong ba lợi ích được thỏa phỏng quá đáng làm thiệt hại đến hai lợi ích kia. Trong thực tiễn đã xảy ra cả hai trường hợp trái ngược nhau: hoặc là quá chú trọng lợi ích xã hội mà coi nhẹ lợi ích của tập thể và lợi ích của người lao động như trong thu mua, động viên nghĩa vụ, v.v. hoặc là nặng về lợi ích của cá nhân và tập thể như những lệch lạc của một số xí nghiệp trong việc thực hiện kế hoạch tự làm và kế hoạch sản phẩm phụ, v.v. Cả hai trường hợp này đều dẫn tới chỗ phá hoại sự thống nhất của ba lợi ích, do đó cũng làm tổn hại đến cả ba lợi ích và cuối cùng làm triệt tiêu mất động cơ của sự phát triển kinh tế.

Thực tiễn cho thấy rõ, quá chú trọng đến lợi ích Nhà nước, làm thiệt hại lợi ích cá nhân thì mâu thuẫn giữa lợi ích Nhà nước với lợi ích của tập thể và cá nhân sẽ trở nên gay gắt dẫn tới chỗ cá nhân và tập thể mất hứng thú sản xuất và cuối cùng Nhà nước cũng không thực hiện được lợi ích của mình. Bằng chứng cụ thể là khi định giá thu mua thấp tưởng là có lợi cho Nhà nước, nhưng rốt cuộc Nhà nước không mua được.

Thực tiễn cũng cho thấy rõ khi quá chú trọng lợi ích của cá nhân và lợi ích của tập thể thì mặc dù trước mắt cá nhân và tập thể có thu được chút lợi thì gần cận nào đấy, nhưng do lợi ích của Nhà nước bị vi phạm, cho nên điều kiện sản xuất chung của xã hội không được cải thiện, thậm chí còn suy yếu đi, làm thiệt hại cho lợi ích của tập thể và của cá nhân.

Sự thống nhất giữa ba lợi ích được bảo đảm sẽ tạo ra một động lực tổng hợp thúc đẩy sức sản xuất phát triển. Thực hiện được sự thống nhất của ba lợi ích có nghĩa là thực hiện được nguyên tắc cái gì có lợi cho xã hội thì cũng có lợi cho cá nhân và tập thể và ngược lại.

Lợi ích của xã hội được bảo đảm có nghĩa là những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nền kinh tế chung của xã hội đã xuất hiện. Đó là *nguồn sức mạnh to lớn nhất thúc đẩy nền sản xuất của toàn xã hội phát triển*. Đó là bảo đảm cho lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân được thỏa mãn ngày càng đầy đủ hơn. Lợi ích của tập thể và của cá nhân được bảo đảm làm cho từng tập thể và từng cá nhân thêm hứng thú sản xuất, thêm gắn bó với xã hội trong mọi quan hệ. Điều đó tạo nên một động lực to lớn biểu

hiện ở nhiệt tình lao động, ở tính sáng tạo trong lao động, ở sự phối hợp và hợp tác nhịp nhàng trong lao động, ở phong trào thi đua của tập thể. Đó là *động lực trực tiếp thúc đẩy sản xuất phát triển từ cơ sở*.

Động lực được hình thành trên phạm vi xã hội, ở từng cơ sở kinh tế và ở từng cá nhân tác động qua lại với nhau tạo nên *động lực của sự làm chủ tập thể ở tất cả các mặt: cá nhân, tập thể và xã hội*. Thông qua việc thực hiện được lợi ích của mình, gắn với lợi ích tập thể và lợi ích xã hội, mỗi cá nhân mới *thật sự là người làm chủ, với ý thức đầy đủ về quyền lợi và nghĩa vụ của người làm chủ*: làm chủ trong hoạt động lao động sáng tạo của mình, làm chủ trong quản lý ở cơ sở và làm chủ trong việc thực hiện nghĩa vụ đối với xã hội. Mỗi tập thể cũng vậy, trở nên cố kết trong vai trò người làm chủ thật sự ở cơ sở với ý thức mình là một bộ phận làm chủ của cộng đồng xã hội. Xã hội cũng vậy, thông qua Nhà nước, làm chủ toàn bộ sinh hoạt của mình, không phải vì lợi ích của một cộng đồng chung chung trừu tượng mà của một cộng đồng xã hội kết hợp được hài hòa lợi ích toàn xã hội với lợi ích của từng tập thể và từng cá nhân. Chính vì vậy, đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ: « Trong chế độ làm chủ tập thể, lợi ích toàn xã hội, lợi ích từng tập thể và lợi ích của từng người lao động là nhất trí. Sự nhất trí giữa ba lợi ích đó, một đặc điểm cơ bản của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, là một động lực rất quan trọng để xây dựng xã hội mới, phát triển kinh tế, đẩy mạnh sản xuất » (6).

(6) Lê-Duẩn: *Hiến pháp mới, hiến pháp của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tr. 12.

Tính khoa học của hình thức khoán mới trong hợp tác xã nông nghiệp

HỒNG - GIAO

NÉT nổi bật của hình thức khoán mới trong hợp tác xã nông nghiệp là tạo ra động lực mạnh mẽ của phong trào lao động sản xuất. Động lực đó phát sinh trực tiếp từ sự kích thích lợi ích cá nhân, nhưng nguồn gốc phát sinh ra động lực đó thì không phải từ những hoạt động riêng rẽ của cá nhân mà bắt nguồn từ những quan hệ mới trong lao động tập thể. Vì vậy, việc phân tích những quan hệ mới đó là cần thiết để hiểu rõ thực chất của khoán mới.

I - TỪ KHOẢN VIỆC ĐẾN KHOẢN SẢN PHẨM

Hình thức khoán mới gọi là khoán sản phẩm thường được phân biệt với hình thức khoán cũ là khoán việc. Vậy trong hình thức khoán mới, có khoán việc không, và nếu vẫn duy trì khoán việc thì tại sao lại biến thành khoán sản phẩm?

Trước hết, khoán mới cũng như khoán cũ đều thực hiện chế độ « ba khoán » của hợp tác xã đối với đội sản xuất cơ bản. « Ba khoán » cho đội (khoán sản lượng, chi phí vật chất, công điểm) là một hình thức khoán sản phẩm cho tập thể.

Khoán việc cho nhóm hoặc cá nhân là cách tổ chức lao động trong đội sản xuất để thực hiện « ba khoán » của đội sản xuất. Hình thức khoán

việc dựa trên định mức và trả công theo khối lượng công việc hoàn thành, kèm theo thưởng, phạt, *gắn hao phí lao động cá nhân với kết quả công việc và mức hưởng thu*, do đó có tác dụng khuyến khích lao động. Tuy nhiên, hình thức khoán việc đã không được thực hiện đúng, và thật ra cũng không phải dễ dàng thực hiện trong điều kiện sản xuất nông nghiệp phân tán, lao động chủ yếu là thủ công, trình độ quản lý còn thấp kém. Vì vậy, chỉ một số ít hợp tác xã tiên tiến mới làm được tốt; ở đó tính ưu việt của lao động tập thể được phát huy chính là dựa trên chế độ khoán việc.

Dương nhiên, hình thức khoán việc vốn mang nhược điểm của nó là chỉ *gián tiếp gắn hao phí lao động cá nhân với sản phẩm cuối cùng*. Điều đó xảy ra là do có sự phân công chuyên môn hóa lao động theo từng khâu; mỗi loại lao động gắn với từng khâu nhất định, còn sản phẩm cuối cùng lại do kết quả lao động của tất cả các khâu trong dây chuyền sản xuất tạo ra. Trong điều kiện đó, nếu một khâu nhấn mạnh tổ chức đội chuyên như thực tế đã diễn ra, làm yếu vai trò đội sản xuất cơ bản, không bảo đảm hợp tác lao động thì những người lao động ở các khâu sẽ hoàn toàn tách rời nhau, người làm việc ở khâu nào chỉ biết khâu ấy và

này ra tâm lý «chạy theo công diêm», không ai quan tâm đến sản phẩm cuối cùng. Mặt khác, hình thức khoán việc vốn dựa trên thước đo lao động là ngày công, nếu định mức lao động và trả công không hợp lý thì sẽ dẫn đến tình trạng «rong công phóng diêm», phát sinh tình phùng hội trong lao động tập thể và chủ nghĩa bình quân trong lao động và phân phối.

Trong tình hình đó, hình thức *khoán cho gia đình* đã xuất hiện một cách tự phát. Hình thức này còn gọi là «*khoán hộ*», do gắn trực tiếp hao phí lao động và lợi ích cá nhân với sản phẩm cuối cùng cho nên có tác dụng kích thích sản xuất khá mạnh. Nhưng vì không dựa trên định mức khoán chặt chẽ, lại giao khoán toàn bộ các khâu của quá trình sản xuất cho gia đình đảm nhiệm, do đó dẫn đến xóa bỏ sự phân công chuyên môn hóa trong đội sản xuất. Trong trường hợp đó, sản xuất trở thành phân tán, vô tổ chức; quan hệ sản xuất tập thể bị suy yếu.

Khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động, theo chỉ thị số 100 của Ban bí thư Trung ương Đảng, là hình thức khoán mới dựa trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm và sáng kiến của các địa phương. Vận dụng kiến thức khoa học về tổ chức lao động và trả công nhằm cải tiến và hoàn thiện chế độ khoán.

Đặc điểm của cơ chế khoán mới là *kết hợp khoán việc với khoán sản lượng trên đơn vị diện tích* để giao khoán đến từng người lao động hoặc nhóm lao động. Cách khoán đó đã tạo nên những quan hệ mới trong cơ chế khoán:

Một là — Nếu trước đây, khoán việc chỉ tạo ra mối liên hệ gián tiếp giữa hao phí lao động cá nhân với sản phẩm cuối cùng, thì nay sự kết hợp khoán sản lượng với khoán việc cho nhóm hoặc cá nhân đã tạo ra mối *liên hệ trực tiếp giữa hao phí lao động với sản phẩm cuối cùng*. Người nhận khoán bây giờ không chỉ quan tâm

đến khối lượng công việc phải hoàn thành, mà còn phải lo bảo đảm thu hoạch được một khối lượng sản phẩm nhất định trên diện tích ruộng đất đã nhận khoán. Để bảo đảm thực hiện được mức sản lượng khoán, người lao động phải tính toán mức hao phí lao động, không chỉ chú ý đến *số lượng lao động* mà còn đặc biệt quan tâm đến *chất lượng lao động*. Sự thống nhất trực tiếp giữa hao phí lao động (cả số lượng và chất lượng) và hiệu quả cuối cùng của lao động được thiết lập ngay trong quá trình lao động của người nhận khoán.

Hai là — Trong khoán mới, việc trả công vẫn căn cứ vào khối lượng công việc khoán và trả bằng một số ngày công nhất định. Nhưng thu nhập theo ngày công thì không chỉ phụ thuộc vào việc hoàn thành khối lượng công việc khoán mà còn phụ thuộc vào việc thực hiện sản lượng khoán, do đó thu nhập theo ngày công có thể tăng lên hoặc giảm xuống tùy theo mức đạt sản lượng. Nếu mức sản lượng bị hụt, do đó phải bù, thì thu nhập theo ngày công giảm xuống. Điều đó có ý nghĩa như là hình thức *phạt*, nó thể hiện trách nhiệm vật chất của người lao động đối với kết quả sản xuất cuối cùng. Nếu vượt mức sản lượng khoán thì người lao động được hưởng phần sản lượng vượt, điều này có ý nghĩa như là hình thức *thưởng*. Ngoài ra, phần vượt mức sản lượng khoán còn là kết quả việc *đầu tư bổ sung* của người nhận khoán.

Trước đây, hình thức thưởng, phạt vốn gắn liền với khoán việc thì bây giờ tách ra và *gắn với khoán sản lượng*. Phần thu nhập của người lao động theo ngày công có ý nghĩa như phần tiền công cơ bản bảo đảm tái sản xuất sức lao động, do đó có tác dụng khuyến khích người lao động yên tâm sản xuất; còn phần vượt hay hụt sản lượng khoán có tác dụng kích thích người lao động phấn đấu tăng năng suất lao động, để bảo đảm phần

thu nhập cơ bản, và có thêm thu nhập bổ sung.

Ba là — Đề khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động và thực hiện trả công như đã phân tích trên đây, tất yếu phải tính toán cụ thể tìm ra các *định mức cụ thể sát đúng* trên từng thửa ruộng khác nhau làm căn cứ cho hợp đồng giao khoán và nhận khoán.

Dựa trên cơ sở định mức đó, có thể xác định được tương đối chính xác *ngày công và trị giá mỗi ngày công* làm thước đo hao phí lao động và phân phối theo lao động. Chỉ với thước đo ấy mới có thể tiến hành khoán sản phẩm một cách đúng đắn, định rõ nghĩa vụ và lợi ích của cá nhân, kết hợp hài hòa lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân, khắc phục chủ nghĩa bình quân trong lao động và phân phối.

Bốn là — Định mức và thước đo lao động (ngày công) được xác định sát đúng là cơ sở để tiến hành phân công lao động, giao khoán ruộng đất một cách có kế hoạch, phù hợp với khả năng lao động của từng người, từng gia đình, làm cho từng thửa ruộng và việc canh tác trên từng thửa đều có người chịu trách nhiệm. Dựa trên định mức hợp lý để tiến hành giao khoán cho người lao động, sẽ tránh được tình trạng phân tán, manh mún ruộng đất do giao khoán ruộng đất kiểu bình quân (có gần, có xa, có xấu, có tốt) gây ra. Việc gắn lao động với ruộng đất đến từng người, từng thửa, cho phép phát huy *tính chủ động, sáng tạo* của người lao động trong quá trình sản xuất và bảo đảm hiệu quả của sản xuất nông nghiệp.

Với những đặc điểm trên đây, khoán mới mang tính chất *khoán sản phẩm*. Nó phân biệt với khoán cũ, nhưng không phủ nhận khoán việc mà trái lại, đòi hỏi và tạo điều kiện hoàn thiện phương pháp khoán việc làm cơ sở cho khoán sản phẩm. Nếu trong khoán mới

không coi trọng tính toán định mức cụ thể và xác định đúng đắn thước đo lao động là ngày công thì khoán mới dễ rơi vào chủ nghĩa hình thức, vẫn không khắc phục được chủ nghĩa bình quân trong lao động và phân phối. Mặt khác, khoán mới áp dụng phương thức khoán cho cá nhân và gia đình nhưng không giống như « khoán hộ » trước đây. Nếu nghĩ rằng khoán mới chỉ là hợp pháp hóa « khoán chui », miễn sao tạo ra được sự kích thích lợi ích cá nhân, không định mức lao động đúng đắn và chuyên môn hóa lao động thì sẽ phát sinh tình trạng tự phát phân tán.

Khoán mới thể hiện sự vận dụng một cách sáng tạo chế độ khoán sản phẩm vào trong nông nghiệp, tạo ra sự *quan tâm về lợi ích vật chất* của người lao động đối với thành quả lao động chung và *phát huy tính thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo* của mỗi người trong lao động chung, do đó *phát huy sức mạnh của lao động tập thể*, biến thành động lực mạnh mẽ trong lao động sản xuất và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp.

II — TỔ CHỨC LAO ĐỘNG HỢP TÁC DỰA TRÊN SỰ PHÂN CÔNG ĐỀ KHOÁN SẢN PHẨM CUỐI CÙNG

Quá trình lao động nông nghiệp bao gồm nhiều công việc chia thành các khâu khác nhau và chỉ khi nào kết thúc quá trình sản xuất thì sản phẩm mới mang hình thái cuối cùng. Nhưng sản phẩm cuối cùng lại không phải là kết quả của riêng khâu cuối cùng mà là kết quả của tất cả các khâu của quá trình lao động. Vì vậy, nếu khoán sản phẩm chỉ thực hiện ở một khâu, dù là khâu cuối cùng như khâu thu hoạch, thì đó vẫn chỉ là khoán việc. Trái lại, nếu giao khoán toàn bộ các khâu đề gắn với sản

phẩm cuối cùng thì người lao động phải đảm nhiệm toàn bộ quá trình sản xuất, và sẽ xóa bỏ các đội chuyên khâu, làm phân tán sản xuất.

Vậy làm thế nào để có thể khoán sản phẩm cuối cùng cho nhóm và người lao động mà không rơi vào tình trạng tự phát phân tán?

Trong quá trình lao động nông nghiệp, có những khâu lao động được trang bị kỹ thuật cao hơn đòi hỏi phải chuyên môn hóa lao động, tổ chức thành các *đội, tổ chuyên* trên quy mô hợp tác xã hoặc đội sản xuất. Trong ngành trồng trọt, đó là các khâu sản xuất giống, cây bừa đất, tưới tiêu nước, chế biến phân bón, trừ sâu bệnh... Trong ngành chăn nuôi là sản xuất giống, thức ăn cho chăn nuôi và thú y... Những khâu này tiêu biểu cho trình độ trang bị kỹ thuật của lao động nông nghiệp, trực tiếp *gắn với cơ sở vật chất - kỹ thuật của hợp tác xã* và hệ thống kỹ thuật chuyên môn của Nhà nước (trại giống, trạm máy kéo, công ty thủy nông...). Vai trò của những khâu này quyết định trình độ tập trung sản xuất và kỹ thuật sản xuất.

Trực tiếp gắn với sản phẩm cuối cùng và giai đoạn hình thành sản phẩm cuối cùng là các khâu: gieo cấy, chăm bón, thu hoạch; trong chăn nuôi là các khâu nuôi dưỡng súc vật. Trong ngành trồng trọt hiện nay, những khâu này chủ yếu dựa trên công cụ *thủ công thô sơ*. Ở các khâu này, kỹ *băng* lao động cá nhân và sự chu đáo của cá nhân có ý nghĩa quyết định đối với hiệu quả cuối cùng của quá trình sản xuất. Vì vậy các khâu này cần được phân công theo cá nhân (*gia đình*), hoặc nhóm nhỏ, và trực tiếp *gắn với ruộng đất*.

Khoán sản phẩm cuối cùng cho nhóm hoặc cá nhân có thể áp dụng đối với 3 khâu - gieo cấy, chăm bón, thu hoạch - bằng cách khoán sản phẩm theo định mức trên diện tích ruộng đất nhất định. Còn đối với

lao động của các đội, tổ chuyên thuộc «5 khâu» thì thực hiện khoán khối lượng công việc theo định mức, gắn với sản phẩm cuối cùng bằng *thưởng, phạt* theo mức độ thực hiện sản lượng khoán mà các đội, tổ đó phục vụ.

Cách phân chia quá trình lao động và thực hiện khoán như trên tạo thành cơ cấu *phân công kiểu công trường thủ công*, trong đó lao động thuộc «3 khâu» giao khoán cho cá nhân (gia đình) hoặc nhóm chịu sự chi phối của «5 khâu» và kế tiếp công việc của «5 khâu»; còn lao động thuộc «5 khâu» của các đội, tổ chuyên, thực hiện hợp đồng với «3 khâu» và chịu sự kiểm tra của «3 khâu». Các khâu trong hai hệ thống đó kết hợp với nhau theo nguyên tắc *hợp tác dựa trên sự phân công*, làm cho các loại công việc khác nhau được thực hiện, hoặc *kế tục* nhau khiến cho «kết quả lao động của người này hoặc nhóm này là khởi điểm lao động của người kia hoặc nhóm kia»; hoặc tiến hành *đồng thời* với nhau và bổ sung cho nhau làm cho toàn bộ lao động thuộc các khâu ăn khớp với nhau trong một quá trình lao động thống nhất. Trong cơ cấu phân công đó, lao động thuộc «3 khâu» là một bộ phận của lao động tập thể và sản phẩm cuối cùng là kết quả của toàn bộ lao động tập thể.

Như vậy, khoán sản phẩm cuối cùng không xóa bỏ sự phân công chuyên môn hóa, trái lại nó lấy việc phân công chuyên môn hóa lao động làm tiền đề. Bằng cách đó, khoán sản phẩm cuối cùng được thực hiện, đồng thời cơ cấu phân công lao động trở nên hợp lý, phù hợp với trình độ kỹ thuật nông nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

Vì lẽ đó, cho nên khi tiến hành khoán sản phẩm, không thể chỉ một chiều nghĩ đến việc giao khoán «3 khâu» cho người lao động, mà trước

hết phải hoàn thiện cơ cấu phân công lao động, chăm lo kiện toàn các đội, tổ chuyên, đi đôi với tổ chức các nhóm hoặc gia đình nhận khoán; đồng thời áp dụng tốt chế độ khoán đối với cả «3 khâu» và «5 khâu», bằng cách khoán khác nhau nhưng đều gắn với sản phẩm cuối cùng. Nếu coi nhẹ việc quản lý và thực hiện khoán đối với đội, tổ chuyên thuộc «5 khâu» thì không thể sử dụng tốt cơ sở vật chất kỹ thuật và tạo điều kiện cho lao động và quản lý lao động thuộc «3 khâu». Trong trường hợp đó, dễ dẫn đến tình trạng khoán trắng. Đương nhiên, ở những hợp tác xã mà các đội, tổ chuyên còn yếu, thì lúc đầu có thể giao khoán cho gia đình đảm nhiệm thêm một số công việc ngoài «3 khâu», song cần có sự điều hành thống nhất và kiểm tra chặt chẽ, đồng thời cần nhanh chóng xây dựng các đội, tổ chuyên bảo đảm cho việc khoán sản phẩm cuối cùng theo «3 khâu» dựa trên cơ cấu phân công và hợp tác lao động.

III — KHOÁN SẢN PHẨM CHO NHÓM LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Khoán sản phẩm cho nhóm lao động là khoán cho tập thể, còn khoán sản phẩm cho người lao động là khoán cho cá nhân và gia đình.

Trong điều kiện sản xuất nông nghiệp đã đạt tới trình độ tập trung sản xuất cao và được trang bị kỹ thuật hiện đại, thì hình thức khoán sản phẩm cho tập thể là phù hợp. Hình thức tổ chức thích hợp để thực hiện khoán sản phẩm cho tập thể là tổ sản xuất cố định. Tuy nhiên, trong điều kiện sản xuất nông nghiệp của ta hiện nay nếu tổ chức thành các nhóm sản xuất cố định để đảm nhiệm tất cả các khâu sản xuất thì sẽ phải chia nhỏ đội sản xuất cơ bản và xóa bỏ các đơn vị chuyên khâu, do đó làm cho sản xuất trở nên phân tán. Vì vậy, có thể tổ chức các nhóm nhỏ trong đội sản xuất cơ bản để thực hiện khoán sản phẩm cuối cùng đối với «3 khâu».

Trong tình hình chung hiện nay, khoán sản phẩm cho cá nhân là hình thức phổ biến. Tuy nhiên, không nên coi đó là hình thức duy nhất mà cần căn cứ vào trình độ tập trung sản xuất đối với từng loại cây trồng và gia súc, và trình độ quản lý của hợp tác xã mà áp dụng hình thức khoán sản phẩm cuối cùng cho nhóm lao động, đồng thời chuẩn bị kinh nghiệm cho bước phát triển mới sau này khi chuyên sang lấy hình thức khoán sản phẩm cho tập thể là chính.

Khoán sản phẩm cho người lao động là phân công cho cá nhân để thực hiện khoán sản phẩm cuối cùng theo «3 khâu». Song khi việc khoán sản phẩm cho người lao động được đặt ra thì tất yếu gắn liền với lao động gia đình.

Đặc điểm của việc khoán sản phẩm trong nông nghiệp là giao ruộng đất cho người nhận khoán. Sau khi nhận khoán, người lao động tổ chức lao động gia đình để tiến hành canh tác trên ruộng đất đó. Tình hình diễn ra một cách tự nhiên, làm cho khoán sản phẩm trở thành khoán gia công cho gia đình. Tác dụng của lao động gia công vượt ra ngoài phạm vi của khoán sản phẩm, do thu hút được nguồn vốn của người lao động đưa vào sản xuất. Trong nông nghiệp, việc đầu tư vốn của người nhận khoán không chỉ giới hạn trong việc sắm sửa công cụ, mà điều quan trọng hơn là đầu tư thêm lao động và phân bón vào việc cải tạo đất, làm tăng độ màu mỡ và nâng cao trình độ thâm canh tạo ra năng suất ruộng đất cao hơn, do đó thu được phần địa tô chênh lệch II phụ thêm thể hiện ở phần sản lượng vượt định mức khoán. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng khi lực lượng kinh tế của hợp tác xã còn non yếu chưa đủ sức khai thác hết tiềm lực của ruộng đất và lao động. Thực tiễn cho thấy rằng trong khoán mới, tác dụng của khoán sản phẩm kết hợp với tác dụng gia công đã đem lại hiệu quả to lớn, không chỉ phát huy tiềm

lực lao động mà cả tiềm lực ruộng đất, do đó đã làm tăng khối lượng lương thực lên mức đáng kể.

Khoản sản phẩm cho người lao động mang hình thái *lao động gia đình*, nhưng đó không phải là lao động cá thể. Người lao động trước sau vẫn nằm trong guồng máy phân công của tập thể, vẫn là một *thành viên của sức lao động tập thể*. Điều mới mẻ do tác dụng của khoán mới và phân công mới để ra là ở chỗ sức lao động tập thể lại biểu hiện ra dưới hình thức lao động cá nhân. Điều đó vấp phải quan niệm cũ lâu nay coi lao động tập thể đồng nghĩa với lao động tập đoàn, cho, lao động cá nhân là lao động cá thể, tư hữu. Quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin coi lao động tập thể là biểu hiện của sự kết hợp hữu cơ những sức lao động cá nhân thành sức lao động tập thể, trong đó mỗi cá nhân là một khí quan của lao động tập thể đồng thời là đại biểu cho sức lao động tập thể. Sức lao động tập thể vừa biểu hiện ra như một sức lao động thống nhất, vừa biểu hiện ra bằng hoạt động của mỗi cá nhân, có sự hài hòa giữa tập thể và cá nhân, vừa phát huy sức mạnh của lao động tập thể, vừa phát huy sức sáng tạo của mỗi cá nhân.

Trong hình thức khoán sản phẩm đến người lao động, người nhận khoán là cá nhân xã viên. Nhưng khi nhận khoán thì những cá nhân xã viên trong một gia đình cùng với lao động phụ của gia đình hợp lại thành sức lao động chung trên quy mô gia đình. Tinh chất hợp tác của lao động tập thể không vì thế mà biến đổi, có thay đổi chỉ là về hình thức và quy mô của sự hợp tác.

Tuy nhiên, hợp tác lao động gia đình không đơn thuần chỉ có quan hệ tập thể mà còn có *quan hệ huyết thống*, một mặt làm cho phân công lao động

gia đình tiến hành được thuận lợi, song mặt khác dễ bị ảnh hưởng của lề thói cũ và hoàn cảnh của gia đình trực tiếp chi phối. Mỗi gia đình trong khi đảm nhiệm việc tổ chức và điều khiển lao động gia đình để thực hiện khoán sản phẩm, cần được sự kiểm tra và giúp đỡ sát sao, bảo đảm thực hiện đúng kế hoạch và quy trình sản xuất tập thể, tránh tình trạng làm ăn tùy tiện, hoặc do gặp khó khăn mà làm ăn thua kém. Ngoài ra, lao động gia đình không chỉ thực hiện khoán sản phẩm từ kinh tế tập thể, mà còn làm trên "đất 5%", *kinh tế phụ của gia đình xã viên*. Vì vậy vấn đề kế hoạch hóa lao động gia đình cần được đặt ra, để vừa bảo đảm làm tốt phần nhận khoán của hợp tác xã, vừa làm tốt kinh tế phụ của gia đình xã viên, bảo đảm sự nhất trí giữa lợi ích của gia đình xã viên với lợi ích của hợp tác xã và lợi ích của Nhà nước.

Như vậy, hợp tác xã thông qua chế độ khoán sản phẩm cho cá nhân xã viên mà gắn gia đình xã viên với hợp tác xã, làm cho công tác quản lý của hợp tác xã và đội sản xuất không chỉ bó hẹp trong phạm vi nội bộ, mà mở rộng ra và đi sâu vào từng gia đình. Giữa hợp tác xã và gia đình xã viên có mối quan hệ mới, trong đó mỗi gia đình xã viên tồn tại như một tế bào của lao động tập thể, đồng thời là thành phần kinh tế bổ sung cho kinh tế hợp tác xã. Đó là một hình thái mới của phân công lao động nông nghiệp - "kết hợp phân công, công trường thủ công với phân phối lao động gia công" - đặc trưng của giai đoạn công trường thủ công.

Cơ chế khoán và cơ cấu phân công như đã trình bày trên đây là những hình thức quá độ đưa nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, là *mắt xích* chủ yếu của quá trình xã hội hóa lao động nông nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

XÍ NGHIỆP LIÊN HỢP CÔNG — NÔNG NGHIỆP CHÈ TRẦN-PHÚ

NGUYỄN-KIM-PHONG

VÙNG chè chuyên canh và tập trung lớn nhất của tỉnh Hoàng-liên-sơn gồm có 4 nông trường quốc doanh và 83 hợp tác xã có trồng chè, bảo đảm nguyên liệu cho 3 xí nghiệp chế biến chè (đã xây dựng ở vùng này với tổng công suất là 69 tấn nguyên liệu chè tươi một ngày) hoạt động theo kế hoạch hiện nay và tiến tới bảo đảm cung cấp đủ nguyên liệu cho các nhà máy chè chạy hết công suất máy móc (hiện nay mới đáp ứng được 70% công suất). Bên cạnh những cơ sở sản xuất nguyên liệu lớn như các nông trường quốc doanh trồng chè, có các hợp tác xã vệ tinh trồng chè. Tuy vậy, nếu cứ để cho vùng nguyên liệu tập trung lớn này bị xé lẻ thành nhiều địa bàn hoạt động độc lập của từng xí nghiệp chế biến chè như những năm trước đây, thì hoạt động sản xuất và chế biến chè gặp không ít trở ngại, gây lãng phí và làm giảm hiệu quả kinh tế.

Ở đây, địa bàn chuyên canh chè nằm trên một vùng lãnh thổ tập trung, có những mối quan hệ chặt chẽ giữa hai khâu sản xuất nguyên liệu (trồng

chè) và chế biến chè. Việc liên hiệp hóa sản xuất trồng chè và chế biến chè ở đây sẽ tạo điều kiện đầy nhanh quá trình tập trung và chuyên môn hóa sản xuất trong ngành chè, xóa bỏ từng bước sự chổng chéo trong phân công quản lý sản xuất giữa trung ương và địa phương, giữa các ngành và cơ quan cùng quản lý một loại hình nguyên liệu và sản phẩm; tạo điều kiện cho cả hai khâu sản xuất nguyên liệu và chế biến chè phát triển thuận lợi và có kết quả tốt; tập trung đầu tư khoa học — kỹ thuật, tiền vốn có hiệu quả vào việc phát triển các công trình trọng điểm về trồng trọt và chế biến chè; trên cơ sở đó, có thể xác định một phương án sản xuất và quản lý thích hợp đối với từng giai đoạn của quá trình sản xuất, xác định quy hoạch tổng thể ngắn hạn và dài hạn cho cả vùng chè tập trung lớn. Có như vậy, mới có điều kiện thực tế hạ chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm chè, bảo đảm sản xuất kinh doanh có lãi, phản ánh hiệu quả của toàn bộ chu trình sản xuất từ khâu tạo ra nguyên liệu đến khi có sản phẩm cuối cùng.

Thống nhất quy hoạch và kế hoạch sản xuất nguyên liệu.

Sau khi thành lập, xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú đã xúc tiến việc nghiên cứu quy hoạch lại vùng chè cho phù hợp với nhiệm vụ sản xuất mới, bảo đảm ổn định nguyên liệu cho chế biến. Xí nghiệp liên hợp đã kiểm kê, đánh giá và phân loại toàn bộ diện tích, tính toán lại mật độ cây, sản lượng và năng suất chè bình quân của toàn xí nghiệp liên hợp và của từng đơn vị; dựa vào số liệu về năng suất và sản lượng chè thu hái theo từng thời điểm của các vụ chè, rút ra quy luật phát triển của cây chè ở các nông trường giúp cho việc chỉ đạo tiến độ thu hái.

Đối với các khu vực kinh tế tập thể, xí nghiệp liên hợp bắt đầu xem xét lại toàn bộ diện tích, năng suất và sản lượng chè của các hợp tác xã trong vùng cũng như khả năng mở rộng diện tích chè mới để đưa vào quy hoạch tổng thể vùng nguyên liệu chung trong địa bàn hoạt động của xí nghiệp liên hợp. Tiến hành phân loại các khu vực nguyên liệu này làm cơ sở cho việc xác định hướng đầu tư vật chất - kỹ thuật nhằm tăng năng suất và sản lượng chè theo phương châm thâm canh toàn diện và cải tạo các vườn chè tập thể.

Trên cơ sở quy hoạch lại vùng nguyên liệu, xí nghiệp liên hợp bước đầu xác định các phương án sản xuất và phương án sản phẩm cho các đơn vị sản xuất thông qua việc giao kế hoạch về tiến độ của vụ sản xuất chính và điều chỉnh mức sản xuất một vài loại hình sản phẩm cho phù hợp với đặc trưng sản xuất của các đơn vị.

Trong điều kiện sản xuất phân tán và tách rời nhau (xí nghiệp nào biết xí nghiệp ấy, nông trường nào biết nông trường ấy) như trước đây, chúng

ta không có điều kiện sử dụng hết năng lực sản xuất, tạo ra nhiều sản phẩm. Việc liên hiệp hóa sản xuất đã tạo điều kiện tập trung hóa sản xuất, làm cho cả hai khâu sản xuất và chế biến đều đạt hiệu quả kinh tế cao, dẫn đến có sự thay đổi về chất trong hoạt động kinh doanh sản xuất của xí nghiệp liên hợp.

Nắm chắc tình hình diễn biến sản xuất nguyên liệu ở các nông trường trong từng thời điểm cụ thể bằng thông tin kinh tế định kỳ, xí nghiệp liên hợp đã cử cán bộ điều độ sản xuất và cán bộ kỹ thuật trực tiếp nắm tình hình và chỉ đạo kế hoạch sản xuất nguyên liệu ở nông trường trọng điểm, điều hòa nguyên liệu, vật tư kỹ thuật, phương tiện vận chuyển, bảo đảm mức sản xuất ổn định cho các nông trường trong từng thời kỳ kế hoạch. Với cách làm như thế và căn cứ vào đặc điểm thời vụ của nghề chè, xí nghiệp liên hợp đã chỉ đạo các nông trường thực hiện kế hoạch được phân bổ và kế hoạch tiến độ.

Do tập trung hóa sản xuất, công tác cung ứng vật tư được tổ chức lại phục vụ sát và kịp thời cho nhu cầu sản xuất của các nông trường.

Việc đầu tư kỹ thuật cho thâm canh chè được tiến hành trên cơ sở dự đoán khả năng tiếp tục phát triển và cho búp của cây chè, bảo đảm cho sản lượng theo kế hoạch. Việc chỉ đạo thu hái chè bằng các biện pháp kỹ thuật bảo đảm cơ cấu nguyên liệu cũng góp phần tăng sản lượng nguyên liệu trong vụ thu hái. Việc chỉ đạo ứng dụng quy trình kỹ thuật một cách tập trung và linh hoạt trong đầu tư thâm canh chè bước đầu bảo đảm tiến độ cung cấp nguyên liệu cho cơ sở chế biến.

Thống nhất sản xuất nguyên liệu và chế biến.

Việc thống nhất lại hai khâu sản xuất nguyên liệu và chế biến chè

trong một xí nghiệp liên hợp đã tạo điều kiện chuyển mối quan hệ mang tính chất hợp tác trước đây thành sự liên kết chặt chẽ giữa sản xuất nguyên liệu và chế biến dưới sự chỉ đạo thống nhất của một trung tâm. Đây không phải là một hình thức tổ chức kinh tế «gán ghép» cũng không phải là một quan hệ kinh tế giả tạo có tính chất hình thức bề ngoài được lập ra để dung hòa các mâu thuẫn giữa người sản xuất và người chế biến chè. Trái lại nó là kết quả tất yếu của sự phát triển lực lượng sản xuất đến «độ» đòi hỏi phải có một hình thức mới hoàn chỉnh hơn trong quan hệ sản xuất.

Tổ chức lại sản xuất thành một liên hiệp sản xuất - chế biến chè, xí nghiệp liên hợp có cơ hội phấn đấu đạt những tiêu thức trong sản xuất và có điều kiện thực hiện những biện pháp tổ chức và quản lý mới mà trước đây không thể thực hiện được, phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của các đơn vị thành viên trong khi tiến hành sản xuất.

Xí nghiệp liên hợp là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước về kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh, là người chủ đầu tư, lo vốn, đảm nhiệm việc giao dịch với các cơ quan có liên quan, bảo đảm việc thực hiện kế hoạch sản xuất của toàn xí nghiệp liên hợp. Trong công tác kế hoạch, các đơn vị thành viên lo chỉ đạo sản xuất ở cơ sở mình phụ trách. Xí nghiệp liên hợp nắm việc điều độ sản xuất và chỉ đạo các đơn vị thành viên đóng góp sức lực của mình vào việc thực hiện kế hoạch sản xuất chung của toàn xí nghiệp. Như vậy xí nghiệp liên hợp là người bảo đảm sự liên kết giữa các đơn vị thành viên trong quá trình sản xuất. Một hình thức mới trong quan hệ sản xuất đã được xác lập trên cơ sở những liên kết chặt chẽ giữa sản xuất nguyên liệu và chế biến. Nhờ đó, mà tình

trạng mất cân đối trong sản xuất đã được khắc phục; và kết quả sản xuất ở đây là sự tổng hòa hữu cơ các kết quả hoạt động của tất cả thành viên trong xí nghiệp liên hợp.

Chính nhờ tổ chức lại sản xuất như vậy mà chúng tôi có điều kiện phát huy thế mạnh của từng đơn vị nhằm phục vụ cho mục đích kinh doanh sản xuất của toàn xí nghiệp liên hợp. Việc tổ chức lại sản xuất như vậy còn tạo điều kiện cho các đơn vị thành viên phát huy tính chủ động sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, đặc biệt trong việc tập trung giải quyết những khâu yếu trong quá trình sản xuất kinh doanh của từng đơn vị thành viên và của toàn xí nghiệp liên hợp.

Trên cơ sở kế hoạch được giao, các đơn vị thành viên có thể chủ động tìm mọi cách nâng cao năng lực sản xuất, khai thác mọi tiềm năng của mình để phấn đấu thực hiện tốt kế hoạch chung.

Các thành viên là nông trường quốc doanh trồng chè, được xí nghiệp liên hợp giúp đỡ trong sản xuất, uốn nắn những lệch lạc trong khâu thu hái, giao nhận sản phẩm theo yêu cầu chế biến, đề các nông trường có biện pháp chỉ đạo kỹ thuật chăm sóc, thu hái nguyên liệu đạt các tiêu chuẩn phẩm cấp. Ví dụ: phát hiện khả năng sinh trưởng của cây chè trong mùa chè chính vụ, xí nghiệp liên hợp chỉ đạo cho nông trường trồng chè Trần Phú dời kế hoạch giao đầu năm bằng kế hoạch chỉ đạo tiến độ thu hái chè trong quý III. Với kế hoạch tiến độ này, nông trường đã sản xuất được 1150 tấn chè búp tươi (kế hoạch giao là 1050 tấn). Nông trường này với diện tích gần 600 héc ta chè kinh doanh trước đây chưa năm nào nộp quá 2700 tấn chè búp tươi. Năm 1980, tham gia xí nghiệp liên hợp, nông trường đã ổn định tổ chức, cải tiến bộ máy quản lý, giảm số ban từ 11

xưởng còn 6, đưa 26 cán bộ nhân viên hành chính xuống trực tiếp tham gia sản xuất, tiến hành trả lương khoán sản phẩm, tăng cường công tác kế hoạch và hạch toán kinh tế, đưa sản lượng chè búp tươi lên 2900 tấn, bảo đảm chất lượng nguyên liệu chế biến chè đen xuất khẩu. Nông trường quốc doanh trồng chè Âu-lâu kinh doanh cây chè 10 năm qua, sản lượng năm cao nhất chỉ đạt 380 tấn chè búp tươi trên 280 héc ta chè kinh doanh. Sau khi tham gia xí nghiệp liên hợp, nông trường này (vốn là đơn vị sản xuất kém ở tỉnh Hoàng-liên-son) đã được giúp đỡ đưa các hoạt động sản xuất kinh doanh vào nền nếp, ổn định tổ chức và đời sống cho cán bộ công nhân viên chức, cho nên đã đưa sản lượng thu hái chè búp tươi quý IV năm 1980 lên 367 tấn (bằng sản lượng cả năm 1979). Các nông trường quốc doanh trồng chè Nghĩa-lộ và Liên-son, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do thiên tai gây nên, vẫn phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu trong năm 1980 do có sự nhậy bén của xí nghiệp liên hợp trong công tác kế hoạch và cần đổi lại năng lực sản xuất của các đơn vị thành viên này.

Các nhà máy chè trong xí nghiệp liên hợp cũng đều có chuyển biến rõ rệt theo hướng đi lên. Nhà máy chè Trần-Phú là đơn vị thành viên đầu đàn, lớn nhất, đảm nhiệm chế biến 1300/2200 tấn chè xuất khẩu của xí nghiệp liên hợp. Năm 1980 tham gia xí nghiệp liên hợp công-nông nghiệp chè Trần-Phú, nhà máy đã tổ chức lại hệ thống quản lý mới gồm 10 người và ba ban (điều độ sản xuất, nông vụ, kỹ thuật). Nhà máy thực hiện chế độ trả lương khoán sản phẩm có thưởng theo công đoạn, thưởng vượt mức, thưởng đột xuất hoàn thành kế hoạch trong từng thời điểm, tổ chức bữa ăn trưa không phải trả tiền, thưởng ngày công và giờ

công cao, kết hợp với việc giáo dục ý thức làm chủ tập thể cho công nhân viên chức. Trong dây chuyền công nghệ, nhà máy tổ chức ôn luyện và học quy trình công nghệ cho công nhân 15 ngày trước khi bắt tay vào mỗi vụ sản xuất, xét các định mức kinh tế - kỹ thuật cho sát với đặc điểm của nguyên liệu chè miền núi, cải tiến quy trình công nghệ phù hợp với đặc điểm thời vụ, tổ chức hợp lý việc giao nhận, vận chuyển cân đo hai đầu, phát bằng kinh tế đối với những khâu vượt quá tỷ lệ hao hụt chè tươi trong vận chuyển và chế biến, giữ vững kỷ luật lao động trong nhà máy. Do đó, nhà máy đã hoàn thành vượt mức kế hoạch chế biến chè đen xuất khẩu và còn tổ chức chế biến được hơn 30 tấn chè phổ thông phục vụ tiêu dùng trong nước, góp phần quyết định vào việc hoàn thành kế hoạch năm 1980 của toàn xí nghiệp liên hợp. Nhà máy chè Nghĩa-lộ (công suất 13,5 tấn chè búp tươi mỗi ngày) cũng được tổ chức lại với một bộ máy quản lý chỉ gồm có 6 người vẫn điều hành tốt sản xuất và đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chế biến chè. Nhà máy chè Yên-bái đã nâng công suất chế biến từ 13 tấn lên 21 tấn chè búp tươi mỗi ngày, năm 1980 đã được xí nghiệp liên hợp giúp đỡ tổ chức lại sản xuất, từ đơn vị kém vươn lên thành khá, hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất, chế biến tăng hơn năm trước 150 tấn chè đen xuất khẩu. Xưởng cơ khí trung tâm của xí nghiệp liên hợp đã khôi phục, tận dụng được nhiều thiết bị, máy móc cũ, bước đầu cung cấp được thiết bị, máy móc và phương tiện phục vụ sản xuất cho các đơn vị thành viên.

Thực tế hoạt động của các đơn vị thành viên chứng tỏ rằng xí nghiệp liên hợp công-nông nghiệp chè Trần-Phú không hề hạn chế, mà trái lại đã phát huy có kết quả tinh chủ động sáng tạo của các đơn vị đỡ trong sản xuất kinh doanh

Cải thiện quan hệ với các hợp tác xã vệ tinh trồng chè và tham gia xây dựng kinh tế, văn hóa địa phương.

Hiện nay, ngoài vùng nguyên liệu của mình (mới bảo đảm được 50% nguyên liệu cho chế biến), xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần-Phú còn phải dựa vào hàng chục hợp tác xã trồng chè làm vệ tinh cung cấp nguyên liệu cho mình. Mỗi quan hệ giữa xí nghiệp liên hợp với các hợp tác xã trồng chè ở đây thể hiện một cách cụ thể và trực tiếp nhất quan hệ kinh tế giữa Nhà nước và tập thể. Giải quyết tốt mối quan hệ này cũng tức là giải quyết tốt mối quan hệ liên minh công nông.

Xí nghiệp liên hợp đã tích cực giúp đỡ các hợp tác xã thực hiện thâm canh chè. Thông qua hợp đồng, xí nghiệp liên hợp đã đầu tư cho các hợp tác xã trồng chè những vật tư như phân bón, thuốc trừ sâu và bình phun, dao đồn chè...; tổ chức các lớp huấn luyện ngắn hạn về kỹ thuật chăm sóc và thu hái chè cho cán bộ và xã viên hợp tác xã; cử cán bộ kỹ thuật giúp hợp tác xã trong việc thu hái và chăm sóc chè; thường xuyên mở hội nghị bàn về hợp đồng nguyên liệu với các hợp tác xã; động viên khen thưởng kịp thời những tập thể và cá nhân có nhiều thành tích trong việc hoàn thành kế hoạch giao nộp chè búp tươi cho xí nghiệp liên hợp. Năm 1980, xí nghiệp liên hợp đã trích 8000 đồng thưởng cho các hợp tác xã đã hoàn thành kế hoạch giao nộp nguyên liệu và thưởng 1000 đồng cho các cán bộ có thành tích giúp hợp tác xã phát triển trồng chè... Nhờ vậy, năm 1980, các hợp tác xã trồng chè trong vùng đã cung cấp cho xí nghiệp liên hợp 4700 tấn chè búp tươi, đặc biệt các hợp tác xã trồng chè ở huyện Văn-chấn đã cung cấp nhiều hơn năm ngoái 600 tấn.

Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần-Phú là một xí nghiệp của Nhà nước trung ương đã tham gia

vào việc phát triển kinh tế - văn hóa của địa phương, đóng góp với địa phương những kinh nghiệm hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cùng với địa phương tiến hành tổ chức lại sản xuất ngành chè ở vùng này, xây dựng những cơ sở sản xuất và chế biến theo nội dung kinh tế - kỹ thuật thống nhất, trong đó xí nghiệp liên hợp đóng vai trò là một đơn vị đầu đàn. Năm 1980, xí nghiệp liên hợp đã phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước giao và đã nộp 80% phần tích lũy với hơn 11 triệu đồng vào ngân sách địa phương để tăng thêm năng lực và trách nhiệm của địa phương đối với việc phát triển cây chè. Xí nghiệp liên hợp cũng đã góp phần xây dựng một số đường giao thông ở địa phương, xây dựng các công trình phúc lợi công cộng trị giá hàng trăm nghìn đồng, góp phần cải thiện thêm một bước đời sống văn hóa - xã hội ở địa phương.

Những vấn đề cần phải giải quyết.

Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần-Phú mới được thành lập hơn một năm, đang trong quá trình củng cố và hoàn thiện.

Hiệu quả hoạt động của xí nghiệp liên hợp hiện nay đang còn có nhiều hạn chế vì chưa có một bộ máy quản lý và những nhân viên nghiệp vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và mục đích sản xuất kinh doanh của loại hình kinh tế liên hợp. Bộ máy tổ chức quản lý mới hiện nay chưa phải đã thích nghi được ngay với phương thức quản lý của xí nghiệp liên hợp do những ảnh hưởng của tập quán làm việc cũ chưa được khắc phục, thiếu những phương tiện tối thiểu (như phương tiện giao thông, thông tin kinh tế...) để mỗi thành viên trong xí nghiệp liên hợp có thể thật sự phát huy tính chủ động sáng tạo trong chỉ đạo sản xuất và quản lý nghiệp vụ. Tất cả các phòng ban của xí

ng nghiệp liên hợp đều thiếu cán bộ giỏi, biên chế tổ chức chưa ổn định và cơ cấu bộ máy còn thiếu một số bộ phận nghiệp vụ cần thiết. Vì là một tổ chức kinh tế - kỹ thuật mới được thành lập, công tác tổ chức còn nhiều lúng túng, chưa có kinh nghiệm, ngay cả điều lệ của xí nghiệp liên hợp cũng chưa được ban hành.

Đề cho hoạt động của xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần-Phú thể hiện được tính hiệu quả của một phương thức quản lý mới, điều đầu tiên phải thực hiện là đổi mới công tác kế hoạch hóa. *Một là*, cần phân định dứt khoát những vùng nguyên liệu dành cho xí nghiệp liên hợp, bảo đảm cơ sở pháp lý cho nó có một địa bàn nguyên liệu cung cấp ổn định cho hoạt động chế biến. *Hai là*, bảo đảm những cân đối lớn làm cơ sở cho xí nghiệp liên hợp hoạt động, tránh không gây đảo lộn trong quá trình thực hiện kế hoạch. Các cơ quan có thẩm quyền cần dựa trên những khả năng hiện thực của xí nghiệp liên hợp để giao số kiểm tra, không nên giao quá cao mà lại không cân đối vật tư như các năm qua, bảo đảm tinh dân chủ và tính khoa học trong công tác kế hoạch.

Muốn đưa hoạt động thông tin kinh tế, hạch toán tập trung thống nhất và hạch toán nội bộ xí nghiệp và các đơn vị thành viên đi vào nề nếp, cũng như muốn phát huy hiệu lực của công tác chỉ huy sản xuất, cần củng cố ngay hệ thống thông tin từ xí nghiệp liên hợp đến các đơn vị thành viên.

Vấn đề mấu chốt trong hoạt động của xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần-Phú hiện nay là vấn đề thâm canh chè. Chè ở các nông trường trồng nhiều chè nhất của xí nghiệp liên hợp đã bước vào năm thứ 21 (sang giai đoạn cuối của chu trình phát triển), lâu nay mức độ thâm canh rất hạn chế, giống chè không đồng đều, năng suất và sản lượng thấp. Ở các nông trường có

chè ít tuổi hơn, vấn đề thâm canh cây chè cũng không được chú trọng, chè mất khoảng hoặc chết nhiều. Đối với khu vực chè tập thể thuộc phạm vi cung cấp nguyên liệu cho xí nghiệp liên hợp chè đang ở giai đoạn sung sức, nhưng việc đầu tư thâm canh còn thấp xa so với yêu cầu kinh tế - kỹ thuật. Một số chính sách (như chính sách lương thực) đối với người trồng chè ở đây chưa thỏa đáng, đôi khi gây tác dụng tiêu cực làm cho người trồng chè chạy đi trồng lúa và hoa màu hoặc đi làm nghề khác, chè bị bỏ cỏ, đề già không hái, làm giảm năng suất hoặc không thu được sản lượng. Trong tình hình như vậy, nếu cứ lao vào mở rộng diện tích trồng mới một cách tràn lan, không đầu tư thâm canh cho các vườn chè đã có, thì tác hại sẽ còn lớn hơn nhiều. Bởi vậy, cần đặt mạnh vấn đề thâm canh trên các diện tích chè hiện có, cải tạo các vườn chè đã bỏ lâu hoặc mật độ cây trồng quá thấp để nâng cao năng suất và sản lượng các vườn chè lên một cách đồng đều; đồng thời chú trọng mở rộng có mức độ diện tích trồng mới ở những khu vực Nhà nước đã chính thức quy hoạch mà chưa sử dụng hết và tiến hành đầu tư thâm canh ngay từ đầu để có năng suất cao, sản lượng nhiều, cung cấp nguyên liệu ổn định cho chế biến. Ở vùng chuyên canh chè, Nhà nước cần bảo đảm cung cấp lương thực cho các hợp tác xã trồng chè và giao vật tư trực tiếp cho xí nghiệp liên hợp để thực hiện hợp đồng hai chiều với hợp tác xã. Giá cả đối với nguyên liệu (chè búp tươi) và sản phẩm chế biến (chè đen xuất khẩu) cần được giải quyết thỏa đáng, phù hợp với từng vùng cụ thể để khuyến khích người sản xuất.

Ngoài ra, Nhà nước cần quan tâm trang bị cho xí nghiệp liên hợp những cơ sở vật chất cần thiết nhằm đẩy mạnh sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho hoạt động của loại hình kinh tế liên hợp mới này.

BƯỚC ĐI CỦA CẢI CÁCH GIÁO DỤC

NGUYỄN-TRƯỜNG-KHOA

NGHỊ quyết của Bộ chính trị Trung ương Đảng về cải cách giáo dục ký ngày 11 tháng 1 năm 1979 được coi như là cương lĩnh về đào tạo lớp người mới, xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Nghị quyết đã đề ra một nhiệm vụ có tính chiến lược cho cả một giai đoạn lịch sử dài, mà chúng ta phải bắt tay thực hiện ngay từ bây giờ để có thể hoàn thành trong vòng 20 năm tới.

Dưới ánh sáng của nghị quyết này, trong hai năm qua, công tác giáo dục ở cơ sở đã có những chuyển biến tốt, hay ít ra cũng tránh được nguy cơ sút kém hơn trước do những khó khăn đột xuất về kinh tế gây nên.

Những thành tựu đó là kết quả của sự tăng cường lãnh đạo giáo dục của các cấp Đảng và chính quyền ở nhiều địa phương. Hầu hết các tỉnh ủy, thành ủy đã nghiên cứu nghị quyết của Bộ chính trị. Hai phần ba tỉnh, thành đã mở hội nghị cán bộ, đã ra nghị quyết của tỉnh ủy, thành ủy về giáo dục nhằm thực hiện một bước chủ trương chung. Có tỉnh như Thái-bình đã tổ chức phổ biến nghị quyết về cải cách giáo dục đến tận đảng bộ xã. Ngành giáo dục đã tổ chức thảo luận trong tất cả giáo viên. Nhiều trường học đã giúp cấp ủy

Đảng tuyên truyền nghị quyết này ra nhân dân. Các địa phương đã tập trung sức vào mấy việc: tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng trong các trường học; cải thiện đời sống của giáo viên; vận động nhân dân tu bổ và bảo vệ trường sở; bổ túc văn hóa cho cán bộ chủ chốt và thanh niên ưu tú.

Không những các cấp ủy Đảng ở nhiều nơi nhận thức ra vấn đề và đang tăng cường lãnh đạo công tác giáo dục, mà các đoàn thể nhân dân cũng nhân dịp này góp phần thiết thực vào việc giáo dục thế hệ trẻ. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chi-Minh tăng cường cuộc vận động xây dựng các tập thể lớp xã hội chủ nghĩa và các chi đội thiếu niên vững mạnh trong các trường học. Hội liên hiệp phụ nữ Việt-nam cũng xúc tiến phong trào xây dựng gia đình kiểu mẫu văn hóa mới, và đang đúc kết kinh nghiệm "mẹ hiền nuôi dạy con ngoan theo 5 điều Bác Hồ dạy". Tổng công đoàn Việt-nam cũng ra chỉ thị cho các cấp vận động đoàn viên hưởng ứng giáo dục con em. Một số bộ đã cải tiến tổ chức quản lý đào tạo lao động kỹ thuật trong ngành và đặt vấn đề củng cố các trường chuyên nghiệp của ngành theo hướng cải cách giáo dục.

Công tác giáo dục tuy đang bị những điều kiện khách quan chi phối như thiếu trường sở và thiết bị dạy học, khả năng giáo dục còn thấp của nhiều giáo viên, đời sống còn có khó khăn ở nhiều địa phương, những biểu hiện tiêu cực tồn tại trong xã hội, v.v, song một số mặt thuận lợi đang được phát huy mạnh mẽ: sự trưởng thành trong lãnh đạo và quản lý đối với sự nghiệp giáo dục, một đội ngũ cán bộ giáo dục có kinh nghiệm, những tiến bộ trong phong trào nhân dân xây dựng giáo dục, sự giúp đỡ của các nước anh em.

Thực tiễn triển khai cải cách giáo dục trong hơn hai năm qua đã cho thấy bước đi thích hợp của công cuộc cải cách giáo dục là:

- Chuyển hệ thống giáo dục cũ sang hệ thống giáo dục mới với chương trình học cải cách từng bước vững chắc, có trọng điểm, không ồ ạt phiêu lưu.

- Thực hiện ngay những chủ trương, những quan điểm có thể thực hiện được, nhất là những chủ trương quyết định sự chuyển hướng về giáo dục trong toàn xã hội.

- Vận động nhân dân, dưới sự lãnh đạo của các đảng bộ, thi đua cải tiến công tác giáo dục ở địa phương và chuẩn bị những điều kiện thiết yếu cho các trường học tiếp nhận chương trình học mới.

Việc chuyển sang hệ thống giáo dục mới nhất định phải tạo ra chất lượng giáo dục cao hơn. Trường phổ thông 10 năm ở miền Bắc và trường phổ thông 12 năm ở miền Nam sẽ được thay thế bằng một hệ thống giáo dục phổ thông mới gồm có 12 năm và được chia làm hai bậc: *bậc phổ thông cơ sở 9 năm* (trẻ em được nhận vào học từ 6 tuổi) và *bậc phổ thông trung học 3 năm*. Học sinh tốt nghiệp bậc phổ thông cơ sở có thể tiếp tục học lên bậc phổ thông trung học hoặc có thể được đào tạo nghề nghiệp. Học sinh

tốt nghiệp bậc phổ thông trung học có thể học lên đại học hoặc có thể được đào tạo nghề nghiệp. Bởi vì hệ thống giáo dục mới 12 năm có tính chất *phổ thông, lao động, kỹ thuật tổng hợp và có hướng nghiệp*, cho nên sau khi học xong mỗi bậc học, học sinh không những tiếp thụ được một nền học vấn và giáo dục phổ thông cơ bản chung mà còn có thể đi ngay vào lao động sản xuất, hoặc có thể phát huy cao hơn nữa sở trường và năng khiếu của mình. Như vậy là mục tiêu đào tạo của trường phổ thông mới dần dần thoát khỏi những quy định quá chung chung về một mẫu người phát triển toàn diện. Từ đó, chương trình học không đi theo khuynh hướng quá chú trọng đến hình thức hóa tư duy, mà coi trọng cả thực hành, kết hợp kiến thức khoa học cổ điển với kiến thức khoa học hiện đại, dưới ánh sáng của khoa học hiện đại. Chương trình dành thời gian cần thiết cho giáo dục lao động và thực hành kỹ thuật (bậc phổ thông cơ sở: 15% và bậc phổ thông trung học: 17%). Chương trình học cũng tính đến những yêu cầu về giáo dục nghệ thuật, về thể dục, thể thao, về luyện tập quân sự, về hoạt động xã hội... Chương trình còn dành phần cơ động cho việc phát huy sở trường, cho việc tìm hiểu địa phương.

Giữa hệ thống giáo dục phổ thông và các hệ thống giáo dục khác, mối quan hệ về chức năng và về chất lượng được nghiên cứu chặt chẽ hơn. Hệ thống giáo dục mầm non chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi những kỹ năng cần thiết để đi vào học tập. Hệ thống dạy nghề kế tục ngay hệ thống phổ thông, có trách nhiệm hoàn thành đào tạo người lao động mới. Hệ thống phổ thông chuẩn bị cho học sinh có ý thức và có kỹ năng lao động, dễ đi vào học nghề, mà vẫn không quên chuẩn bị cho các em có khả năng học lên, nên rất coi trọng giáo dục kinh nghiệm tự học, coi trọng dạy tiếng nước ngoài như một công cụ giao tế

và tự học. Một bộ phận nhỏ có học lực khá còn được học thêm qua các môn tự chọn, sẵn sàng đi sâu vào từng khoa học hay nghệ thuật.

Cho đến nay, chương trình học của trường phổ thông mới đã hoàn thành sau bao năm làm thực nghiệm từng phần và đã được nhiều giáo viên giỏi, nhiều nhà khoa học góp ý. Nhưng việc triển khai cũng phải tiến hành dè dặt, vì cần có những điều kiện tương ứng thì mới thực hiện được chất lượng mong muốn. Hội đồng bộ trưởng đã xác định nhiệm vụ chuyển sang hệ thống giáo dục phổ thông mới ngay từ năm học 1981 - 1982, song phải làm từng bước, có trọng điểm, cho đến năm học 1983 - 1984 mới hoàn thành chuyển các lớp 1 sang chương trình học mới. Và cứ thế cuốn chiếu mỗi năm chuyển một lớp, 9 năm sau mới có được trường phổ thông cơ sở theo hệ thống mới. Trong khi đó, cũng chọn thời điểm thích hợp chuyển các lớp trường phổ thông trung học. Như thế là ít ra đến năm học 1991 - 1992 tất cả các trường phổ thông trong nước mới chuyển sang hệ thống mới. Quá trình đó tuy hơi kéo dài nhưng vững chắc, để chúng ta có thời gian bồi dưỡng giáo viên, xây dựng cơ sở vật chất, có đủ giấy in sách giáo khoa...



Trong một thời gian dài chuyển dần từng bước chắc chắn, vừa khoa học vừa cách mạng, sang hệ thống giáo dục mới, có những mặt công tác có thể và cần phải thực hiện ngay từ bây giờ, theo phương hướng cải cách giáo dục.

Một là, phát động cuộc vận động tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng trong các trường học. Cuộc vận động lấy nội dung chủ yếu là Năm điều Bác Hồ dạy: « Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; học tập tốt, lao động tốt;

đoàn kết tốt, kỷ luật tốt; giữ gìn vệ sinh thật tốt; khiêm tốn, thật thà, dũng cảm » Trong mấy năm tới, cố gắng tạo ra một sự tiến bộ rõ rệt về tinh thần học tập và tinh thần trách nhiệm trong giảng dạy, về trật tự kỷ luật, về lễ phép và nếp sống văn minh trong các trường học. Nhiều trường học ở nước ta, phần trải qua chiến tranh, phần chịu ảnh hưởng của những xáo trộn xã hội sau ngày giải phóng miền Nam, đã buông lỏng nề nếp kỷ luật, trường sở nhếch nhác, hoạt động của nhà trường tùy tiện. Vì thế, trước hết cần đưa nhà trường vào nề nếp trên cơ sở nâng cao đạo đức của thầy và trò, xác lập lại mối quan hệ đúng đắn giữa thầy và trò, giữa nhân dân và trường học... Có như thế mới có khả năng tiếp nhận nội dung giáo dục mới.

Hai là, cải cách chế độ thi ở trường phổ thông và chế độ tuyển sinh vào đại học và trung học chuyên nghiệp. Lâu nay, chế độ thi và chế độ tuyển sinh rất bất hợp lý và không bảo đảm mục tiêu đào tạo. Nhà trường muốn đào tạo những người phát triển toàn diện, những người lao động, nhưng khi thi hay tuyển chỉ căn cứ vào kết quả thi viết vài ba môn học. Do đó, có sửa đổi ngay chế độ thi ở trường phổ thông theo hướng kết hợp việc đánh giá kết quả học tập và rèn luyện thường xuyên trong năm học, trong bậc học với việc đánh giá qua các kỳ thi tốt nghiệp, chuyển cấp hay tuyển chọn vào các lớp năng khiếu, các trường đại học và trung học chuyên nghiệp thì mới bảo đảm cho học sinh phần đầu học tập theo mục tiêu đào tạo. Nếu chưa đổi mới được nội dung giáo dục, nhưng sửa được cách thức đánh giá chất lượng giáo dục, thì cũng khắc phục được nhiều biểu hiện tiêu cực trong việc học tập, như xu hướng học lệch, học tủ, học sách vở.

Ba là, tổ chức hướng nghiệp trong trường phổ thông và sử dụng hợp lý học sinh tốt nghiệp phổ thông. Hiện

nay, hằng năm ở nước ta có đến trên 40 vạn học sinh học hết cấp II và 10 vạn học sinh học hết cấp III phổ thông không có chỗ học lên trong các trường chính quy, song cũng không được chuẩn bị sẵn sàng đi vào lao động sản xuất. Tình hình đó sinh ra hai hậu quả xã hội đáng lo ngại: một số đồng thanh niên có văn hóa không biết làm gì, hoặc không có việc làm; một số khác có việc làm thì lại không được sử dụng đúng với trình độ văn hóa của họ. Từ đó, họ dễ sinh ra bất mãn; số còn ít tuổi lại rơi vào « khoảng trống sự phạm », tức là không được ai giáo dục. Đây là một vấn đề xã hội cấp bách; nó ảnh hưởng đến ý chí phấn đấu học tập của những học sinh đang còn ngồi trên ghế nhà trường. Cũng có những địa phương, những trường học, những xí nghiệp nhận thức ra vấn đề này, đã chủ động bồi dưỡng cho học sinh phổ thông về kỹ thuật, sau đó sử dụng họ vào những khâu lao động cần đến kiến thức văn hóa; có nơi còn có ý đồ đào tạo những học sinh phổ thông tốt thành lực lượng kế cận, đời mới đội ngũ cán bộ cốt cán ở địa phương. Đã đến lúc phải đặt vấn đề này thành trách nhiệm của Nhà nước và của xã hội và đưa nó vào chế độ giáo dục chính thức.

Bốn là, cải cách công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên phổ thông. Người giáo viên đóng vai trò chính trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục và phổ cập giáo dục. Chuẩn bị về giáo viên phải đi trước sự thực hiện chương trình học mới. Nhưng tiếc rằng đến nay, vấn đề này chưa được giải quyết tốt. Quá nửa số giáo viên trường phổ thông cơ sở chưa đạt tiêu chuẩn đào tạo; một tỷ lệ đáng kể không thể bồi dưỡng lên được vì trình độ văn hóa và tư tưởng quá yếu. Đó là kết quả của một thời kỳ phát triển giáo dục nhanh nhưng đầu tư vào việc đào tạo giáo viên không thích đáng; ở miền Nam thì đây là

một hậu quả lịch sử không thể tránh khỏi. Vấn đề xây dựng đội ngũ giáo viên vừa là một vấn đề then chốt của sự nghiệp giáo dục, vừa là một vấn đề cấp bách.

Trong lúc chuẩn bị cải cách việc đào tạo trong các trường sư phạm mới, thì trước mắt phải lo nâng cao đời sống của giáo viên, ra sức bồi dưỡng giáo viên về nghiệp vụ, chấn chỉnh lại đội ngũ, chuyển những người không có khả năng sư phạm sang công tác khác... Về mặt này, sự quan tâm của các cấp Đảng và chính quyền địa phương rất cần thiết. Không ít địa phương đã biết chăm lo đến giáo viên, cải thiện đời sống của giáo viên và của gia đình giáo viên, đề cao vai trò xã hội của giáo viên, phát huy truyền thống tôn thầy trọng đạo trong nhân dân. Những biện pháp ấy đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục

Năm là, tổ chức lại việc nhân dân tham gia xây dựng giáo dục. Nhân dân ta vốn có truyền thống hiếu học, đã trực tiếp xây dựng giáo dục, có nơi góp đến 9 phần 10 chi phí cho giáo dục; hơn nữa còn biết phối hợp với nhà trường giáo dục con em, tạo ra môi trường xã hội thuận lợi cho sự hình thành con người mới. Nhưng cho đến nay tổ chức còn rời rạc, chỉ thu hẹp trong phạm vi cha mẹ học sinh hay một số người: « hằng tâm, hằng sản ». Cần có một tổ chức của quần chúng rộng rãi, đại diện cho toàn xã hội tham gia công tác này. Hội đồng bộ trưởng đã quyết định thành lập, bên cạnh Ủy ban nhân dân các cấp, Hội đồng giáo dục với nhiệm vụ góp ý kiến với chính quyền địa phương về các vấn đề giáo dục và động viên, sử dụng lực lượng xã hội phát triển sự nghiệp giáo dục theo hướng cải cách giáo dục.

Hội đồng giáo dục sẽ gồm có đại diện đảng bộ và chính quyền địa

(Xem tiếp trang 44)

VẤN ĐỀ THEN CHỐT CỦA TỔ CHỨC THỰC TIỄN TRONG CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

TRẦN-NGỌC-THU

NĂNG cao năng lực tổ chức thực tiễn đang là vấn đề rất cấp bách của Đảng và Nhà nước ta.

Trước đây, ở nước Nga xô viết, sau khi vạch ra chính sách kinh tế mới, Lê-nin đã đặt nhiệm vụ tổ chức thực tiễn lên hàng đầu. Người chủ trương chuyển hướng trọng tâm công tác của Nhà nước xô viết "từ việc soạn thảo các sắc lệnh và mệnh lệnh sang việc **lựa chọn người và kiểm tra sự thực hiện**" (1). Người khẳng định: « Hiện nay đó là then chốt; nếu không thế thì tất cả mọi mệnh lệnh và quyết định sẽ chỉ là mớ giấy lộn » (2).

Bài học lớn rút ra từ sự chỉ đạo của Lê-nin là, khi đường lối chính sách đã được xác định, mục tiêu và nhiệm vụ đã được thông qua, thì trọng tâm của sự lãnh đạo phải được đặt vào việc lựa chọn người và kiểm tra việc chấp hành, qua những công tác then chốt đó mà tổ chức thực hiện đường lối chính sách, biến đường lối chính sách thành hiện thực.



Vấn đề lựa chọn người — tức là phân công, sắp xếp, điều động, đề bạt, thay thế... cán bộ — có vị

trí đặc biệt trọng yếu trong hàng loạt khâu của tổ chức thực tiễn: từ việc ra quyết định cụ thể, đến tổ chức bộ máy, quy định lề lối làm việc, kiểm tra, tổng kết sự thực hiện... Nói tổ chức quyết định việc thực hiện đường lối chính sách, nhưng *suy cho cùng*, thì cán bộ — và do đó, công tác cán bộ, việc lựa chọn cán bộ, có ý nghĩa quyết định nhất.

Nói về lựa chọn cán bộ, Lê-nin đã dạy: phải "tiến hành bằng cách nào để việc đảm nhiệm công tác *luôn luôn* nằm trong tay những cán bộ hoàn toàn am hiểu công việc chuyên môn và bảo đảm thắng lợi cho công tác" (3). *Bảo đảm thắng lợi cho công tác*, là nguyên tắc cơ bản trong việc lựa chọn, phân công, điều động, đề bạt, thay thế... cán bộ. Mục đích duy nhất của công tác cán bộ là nhằm đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng. Vì vậy, phải căn cứ vào đòi hỏi của cách mạng đối với từng tổ chức mà lựa chọn, sắp xếp cán bộ, sao cho có lợi nhất cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của

(1), (2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 44, tr. 449 và 450.

(3) Sách đã dẫn, tập 41, tr. 349.

tổ chức đó, chứ không phải vì người mà đặt việc, vì người mà đặt ra tổ chức.

Khẳng định lựa chọn cán bộ phải nhằm bảo đảm thắng lợi cho công tác còn có nghĩa là phải có quan điểm đúng trong nhận xét cán bộ, đồng thời phải thống nhất về yêu cầu cần thiết đối với từng loại cán bộ, trên cơ sở đó mà giải quyết từng trường hợp cụ thể, nhằm tạo ra sự *thích ứng, sự ngang tầm* của năng lực cán bộ với nhiệm vụ công tác được giao.

Cán bộ, dù ở cấp nào, ngành nào, trước hết, phải *trung thành với đường lối cách mạng của Đảng*. Đó là yêu cầu hàng đầu, không chỉ đối với cán bộ lãnh đạo của Đảng, mà cả đối với mọi đảng viên và mọi cán bộ cách mạng khác.

Sự trung thành với đường lối phải được biểu hiện ở việc thấu suốt, hoàn toàn tin tưởng, và phấn đấu đến cùng cho thắng lợi của đường lối.

Khó khăn là sự thử thách đối với lòng trung thành. Trước những khó khăn mà cách mạng gặp phải, người trung thành không lạc phương hướng suy nghĩ, không mảy may hoài nghi, dao động, ngược lại, luôn luôn vững tin vào đường lối, vào thắng lợi của cách mạng, càng nêu cao vai trò tiên phong trong đấu tranh bảo vệ và thực hiện đường lối. Chỉ có dựa vào những cán bộ luôn luôn vững vàng, kiên định về đường lối, lựa chọn và sử dụng một cách xứng đáng những cán bộ như thế, Đảng mới có thể biến đường lối, chính sách của mình thành hiện thực.

Để tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách của Đảng, cán bộ phải rất *thành thạo công việc, tinh thông nghề nghiệp* mà mình phụ trách. Sự trung thành với đường lối là hoàn toàn cần thiết nhưng chưa đủ để cán bộ hoàn thành được nhiệm vụ. Không nên nhấn mạnh sự trung thành đến mức cho rằng vấn đề đó quyết định

toàn bộ kết quả của những nỗ lực tổ chức thực hiện. Lê-nin đã khẳng định: « Không có sự tận tụy nào, không có uy tín nào của đảng có thể thay thế được điều cơ bản trong trường hợp này, đó là: sự hiểu biết công việc »(4).

Trước đây, trong cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng cũng cần những cán bộ thành thạo trong việc thực hiện nhiệm vụ. Đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, điều đó càng nổi lên thành vấn đề cơ bản, bức thiết, đến mức độ hầu như trở thành vấn đề chủ yếu quyết định thắng lợi của mọi công tác. Vì tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa là tiến hành cuộc đấu tranh gay gắt, phức tạp mà nội dung chủ yếu không phải là « phá hủy », là « lật đổ », mà là kết hợp cải tạo với xây dựng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Vì quản lý xã hội xã hội chủ nghĩa là quản lý một xã hội có tổ chức, bao gồm rất nhiều ngành tinh tế và phức tạp mà nếu không nắm quy luật hoạt động, phương pháp quản lý, kỹ thuật... thì không thể đem lại hiệu quả. Lúc này, không thể giành thắng lợi bằng sự lãnh đạo chính trị chung chung, bằng lối động viên nhiệt tình cách mạng chung chung. Phải lựa chọn những cán bộ am hiểu công việc, hiểu về quản lý, hiểu về kỹ thuật, hiểu về các vấn đề có liên quan đến công tác chỉ đạo thực hiện, làm sao cho sự hiểu biết đó phù hợp với nhiệm vụ được giao, bằng cách đó, và phải bằng cách đó, mà thúc đẩy việc thực hiện mọi nhiệm vụ của cách mạng.

Từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta không thể có ngay một đội ngũ cán bộ lãnh đạo và chỉ đạo thành thạo trên mọi lĩnh vực hoạt động. Lê-nin đã nói: một giai cấp không phải chỉ vì là giai cấp tiên tiến mà trở thành có khả năng

(4) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 45, tr. 509.

quản lý ngay tức khắc được. Có ra sức học tập, cố gắng vươn lên mới có thể thành thạo trong quản lý được. Sau khi vạch ra chính sách kinh tế mới, Lê-nin kêu gọi toàn Đảng: hãy học tập buôn bán! Người chủ trương « thay đổi những đảng viên cộng sản không nghiêm túc học tập việc quản lý » (5). Ngày nay, đi sâu vào lĩnh vực công tác mà mình phụ trách, ra sức học tập — học quản lý, học kỹ thuật, học ở trường lớp, học trong kinh nghiệm thực tiễn... — là con đường để mỗi chúng ta trở thành người am hiểu công việc.

Cũng không nên quên rằng: trải qua những năm cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc trước đây, và từ sau khi miền Nam được giải phóng, Đảng và Nhà nước ta đã đào tạo được một số khá đông cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý. Đó là lực lượng nắm được những tri thức cần thiết trong việc quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Sử dụng cho đúng số cán bộ này, bồi dưỡng những hiểu biết cần thiết khác, lựa chọn và mạnh dạn đưa họ lên những chức vụ lãnh đạo và chỉ đạo, kết hợp cán bộ lãnh đạo với cán bộ quản lý, cán bộ khoa học và kỹ thuật, sẽ nhanh chóng tạo ra những lực lượng cán bộ tinh thông công việc, khác phục tình trạng chỉ đạo chung chung, hoặc những lệch lạc trong chỉ đạo do thiếu hiểu biết — cả hai đang là những trở ngại trong tổ chức thực tiễn của chúng ta.

Đối với cán bộ lãnh đạo và chỉ đạo, trong thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa, đề hoàn thành nhiệm vụ của mình, ngoài sự trung thành với đường lối của Đảng và tinh thông nghề nghiệp, còn phải là những người *tổ chức giỏi*.

Lê-nin đã nói, những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa không thể giải quyết được bằng lối « dùng cùm xông vào », « đột kích xung phong » mà phải bằng công tác tổ chức kiên trì, tỉ mỉ. Vì vậy, cán bộ

lãnh đạo và chỉ đạo ngày nay phải có tài về tổ chức — một yêu cầu cơ bản trong chất lượng cán bộ, mà nếu thiếu thì không thể đem lại thắng lợi cho công tác.

Mẫu mực của người cán bộ lãnh đạo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa đã được Lê-nin nêu ra khi phân tích về Xvéc-dlốp — nhà hoạt động xuất sắc của Đảng và Nhà nước xô viết. Lê-nin gọi Xvéc-dlốp là « người có tài tổ chức tuyệt diệu », người « có tài năng đặc biệt về tổ chức », người « đã rèn luyện được cho mình một năng khiếu thực tiễn đặc sắc, một tài năng lỗi lạc về tổ chức và một uy tín không thể chối cãi được »... (6). Quan niệm của Lê-nin là hết sức rõ ràng: tài mà Đảng đòi hỏi ở cán bộ lãnh đạo và chỉ đạo trong thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa là *tài về tổ chức*. Và thật là chí lý khi Người gọi cán bộ lãnh đạo và chỉ đạo là « nhà tổ chức », là « cán bộ tổ chức », và Người kiên quyết chống thói quen cũ của cán bộ là thói quen « bầu như chỉ biết làm cổ động ».

Thế nào là người cán bộ có năng lực tổ chức? Đứng trước mỗi quyết định của Đảng và Nhà nước, vấn đề đặt ra không phải chỉ là quán triệt, là động viên tư tưởng chung chung... mà trọng yếu hơn là tổ chức, là tính toán một cách khoa học, cân đối những yếu tố của tổ chức, phối hợp một cách nhịp nhàng các lực lượng, và kết hợp một cách hài hòa các khâu của quá trình tổ chức thực hiện. Điều đó đòi hỏi phải nắm khoa học và nghệ thuật quản lý, phải nắm chính sách và thực hiện tốt các chính sách, phải nắm và tổ chức tốt bộ máy, làm tốt công tác cán bộ và kiểm tra sự thực hiện. Điều đó đòi hỏi phải có tinh thần tháo vát, luôn luôn năng

(5) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 44, tr. 453.

(6) Xem V.I. Lê-nin: « *Diễn văn truy điệu Xvéc-dlốp* » *Toàn tập*, Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 38, tr. 91 — 98.

động, linh hoạt, sáng tạo, vì những mục tiêu của cách mạng... Điều đó đòi hỏi phải kết hợp tầm nhìn chiến lược, sự kiên trì những mục tiêu cơ bản, với việc tranh thủ giành những thắng lợi cụ thể, trước mắt. Ở đây, không cần những lời lẽ "hoa mỹ", sự phô trương, hình thức, mà cần đầu óc tổ chức, tính kế hoạch, tính thiết thực, thực tế, luôn luôn quan tâm tới hiệu quả của công việc, v.v. Phải biết phát hiện những cán bộ như thế, và chỉ khi nào dựa vững chắc vào những cán bộ có năng lực tổ chức như thế thì công việc của cách mạng mới phát triển mạnh mẽ được.

Cán bộ lãnh đạo và chỉ đạo, để hoàn thành được nhiệm vụ, lại phải biết đoàn kết các cán bộ (cùng cấp và dưới cấp) chung quanh mình; phải luôn luôn *sâu sát cơ sở, gần bó mật thiết với quần chúng, biết vận động quần chúng*. Không thể gọi là một cán bộ lãnh đạo — đúng với nghĩa của từ đó — nếu trong công tác không đoàn kết, quy tụ, và lôi cuốn được quần chúng hành động theo mình.

Lê-nin thường nhắc nhở: trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền và lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa, nguy cơ đáng sợ đối với Đảng là bệnh quan liêu, xa rời thực tế, xa rời quần chúng. Đối với một cán bộ, nếu sống xa rời cuộc sống của nhân dân, sống kiểu "quan cách mạng", làm việc kiểu bàn giấy, ít xuống cơ sở, chìm ngập trong giấy tờ, trong hội họp... sẽ không tránh khỏi sa vào chủ quan, không nắm được thực tế, không nắm được công việc và do đó sẽ không hoàn thành được nhiệm vụ, dễ thoái hóa, biến chất.

Vì vậy, trong việc lựa chọn người chấp hành, cần loại bỏ những người mang nặng bệnh quan liêu mệnh lệnh, hống hách, những phần tử thoái hóa...; thật sự dựa vào những cán bộ "sống sâu" trong nhân dân, hiểu biết tâm trạng quần chúng, những nguyện vọng thật sự của họ, luôn

luôn phấn đấu củng cố mối liên hệ với quần chúng, chăm lo lợi ích thiết thực của quần chúng, và do đó, được quần chúng tin cậy, ủng hộ.

Lựa chọn người chấp hành là công việc khó khăn, phức tạp. Nhận thức đúng, loại bỏ những quan điểm sai lệch, là điều kiện của việc lựa chọn, sắp xếp cán bộ chính xác. Nếu ở mọi ngành, mọi cấp, sự lựa chọn, bố trí cán bộ đạt tới chỗ, việc lãnh đạo và chỉ đạo được giao phó cho những cán bộ kiên định đường lối cách mạng của Đảng, có những hiểu biết cần thiết về công việc của mình và liên quan tới mình, thành thạo trong công việc đang phụ trách, thật sự có tài về tổ chức, có bản lĩnh tháo vát trong thực tiễn, lại sâu sát cơ sở, gần bó mật thiết với quần chúng đồng đảo — không phân biệt tuổi tác, bằng cấp, thành tích của quá khứ... — thì đó là một trong những yếu tố bảo đảm thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.



Nhiệm vụ nặng cao năng lực tổ chức thực tiễn đòi hỏi, cùng với việc lựa chọn người chấp hành đúng, phải tăng cường và cải tiến mạnh mẽ công tác *kiểm tra sự thực hiện*.

Kiểm tra sự thực hiện là công tác gắn liền một cách tất yếu với lãnh đạo. Không thể quan niệm lãnh đạo chỉ là vạch ra đường lối chính sách, chủ trương và biện pháp thực hiện, là tổ chức bộ máy và sắp xếp cán bộ.... còn kiểm tra sự thực hiện lại là công tác thuộc loại khác, tách rời khỏi lãnh đạo, và chỉ có ý nghĩa thuần túy thừa hành. Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã khẳng định: "Không kiểm tra coi như không lãnh đạo" (7).

Chúng ta đều biết Lê-nin đã nêu tấm gương kiệt xuất về người lãnh

(7) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 193.

đạo. Chính Người, với cương vị người lãnh đạo, đã nêu bật vị trí của công tác kiểm tra, luôn luôn *tự mình* tiên hành kiểm tra, và yêu cầu tất cả cán bộ khác của Đảng và Nhà nước quan tâm đến kiểm tra sự thực hiện như Người. Trong những bức thư gửi Txi-u-ru-pa, Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng dân ủy nước Nga về việc cải tổ công việc của bộ máy Nhà nước xô viết, khi đất nước chuyển sang hòa bình xây dựng kinh tế, Lê-nin đã yêu cầu Txi-u-ru-pa « phải tập trung vào việc kiểm tra sự thực hiện, vào việc đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu và bệnh giấy tờ ». Người khẳng định « nhiệm vụ chủ yếu và nhiệm vụ chính » của Txi-u-ru-pa là « kiểm tra việc thực hiện, kiểm tra xem cái gì diễn ra trong thực tế ». Người lại yêu cầu Txi-u-ru-pa « bỏ đến 9/10 thời gian » vào việc tìm người và kiểm tra công việc, vì « tìm người, kiểm tra công việc — tất cả là ở đó » (8). Tư tưởng của Lê-nin thật là dứt khoát: không kiểm tra sự thực hiện, không theo dõi, đôn đốc, cứ « ngáp đầu » trong hội họp, trong giấy tờ, cứ tin ở những sắc lệnh và mệnh lệnh, thì mọi công việc sẽ « bê trễ », « lỏng lẻo » — cũng có nghĩa là « đang tự treo cổ mình một cách vô ý thức ».

Kiểm tra là một trong các nội dung chủ yếu của công tác lãnh đạo. Giải thích thế nào là « nhiệm vụ lãnh đạo thực sự », Lê-nin đã nói: đó là « không nên « tự mình » làm « tất cả », làm quá sức mà vẫn không kịp, làm một lúc cả hàng hai chục việc mà không được một việc nào ra trò, mà phải kiểm tra công việc của hàng chục, hàng trăm người phụ giúp, tổ chức kiểm tra công việc của họ từ dưới lên, nghĩa là tổ chức sự kiểm tra của quần chúng chân chính » (9).

Kiểm tra giúp cho người lãnh đạo xem xét những chủ trương do mình đề ra đúng sai thế nào, từ đó điều chỉnh, bổ sung hoặc cụ thể hóa chủ

trương ban đầu, làm cho hiệu lực của sự lãnh đạo không ngừng được nâng cao, tránh được tình trạng chủ quan trong lãnh đạo và chỉ đạo.

Qua kiểm tra, người lãnh đạo biết chủ trương đề ra được thực hiện đến đâu, do đó mà đôn đốc, uốn nắn, giúp đỡ sự thực hiện. Kiểm tra tạo ra nhịp độ khẩn trương, tích cực trong công tác ở những đơn vị chấp hành, bảo đảm cho việc chấp hành được thuận lợi, khắc phục kịp thời những khó khăn, ngăn ngừa kịp thời những lệch lạc...

Kiểm tra là biện pháp hết sức hiệu nghiệm để chống bệnh quan liêu. Bản thân người lãnh đạo thường xuyên kiểm tra cấp dưới, việc đó tự nó đã nói lên mình đã thoát ra khỏi « vùng lầy quan liêu chủ nghĩa đơ bản » (Lê-nin), hơn nữa, đó là cách để không ngừng làm « giảm con số các ông quan » (Lê-nin), một yêu cầu của xây dựng Đảng và Nhà nước cách mạng.

Kiểm tra lại có tác dụng lớn đối với việc lựa chọn đúng người chấp hành. Không phải không có ý nghĩa khi Lê-nin gán hai việc: lựa chọn người và kiểm tra sự thực hiện thành vấn đề mấu chốt của tổ chức thực tiễn. Cũng không phải không có ý nghĩa khi Lê-nin nói một cách tách bạch: « Kiểm tra nhân viên cộng tác và kiểm tra việc chấp hành thực tế công tác » (10). Vấn đề cần lưu ý ở đây là: phải qua kiểm tra thực tế mà nắm *thực chất* chất lượng của cán bộ. Không bằng kiểm tra thực tế thì không thể nào phát hiện nổi những cán bộ tốt, những người có năng lực *thật sự* nhưng chưa được sử dụng một cách xứng đáng. Mặt khác, không

(8) Xem V.I. Lê-nin: Những bức thư gửi Txi-u-ru-pa, Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Má-xcơ-va, 1978, tập 44, tr. 445—453.

(9) Sách đã dẫn, tập 43, tr. 293.

(10) Sách đã dẫn, tập 45, tr. 19.

bằng kiểm tra thực tế thì cũng không thể nào phát hiện nổi đề xử lý đúng hoặc loại bỏ những cán bộ xấu, những phần tử cơ hội, ba hoa, giả dối... luôn luôn được mệnh danh là người « cách mạng nhiệt tình », « có lý luận », v.v

Như vậy, kiểm tra sự thực hiện là một công tác lớn, cơ bản của người lãnh đạo, là khâu « then chốt » của tổ chức thực tiễn. Nó không phải chỉ là công tác của một cơ quan chuyên môn như Ban kiểm tra, Ban thanh tra..., chẳng hạn. Nó không phải chỉ nhằm phát hiện và xử lý những vụ vi phạm pháp luật, kỷ luật... Ý nghĩa chủ yếu của nó là bảo đảm sự thống nhất giữa quyết định và việc chấp hành, bảo đảm mọi quyết định đều phải được thực hiện một cách chu đáo, đồng thời bảo đảm hiệu quả của những quyết định đó.

Lâu nay, trong lãnh đạo và chỉ đạo, thường có tình hình là chỉ chú trọng đến việc ra nghị quyết và phổ biến nghị quyết. Nghị quyết chưa được thực hiện, đã ra nghị quyết tiếp. Đó không phải là cách làm tốt. Phải khắc phục tình trạng đó bằng tăng cường công tác kiểm tra.

Làm thế nào để công tác kiểm tra đạt được hiệu quả mong muốn?

Điều trước tiên cần nhấn mạnh là công tác kiểm tra phải do người lãnh đạo đích thân tiến hành hoặc tổ chức. Không nên coi nhẹ chút nào việc tăng cường sức mạnh của các cơ quan kiểm tra, thanh tra chuyên môn. Nhưng, dù cho các cơ quan chuyên môn được tăng cường đến đâu, cũng không thay thế được điều chủ yếu là: người cán bộ lãnh đạo phải tự mình tiến hành kiểm tra. Chỉ có uy tín, năng lực và quyền lực của người lãnh đạo mới có thể bảo đảm hiệu quả cao nhất cho các cuộc kiểm tra; đồng thời chính công tác kiểm tra lại giúp cho người lãnh đạo nắm được thực chất mọi công việc.

Người lãnh đạo và chỉ đạo đích thân tiến hành kiểm tra, song rất cần thu hút quần chúng tham gia đồng đạo. Chỉ khi nào có đồng đạo quần chúng tham gia kiểm tra, thì người lãnh đạo mới nắm được đầy đủ tình hình. Quần chúng cũng sẽ nêu ra những sáng kiến nhằm thúc đẩy việc chấp hành các chủ trương, chính sách một cách triệt để. Quần chúng tham gia kiểm tra giám sát, sẽ góp phần quan trọng vào việc ngăn ngừa những việc làm sai trái. Được sự kiểm tra giám sát của quần chúng, mọi việc làm sai trái sớm muộn sẽ bị phát giác... Rõ ràng là, lời cuốn được đồng đạo quần chúng tham gia kiểm tra, tổ chức được các hoạt động kiểm tra thường xuyên của công nhân, của nhân dân, là phương hướng đúng đắn để nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra.

Việc tổ chức quần chúng tham gia kiểm tra tất yếu gắn với việc công khai hóa sự kiểm tra. đương nhiên, có những cuộc kiểm tra không thể tiến hành công khai, nhưng nhìn chung, việc công khai hóa công tác kiểm tra có tác dụng quan trọng đối với kết quả công tác kiểm tra. Sự công khai hóa công tác kiểm tra tự nó giúp vào việc lôi cuốn quần chúng nhân dân đồng đạo tham gia giải quyết những vấn đề quan hệ tới cuộc sống của chính họ, hơn nữa, tới lợi ích chung của cách mạng. Sự công khai hóa tự nó lại tạo ra bầu không khí không khoan nhượng đối với mọi việc làm sai trái, do đó, thúc đẩy việc sửa chữa những sai lầm khuyết điểm và ngăn ngừa những sai lầm tương tự.

Cần chống khuynh hướng muốn giấu kín nội dung các cuộc kiểm tra, nhất là muốn giấu kín những sai lầm khuyết điểm - điều mà Lê-nin coi là « đại tội » là « hết sức sai về nguyên tắc ». Sự giấu kín đó chỉ có nghĩa là hạn chế sự tham gia của quần chúng đối với công việc cách mạng, là dung túng những sai lầm, khuyết điểm.

Kiểm tra phải được tiến hành thường xuyên, bao quát tất cả mọi ngành, mọi cấp, đối với tất cả mọi lĩnh vực hoạt động của Đảng và Nhà nước. Tất nhiên, khi có những yêu cầu cần thiết, lãnh đạo vẫn cần tổ chức những cuộc kiểm tra tập trung, nhưng đó không phải là điều chủ yếu. Điều chủ yếu là tổ chức công tác kiểm tra sao cho hình thành được sự kiểm tra thường xuyên, đều đặn, đối với mọi cấp, mọi ngành, mọi đơn vị sản xuất cũng như lưu thông phân phối, kinh tế cũng như văn hóa, chính trị... Không nên chờ đợi ở đâu đó phát sinh « vấn đề » rồi mới kiểm tra, vì như vậy về thực chất là đã tách kiểm tra với lãnh đạo, buông lỏng lãnh đạo, đặt lãnh đạo vào tình trạng bị động. Nếu lãnh đạo mà không kiểm tra thường xuyên, đều đặn, rộng khắp thì sớm hay muộn—ngay ở những đơn vị tiên tiến—cũng sẽ xuất hiện sự trì trệ,

tiêu cực, những cán bộ tốt cũng có thể dần dần mất đi phẩm chất tốt đẹp của mình.



Hiện nay, khi mà những vấn đề cơ bản của đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa đã được xác định đúng và ngày càng hoàn chỉnh, cụ thể hóa, thì vấn đề nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn, năng lực quản lý kinh tế, quản lý xã hội của Đảng và Nhà nước ta càng trở nên vô cùng bức thiết.

Lựa chọn cán bộ và kiểm tra sự thực hiện không phải là toàn bộ nội dung của công tác tổ chức thực tiễn, mà là những khâu *trọng yếu, mấu chốt* của công tác đó; nếu không làm tốt những khâu này thì không một nỗ lực nào của chúng ta có thể đưa đến thành công.

Bước đi của cải cách giáo dục

(Tiếp theo trang 37)

phương, đại diện các ngành giáo dục, một số ngành kinh tế, văn hóa, đại diện các đoàn thể nhân dân và một số cơ sở sản xuất quan trọng, một vài cá nhân am hiểu và quan tâm đến công tác giáo dục.



Qua hai năm triển khai cải cách giáo dục, một sự nghiệp cách mạng

to lớn và phức tạp, chúng ta đã tìm ra được con đường chuyển đường lối chủ trương của Đảng về giáo dục thành hiện thực trong một tình hình có nhiều khó khăn. Đó là con đường tiến bước vững chắc, vừa khoa học vừa cách mạng, kết hợp trước mắt với lâu dài, kết hợp Nhà nước với nhân dân, vừa nghiên cứu khoa học nghiêm túc, vừa thực hiện ngay những điều có thể thực hiện được.

PHẦN ĐẦU HOÀN THÀNH TỐT

CÔNG TÁC PHÁT THẺ ĐẢNG VIÊN VÀO CUỐI NĂM 1981

CHẤP hành nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, từ năm 1980, lần đầu tiên trong lịch sử của Đảng, Đảng ta tiến hành việc phát thẻ đảng viên. Chỉ thị số 83 của Ban bí thư trung ương Đảng về việc phát thẻ đảng viên đã chỉ rõ: «Việc phát thẻ đảng viên là một công tác quan trọng, có ý nghĩa giáo dục chính trị sâu sắc để nâng cao hơn nữa ý thức Đảng, tinh thần phấn đấu cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật và đoàn kết nội bộ; thúc đẩy thực hiện cuộc «vận động xây dựng Đảng vững mạnh và trong sạch»; đưa công tác quản lý đảng viên vào nền nếp, ngăn ngừa kẻ địch, phần tử xấu chui vào Đảng». Với ý nghĩa đó, việc phát thẻ đảng viên vừa nhằm nâng cao chất lượng đảng viên, nâng cao phẩm chất, tư cách đảng viên, đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, vừa nhằm củng cố, kiện toàn các tổ chức cơ sở Đảng, góp phần tích cực vào việc xây dựng Đảng trong sạch và vững mạnh.

Đợt phát thẻ đảng viên đầu tiên được tiến hành vào dịp kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Đảng (3-2-1980). Tính đến nay, Đảng ta đã tiến hành sáu đợt phát thẻ đảng viên. 65% số tổ chức cơ sở Đảng và hơn 66% tổng số đảng viên đã vinh dự được nhận thẻ đảng viên.

Ở những nơi đã phát thẻ Đảng, tất cả các đảng viên từ cán bộ cao cấp

đến đảng viên thường đều đã tự phê bình trước chi bộ Đảng theo những yêu cầu về tư cách đảng viên, về nhiệm vụ đảng viên và mười điểm nêu trong chỉ thị số 72 của Ban bí thư trung ương Đảng. Các chi bộ đã bỏ phiếu kín xác định những đảng viên đủ tư cách xứng đáng được nhận thẻ Đảng, những đảng viên có khuyết điểm, có vấn đề chưa rõ, cần hoãn lại để giáo dục, tìm hiểu thêm, hoặc không đủ tư cách đảng viên phải đưa ra khỏi Đảng.

Nhìn chung, những đợt phát thẻ đảng viên vừa qua đã đạt những kết quả quan trọng. Qua đấu tranh phê bình tự phê bình, xác định tư cách đảng viên trong chi bộ kết hợp với những ý kiến nhận xét, phê bình của quần chúng, các đảng viên đã nâng cao thêm một bước ý thức Đảng, ý thức tổ chức, kỷ luật và tinh thần phấn đấu cách mạng. Những cán bộ, đảng viên mắc sai lầm khuyết điểm trong công tác, trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong thái độ đối xử với quần chúng cũng như những sai lầm, khuyết điểm về mặt sinh hoạt, được sự kiểm tra, giáo dục của chi bộ, đã thấy được trách nhiệm của mình, tự đấu tranh với bản thân để sửa chữa khuyết điểm. Những người không đủ tư cách đảng viên được đưa ra khỏi Đảng với tinh thần chỉ đạo tích cực hơn trước. Ở nhiều tổ chức Đảng,

những hiện tượng tiêu cực được khắc phục một bước đáng kể. Những việc làm đó đã góp phần quan trọng vào việc củng cố và làm trong sạch hơn các tổ chức Đảng, các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, nhất là ở cơ sở. Sự đoàn kết trong Đảng được tăng cường. Công tác phát triển đảng viên đã góp phần thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị trước mắt của các cơ sở, đã khắc phục một bước quan trọng tình trạng lỏng lẻo trong công tác quản lý đảng viên, đưa sinh hoạt của các chi bộ đi dần vào nền nếp...

Tuy vậy, trong những đợt phát triển đảng viên vừa qua, ở nơi này nơi khác cũng có những khuyết điểm. Vấn đề có ý nghĩa quyết định trong công tác phát triển đảng viên là xác định đúng tư cách đảng viên. Nhưng ở một số cơ sở Đảng, cán bộ, đảng viên chưa thật quán triệt tinh thần chỉ thị của Trung ương Đảng về việc phát triển đảng viên, chưa nắm vững những yêu cầu về tư cách đảng viên, về nhiệm vụ đảng viên, hoặc do có quan hệ gia đình, họ hàng, thân quen, nể nang, xuê xoa cho nhau hoặc do tư tưởng « dễ người dễ ta », đã hạ thấp yêu cầu về tư cách đảng viên. Có những trường hợp đáng lẽ phải đề lại giáo dục thêm một thời gian nhưng tổ chức Đảng vẫn quyết định phát triển Đảng. Thậm chí có những người đáng lẽ phải đưa ra khỏi Đảng cũng được nhận làm đảng viên. Việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng tuy có được chú ý hơn trước nhưng vẫn chưa kiên quyết và còn chậm. Nhiều đảng bộ đã sử dụng hình thức hoãn phát triển đảng viên một thời gian để không đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên. Ở nhiều nơi có hiện tượng e dè, nể nang đối với những cán bộ có chức có quyền. Mặt khác cũng có hiện tượng truy chủ, tìm cách đưa ra khỏi Đảng những người hay thắng thua đấu tranh hoặc không « ăn

cánh ». Nhiều cấp ủy chỉ mới tập trung củng cố một số tổ chức cơ sở Đảng chuẩn bị cho việc phát triển Đảng, chưa có kế hoạch, biện pháp củng cố các tổ chức cơ sở khác. Sự chỉ đạo của nhiều cấp ủy Đảng đối với công tác phát triển đảng viên gần đây có phần lơ lửng, không được chặt chẽ như các đợt đầu. Nhiều nơi chưa gắn công tác phát triển đảng viên với phong trào sản xuất, bảo vệ an ninh, chống các hiện tượng tiêu cực..., chưa gắn công tác xây dựng Đảng với phong trào cách mạng của quần chúng.

Để làm tốt việc phát triển đảng viên trong những đợt tới, chúng ta cần chú ý khắc phục những khuyết điểm nói trên, đồng thời cần nắm vững yêu cầu của công tác phát triển đảng viên hiện nay. Nghị quyết hội nghị thứ 9 của Ban chấp hành trung ương Đảng đã quyết định: « Phải hoàn thành công tác phát triển đảng viên vào cuối năm 1981 ». Bộ chính trị trung ương Đảng cũng đã chỉ rõ: « Từ nay đến cuối năm 1981, cần tập trung chỉ đạo tốt công tác phát triển đảng viên gắn với củng cố chi bộ. Phải coi đây là biện pháp quan trọng để củng cố Đảng, vừa giáo dục đảng viên, thanh lọc đội ngũ Đảng, vừa thúc đẩy nhiệm vụ trước mắt. Phải củng cố Đảng để phát triển đảng viên, nhưng cũng phải lấy việc phát triển đảng viên để củng cố Đảng ».

Công tác phát triển đảng viên hiện nay phải quán triệt đầy đủ tinh thần chỉ đạo trên đây của Trung ương Đảng, một mặt bảo đảm kết thúc việc phát triển đảng viên vào cuối năm 1981, không để kéo dài, mặt khác phải bảo đảm chất lượng, không được hạ thấp yêu cầu về tư cách đảng viên.



Thực hiện những cơ sở đã phát triển đảng viên cho thấy, muốn làm tốt việc phát triển đảng viên, các cấp ủy

Đảng phải rất coi trọng lãnh đạo cả công tác tư tưởng và công tác tổ chức. Trước hết, cần làm cho mọi đảng viên nhận rõ vinh dự và trách nhiệm của mình, quyết tâm làm tròn nhiệm vụ đối với công tác phát triển đảng viên, ngăn ngừa những biểu hiện tiêu cực. Mỗi cán bộ, mỗi đảng viên đều phải nắm vững nguyên tắc đã nêu trong chỉ thị của Ban bí thư trung ương Đảng là: « thể đảng viên chỉ phát cho đảng viên có đủ tư cách đảng viên và làm tròn nhiệm vụ đảng viên như Điều lệ Đảng quy định và chỉ thị số 72 của Ban bí thư đã chỉ rõ ». Đề bảo đảm nguyên tắc ấy, khâu quan trọng có tính chất quyết định là các chi bộ phải tiến hành nghiêm túc việc xác định đúng và bảo đảm chặt chẽ tư cách đảng viên.

Cần hiểu rằng, đối với một đảng mắc xit - lê ni nit chân chính, việc xác định đúng tư cách đảng viên và bảo đảm chặt chẽ tư cách đảng viên bao giờ cũng là một yêu cầu có tính nguyên tắc. Trong quá trình xây dựng đảng vô sản kiểu mới ở nước Nga, Lê-nin đã đấu tranh không khoan nhượng chống mọi khuynh hướng muốn hạ thấp vai trò, tư cách người đảng viên cộng sản. Lê-nin nhấn mạnh: « Nhiệm vụ của chúng ta là bảo vệ tính vững chắc, tính kiên định, tính trong sạch của Đảng. Chúng ta phải cố gắng làm cho danh hiệu và ý nghĩa của đảng viên ngày càng cao hơn lên mãi » (1).

Trong quá trình xây dựng Đảng, Đảng ta đã vận dụng một cách sáng tạo những nguyên lý của Lê-nin về xây dựng đảng kiểu mới của giai cấp công nhân vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta để định ra những chủ trương, biện pháp đúng đắn về xây dựng đội ngũ đảng viên nói chung cũng như những yêu cầu về tư cách đảng viên nói riêng. Trong Điều lệ của Đảng, chương *Đảng viên* bao giờ cũng là chương đầu tiên và là một trong những chương quan trọng

nhất. Qua mỗi lần Đại hội đại biểu toàn quốc, Đảng ta lại bổ sung, nâng cao những điều kiện về kết nạp người vào Đảng, cũng như những yêu cầu về tư cách đảng viên, về nhiệm vụ đảng viên, cho phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, với những bước trưởng thành mới của Đảng. Sau Đại hội toàn quốc, Đảng lại tiếp tục ra những chỉ thị, nghị quyết về công tác đảng viên nhằm giữ gìn phẩm chất, tư cách đảng viên, giữ gìn sự vững mạnh và trong sạch của Đảng. Đại hội thứ IV của Đảng đã chỉ ra năm yêu cầu về tư cách đảng viên và năm nhiệm vụ của đảng viên trong giai đoạn hiện nay.

Đề làm tốt việc xác định tư cách đảng viên, cùng với việc giáo dục ý nghĩa của công tác này, điều hết sức quan trọng là các chi bộ, đảng bộ cơ sở cần làm cho tất cả đảng viên nắm vững những yêu cầu về tư cách đảng viên, về nhiệm vụ đảng viên, nắm vững những hướng dẫn, quy định của Trung ương Đảng và Ban tổ chức trung ương về phân loại đảng viên đủ tư cách hoặc không đủ tư cách đảng viên.

Căn cứ vào những quy định đó và nhiệm vụ, chức trách được giao, từng đảng viên tự phê bình trước chi bộ và tự xác định mình có đủ tư cách đảng viên hay không để chi bộ xem xét và quyết định. Chi bộ khi xem xét tư cách đảng viên, cần căn cứ vào hành động cụ thể của từng người, phân tích đầy đủ ưu điểm, khuyết điểm, xét kỹ mặt nào là chủ yếu và phải vận dụng những yêu cầu về tư cách đảng viên cho phù hợp với từng trường hợp cụ thể. Vừa qua, Ban bí thư trung ương Đảng đã có thông tri quy định cụ thể việc xác định tư cách đảng viên đối với những đảng viên già yếu, ốm đau.

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1963, tập 6, tr. 537.

đảng viên là cán bộ, công nhân về hưu, bộ đội phục viên, đảng viên nữ, đảng viên ở vùng mới giải phóng, đảng viên người dân tộc miền núi, vùng biên giới, đảng viên còn vướng mắc về lịch sử chính trị. Các tổ chức cơ sở Đảng cần nghiên cứu nắm vững và thực hiện đúng những quy định ấy.

Để việc xác định tư cách đảng viên được đúng đắn, cùng với việc tiến hành tự phê bình và phê bình nghiêm túc trong nội bộ Đảng, cần tổ chức tốt việc lấy ý kiến nhân xét, phê bình của quần chúng. Trên thực tế, nhiều ý kiến phê bình, nhận xét của quần chúng đã giúp cho tổ chức Đảng hiểu biết đảng viên một cách đầy đủ hơn, về ưu điểm cũng như về sai lầm, khuyết điểm. Cần khắc phục những khuyết hướng không đúng như không coi trọng ý kiến của quần chúng, chỉ tổ chức lấy ý kiến của quần chúng một cách chiếu lệ, hoặc «tuyệt đối hóa» ý kiến của quần chúng, không chú ý thăm tra xác minh lại, nhất là đối với những ý kiến quan trọng, những vấn đề phức tạp.

Kinh nghiệm những nơi phát thẻ đảng viên vừa qua cho thấy, việc quần chúng bỏ phiếu tín nhiệm đảng viên cũng như việc chỉ bộ phận kiểm tra xác định tư cách đảng viên của từng đảng viên là hình thức dân chủ nhất, cách làm thích hợp nhất trong việc xem xét tư cách đảng viên. Song điều quan trọng trước hết là các cấp ủy Đảng, tổ chức cơ sở Đảng cần giáo dục đảng viên đề cao trách nhiệm trước Đảng, có tình cảm cách mạng trong sáng, chỉ công vô tư, không vì những động cơ cá nhân mà chèn ép, hạ thấp yêu cầu, bỏ phiếu xác nhận tư cách đảng viên cho cả những người không đủ tư cách đảng viên, hoặc thành kiến, «bới lông tìm vết», gạt bỏ những đảng viên trung thực hay thẳng thắn đấu tranh hoặc không «án cảnh» ra khỏi Đảng.

Việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng cần

được tiến hành một cách kiên quyết theo đúng tư tưởng chỉ đạo của Trung ương. Đây là một yêu cầu có tính quy luật trong quá trình xây dựng Đảng nhằm thanh lọc đảng viên, giữ gìn sự trong sạch, vững mạnh của Đảng và cũng là một yêu cầu của công tác phát triển đảng viên. Có kiên quyết đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng mới đầy mạnh được việc đấu tranh khắc phục những hiện tượng không lành mạnh trong nội bộ, mới củng cố, kiện toàn được các tổ chức cơ sở Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, tăng cường sự đoàn kết nhất trí nội bộ, tăng thêm lòng tin tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng đối với Đảng. Các chi bộ, đảng bộ cơ sở không được dùng hình thức hoãn phát thẻ đảng viên một thời gian với dụng ý để không đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên.

Mặt khác, không được hoãn phát thẻ đảng viên một cách tràn lan. Việc hoãn phát thẻ đảng viên chỉ áp dụng đối với đảng viên bị thi hành kỷ luật lưu Đảng và đảng viên thật sự có sai lầm, sau khi kiểm điểm, chi bộ xét thấy cần phải có thời gian để xem xét việc sửa chữa khuyết điểm và chỉ hoãn trong thời gian sáu tháng. Đến đợt sau, tổ chức cơ sở Đảng phải xem xét giải quyết dứt khoát, không được coi việc hoãn phát thẻ đảng viên như một hình thức kỷ luật của Đảng.

Đối với cán bộ, đảng viên bị tố giác, các cấp có trách nhiệm cần điều tra, xác minh và kết luận sớm.

Đối với đảng viên là cán bộ do đảng ủy cấp trên quản lý, nếu phải tạm hoãn nhận thẻ Đảng thì do huyện ủy, quận ủy, thị ủy quyết định, nếu thấy không đủ tư cách được nhận thẻ đảng viên thì báo cáo lên cấp ủy quản lý cán bộ đó quyết định.

Đến hết năm 1981, nếu còn đảng viên nào do không phấn đấu, rèn luyện nên chưa đủ tiêu chuẩn để nhận thẻ

đảng viên thì tổ chức Đảng xóa tên trong danh sách đảng viên.

Một trong những yêu cầu của công tác phát triển đảng viên là gắn việc phát triển đảng viên với việc củng cố chi bộ; củng cố chi bộ để phát triển đảng viên, lấy việc phát triển đảng viên để củng cố chi bộ, thúc đẩy việc thực hiện cuộc « vận động xây dựng Đảng vững mạnh và trong sạch ». Trên thực tế, một tổ chức cơ sở Đảng yếu kém, nội bộ thiếu đoàn kết nhất trí sẽ không thể bảo đảm làm tốt việc phát triển đảng viên cũng như một tổ chức cơ sở đã được phát triển đảng viên nhưng nếu không chú trọng củng cố, kiện toàn sẽ có thể trở thành yếu kém. Vì vậy, các cấp ủy Đảng cần tập trung cố gắng vào việc củng cố mọi tổ chức cơ sở Đảng bảo đảm có đủ điều kiện được nhận thêm đảng viên, đồng thời chú trọng củng cố cả những nơi đã tiến hành phát triển đảng viên.

Khâu trung tâm trong việc củng cố cơ sở Đảng yếu kém là kiện toàn và tăng cường các đảng ủy, chi ủy. Vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ở cơ sở thể hiện trước hết ở năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của các đảng ủy, chi ủy. Cần kiên quyết đưa ra khỏi đảng ủy, chi ủy những đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo chủ chốt, phạm sai lầm về phẩm chất, đạo đức hoặc trình độ, năng lực lãnh đạo quá kém, không đảm đương nổi nhiệm vụ; thay ngay vào đó những đảng viên đủ tiêu chuẩn cấp ủy viên được đảng bộ và nhân dân tin nhiệm. Những cơ sở không có ngay cán bộ để thay thế thì cấp ủy cấp trên cần cử cán bộ tốt, có năng lực về giữ những chức vụ lãnh đạo chủ chốt một thời gian để củng cố cơ sở, thúc đẩy phong trào. Đồng thời cần cải tiến, nâng cao chất lượng sinh hoạt của chi bộ, chi ủy, đảng ủy, nhằm từng bước nâng cao chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng.

Cùng với việc kiện toàn đảng ủy, chi ủy, củng cố tổ chức Đảng, cần đồng thời củng cố, kiện toàn các tổ chức chính quyền, đoàn thể quần chúng và các tổ chức sản xuất, kinh tế, như hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, v.v... tạo điều kiện cho mọi hoạt động ở cơ sở được tiến hành đồng đều, thuận lợi dưới sự lãnh đạo thống nhất của đảng ủy, chi ủy.

Việc xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh, trong sạch là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của các cấp ủy Đảng. Sau khi đã hoàn thành công tác phát triển đảng viên, Đảng ta vẫn phải tiếp tục và thường xuyên chăm lo công việc ấy. Để hoàn thành công tác phát triển đảng viên vào cuối năm nay, trước mắt các cấp ủy cần tập trung phần đầu bảo đảm các tổ chức cơ sở Đảng có đủ điều kiện được phát triển thêm đảng viên và làm tốt công tác phát triển đảng viên. Những điều kiện của một tổ chức cơ sở Đảng được phát triển đảng viên là: đảng ủy, chi ủy được kiện toàn, có tinh thần kiên quyết phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của cơ sở; là chỗ dựa tin cậy của cấp ủy cấp trên để nhận xét, phân loại đảng viên được đúng đắn; nội bộ đảng bộ đoàn kết, có tinh thần tự phê bình và phê bình, cố gắng sửa chữa những khuyết điểm; cơ sở lớn đảng viên có đủ tư cách được nhận thêm đảng viên.

Trong một đảng bộ cơ sở, chi bộ nào có đủ điều kiện được phát triển thêm đảng viên thì người có đủ tư cách đảng viên của chi bộ đó được nhận thêm đảng viên, không chờ củng cố xong tất cả các chi bộ rồi mới phát triển chung cho toàn đảng bộ.

Đối với những tổ chức cơ sở Đảng quá kém nát, cấp ủy cấp trên có thể đề nghị giải tán, theo đúng quy định trong Điều lệ Đảng. Những đảng viên được đảng ủy cấp trên cho đăng ký lại là đảng viên và được nhận thêm

(Xem tiếp trang 59)

March 21 - 1904

53 (1) (a) (i)

TẠP-CHÍ CÔNG-SAN

Có quan hệ họ hàng của Đảng Cộng sản Đông - Tây.

Deinde

Bây giờ này là bài Cí về Sơn động đĩnh, với thể văn
mười chữ quan hệ, luận, bài này cho nên trong đó đã làm
một lá thư ông chú hội, như là thư cho người, chúng ta
đang xem, bài lá thư lý luận rất ít, chỉ là loại thảo
thảo không được xem xét. Nhưng, đây là bài 1.

[illegible][illegible]

TẠP CHÍ CỘNG SẢN NĂM 1933

58 JUN 1935 3491

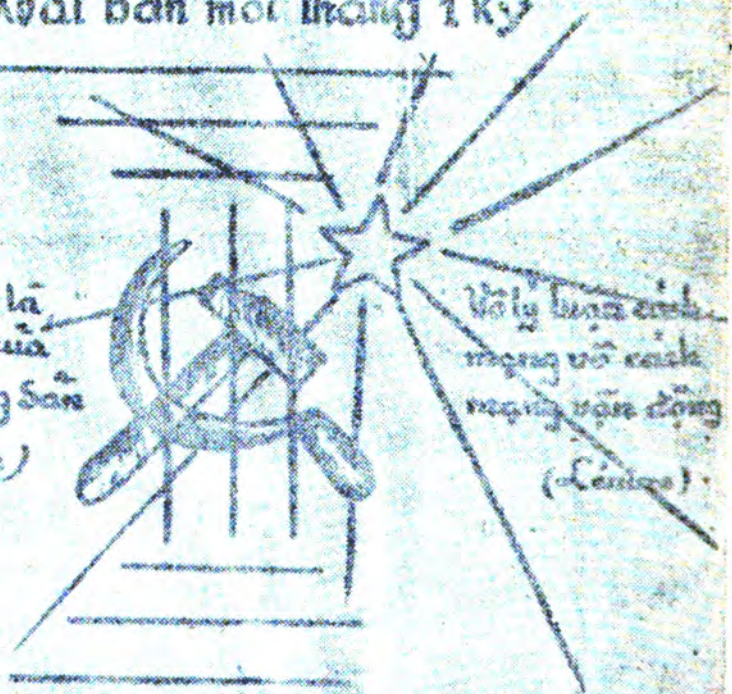
TẠP CHÍ

Theme "Communist"
1935

CỘNG SẢN

Xuất bản mỗi tháng 1 Kỳ

Mỗi lô máy là
thành trì của
Đảng Cộng Sản
(Lenine)



Vũ trụ biến đổi
mạng với cách
mạng vận động
(Lenine)

Tháng giêng 1935

TẠP CHÍ CỘNG SẢN NĂM 1935

Nhớ lại những ngày đi dự Đại hội thứ nhất của Đảng

HỘI nghị thành lập Đảng cộng sản Việt-nam họp ngày 3 tháng 2 năm 1930 ở Cửu-long, gần Hương cảng (Trung-quốc), dưới sự chủ tọa của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc, đại diện của Quốc tế cộng sản, có ý nghĩa như một Đại hội Đảng.

Hội nghị thứ nhất của Ban chấp hành trung ương Đảng, do đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc chủ trì, họp vào tháng 10 năm 1930 tại Hương-cảng, đã thảo luận và thông qua *Luận cương cách mạng tư sản dân quyền* (tức cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân) do đồng chí Trần-Phủ khởi thảo; thông qua *Nghị quyết về tình hình hiện tại ở Đông-dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng*; quyết định đổi tên Đảng là *Đảng cộng sản Đông-dương*; bầu Ban chấp hành trung ương chính thức và cử đồng chí Trần-Phủ làm Tổng bí thư của Đảng. Đồng thời hội nghị đã quyết định triệu tập Đại hội Đảng.

Sau Hội nghị này, cao trào cách mạng Đông-dương bị đế quốc Pháp khủng bố dẫm máu, Ban chấp hành trung ương và nhiều tổ chức cơ sở của Đảng bị phá vỡ; do đó, Đại hội Đảng chưa họp được.

Năm 1934, Ban lãnh đạo của Đảng ở nước ngoài được thành lập với nhiệm vụ thống nhất các tổ chức Đảng đã được xây dựng lại ở trong nước, phục hồi những cơ sở bị địch phá vỡ và xây dựng những cơ sở mới, đào tạo cán bộ và chuẩn bị Đại hội Đảng.

Đầu năm 1935, chúng tôi được Xứ ủy Trung-kỳ cử làm đại biểu đi dự

Đại hội đại biểu toàn quốc thứ nhất của Đảng. Đoàn chúng tôi gồm có đồng chí Chắc-Kế (tức Võ-Nguyên-Hiến) và tôi là đại biểu chính thức; ngoài ra, còn hai đồng chí nữa là đại biểu dự khuyết, trong đó có một đồng chí kiêm nhiệm vụ đưa đường cho đoàn.

Vừa mừng vừa lo, chúng tôi ra đi từ Phú-Diễn hướng về biên giới phía tây, vượt qua đồn La-trong rồi sang đất nước Lào đến Thà-khêc, Pạc-hin-bun... Sau đó, chúng tôi lại vượt sông sang đất Xiêm (Thái-lan) đến Thà-u-then, rồi đi lên U-đon. Trên chặng đường này, đoàn chúng tôi phải cuộc bộ mất 10 ngày, cái trang làm người đi phu dề che mắt bọn mật thám... Từ U-đon trở đi, cái trang làm nhà tư sản Hoa kiều đi du lịch, chúng tôi đáp ô tô đến Kho-rạt, mất một ngày tròn mới đến nơi; rồi từ Kho-rạt xuôi Bằng-cốc, chúng tôi đi bằng xe lửa mất một ngày một đêm. Từ Bằng-cốc sang Hương-cảng (Trung-quốc), chúng tôi đi bằng tàu biển, lênh đênh trên sông nước 5 ngày 5 đêm...

Đề chuẩn bị cho đoàn chúng tôi đi dự Đại hội được thuận lợi, Đảng bộ Xiêm lúc đó đóng ở U-đon đã lo cho chúng tôi đầy đủ giấy tờ xuất nhập cảnh, vé xe vé tàu, áo quần cái trang và tiền Xiêm, tiền Trung-hoa dân quốc để chi tiêu dọc đường. Mỗi người trong đoàn chúng tôi được trang bị hai bộ áo phục và được phát từ 100 đến 150 đồng làm lộ phí.

Vào khoảng nửa cuối tháng 3 năm 1935, đoàn chúng tôi đến Hương-cảng.

Đây là một thành phố lớn, một tổ giới thuộc Anh. Ban trụ bị Đại hội lúc đầu dự định họp Đại hội tại đây, vì Hương-cảng là nơi đông dân cư, người di lại tấp nập, các đại biểu của ta dễ trà trộn, tránh được sự theo dõi của địch...

Đến địa điểm họp Đại hội, chúng tôi đã thấy đông đủ đại biểu của các đoàn khác. Đoàn đại biểu Bắc-kỳ gồm có 3 người: đồng chí Nông, đồng chí Hoàng và một đồng chí nữ mà chúng tôi không rõ tên; đồng chí này bị ốm không dự Đại hội được. Đoàn đại biểu Nam-kỳ có 3 người. Đoàn đại biểu Lào có một đồng chí tên là Xô. Ban lãnh đạo của Đảng ở nước ngoài gồm có đồng chí Hà-Huy-Tập, đồng chí Phùng-Chí-Kiên và một đồng chí nữa mà tôi không rõ tên (1)

Việc chuẩn bị Đại hội đã hoàn thành. Các đoàn đại biểu đã đến đủ, đang chờ sự có mặt đại diện của Quốc tế cộng sản là đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc và người phụ trách Ban lãnh đạo của Đảng ở nước ngoài là đồng chí Lê-Hồng-Phong.

Giữa lúc các đoàn đại biểu đang chờ ngày khai mạc Đại hội, thì một việc đáng tiếc xảy ra: tên H. C., người chịu trách nhiệm việc ăn ở của các đại biểu, có hành động sai lầm, sợ bị thi hành kỷ luật, bỏ địa điểm trốn đi.

Đề phòng những bất trắc có thể xảy ra. Ban lãnh đạo của Đảng ở nước ngoài đã kịp thời quyết định thay đổi địa điểm họp Đại hội. Các đoàn đại biểu phải nhanh chóng phân tán nhỏ, cải trang làm những người đi đánh bạc, di chuyển ngay sang Ma-cao, một tổ giới thuộc Bồ-đào-nga, một thành phố nổi tiếng là nơi đánh bạc, cách Hương-cảng khoảng hai tiếng đồng hồ đi bằng tàu thủy.

Chúng tôi đến một khách sạn sang trọng ở thành phố Ma-cao có hai tầng. Tầng dưới là các cửa hàng buôn bán hoa quả. Trước cửa khách sạn là một cái sân rộng dùng làm nơi triển lãm

thi ảnh và để đua ngựa, đua chó, đua khỉ...

Đại hội họp ở tầng hai khách sạn này, có hai phòng rộng khoảng 40m², có cửa thông nhau.

Hai ngày sau khi chúng tôi chuyển đến Ma-cao thì Đại hội khai mạc, vì không thể chờ đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc và đồng chí Lê-Hồng-Phong lâu hơn nữa.

Trong suốt thời gian Đại hội làm việc, tất cả các đại biểu phải chấp hành nghiêm chỉnh nội quy bảo mật phòng gian: không một ai được đi lại tự do ra khỏi phòng ở và phòng làm việc; phải giữ bí mật, lời nói phải thận trọng, không nói to; ăn, nghỉ, tắm rửa tại nơi đã quy định; việc giao dịch với bên ngoài và việc mua sắm đủ có người chịu trách nhiệm...

Hàng ngày, tuy hai bữa cơm ăn đủ no, nhưng thức ăn thì chỉ có canh là lốt màu với đầu cá khô (ở Ma-cao, người ta thường dùng đầu cá biển khô để nuôi súc vật); chỉ có bữa liên hoan mừng thành công của Đại hội mới có món thịt. Ban đêm, hai ba đại biểu phải ngủ chung một giường; có đồng chí phải nằm trên sàn.

Tuy điều kiện ăn ở gian khổ như vậy và tinh thần rất căng thẳng,

(1) Theo lời một đại biểu khác đã từng dự Đại hội kể lại thì những đồng chí sau đây đã dự Đại hội thứ nhất của Đảng.

- Hà-Huy-Tập, tức Nhỏ, đại diện Ban lãnh đạo Đảng ở nước ngoài.

- Phùng-Chí-Kiên, tức Lý, đại diện Ban lãnh đạo Đảng ở nước ngoài.

- Ngô-Tuân, tức Ba-Đốc, đại biểu Trung-kỳ.

- Võ-Nguyên-Hiến, tức Chắt-Kế, đại biểu Trung-kỳ.

- Võ-Văn-Ngôn, tức Xù, đại biểu Nam-kỳ.

- Nguyễn-Chánh-Nhì, tức Ba-Tây, đại biểu Nam-kỳ.

- Nguyễn-Văn-Xô, tức Lào, đại biểu Lào.

- Ngô-Văn-Anh, tức Tăng, đại biểu Bạc-kỳ.

- Hóm.

- Sin.

Như đồng chí Lương, tức Mài, đại biểu Bạc-kỳ, bị ốm không dự Đại hội được. Hai đại biểu Bạc-kỳ là Hoàng-Đình-Rong và Bùi-Bảo-Vân ra đến nơi thì Đại hội đã bế mạc.

nhưng các đại biểu dự Đại hội đều phấn khởi, hăng hái, làm việc rất khẩn trương không hề ngày đêm.

Theo văn kiện Đảng, Đại hội họp từ ngày 27 đến ngày 31 tháng 3 năm 1935. Chúng tôi nhớ thời gian làm việc chính thức của Đại hội là 3 ngày; một ngày nghỉ và tổ chức liên hoan mừng Đại hội thành công; sau đó, các đại biểu còn dự lớp học về tình hình và nhiệm vụ trước mắt của Đảng, thời gian học khoảng 3 ngày nữa.

Dự Đại hội có 15 đại biểu chính thức và dự khuyết, thay mặt cho toàn thể đảng viên ở ba nước Đông-dương.

Đại hội đã nghe Báo cáo chính trị của Ban lãnh đạo của Đảng ở nước ngoài và các báo cáo của đại biểu các Xứ ủy. Các văn kiện của Đại hội đã chuẩn bị trước và đánh máy sẵn. Nội dung các văn kiện đề ra ba nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của Đảng là củng cố và phát triển Đảng, tranh thủ đông đảo quần chúng và chống chiến tranh đế quốc, ủng hộ Liên-xô... Đại hội nêu lên nhiều vấn đề thảo luận, đặc biệt là vấn đề thành lập Mặt trận phản đế. Về vấn đề này, có ý kiến cho rằng nếu đã tổ chức công hội, nông hội và các tổ chức quần chúng khác thì không cần thành lập Mặt trận phản đế nữa. Cũng có nhiều ý kiến khác cho rằng, tuy đã có các tổ chức quần chúng rồi, nhưng không thể không thành lập Mặt trận phản đế, vì chỉ có tổ chức này mới tập hợp được mọi lực lượng yêu nước chống đế quốc Pháp và bọn tay sai. Không khí tranh luận trong Đại hội có lúc rất sôi nổi. Sau cùng Đại hội đã nhất trí hoàn toàn về việc thành lập Mặt trận phản đế...

Đại hội đã thông qua nghị quyết chính trị nói về tình hình và nhiệm vụ trước mắt của Đảng, các nghị quyết về công nhân vận động, nông dân vận động, thanh niên vận động, phụ nữ vận động, nghị quyết về công

tác trong các dân tộc thiểu số, về công tác phản đế liên minh, về vận động binh lính, về đội tự vệ, về cứu tế đỏ. Đại hội đã thông qua Bản Tuyên ngôn của Đảng, Điều lệ Đảng và Điều lệ các tổ chức quần chúng. Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành trung ương.

Đại hội đã gửi thư lên Ban chấp hành Quốc tế cộng sản, đồng thời gửi thư đến một số đảng anh em như Đảng cộng sản (bôn-sê-vich) Liên-xô, Đảng cộng sản Pháp, Đảng cộng sản Xiêm, Đảng cộng sản Ấn-độ...

Sau khi Đại hội bế mạc, chúng tôi thay đổi hướng và con đường đã đi, theo tuyến đường Ma-cao - Long-châu - Cao-bảng, về về nước. Ban chấp hành trung ương Đảng giao cho các đồng chí trưởng đoàn chịu trách nhiệm bảo vệ những văn kiện chính thức và chủ yếu của Đại hội. Đồng chí trưởng đoàn của đoàn chúng tôi giấu kín những văn kiện đó bằng cách khâu vào dưới đũng quần lót của mình, mang về nước được trót lọt...

Một thiệt thòi cho Đại hội đại biểu toàn quốc thứ I của Đảng là sự vắng mặt của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc và đồng chí Lê-Hồng-Phong; Đại hội lại họp trước Đại hội thứ VII của Quốc tế cộng sản. Do đó, Đại hội có thiếu sót là không thấy rõ nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh trên thế giới, không thấy rõ những khả năng mới để phát động cao trào đấu tranh chống phát xít, chống chiến tranh, đòi hòa bình, tự do, cơm áo. Tuy nhiên, Đại hội đã làm tăng thêm lòng tin tưởng của đảng viên và nhân dân đối với Đảng; khôi phục sự thống nhất hệ thống tổ chức của Đảng, thống nhất phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành trung ương; và chuẩn bị lực lượng tiến lên cao trào mới.

BA-ĐỐC kể

THẾ-TẬP ghi

NHỮNG THÀNH TỰU MỚI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI PHÁT TRIỂN Ở CỘNG HÒA DÂN CHỦ ĐỨC

LÊ - VI

CỘNG hòa dân chủ Đức không chỉ là một trong mười nước công nghiệp phát triển nhất thế giới, một nhân tố quan trọng của hòa bình và an ninh ở châu Âu và trên thế giới, mà còn là một biểu hiện rực rỡ về những gì mà chủ nghĩa xã hội, đặc biệt trong giai đoạn phát triển của nó, có thể đem lại cho những người lao động. « Tất cả vì hạnh phúc của người lao động » — đó không chỉ là đường lối có tính nguyên tắc của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức, mà còn là thực tế sinh động đang diễn ra hằng ngày ở Cộng hòa dân chủ Đức.

5 năm qua, bất chấp những khó khăn không nhỏ do sự chống phá của bọn đế quốc và phản động quốc tế cũng như do tình hình giá nguyên liệu trên thị trường thế giới tăng vọt gây ra, nhờ lao động bền bỉ của nhân dân trong nước và nhờ sự hợp tác, liên kết kinh tế với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, Cộng hòa dân chủ Đức tiếp tục thu được những kết quả đáng kể trên con đường xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển. Tổng thu nhập quốc dân trong thời gian đó đạt 812,5 tỉ mác, tăng 25,1%

so với 5 năm trước. Cũng như trong kế hoạch 5 năm 1971 — 1975 là kế hoạch 5 năm mở đầu cho thời kỳ xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển ở Cộng hòa dân chủ Đức, mức tăng thu nhập quốc dân trong kế hoạch 5 năm vừa qua hầu như dựa vào mức tăng năng suất lao động và hiệu suất công tác trong tất cả các ngành. Có được điều đó, chính là nhờ 5 năm qua, nền kinh tế Cộng hòa dân chủ Đức tiếp tục phát triển theo bề sâu, một đặc trưng nổi bật của thời kỳ xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển, khác với thời kỳ trước đó là thời kỳ kinh tế chủ yếu phát triển theo bề rộng.

Trong điều kiện một nước công nghiệp phát triển cao nhưng nghèo nguyên liệu và thiếu nhân lực như Cộng hòa dân chủ Đức, thì nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với việc tiếp tục phát triển theo bề sâu, là việc đẩy nhanh tiến bộ về khoa học kỹ thuật, là việc sử dụng ngày càng rộng rãi những thành tựu mới nhất của khoa học kỹ thuật. Năm năm qua, Cộng hòa dân chủ Đức đặc biệt chú trọng công tác khoa học kỹ thuật, việc đổi mới và hiện đại hóa các máy móc.

thiết bị trong các ngành sản xuất, đặc biệt trong công nghiệp. Vốn dành cho công tác phát triển khoa học kỹ thuật trong 5 năm 1976 - 1980 là 32,3 tỉ mác, so với 25 tỉ mác trong 5 năm 1971 - 1975. Việc tự động hóa sản xuất đã tiến thêm một bước đáng kể: mức tự động hóa sản xuất năm 1970 là 33%, năm 1975 là 42%, năm 1980 là 49%. Kết quả của những biện pháp nói trên là năng suất lao động - cái mà Lê-nin nói là có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi hoàn toàn và triệt để của một chế độ xã hội mới - đã không ngừng tăng lên. Nếu năm 1970 để sản xuất một khối lượng sản phẩm công nghiệp trị giá 1000 mác phải mất 23 giờ lao động, thì năm 1975 chỉ mất 18 giờ, năm 1979 chỉ mất 15 giờ.

Nhờ năng suất lao động tăng nhanh và do đó, thu nhập quốc dân được nâng cao, Đảng và Nhà nước Cộng hòa dân chủ Đức đã có thêm điều kiện vật chất để nâng cao hơn nữa mức sống của nhân dân, thể hiện cụ thể hơn nữa bản chất nhân đạo sâu sắc của chủ nghĩa xã hội với tư cách là hình thái kinh tế - xã hội cao hơn chủ nghĩa tư bản. Như chúng ta đều biết, những vấn đề xã hội mà bất cứ Nhà nước xã hội chủ nghĩa nào sau khi ra đời cũng phải giải quyết là vấn đề bảo đảm công ăn việc làm, vấn đề thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của nhân dân lao động về ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, chữa bệnh... Nước Cộng hòa dân chủ Đức ra đời năm 1949, chỉ trong một thời gian không lâu sau, vào những năm 50 và 60, những vấn đề trên đã được giải quyết về đại thể. Đầu những năm 70, khi bước vào thời kỳ xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển, nhân dân lao động Cộng hòa dân chủ Đức đã có mức sống khá cao. Năm 1970, thu nhập quốc dân bình quân theo đầu người là 6374 mác, gấp gần 5,4 lần so với năm 1949. Nhờ vậy, Đại hội thứ

VIII Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức họp năm 1971, khi bắt đầu thời kỳ xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển ở Cộng hòa dân chủ Đức, đã có thể chính thức đề ra chương trình giải quyết vấn đề nhà ở cho toàn thể nhân dân lao động, coi đó là một nhiệm vụ trọng tâm trong chính sách xã hội của Đảng trong thời kỳ mới. Chương trình ấy dự kiến tới năm 1990 sẽ giải quyết xong vấn đề nhà ở. 5 năm qua việc xây dựng và hiện đại hóa nhà ở đã được thực hiện vượt mức: chỉ tiêu kế hoạch đề ra là 750000 căn hộ thì thực tế đã đạt 813000 căn hộ. Như vậy, chỉ trong 10 năm thực hiện chương trình giải quyết vấn đề nhà ở do Đại hội thứ VIII của Đảng đề ra, đã có 4,25 triệu người được cải thiện điều kiện ở, sống trong những căn hộ mới đầy đủ tiện nghi.

Thu nhập thực tế của công nhân, viên chức mỗi năm một tăng. Trong khi giá cả ổn định, lương trung bình hàng tháng của công nhân, viên chức trong 5 năm qua đã tăng liên tục như sau: năm 1976 - 920 mác, năm 1977 - 917 mác, năm 1978 - 977 mác, năm 1979 - 1006 mác, năm 1980 - 1030 mác. Nếu tính gộp cả những khoản trợ cấp và phúc lợi xã hội do Nhà nước và các xí nghiệp đài thọ mà công nhân, viên chức được hưởng, thì thu nhập thực tế bình quân theo đầu người trong xã hội năm 1980 lên tới 9500 mác. Mức tiêu dùng theo đầu người về một số thực phẩm chủ yếu đã đạt tới con số đáng kể: năm 1979 mỗi người bình quân tiêu thụ 88,6 ki lô gam thịt, 98,7 lít sữa, 281 quả trứng. Tỷ lệ các gia đình có hàng tiêu dùng cấp cao như như máy thu hình, tủ lạnh, máy giặt, ô tô cũng tăng lên không ngừng.

Không chỉ mức sống vật chất, mà mức sống văn hóa của nhân dân lao động cũng ngày càng cao. Nếu tỷ lệ những người lao động được đào tạo

Năm	Máy thu hình	Tủ lạnh	Máy giặt	Ô tô
1970	69%	56%	54%	16%
1975	82%	85%	73%	26%
1980	90%	99%	82%	37%

chính quy, có bằng cấp, từ công nhân kỹ thuật trở lên, năm 1975 là 70,7% thì năm 1980 đã lên tới 80,2%. Những con số và sự việc kể trên cho thấy, *đường lối thống nhất chính sách kinh tế và chính sách xã hội* do Đại hội thứ VIII Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức đề ra *đã được tiếp tục thực hiện thắng lợi* trong 5 năm qua: mỗi bước tiến trong lĩnh vực kinh tế, thật sự dẫn tới một bước tiến trong lĩnh vực xã hội, cải thiện hơn nữa đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Đường lối ấy giờ đây đã thật sự trở thành *nội dung chủ yếu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển*, là *con đường tăng cường sức mạnh, nâng cao tính ổn định của chủ nghĩa xã hội ở Cộng hòa dân chủ Đức*.

Trên cơ sở hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm 1976 - 1980, Cộng hòa dân chủ Đức đã bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm mới. Những chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 do Đại hội thứ X Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức vừa thông qua, thật khích lệ lòng người. Trong 5 năm tới, tổng thu nhập quốc dân sẽ đạt trên 1000 tỉ马克, tăng khoảng 28% - 30% so với 5 năm qua. Mức tăng ấy của thu nhập quốc dân sẽ dựa vào mức tăng năng suất lao động tương ứng. Những biện pháp cần thiết cũng đã được vạch ra. Đó là tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc phát triển kinh tế theo bề sâu, là đẩy nhanh hơn nữa nhịp độ ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mà trọng tâm là phát triển và ứng dụng kỹ thuật vi điện tử, người máy công nghiệp,

tăng cường tự động hóa sản xuất. Hiện nay, Cộng hòa dân chủ Đức đã có 320 người máy công nghiệp, dự kiến tới năm 1985 sẽ có thêm 9000 người máy nữa. Số người máy này có khả năng thay thế cho 30 000 công nhân.

Năng suất lao động tăng thêm, thu nhập quốc dân tăng thêm, đó là điều kiện thuận lợi để Đảng và Nhà nước Cộng hòa dân chủ Đức cải thiện hơn nữa đời sống của những người lao động. Trong kế hoạch 5 năm mới (1981 - 1985) sẽ có thêm khoảng 930 000 - 950 000 căn hộ được xây dựng và hiện đại hóa, cải thiện điều kiện ở cho khoảng 2,8 triệu người. Một chỉ tiêu chưa từng có trong bất cứ thời kỳ kế hoạch 5 năm nào trước đây ở Cộng hòa dân chủ Đức. Thu nhập thực tế theo đầu người trong 5 năm tới, dự kiến sẽ tăng khoảng 21% - 23%.

Đúng như đồng chí Ê-rich Hô-nêch-ơ, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức, đã nói tại Đại hội thứ X: "Khi chúng ta xem xét những gì đã được tạo ra ở nước Cộng hòa dân chủ Đức trong hơn 30 năm qua, nhất là trong những năm 70, chúng ta có đủ mọi lý do để tin tưởng nhìn về tương lai... chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội duy nhất đem lại phồn vinh, tự do, phẩm giá cho con người". Và cũng chính vì thế, chúng ta dễ hiểu vì sao phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, hợp lý hóa sản xuất đã diễn ra sôi nổi, liên tục hết năm này qua năm khác ở

Cộng hòa dân chủ Đức. Đặc biệt trong những tháng qua, lễ chào mừng Đại hội thứ X Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức, đã xuất hiện những hoạt động sáng tạo, những sáng kiến có tính chất nhân dân chưa từng thấy trong lịch sử Cộng hòa dân chủ Đức nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 1981 trong bất cứ tình huống nào. Đây chính là biểu hiện cụ thể của lòng tin ngày càng tăng của giai cấp công nhân, nông dân tập thể, trí thức xã hội chủ nghĩa và các tầng lớp lao động khác đối với

đường lối chính sách của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức mà giờ đây họ coi như của chính mình. Đây cũng chính là nhân tố sẽ bảo đảm cho Cộng hòa dân chủ Đức thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm 1981 - 1985, tiếp tục tiến lên trên con đường xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển, góp phần tăng cường sức mạnh mọi mặt của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, góp phần tích cực vào sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội của nhân dân thế giới.

Phấn đấu hoàn thành tốt công tác...

(Tiếp theo trang 49)

đảng viên thì được giới thiệu đề tham gia sinh hoạt Đảng tại một tổ chức Đảng ở gần đó, hoặc lập chi bộ mới.

Việc xem xét tổ chức cơ sở Đảng, tư cách đảng viên và xử lý đảng viên phải thật sự dựa vào quần chúng, nghiên cứu kỹ ý kiến của đảng viên và quần chúng, kết hợp chặt chẽ với việc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực. Cấp ủy cấp trên cần tăng cường kiểm tra, chỉ đạo cụ thể công tác phát triển đảng viên ở các tổ chức cơ sở trọng điểm và những nơi xét thấy có vấn đề phức tạp, uốn nắn kịp thời các khuynh hướng lệch lạc.

Đề bảo đảm hoàn thành tốt công tác phát triển đảng viên đúng thời hạn quy định các cấp ủy Đảng cần cải tiến và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, bảo đảm kết hợp chặt chẽ việc

củng cố cơ sở Đảng, phát triển đảng viên với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương và cơ sở; khắc phục tình trạng chỉ lo công việc trước mắt, buông lỏng công tác củng cố Đảng, phát triển đảng viên, hoặc ngược lại. Mặt khác, cần tăng cường cán bộ có kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng cho các Ban tổ chức, Ủy ban kiểm tra của các quận ủy, huyện ủy để tập trung làm tốt việc phát triển đảng viên trong năm 1981.



Công tác phát triển đảng viên là một trong những công tác rất quan trọng của Đảng ta hiện nay. Chúng ta cần tập trung sức cố gắng hoàn thành tốt công tác phát triển đảng viên vào cuối năm 1981, lấy thành tích đó chào mừng Đại hội lần thứ V của Đảng.

GIA TỘC VIỆT-NAM TRONG ĐÀ XUỐNG ĐỐC CỦA HOA-KỲ

THÀNH - TÍN

TỪ khi nhậm chức tổng thống của nước Mỹ, trong hơn nửa năm qua, Rô-nan Ri-gân từng nhiều lần nhắc đến Việt-nam. Trong diễn văn đọc tại buổi lễ nhậm chức sáng 20-1-1981 ông ta tưởng nhớ đến những người Mỹ từng bỏ mình tại « hàng trăm đồng lúa và rừng rậm ở một nơi gọi là Việt-nam » và ca ngợi không chút ngưng ngừng rằng những lính Mỹ xâm lược ấy đã hy sinh cho nền tự do của nước Mỹ ! Ri-gân còn gắn huân chương cho lính Mỹ từng lập « chiến công » tội ác ở Việt-nam rồi huênh hoang rằng : « cuộc chiến đấu của người Mỹ ở Việt-nam là những trang vẻ vang nhất trong lịch sử Hoa-kỳ ». Ri-gân cả quyết : đối với nhiệm kỳ tổng thống mới bắt đầu, hội chứng Việt-nam đã hoàn toàn chấm dứt ; nước Mỹ đã bước hẳn sang một thời kỳ mới : thời kỳ sau của thời kỳ Sau Việt-nam.

Cần vạch rõ : vì sao tổng thống thứ 40 của nước Mỹ muốn kết thúc hẳn thời kỳ Sau Việt-nam của nước Mỹ ? Vì sao đó chỉ là một ý muốn hoàn toàn chủ quan thiếu cơ sở thực tế, một ảo tưởng ?

Thế nào là „hội chứng Việt-nam“.

Không còn nghi ngờ gì nữa, cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam thất bại hoàn toàn là chương bi thảm nhất trong toàn bộ lịch sử hai trăm năm của Hợp chúng quốc Hoa-kỳ.

Báo chí Mỹ, các nhân vật có quyền uy nhất trong chính giới Mỹ đều công khai nhận định như vậy. Đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về thất bại hoàn toàn của chủ nghĩa đế quốc Mỹ trên chiến trường Việt-nam.

Đồ trước hết là thất bại hoàn toàn về quân sự. Cả một bộ máy chiến tranh khổng lồ được huy động gồm không quân, hải quân, lục quân, lính thủy đánh bộ, với hơn 2 triệu 30 vạn lượt người tham gia chiến đấu cùng

với hơn 1 triệu quân nguy và hai chục vạn quân chư hầu, chỉ dễ chuốc lấy thất bại. Tất cả những phát minh mới nhất của Mỹ về vũ khí, kỹ thuật, trang bị (trừ tên lửa tầm xa và vũ khí hạt nhân) đều được huy động vào chiến trường. Tất cả các chiến thuật "tàn kỳ" đều đưa ra thi thố, từ trực thăng vận, thiết xa vận, bom rải thảm bằng pháo đài bay B52, "phong tỏa bằng rải thủy lôi dày đặc... đều được sử dụng rộng rãi. Những tướng lĩnh, nhà chiến lược quân sự, nhà sáng chế phát minh quân sự tài giỏi nhất của nước Mỹ đều được tận dụng nhằm giành lấy phần thắng, nhưng chỉ nhận được phần thua cay đắng. Thất bại quân sự của Mỹ là thất bại triệt để hiếm có trong một cuộc chiến tranh: quân Mỹ phải cuốn cờ lùi thủi rút về nước, mình đầy thương tích; chiến tranh kết thúc bằng cuộc tháo chạy hối hả và nhục nhã bằng máy bay lên thẳng của viên đại sứ Mỹ (thực chất là toàn quyền Mỹ) cùng những tên tai to mắt lớn nhất của bộ máy chỉ huy chiến tranh xâm lược, chỉ vừa kịp để thoát thân, khỏi bị quân cách mạng tóm cổ. Ở Việt-nam, về quân sự, Mỹ đã thua sạch túi.

Thất bại quân sự kéo theo *thất bại nặng nề nhất về kinh tế, tài chính* của nước Mỹ. Cái thùng không đáy của chiến tranh xâm lược Việt-nam đã nuốt chửng mất trên 600 tỷ đô la tài nguyên của nước Mỹ (có nhà kinh tế Mỹ đưa ra con số lên đến 910 tỷ), góp phần quan trọng tạo nên cuộc suy thoái kinh tế trầm trọng nhất, cuộc khủng hoảng bi đát nhất của đồng đô la trong những năm 70.

Thất bại về ngoại giao của Mỹ cũng không kém phần bi đát. Tên thực dân mới hành động tàn bạo còn vượt quá cả những tên đế quốc thực dân cũ hung hãn nhất. Cả một mặt trận đoàn kết với Việt-nam rộng lớn bao gồm các lực địa sớm được hình thành trên thực tế, vạch mặt chỉ tên đế quốc Mỹ là tên tội phạm chiến tranh xâm lược đã man nhất bị cả loài người lên án và phỉ nhổ. Những đồng minh chủ yếu của Mỹ từ chối không trực tiếp tham gia cuộc chiến tranh bẩn thỉu này, còn lợi dụng sự sa lầy của Mỹ để vươn lên cạnh tranh với Mỹ về kinh tế và buôn bán.

Từ những thất bại trên đây dẫn đến *những thất bại chính trị* bi thảm nhất mà nước Mỹ chưa từng gặp phải. Đó là cả một xã hội rạn nứt, tan vỡ từng mảnh; là cuộc khủng hoảng lòng tin của đông đảo nhân dân Mỹ đối với tổng thống Mỹ, chính phủ Mỹ, đối với quân đội Mỹ; đó là mâu thuẫn gay gắt giữa quốc hội Mỹ và tổng thống Mỹ, dẫn đến cái mà báo Mỹ gọi là cuộc khủng hoảng về thể chế; đó là những đợt sóng ngầm dâng lên trong lòng xã hội Mỹ, một bộ phận nhân dân Mỹ bắt đầu nhận ra qua tội ác của chính quyền Mỹ ở Việt-nam rằng chế độ xã hội Mỹ không còn gì đáng hấp dẫn nữa, phải đấu tranh để tạo nên một nước Mỹ khác, một nước Mỹ mang bản chất tốt đẹp, cao quý, công bằng ở trong nước và hòa bình, hữu nghị với nhân dân các nước khác; chính bộ phận người Mỹ này đã bắt đầu nói đến cuộc khủng hoảng về chế độ chính trị của nước Mỹ bắt đầu từ cuộc chiến tranh ở Việt-nam.

Hội chứng Việt-nam là gì? Có thể nói hội chứng Việt-nam là một tâm trạng hình thành trong nhân dân Mỹ, trong chính giới Mỹ không thể tính đến hoặc không thể chấp nhận một cuộc phiêu lưu quân sự mới, một cuộc chiến tranh xâm lược mới nữa tương tự như cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam. Đòn đau nhớ đời. Vấp ngã đau ắt phải run chân. "Kinh cung chi điều", con chim hút chết do tên bắn luôn sợ những cây cong. Đó là trạng thái tinh thần - thần kinh - tâm lý và sinh lý tất yếu hợp quy luật.

Cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam của đế quốc Mỹ kéo dài gần 20 năm với hậu quả như một tai họa quốc gia cực lớn, in đậm dấu ấn trên mọi mặt của đời sống xã hội Mỹ, do đó «hội chứng Việt-nam» tất nhiên phải là một trạng thái kéo dài, kéo rất dài. Có những nhà chiến lược Mỹ nhận định rằng quân đội Mỹ đã mất đứt hẳn một thể hệ binh lính và sĩ quan của thời kỳ chiến tranh Việt-nam; những căn bệnh mất lòng tin của họ ở vũ khí, kỹ thuật và chiến thuật Mỹ, mất lòng tin ở chỉ huy, ở chính quyền Mỹ sẽ còn dai dẳng hàng chục năm nữa. Họ cho rằng hơn 2 triệu sĩ quan và binh lính Mỹ phải quay về liếm những vết thương sâu hoắm về tinh thần và thể chất, những vết thương ấy vẫn còn rỉ máu và phải đến đầu thế kỷ sau mới có thể thành sẹo được.

Bảng nỗ lực chủ quan, chính quyền Mỹ chỉ có thể rút ngắn bớt «con chóang Việt-nam», «hội chứng Việt-nam» bằng cách nghiêm chỉnh rút ra những kinh nghiệm và bài học cần thiết và sẵn tay áo giải quyết từng bước những hậu quả khủng khiếp mà cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam đã gây nên trên đất Mỹ. Thế nhưng xem ra Rô-nan Ri-gan không làm theo hướng ấy. Ngược lại, ông ta đang khoét sâu thêm những vết thương chưa kín miệng, làm xước khiêu khích lương tri của nhân dân Mỹ đã thức tỉnh qua cuộc chiến tranh tội ác của bốn đời tổng thống Mỹ ở Việt-nam và còn dự tính kéo nước Mỹ vào những cuộc phiêu lưu quân sự mới. Thất bại khủng khiếp của đế quốc Mỹ ở Việt-nam vẫn còn nguyên giá trị đe dọa những cái đầu hiếu chiến nóng bỏng nhất trong Nhà trắng.

Thế phát triển mới của ba dòng thác cách mạng.

Bọn trùm tài phiệt Mỹ và người đại lý số một của chúng là tổng thống Mỹ có nhiều lý do để mà hốt hoảng, để mà mong muốn chấm dứt sớm «hội chứng Việt-nam».

Đó là vì trong thời kỳ Sau Việt-nam, Hoa-kỳ vấp phải một loạt thất bại nặng nề mới. Tận dụng sự suy yếu toàn diện của nước Mỹ đứng đầu chủ nghĩa đế quốc quốc tế, ba dòng thác cách mạng của thời đại đã đầy mạnh cuộc tiến công trên khắp các địa bàn chiến lược. Hàng loạt nước thuộc địa của đế quốc Bồ-đào-nha ở châu Phi giành được độc lập trọn vẹn. Cách mạng Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia tăng cường đoàn kết, vững bước tiến lên, làm thất bại hoàn toàn mọi mưu đồ của bọn đế quốc và bành trướng, nổi lên thành nhân tố cách mạng vững chắc, ngăn chặn có hiệu quả mọi cuộc xâm lược và bành trướng vào khu vực Đông Nam Á, mở ra triển vọng hòa bình, ổn định và hợp tác trong toàn vùng. Ở Nam Á, Ấp-ga-ni-xtan đứng cầm đuơng đầu với bọn tay sai của Oa-sinh-ton, Bắc-kinh và Ix-la-ma-bát (Pa-ki-xtan), tin cậy ở tinh thần hào hiệp của nhân dân và quân đội Liên-xô láng giềng, kiên quyết bảo vệ nền độc lập, tự do của đất nước, đồng thời dứt khoát lựa chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa, làm thay đổi hẳn bộ mặt chính trị của địa bàn chiến lược này. Ở Trung Đông, chế độ Pa-lê-vi tay sai đắc lực nhất của Mỹ ở I-ran bị nhân dân nổi dậy quét đổ trước đòi hỏi mất giận dữ và bất lực của Oa-sinh-ton. Ở vùng phía nam châu Phi, chế độ mới ở Dim-ba-bu-ê được thành lập sau khi chế độ phân biệt chủng tộc ở đó bị thủ tiêu, dẫn đến thời kỳ khủng hoảng đến mức hiểm nghèo của Nam Phi.

đỉnh lũy phân biệt chủng tộc cuối cùng, chủ hần quan trọng nhất của Oa-sinh-ton, nguồn cung cấp nguyên liệu chiến lược trọng yếu nhất của Mỹ trên lục địa châu Phi. Ở châu Mỹ là tinh nhân dân Ni-ca-ra-goa hiền ngang vùng đây quật nhào chế độ đẫm máu Xô-mô-xa tay sai Mỹ, khởi đầu một thời kỳ tiến công mới trên lục địa Trung Mỹ và Nam Mỹ. Cuộc đấu tranh liên lan mạnh sang Xan-va-đô, rồi Goa-tê-ma-la, lan cả tới Vê-nê-đu-ê-la, Chi-lê.. trước sự lo sợ hốt hoảng của Oa-sinh-ton.

Chúng ta không bao giờ coi chiến công hiển hách đánh bại đế quốc Mỹ trên chiến trường Việt-nam là chiến công riêng của chúng ta. Chiến công lịch sử mang sâu sắc tính thời đại ấy là chiến công chung của cao trào cách mạng xã hội chủ nghĩa và cao trào giải phóng dân tộc toàn thế giới, của cả ba dòng thác cách mạng trên thế giới. Chính cuộc chiến đấu bền bỉ và thông minh của Việt-nam được cả loài người tiến bộ hết lòng ủng hộ đã tạo nên gia tốc đầy nhanh thêm gấp bội đà tụt dốc của chủ nghĩa đế quốc Mỹ đang ở giữa cuộc tổng khủng hoảng toàn diện. Gia tốc ấy được cuộc đấu tranh của các lực lượng cách mạng trên thế giới thúc mạnh thêm trong thời kỳ Sau Việt-nam của đế quốc Mỹ.

Vì sao chúng thâm thù Liên-xô, Cu-ba, Việt-nam... đến thế ?

Chính quyền Ri-gân tỏ ra đặc biệt cay cú đối với Liên-xô, Cu-ba và Việt-nam, mà họ vu khống là « dẫn đầu các cuộc khủng bố quốc tế trên quy mô toàn thế giới » ; là « phá hoại trật tự trên hành tinh này ». Địch thân tổng thống Mỹ Rô-nan Ri-gân cũng như bộ trưởng ngoại giao A-lếch-xan-đơ Hai-gơ, bộ trưởng quốc phòng Uyen-bơ-gơ... đều giữ giọng đe dọa rất thô bạo và láo xược đối với Liên-xô, Cu-ba, Việt-nam...

Liên-xô từng hết lòng ủng hộ và giúp đỡ mạnh mẽ về mọi mặt sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của Việt-nam. Cu-ba luôn luôn cõ vũ Việt-nam với tất cả phiệt tinh cách mạng sôi sục. Trong thắng lợi chung mà ba dòng thác cách mạng giành được trên chiến trường Việt-nam, cùng với cuộc chiến đấu trực tiếp rực lửa anh hùng của nhân dân và quân đội ta, phần đóng góp của Liên-xô, Cu-ba, của các nước xã hội chủ nghĩa anh em là hết sức to lớn.

Thêm nữa, đúng vào lúc đế quốc Mỹ sa lầy kéo dài ở Việt-nam, Liên-xô vĩ đại đã tận dụng thời cơ tăng cường lực lượng kinh tế và quân sự của mình, xóa bỏ hẳn ưu thế quân sự của Hoa-kỳ trên những mặt chủ yếu nhất, về lực lượng tên lửa vượt đại châu, tên lửa chiến trường, tàu ngầm nguyên tử, tàu chiến các loại, cũng như về vũ khí thông thường chủ yếu như pháo binh và xe tăng. Khoảng cách về kinh tế giữa Mỹ và Liên-xô cũng được thu hẹp lại một cách rõ rệt và vững chắc trong thời gian này. Khi đế quốc Mỹ thua hoàn toàn ở Việt-nam, chúng giật mình hoảng sợ đứng trước một Liên bang xô viết hùng mạnh hơn hẳn trước, xứng đáng là trụ cột vững chắc của hòa bình và cách mạng trên hành tinh này.

Trong thời kỳ Sau Việt-nam của Hoa-kỳ, tận dụng thời cơ mới do chiến công lịch sử ở Việt-nam tạo nên, trước sự suy yếu về mọi mặt của đế quốc Mỹ, Liên-xô, Cu-ba, Việt-nam cùng phối hợp với những lực lượng năng động

nhất trong ba dòng thác cách mạng đã đẩy cuộc đấu tranh phát triển lên một bước mới, giành thêm nhiều thắng lợi to lớn. Đó là những thắng lợi mới rất quan trọng ở Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia trong 6 năm qua. Đó là những thắng lợi rất to lớn trên lục địa châu Phi; hàng loạt nước vùng dậy, được Liên-xô, Cu-ba trực tiếp giúp đỡ mạnh mẽ và đẩy hiệu quả về chính trị, quân sự và kinh tế, gắn bó chặt chẽ phong trào giải phóng dân tộc với cách mạng xã hội chủ nghĩa, kết hợp lòng yêu nước với chủ nghĩa xã hội khoa học, tạo nên cả một hệ thống các nước đã hoặc đang lựa chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa đầy sức trẻ. Nhìn bộ mặt châu Phi hoàn toàn đổi mới trong 5,6 năm qua, bọn điều hâu ở Oa-sinh-ton cảm uất đến phát điên lên vì trên đà phát triển mới, lục địa giàu tài nguyên chiến lược này có nguy cơ tuột hẳn khỏi nanh vuốt của bọn chúng, thúc đẩy thêm đà tụt dốc của nước Mỹ đế quốc chủ nghĩa trong thời kỳ Sau Việt-nam. Bọn chúng càng thêm bức tức khi thấy ở vùng biển Ca-ri-bê, tinh thể Cu-ba cách mạng đơn độc vì bị bao vây đã chấm dứt. Grê-na-đa độc lập đảo nhỏ chỉ lớn, hiện ngang tuyên bố gắn bó máu thịt với cách mạng Cu-ba, đi theo xu thế của thời đại, đặt quan hệ thân thiết với Liên-xô. Nước Ni-ca-ra-goa cách mạng chào đời cùng với Cu-ba và Grê-na-đa tạo nên thế kiềng ba chân vững chãi ngay trước mũi của tên đế quốc Hoa-kỳ cay cú mà bất lực. Cách mạng Ni-ca-ra-goa công khai tuyên bố gắn bó với đất nước của Lê-nin, khẳng định tình yêu quý rất mực đối với Phi-den, ôm vào lòng mình « Việt-nam nghìn lần anh hùng », được Hội đồng hòa bình thế giới tặng giải thưởng cao quý mang tên Chủ tịch Hồ-Chí-Minh càng làm cho bọn điều hâu Hoa-kỳ tức điên lên và sợ hãi. Ni-ca-ra-goa mở ra cửa đột phá cho một loạt cuộc cách mạng triệt để trên đất liền châu Mỹ. Mỹ đứng trước một nguy cơ mới cực lớn ở ngay trong một vùng vốn là cái sân sau nhà của chúng.

Khi kẻ thù ghét cay ghét đắng chúng ta, điều đó chỉ chứng tỏ chúng ta đang đi đúng con đường cần đi. Chúng nó đang ghét cay ghét đắng Liên-xô, Cu-ba, Việt-nam... chính là vì trong thời gian qua, chúng ta đã tận dụng thời cơ mới, giương cao lá cờ chính nghĩa của hòa bình, độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội, lá cờ vẻ vang của chủ nghĩa quốc tế vô sản đầy cách mạng phát triển mạnh, thúc thêm đà tụt dốc của tên đế quốc đầu sỏ. Sau gia tốc Việt-nam, đế quốc Mỹ bắt đầu nhận thức được số phận tất yếu diệt vong của chúng và chúng rắp tâm phản kích để tồn tại...

Bi kịch của bọn hiếu chiến.

Trong năm bầu cử tổng thống Mỹ 1980, bọn trùm tài phiệt Mỹ phê phán rất mạnh đường lối và chính sách của Gim-ni Ca-tơ, cho rằng Ca-tơ quá nhu nhược và yếu đuối, hầu như không phản ứng gì trước những thách thức vừa qua ở Trung Đông, ở I-ran, ở vùng biển Ca-ri-bê, ở Ni-ca-ra-goa, ở châu Phi, ở Nam Á, ở Đông Nam Á. Họ chỉ rõ Ca-tơ đã mắc căn bệnh « hội chứng Việt-Nam » quá nặng nề, do đó đã bỏ mặc các đồng minh của Mỹ, không có gan đưa quân Mỹ đến cứu nguy cho tên vua Pa-lê-vi, cho tên độc tài Xô-mô-xa, hoặc cho tên phản bội A-min.

Chính trào lưu mang tinh thần phản kích, phục thù hiếu chiến cực đoan của giới tài phiệt Mỹ đã đưa Ri-gân vào Nhà trắng. Ri-gân tuyên bố mạnh

mở rằng « hội chứng Việt-nam » trong chính phủ Mỹ không còn nữa, rằng Mỹ sẵn sàng dùng sức mạnh, sẵn sàng đưa lực lượng vũ trang Mỹ đi hành động ở bất cứ nơi nào Mỹ cho là cần thiết. Thật ra dù Ri-gân có cố lên gân và nói cứng, nói mạnh ra sao thì « hội chứng Việt-nam » vẫn còn sờ sờ ra đó. Trạng thái tinh thần này trong chính giới Mỹ, trong xã hội Mỹ vẫn tồn tại một cách khách quan, ngoài ý muốn của tổng thống Mỹ. Dưới đây là những sự việc hiển nhiên.

Vừa qua Ủy ban đối ngoại của quốc hội Mỹ đã ra tuyên bố bác bỏ chủ trương đưa quân chiến đấu Mỹ vào Xan-va-đo; thái độ này là tiêu biểu của cái gọi là « hội chứng Việt-nam ». Các ông nghị Mỹ vạch rõ Ri-gân đang tình chuyển lặp lại những bước đi rất tai hại của Ken-nơ-đi và Giôn-xơn ở Việt-nam hồi trước. Đưa quá nhiều cố vấn quân sự Mỹ, vũ khí hiện đại Mỹ vào; thế là phải đưa tiếp quân chiến đấu Mỹ vào để bảo vệ những cố vấn và vũ khí ấy; khi quân chiến đấu Mỹ bị tiến công, lại phải đưa thêm quân chiến đấu vào liên tục, cứ thế diễn ra tình thế « khát nước » không sao kim hãm được nữa! Và thế là hình thành cuộc chiến tranh ngày càng có quy mô lớn, thành tai họa quốc gia! Đã qua hẳn rồi, và không bao giờ trở lại nữa thời kỳ trước Việt-nam, thời kỳ mà ý của tổng thống được coi là ý của thượng đế, tổng thống không thể phạm sai lầm... Quốc hội Mỹ hiện nay vẫn tự coi mình có trách nhiệm sớm ngăn chặn, ngay từ trong trứng, những bước phiêu lưu mới của tổng thống Mỹ; « hội chứng Việt-nam » của các ông nghị Mỹ vẫn còn tỏ ra rất sâu đậm.

Đồng đảo nhân dân Mỹ quyết không thể để cho Ri-gân dễ dàng lao vào những hành động chiến tranh mới ở nước ngoài. Gần đây họ đã hành động. Thanh niên Mỹ xông vào Lầu năm góc lên án ngân sách quân sự tăng vọt của Ri-gân. Họ kéo đến trước Nhà trắng thét lớn: không được đưa lính Mỹ vào Xan-va-đo! Cùng với phát đạn của một thanh niên Mỹ bắn vào lá phôi trái của tổng thống Mỹ ngay trong một trăm ngày đầu tiên vẫn được gọi là « thời kỳ tha thứ », « thời kỳ trăng mật » giữa nhân dân và tổng thống Mỹ, những cuộc đấu tranh ấy là lời cảnh cáo đanh thép của dư luận Mỹ quyết không để Ri-gân kéo nước Mỹ vào một bãi lầy kiểu Việt-nam nữa. « Hội chứng Việt-nam » trong xã hội Mỹ rõ ràng là còn rất sâu.

Những hậu quả tai hại đối với binh lính Mỹ thua trận ở Việt-nam vẫn còn rõ nét. Gần đây báo Mỹ đã đưa ra những nhận định bi đát: lính Mỹ ở chiến trường Việt-nam trở về cho đến nay vẫn tỏ ra ngày càng vô kỷ luật, mất lòng tin ở chỉ huy, ở chính phủ Mỹ, ở chiến thuật và vũ khí Mỹ, tỷ lệ phạm pháp, gây tội ác, dùng bạo lực trong xã hội của họ tăng lên quá mức báo động. Hàng vạn sĩ quan và binh lính Mỹ bị day dứt bởi « mặc cảm tội lỗi » ở Việt-nam và bế tắc trong cuộc sống đã tự sát. Lính Mỹ và gia đình, bố mẹ, vợ con họ rất khó lòng chấp nhận một cuộc chiến tranh can thiệp mới nữa ở nước ngoài... Chính những lời tuyên bố hiệu chiến, cực đoan của Ri-gân đang làm trở dậy cái « hội chứng Việt-nam » vẫn còn dai dẳng trong lòng nước Mỹ.

Ngay từ sau thất bại triệt để của đế quốc Mỹ ở Việt-nam ngày 30-4-1975, các nhà chiến lược Mỹ nhận xét rất xác đáng rằng: người Mỹ đã rút khỏi Việt-nam, nhưng vấn đề Việt-nam, chất men thất bại ở Việt-nam và những hậu quả của thất bại lịch sử ấy sẽ còn lâu, rất lâu mới rút khỏi nước Mỹ. Ri-gân chẳng thể xóa bỏ những nhân tố ấy. Còn lâu nước Mỹ mới thoát khỏi

(Xem tiếp trang 70)

NẮC THANG NGUY HIỂM CỦA SỰ CÂU KẾT MỸ — TRUNG - QUỐC

NHUẬN - VU



AU ba ngày công cán tại Bắc-kinh vào giữa tháng 6-1981, Hây-gơ, bộ trưởng ngoại giao Mỹ đã tuyên bố rằng chuyến đi đó « có tính chất xây dựng khác thường, có ý nghĩa khác thường và thành công khác thường ». Một vài hành động trong khuôn khổ « khác thường » đó là việc Hây-gơ cho biết chính quyền Ri-gân đã hứa sẽ bán « vũ khí tiến công » cho Trung-quốc, và ngày 18-6-1981, nhà đương cục Oa-sinh-ton thừa nhận một tin do hãng truyền hình Mỹ NBC đưa ra : từ năm 1979, Bắc-kinh đã đồng ý cho Mỹ đặt ở vùng đông-bắc Trung-quốc hai trạm ra đa bí mật để theo dõi các cuộc phóng tên lửa của Liên-xô. Bắc-kinh và Oa-sinh-ton cho rằng đã đến lúc họ không cần che giấu một số việc trước đây được xem là « tuyệt mật » trong quan hệ câu-kết giữa đôi bên về quân sự. -

Kết thúc chuyến thăm Trung-quốc từ 8 đến 20-7-1981, Brê-din-xki, cựu cố vấn an ninh quốc gia Mỹ dưới chính quyền Ca-tơ, tuyên bố tại Bắc-kinh ngày 19-7-1981 rằng tình hình thế giới lúc này đòi hỏi phải có một « liên minh phòng thủ giữa Mỹ, Trung-quốc, Nhật-bản và Tây Âu », và hiện nay đã diễn ra « một sự liên kết trên thực tế giữa Mỹ, Trung-quốc, Nhật-bản và Tây Âu ».

Tiếp đón long trọng và nồng nhiệt Hây-gơ và Brê-din-xki, Đặng-Tiêu-Binh và một số nhân vật khác ở Trung-nam-hải không ngớt đưa ra những luận điệu chống Liên-xô, Việt-nam và cách mạng thế giới nhằm khẳng định với Mỹ quyết tâm của Trung-quốc đứng vững trên vị trí xung kích phản cách mạng.

« Bước phát triển mới » của quan hệ Trung — Mỹ được đánh dấu bằng một số sự kiện trên đây. Oa-sinh-ton lần đầu tiên công khai chính thức xác định tính chất của mối quan hệ này. Ngày 16-7-1981, tại một tiểu ban thuộc Hạ nghị viện Mỹ, Hôn-rieh, trợ lý bộ trưởng ngoại giao Mỹ đã tuyên bố : « Quan hệ của chúng ta với Trung-quốc dựa trên tiền đề Trung-quốc không phải là thù mà là nước bạn đang phát triển, tuy không phải là đồng minh nhưng cũng có chung những lợi ích chiến lược quan trọng với chúng ta ».

Như vậy, chính quyền Ri-gân xóa bỏ quy chế coi Trung-quốc là thuộc không « xô viết » nghĩa là coi Trung-quốc là « kẻ thù ». Ngược lại, trong khi vẫn coi Liên-xô là kẻ thù, Mỹ đã chính thức « ban » cho Trung-quốc quy chế « nước không liên kết hữu nghị », với dụng ý sẵn sàng đưa Trung-quốc vào hàng ngũ những nước đồng minh với Mỹ trong tương lai.

Nếu lên khoảng cách đó, Oa-sinh-ton thúc đẩy Bắc-kinh phải khinh trọng đi những « bước mới » nữa trên cả lĩnh vực đối nội lẫn đối ngoại nhằm đạt đủ những tiêu chuẩn một nước đồng minh của Mỹ, thúc đẩy quá trình chuyển Trung-quốc sang quỹ đạo « thế giới tư bản ».

Từ năm 1972 đến nay, giới cầm quyền Bắc-kinh đã không ngớt thuyết phục Oa-sinh-ton về « tâm lòng thành » của mình trong cố gắng « cải thiện quan hệ Trung - Mỹ ». Đó là « chủ trương chiến lược cơ bản, nhất quán và lâu dài » của Mao cũng như của những thế tử của Mao, dù xảy ra những thay đổi như thế nào về nhân sự tại Trung-nam-hải. Về vấn đề này, tờ báo Pháp *Thế giới* số ra ngày 27-6-1981 đã viết: « Nếu các phả lãnh đạo Trung-quốc là chân thành thì chính là khi họ khẳng định rằng chính sách hòa hợp của họ với Mỹ có tính chất cơ bản và thường xuyên. Bởi vậy, họ tiến những bước không lờ theo hướng ấy, thậm chí còn tìm kiếm một sự hợp tác quán sự mà họ không thể hình dung được cách đây vài năm ».

Ở vào địa vị kẻ « tìm kiếm », kẻ « cầu cạnh », tuy bề ngoài tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh còn tỏ ra « uốn éo » này kia về « vấn đề Đài-loan » với những người bạn Mỹ của họ, nhưng Đặng-Tiêu-Binh đã không che giấu sự hi vọng trước quy chế chính thức « nước bạn » của Mỹ mà Ri-gan đã ban cho.

Đón trước tâm lý háo hức của Đặng-Tiêu-Binh và phe lũ trước sự việc đó, Oa-sinh-ton đã đưa ra những nghĩa vụ buộc Bắc-kinh phải thực hiện nhằm cột chặt hơn nữa giới cầm quyền Trung-quốc vào quỹ đạo của chủ nghĩa đế quốc. Theo Hôn-rieh, những nghĩa vụ đó là :

— Trung-quốc phải là lực lượng hỗ trợ cho Mỹ nhằm tăng cường « nền an ninh của Mỹ, Nhật-bản, Nam Triều-

tiên và các nước ASEAN ». Điều đó sẽ tạo cho Mỹ khả năng « giành được những điều lợi rất tích cực cả trong so sánh lực lượng của ASEAN lẫn so sánh lực lượng toàn cầu ».

— Trung-quốc không được có hành động gì làm đảo lộn « tình hình căng thẳng giảm đến mức thấp nhất từ xưa đến nay tại eo biển Đài-loan ».

— Trung-quốc phải ủng hộ « các cố gắng toàn cầu và khu vực của Mỹ nhằm tăng cường thể bố trí và cơ cấu liên minh của Mỹ » nhằm chống Liên-xô, Việt-nam, Cu-ba...

— Trong thế giới thứ ba, chính sách của Trung-quốc phải là nhân tố « bổ sung thường xuyên » cho chính sách của Mỹ.

Với bản chất phản trắc và phản động điên cuồng, tập đoàn phản động Bắc-kinh đã và đang thực hiện những yêu cầu của Mỹ. Tuy nhiên, trong bốn điều nói trên, thì điều nói về Đài-loan là có lỗi lẻo một chút trong việc thực hiện. Bề ngoài, Bắc-kinh luôn luôn nói về « hòa bình thống nhất Đài-loan », và thỉnh thoảng công kích Mỹ khá dữ dội về vấn đề này. Thật ra đó chỉ là đề lừa bịp dư luận trong nước. Về thực chất, trên vấn đề Đài-loan, Đặng và phe lũ đã bán rẻ lợi ích dân tộc của nhân dân Trung-quốc. Chúng đã tuyên bố không ngưng ngừng rằng: « Chúng tôi tin rằng, nếu hai bên cùng xuất phát từ chiến lược toàn cầu... thì mọi khó khăn đều có thể vượt qua được » (Hoàng-Hoa, bộ trưởng ngoại giao Trung-quốc nói ngày 14-8-1981).

Trong khuôn khổ « bước phát triển mới » trong quan hệ Trung - Mỹ, tất nhiên Oa-sinh-ton không quên nêu lên « tiền công » mà Mỹ sẵn sàng trả cho Trung-quốc, điều mà Bắc-kinh đang mong ngóng.

Từ năm 1979 đến nay, Mỹ đã ký kết với Trung-quốc một số hiệp định thương mại, trong đó có hiệp định về « tối huệ quốc ». Một số ủy ban

kinh tế, thương mại và khoa học hỗn hợp Trung - Mỹ đã được thành lập và hợp đều kỳ để phối hợp sự hợp tác của hai bên trong các lĩnh vực đó. Trung-quốc đã có được tư cách để vay tiền của Ngân hàng tín dụng Bộ nông nghiệp Mỹ. Ngân hàng xuất nhập khẩu Mỹ cũng như của Công ty bảo hiểm đầu tư tư nhân ở nước ngoài của Mỹ, v.v. Đây chẳng qua là những biện pháp mà Oa-sinh-ton thi hành nhằm tạo những điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu hàng hóa Mỹ sang thị trường Trung-quốc. Trong ba tháng đầu năm 1981, Trung-quốc đã trở thành thị trường xuất khẩu lớn thứ ba của Mỹ tại châu Á sau Nhật-bản và Nam Triều-tiên và là thị trường nông phẩm lớn thứ ba của Mỹ trên thế giới. Đối với giới cầm quyền Bắc-kinh vốn hy vọng dựa vào đồng đô la để thực hiện «bổn hiện đại hóa» thì đây vẫn là những miếng mồi có tính hấp dẫn nhất định. Tuy nhiên, đôi mắt của Bắc-kinh chủ yếu vẫn nhìn chăm chú vào cánh cửa kho vũ khí hiện đại của Mỹ. Rõ ràng là cái cánh cửa này đang được chú SAM hé mở dần dần, từ việc bán cho Bắc-kinh những trang bị «hai công dụng» đến việc hứa bán một số «vũ khí tiến công». Ngày 22-7-1981, đại sứ mới của Mỹ tại Trung-quốc là Ác-tơ Hum-men đã nói trước Ủy ban đối ngoại Thượng nghị viện Mỹ rằng: «Mỹ sẽ bán cho Trung-quốc xe tăng và vũ khí chống máy bay». Hum-men cho rằng: «Các liên hệ về quân sự giữa Mỹ và Trung-quốc là sự phát triển logic trong các quan hệ ngày càng cải thiện giữa hai nước».

Ở đây, Oa-sinh-ton đã «đi guốc trong bụng» Bắc-kinh, do chính xác cơn khát vũ khí của Bắc-kinh, cho nên thực hiện chính sách «nhỏ giọt». Vừa kích thích cuồng vọng của Bắc-kinh trong lĩnh vực này, Oa-sinh-ton lại cho kèm theo ngày những hạn chế. Chính quyền Ri-gân tuyên bố rằng Trung-quốc có thể đưa ra những đề

nghị mua của các nguồn thương mại Mỹ bất cứ mặt hàng nào trong danh sách các mặt hàng quân cụ của Mỹ. trong đó có các loại vũ khí, nhưng Mỹ lại hoàn toàn không cam kết sẽ tán thành các đề nghị đó, mà chỉ cam kết sẽ xem xét những đề nghị đó trong từng trường hợp một, như Mỹ thường vẫn làm đối với những nước được Mỹ đặt trong quy chế «nước bạn bè» (chứ không phải «nước đồng minh»). Thế là, trước mắt Bắc-kinh con đường dẫn đến kho vũ khí hiện đại Mỹ còn có một số trạm gác. và Oa-sinh-ton cũng đã gởi cho Bắc-kinh thấy «giấy chứng chỉ» để Bắc-kinh lọt qua những trạm gác đó. Đây chính là cái phương thức «hợp tác Trung - Mỹ» mà Brê-din-xki đã nêu lên và đòi Bắc-kinh phải khăn trương, tích cực vươn lên hơn nữa: từ «liên kết chiến lược trên thực tế» hiện nay sớm chuyển sang «liên minh phòng thủ Mỹ - Trung-quốc - Nhật-bản - Tây Âu», hay nói trắng ra là liên minh quân sự Mỹ - Trung-quốc - Nhật-bản - Tây Âu. Mỹ cho rằng một khối «NATO phương Đông» do Mỹ cầm đầu được thành lập sẽ cùng khối NATO hiện nay hình thành hai gọng kìm chiến lược ở phương Đông và phương Tây, tạo thêm điều kiện cho Mỹ giành «ưu thế quân sự toàn cầu», mục tiêu cơ bản mà chính quyền Ri-gân đang theo đuổi và tìm cách thực hiện trong những năm còn lại của thế kỷ thứ XX.

Những tính toán trên đây chứng tỏ rằng những kẻ «chơi con bài Trung-quốc» tại Oa-sinh-ton đang tìm cách từng bước cột chặt Trung-quốc vào cỗ xe chiến tranh của Mỹ. dùng những ràng buộc trong lĩnh vực đối ngoại tác động đến tình hình nội bộ Trung-quốc, thúc đẩy quá trình «biến chất» của xã hội Trung-quốc, và từ những biến đổi trong nội bộ Trung-quốc, đẩy Bắc-kinh hung hăng hơn nữa trong vai trò tên lính xung kích của chủ nghĩa đế quốc, nhằm

chống Liên-xô, chống Việt-nam, chống ba dòng thác cách mạng trên thế giới. Đây là nội dung mưu đồ của Mỹ nhằm «chuyên hóa» Trung-quốc hơn nữa sang mặt đối lập, thực hiện «điển biến hòa bình» mà «bước phát triển mới» hiện nay là tiền đề. Chính vì thế, một số giới quan sát thời cuộc quốc tế cho rằng quyết định của chính quyền Ri-gân bán «vũ khí tiến công» cho Trung-quốc đánh dấu một bước ngoặt «về chất» trong quan hệ Trung - Mỹ.

Từ chủ trương thâm hiểm trên đây, chính quyền Ri-gân đang đặt cược vào «lá bài Đặng-Tiêu-Binh» đại diện cho những thế lực cực kỳ phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, giúp đỡ cho tập đoàn Đặng tiến đến độc chiếm quyền thống trị tại Trung-nam-hải, lấy đó làm đòn bẩy đẩy Trung-quốc sang hẳn quỹ đạo của chủ nghĩa đế quốc.

Trong khi đó, tập đoàn Đặng-Tiêu-Binh say mê theo đuổi những tham vọng bành trướng và bá quyền, đang lao theo những miếng mồi mà Mỹ đưa ra như họ và tỏ ra sẵn sàng đóng vai trò lực lượng bổ sung phục vụ cho chiến lược toàn cầu của Mỹ. Trong bối cảnh trên đây, «bước phát triển mới» trong mối quan hệ Trung - Mỹ là mối nguy cơ ngày càng nghiêm trọng đối với hòa bình và an ninh ở Đông Nam châu Á và trên toàn thế giới, cũng như đối với vận mệnh của chính nhân dân Trung-quốc.

Chính quyền Ri-gân đang «chơi con bài Trung-quốc» trong khuôn khổ chiến lược «giành lại ưu thế quân sự» của Mỹ trên phạm vi toàn cầu. Bắc-kinh đang cúi rạp mình trước chú SAM «bá linh» địa vị quy chế «tiểu đệ», nhằm thực hiện tham vọng bành trướng, bá quyền trước hết đối với những nước mà Bắc-kinh xem là «chư hầu» của đế quốc Trung-hoa cũ. Cả Mỹ và Trung-quốc đang tỏ ra rất hung hăng trong việc «phối hợp chính sách» và «hành động song song»

chống Liên-xô, chống Việt-nam, điều đó thể hiện nổi bật trong những cái mà chúng gọi là «vấn đề Cam-puchia», «vấn đề Áp-ga-ni-xtan», v.v. Thế nhưng, cả đế quốc Mỹ lẫn Trung-quốc đều đang lâm vào cuộc «khủng hoảng toàn diện» mà chưa biết lúc nào có thể thoát ra khỏi được. Mặt khác, ngay trong giới cầm quyền Oa-sinh-ton cũng đang tranh luận khá gay gắt về «mức độ» «chơi con bài Trung-quốc». Một số người cho rằng đây là «chơi con dao hai lưỡi», một ngày nào đó sẽ nguy hiểm cả cho chính người «cầm dao». Những kẻ mang máu phục thù của thời kỳ Sau Việt-nam như Hây-gơ, Brê-din-xki, những kẻ đại diện cho các tổ hợp công nghiệp - quân sự Mỹ... là hăng say nhất trong chiến lược câu kết Mỹ - Trung về quân sự. Đồng thời, dư luận thế giới cũng có nhiều phản ứng khác nhau đối với bước leo thang mới của hai thế lực phản động lớn nhất này. Tại châu Á, khi được tin Oa-sinh-ton quyết định bán «vũ khí tiến công» cho Trung-quốc, nhiều nước thuộc khối ASEAN đã tỏ ra xôn xao, lo âu, xem đây là «một cú điếng người», «một quyết định rất đáng tiếc, thậm chí ngu xuẩn», chứng tỏ «Mỹ xem nhẹ nguy cơ bành trướng của Trung-quốc ở Đông Nam Á, nơi mà tham vọng của Trung-quốc có tính chất lịch sử», v.v. Tại Trung-quốc, bề ngoài tập đoàn Đặng-Tiêu-Binh có vẻ thắng thế trên sân khấu chính trị Trung-nam-hải. Nhưng thế lực chống lại Đặng vẫn tỏ ra khá mạnh và có nhiều lực lượng hậu thuẫn tại các địa phương. Cuộc đấu đá nội bộ tại Trung-nam-hải vẫn gay gắt, trong khi tình hình kinh tế Trung-quốc ngày càng lún sâu trong cảnh hỗn loạn, khổ nạn. Trong nhân dân Trung-quốc, những người quan tâm đến vận mệnh của đất nước Trung-quốc, của cách mạng Trung-quốc tất không thể cứ mãi khoanh tay ngồi yên nhìn tập đoàn Đặng đẩy đất nước

này xuống vực thẳm, hậu quả tất yếu của cái gọi là « sự hợp tác Trung - Mỹ ».

Như vậy, « bước phát triển mới » trong quan hệ Trung - Mỹ mà thực chất là sự tăng cường câu kết giữa Oa-sinh-ton và Bắc-kinh theo hướng tiến đến việc thiết lập một « liên minh tay tư »: « Mỹ - Trung-quốc - Nhật-bản - Tây Âu » theo lời của Brê-din-axi, đang là nguy cơ đe dọa nền hòa

binh và an ninh trên thế giới nói chung, và khu vực Đông-dương và Đông Nam châu Á nói riêng. Nhưng đó là sự câu kết trong thế yếu, đầy khó khăn và mâu thuẫn. Chắc chắn nó không thể ngăn chặn được xu thế phát triển tất yếu của lịch sử, không thể ngăn chặn được thế tiến công vũ bão ngày càng phát triển của ba đồng thác cách mạng trên thế giới ngày nay.

Gia tộc Việt-nam...

(Tiếp theo trang 65)

« hội chúng Việt-nam ». Ác giả, ác báo. Đó là lẽ công bằng thường tình. Trong trường hợp này, « hội chúng Việt-nam » dai dẳng còn là một hiện tượng hợp quy luật, một kết luận rút ra từ phương pháp phân tích khoa học. Hai mươi năm chắt chông tội ác, hai mươi năm chắt chông thất bại. Bãi lầy Việt-nam vẫn còn quá mới; hậu quả thất bại Việt-nam vẫn còn rành rành. Đó vẫn là một tấm gương tày liếp để răn đe rất nghiêm khắc những cái đầu hiếu chiến đang bốc lửa. Ri-gân và những cận thần trong Nhà trắng nuốn quên hẳn thất bại ở Việt-nam đi, đẩy hẳn vào dĩ vãng xa xăm cái chương lịch sử bi thảm ấy, thế nhưng chính ông ta không sao quên được; ông ta cứ phải nhắc đến Việt-nam hàng chục lần! Cũng có thể nói chính tổng thống Mỹ thứ 40 là người bị ám ảnh nặng nề bởi cuộc đụng đầu lịch sử ấy. Vì cố quên mà càng thêm nhớ kỹ. Đây là một bi kịch của đương kim tổng thống Mỹ.



Bọn trùm hiếu chiến Mỹ đang lao vào cơn sốt vũ trang. Chúng đầy mạnh chạy đua vũ trang đến mức kỷ lục. Chúng ném những tài nguyên khổng lồ của nhân dân Mỹ vào mồm con quái vật bộ máy chiến tranh xâm lược. Như tờ báo Pháp *Người quan sát* mới nhận xét: mỗi ngày cầm quyền của Ri-gân là một ngày Thiên chúa giáng sinh béo bở cho những tên triệu phú Mỹ chuyên sản xuất vũ khí. Chính quyền Ri-gân còn giữ trò chiến tranh tâm lý, giờ nầm đấm vũ phu để hù dọa hồng lâm nhụt chí cuộc đấu tranh của các dân tộc. Thế nhưng thế xuống dốc của đế quốc Mỹ trong thời kỳ Sau Việt-nam là rõ ràng. Thắng lợi lịch sử của loài người tiến bộ giành được ở Việt-nam đã tạo nên một gia tốc đầy nhanh đà lao xuống dốc của tên khổng lồ đế quốc. Cái gia tốc ấy đã được thúc nhanh thêm trong hơn 6 năm qua, bởi những cuộc tiến công mới đầy hiệu lực của ba đồng thác cách mạng trên khắp các địa bàn chiến lược.

Vừa giữ vững hòa bình thế giới, vừa đầy mạnh cuộc đấu tranh cách mạng bằng những biện pháp thích hợp, các lực lượng cách mạng hùng hậu trên hành tinh chúng ta tăng cường đoàn kết, phối hợp chặt chẽ, quyết làm thất bại mọi âm mưu của bọn đế quốc và phản động, giành thêm nhiều thắng lợi to lớn mới, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, vì tương lai rực rỡ của cả loài người trên hành tinh tươi đẹp này.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ № 8 — 1981 г.

ФАМ ХЫНГ — Народный суд и соблюдение Конституции и законов
ФАН ЧУНГ ЛИ — Законодательные и контролирующие функции На-
ционального собрания. ФАН-СУАН ДОТ — Создание стабильного,
концентрированного капитала лесного хозяйства. ФАМ ТХАНЬ — О
трех пользах: общественной, коллективной и личной. ХОНГ ЗАО —
Научность новой формы сделки в сельскохозяйственном кооперативе.
НГУЕН ЧЫОНГ КХОА — Поступь реформы школьного образования
ЛЕ ВИ — Новые завоевания развитого социализма в ГДР. ТХАНЬ ТИН —
Вьетнамское ускорение в кризисе Вашингтона. КОММЕНТАРИЙ +
НЮАН ВУ — Опасный виток сговора между Китаем и США.

REVIEW OF COMMUNISM № 8 — 1981

PHAM-HUNG — The people's court and the implementation of the Constitution and the enforcement of the law. *PHAN-TRUNG-LÝ* — The legislative and control functions of the National Assembly. *PHAN-XUÂN-ĐOT* — Building a concentrated and stable forest capital. *PHẠM-THÀNH* — On the subject of the three interests: that of society, that of the collective, and that of the individual. *HỒNG-GIAO* — The scientific character of the new contract quotas in farming cooperatives. *NGUYỄN-TRƯỜNG-KHOA* — Steps in the reform of education. *LÊ-VI* — New achievements of advanced socialism in the German Democratic Republic. *THÀNH-TÍN* — The Vietnamese accelerating factor in the decline of the USA. **Commentary** ★ *NHUÂN-VŨ* — A dangerous step in US-Chinese collusion.

REVUE DU COMMUNISME № 8 — 1981

PHAM-HUNG — Le tribunal populaire et l'application de la Constitution et de la loi. *PHAN-TRUNG-LÝ* — Les fonctions législatives et de contrôle de l'Assemblée nationale. *PHAN-XUÂN-ĐOT* — Edifier un « fonds » de forêts économiques concentré et stable. *PHẠM-THÀNH* — Sur le problème des « trois intérêts » : intérêt de la société, intérêt de la collectivité, intérêt de l'individu. *HỒNG-GIAO* — Le caractère scientifique de la nouvelle forme de forfait dans les coopératives agricoles. *NGUYỄN-TRƯỜNG-KHOA* — Les étapes de la réforme de l'enseignement. *LÊ-VI* — Les nouvelles réalisations du socialisme développé en République démocratique Allemande. *THÀNH-TÍN* — Le Vietnam, facteur d'accélération de la crise américaine. **Commentaire** ★ *NHUÂN-VŨ* — Un échelon dangereux dans la collusion américano-chinoise.

REVISTA DEL COMUNISMO № 8 — 1981

PHAM-HUNG — El tribunal popular y la aplicación de la Constitución y de la ley. *PHAN-TRUNG-LÝ* — Las funciones legislativas y de control de la Asamblea Nacional. *PHAN-XUÂN-ĐOT* — Edificar un « fondo » de bosques económicos concentrados y estables. *PHẠM-THÀNH* — Sobre el problema de « tres intereses » : interés de la sociedad, interés de la colectividad, e interés del individuo. *HỒNG-GIAO* — El carácter científico de la nueva forma de trabajo a destajo en las cooperativas agrícolas. *NGUYỄN-TRƯỜNG-KHOA* — Las etapas de la reforma de la enseñanza. *LÊ-VI* — Los nuevos logros del socialismo desarrollado en la República Democrática Alemana. *THÀNH-TÍN* — Viet-nam, factor de aceleración de la crisis norteamericana. **Comentario** ★ *NHUÂN-VŨ* — Un escalón peligroso en la convivencia norteamericano-china.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 8

1981

NĂM THỨ XXVI (308)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Điện thoại : 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRÚ TẠI MIỀN NAM :

40, Trần-Cao-Vân, T.P. Hồ-Chí-Minh

Điện thoại : 22040, 25768

MỤC LỤC

<i>PHẠM-HUNG</i> – Tòa án nhân dân và việc thi hành Hiến pháp và pháp luật	1
<i>PHAN-TRUNG-LÝ</i> – Chức năng lập pháp và giám sát của Quốc hội	7
<i>PHAN-XUÂN-DOT</i> – Xây dựng vốn rừng kinh tế tập trung ổn định	10
<i>PHẠM-THÀNH</i> – Về vấn đề ba lợi ích : lợi ích của xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân	16
<i>HỒNG-GIAO</i> – Tính khoa học của hình thức khoán mới trong hợp tác xã nông nghiệp	22
<i>NGUYỄN-KIM-PHONG</i> – Xí nghiệp liên hợp công – nông nghiệp chế Trần-Phủ	28
<i>NGUYỄN-TRƯỜNG-KHOA</i> – Bước đi của cải cách giáo dục	34
<i>TRẦN-NGỌC-THU</i> – Vấn đề then chốt của tổ chức thực tiễn trong cách mạng xã hội chủ nghĩa	38
★★★ – Phần đấu hoàn thành tốt công tác phát thể đảng viên vào cuối năm 1981	45
Truyền thống tạp chí của Đảng ta	50
Hội ký ★ THIẾ-TẬP – Nhớ lại những ngày đi dự Đại hội thứ nhất của Đảng	53
<i>LÊ-VI</i> – Những thành tựu mới của chủ nghĩa xã hội phát triển ở Cộng hòa dân chủ Đức	56
<i>THÀNH-TÍN</i> – Gia tốc Việt-nam trong đà xuống dốc của Hoa-kỳ	60
Bình luận ★ NHUẬN-VŨ – Nỗi thang nguy hiểm của sự cầu kết Mỹ – Trung-quốc	66

二、關於「新學」

「新學」之說，始於明末清初，當時西學東漸，中國知識分子開始接觸到西方科學、技術、文學、藝術等，遂產生「新學」之稱。此種學說，旨在介紹西方新知，以啟蒙中國人，使之了解世界之變遷。其代表人物如徐光啟、利瑪竇等，他們通過翻譯、著述等方式，將西方知識引入中國。

「新學」之興，不僅是知識之傳播，更是思想之碰撞。它挑戰了傳統儒家思想之權威，為中國近代化之進程奠定了基礎。然而，「新學」之興也面臨諸多阻力，如保守勢力之反對、社會環境之限制等。儘管如此，「新學」之精神始終貫注於中國近代思想史之中。

三、結語

本文旨在探討「新學」之興衰及其對中國近代化之影響。通過分析「新學」之起源、發展及面臨之挑戰，我們可以看出，「新學」之興是中國近代思想史之重要篇章。

（此處為原文之結尾部分，內容較為模糊，故僅保留其大致結構。）

From:

交 流 國 際 公 司
CHIAO LIU PUB. SERVICE

To: ~~Ames Library~~
University of California
Berkeley 4. Calif

CU-1640
Ink. No.
Date 10/1-1981

Title TAP CHI CONG SAN

No. of Copies 1

Vol. No.

Issue No. 8(38)

Date Published 8/81

發 貨 單

DELIVERY SLIP (Ref: Your Order

033805
12-18-7

Tìm đọc :

BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG

TRUNG ƯƠNG

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1945)

In lần thứ tư có sửa chữa và bổ sung

BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG

TỈNH ỦY NGHỆ-TĨNH

XÔ VIẾT NGHỆ-TĨNH



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

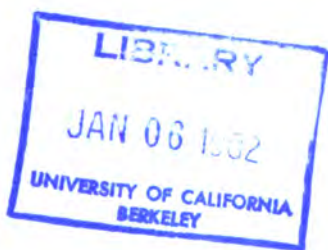
In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Chỉ số : 12651

Giá : 0đ

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM



9

9.1981

THE

LIBRARY

OF THE

17

18

HIẾN PHÁP CỦA NHÂN DÂN CHIẾN THẮNG *

TRƯỜNG - CHINH

*Ủy viên Bộ chính trị, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam*

NĂM nay là năm đặc biệt trong đời sống của Việt-nam. Đất nước đã bước vào năm đặc biệt đó với bản Hiến pháp ghi nhận những thành quả chính trị xã hội của nhân dân lao động trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Theo đạo luật cơ bản mới đã tổ chức cuộc bầu cử Quốc hội của nước Cộng hòa, Quốc hội đã thông qua một số luật cụ thể hóa những điều khoản của Hiến pháp, bảo đảm việc thực hiện đầy đủ những điều khoản ấy trong thực tế. Hiến pháp mới đang có hiệu lực. Nó đã trở thành nhân tố ổn định trong đời sống của xã hội Việt-nam, nguồn thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển xã hội theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Quốc hội Việt-nam đã nhất trí thông qua Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam ngày 18-12-1980. Kế thừa và phát triển Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959 của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là Hiến pháp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước. Nó tổng

kết và xác định những thành quả đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt-nam trong nửa thế kỷ qua, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân Việt-nam, bảo đảm bước phát triển rực rỡ của xã hội Việt-nam trong thời gian tới. Nó quy định chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt-nam, cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động của các cơ quan Nhà nước.

Dưới đây chúng tôi xin giới thiệu một số nét cơ bản của Hiến pháp mới Việt-nam.

Mục đích cách mạng của giai cấp công nhân là xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ mọi hình thức áp bức giai cấp và dân tộc; thực hiện một xã hội công bằng, tự do và hạnh phúc: xã hội cộng sản. Đó là điều mà các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lê-nin đã từng nhấn mạnh.

* Bài viết cho tạp chí "Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội".

Chỉ có giai cấp công nhân giành được chính quyền, nắm chính quyền Nhà nước, trở thành giai cấp lãnh đạo toàn bộ xã hội thì mới cải tạo xã hội chủ nghĩa được nền kinh tế quốc dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

« Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là Nhà nước chuyên chính vô sản » (1).

Giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh cách mạng, giai cấp công nhân Việt-nam giải phóng cho toàn thể nhân dân lao động Việt-nam khỏi mọi áp bức, bóc lột. Cho nên, Nhà nước chuyên chính vô sản Việt-nam đại diện cho quyền lợi cơ bản và lâu dài của toàn dân Việt-nam và ở Việt-nam chính quyền là của dân, do dân và vì dân. Trong chuyên chính vô sản, không phải chỉ có giai cấp vô sản cầm quyền. Liên minh công nông là nền tảng của chuyên chính vô sản. Ở Việt-nam, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân (nông dân tập thể và nông dân cá thể), trí thức xã hội chủ nghĩa và các tầng lớp nhân dân lao động khác đều được bầu đại biểu của mình vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

« Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân.

« Nhân dân sử dụng quyền lực Nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân » (2).

Theo chúng tôi, chuyên chính vô sản với quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động không mâu thuẫn nhau. Càng tăng cường chuyên chính vô sản càng phải phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Và làm như thế thì vừa kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, các thế lực chống đối chủ nghĩa xã hội, vừa phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, tránh quan liêu, độc đoán.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam năm 1976 đã nêu vấn đề về mối quan hệ giữa Đảng, nhân dân và Nhà nước. Nay những mối quan hệ ấy được thể chế hóa trong Hiến pháp mới.

Về vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam, Hiến pháp mới nói rõ: « Đảng cộng sản Việt-nam, đội tiên phong và bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân Việt-nam, được vũ trang bằng học thuyết Mác — Lênin, là lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo xã hội; là nhân tố chủ yếu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt-nam ».

Về vai trò của nhân dân lao động trong đời sống chính trị của Đất nước, Hiến pháp ghi: « Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, người làm chủ tập thể là nhân dân lao động bao gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa và những người lao động khác, mà nông cốt là liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo » (3). Nhân dân lao động làm chủ xã hội chủ yếu bằng Nhà nước, thực hiện quyền của mình thông qua Quốc hội, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất, và thông qua Hội đồng nhân dân các cấp, cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương. Nhân dân lao động còn làm chủ tập thể bằng các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ và các đoàn thể khác thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt-nam. Nhân dân lao động cũng làm chủ trực tiếp ở các cơ sở như xí nghiệp, hợp tác xã, cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, khu dân cư, v.v. tham gia công

(1) Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, Điều 2.

(2) Như trên, Điều 6.

(3) Như trên, Điều 3.

việc của Nhà nước và xã hội ngay tại những nơi đó.

Về vấn đề Nhà nước quản lý, toàn bộ Hiến pháp nói lên trách nhiệm nặng nề của Nhà nước trong việc quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Nhà nước chịu trách nhiệm trước nhân dân trên vấn đề quản lý nước Việt-nam về mọi mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, v.v. Chính phủ chịu trách nhiệm trước nhân dân về việc tổ chức và chỉ đạo thực hiện kế hoạch Nhà nước, về đời sống kinh tế và văn hóa của nhân dân, về tổ chức việc bảo vệ Tổ quốc và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, về việc bảo đảm các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Ba vấn đề trên đây (Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ và Nhà nước quản lý) quan hệ khăng khít với nhau và đó chính là nội dung của nền *đan chủ xã hội chủ nghĩa* của nước Việt-nam trong giai đoạn hiện tại.

Đề hiểu đầy đủ hơn các điều kiện mà Hiến pháp Việt-nam được thông qua, cần nhìn lại một giai đoạn lịch sử ngắn.

Dưới chế độ thực dân Pháp, nước Việt-nam bị chia cắt làm ba bộ phận gọi là ba «kỳ»: Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ. Ba «kỳ» đó hợp với Lào và Cam-pu-chia thành xứ «Đông-dương thuộc Pháp» hay là «Đông Pháp». Tên nước Việt-nam bị xóa bỏ hẳn trên bản đồ thế giới.

Cách mạng tháng Tám (1945) thành công, nước Việt-nam được thống nhất sau gần một thế kỷ bị chia cắt. Nhưng thực dân Pháp trở lại xâm lược Việt-nam một lần nữa. Nước Việt-nam bị chia làm hai vùng: vùng quân đội Pháp chiếm đóng và vùng tự do.

Sau chiến thắng vĩ đại Điện-biên-phủ (1954), nước Việt-nam lại bị cắt làm hai phần với hai chế độ chính trị khác nhau: Việt-nam dân chủ cộng hòa ở miền Bắc với chế độ dân chủ nhân dân, và Cộng hòa Việt-nam ở

miền Nam với chế độ thực dân mới của đế quốc Mỹ và nguy quyền tay sai của Mỹ.

Trong điều kiện ấy, nhân dân Việt-nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, đã đi theo con đường xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, giải phóng bộ phận đó của đất nước khỏi sự thống trị của bọn đế quốc Mỹ và tay sai.

Từ ngày giải phóng Sài-gòn năm 1975, chính quyền cách mạng của nhân dân được thiết lập ở khắp miền Nam. Nước Việt-nam thống nhất về mặt Nhà nước trên cơ sở độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Vấn đề đặt ra cho Đảng cộng sản Việt-nam lúc đó là phải thống nhất nước Nhà về mọi mặt: chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội. Cho nên, một mặt, phải kiên quyết xóa bỏ nguy quân, nguy quyền, đồng thời xóa bỏ mọi hình thức kinh tế và mọi tàn dư văn hóa của chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam; mặt khác, phải mau chóng đưa miền Nam đi vào con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa như miền Bắc, ra sức cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở miền Nam.

Tình hình kinh tế ở Việt-nam lúc này còn đa dạng. Ở miền Bắc, chủ nghĩa xã hội đã giành được thắng lợi cơ bản, khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa (bao gồm kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể) đã chiếm 88,4% tổng sản phẩm xã hội và 84,1% thu nhập quốc dân. Phần còn lại là của những nông dân cá thể nhỏ; khu vực kinh tế tư bản chủ nghĩa tư doanh đã được cải tạo hoàn toàn. Còn miền Nam mới đi những bước đầu tiên trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Nhiệm vụ cách mạng Việt-nam sau ngày giải phóng miền Nam (30-4-1975) là tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thành cải tạo xã hội chủ

nghĩa ở miền Bắc, đồng thời tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Nam.

Như thế là, tuy trình độ cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội có chênh lệch nhau, nhưng thực tế từ ngày giải phóng miền Nam cả hai miền đều ở trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là vũ khí sắc bén của nhân dân Việt-nam trong cuộc đấu tranh giành thắng lợi hoàn toàn cho chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước.

Muốn giành thắng lợi dứt khoát, cả nước Việt-nam đều phải tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng về khoa học — kỹ thuật, cách mạng về tư tưởng và văn hóa. Đó là nội dung cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam hiện nay. Phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa nảy sinh và phát triển trong cả nước, ý thức tư tưởng xã hội chủ nghĩa nảy nở và càng ngày càng chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống tinh thần của xã hội.

Kinh nghiệm hàng nghìn năm của nhân dân Việt-nam là xây dựng Tổ quốc phải gắn liền với bảo vệ Tổ quốc.

Từ ngày nước Việt-nam dân chủ cộng hòa thành lập và sau đó là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam ra đời, nhân dân Việt-nam đã buộc phải chiến đấu khốc liệt chống chủ nghĩa đế quốc. Bốn cuộc chiến tranh đã liên tiếp nổ ra: hai cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc chống đế quốc Pháp và chống đế quốc Mỹ, và hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chống bè lũ diệt chủng Pôn Pốt — lêng Xa-ry và trực tiếp chống bọn bành trướng và bá quyền Bắc-kinh.

Trong tình hình hiện nay, bảo vệ Tổ quốc Việt-nam là bảo vệ một tiền đồn vững chắc của chủ nghĩa xã hội

ở Đông Nam châu Á chống chủ nghĩa đế quốc hiếu chiến đứng đầu là đế quốc Mỹ và chống bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc vẫn lăm le xâm lược Việt-nam, dùng Việt-nam làm bàn đạp hòng thôn tính toàn bộ Đông Nam châu Á. Trong khi chiến đấu vì quyền lợi sống còn của dân tộc mình, nhân dân Việt-Nam đồng thời làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với hòa bình và cách mạng trên thế giới. Nhân dân Việt-nam chẳng những bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của mình, mà còn có nhiệm vụ góp phần phát triển và tăng cường hệ thống thế giới của chủ nghĩa xã hội, đồng thời góp phần làm tan rã hoàn toàn hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Ở Việt-nam, xây dựng chủ nghĩa xã hội kết hợp chặt chẽ với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa được đặt ra trên cơ sở thực tế chính trị — lịch sử đó.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam nói:

“Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam xây dựng nền quốc phòng toàn dân, toàn diện và hiện đại trên cơ sở kết hợp xây dựng Tổ quốc với bảo vệ Tổ quốc, kết hợp sức mạnh của lực lượng vũ trang nhân dân với sức mạnh của toàn dân, kết hợp sức mạnh truyền thống đoàn kết dân tộc chống ngoại xâm với sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa” (4).

Thật vậy. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam vừa phải chăm lo xây dựng chủ nghĩa xã hội, không ngừng phát triển kinh tế và văn hóa, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; vừa phải chăm lo củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân với ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ; chống bọn đế quốc xâm lược và bọn bành trướng và bá quyền nước lớn Trung-

(4) Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, Điều 50.

quốc, diệt trừ nội loạn; bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững trật tự, an ninh của mình.

Theo Hiến pháp mới, công dân có các quyền rộng rãi trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, trong đời sống công cộng cũng như trong sinh hoạt gia đình. Những người lao động chân tay và lao động trí óc, phụ nữ, và nam giới, người già, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng, thương binh, gia đình liệt sĩ, cá nhân và gia đình có công với cách mạng, người tàn tật, người neo đơn, trẻ mồ côi không nơi nương tựa, tất cả đều tìm thấy trong Hiến pháp những quy định về các quyền cơ bản mà mình được hưởng, các điều ưu đãi mà Nhà nước và xã hội dành cho mình.

Bên cạnh những quyền, Hiến pháp quy định những nghĩa vụ cơ bản của công dân; đặt lên hàng đầu các nghĩa vụ công dân phải trung thành với Tổ quốc, bảo vệ Tổ quốc, lao động, tuân theo Hiến pháp, pháp luật và các quy tắc của cuộc sống công cộng, tôn trọng và bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa.

Những quy định trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam về các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân thể hiện quan điểm giải quyết mối quan hệ giữa xã hội và cá nhân trên nguyên tắc « kết hợp hài hòa những yêu cầu của cuộc sống xã hội với tự do chân chính của cá nhân, bảo đảm sự nhất trí và lợi ích giữa Nhà nước, tập thể và cá nhân theo nguyên tắc mỗi người vì mọi người, mọi người vì mọi người » (5).

Tinh thần cơ bản thấm suốt mối quan hệ nói trên là *quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân*, công dân có quyền thì phải có nghĩa vụ, ngược lại làm nghĩa vụ đi liền với hưởng các quyền được Nhà nước bảo đảm.

Trong thời kỳ quá độ, đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu còn diễn ra gay go, phức tạp. Để phòng ngừa việc lợi dụng các quyền công dân xâm phạm lợi ích của Nhà nước và của nhân dân, Hiến pháp quy định: « Không ai được lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xâm phạm lợi ích của Nhà nước và của nhân dân » (6).

Chúng tôi coi việc nâng cao mức sống vật chất và văn hóa của nhân dân là một trong những điều kiện để hình thành con người mới, để bảo đảm sự phát triển cân đối và toàn diện của từng người. Hiến pháp bảo đảm cho công dân một cuộc sống ngày càng đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần, cao đẹp về phẩm chất. Điều đó hoàn toàn khác với cái gọi là « xã hội tiêu thụ » mà những nhà xã hội học và triết gia tư sản thường xuyên truyền.

Toàn bộ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam toát ra *tinh thần yêu nước nồng nàn* của nhân dân Việt-nam, tinh thần đoàn kết chống ngoại xâm của nhân dân Việt-nam qua các thời kỳ của lịch sử dân tộc.

Hiến pháp nhấn mạnh: « Nhà nước phát huy tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân » (7). Nghĩa vụ thiêng liêng của mọi công dân là phải trung thành với Tổ quốc và bảo vệ Tổ quốc. « Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất đối với dân tộc » (8).

Mặt khác, Hiến pháp cũng thể hiện *tinh thần quốc tế vô sản*, chính sách đối ngoại đúng đắn và nghĩa vụ quốc tế cao cả của nhân dân Việt-nam.

(5) Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Điều 51.

(6) Như trên. Điều 67.

(7) Như trên. Điều 52.

(8) Như trên. Điều 76.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam ghi rõ:

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam tăng cường tình hữu nghị anh em, tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác về mọi mặt với Liên-xô, Lào, Cam-pu-chia và các nước xã hội chủ nghĩa khác trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản; bảo vệ và phát triển quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng; đoàn kết với nhân dân các nước đang đấu tranh vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội; thực hiện chính sách cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi; tích cực ủng hộ và góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa bá quyền, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, vi hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội»

Những điều quy định rõ ràng, dứt khoát trên đây về chính sách đối ngoại của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam chỉ rõ là vô căn cứ những luận điệu vu khống, xuyên

tạc của lập đoàn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc về cái gọi là « chủ nghĩa tiêu bá của Việt-nam » cũng như về cái gọi là « liên bang Đông-dương », trong đó Việt-nam nắm bá quyền.

Đề làm cho Hiến pháp trở thành hiện thực trong đời sống xã hội, còn phải làm nhiều công việc rất quan trọng. Nhà nước phải cụ thể hóa Hiến pháp mới bằng những luật cần thiết để thi hành Hiến pháp. Phải làm cho cán bộ và nhân dân hiểu rõ những điều khoản của Hiến pháp, để mọi công dân đều tự giác, tự nguyện thi hành. Đấu tranh để thi hành Hiến pháp là một cuộc đấu tranh còn khó khăn gấp nghìn lần so với việc xây dựng Hiến pháp. Song, vì nội dung của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam hợp với quy luật phát triển của xã hội ở nước chúng tôi và hợp với quyền lợi và nguyện vọng sâu xa của toàn dân Việt-nam. cho nên, mặc dù khó khăn, phức tạp, chúng tôi tin chắc rằng Hiến pháp mới của nước chúng tôi nhất định sẽ được thực hiện. Với việc thực hiện Hiến pháp mới, nhân dân Việt-nam sẽ có thêm tự do và hạnh phúc và xây dựng thành công một nước Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa.

TIẾN HÀNH TỐT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ CÁC CẤP

THI hành nghị quyết Hội nghị thứ 9 của Ban chấp hành trung ương Đảng về việc triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng, hiện nay Đảng ta đang khẩn trương và tích cực chuẩn bị về mọi mặt để tiến tới Đại hội Đảng.

Đối với các đảng bộ địa phương và cơ sở, một yêu cầu hết sức quan trọng để thiết thực góp phần chuẩn bị cho Đại hội toàn quốc của Đảng là tiến hành tốt Đại hội đảng bộ cấp mình và lựa chọn những đại biểu xứng đáng đi dự Đại hội đảng bộ cấp trên hoặc Đại hội toàn quốc của Đảng.

Trước hết, cần hiểu những yêu cầu đặt ra đối với Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng, trên cơ sở đó mà có hướng suy nghĩ và chuẩn bị, nhằm phấn đấu cho Đại hội đảng bộ các cấp đạt kết quả tốt nhất.

Đại hội thứ V của Đảng được triệu tập trong hoàn cảnh toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã nỗ lực phấn đấu thực hiện nghị quyết Đại hội thứ IV của Đảng, chiến đấu anh dũng, lao động cần cù, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách và đã giành được những thắng lợi to lớn trên nhiều mặt.

Bên cạnh những thành tích nổi bật đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược do tập đoàn cầm quyền phản động Trung-quốc gây ra, tiếp tục làm nghĩa vụ quốc tế đối với hai

nước anh em Lào và Cam-pu-chia, đặc biệt là đã ủng hộ và giúp đỡ sự nghiệp cứu nước của nhân dân Cam-pu-chia giành được thắng lợi hoàn toàn, chúng ta cũng đã đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hệ thống chuyên chính vô sản trong cả nước được thiết lập vững vàng. Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động bước đầu được xây dựng. Chúng ta đã nhanh chóng khắc phục những thiệt hại nặng nề do chiến tranh xâm lược của Mỹ và của bọn hành trưởng Bắc-kinh gây ra, kịp thời giải quyết nhiều vấn đề kinh tế, xã hội cấp bách. Cơ sở vật chất và kỹ thuật của nền kinh tế đã được tăng cường một bước đáng kể. Trong nông nghiệp cũng như trong công nghiệp, mặc dù gặp nhiều khó khăn, sản xuất trên một số mặt có tiến bộ và phát triển hơn trước. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế đạt được những bước phát triển quan trọng thể hiện tinh thần vượt của chế độ mới. Gần đây, những nhân tố tích cực, những điển hình tiên tiến trong phong trào lao động sản xuất đã tạo ra những hiệu quả kinh tế thiết thực ở nhiều nơi và đang hứa hẹn những kết quả lớn hơn. Về đối ngoại, chúng ta đã đạt được những thành tựu có tính chất chiến lược trong việc tăng cường tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân ta với nhân

dân các nước anh em trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, những thành tựu của chúng ta trong công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là trên lĩnh vực kinh tế, còn thấp so với yêu cầu, so với công của đã bỏ ra. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, chúng ta cũng có những khuyết điểm và nhược điểm về vận dụng đường lối của Đảng, về kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân, về quản lý kinh tế, về công tác phân phối lưu thông, về chỉ đạo thực hiện và về bố trí tổ chức, cán bộ như thư của Ban chấp hành trung ương Đảng gửi các cấp ủy Đảng và toàn thể cán bộ, đảng viên về việc triệu tập Đại hội thứ V đã chỉ rõ.

Chúng ta không chỉ đứng trước những nhiệm vụ nặng nề của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội mà còn phải luôn luôn nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc. Bọn hành tẩu Bắc-kinh câu kết với đế quốc Mỹ vẫn theo đuổi những âm mưu xâm lược nước ta và thường xuyên tiến hành những hành động phá hoại nước ta về mọi mặt. Đất nước ta vẫn đang ở trong tình thế vừa có hòa bình, vừa có thể xảy ra chiến tranh.

Đại hội toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng, là sự kiện nổi bật trong đời sống của Đảng và cũng là sự kiện chính trị rất quan trọng, có quan hệ thiết thân đến mọi tầng lớp nhân dân

Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng phải tập trung được trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân nhằm cụ thể hóa hơn nữa đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng, phát huy những ưu điểm và nhân tố tích cực, chỉ ra phương hướng và những biện pháp khắc phục khó khăn, sửa chữa khuyết điểm, tạo ra trong thời kỳ kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 và những năm tiếp theo một bước chuyển biến

quan trọng trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và tiếp tục làm tròn nhiệm vụ quốc tế.

Đại hội đảng bộ các cấp lần này nhằm mục đích chuẩn bị thật tốt cho Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng và bảo đảm tổ chức tốt việc thực hiện nghị quyết của Đại hội Đảng. Do đó, việc tiến hành đại hội đảng bộ các cấp lần này hướng vào những yêu cầu sau đây:

— Đề cao tinh thần trách nhiệm, mở rộng dân chủ, phát huy trí tuệ của đảng viên, bảo đảm cho đảng viên và các đại biểu tham gia thảo luận các vấn đề do Trung ương Đảng và cấp ủy đề ra một cách thiết thực, đóng góp phân tích cụ thể của mình vào việc quyết định các vấn đề chung của toàn Đảng và của mỗi đảng bộ.

— Qua việc nghiên cứu, thảo luận các đề cương do Trung ương Đảng đưa xuống và liên hệ với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị, mà nâng cao một bước nhận thức về đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng Trên cơ sở đó, mỗi cấp ủy, mỗi đồng chí có trách nhiệm suy nghĩ, nghiên cứu, chuẩn bị tốt đề án của cấp ủy Đảng sẽ đưa ra Đại hội đảng bộ.

— Cử được những đại biểu thật sự xứng đáng, có đủ tiêu chuẩn, đi dự đại hội đảng bộ cấp trên hoặc Đại hội đại biểu toàn quốc; đồng thời kiện toàn được cấp ủy Đảng thật sự có chất lượng theo đúng quy định và hướng dẫn của Trung ương.

Trên cơ sở bảo đảm tốt các yêu cầu trên đây, đại hội đảng bộ các cấp góp phần tạo ra sự nhất trí cao ở Đại hội đại biểu toàn quốc, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng cũng như ở mỗi đảng bộ, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc.

Sau Đại hội thứ V của Đảng, quán triệt một cách sâu sắc nghị quyết của Đại hội, các cấp ủy Đảng sẽ kiểm điểm việc đề ra và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, chủ trương, biện pháp công tác từ đại hội đảng bộ lần trước, chỉ ra những ưu điểm, tiến hành tự phê bình và phê bình nghiêm túc về những khuyết điểm của đảng bộ và của cấp ủy Đảng, hoàn chỉnh đề án đã chuẩn bị để trình đại hội đảng bộ, bảo đảm cho các quyết định của đại hội đảng bộ có tính tích cực, có căn cứ thực tế và vững chắc.

Đại hội đảng bộ các cấp lần này được tổ chức thành hai đợt:

— Đợt 1 thảo luận những vấn đề do Trung ương Đảng đưa xuống và cử đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên hoặc Đại hội đại biểu toàn quốc.

— Đợt 2 sẽ tiến hành sau Đại hội đại biểu toàn quốc để kiểm điểm việc thi hành nghị quyết của đại hội đảng bộ lần trước, quán triệt và thảo luận việc thi hành nghị quyết của Đại hội toàn quốc thứ V, quyết định nhiệm vụ mới của đảng bộ trong thời kỳ kế hoạch 5 năm 1981 — 1985, chủ yếu là trong nhiệm kỳ của cấp ủy Đảng; bầu cử ban chấp hành mới ở những nơi đã hết nhiệm kỳ hoặc gần hết nhiệm kỳ. Ở những nơi khác, nếu đại hội đảng bộ xét thấy cần thiết thì có thể bầu cử bổ sung hoặc thay đổi một số cấp ủy viên, đề nghị toàn cấp ủy.

Đối với những nơi tuy đã hết nhiệm kỳ của cấp ủy Đảng, trong Đại hội đảng bộ đợt 1 cũng chỉ tiến hành việc thảo luận những vấn đề do Trung ương đưa xuống để chuẩn bị cho Đại hội toàn quốc, còn việc bàn định nhiệm vụ, mục tiêu, biện pháp phấn đấu của đảng bộ trong nhiệm kỳ tới và bầu cử cấp ủy Đảng, thì đợi sau Đại hội toàn quốc của Đảng sẽ tiến hành.

Đợt 1, bắt đầu tiến hành đại hội từ cơ sở trở lên, Đợt 2, tiến hành đại

hội đảng bộ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trước, sau đó tiếp tục tiến hành đại hội đảng bộ cấp huyện, quận và cơ sở. Sau Đại hội thứ V của Đảng, Ban bí thư sẽ hướng dẫn cụ thể nội dung và cách tiến hành đợt 2 của đại hội đảng bộ các cấp.

Việc bầu cử đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên và Đại hội đại biểu toàn quốc phải được tiến hành thật chu đáo, bảo đảm chất chẽ tiêu chuẩn đại biểu.

Các đại biểu phải là đảng viên ưu tú, tuyệt đối trung thành với Đảng, vừa có phẩm chất tốt vừa có năng lực. Đặc biệt phải có lập trường chính trị kiên định vững vàng, hoàn toàn nhất trí và thật sự thông suốt đường lối, quan điểm của Đảng về đối nội cũng như đối ngoại. Phải tiêu biểu cho tinh thần phấn đấu cách mạng và trí tuệ của đảng bộ, có kiến thức và kinh nghiệm thực tế trên lĩnh vực hoạt động của mình, có khả năng đóng góp thật sự vào các vấn đề bàn định ở đại hội.

— Đề tập trung được trí tuệ của Đảng vào việc thảo luận và quyết định các vấn đề của Đại hội, trong các đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng phải có nhiều đồng chí là cán bộ cao cấp và cán bộ trung cấp hoạt động ở các cơ quan lãnh đạo của Đảng, các ban, các ngành quan trọng và các đoàn thể ở cấp trung ương, cấp tỉnh, thành phố; đồng thời có tỷ lệ thích đáng các đồng chí hoạt động ở các huyện, các viện nghiên cứu về kinh tế, khoa học — kỹ thuật, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và sự nghiệp.

Chú trọng lựa chọn các đồng chí có năng lực quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật, chú ý thích đáng các anh hùng, chiến sĩ thi đua ưu tú ở các đơn vị sản xuất, kinh doanh và các lực lượng vũ trang.

Các đoàn đại biểu, nhất là của các tỉnh, thành phố cần tăng số đại biểu là công nhân, có tỷ lệ thích đáng đại biểu là cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số ở các địa phương có đồng bào dân tộc thiểu số.

Về số lượng đại biểu, các cấp ủy Đảng thi hành theo chỉ thị hướng dẫn của Ban bí thư Trung ương Đảng.

Đề tiến tới đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng, các cấp ủy Đảng, trước hết là các tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc trung ương cần kiểm điểm đề thực hiện tốt thư của Ban chấp hành trung ương Đảng gửi các cấp về việc triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc.

Trên cơ sở quán triệt các nghị quyết, chỉ thị gần đây của Trung ương Đảng và của Bộ chính trị, như nghị quyết Hội nghị thứ 6, thứ 9 của Ban chấp hành trung ương Đảng, các nghị quyết của Bộ chính trị về công tác phân phối lưu thông, về công tác tổ chức, nghị quyết của Ban bí thư Trung ương Đảng về những nhiệm vụ trước mắt của công tác tư tưởng..., các cấp ủy Đảng cần thúc đẩy phong trào thi đua thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1981, phấn đấu hoàn thành tốt công tác phát thể đảng viên gắn liền với việc củng cố tổ chức cơ sở Đảng, nhất là những cơ sở yếu kém; kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc. Bố trí đúng đội ngũ cán bộ chủ chốt ở các cấp, các ngành, xây dựng quy hoạch cán bộ kết hợp với chuẩn bị cho bầu cử cấp ủy Đảng trong năm 1982.

Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương vừa hướng dẫn, chỉ đạo việc tiến hành đại hội đảng bộ cơ sở và đại hội đảng bộ cấp huyện, vừa chuẩn bị đợt 2 của Đại hội đảng bộ cấp tỉnh, thành một cách tích cực. Nhiệm vụ trung tâm của Đảng ta hiện nay là lãnh đạo kinh tế: việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chăm lo xây dựng Đảng là nhân tố quyết

định mọi thắng lợi của cách mạng. Vì vậy, điều cơ bản trong việc chuẩn bị đợt hai của đại hội đảng bộ các cấp là phải coi trọng việc tổng kết tình hình thực tế, nhất là về lãnh đạo kinh tế và công tác xây dựng Đảng của địa phương, của đơn vị trong nhiệm kỳ, rút ra những bài học kinh nghiệm về xây dựng và thực hiện kế hoạch Nhà nước, các biện pháp về tổ chức và quản lý kinh tế, những kinh nghiệm về công tác tư tưởng và công tác tổ chức nhằm bảo đảm chất lượng của các đề án và của các quyết định ở đại hội đảng bộ lần này.

Các cấp ủy Đảng cần tiến hành đại hội với tinh thần khẩn trương, thiết thực, làm việc thật sự, tránh hình thức, lãng phí. Việc lấy ý kiến quần chúng phải được tiến hành với tinh thần thật sự tôn trọng quần chúng: cần lắng nghe ý kiến của quần chúng, nêu các vấn đề cho quần chúng thảo luận và đóng góp ý kiến, tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến của quần chúng một cách chu đáo, đưa vào đại hội đảng bộ cơ sở và đại hội các cấp để thảo luận và quyết định.

Các ban, các ngành ở trung ương căn cứ vào đề cương báo cáo của Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V, chuẩn bị các vấn đề thuộc trách nhiệm của ban mình, ngành mình đề góp ý kiến với các tỉnh ủy, thành ủy về những vấn đề quan trọng trong công tác của từng ngành mà đại hội đảng bộ địa phương cần chú ý xem xét và giải quyết.

Hiện nay, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đang còn không ít khó khăn; kẻ địch đang tìm mọi cách phá hoại những thành quả cách mạng của nước ta, khoét sâu các khuyết điểm của ta hòng kích động quần chúng và chia rẽ nội bộ ta. Các cấp ủy Đảng

(Xem tiếp trang 59)

NGÔI SAO TRÊN ĐỈNH BU-DƠ-LÚT-GIA *

CHÊ-Ô-RƠ-GHI I-Ô-RƠ-ĐA-NỐP

*Ủy viên dự khuyết Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương
Đảng cộng sản Bun-ga-ri, Phó Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng*

ĐÃ 90 năm trôi qua kể từ ngày thành lập Đảng cộng sản Bun-ga-ri. Đối với sự kiện trọng đại này, ngày nay tôi vẫn còn nhớ ngôi nhà lưu niệm trên đỉnh núi Bu-dơ-lút-gia cổ kính, đài kỷ niệm với ngôi sao năm cánh, soi sáng cả một thời đại. Bất cứ người cộng sản Bun-ga-ri nào, bất cứ người dân Bun-ga-ri nào đang xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, đều mang trong trái tim mình ngôi sao chân lý cộng sản chủ nghĩa đó.

Ngày 2-8-1891, dưới cây sồi cổ thụ nổi tiếng trên đỉnh núi Bu-dơ-lút-gia lịch sử, những người xã hội chủ nghĩa đầu tiên của Bun-ga-ri đoàn kết chung quanh Đì-mi-tơ-ri Bla-gô-ép, đã thành lập Đảng của mình. Đảng đã thông qua Cương lĩnh đầu tiên và công khai tuyên bố Đảng là đảng của giai cấp công nhân, «Đảng bao gồm những đại biểu giác ngộ nhất của giai cấp vô sản», là «đội tiên phong của phong trào công nhân», và mục tiêu cuối cùng của Đảng là thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa, «biến mọi tư liệu sản xuất... thành sở hữu xã hội». Cũng đã thông qua cả điều lệ quy định những nguyên tắc tổ chức, tư

cách đảng viên và kỷ luật trong Đảng. Đảng mắc xít cách mạng của giai cấp công nhân Bun-ga-ri đã ra đời tại Bu-dơ-lút-gia như vậy đó.

Những năm sau này đã khẳng định tính chất giai cấp trước sau như một của Đảng, sự gắn gũi và lòng tin của Đảng đối với lợi ích của giai cấp vô sản và học thuyết của chủ nghĩa Mác. Đảng đã lớn lên về số lượng, được củng cố về tư tưởng và tổ chức, loại bỏ khỏi hàng ngũ mình những phần tử xét lại và cơ hội chủ nghĩa (tháng 7-1903) và tự khẳng định là đội tiên phong chiến đấu của những người vô sản.

Cần nhấn mạnh những công lao vô giá của người đầu tiên xây dựng Đảng chúng tôi là Đì-mi-tơ-ri Bla-gô-ép, người thường được gọi bằng cái tên nôm na là Cự — một trong những nhà mắc xít có học vấn cao nhất của thời đại, nhà lý luận nổi tiếng, nhà tổ chức không mệt mỏi, nhà hoạt động có uy tín của phong trào công nhân xã hội chủ nghĩa. Bla-gô-ép đã đào

(*) Bài viết cho Tạp chí Cộng sản (Việt-nam).

tạo cả một lớp xuất sắc các nhà cách mạng quên mình, trong sáng. Người đã làm việc và phấn đấu cho việc xây dựng Đảng như một Đảng vô sản về cơ cấu và hệ tư tưởng. Người bảo vệ kiên quyết và có căn cứ tính chất giai cấp của Đảng, bảo vệ lý luận mác xít về cách mạng và chuyển chính vô sản trước sự tiến công của bọn xét lại vào bản chất cách mạng của Đảng. Bla-gô-ép và toàn Đảng không sa vào những luận điệu yếu nước giả hiệu và sò vanh của những nhà hoạt động trong Quốc tế thứ hai, và trong những năm khó khăn đã biết khéo léo bảo vệ tư tưởng trong sáng của những nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa. Ngay từ những năm đầu tiên khi mới ra đời, Đảng đã tuyên bố rõ ràng rằng mình là « một bộ phận của phong trào xã hội dân chủ toàn thế giới », rằng tình đoàn kết anh em của những người công nhân là điều kiện cần thiết, bảo đảm cho họ chiến thắng bọn tư bản.

Ngay từ khi mới thành lập và trong mọi giai đoạn phát triển của mình, Đảng chúng tôi trước sau như một kiên quyết bảo vệ những nguyên tắc và sự thống nhất của chủ nghĩa quốc tế vô sản. Đại biểu cho lợi ích giai cấp sâu sắc của những người công nhân và lao động Bun-ga-ri, Đảng đồng thời ủng hộ những cuộc đấu tranh của các tầng lớp bị bóc lột chống ách tư bản chủ nghĩa. Đảng chúng tôi luôn luôn là đội quân đáng tin cậy và vững vàng của phong trào công sản và công nhân quốc tế. Đảng chúng tôi là một trong những đảng đầu tiên đã nhiệt liệt ủng hộ sáng kiến của Vla-di-mia I-lích Lê-nin về việc thành lập Quốc tế mới, Quốc tế cộng sản (Quốc tế thứ ba). Đảng của những người cộng sản Bun-ga-ri đã tham gia Quốc tế thứ ba với ý thức không bị chia rẽ, đoàn kết nhất trí, làm giàu thêm cho tổ chức đó bằng kinh nghiệm cách mạng phong phú

của mình, bằng những bài học của chủ nghĩa Lê-nin.

Chính là Đảng của những người xã hội chủ nghĩa Bun-ga-ri, do Bla-gô-ép lãnh đạo, đã khéo léo biến thành sức mạnh thực tế, có tổ chức, những mơ ước của các bậc vĩ nhân thời Phục hưng ở Bun-ga-ri muốn xây dựng một nền cộng hòa trong sáng và thiêng liêng, một « chủ nghĩa cộng sản tươi đẹp duy nhất ». Sự xuất hiện của Đảng, sự củng cố của Đảng, những thắng lợi của Đảng, đã thể hiện những lý tưởng và khát vọng của nhân dân. Nước Bun-ga-ri trong năm kỷ niệm 1300 năm tồn tại của mình, đã thừa hưởng thực tế này. Trong số những biểu hiện cao nhất — nằm trong số 13 ngày kỷ niệm lớn — ngày 2 tháng Tám còn được ghi là Ngày Đảng. Ngày hội nhân dân diễn ra trong cả nước ấy đã gọi lại cho mọi người nhớ tới Bu-đơ-lút-gia, đã ngự ica những cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa phát xít, và đã trở thành bản tổng kết của chủ nghĩa xã hội hiện thực, thành biểu tượng của cái nhìn lạc quan vào tương lai cộng sản chủ nghĩa.

Đảng đã vượt qua con đường khó khăn nhưng anh dũng để đi tới thắng lợi của toàn dân. Đảng đã phấn khởi đón mừng Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại. Là một đảng mác xít kiên định, Đảng không hề do dự trong việc học tập và nắm vững những bài học của chủ nghĩa Lê-nin và vận dụng hợp lý vào điều kiện cụ thể của đất nước chúng tôi. Đổi tên thành Đảng cộng sản Bun-ga-ri vào năm 1919, Đảng đã đứng ở tuyến đầu trong cao trào cách mạng của nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng vào tháng 9 năm 1923 đã nổ ra cuộc khởi nghĩa chống phát xít đầu tiên trên thế giới. Trong các cuộc đấu tranh bãi công, trong ngọn lửa của cuộc khởi nghĩa, trong hoàn cảnh hoạt động hợp pháp hay không hợp pháp, bị truy nã hay bị cấm hoạt động,

Đảng vẫn tiếp tục tích lũy kinh nghiệm cách mạng và chuẩn bị cho trận chiến đấu thắng lợi. Nhiều người con của Đảng - những chiến sĩ cách mạng đã trải qua thử thách - đã ngã xuống bởi viên đạn quân thù. Trên vị trí của họ ngày càng có nhiều chiến sĩ mới tiếp nhận cuộc chạy đua tiếp sức đẫm máu nhưng quang vinh trong cuộc đấu tranh.

Đảng đã đào tạo những cán bộ lãnh đạo dũng cảm và sáng suốt. Việc vũ trang lại về tư tưởng của Đảng trên cơ sở chủ nghĩa Lê-nin, bắt đầu ngay dưới sự lãnh đạo của Bla-gô-ép, đã tiếp tục phát triển và hoàn thiện trong những năm đầy khó khăn. Đồng chí Tô-đô Gíp-cốp đã nói: «Hạnh phúc lớn lao đối với Đảng và nhân dân ta là sau khi Đì-mi-tơ-ri Bla-gô-ép mất, đứng đầu Đảng ta là người học trò và bạn chiến đấu của Người - lãnh tụ bất tử của chúng ta, Ghê-ô-rơ-ghi Đì-mi-tơ-rốp... Tên tuổi Ghê-ô-rơ-ghi Đì-mi-tơ-rốp vĩnh viễn gắn liền với sự trưởng thành mọi mặt của Đảng ta như một Đảng kiểu mới, kiểu Lê-nin, với thắng lợi về chính trị và tinh thần đối với chủ nghĩa phát xít Hít-le... và thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ngày Chín tháng Chín».

Về thắng lợi chính trị và tinh thần đầu tiên đối với chủ nghĩa phát xít Hít-le, như đồng chí Tô-đô Gíp-cốp đã nói, đó là thắng lợi trong sào huyệt kẻ thù, trước phiên tòa nổi tiếng ở Lai-xích. Tại cuộc xử án này, bọn phát xít đã nặn ra những chứng cứ giả hòng làm mất uy tín và buộc tội chủ nghĩa cộng sản, những chính bọn chúng lại sa vào ghềnh bị cáo. Từ kẻ bị buộc tội, Ghê-ô-rơ-ghi Đì-mi-tơ-rốp đã biến thành người buộc tội. Người lớn tiếng «dẫn chứng» từng điểm từng điểm trước tòa án phát xít, bảo chữa không phải cho mình, mà cho những quan điểm cộng sản của mình, cho nhân dân Bun-ga-ri và giai cấp công nhân của Người.

Được bầu làm Tổng bí thư của Quốc tế cộng sản ngay sau vụ án Lai-xích, Ghê-ô-rơ-ghi Đì-mi-tơ-rốp đã phát triển và luận cứ tại Đại hội thứ 7 của Quốc tế cộng sản đường lối đoàn kết mọi lực lượng dân chủ và chống phát xít trong Mặt trận thống nhất để chống lại cuộc tiến công của chủ nghĩa phát xít và bọn phản động. Đối với Đảng chúng tôi, việc nắm vững đường lối này có tầm quan trọng đặc biệt. Đường lối đó đã chứng minh tính chất cấp bách và sức sống của cuộc đấu tranh vũ trang chống phát xít trong giai đoạn 1931 - 1941. Đảng đã giương cao những khẩu hiệu thích hợp nhất, tìm ra những hình thức và phương pháp công tác nhằm thu hút các tầng lớp nhân dân rộng rãi vào phong trào chống phát xít. Trong giai đoạn 1941 - 1944 phương hướng chính của cuộc đấu tranh vũ trang là kết hợp nhiệm vụ dân tộc với nhiệm vụ quốc tế. Phương hướng đó đã đáp ứng những nguyện vọng của mọi người yêu nước Bun-ga-ri muốn cứu nước nhà khỏi tai họa dân tộc, đồng thời làm tròn nghĩa vụ quốc tế là đứng về phía Liên-xô trong cuộc chiến đấu chống chủ nghĩa phát xít Hít-le. Chính trong thời gian này Mặt trận Tổ quốc đã được xây dựng. Dưới ngọn cờ của Mặt trận, hàng nghìn người yêu nước Bun-ga-ri đã tham gia những trận chiến đấu đẫm máu chống kẻ thù. Công lao lịch sử của Đảng trong lúc khó khăn này là ở chỗ Đảng đã không mất hy vọng ở tương lai. Đứng ở vị trí hàng đầu của cuộc kháng chiến chống phát xít trong cuộc đấu tranh cho một chế độ dân chủ và các quyền tự do dân chủ, Đảng đã chuẩn bị cho quần chúng không chỉ lật đổ chế độ độc tài phản nhân dân, mà còn xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa. Ban lãnh đạo của Đảng đã áp dụng sáng tạo nguyên tắc của Lê-nin cho rằng muốn giải quyết những nhiệm vụ dân chủ trong quá trình cách mạng thì cần phải tạo ra những điều kiện thuận lợi

cho bước thay đổi xã hội tận gốc, cho thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Điều nói trên còn xác định tính chất của thắng lợi ngày 9 tháng Chín năm 1944 của chúng tôi. Giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng, với sự giúp đỡ có tính chất quyết định của quân đội xô viết, thắng lợi này tự nó đã tạo ra những điều kiện thuận lợi cho các cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Thắng lợi đó đã mở đầu cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Bun-ga-ri. Những cuộc đấu tranh giai cấp lâu dài của giai cấp vô sản, của đội tiên phong giác ngộ và tổ chức của nó, của các lực lượng và phong trào dân chủ, của nhân dân cho tự do và chính nghĩa đã kết thúc thắng lợi. Ngày 9 tháng Chín năm 1944 đã trở thành ngày sinh của tự do, của nước Bun-ga-ri mới xã hội chủ nghĩa.

Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ngày 9 tháng Chín đã mở ra con đường cho việc thể hiện toàn diện sức mạnh và phẩm chất của giai cấp công nhân, cho việc thể hiện chức năng lãnh đạo của đội tiên phong của nó — Đảng của những người cộng sản Bun-ga-ri. Những kinh nghiệm và quy luật của Cách mạng Tháng Mười đã được vận dụng một cách sáng tạo. Đảng đã tìm ra những hình thức độc đáo cho sự phát triển của nền chuyên chính vô sản thông qua chế độ dân chủ nhân dân. Trung thành với những di huấn của Lê-nin, những người cộng sản Bun-ga-ri đã thực hiện thắng lợi những hình thức này của chuyên chính vô sản, trên cơ sở lập trường giai cấp, với những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, và sự liên minh với quần chúng nhân dân đông đảo. Trong những năm đầu tiên này, những năm cơ tính chất quyết định, những năm anh hùng và sáng tạo, Đảng đã đoàn kết mọi lực lượng tiến bộ, dẫn dắt quần chúng nhân dân đông đảo đi vào củng cố chính quyền của Mặt trận Tổ quốc, xóa bỏ những

tàn dư của chủ nghĩa phát xít và thủ tiêu cơ sở kinh tế của chủ nghĩa tư bản, khôi phục các quyền và tự do của công dân. Chế độ sở hữu của Nhà nước xã hội chủ nghĩa được củng cố. còn sự kiểm tra của công nhân đã có ý nghĩa quyết định đối với việc hạn chế những hoạt động của hình thức kinh doanh tư bản tư nhân đang còn tồn tại. Việc quốc hữu hóa các xí nghiệp công nghiệp và ngân hàng được tiến hành triệt để. Đã có cơ sở kinh tế vững chắc cho việc phát triển xã hội xã hội chủ nghĩa, trong đó giai cấp vô sản là người chủ duy nhất đối với mọi của cải. Sự việc đó, cùng với việc hợp tác hóa nhanh chóng các nông hộ và xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp đã có ý nghĩa lịch sử đối với việc củng cố các quan hệ xã hội xã hội chủ nghĩa, đối với việc xây dựng chủ nghĩa xã hội nơi chung.

Một đặc điểm rất quan trọng của công tác Đảng là mối quan hệ với các tầng lớp nhân dân khác nhau: với công nhân, nông dân và trí thức. Quan điểm này đã được các bậc tiền bối chỉ rõ và nó đã đưa lại rất nhiều thắng lợi trong việc thực hiện những công việc khó khăn hằng ngày ở giai đoạn này. Thắng lợi của Mặt trận Tổ quốc trong các cuộc bầu cử đầu tiên năm 1945, việc tuyên bố Bun-ga-ri là nước cộng hòa thông qua lời hiệu triệu toàn dân tham gia cuộc đấu tranh nhằm khắc phục những trì trệ về kinh tế, đã khẳng định khả năng của Đảng trong việc lãnh đạo đất nước, trong việc sử dụng ngay cả những hình thức của chế độ dân chủ đại nghị cho việc củng cố nền chuyên chính vô sản.

Đại hội thứ V của Đảng cộng sản Bun-ga-ri họp năm 1948 có ý nghĩa lịch sử to lớn. Trong báo cáo lịch sử trình bày tại Đại hội, G. Đì-mi-tơ-rốp bất tử đã nhấn mạnh đường lối chung xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, xác định hình thức và con đường

nhằm phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nông thôn và thành thị, nhằm thực hiện cách mạng văn hóa ở Bun-ga-ri.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng nhân dân chỉ trong một thời gian ngắn đã đạt được những thành tựu rực rỡ. Nước Bun-ga-ri lạc hậu về mọi mặt đã nhanh chóng phát triển nền công nghiệp nặng riêng của mình; số lượng hợp tác xã nông nghiệp đã không ngừng tăng; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được củng cố; đời sống của người lao động được cải thiện; những thiếu sót do tệ sùng bái cá nhân được khắc phục thắng lợi.

Giai đoạn có tính chất bước ngoặt trong sự phát triển của Đảng cộng sản Bun-ga-ri và của đất nước là Hội nghị toàn thể lịch sử của Ban chấp hành trung ương Đảng họp vào tháng Tư năm 1956. Báo cáo do đồng chí Tô-đo Gíp-cốp trình bày tại hội nghị này là một biểu hiện rực rỡ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin sáng tạo. Hội nghị đã khôi phục lại những nguyên tắc lãnh đạo của Lê-nin và những tiêu chuẩn của Lê-nin về sinh hoạt Đảng, hướng Đảng vào công tác xây dựng nhằm phát triển xã hội xã hội chủ nghĩa một cách nhanh chóng, phù hợp với những quy luật khách quan. Đường lối tháng Tư của Đảng được hình thành như đường lối chung của Đảng trong điều kiện hoàn thành bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, trong điều kiện chủ nghĩa xã hội thắng lợi và đấu tranh nhằm xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển. Đường lối tháng Tư lê-ni-nít đã được xác lập như một phương pháp sinh hoạt và hoạt động của Đảng, như một sự tiếp tục sáng tạo những truyền thống và phẩm chất tốt đẹp nhất của thời kỳ Bla-gô-ép và thời kỳ Đi-mi-tơ-rốp.

Hội nghị toàn thể tháng Tư năm 1956 của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Bun-ga-ri có ý nghĩa nhiều mặt và vô cùng lớn lao. Diềm

chính trong các nghị quyết của hội nghị lịch sử này là sự thể hiện một cách rực rỡ sự trưởng thành về chính trị và lý luận của Đảng, đó là cơ sở cho mọi sáng kiến và thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin sáng tạo. Đảng của Bla-gô-ép và Đi-mi-tơ-rốp đã kiên quyết bác bỏ quan điểm biệt phái, giáo điều và chủ nghĩa chủ quan mà đặc trưng là tệ sùng bái cá nhân, và khẳng định tinh thần sáng tạo. Tinh thần sáng tạo này là ở sự hòa nhịp với các nghị quyết của các đại hội của Đảng cộng sản Liên-xô, với các văn kiện của các hội nghị của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, với lý luận và thực tiễn của quá trình cách mạng thế giới. Đảng chúng tôi có đầy đủ cơ sở để tự hào rằng, bằng việc thực hiện triệt để đường lối tháng Tư lê-ni-nít, đã góp phần xứng đáng của mình vào việc phát triển lý luận và thực tiễn cách mạng, vào lý luận và thực tiễn của công cuộc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển.

Nếu như trong suốt thời gian tồn tại, Đảng đã luôn luôn đề cao những bậc tiền bối của mình về những sự nghiệp lớn lao mà Đảng đã kịp thời nắm bắt lấy, thì trong giai đoạn hiện nay Đảng lại đã sản sinh ra nhà chiến lược và nhà kiến trúc, nhà sáng tạo và nhà cổ vũ đường lối tháng Tư lê-ni-nít đầy sức sống là đồng chí Tô-đo Gíp-cốp. Khi đánh giá 25 năm xây dựng theo đường lối tháng Tư ở nước Bun-ga-ri xã hội chủ nghĩa, chúng tôi đương nhiên gắn ý nghĩa to lớn của các nghị quyết nổi tiếng của Hội nghị toàn thể tháng Tư với tên đồng chí Tô-đo Gíp-cốp. Là hiện thân của những giá trị tốt đẹp nhất của người cách mạng, của người cộng sản, nhà lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước chúng tôi đã 30 năm nay là tấm gương sáng về nhà hoạt động kiểu Lê-nin: đó là nhà đổi mới và nhà sáng tạo với trí sáng suốt và chỉ khi cách mạng cao, nhà lý luận và

nhà tổ chức xuất sắc, nhà hoạt động trước sau như một cho tình hữu nghị Bun-ga-ri - Liên-xô, nhà hoạt động nổi tiếng và được kính trọng của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, người kế tục xứng đáng sự nghiệp vĩ đại của Đê-mi-tơ-ri Bla-gô-ép và Ghê-ô-rơ-gi Đê-mi-tơ-rốp.

Việc thực hiện triệt để đường lối tháng Tư đã dẫn đến thắng lợi hoàn toàn của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đến giai đoạn xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội chín mười.

Không có và không thể có bằng chứng nào thuyết phục hơn về sức sống của đường lối tháng Tư lê-ninít ngoài những kết quả đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Những kết quả đó đã thật sự chứng minh cho sự tiến bộ toàn diện trên Tổ quốc đổi mới của chúng tôi. Với nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội trung bình hằng năm là 8,1%, Bun-ga-ri được xếp vào một trong những vị trí thứ nhất ở châu Âu và trên thế giới. Trong thời kỳ 25 năm thực hiện đường lối tháng Tư, vốn sản xuất cơ bản trong nước đã tăng 8 lần, sản phẩm công nghiệp tăng 11 lần, xây dựng tăng 8 lần. Là một nước nghèo nàn và lạc hậu trước đây, với sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, ngày nay Bun-ga-ri đã sản xuất được những sản phẩm của ngành điện tử, chế tạo máy, hóa chất, đã có một cơ sở công nghiệp hiện đại quy mô lớn, có nền nông nghiệp lớn và nền công nghiệp thực phẩm hiện đại. Ngày nay có thể tự hào mà nói rằng chúng tôi đã thực hiện đầy đủ lời dạy của Ghê-ô-rơ-gi Đê-mi-tơ-rốp bất tử: trong thời gian 15 - 20 năm, Bun-ga-ri sẽ đạt được điều mà các nước khác ở trong những điều kiện khác, phải làm trong cả thế kỷ.

Tiêu diễm, linh hồn của đường lối tháng Tư lê-ninít là chăm lo con người, chăm lo lợi ích của con người, Phương châm « Tất cả vì con người,

tất cả vì hạnh phúc của con người », nêu trong Cương lĩnh của Đảng do Đại hội thứ X thông qua, đã trở thành nguyên tắc bất di bất dịch trong công tác lãnh đạo của Đảng; bản chất của chính sách này là không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân. Có thể thấy điều đó trong mọi lĩnh vực, nhưng biểu hiện rõ nhất vẫn là ở chỗ thu nhập quốc dân tăng 6,5 lần; thu nhập thực tế của nhân dân tăng 3,5 lần, còn quỹ tiêu dùng xã hội tăng 14 lần.

Sự phát triển của các quan hệ xã hội xã hội chủ nghĩa đã được thực hiện trong điều kiện hoàn thiện không ngừng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa như một phương hướng chính nhằm phát triển Nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát triển mọi khâu trong hệ thống chính trị của chủ nghĩa xã hội và trong việc quản lý xã hội. Việc hoàn thiện cơ cấu và những khâu riêng biệt của quản lý đã trở thành một bộ phận không thể tách rời của chính sách của Đảng trong các quá trình quản lý theo những yêu cầu và quy luật khách quan. Về mặt này, quan hệ của Đảng với Liên minh nông dân Bun-ga-ri, với các công đoàn Bun-ga-ri, với Đoàn thanh niên cộng sản Đê-mi-tơ-rốp, với Mặt trận Tổ quốc, đã được nâng cao về chất. Việc khẳng định nhân tố Nhà nước - xã hội trong việc quản lý các khâu riêng biệt và cả hệ thống là một trong những giai đoạn quan trọng nhất của việc thực hiện đường lối tháng Tư nhằm thu hút người lao động vào việc quản lý Nhà nước, vào việc giao cho các tổ chức xã hội thực hiện chức năng Nhà nước.

Nền văn hóa dân tộc Bun-ga-ri đã trải qua một quá trình phát triển mạnh mẽ. Những năm sau Hội nghị tháng Tư có thể gọi là « những thập kỷ vàng » của nền văn hóa đó. Với cương lĩnh dân tộc về giáo dục thâm mỹ, mọi điều kiện cho sự phát triển

con người phù hợp với quy luật của cái đẹp đã được tạo ra.

Uy tín và ảnh hưởng quốc tế của dân tộc Bun-ga-ri đã được khẳng định. Chính sách đối ngoại của nước Cộng hòa nhân dân Bun-ga-ri đã trở thành một bộ phận tích cực trong cuộc đấu tranh của Liên-xô và của các nước xã hội chủ nghĩa khác, của tất cả các lực lượng trên thế giới cho sự hòa dịu và củng cố hòa bình trên thế giới. Chính sách đó nhằm củng cố hòa bình và sự hợp tác giữa các dân tộc Ban-căng, giữa các dân tộc ở châu Âu và trên thế giới. Nước Cộng hòa nhân dân Bun-ga-ri đã trở thành người khởi xướng những đề nghị và biện pháp xây dựng nhằm củng cố hòa bình, tình hữu nghị và sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc. Biểu hiện rõ rệt của chính sách này là Hội nghị thế giới của quốc hội các dân tộc vì hòa bình được tổ chức tại Xô-phi-a năm 1980.

Đỉnh cao xứng đáng của 25 năm xây dựng theo đường lối tháng Tư là Đại hội thứ XII của Đảng. Nhiệm vụ kinh tế chủ yếu của Đảng mà Đại hội nêu ra, một lần nữa lại hướng vào con người, vào những triển vọng phát triển tự do và toàn diện của con người, thỏa mãn một cách tổng hợp những nhu cầu vật chất, tinh thần và xã hội không ngừng tăng của nhân dân. Trong đó nhấn mạnh cả những phương hướng nhằm đạt được những mục tiêu này là : phát triển nền kinh tế quốc dân theo chiều sâu, áp dụng triệt để quan điểm kinh tế và cơ chế của nó, tiếp tục hoàn thiện các quan hệ xã hội xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy mà về mặt lý luận và thực tiễn, Đại hội thứ XII của Đảng phản ánh ở một trình độ mới cao hơn đường lối tháng Tư, hướng vào việc thực hiện sự thống nhất hữu cơ giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội của Đảng, vào việc hoàn thiện về mọi mặt lối sống xã hội chủ nghĩa. Cùng với điều đó, Đại hội thứ XII của

Đảng, bằng các nghị quyết của mình, đã tiếp tục quan điểm của Hội nghị tháng Tư về hoàn thiện việc xây dựng Nhà nước, việc quản lý xã hội và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trực tiếp với những hình thức của nó là sự tham gia trực tiếp của nhân dân vào việc quản lý xã hội. Với những tiêu chuẩn và thước đo của đường lối tháng Tư, những đường nét của thời kỳ mới xây dựng chủ nghĩa xã hội chín mười, những nhiệm vụ nhằm tiếp tục làm phong phú thêm đời sống tinh thần và việc khẳng định nó như một nhân tố quan trọng để thực hiện việc phát triển toàn diện nền kinh tế quốc dân theo chiều sâu, để hình thành con người xã hội chủ nghĩa, đã được phác họa.

Trên nền tảng chính trị, kinh tế và xã hội vững chắc này, Đảng cộng sản Bun-ga-ri một lần nữa nhấn mạnh những nguyên tắc của chính sách đối ngoại của nước Cộng hòa nhân dân Bun-ga-ri, mà điểm chính là củng cố toàn diện mối quan hệ anh em với Đảng cộng sản Liên-xô, với Liên-xô, với nhân dân xô viết. Những quan hệ của Cộng hòa nhân dân Bun-ga-ri với các nước và các dân tộc khác trên thế giới cũng sẽ được tiếp tục phát triển và củng cố.

Chính sách đối ngoại của Đảng cộng sản Bun-ga-ri và nước Cộng hòa nhân dân Bun-ga-ri là rõ ràng và trước sau như một. Chúng tôi quyết tâm làm việc để củng cố cộng đồng xã hội chủ nghĩa trên những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Vai trò dẫn đường trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa anh em của chúng ta thuộc về Liên-xô vĩ đại - Nhà nước tự do đầu tiên của những người công nhân và nông dân, chỗ dựa và niềm hy vọng của các chiến sĩ chống áp bức dân tộc và giai cấp, vì chủ nghĩa xã hội, công bằng xã hội và hòa bình. Kinh nghiệm lịch sử có ý nghĩa toàn thế giới của Đảng cộng sản Liên-xô, sự

sáng suốt lê-ni-nít của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô đứng đầu là đồng chí Lê-ô-nít Brê-giơ-nép, đối với chúng tôi, những người cộng sản Bun-ga-ri, là kho tàng tư tưởng vô tận, là niềm hy vọng trên đường đi của chúng tôi và trong mọi sự nghiệp. Liên-xô là Nhà nước hùng mạnh, đã sử dụng lực lượng và khả năng to lớn của mình cho sự nghiệp xây dựng và phát triển hòa bình, cho những tình cảm tốt đẹp của con người, cho hòa bình trên trái đất. Chính sách đối ngoại yêu hòa bình của Liên-xô, thể hiện trong Cương lĩnh hòa bình được đề ra tại các đại hội gần đây của Đảng cộng sản Liên-xô và được phát triển hơn nữa trong báo cáo của đồng chí L.I. Brê-giơ-nép tại Đại hội thứ XXVI, đã nhận được sự ủng hộ quốc tế rộng rãi. Và hiện nay tất cả chúng ta đều thấy rõ Lời kêu gọi của Xô viết tới cao Liên-xô gửi quốc hội và nhân dân các nước trên thế giới vì hòa bình và sự hiểu biết lẫn nhau, đã được hưởng ứng mạnh mẽ như thế nào.

Trên cơ sở này, nước Cộng hòa nhân dân Bun-ga-ri và Đảng cộng sản Bun-ga-ri hoạt động nhằm củng cố sự hợp tác nhiều mặt giữa các nước xã hội chủ nghĩa anh em trong Hội đồng tương trợ kinh tế và Tổ chức hiệp ước Vác-sa-va.

Sự cần thiết và tầm quan trọng sống còn của chính sách hòa bình của Liên-xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa sẽ có ý nghĩa to lớn hơn, nếu chúng ta thấy rõ sự tăng cường hoạt động của bọn phản động quốc tế, đặc biệt là vai trò của chính quyền đế quốc Bắc Mỹ và chủ nghĩa bá quyền của ban lãnh đạo Bắc-kinh. Chính sự thống nhất và đoàn kết của các nước xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên-xô đã và sẽ gây trở ngại lớn cho những khát vọng tàn bạo của bọn đế quốc và bọn bá quyền.

Trong hoàn cảnh này, những quan hệ giữa Cộng hòa nhân dân Bun-ga-ri và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, giữa Đảng cộng sản Bun-ga-ri và Đảng cộng sản Việt-nam, là một tấm gương về sự hợp tác và tương trợ anh em, về chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa trong hành động. Đảng và nhân dân hai nước chúng ta, trung thành với những di huấn của Ghê-ô-rơ-giê Đê-mi-tơ-rốp và Hồ-Chi-Minh, sẽ giữ gìn tình hữu nghị lâu đời của mình như một tài sản vô giá và sẽ làm cho nó phong phú và phát triển thêm cùng với năm tháng. Đồng chí Tô-đô Gíp-cốp và đồng chí Lê-Duẩn là hai đồng chí lãnh đạo cao nhất của chúng ta, đã có cống hiến to lớn trong việc nâng sự hợp tác anh em giữa Cộng hòa nhân dân Bun-ga-ri và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam lên một giai đoạn cao hơn, vì lợi ích sống còn của nhân dân Bun-ga-ri và nhân dân Việt-nam, vì chủ nghĩa xã hội và hòa bình trên thế giới. Cần nhấn mạnh với ý thức khâm phục thật sự rằng nhân dân Việt-nam anh hùng cùng với nhân dân Lào và Cam-pu-chia trên tiền đồn của chủ nghĩa xã hội ở Đông Nam châu Á, là người chiến sĩ kiên cường vì sự nghiệp cộng sản chủ nghĩa chung của chúng ta.

Chúng tôi, những người cộng sản Bun-ga-ri, tất cả những người lao động ở nước Cộng hòa nhân dân Bun-ga-ri, đánh giá cao những cống hiến to lớn của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam trong việc phát triển quá trình cách mạng thế giới.

Con đường của Đảng cộng sản Bun-ga-ri, con đường mà Đảng đã trải trong 90 năm qua, là con đường đầy đấu tranh và thắng lợi. Trên con đường đó sáng ngời tên tuổi nhiều liệt sĩ. Trước đây, một số người đầy nhiệt tình, với niềm tin ở tương lai, đã gieo hạt giống chủ nghĩa xã hội trên đỉnh núi Bu-đơ-lút-gia thần thoại, nhưng hàng nghìn người đã trở

(Xem tiếp trang 47)

CHIẾN LƯỢC TỔNG HỢP CỦA CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG VIỆT-NAM ĐÁNH THẮNG GIẶC MỸ XÂM LƯỢC

Đại tướng **HOÀNG-VĂN-THÁI**

NHỮNG hình thức và phương pháp đấu tranh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta « là một thể thống nhất, có quan hệ hữu cơ với nhau, tạo nên chiến lược tổng hợp và nghệ thuật quân sự của chiến tranh cách mạng Việt-nam » (1). Kinh nghiệm về vận dụng chiến lược tổng hợp của chiến tranh cách mạng Việt-nam hết sức phong phú, nhiều mặt, trong đó những kinh nghiệm về nắm vững các phương châm chiến lược, các quy luật giành thắng lợi của chiến tranh cách mạng, vận dụng các hình thức, phương pháp tiến công, kết hợp sức mạnh của nhân dân ta, dân tộc ta với sức mạnh của nhân dân thế giới, của thời đại là những kinh nghiệm có nhiều ý nghĩa thực tiễn đối với cuộc chiến tranh bảo vệ Tộc quốc của nhân dân ta ngày nay.



Nắm vững các phương châm chiến lược, vận dụng đúng đắn các quy luật phát triển và giành thắng lợi của chiến tranh cách mạng, đánh bại địch từng bước, tiến lên đánh bại hoàn toàn quân địch.

Cuộc chiến tranh mà đế quốc Mỹ tiến hành ở miền Nam nước ta là

cuộc chiến tranh xâm lược theo kiểu thực dân mới. Với những thủ đoạn chính trị mị dân, với những khẩu hiệu lừa bịp « độc lập », « dân tộc », « dân chủ », chúng đã không thể chinh phục được nhân dân miền Nam nước ta, một lực lượng cách mạng to lớn, kiên cường, được một đảng mạc xít - lê nin nít giàu kinh nghiệm lãnh đạo, có nhiều kinh nghiệm đấu tranh đã cùng nhân dân cả nước làm Cách mạng Tháng Tám, đánh bại đế quốc Pháp xâm lược. Do đó, đế quốc Mỹ đã phải phát xít hóa cao độ bộ máy cai trị của chúng và chủ yếu là dùng thủ đoạn quân sự tàn bạo để đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân ta.

Nhân dân ta ở miền Nam đã dùng đấu tranh chính trị tức là dùng sức, mạnh cơ bản của mình đánh vào chỗ yếu cơ bản của địch, nhưng muốn thắng địch trong chiến tranh phải đánh tan thủ đoạn quân sự của địch, cho nên nhất thiết phải dùng quân sự.

Cuộc đấu tranh giữa nhân dân ta và đế quốc Mỹ diễn ra quyết liệt hàng ngày hàng giờ trên cả hai mặt trận chính trị và quân sự. *Phương châm chiến lược cơ bản của cách mạng miền*

(1) Lê-Duẩn : *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập III, tr. 26.

Nam là đấu tranh chính trị đi đôi với đấu tranh vũ trang, coi đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang đều đóng vai trò rất cơ bản và rất quyết định. Đấu tranh chính trị phát triển theo quy luật từ đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, chống khủng bố, v.v. tiến lên khởi nghĩa vũ trang. Đấu tranh vũ trang khi đã ra đời thì phát triển theo quy luật chiến tranh. Cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam chịu sự tác động của cả hai quy luật đó nhưng khi cuộc đấu tranh cách mạng đã phát triển thành chiến tranh cách mạng thì quy luật chiến tranh — quy luật đấu tranh vũ trang — là quy luật chi phối chủ yếu. Do đó, đồng thời với việc nắm vững phương châm chiến lược đấu tranh chính trị đi đôi với đấu tranh vũ trang, chúng ta đã nắm vững quy luật chiến tranh và coi đó như một yêu cầu hết sức quan trọng trong chỉ đạo chiến lược, nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn để đánh bại địch về quân sự, đưa cuộc chiến tranh cách mạng đến thắng lợi.

Nắm vững quy luật chiến tranh là phải ra sức xây dựng lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân, đặc biệt là bộ đội chủ lực. Có như vậy mới tạo nên sức mạnh tại chỗ nhằm phân tán, kiềm chế, tiêu hao, tiêu diệt địch khắp mọi nơi và hình thành các khối chủ lực mạnh đủ sức giáng cho địch những đòn quyết định trên những chiến trường được lựa chọn; hết sức coi trọng xây dựng và tổ chức lực lượng chính trị thành những đội quân chính trị mạnh, trực diện đấu tranh chống địch, đánh bại chính sách bình định của địch; ra sức xây dựng căn cứ hậu phương tại chỗ, khai thác khả năng về sức người, sức của ở địa phương; trên cơ sở xác định phương hướng chiến lược lâu dài mà xây dựng thế trận, chuẩn bị chiến trường cho bộ đội chủ lực đánh tiêu diệt lớn để tạo chuyển biến căn bản về so sánh lực lượng giữa ta và địch; ra sức

củng cố và xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa về mọi mặt chính trị, kinh tế, quốc phòng, phát huy vai trò hậu phương lớn của tiền tuyến lớn miền Nam, xây dựng lực lượng vũ trang ngày càng tiến lên chính quy, hiện đại đủ sức đánh bại mọi bước phiêu lưu quân sự của địch ra miền Bắc và làm nhiệm vụ dự bị chiến lược của cả nước, sẵn sàng cơ động đánh địch ở miền Nam và phối hợp tác chiến với các lực lượng vũ trang của nhân dân hai nước anh em trên chiến trường Lào và Cam-pu-chia.

Đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang diễn ra trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị. Nhưng phải căn cứ vào nhiệm vụ và lực lượng so sánh giữa địch và ta trên từng vùng, ở từng nơi, từng lúc mà xác định mức độ và quy mô kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang cho thích hợp. Đồng thời phải căn cứ vào sự phát triển của cuộc đấu tranh cách mạng để đặt trọng tâm chỉ đạo giữa các vùng.

So với địch, ta có ưu thế tuyệt đối về sức mạnh chính trị, tinh thần, và sức mạnh này càng ngày càng phát triển có lợi cho ta, nhưng lúc đầu ta thua kém địch về lực lượng vũ trang, trang bị kỹ thuật, cho nên cần có thời gian để làm thay đổi lực lượng so sánh giữa ta và địch. Do vậy, đánh lâu dài và càng đánh càng mạnh là phương châm của chiến tranh giải phóng miền Nam.

Đánh lâu dài không phải là đánh kéo dài “mai phục chờ thời” đợi một sự thay đổi nào từ bên ngoài đưa đến, mà phải cố gắng làm thay đổi lực lượng so sánh giữa ta và địch. Đánh lâu dài và càng đánh càng mạnh phải là một quá trình liên tục tiến công địch, tiến công toàn diện trên cả ba vùng chiến lược, đánh lùi địch từng bước, bước trước chuẩn bị cho bước sau, bước sau thắng to hơn bước trước. Đánh lâu dài trong kháng

chiến chống Mỹ là phải vừa tiến công địch, vừa kiềm chế địch, kéo địch xuống thang từng bước, tập trung sức kiềm chế địch, tập trung sức mạnh cả nước đánh thắng địch trên tiến tuyến lớn miền Nam.

Trong chiến tranh cách mạng thường có những biến chuyển nhảy vọt và từ bước nhảy vọt trước đến bước nhảy vọt sau bao giờ cũng phải trải qua một quá trình tiếp tục tiến dần từng bước, không phải là nhảy vọt liên tục. Do vậy trong khi kiên trì phương châm đánh lâu dài, càng đánh càng mạnh phải có sự cố gắng chủ quan cao độ, xây dựng và phát triển sức mạnh về mọi mặt quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao, tạo thời cơ và khi thời cơ xuất hiện thì kịp thời nắm lấy thời cơ, tiến công kiên quyết, mạnh mẽ, đánh bại từng chiến lược quân sự của địch, giành thắng lợi quyết định để tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Hơn 20 năm chống Mỹ, dưới sự lãnh đạo sáng suốt và tài giỏi của Đảng, nhân dân ta đã kiên trì và đầy mạnh kháng chiến, không ngừng xây dựng, phát triển thế và lực của cách mạng, tích cực chuẩn bị thời cơ; khi thời cơ xuất hiện Đảng ta đã kịp thời lãnh đạo quân và dân ta thực hiện các bước nhảy vọt đánh bại các chiến lược quân sự của địch. Cuộc đồng khởi năm 1960 đã đưa cuộc đấu tranh cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công và chuyển thành cuộc chiến tranh cách mạng, liên tiếp đánh bại các chiến lược quân sự của Mỹ: chiến lược chiến tranh "đặc biệt", chiến lược chiến tranh cục bộ ở miền Nam, đưa địch đến chỗ bế tắc về chiến lược. Cuộc tổng tiến công mùa xuân 1968 đánh vào các trung tâm đầu não của địch và đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ ở miền Bắc đã làm nhụt ý chí xâm lược của chúng, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh. Đánh bại cuộc phiêu lưu quân sự của

Mỹ sang Cam-pu-chia, giúp cách mạng Cam-pu-chia phát triển nhảy vọt; phối hợp với quân đội giải phóng nhân dân Lào đánh thắng và tiêu diệt địch ở Cảnh đồng Chum, đường 9-Nam Lào, phá tan âm mưu chia cắt, cô lập cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam Việt-nam. Ta đã chủ động nắm thời cơ, chuẩn bị chiến trường thực hiện phản công tiêu diệt từng chiến đoàn địch, đánh bại hoàn toàn các cuộc phản kích của địch; nhanh chóng mở cuộc tiến công chiến lược năm 1972 trên nhiều hướng, tiêu diệt từng sư đoàn địch, giải phóng từng vùng đất đai ở miền Nam, đồng thời đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai và cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B.52 của Mỹ vào Hà-nội và Hải-phòng cuối năm 1972, phá tan âm mưu cầu kết giữa đế quốc Mỹ và bọn phản động ở Bắc-kinh; chúng ta đã làm thất bại chiến lược "Việt-nam hóa" chiến tranh của Mỹ, hoàn toàn đánh sụp ý chí chiến lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải ký Hiệp định Pa-ri về Việt-nam, rút quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam.

Những bước nhảy vọt đánh bại các chiến lược quân sự của địch và đặc biệt là sự cố gắng cao của quân và dân cả nước trong những năm 1973-1971 đã tạo thế chiến lược thực hiện cuộc tổng tiến công và nổi dậy đầu xuân 1975 tiêu diệt và làm tan rã đội quân tay sai của Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.



Vận dụng tổng hợp các phương pháp, hình thức đấu tranh, tạo sức mạnh to lớn đánh địch về quân sự.

Trong chiến tranh giải phóng miền Nam, Đảng ta đã động viên, tổ chức, xây dựng mọi lực lượng, phát huy sức mạnh của các lực lượng bằng nhiều hình thức, phương pháp trong từng giai đoạn chiến lược cũng như trong toàn bộ cuộc chiến tranh, trên từng

vùng chiến lược cũng như trên toàn miền, trong từng chiến dịch cũng như trong từng đợt tiến công, từng cuộc tiến công chiến lược và ngay cả trong từng trận chiến đấu, trong hoạt động của từng người. Do đó, sức mạnh của các lực lượng đã được phát huy cao độ, hợp thành sức mạnh to lớn trong chiến tranh.

Đấu tranh chính trị đi đôi với đấu tranh vũ trang là phương châm chiến lược cơ bản của cách mạng miền Nam. Đúng về phương pháp và hình thức đấu tranh mà nói, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang là sự kết hợp giữa hai hình thức tiến công của hai lực lượng chính trị và vũ trang trong sử dụng bao lực cách mạng.

Đấu tranh chính trị là hình thức đấu tranh cơ bản, đấu tranh chính trị với nhiều hình thức phong phú từ thấp đến cao, là cơ sở để giáng ngộ từng bước, động viên, tổ chức quần chúng, rèn luyện họ thành lực lượng ngày càng lớn mạnh, khi có thời cơ chín muồi thì quần chúng cầm vũ khí đứng lên khởi nghĩa và kết hợp với lực lượng vũ trang xóa bỏ ách thống trị của địch. Trong chiến tranh giải phóng miền Nam, lực lượng chính trị đã cùng với lực lượng quân sự, lực lượng binh hình thành thành ba mũi tiến công trên cả ba vùng chiến lược trong tất cả các giai đoạn chiến tranh.

Đấu tranh quân sự là hình thức đấu tranh cơ bản, giữ vai trò quyết định trực tiếp trong việc tiêu diệt lực lượng quân sự của địch, làm đòn bẩy, giúp đỡ, thúc đẩy các mặt đấu tranh khác phát triển.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, sự kết hợp giữa hai hình thức đấu tranh của hai lực lượng chính trị và quân sự đã tạo nên sức mạnh to lớn của chiến tranh nhân dân đánh bại đế quốc Pháp. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, sự kết hợp này đã được nâng lên một trình độ cao về chất

lượng và tổ chức của hai lực lượng, về quy mô và hình thức kết hợp cũng như về không gian và thời gian diễn ra sự kết hợp, do đó sức mạnh của từng lực lượng và sức mạnh tổng hợp của hai lực lượng đã được nhân lên gấp bội.

Sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự đã được thể hiện ở trình độ cao trong các chiến dịch tiến công của các binh đoàn chiến lược trên các chiến trường có lựa chọn, các chiến dịch tổng hợp trên mặt trận nông thôn đồng bằng, những chiến dịch lớn đánh vào đô thị, những cuộc tiến công chiến lược và nổi dậy đánh bại từng chiến lược quân sự của địch và cuối cùng là cuộc tổng tiến công chiến lược và nổi dậy đánh sập toàn bộ quân địch, giành thắng lợi hoàn toàn.

Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự là nét nổi bật và là một dung chủ yếu của chiến lược tổng hợp của chiến tranh nhân dân, và đó cũng là quy luật phát triển của chiến tranh cách mạng của nhân dân ta.

Vấn đề cơ bản của mọi cuộc chiến tranh cách mạng là phải tiêu diệt lực lượng vũ trang của địch, cho nên một yêu cầu cần nắm vững trong khi kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự là *phát tạo được sức mạnh quân sự đủ sức đánh bại địch về quân sự theo mục tiêu, nhiệm vụ của từng trận đánh, của từng chiến dịch hoặc theo nhiệm vụ chiến lược đã được đề ra*. Do đó phải hết sức coi trọng vai trò đòn bẩy, đi trước, quyết định của đấu tranh quân sự, đồng thời không xem nhẹ hình thức đấu tranh chính trị, lực lượng chính trị của quần chúng cách mạng.

Tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công là một quy luật của chiến tranh cách mạng miền Nam với sức mạnh của toàn dân nổi dậy, toàn dân tiến công, đồng thời cũng là phương pháp đấu tranh cách mạng nói lên tư tưởng

nhất quán trong chiến tranh là tiến công. Tiến công là hành động của lực lượng vũ trang cách mạng đánh vào lực lượng vũ trang của địch, nổi dậy là hành động của quần chúng cách mạng đứng lên đập tan bộ máy kìm kẹp của địch. Yêu cầu đối với tiến công là phải phối hợp với nổi dậy, tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy. Nổi dậy của quần chúng phải phối hợp với tiến công của lực lượng vũ trang, phát huy kết quả của tiến công, đồng thời phải tạo điều kiện cho tiến công tiếp theo. Sự kết hợp này diễn ra từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, từ bộ phận đến toàn bộ và phát triển thành tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt theo quy luật chiến tranh kết hợp với quy luật khởi nghĩa trong chiến tranh.

Nhiệm vụ cơ bản của tiến công quân sự là tiêu diệt lực lượng vũ trang của địch, tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, cho nên tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công phải đạt đến mục tiêu là tiêu diệt địch, giành quyền làm chủ cho nhân dân. Phạm vi làm chủ càng được mở rộng, mức độ làm chủ càng ngày càng cao lại tạo điều kiện cho tiêu diệt địch càng ngày càng nhiều.

Kinh nghiệm của Việt-nam ta không phải chỉ có tiến công và nổi dậy, tiêu diệt địch và giành quyền làm chủ ở nông thôn, không phải là lấy nông thôn bao vây thành thị, thành thị mai phục chờ thời cơ, mà là kết hợp giữa nông thôn và thành thị. Chiến tranh càng phát triển thì đấu tranh vũ trang, tiến công tiêu diệt địch càng giữ vai trò quyết định và tất yếu sẽ phát triển thành tổng tiến công tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân địch tạo điều kiện cho quần chúng ở cả nông thôn và thành thị nổi dậy giành quyền làm chủ trên toàn bộ đất nước. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy đầu xuân 1975 là đỉnh cao của sự kết hợp các hình thức

đấu tranh cách mạng và phát huy vai trò ngày càng quyết định của đấu tranh vũ trang trong chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.

Trong đấu tranh quân sự, đấu tranh vũ trang, Đảng ta kết hợp ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích; kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy; kết hợp đánh lớn, đánh vừa, đánh nhỏ (2).

Chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy là hai phương thức tiến hành chiến tranh cách mạng, đều có vị trí chiến lược quan trọng, (nay phát triển thành chiến tranh nhân dân địa phương và chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực). Chiến tranh du kích không chỉ thu hẹp trong tác chiến du kích mà đã trở thành hình thức khởi nghĩa của quần chúng cách mạng lật đổ chính quyền địch, là hình thức đấu tranh vũ trang của đông đảo quần chúng cách mạng. Nó đã được triển khai rộng khắp trên cả ba vùng chiến lược, hình thành thế trận phân tán, kiềm chế, tiêu hao, tiêu diệt quân địch, khiến cho địch đông mà hóa ít, mạnh mà hóa yếu, tạo điều kiện cho quân chủ lực, quân chính quy đánh tiêu diệt từng bộ phận quân địch, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh.

Cũng như trong kháng chiến chống Pháp, đấu tranh vũ trang trong kháng chiến chống Mỹ diễn ra theo quy luật từ chiến tranh du kích phát triển lên chiến tranh chính quy, kết hợp giữa chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy.

Chiến tranh chính quy là hình thức đấu tranh của lực lượng vũ trang tập trung, tác chiến hiệp đồng quân chủng, binh chủng của bộ đội tập trung với quy mô ngày càng lớn. Trong chiến tranh chống Mỹ, được sự chi viện trực tiếp về quân sự của miền Bắc

(2) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 12 - 13.

xã hội chủ nghĩa, cuộc chiến tranh chính quy ở miền Nam đã có những bước phát triển nhảy vọt và đã có tác dụng quyết định trực tiếp trong việc tiêu diệt quân chủ lực của địch.

Sự kết hợp giữa chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy là quy luật giành thắng lợi trong đấu tranh vũ trang của ta để đánh bại một kẻ địch mạnh về quân sự. Có kết hợp với chiến tranh chính quy thì chiến tranh du kích mới phát triển được, tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang địa phương và quần chúng đẩy mạnh đấu tranh, nổi dậy giành quyền làm chủ ở địa phương. Ngược lại, có kết hợp với chiến tranh du kích thì chiến tranh chính quy mới phát triển mạnh mẽ, phát huy sức mạnh của mình trong đánh địch. Kinh nghiệm trong kháng chiến chống Mỹ cho thấy sự kết hợp đúng đắn giữa hai phương thức đã tạo nên sức mạnh to lớn về quân sự, đánh bại từng chiến lược quân sự của địch; nó cũng cho thấy có lúc có nơi mặc dù có lực lượng chủ lực đông nhưng do chiến tranh du kích yếu cho nên hoạt động của chủ lực đã bị hạn chế, có khi phải phân tán chủ lực xuống giúp đỡ cho du kích, thậm chí có lúc chủ lực phải tạm thời rời chiến trường.

Kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy về mặt tác chiến là kết hợp tác chiến giữa ba thứ quân: chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, kết hợp lối đánh lớn, đánh vừa và đánh nhỏ với nhiều hình thức phong phú. Đó là đánh địch đang hành quân, vận động, căn quét kết hợp với đánh bất ngờ vào căn cứ xuất phát của chúng, đánh địch ở tuyến ngoài bằng các đơn vị tập trung, cơ động kết hợp với đánh sâu vào vùng tạm bị địch chiếm, đánh vào thị trấn, thị xã, đánh vào cơ quan đầu não, kho tàng của địch bằng những lực lượng tinh nhuệ; đánh phá, cắt giao thông triệt nguồn tiếp tế, chia cắt để diệt địch; đánh

diệt sinh lực địch kết hợp với vận động binh lính địch, làm tan rã hàng ngũ của chúng; tiêu diệt sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch; đánh bại các hình thức, biện pháp chiến thuật chủ yếu trong từng chiến lược quân sự của địch. Tất cả những hình thức tác chiến nói trên được khái quát thành 6 phương thức tác chiến chiến lược trong chiến tranh giải phóng miền Nam, và cùng với những hình thức tác chiến của ba thứ quân trong việc đánh bại mọi thủ đoạn đánh phá bằng máy bay và tàu chiến của Mỹ ở miền Bắc, góp phần phát triển nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân ở hai miền nước ta lên một trình độ cao.

Đảng ta hết sức quan tâm đến đấu tranh ngoại giao vì đấu tranh ngoại giao cũng là nhằm tạo thêm thuận lợi cho cuộc đấu tranh toàn diện của nhân dân ta phát triển. Do đó, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vừa qua, Đảng ta đã thực hiện một chính sách ngoại giao hết sức chủ động, tích cực, kiên quyết về nguyên tắc, vững vàng về lập trường và linh hoạt, khôn khéo về sách lược, biện pháp. Mặt khác, Đảng ta cho rằng thắng lợi ở chiến trường, đặc biệt là thắng lợi quân sự có ý nghĩa quyết định nhất trong chiến tranh; đấu tranh ngoại giao là một mặt rất quan trọng của cuộc đấu tranh toàn diện của nhân dân ta, nhưng thắng lợi ngoại giao hoàn toàn phụ thuộc vào thắng lợi quân sự. Chính thắng lợi của cuộc tổng tiến công chiến lược mùa xuân 1968 và của cuộc tiến công chiến lược năm 1972 ở miền Nam, cùng với thắng lợi đánh bại hai cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ ở miền Bắc đã buộc Mỹ ngồi lại đàm phán và chấp thuận những điều kiện của ta trong đàm phán, ký hiệp định Pa-ri về Việt-nam, rút quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam. Những hoạt động ngoại giao của Nhà nước ta và hoạt động ngoại giao nhân dân

đã làm cho nhân dân thế giới kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ ngày càng thấy rõ bản chất xâm lược, phi nghĩa, phản động của đế quốc Mỹ, lập trường chính nghĩa của ta, tranh thủ được sự ủng hộ, đồng tình ngày càng rộng rãi của nhân dân thế giới, triệt để cô lập đế quốc Mỹ



Nêu cao tinh thần tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ sự viện trợ quốc tế, kết hợp sức mạnh của toàn dân tộc ta với sức mạnh của thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn của chiến tranh nhân dân đánh thắng chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.

« Con đường tắt thắng của cách mạng mỗi nước là phải biết kết hợp lực lượng của bản thân mình với sức mạnh của thời đại và thế tiến công của các lực lượng cách mạng thế giới, đề ra chiến lược, sách lược và phương pháp đấu tranh thích hợp với lực lượng so sánh và hoàn cảnh cụ thể ở nước mình » (3).

Cách mạng Việt-nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta đứng ở vị trí mũi nhọn của ba dòng thác cách mạng trên thế giới, do đó mỗi thắng lợi của ba dòng thác cách mạng đều tác động tích cực đến thắng lợi của nhân dân ta và ngược lại thắng lợi của nhân dân ta đã góp phần quan trọng vào thế tiến công và sức mạnh của ba dòng thác cách mạng. Sự kết hợp giữa sức mạnh của dân tộc và sức mạnh của thời đại là quy luật tạo nên sức mạnh tổng hợp của chiến tranh cách mạng đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Với tinh thần tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính, Đảng đã giáo dục cho toàn quân và toàn dân ý nghĩa của cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, luôn luôn nêu cao tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc

trong sáng, động viên toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta ở cả hai miền Nam Bắc ra sức đánh Mỹ và thắng Mỹ, quyết tâm thực hiện cho kỳ được lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch : « Không có gì quý hơn độc lập tự do! », « Hề còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi » (4). Đảng cũng đã giáo dục quân và dân ta tinh thần của chủ nghĩa quốc tế vô sản, làm cho quân và dân ta nhận thức đúng đắn mối liên quan mật thiết, thống nhất giữa lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế, đề từ đó một mặt ra sức làm tròn nhiệm vụ đứng trên tuyến đầu đánh thắng giặc Mỹ, đồng thời bằng hành động thực tế thực hiện nghĩa vụ quốc tế của mình, tiếp thụ và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ của phe xã hội chủ nghĩa, sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới, góp phần làm tăng thêm sức mạnh của nhân dân ta.

Đối với hai nước láng giềng anh em Lào và Cam-pu-chia, Đảng ta cho rằng Việt-nam kháng chiến thắng lợi thì Lào và Cam-pu-chia mới thắng lợi và ngược lại cách mạng Cam-pu-chia và Lào thắng lợi thì cách mạng Việt-nam mới hoàn toàn thắng lợi. Với tinh thần chủ nghĩa quốc tế vô sản, nhân dân ta đã không tiếc sức, kể cả xương máu của mình, đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân hai nước anh em. Đảng ta đã hết sức trân trọng sự giúp đỡ của nhân dân hai nước anh em và những sự giúp đỡ đó đã thật sự tạo thêm điều kiện, thêm sức mạnh tinh thần và vật chất cho công cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta. Đảng đã luôn luôn giáo dục quân và dân ta chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế vô sản, đấu tranh chống

(3) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977 tr. 176.

(4) Hồ-Chí-Minh : Tuyên tập, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tập II, tr. 505.

tư tưởng sô vanh nước lớn, tư tưởng dân tộc hẹp hòi, bản vị cũng như mọi biểu hiện tư tưởng ngai gian khỗ, hy sinh, không thấy vinh dự lớn lao thực hiện nghĩa vụ quốc tế của mình.

Sự liên minh chiến đấu giữa ba nước, ba dân tộc đã thành truyền thống, là quy luật phát triển và giành thắng lợi của cách mạng mỗi nước và của cả ba nước trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ vừa qua và sẽ còn phát triển trong tình hình hiện nay và mãi mãi về sau.

Nhận thức đầy đủ trách nhiệm đối với phong trào cách mạng nói chung và với phong trào giải phóng dân tộc nói riêng, nhân dân ta, với khả năng của mình và bằng mọi cách, đã ủng hộ các cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân các nước, và ngược lại chúng ta cũng đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ.

Đối với đại gia đình các nước xã hội chủ nghĩa, Đảng ta ra sức củng cố sự đoàn kết nhất trí trong các nước anh em, cùng với các đảng anh em ra sức góp phần bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vì lợi ích của nhân dân ta, lợi ích của hệ thống xã hội chủ nghĩa và lợi ích của nhân dân thế giới. Đảng ta đánh giá rất cao sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em đặc biệt là của Liên-xô, coi đó là nhân tố hết sức quan trọng bảo đảm thắng lợi cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta.

Đảng ta đã kiên quyết chống lại và gạt bỏ mọi âm mưu của bọn cầm quyền Bắc-kinh cầu kết với đế quốc Mỹ nhằm cản trở, phá hoại công cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Có thể nói từ khi có Đảng, trong đường lối cũng như trong phương

pháp cách mạng, Đảng ta đã luôn luôn gắn liền sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta với sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, sự gắn bó này đã thực hiện trên một trình độ cao hơn, chặt chẽ hơn, cho nên cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta vừa mang tính chất dân tộc vừa mang tính thời đại sâu sắc. Đây cũng là thắng lợi của đường lối gương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng ta trong chống Mỹ, cứu nước.



Ngày nay đi đôi với nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân ta luôn luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, kết hợp xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng, thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Với đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn mà Đại hội thứ IV của Đảng đã đề ra, được các nghị quyết của Trung ương Đảng bổ sung, hoàn chỉnh, vận dụng những kinh nghiệm về chiến lược tổng hợp trong kháng chiến chống Mỹ, gắn liền sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của ba đồng minh cách mạng đang ở thế tiến công, đặc biệt với sự liên minh chiến đấu với hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em, với sự liên minh, hợp tác toàn diện với Liên-xô, với sự hợp tác với các nước anh em khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, chúng ta nhất định sẽ tạo nên một sức mạnh tổng hợp to lớn đủ sức đánh thắng bất kỳ hành động xâm lược nào đối với nước ta

BA LỢI ÍCH KINH TẾ TRONG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

ĐOÀN-TRỌNG-NHÀ

NỘI DUNG BA LỢI ÍCH KINH TẾ TRONG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Lợi ích kinh tế là hình thức biểu hiện các quan hệ kinh tế khách quan của các chủ thể mang lợi ích. Nhưng cuối cùng nó lại được phản ánh vào ý thức con người và được thực hiện thông qua hoạt động sản xuất của các giai cấp, các tập đoàn và những con người cụ thể. Trong quá trình lao động sản xuất, con người có thể hành động theo mục đích này hay mục đích khác, song điều đó không có nghĩa là lợi ích kinh tế nảy sinh từ ý thức, mà chỉ biểu hiện ra như là một dự kiến của ý thức. Trong «Bát kỷ triết học» V.I.Lê-nin viết: «Thật ra, mục đích của con người là do thế giới khách quan sản sinh ra, và lấy thế giới khách quan làm tiền đề — coi thế giới khách quan là cái hiện có, là cái có thật. Nhưng đối với con người thì *hình như* những mục đích của nó lại lấy từ bên ngoài thế giới, độc lập đối với thế giới «tự do» (1).

Lợi ích kinh tế thúc đẩy những hoạt động kinh tế, chính trị của các giai cấp. Trong lĩnh vực kinh tế, động cơ hoạt động của các giai cấp là nhằm vào việc chiếm hữu những tư liệu sản xuất chủ yếu, từ đó quyết định phương thức tổ chức quản lý và cuối

cùng quyết định sự phân phối sản phẩm có lợi cho giai cấp mình. Vì vậy lợi ích kinh tế biểu hiện lợi ích giai cấp và địa vị giai cấp do quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất quy định.

Trong chủ nghĩa xã hội, hình thức sở hữu toàn dân về tư liệu sản xuất khẳng định những tư liệu sản xuất chủ yếu và các tài nguyên thiên nhiên đều thuộc quyền sở hữu và quyền sử dụng của toàn xã hội, từ đó xuất hiện lợi ích kinh tế toàn dân.

Cơ sở của lợi ích kinh tế toàn dân là nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, được xây dựng và phát triển trên cơ sở chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất và lao động tập thể xã hội chủ nghĩa. Lợi ích kinh tế toàn dân đòi hỏi không ngừng tăng số lượng, chất lượng và chủng loại sản phẩm xã hội bằng cách không ngừng phát triển và hoàn thiện sản xuất, nâng cao hiệu quả của nó trên cơ sở sử dụng những thành tựu mới của khoa học kỹ thuật và mọi sự nỗ lực của lao động tập thể toàn xã hội, nhằm mục đích thỏa mãn ngày càng

(1) V.I.Lê-nin: *Bát kỷ triết học*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1963, tr.209 — 210.

tốt hơn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của toàn xã hội. V.I.Lê-nin đã nói: « Một khi chiếm được chính quyền Nhà nước, giai cấp vô sản có một lợi ích căn bản nhất, sống còn nhất, là phải tăng số lượng sản phẩm, phải nâng cao theo những quy mô rộng lớn sức sản xuất của xã hội » (2).

Lợi ích kinh tế toàn dân thể hiện tập trung trong đường lối kinh tế, chiến lược kinh tế của Đảng và Nhà nước chuyên chính vô sản; nó được cụ thể hóa trong các kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội ở từng thời kỳ lịch sử nhất định. Vì vậy, việc thực hiện lợi ích kinh tế toàn dân đòi hỏi các ngành, các địa phương và các cơ sở kinh tế phải lấy việc hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước làm mục tiêu phấn đấu của mình. Mọi hành vi trái với nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, mọi hiện tượng cục bộ, địa phương chủ nghĩa, tham ô, lãng phí gây khó khăn cho việc hoàn thành kế hoạch Nhà nước đều làm thiệt hại đến lợi ích kinh tế toàn dân.

Lợi ích kinh tế toàn dân đòi hỏi các xí nghiệp quốc doanh và các hợp tác xã khi sử dụng những tư liệu sản xuất của xã hội và của tập thể phải hoàn thành các chức năng do Nhà nước quy định như sản xuất sản phẩm theo danh mục mặt hàng với chất lượng thích đáng, sử dụng hợp lý các nguồn lao động, vật tư, máy móc, hạ giá thành sản phẩm. Trong sản xuất kinh doanh phải thực hiện tốt nguyên tắc tự trang trải và có doanh lợi để bảo đảm bù đắp được chi phí sản xuất trong quá trình tái sản xuất sản phẩm xã hội, đồng thời thực hiện được sự đóng góp một phần sản phẩm thặng dư do đơn vị mình tạo ra cho Nhà nước như thu quốc doanh, trích lợi nhuận, bảo hiểm xã hội, thuế nông nghiệp, bán nông sản phẩm theo hợp đồng kinh tế hai chiều, v.v.

và các hình thức thuế khác đối với những người sản xuất kinh doanh cá thể. Mọi hành vi trốn thuế, lậu thuế, miễn giảm trăn lan đều trái với lợi ích kinh tế toàn dân.

Trong chủ nghĩa xã hội, hiệp tác và phân công lao động để sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội trở thành một tất yếu kinh tế - kỹ thuật do bản thân tính chất xã hội hóa trực tiếp của tư liệu sản xuất quy định. Lao động của mỗi người không thể hiện trực tiếp dưới hình thức sản phẩm lao động cá nhân mà thể hiện trong sản phẩm cuối cùng của lao động tập thể của từng đơn vị sản xuất.

Trong điều kiện đó lợi ích kinh tế toàn dân chỉ được thực hiện bằng lao động tập thể trong các xí nghiệp quốc doanh và trong các hợp tác xã. Từ đó xuất hiện lợi ích tập thể.

Lợi ích kinh tế tập thể đòi hỏi các đơn vị kinh tế cơ sở phải sáng tạo ra những hình thức tổ chức lao động và phương pháp lao động hợp lý nhằm sử dụng tốt nhất lực lượng lao động, tài nguyên thiên nhiên, cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo ra một khối lượng sản phẩm mới cho xã hội với chất lượng cao, giá thành hạ.

Sự tồn tại và phát triển của lợi ích kinh tế tập thể đòi hỏi trong quá trình sản xuất kinh doanh, các xí nghiệp và hợp tác xã một mặt phải bù đắp được chi phí sản xuất của mình; mặt khác, phải ra sức cải tiến sản xuất, cải tiến quản lý, nâng cao năng suất lao động, trên cơ sở đó nâng cao khối lượng lợi nhuận xí nghiệp nhằm mở rộng các quỹ của xí nghiệp: quỹ cải tiến và hoàn thiện quá trình sản xuất xí nghiệp, quỹ khen thưởng để tăng thêm thu nhập cho những người lao động giỏi, kích thích người lao động quan tâm hơn nữa đến kết quả sản xuất của xí

(2) V.I.Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va. 1978, tập 44, tr. 442.

ngiệp, quỹ phúc lợi tập thể để cải thiện điều kiện lao động, nghỉ ngơi, sinh hoạt văn hóa của người lao động.

Chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa và tư liệu sản xuất xác định nghĩa vụ và quyền lợi lao động của mọi người trong xã hội. Mọi người có sức lao động đều có nghĩa vụ lao động và được quyền tham gia lao động để tạo ra của cải vật chất cho xã hội, trên cơ sở đó có quyền hưởng thụ một cách thích đáng thành quả lao động của mình. Từ đó xuất hiện lợi ích kinh tế cá nhân.

Lợi ích kinh tế cá nhân được thực hiện dưới hình thức tiền lương, tiền thưởng (trong các xí nghiệp quốc doanh); thu nhập ngày công, thu nhập từ kinh tế phụ gia đình (trong các hợp tác xã) và thông qua việc tiêu dùng các quỹ phúc lợi xã hội, phúc lợi tập thể.

Trong chủ nghĩa xã hội sức lao động của mỗi cá nhân là một bộ phận cấu thành sức lao động tập thể nên lợi ích kinh tế cá nhân không chỉ phụ thuộc vào số lượng và chất lượng lao động của mỗi người, mà còn phụ

thuộc vào kết quả cuối cùng của lao động tập thể toàn xí nghiệp, hợp tác xã. Vì vậy sự quan tâm đến lợi ích kinh tế cá nhân đòi hỏi mỗi người phải lao động thật sự, lao động có tổ chức, có kỷ luật, có kỹ thuật, nâng cao trách nhiệm cộng đồng và ý thức làm chủ tập thể đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp, hợp tác xã.

Điều kiện kinh tế, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội chưa làm cho lao động trở thành nhu cầu tự nhiên của con người, trở thành thứ lao động hoàn toàn tự giác, tự nguyện vì lợi ích của toàn xã hội, trái lại lao động còn là một phương tiện để sinh sống, do đó còn phải tính toán, kiểm tra số lượng và chất lượng lao động của mỗi người để phân phối sản phẩm tiêu dùng cho họ. Trong điều kiện đó sự quan tâm thích đáng nhu cầu vật chất, lợi ích kinh tế cá nhân của mỗi người lao động sẽ có tác dụng thu hút mọi người có khả năng lao động tham gia lao động và thúc đẩy tăng năng suất lao động. V.I. Lê-nin nói: «Việc khuyến khích lợi ích cá nhân có tác dụng nâng cao sản xuất.» (3).

MỐI QUAN HỆ GIỮA BA LỢI ÍCH KINH TẾ TRONG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất thủ tiêu mọi quan hệ đối kháng giữa những người lao động. Trong hệ thống sản xuất xã hội, những quan hệ mới nảy sinh — quan hệ hợp tác, bình đẳng, giúp đỡ nhau trên tinh đồng chí, «mình vì mọi người, mọi người vì mình». Chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa đã làm cho lao động của mỗi cá nhân trở thành lao động xã hội trực tiếp, và mỗi sản phẩm lao động do kinh tế quốc doanh hoặc kinh tế tập thể sản

xuất ra đều là thành quả chung của toàn xã hội. Do đó, mỗi thành quả lao động đều bao gồm phần cho xã hội, phần cho tập thể và phần cho cá nhân theo một quan hệ tỷ lệ nhất định. Tỷ lệ này thay đổi tùy theo trình độ phát triển kinh tế của từng thời kỳ cụ thể. Nhưng theo C. Mác phần dành cho tập thể và cho xã hội trên thực tế cũng mang tính

(3) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tập 33, tr. 74.

chất có lợi cho người lao động, nhằm bảo đảm lợi ích trước mắt hoặc lợi ích lâu dài cho họ. Mác đã nói: «...Cái mà người sản xuất, đứng về mặt cá nhân, bị mất đi, thì đứng về mặt thành viên của xã hội, người ấy lại được nhận lại một cách trực tiếp hay gián tiếp». (4)

Sự phân tích trên đây chứng tỏ rằng, trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, người lao động sản xuất là người đồng thời mang ba lợi ích kinh tế. Với tư cách là một thành viên độc lập, họ là người mang lợi ích kinh tế cá nhân. Với tư cách là người lao động tập thể trong xí nghiệp, hợp tác xã, họ là người mang lợi ích kinh tế tập thể. Với tư cách là người làm chủ tập thể tư liệu sản xuất xã hội, họ là người mang lợi ích kinh tế toàn dân.

Tính thống nhất của ba lợi ích kinh tế chỉ rõ: không thể thực hiện riêng rẽ một trong ba lợi ích đó được. Muốn thực hiện lợi ích kinh tế cá nhân thì phải thực hiện lợi ích kinh tế toàn dân và lợi ích kinh tế tập thể, và ngược lại.

Mỗi đơn vị kinh tế và mỗi cá nhân khi lao động sản xuất có quyền quan tâm đến lợi ích chính đáng của mình. Đó là một chân lý giản đơn, vì người ta sống không phải chỉ bằng không khí và nước là. Nhưng sự quan tâm lợi ích kinh tế tập thể và lợi ích kinh tế cá nhân đều phải xuất phát từ lợi ích kinh tế toàn dân.

Việc xuất phát từ lợi ích kinh tế toàn dân hoàn toàn không phải là một sự quy kết động lực của các lợi ích kinh tế thành nhân tố có tính chất chính trị, không phải đem quan hệ chính trị thay cho quan hệ kinh tế. Việc đề cao vai trò lợi ích kinh tế toàn dân là nhằm bảo đảm những phương tiện vật chất, những biện pháp kinh tế kỹ thuật để không ngừng tái sản xuất mở rộng, nâng cao năng suất lao động, tăng nhanh

tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, tạo điều kiện để thỏa mãn hơn nữa lợi ích kinh tế tập thể và lợi ích kinh tế cá nhân. Trong chủ nghĩa xã hội, sản phẩm lao động thuộc về tập thể và xã hội thì sự giàu có về vật chất và phong phú về tinh thần của mỗi cá nhân chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở sự giàu có của toàn xã hội. Thực tiễn ở các nước xã hội chủ nghĩa đã chứng minh rằng: lợi ích kinh tế toàn dân đã là nhân tố cực kỳ quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, là cơ sở vững chắc để phát triển lợi ích kinh tế cá nhân và tập thể.

Như vậy, về lý luận cũng như về thực tiễn, lợi ích kinh tế toàn dân rõ ràng là lợi ích kinh tế chủ đạo, nó quy định quy mô, cơ cấu, tốc độ và phương hướng phát triển nền kinh tế quốc dân, và do đó nó quy định mức độ thực hiện lợi ích kinh tế tập thể và lợi ích kinh tế cá nhân.

Việc thừa nhận vai trò chủ đạo của lợi ích kinh tế toàn dân không có nghĩa là xem nhẹ các lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân. Nhà nước xã hội chủ nghĩa chẳng những quan tâm lợi ích kinh tế toàn dân mà còn quan tâm cả lợi ích kinh tế tập thể và cá nhân. Trong thời kỳ quá độ, khi trình độ phát triển sản xuất còn thấp, đời sống của người lao động còn nhiều khó khăn, thì vai trò của lợi ích kinh tế tập thể và cá nhân với tư cách là những động lực kích thích sản xuất phát triển cần phải được chú ý thích đáng. Vì rằng các đơn vị kinh tế cơ sở như xí nghiệp, nông trường quốc doanh và hợp tác xã là nơi trực tiếp quản lý và sử dụng những tư liệu sản xuất, lực lượng lao động, tài nguyên và cơ sở vật chất kỹ thuật để sản xuất ra của cải vật chất. Cho nên mức độ

(4) C. Mác và F. Ăng-ghen: *Tuyên ngôn*.
• Phê phán cương lĩnh Gô-ta •: Nxb Sự thật.
Hà-nội, 1971, tập II, tr. 19.

thỏa mãn lợi ích kinh tế toàn dân, tập thể và cá nhân tùy thuộc vào năng suất lao động và hiệu quả kinh tế của các đơn vị kinh tế cơ sở, tính tích cực sản xuất của mỗi người lao động tập thể. Đương nhiên việc chú ý thích đáng đến lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân không có nghĩa là biến nó thành lợi ích "phường hội", lợi ích cá nhân "ích kỷ" gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế toàn dân.

Mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa ba lợi ích kinh tế trong chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan, đòi hỏi các chính sách kinh tế của Nhà nước xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực sản xuất cũng như trong lĩnh vực phân phối lưu-thông phải nhằm vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội (vì các lợi ích kinh tế nằm trong cơ chế tác động của các quy luật kinh tế) để bảo đảm sự thống nhất giữa ba lợi ích kinh tế sao cho trong mỗi hoạt động sản xuất, mỗi thành quả lao động, Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động đều có lợi. Đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ sự thống nhất biện chứng giữa ba lợi ích kinh tế đó như sau: "Chủ nghĩa xã hội là xã hội của những người lao động tự do trong đó lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội là nhất trí, lợi ích của mỗi người lao động cùng gia đình mình, với lợi ích của tập thể sản xuất và lợi ích của Nhà nước là nhất trí. Xã hội giàu có, từng người mới sung túc. Lợi cho xã hội tức là lợi cho chính mình. Thiệt cho xã hội là thiệt cho chính mình. Xã hội chăm lo đời sống cho từng người, từng người làm việc hết sức mình cho xã hội. Làm việc cho xã hội tức là làm việc cho chính mình" (5).

Nói đến sự thống nhất giữa ba lợi ích kinh tế trong chủ nghĩa xã hội không có nghĩa là phủ nhận những nguyên nhân gây ra mâu thuẫn giữa ba lợi ích.

Sự phân công lao động xã hội, sự tồn tại các đơn vị sản xuất khác nhau do sự phân công đó mà ra, chính là nguồn gốc khách quan của mâu thuẫn giữa ba lợi ích kinh tế. Mâu thuẫn này còn có thể nảy sinh do việc phân chia sản phẩm không hợp lý, làm cho lợi ích kinh tế này lấn sang lợi ích kinh tế kia. Chẳng hạn như: trong việc phân phối thu nhập quốc dân, nếu quy định không chính xác tỷ lệ giữa sản phẩm tất yếu và sản phẩm thặng dư thì sẽ gây ra mâu thuẫn giữa lợi ích kinh tế cá nhân với lợi ích kinh tế tập thể và lợi ích kinh tế toàn dân. Nếu phân định không hợp lý phần sản phẩm thặng dư dành cho Nhà nước và cho xí nghiệp thì sẽ gây ra mâu thuẫn giữa lợi ích kinh tế tập thể với lợi ích kinh tế toàn dân. Trong chính sách giá cả cũng vậy, nếu giá cả sản phẩm quy định thấp thì xí nghiệp có thể không có lợi nhuận hoặc không bù đắp được chi phí sản xuất sẽ làm cho lợi ích kinh tế tập thể và cá nhân bị thiệt; nếu quy định cao thì có lợi cho tập thể xí nghiệp mà không có lợi cho toàn xã hội, cho dòng đảo người tiêu dùng, cũng tức là làm thiệt đến lợi ích kinh tế toàn dân.

Như vậy là bản thân việc phân công lao động xã hội là cơ sở khách quan của mâu thuẫn giữa ba lợi ích kinh tế, và việc chế định không đúng đắn các chính sách kinh tế cũng làm cho mâu thuẫn đó phát sinh và phát triển. Song đó không phải là mâu thuẫn đối kháng: vì rằng khi nhân dân lao động đã làm chủ tập thể trên phạm vi cả nước cũng như từng địa phương và từng cơ sở thì dù có giảm lợi ích này do đó làm tăng lợi ích kia vẫn không đưa đến sự mất cân về lợi ích như trong xã hội có giai cấp đối kháng.

(5) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1976, tập II, tr. 529 — 530.

BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG CƠ CẤU NÔNG — LÂM — CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VĂN-CHẤN

ĐỖ-KHẮC-CƯƠNG

(Bí thư huyện ủy Văn-chấn, tỉnh Hoàng-liên-sơn)

VĂN-CHẤN là huyện miền núi tỉnh Hoàng-liên-sơn, có 11 vạn nhân khẩu gồm 20 dân tộc anh em: Thái, Tày, Dao, Mường, Mông, Xá, Giáy, Kinh... Năm 1976 Nhà nước đã duyệt quy hoạch phát triển sản xuất nông — lâm nghiệp của Văn-chấn. Trong những năm qua tuy gặp nhiều khó khăn vì thiên tai, thiếu thốn nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vì những hậu quả của cuộc chiến tranh xâm lược do bọn phản động Bắc-kinh gây ra, nhưng toàn đảng bộ và nhân dân trong huyện quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, tổ chức lại sản xuất nhằm thực hiện đường lối kinh tế của Đảng, bước đầu xây dựng cơ cấu kinh tế nông — lâm — công nghiệp trên địa bàn huyện.

I— TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN NÔNG — LÂM — CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

Để thực hiện quy hoạch, Văn-chấn đã hình thành ba vùng sản xuất: vùng sản xuất lúa tập trung 2100 ha (cánh

đồng Nghĩa-lộ); vùng chè tập trung 3200 ha: vùng rừng trồng tập trung (bồ đề, mỗ), trên 6000 ha. Mỗi vùng sản xuất theo hướng chuyên canh, đều khai thác tổng hợp, tận dụng mọi đất đai để sản xuất lương thực, các loại hoa màu, trồng rừng, trồng chè, v.v. Trong quá trình tổ chức lại sản xuất, các hợp tác xã ở Văn-chấn đã xây dựng phương án kinh tế với bước đi đầu tiên là phá thế độc canh lương thực, đẩy mạnh trồng cây công nghiệp dài ngày và nghề rừng, từng bước hình thành sự phân công lao động mới trên địa bàn huyện.

1— Sản xuất lương thực.

Trên cơ sở bố trí lại cơ cấu cây trồng, Văn-chấn đẩy nhanh tốc độ thâm canh các loại cây lương thực, từng bước tự cân đối lương thực trên địa bàn huyện.

Từ năm 1976, huyện chúng tôi đã tập trung chỉ đạo thâm canh, phục hồi các diện tích đã có, tận dụng đất dốc dưới 15 độ để trồng lúa, màu, tích cực xây dựng ruộng bậc thang. So với năm 1976 hiện nay diện tích gieo trồng tăng thêm 7000 ha. Chúng tôi đã xây dựng

hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp của huyện bao gồm: trạm khí tượng nông nghiệp, 2 trạm bảo vệ thực vật (chè và lúa), trạm thú y, trại giống lúa, trại giống lợn; trạm máy kéo 15 đầu máy; công ty cung ứng vật tư nông nghiệp và kỹ thuật; công ty thủy nông. Về thủy lợi, đã đầu tư xây dựng và tu bổ 7 đập, 3 hồ chứa nước và một số công trình phai, mương, đập nhỏ, đã tưới, tiêu chủ động cho trên 30% diện tích lúa nước. Nhờ vậy, năng suất lúa bình quân của huyện năm 1980 đạt 4265 kg/ha, so với năm 1977 mỗi ha tăng 465 kg; tổng sản lượng lương thực đạt 30 627 tấn (riêng thóc: 18 627 tấn), so với năm 1976 tăng 8800 tấn, bình quân hằng năm tăng 10%. Hằng năm Nhà nước huy động được 14% sản lượng lương thực. Để thực hiện mục tiêu tự cân đối lương thực trên địa bàn huyện, chúng tôi đang phấn đấu tăng sản lượng lương thực lên 36 000 - 40 000 tấn; như vậy, Văn-chấn phải phấn đấu đưa năng suất lúa lên 6 tấn/ha, ngô 18 tạ/ha, sản 13 tấn củ tươi/ha, v.v Nếu không đủ mức lương thực tối thiểu, sẽ phải hạn chế, thậm chí giảm bớt tốc độ làm cây công nghiệp, nghề rừng và sản xuất công nghiệp.

2- Xây dựng vùng chuyên canh chè:

Cây chè vốn có từ lâu ở đất Văn-chấn, từng hộ nông dân có những vườn chè ở gần nhà, đặc biệt có một số xã vùng cao như Suối-giang, Suối-quỳn, v.v. trồng chè từ lâu đời.

Trong phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, các hợp tác xã hầu như không quản lý diện tích chè mà chỉ tập trung vào trồng cây lương thực (độc canh cây lúa). Từ khi đặt ra nhiệm vụ phát triển cây công nghiệp dài ngày, chủ yếu là cây chè, các hợp tác xã nông nghiệp mới chú ý quản lý đất trồng chè, phục hồi diện tích chè cũ và khai hoang thêm để trồng chè mới. Theo quy hoạch phân vùng sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh

Hoàng-liên-sơn, huyện Văn-chấn nằm trong vùng chè, do đó phải phát triển trồng chè theo hướng chuyên môn hóa kết hợp với chế biến chè. Trong 5 năm qua (1975 - 1980) chúng tôi đã tiếp nhận 7319 lao động (hơn 2 vạn nhân khẩu) của tỉnh Thái-bình đến tham gia xây dựng kinh tế ở địa phương, chủ yếu là trồng chè, định canh định cư ở 10 hợp tác xã vùng cao đi vào trồng chè (và trồng quế, trồng rừng), nhanh chóng hình thành vùng chè tập trung gồm 3200 ha.

Đến năm 1980, Văn-chấn đã có 4880 ha chè, trong đó hợp tác xã có 2836 ha, chiếm 81% diện tích. Theo quy hoạch trồng chè của huyện, diện tích trồng chè chiếm 50% diện tích đất nông nghiệp, vượt diện tích ruộng lúa và trở thành ngành kinh doanh chính của ba nông trường và 20 hợp tác xã nông nghiệp chuyên canh chè. Để giúp cho các hợp tác xã nông nghiệp về mặt kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hái chè, nông trường mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho các xã viên làm chè, đặc biệt là cho đội trưởng và đội phó. Mặt khác, nông trường cũng đã cung cấp giống cho các hợp tác xã phát triển nghề chè, đưa năng suất bình quân của huyện từ 1 tấn/ha lên 2,5 tấn/ha, đồng thời huyện chúng tôi đã xây dựng hai trại bảo vệ thực vật cho chè và lúa. Đến năm 1979 Văn-chấn đã đạt được sản lượng 9200 tấn chè búp tươi hàng hóa

Trên cơ sở chuyên môn hóa việc trồng chè, Văn-chấn đã xây dựng 2 nhà máy chè đen và 1 nhà máy chè hương. Năm 1979 đã cung cấp cho nền kinh tế quốc dân 1600 tấn chè đen, 200 tấn chè hương để tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Tổng giá trị xuất khẩu năm 1979 là trên 6,6 triệu đồng, bình quân một nhân khẩu trong huyện làm ra 63đ cho xuất khẩu.

3 - Trồng rừng tập trung.

Để có nguyên liệu cho công nghiệp giấy, Văn-chấn đã nhanh chóng mở

rộng diện tích trồng bồ đề, mỡ trên đất dành cho sản xuất lâm nghiệp. Huyện chúng tôi đã xây dựng một lâm trường và một công ty lâm nghiệp. Ngoài nhiệm vụ khai thác rừng tự nhiên, lâm trường còn trồng rừng, đến nay đã trồng được trên 6 000 ha bồ đề, mỡ, thông, v.v.

Các hợp tác xã nông - lâm nghiệp đã kết hợp trồng cây lương thực, trồng cây công nghiệp dài ngày với trồng rừng, vừa sử dụng đất một cách hợp lý, vừa để cho các cây nương tựa lẫn nhau cùng phát triển, vừa bảo vệ đất, bảo vệ nguồn nước.

Từng hợp tác xã có đội trồng rừng và chăm sóc rừng. Rừng trở thành một ngành kinh doanh mới của nhiều hợp tác xã. Bên cạnh rừng tự nhiên, một số hợp tác xã đã có rừng bồ đề, trâu, v.v. hiện nay đã đến thời kỳ tỉa thưa và bắt đầu có sản phẩm cung cấp cho Nhà nước. Năm 1979, việc khai thác lâm sản đạt 2 1915m³ gỗ tròn, 7 000 xte củi, và hàng chục vạn cây nứa, tre, vầu; ngoài ra có trên 40 tấn hạt trâu khô bán cho Nhà nước.

Từ chỗ sản xuất độc canh lương thực để tự cấp tự túc, đến nay cơ cấu sản xuất của huyện đã bước đầu thay đổi theo hướng tập trung, chuyên môn hóa trồng cây công nghiệp dài ngày và nghề rừng, tạo thành nguồn nông, lâm sản hàng hóa ngày càng ổn định. Một bộ phận lao động được chuyên môn hóa và tổ chức thành các đội chuyên. Trong tổng số lao động ở nông thôn Văn-chấn, lao động sản xuất lương thực năm 1975 chiếm 87%, lao động trồng cây công nghiệp dài ngày 10% và lao động lâm nghề rừng 3%; đến năm 1980 tỷ lệ đó đã thay đổi: lao động sản xuất lương thực 80%, trồng cây công nghiệp dài ngày 14%, trồng rừng 6%. Lao động trồng cây lương thực đã được rút bớt nhưng không làm giảm sản xuất lương thực.

Hàng nông sản, lâm sản của Văn-chấn trước đây cung cấp cho xã hội

hầu như không đáng kể, chỉ có một số ít gỗ, tre, nứa... lại có xu hướng giảm dần. Do biến đổi cơ cấu trồng trọt, những năm vừa qua sản lượng chè cung cấp cho công nghiệp chế biến đề xuất khẩu và tiêu dùng trong nước mỗi năm một tăng; so với năm 1976, năm 1980 tăng 3000 tấn chè búp tươi. Tỷ suất hàng hóa ngày càng lớn. Văn-chấn đang trở thành một trong những vùng sản xuất chuyên môn hóa về chè và gỗ.

Đất đai Văn-chấn bước đầu được sử dụng một cách hợp lý. Ở những nơi thấp, tương đối bằng phẳng, trồng cây ngắn ngày, chủ yếu là cây lương thực, thực phẩm; trên các sườn đồi có độ dốc thấp trồng cây công nghiệp, chủ yếu là chè; còn trên đất có độ dốc cao ở các sườn núi thì trồng rừng, chủ yếu là bồ đề và mỡ, v.v. Với điều kiện đất đai, đặc điểm địa hình trong huyện, ba loại cây đó được trồng xen kẽ nhau và cùng phát triển trong từng đơn vị kinh tế: hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh. Với cách sử dụng đất đai như vậy, hiệu quả kinh tế cao hơn và diện tích còng lại cũng lớn. Hơn nữa cách làm đó còn có tác dụng tốt về nhiều mặt như bảo vệ đất, chống xói mòn, duy trì môi trường sống

Văn-chấn đã sử dụng tốt vốn đầu tư và sự giúp đỡ của Nhà nước, mặt khác đã huy động năng lực và vốn của các hợp tác xã nông nghiệp, phát huy tinh thần tự lực tự cường và sự giác ngộ xã hội chủ nghĩa của nông dân, huy động được một khối lượng lao động khá lớn để làm cây công nghiệp và trồng rừng tập trung, tạo nên sự biến đổi trong cơ cấu cây trồng.

4 - Cơ cấu công nghiệp và thủ công nghiệp bắt đầu hình thành trên địa bàn huyện

Nông - lâm nghiệp phát triển là cơ sở cho công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển. Với những cơ sở tự xây dựng, những xí nghiệp được

lĩnh phân cấp cho huyện quản lý, cùng với những xí nghiệp do tỉnh và trung ương quản lý, cơ cấu công nghiệp trên địa bàn huyện đã hình thành gồm ba ngành sản xuất chính:

Ngành chế biến nông - lâm sản gồm ba nhà máy chế chế biến chế biến xuất khẩu với công suất 9 200 tấn (chế búp tươi), một xí nghiệp chế biến gỗ 2 000 m³/năm, một xí nghiệp chế biến mì, màu, xát gạo, làm miến dong, rượu, kẹo, nước chấm các loại 4 000 tấn/năm.

Ngành cơ điện đã đáp ứng phần lớn yêu cầu về năng lượng cho công nghiệp chế biến và điện sinh hoạt. Có 7 cơ sở thủy điện nhỏ, 1 xí nghiệp cơ khí sản xuất công cụ thường và công cụ cải tiến phục vụ sản xuất nông - lâm nghiệp trong huyện, mỗi năm sản xuất được trên 4 000 cây bừa hoàn chỉnh, 25 000 dao, cào cỏ, liềm, trên 1 000 dao đốn chè, 300 xe cải tiến và cón sửa chữa được từ 50 đến 80 xe, máy nhỏ.

Ngành vật liệu xây dựng gồm nhà máy sản xuất gạch ngói 5 triệu viên/năm và 4 000 tấn vôi/năm; 1 xí nghiệp đồ gỗ.

Về sản xuất hàng tiêu dùng, đã xây dựng các hợp tác xã thủ công nghiệp như: đồ da, thủy tinh, đồ gốm, đan lát, dệt, may mặc, v.v. Sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp phát triển, hàng hóa tiêu dùng do huyện tạo ra đáp ứng 30% nhu cầu. Giá trị sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp ngày càng lớn năm 1971 giá trị sản lượng nông - lâm - công nghiệp là 11 552 000 đ, trong đó giá trị sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp là 3 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 20,6%. Năm 1979 giá trị sản lượng nông - lâm - công nghiệp là 31 370 000 đ, trong đó giá trị sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp là 10 386 000 đ, chiếm tỷ trọng 32,4%.

5 - *Xây dựng cơ bản và giao thông vận tải*

Đề thúc đẩy sản xuất nông - lâm - công nghiệp phát triển, phục vụ lưu thông và đời sống nhân dân các dân tộc trong huyện, chúng tôi đã quan tâm chỉ đạo công tác xây dựng cơ bản và giao thông vận tải. Mỗi hợp tác xã nông - lâm nghiệp đều có một đội vận tải, riêng huyện thành lập một công ty xây dựng, đảm nhiệm xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, nhà ở cấp 4, sân phơi, nhà kho, chuồng trại cho nông nghiệp. Trong 5 năm qua đã xây dựng được 11 860 m² nhà ở cấp 4, trên 7 330 m² sân phơi và 800 m² chuồng trại gia súc; làm mới 73 km đường dân sinh liên xã, 11 cầu treo và một số công trình thủy lợi nhỏ. Đến nay có 8 xã có máy điện thoại, 28 trong 31 xã có đường ô tô tới xã. Huyện có một đội xe vận tải cơ giới, trên 400 xe trâu, xe ngựa, 2 000 xe cải tiến và các đội ngựa thồ của 10 xã vùng cao hợp thành lực lượng vận tải phục vụ sản xuất, lưu thông và đi lại của nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện.

Trên cơ sở nông - lâm nghiệp phát triển, công nghiệp đã hình thành, và công nghiệp hoạt động lại tạo điều kiện thuận lợi cho nông - lâm nghiệp phát triển mạnh lên; điều đó thể hiện rõ nhất trong ngành sản xuất chè ở Văn Chấn. Trong 5 năm qua diện tích chè đã tăng lên gấp hai lần và sản lượng chè tươi bán ra đã tăng gấp rưỡi. Nếu không có công nghiệp chế biến chè phát triển thì không thể có bước phát triển đó. Cơ cấu kinh tế thay đổi đã làm thay đổi cơ cấu lao động và dân cư. Các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh xây dựng trên địa bàn huyện đã làm cho số người lao động công nghiệp tăng lên và dân cư thành thị cũng lớn lên; đã có 3,3 vạn dân cư trú ở 4 thị trấn và 5 nông, lâm trường. Ngay trong nông thôn, cơ cấu lao động cũng biến đổi, năm 1975, lao động làm các ngành nghề tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp trong các hợp tác xã nông -

lâm nghiệp chỉ chiếm 5% tổng số lao động trong hợp tác xã, năm 1980 tỷ số đó đã tăng lên 12%.

Cơ cấu kinh tế nông - lâm - công nghiệp huyện tuy mới bắt đầu hình thành đã mở ra triển vọng to lớn cho bước phát triển kinh tế, đời sống và văn hóa, đưa lại những biến đổi sâu sắc về nhiều mặt cho đồng bào các dân tộc trong huyện chúng tôi.

II-CHĂM LO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC VÀ XÂY DỰNG HUYỆN THÀNH PHÁO ĐÀI QUÂN SỰ SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU

Do sản xuất phát triển, 5 năm qua đời sống nhân dân trong huyện có những biến đổi mới và từng bước được cải thiện. Mức ăn hàng tháng năm 1976 chỉ có 14 kg thóc một đầu người, năm 1980 mức đó là 20,5 kg thóc một đầu người. Huyện chúng tôi đã thành lập công ty thương nghiệp và trên 40 cửa hàng thương nghiệp, hợp tác xã mua bán, phục vụ đời sống nhân dân. Trên 80% số hộ vùng thấp có nhà ở bằng gỗ kê, có xe đạp, một số thôn, bản đã có điện thắp sáng như Đại-lich, Nghĩa-an, Vực-tuân, v.v. Toàn huyện có 48 trường phổ thông cơ sở, trong đó có 20 trường cấp II; 2 trường cấp III; 1 trường thiếu nhi vùng cao; 1 trường thanh niên dân tộc vừa học vừa làm, một trường phổ thông lao động cấp II+III và 5 trường bổ túc văn hóa của huyện. Năm 1980 có 39.500 người theo học, bình quân cứ 3 người dân có một người đi học. Hầu hết các xã và hợp tác xã vùng thấp có nhà trẻ, nhóm trẻ, năm 1980 có 260 nhóm gửi trẻ đón nhận 6.000 cháu. Nhiều hợp tác xã đã tổ chức cho các cháu ăn bữa trưa, bố mẹ không phải đóng góp hoặc chỉ đóng góp một phần. Các xã đều có trạm y tế, nhà hộ sinh;

huyện có 2 bệnh viện, 300 giường và 5 phân viện, 1 hiệu thuốc pha chế và bào chế bằng dược liệu địa phương. Ngoài nhà bảo tàng, thư viện, sân vận động của huyện, một số xã đã có thư viện và nhà truyền thống. Các xã vùng thấp có 46 đội văn nghệ; huyện có 3 đội chiếu bóng, 1 rạp và 1 bãi chiếu bóng cố định. Hệ thống truyền thanh huyện đã kéo loa đến 8 xã vùng đồng bằng Nghĩa-lộ..

Đi đôi với lãnh đạo sản xuất và xây dựng, Văn-chấn đã triển khai công tác quân sự địa phương toàn diện, xây dựng huyện thành pháo đài quân sự, sẵn sàng chiến đấu. Văn-chấn là huyện hậu phương trực tiếp của các huyện trước của tỉnh Hoàng-liên-sơn chống quân Trung-quốc xâm lược. Trong những năm qua lực lượng dân quân tự vệ đã được tăng cường cả về chất lượng và số lượng: số người tham gia tự vệ từ 9% năm 1976 tăng lên 11% năm 1979 so với số dân: trên 62% đảng viên tham gia dân quân tự vệ; các lực lượng đều được biên chế thành các đơn vị chiến đấu thích hợp. Các xi nghiệp, nông trường, lâm trường, cơ quan đều thành lập các tiểu đoàn, đại đội tự vệ mạnh. Ở các xã có các trung đội, đại đội dân quân hàng năm được huấn luyện và được trang bị vũ khí đầy đủ, có khả năng cơ động và chiến đấu tốt. Các ban chỉ huy đơn vị, xã đội, huyện đội được kiện toàn, các xã, khu, nông trường, lâm trường đều có phương án chiến đấu cụ thể. Ngoài ra, có các phương án tác chiến và hiệp đồng tác chiến giữa các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ ở từng địa bàn, từng cụm và trên phạm vi toàn huyện.

Cơ sở Đảng, chính quyền, các đoàn thể được củng cố. Đảng ủy các cấp trong huyện đã thật sự nắm và lãnh đạo lực lượng vũ trang; mỗi huyện ủy viên trực tiếp chỉ đạo một xã; mỗi ủy viên thường vụ huyện ủy lãnh đạo một cụm chiến đấu. Gần 100

cán bộ của huyện được tăng cường cho cơ sở, trong đó 1/3 cho cơ sở vùng cao để vừa vận động nhân dân sản xuất, vừa giúp đỡ cơ sở tổ chức lực lượng vũ trang tại chỗ. Do đó, khi bọn phản động Bắc-kinh gây ra chiến tranh ở biên giới năm 1979, trật tự an ninh trong huyện được giữ vững. Văn-chấn kịp thời chỉ viện cho tuyến trước hàng nghìn chiến sĩ mới, đón tiếp hàng vạn đồng bào sơ tán về phía sau, cứu chữa hàng trăm thương binh ở tuyến trước gửi về. Cùng thời gian đó, huyện chúng tôi đã huy động trên 3,5 vạn ngày công đi phục vụ tuyến trước, trong một thời gian ngắn đã xây dựng xong 75 km đường hào và các cụm chiến đấu trên địa bàn huyện.

Thanh niên các dân tộc đã hăng hái làm nghĩa vụ quân sự; từ năm 1976 đến nay các đợt tuyển quân đều đạt và vượt kế hoạch từ 2 đến 6%. Các chính sách hậu phương được thực hiện tốt.

Phát huy truyền thống cách mạng của địa phương, với cách xây dựng lực lượng vũ trang gắn với các đơn vị sản xuất kinh doanh, kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường tiềm lực quốc phòng, Văn-chấn đang xây dựng huyện thành một pháo đài quân sự hùng hậu và vững chắc sẵn sàng chiến đấu và bảo đảm đánh thắng mọi thủ đoạn xâm lược của bọn hành trưởng Trung-quốc.



Trong quá trình xây dựng cơ cấu kinh tế nông-lâm-công nghiệp trên địa bàn huyện, huyện Văn-chấn đã đạt được kết quả bước đầu, nhưng nhìn chung kinh tế phát triển chưa đều, chưa cân đối. Trong thời gian tới chúng tôi chú ý khắc phục những mặt yếu sau đây:

1 - Chăn nuôi, nhất là chăn nuôi gia súc chưa được coi trọng đúng

mức. Các hợp tác xã không mở rộng chăn nuôi gia súc lớn cho nên đàn trâu cày kéo năm 1979 kém năm 1975. Đàn lợn tập thể cũng không tăng. Chăn nuôi giảm chăn tại chỗ đã ảnh hưởng tới trồng trọt vì thiếu phân bón để thâm canh lúa và chè.

2 - Ngành công nghiệp và thủ công nghiệp, nhất là thủ công nghiệp trong các hợp tác xã nông nghiệp phát triển chậm. Tiềm năng và yêu cầu rất lớn nhưng các nguyên liệu sẵn có ở địa phương chưa được khai thác tốt. Muốn đưa một diện tích lớn ruộng sản vào kinh tế tập thể thì phải có công cụ chế biến để sản không bị hỏng sau khi thu hoạch, và mới có thể đưa sản vào thành phần lương thực cho người và phục vụ cho chăn nuôi lợn tập thể. Nhưng hiện nay Văn-chấn chưa có công nghiệp chế biến sản ở huyện. Việc chế biến trong gia đình xã viên không được bao nhiêu.

3 - Tốc độ trồng rừng chậm, việc bảo vệ rừng còn nhiều khuyết điểm, nạn cháy rừng tuy đã hạn chế nhưng hằng năm vẫn xảy ra, do đó ảnh hưởng đến quỹ rừng và việc tái sinh rừng.

4 - Lương thực còn thiếu là trở ngại chính hiện nay đối với việc mở rộng phân công lao động xã hội, tăng thêm lao động làm ra nguyên liệu cho công nghiệp và lao động sản xuất công nghiệp. Việc cân đối lương thực trên địa bàn huyện chưa giải quyết được, hằng năm Nhà nước còn phải cấp trên 3.500 tấn.

Với truyền thống cách mạng của mình, đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Văn-chấn sẽ kiên quyết khắc phục những mặt yếu trên đây. Mặt khác, đề nghị các cấp, các ngành tăng cường chỉ đạo, giúp đỡ chúng tôi trong việc xây dựng cơ cấu nông-lâm-công nghiệp trên địa bàn huyện, để đóng góp ngày càng nhiều vào sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà.

Đấu tranh văn hóa, văn nghệ trong thời kỳ quá độ

HÀ-XUÂN-TRƯỜNG

CÀ nước ta đang trên bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam ở trong trạng thái còn nằm thành phần kinh tế, xã hội còn chịu ảnh hưởng nặng nề của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ. Cuộc đấu tranh «ai thắng ai» trong thời kỳ quá độ giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản cùng với tất cả những tàn dư khác luôn luôn cưỡng lại và chống công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội là một cuộc đấu tranh quyết liệt. Văn hóa, văn nghệ là một mặt trận, phản ánh cuộc đấu tranh này, và do đặc điểm của chính mình, cuộc đấu tranh văn hóa, văn nghệ diễn ra dai dẳng dưới nhiều dạng thái, nhiều hình thức khác nhau. Sự phản kháng về phương diện tư tưởng là sự phản kháng sâu sắc nhất và mãnh liệt nhất.

Cuộc đấu tranh chống văn hóa, văn nghệ đồi trụy và phản động đang tiếp tục diễn ra sôi động ở thành phố Hồ-Chí-Minh và một số địa phương khác là một mặt, một bộ phận của cuộc đấu tranh «ai thắng ai» trên mặt trận văn hóa, văn nghệ ở nước ta.

Từ 30-4-1975, cùng với thắng lợi vĩ đại giải phóng toàn bộ miền Nam nước ta, cùng với uy tín chính trị lớn lao của Đảng và Nhà nước chuyên chính vô sản, là sự giáp mặt của hai nền văn hóa, văn nghệ: nền văn hóa, văn nghệ xã hội chủ nghĩa đã hình thành ở miền Bắc và có nhiều ảnh hưởng ở vùng giải phóng miền Nam trước đây, và nền văn hóa, văn nghệ thực dân mới kiểu Mỹ ngự trị nhiều năm ở miền Nam, đặc biệt là ở các thành thị. Ngay từ ngày ấy, cuộc đấu tranh xóa bỏ di hại và tàn dư văn hóa, văn nghệ thực dân mới đã được tiến hành đồng thời với việc cải tạo và xây dựng văn hóa, văn nghệ xã hội chủ nghĩa. Các gánh hát, đoàn hát tư nhân đi vào tổ chức tập thể dưới sự hướng dẫn của các cơ quan văn hóa Nhà nước. Tất cả các phim điện ảnh chiếu thời Mỹ — nguy được thu gom lại, thay vào đó là những phim của Việt-nam và các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Các rạp chiếu bóng, các nhà in dần dần đặt dưới quyền quản lý của Nhà nước. Sách báo đồi trụy và phản động bị cấm lưu hành. Báo chí và đài phát thanh, truyền hình của ta đi sâu

phân tích những quan điểm phản động, bóc trần những mưu mô đen tối của đế quốc Mỹ sử dụng văn hóa, văn nghệ làm công cụ nô dịch, ngu dân... Những cuộc hội nghị, hội thảo khoa học về văn hóa thực dân mới được tổ chức. Đồng thời với việc cải tạo là gây dựng và phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ xã hội chủ nghĩa. Câu lạc bộ, nhà văn hóa được thành lập, tuy chưa nhiều, nhưng cũng đã góp phần tích cực tạo không khí lành mạnh cho các hoạt động văn hóa. Những liên hoan phim, hội diễn sân khấu, ca nhạc chuyên nghiệp và quần chúng là những dịp động viên, khuyến khích hoạt động nghệ thuật theo hướng xã hội chủ nghĩa... Tóm lại, những thành tựu văn hóa của ta, nói riêng ở miền Nam, gần 6 năm nay không nhỏ. Những thành tựu ấy đã bước đầu góp phần biến đổi bộ mặt văn hóa của các tỉnh miền Nam, từng bước xóa bỏ những tàn dư của văn hóa thực dân mới.

Nhưng thực tế cho thấy cuộc đấu tranh chống văn hóa đồi trụy và phản động, xây dựng nền văn hóa, văn nghệ mới không chỉ diễn ra ở miền Nam. Cuộc đấu tranh ấy đang diễn ra trên cả nước, tất nhiên mức độ có khác nhau giữa các nơi, lại có những khác biệt giữa miền Nam và miền Bắc. Khuynh hướng thương mại trong nghệ thuật tư sản đã len lỏi vào nghệ thuật xã hội chủ nghĩa. Dưới những hình thức tập thể, nhiều đoàn hát vẫn hoạt động theo lối « chiều khách » như xưa. Những hiện tượng văn hóa đồi trụy và phản động đã xuất hiện ngay giữa thủ đô Hà Nội, ở thành phố Cảng, v.v. Sự sa đọa đã đi vào nhà trong của một số cốt cán nghệ thuật của chúng ta; số người này tuy rất ít, nhưng đó là biểu hiện nghiêm trọng.

Trong lúc chúng ta chưa đáp ứng được nhiều yêu cầu của sự nghiệp xây dựng nền văn hóa, văn nghệ xã hội chủ nghĩa, thì văn hóa, văn nghệ tư

sản và thực dân mới vẫn tiến công chúng ta. Có điểm chúng đẩy lùi chúng ta, có điểm chúng gây rối, cho chúng ta. Điều nguy hiểm là những kẻ thù của chúng ta lợi dụng những hình thức hoạt động và những con người của chúng ta để phục vụ âm mưu đen tối của chúng. Một số đồng chí, một số địa phương nghĩ rằng việc chống văn hóa đồi trụy và phản động là công việc của các tỉnh miền Nam, hoặc là việc riêng của thành phố Hồ-Chí-Minh. Đó là một cách nhìn nhận sai lầm. Chúng ta cần thấy rõ: những nọc độc của văn hóa tư sản, những tàn dư của văn hóa thực dân mới và phong kiến đang trỗi dậy đều được kẻ địch lợi dụng để phá hoại ta ở nhiều thành phố, thị trấn và một số vùng nông thôn của cả nước ta. Phá hoại về tư tưởng, văn hóa, văn nghệ đã trở thành một bộ phận quan trọng và thâm độc nhất trong cuộc chiến tranh phá hoại toàn diện mà đế quốc Mỹ và bọn bán nước Bắc-kinh đang tiến hành đối với nước ta. Cuộc đấu tranh « ai thắng ai » giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trong thời kỳ quá độ trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ đang diễn ra quyết liệt và hết sức phức tạp trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước ta hiện nay, đó là cuộc giành giật trong từng con người, trong mỗi tâm hồn.



Cuộc đấu tranh chống văn hóa, văn nghệ phản động và đồi trụy đang diễn ra hiện nay làm nổi lên ba vấn đề: 1) Đấu tranh « ai thắng ai » trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ trong thời kỳ quá độ là quy luật; 2) Kẻ thù cũ liên kết với kẻ thù mới chưa từ bỏ mưu đồ xâm chiếm nước ta, sử dụng văn hóa, văn nghệ phá hoại sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta; 3) Sự lãnh đạo của Đảng và sự quản

lý của Nhà nước chuyên chính vô sản trên mặt trận văn hóa, văn nghệ do đó càng phải nhạy bén và có nền nếp.

Quy luật của văn hóa, văn nghệ trong thời kỳ quá độ ở nước ta là quy luật của cuộc đấu tranh giữa hai con đường, giữa hai nền văn hóa xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta, một đất nước vừa trải qua hai cuộc chiến tranh lâu dài, vô cùng ác liệt, lại buộc phải đánh tiếp hai cuộc chiến tranh mới, bị kẻ thù luôn luôn hăm dọa bao vây, tiến công, phá hoại. Trong tình trạng kinh tế và xã hội như hiện nay, đặc biệt là ở miền Nam vẫn còn cơ sở giai cấp bóc lột, vẫn còn phổ biến thị trường « tự do » và những thị hiếu tầm thường, thì những hiện tượng tiêu cực về văn hóa, văn nghệ có thể phục hồi, nảy nở là điều khó tránh. Vấn đề là làm thế nào cho những hiện tượng tiêu cực ấy, những tàn dư của văn hóa tư sản và phong kiến ấy bị hạn chế đến mức thấp nhất để rồi bị xóa bỏ hoàn toàn, nhất thiết không được để cho chúng trở thành những *khuyh hướng* có xu thế lấn át *khuyh hướng* xã hội chủ nghĩa hiện chưa vững mạnh trên phạm vi toàn quốc và đang còn mới mẻ ở miền Nam. Trong cuộc đấu tranh này, nảy sinh « hiện tượng hai mặt » (hay nhiều mặt) cũng là điều dễ hiểu. Một vở kịch, một bộ phim, một bài hát, thậm chí một câu nói chân chính có thể bị lợi dụng, bị xuyên tạc, chưa nói đến những tác phẩm mơ hồ, thiếu tính đảng bị lợi dụng là điều tất yếu. Kẻ địch luôn luôn rình mò tìm mọi cách biến những cái của ta thành của chúng, cũng như biến người của ta thành người của chúng. Để giành thắng lợi cho *khuyh hướng* văn hóa, văn nghệ xã hội chủ nghĩa, một mặt phải huy động mọi lực lượng tập trung xây dựng văn hóa, văn nghệ mới: sáng tác, biểu diễn, lý luận, phê bình, bồi dưỡng và đào tạo, tổ chức

quản lý. Mặt khác, phải đấu tranh kiên quyết chống mọi *khuyh hướng*, mọi hiện tượng tiêu cực, hạn chế, đi đến xóa bỏ những điều kiện làm sản sinh ra những hiện tượng tiêu cực ấy. Những công việc này không phải một ngành làm mà nhiều ngành cùng làm, cả xã hội cùng làm, làm kiên trì, làm lâu dài. Vừa qua ở thành phố Hồ-Chí-Minh và ở một số nơi khác, một số hoạt động văn nghệ như « phong trào nhạc tuổi trẻ », « ca khúc chính trị » bị chệch hướng, nhiều hiện tượng văn hóa, văn nghệ đồi trụy sống lại dưới nhiều dạng « hợp pháp » và bất hợp pháp. Nguyên nhân của tình hình đó là do ta vừa thiếu cảnh giác, vừa không nhận thức được tính chất gay go, phức tạp của cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hóa, văn nghệ trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Những chủ trương, biện pháp gần đây của Thành ủy Đảng cộng sản thành phố Hồ-Chí-Minh nhằm chống văn hóa đồi trụy và phản động là đúng đắn và cần thiết. Những bài phát biểu của đồng chí Võ-Văn-Kiệt, Bí thư Thành ủy có tác dụng thức tỉnh, chỉnh lại phương hướng cho các đảng bộ và giới văn hóa, văn nghệ hơn hai năm nay có phần huông lòng cuộc đấu tranh trên trận địa văn hóa, văn nghệ, và cho một số người thậm chí đã xa rời *tinh đảng* và *tinh nhân dân* trong công tác văn hóa, văn nghệ.

Cũng trong thời gian vừa qua, một số cán bộ chuyên trách nắm không chắc chức năng giáo dục tư tưởng, thâm mỹ, đào tạo con người mới của văn hóa, văn nghệ, hiểu không đúng việc mở rộng kinh doanh trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, đã để cho tư tưởng kinh doanh kinh tế đơn thuần lấn át trong mục tiêu quản lý văn hóa. Thành ủy thành phố Hồ-Chí-Minh đã có những chủ trương cụ thể như: khuyến khích làm hàng mỹ nghệ xuất khẩu, chủ động cấp cho cơ quan xuất bản hàng trăm tấn giấy để in sách

cho thiếu nhi, đầu tư (có tính chất phụ cấp) mạnh vào các hoạt động sáng tác. Bất cứ trong hoàn cảnh nào, toàn bộ công tác văn hóa, văn nghệ phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, phải đi theo một hướng: văn hóa, văn nghệ xã hội chủ nghĩa, mang tính dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân sâu sắc. Tất nhiên đề có được nền văn hóa như vậy, phải vừa đấu tranh, vừa xây dựng trong một thời gian dài.

Đấu tranh văn hóa, văn nghệ không chỉ diễn ra giữa địch và ta, mà còn diễn ra trong nội bộ nhân dân; nó nằm trong phạm trù cách mạng tư tưởng. Đặc điểm này thể hiện rất rõ trong điều kiện nước ta hiện nay. Nếu nói tới tính đặc thù của cuộc đấu tranh văn hóa văn nghệ ở nước ta hiện nay thì đó là cuộc đấu tranh chống những hoạt động phá hoại của đế quốc Mỹ kết với bọn bán tráng Bắc-kinh. Chúng là những kẻ địch có nhiều kinh nghiệm, độc ác và nham hiểm, kết hợp các hình thức hoạt động công khai và bí mật, hợp pháp và nửa hợp pháp, sử dụng văn hóa, văn nghệ phản động và đồi trụy chống lại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, mưu toan làm mất uy tín của Đảng cộng sản Việt-nam, nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt-nam... Chúng vừa dựa vào những tàn dư văn hóa thực dân mới mà bản thân chúng đã xây dựng nên trong thời kỳ thống trị miền Nam nước ta (kể cả thị hiếu, lối sống, v.v.), tập hợp những tay sai cũ, vừa gây dựng những lực lượng phản động mới ở « hải ngoại » và ở ngay trong nước ta. Những tài liệu chúng ta bắt được một năm qua chứng tỏ âm mưu và thủ đoạn của chúng thâm hiểm đến như thế nào. Không phải chỉ có hàng đống truyền đơn, hàng vạn thư chiến tranh tâm lý đủ loại được đưa tới đất nước ta bằng mọi cách. Không phải chỉ có những thơ ca, hò vè, chuyện tiểu lâm mới hay mục « xã

hội Việt-nam » trên các đài phát thanh phương Tây chuyên xuyên tạc và nói xấu Việt-nam. Không phải chỉ có những hình thức « nhân tin », những « giấy bảo đảm » kèm theo cả thuốc chống say sóng kích thích, lời kéo, dụ dỗ người trốn ra nước ngoài. Không phải chỉ có hàng nghìn, hàng vạn băng nhạc giết gân, kích động của phương Tây, những « tiếng hát » của người di tản được lên lút chở tới, in lại hàng loạt, buôn bán, truyền bá trên đất nước ta, nhất là ở thành phố Hồ-Chí-Minh. Không phải chỉ có hàng trăm quán, sạp tăng trữ và cho thuê sách phản động, đồi trụy, có hàng chục vạn cuốn đã bị ta thu hồi, hàng trăm vụ chiếu phim « con heo », hàng trăm quán cà phê nhạc đã bị cảnh cáo, đóng cửa hoặc truy tố vì truyền bá thủ văn hóa và lối sống đồi trụy những tập thơ phản động lên lút gửi ra làm rùm beng ở nước ngoài, những « lớp học », những « đội ca nhạc » được tổ chức với những mục đích đen tối, v.v. Tất cả những thủ đoạn ấy nhằm bôi đen, kích động, tập hợp lực lượng chống chủ nghĩa xã hội ở Việt-nam — dù đã được hiện đại hóa về nội dung và kỹ thuật — đều là những ngón « tồ truyền » của đế quốc Mỹ và phản động quốc tế. Ngày nay, còn nhiều thủ đoạn tinh vi nữa: một chiếc sơ mi, một chiếc áo lót cũng có thể là một phương tiện truyền bá tư tưởng « sùng Mỹ », « phục Mỹ », một phương tiện kích động trở lại lối sống xưa. Một cuốn sổ tay, một tờ lịch, một miếng giấy gói hàng cũng được chúng chọn làm phương tiện tuyên truyền... Không có việc làm nào của chúng là ngẫu nhiên cả. Nhiều tác phẩm của chúng ta, nhất là những tác phẩm nhằm phê phán những mặt tiêu cực trong xã hội ta cũng bị chúng lợi dụng như vũ khí hai mặt, chúng làm mất tác dụng tích cực của sự phê phán chính đảng và cần thiết của chúng ta, xuyên tạc, bóp méo đi, chuyển sự phê phán ấy

thành sự chống đối chúng ta... Vì vậy, chúng ta phải bóc trần những thủ đoạn của chúng, và nếu cần thì thắng tay trừng trị những kẻ làm tay sai, tiếp sức cho chúng một cách có ý thức. Nhưng biện pháp tốt nhất trong cuộc đấu tranh văn hóa, văn nghệ vẫn là sự giáo dục, thuyết phục, nhằm nâng cao giác ngộ của quần chúng về lý tưởng, về sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng nhiều hình thức, nhiều phương tiện, tạo cho được dư luận xã hội đúng đắn, gây được ý thức tự nguyện tự giác của nhân dân - nhất là trong thanh niên và giới trí thức - cùng chung sức chung lòng xây dựng nền văn hóa, văn nghệ mới, xã hội chủ nghĩa, không khoan nhượng với mọi thứ suy thoái, đồi trụy, phản động. Phát động từng đợt đấu tranh là cần thiết, nhưng biện pháp của văn hóa, văn nghệ chủ yếu vẫn thiên về chiều sâu, kiên quyết nhưng kiên trì, lấy sự giác ngộ làm mục tiêu. Chúng ta phải chủ động và có kế hoạch: đấu tranh chỉ đôi với xây dựng, xây dựng tốt, đúng hướng, đúng quy luật là cơ sở cho cuộc đấu tranh thắng lợi.

Quy luật chung cũng như quy luật của từng lĩnh vực hoạt động trong thời kỳ quá độ ở nước ta chưa được nghiên cứu đầy đủ, nhiều chủ trương, chính sách phần lớn mới nhằm giải quyết những yêu cầu trước mắt. Công tác văn hóa, văn nghệ thuộc loại chiến lược lâu dài. Tạo được một nếp sống văn hóa mới, một tâm lý văn hóa mới, một nền văn nghệ mới đòi hỏi thời gian hàng mấy chục năm. Và trong thời gian ấy, những hiện tượng tiêu cực còn có thể nảy sinh, có hiện tượng còn lặp đi lặp lại do nguồn gốc sâu xa của nó ở trong tập quán, tâm lý, lối sống...³ của xã hội cũ, do sự tiến công của thế giới tư bản chủ nghĩa luôn luôn tìm cách tác động tới. Riêng trong hoàn cảnh nước ta, sự hoạt động phá hoại của đế quốc Mỹ và bọn bán trướng Bạc-kinh lại là

yếu tố thường xuyên. Nếu chúng ta không nắm vững chuyên chính vô sản trên trận địa này, thiếu cảnh giác với âm mưu thâm độc của chúng, thì những tàn dư văn hóa thực dân mới cùng mọi thứ lạc hậu khác cũng trở nên những lực lượng trợ lực cho âm mưu phản động của chúng, phá hoại nghiêm trọng không những đời sống xã hội mà còn gây ảnh hưởng tai hại đến đời sống chính trị của đất nước. Đế quốc Mỹ và bọn phản động Trung-quốc không cam tâm chịu thất bại. Bằng nhiều hình thức, kể cả hình thức văn hóa, văn nghệ, chúng luôn luôn tìm mọi cách phản kích lại chúng ta, tiến công vào trật tự xã hội mới của ta, tiến công những con người đang xây dựng trật tự ấy. Cuộc đấu tranh chống văn hóa đồi trụy, phản động hiện nay đang diễn ra ở thành phố Hồ-Chí-Minh và ở một số nơi khác nữa vừa mang tính chất văn hóa và tư tưởng vừa mang tính chất chính trị rõ rệt. Do đó, hiểu được mối quan hệ chặt chẽ giữa âm mưu của địch và cái lạc hậu, suy thoái là điều cần thiết, nhưng đồng thời cũng phải phân biệt được chính xác cái gì là của địch và cái gì là sự lạc hậu, suy thoái trong xã hội.

Chúng ta đang đứng trước yêu cầu mở rộng phạm vi sáng tạo cũng như thưởng thức nghệ thuật, đổi mới những phương thức hoạt động nghệ thuật. Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng ta khuyến khích mọi sự tìm tòi, ủng hộ cái mới, những người chỉ đạo thực hiện đường lối đó là những người lót ò cho sự sáng tạo, nâng niu, bồi dưỡng cái mới hình thành và phát triển, nhưng vấn đề là *cái mới* nào? Trong văn hóa và nghệ thuật, vấn đề cơ bản không phải là "cái dó" cũ hay mới, mà là nó có đáp ứng được nhu cầu giáo dục, nhận thức và thẩm mỹ của nhân dân hay không? Vấn đề cũng không phải "cái dó" từ đâu đến, mà vấn đề là "cái

(Xem tiếp trang 61)

QUA CUỘC ĐẤU TRANH TRÊN MẶT TRẬN VĂN HÓA, TƯ TƯỞNG Ở THÀNH PHỐ HỒ-CHÍ-MINH

TRƯƠNG-QUỐC-MINH

TRONG thời gian gần đây, cuộc đấu tranh chống văn hóa phản động, đồi trụy và xây dựng văn hóa mới ở thành phố Hồ-Chí-Minh đã được phát động và diễn ra sôi nổi, rộng khắp.

Các bài nói đây ý nghĩa sâu sắc (1) của đồng chí Võ-Văn-Kiệt, Bí thư Thành ủy trong dịp này càng làm cho mọi người nhận rõ tầm quan trọng và tính chất phức tạp, quyết liệt của cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hóa và tư tưởng ở một địa bàn đông dân mới được giải phóng chưa bao lâu.

Dư luận thành phố Hồ-Chí-Minh cũng như của cả nước bày tỏ sự đồng tình, hưởng ứng rộng lớn đối với cuộc ra quân truy quét địch rất đúng lúc này, coi đó là sự đáp ứng đòi hỏi chính đáng và bức thiết của các tầng lớp nhân dân muốn quét sạch rác rưởi văn hóa của xã hội cũ để tạo dựng một cuộc sống văn hóa và tinh thần lành mạnh ở một thành phố có nhiều truyền thống vẻ vang, được vinh dự mang tên Bác Hồ kính yêu.

Hiện tượng hồi phục hoạt động của một vài hình thức văn hóa thực dân mới ở thành phố Hồ-Chí-Minh vừa qua đã bị dư luận nhân dân lên

án mạnh mẽ. Đồng bào các phường, xã tích cực góp sức cùng các đoàn thể nhân dân và chính quyền phát hiện, truy quét các hang ổ kinh doanh "văn hóa" bất chính. Hàng nghìn vụ phạm pháp bị kiểm tra và xử lý nghiêm ngặt. Một khối lượng rất lớn tang vật gồm đủ các loại "văn hóa phẩm" cũ và mới của đế quốc và tay sai phản động bị tịch thu. Những tên lưu manh, con buôn văn hóa đây tội ác lần lượt bị truy tố trước tòa án nhân dân để nhận lãnh hình phạt đích đáng.

Qua cuộc đấu tranh này, mọi người có dịp hiểu sâu hơn tác hại to lớn và lâu dài của văn hóa thực dân mới, đồng thời càng thấy phải không ngừng nâng cao cảnh giác đối với các âm mưu, thủ đoạn của địch về văn hóa, văn nghệ.



Thực tế cho thấy, chủ nghĩa thực dân cũ và mới với các cuộc chiến tranh xâm lược nối tiếp nhau kéo

(1) Trong tập sách *Quyết thắng trên mặt trận văn hóa và tư tưởng*, Nxb Thành phố Hồ-Chí-Minh, tháng 5-1981.

dài làng ba mươi năm ở miền Nam nước ta, đã để lại cho thành phố Sài-gòn-Gia-dịnh cũ - ngày nay là thành phố Hồ-Chí-Minh - những hậu quả cực kỳ nghiêm trọng về mọi mặt. Bên cạnh biết bao khó khăn chồng chất về sản xuất và đời sống kinh tế, là đầy dẫy những tệ nạn xã hội sản sinh bởi các chính sách « văn hóa » vô cùng thâm độc của bọn thống trị đế quốc và tay sai. Theo báo chí Sài-gòn và phương Tây trước đây ước tính, con số những kẻ nghiện ma túy, bọn lưu manh trộm cướp, gái mãi dâm, trẻ mồ côi « bụi đời »... có lúc lên đến hàng nửa triệu người!

Mấy năm qua, chính sách giáo dục, cải tạo đầy tình thương và cảm hóa của đảng bộ và chính quyền thành phố đã giúp cho đông đảo nạn nhân của chế độ cũ lìa bỏ được những cảm dỗ của chủ nghĩa thực dân mới, và đưa lại cho họ cuộc sống mới đầy ý nghĩa, có ích cho xã hội. Dưới chế độ mới xã hội chủ nghĩa, sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa mới đã đạt được những kết quả bước đầu: bộ mặt văn hóa và đời sống tinh thần của nhân dân thành phố đã có những biến đổi trông thấy.

Tuy nhiên, không thể trong một lúc thanh toán được mọi ảnh hưởng độc hại, dai dẳng của những di sản văn hóa thực dân mới đã ăn sâu trong một bộ phận nhân dân.

Qua những năm dài chiến tranh, ý thức khinh rẻ lao động, ăn bám xã hội, xem thường nhân phẩm, bất chấp liêm sỉ đã biến thành nếp nghĩ và lối sống quen thuộc của một lớp người thành phố vốn được nuôi dưỡng bằng đô la Mỹ. Tâm lý sùng ngoại, ham chuộng lối cách lai căng, quái gở, theo đuổi các thị hiếu thấp hèn được nhồi nhét trong nhân dân, đặc biệt là lớp người trẻ tuổi. Chủ nghĩa cá nhân vị kỷ với cuộc sống hưởng lạc, sa đọa được cổ sù và phát triển trong xã hội. Nguy hại hơn nữa, tình yêu đất nước, giống nòi và lòng tự

hào dân tộc bị mờ nhạt dần khi khá đông người đã nhiễm nặng các chất độc « tâm lý chiến », ngày càng thân phục và ngán sợ uy thế của bọn đế quốc.

Vì vậy, tuy bộ máy thống trị của địch đã bị đập tan, những nọc độc văn hóa cũ vẫn còn ngấm lại trong xã hội mới, tiếp tục hủy hoại tâm hồn, tình cảm của lớp người còn luyến tiếc lối sống dưới chế độ cũ. Nó luôn luôn đón chờ cơ hội để lan rộng ảnh hưởng trong quần chúng đông đảo.

Chỉ một thời gian không lâu, do các cơ quan tổ chức và quản lý văn hóa nhận thức mơ hồ, đi đến buông lỏng đấu tranh trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, các hình thức văn hóa lạc hậu, đồi trụy ngóc đầu hoạt động. Lúc đầu còn ở dạng ngụy trang, trá hình, nửa kín nửa hở, dần dần lấn tới ra mặt công khai và bắt đầu lộ hành, bất chấp các quy định của chính quyền.

Ra đời từ phong trào văn nghệ quần chúng sôi nổi, lành mạnh, các đội « ca khúc tuổi trẻ » đã dần dần phát triển lệch hướng và trở thành con mồi của đám con buôn văn hóa, rạp theo loại « nhạc trẻ » cuồng loạn của Mỹ ngày trước đây. Giữa lúc nhân dân đang lao vào cuộc chiến đấu chống hiểm họa bành trướng của bọn phản động Bắc-kinh, và lao động xây dựng đất nước thì trên trận địa âm nhạc, âm điệu và lời ca của một số « sáng tác » mới lại dẫn dắt tuổi trẻ đến những tình cảm lãng mạn, yếu đuối, tạo nên trạng thái tâm lý mơ hồ viển vông, xa lạ với cuộc sống thực tế.

Không phải ngẫu nhiên mà các băng nhạc vàng thời trước cũng như các băng nhạc « hải ngoại » của đám phản động lưu vong ở nước ngoài và nhạc kích động mới nhất của phương Tây đã cùng một lúc lan tràn khắp thành phố cùng với hàng vạn quán

cả phê - nhạc đua nhau mọc lên như nấm. Nhiều loại sách báo phản động, đồi trụy từ lâu bị cấm lưu hành nay lại chường mặt trên các sạp bày bán văn hóa phẩm. Trong khi đó, các loại sách nhằm nhĩ mới in lên lút với số lượng 4 - 5 triệu bản được tung ra khắp nơi, len vào các gia đình và trường học nhằm vào đối tượng thiếu niên, nhi đồng. Đó là chưa kể đến hàng trăm loại sách báo chính trị, văn hóa, giáo lý, bói toán khác chứa đầy các chất phản động, trụy lạc, mê tín, thần bí... từ các nước đế quốc, từ bản công khai tung vào thành phố theo đường bưu điện. Các loại phim ảnh dâm ô cũ và mới cũng được bọn bất lương đưa ra kinh doanh. Những hoạt động cực kỳ nguy hại đó đã dẫn đến tình trạng các ô mả dâm và các băng lưu manh, du đảng mọc ra và phát triển nhanh chóng; nhiều thanh niên chạy theo con đường ăn chơi hư hỏng, trốn tránh nghĩa vụ đối với Tổ quốc và cuối cùng nghe theo lời dụ dỗ của bọn xấu, trốn ra nước ngoài.

Rõ ràng không thể cho rằng hiện tượng văn hóa đồi trụy sống lại trong thời gian vừa qua chỉ là do một nhóm con buôn vì hám lợi trực tiếp gây ra mà chẳng có bàn tay của bọn đế quốc và các thế lực phản động quốc tế nhúng vào. Tất nhiên, cũng không thể coi tất cả các hình thức hoạt động xấu xa, nhơ bẩn ấy đều hoàn toàn do địch tổ chức. Nhưng phải thấy rằng trên lĩnh vực văn hóa - xã hội, bề lũ đế quốc trước hết là Mỹ và bọn bành trướng Bắc-kinh cũng dám tay sai phản động rất dễ dàng bắt tay với những kẻ bất lương kinh doanh văn hóa nhằm mục đích phá hoại và trục lợi.

Tuy vậy, cho đến nay vẫn còn nhiều người chưa đánh giá đúng mức âm mưu, thủ đoạn của địch về văn hóa, văn nghệ trong cuộc chiến tranh toàn diện của chúng chống phá cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Điều đáng chú ý nữa là trong khi các loại kẻ thù phối hợp với nhau tiến công ta về nhiều mặt, trong khi văn hóa độc hại của địch trở lại lộng hành thì một số cán bộ, đảng viên đi vào con đường sa đọa, biến chất, thoái hóa nghiêm trọng. Họ chạy theo đồng tiền bất chính, bắt tay với bọn xấu kinh doanh bằng cách làm sống lại các hình thức văn hóa trụy lạc, thấp hèn. Một số người bị mua chuộc bởi tiền và gái, đã bao che, tiếp tay cho đám lưu manh, con buôn văn hóa tự do hoạt động, chà đạp lên những giá trị văn hóa và tinh thần của dân tộc. Những hành động tội lỗi của họ nhất định phải bị xử lý một cách nghiêm khắc.



Cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hóa, tư tưởng được phát động vừa qua ở thành phố Hồ-Chí-Minh phản ánh đúng sự phản nộ của quần chúng đồng đảo đối với các thứ văn hóa, phản động, đồi trụy.

Giai cấp công nhân và nhân dân lao động thành phố - những người ngày đêm làm ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội - quyết không chấp nhận tình trạng một số người bất lương ăn chơi, dăng điểm, gây rối trong xã hội. Đồng bào các giới, đặc biệt hai giới phụ lão và phụ nữ quan tâm lo lắng đến tương lai hạnh phúc của con cháu, đã lên tiếng mạnh mẽ yêu cầu chính quyền có biện pháp bài trừ triệt để các di sản văn hóa độc hại của địch để lại.

Chính cuộc đấu tranh quyết liệt này trên mặt trận văn hóa, tư tưởng làm thức tỉnh những ai còn nhẹ dạ, mơ hồ hãy cảnh giác đối với các hoạt động xảo quyệt, nguy hiểm về văn hóa của các thế lực thù địch với dân tộc ta.

Đáng tiếc là trong đợt đấu tranh truy quét văn hóa thực dân mới, vẫn có một số người tự coi là "am hiểu

văn hóa » đã có lúc giữ thái độ thờ ơ, đứng ngoài cuộc. Chẳng những không cùng với quần chúng đấu tranh mà trái lại, có lúc họ còn buông ra giọng/ thái độ rất chối tai.

Lúc đầu, họ cho rằng tàn dư văn hóa của xã hội cũ không lớn và tác hại cũng chẳng ghê gớm đến nỗi phải tiến hành truy quét rầm rộ, do chẳng qua là « chuyện bé xé ra to ». Họ không quên gây hoài nghi, hoang mang : « phải chăng chủ trương đấu tranh văn hóa cốt nhằm đánh lạc hướng nhân dân trước tình hình khó khăn về đời sống kinh tế » ? Nhưng trước những bằng chứng không thể chối cãi được gồm một khối lượng lớn tang vật văn hóa đồi trụy, phản động tịch thu được thì họ lại trở giọng chề nhạo sự bất lực của cách mạng không giải quyết nổi rắc rối văn hóa của xã hội cũ. Và trong khi mũi nhọn đấu tranh tập trung chia vào để quốc và đám tay sai phản động, chính họ lại tỏ ra không đồng tình và muốn « đánh » vào các đối tượng khác kia.

Quả thật ngược đời nếu trong cuộc đấu tranh này không dùng biện pháp trấn áp mạnh mẽ và trừng trị thẳng tay bọn chuyên nghề đầu độc, phá hoại cuộc sống văn hóa và tinh thần của nhân dân, mà lại phải « hành động có tính cách văn hóa và tế nhị » đối với chúng!

Lẽ ra trong lúc này phải làm cho dư luận hiểu rõ và cực lực lên án bản chất độc hại của văn hóa thực dân mới thì đây đó lại có tiếng vo ve chê bai văn hóa, văn nghệ cách mạng là khô khan, kém hấp dẫn và không hiện đại, chệch lệch các tiết mục nghệ thuật có màu sắc dân tộc là thủ cựu, lỗi thời. Lẽ lẽ đã có sự đánh tiếng đòi hỏi phải được tự do thưởng thức tùy theo sở thích bất cứ loại văn nghệ nào ; thậm chí có những lời lẽ vô liêm sỉ đến mức « Thà yêu một con dế đẹp (ý nói văn hóa tư bản) hơn là yêu một mụ chàng (ý nói văn hóa cách mạng) ». (1)

Những quan điểm, thái độ sai trái nêu trên chỉ có lợi cho các thế lực phản động thù địch với cách mạng nước ta, và có hại cho sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân ta.

Những quan điểm, thái độ sai trái đó tuy chỉ học lộ ở một số ít người nhưng cũng cho thấy rõ hơn tính chất phức tạp của cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hóa, tư tưởng. Những quan điểm lệch lạc ấy nhất định phải được tiếp tục uốn nắn, phê phán. Song trước hết cũng cần hiểu đúng như V.I. Lê-nin đã từng vạch rõ :

« Thường có cả những người nông nổi, vì nhẹ dạ, hoặc vì thói quen mù quáng mà bảo vệ những quan điểm lưu hành trong một giới tư sản nhất định.

« Không, trong chính trị điều quan trọng không phải là ai bảo vệ trực tiếp những quan điểm nào đấy. Điều quan trọng là những quan điểm đó, những đề nghị đó, những biện pháp đó có lợi cho ai ». (2).



Cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hóa, tư tưởng được phát động vừa qua ở thành phố Hồ-Chí-Minh mới chỉ là bước đầu. Đống rác « văn hóa » thối tha, lộ liễu đã được quét dọn nhưng chưa phải sạch hẳn. Hiện nay, đám bất lương kinh doanh văn hóa đồi trụy, phản động từ chỗ công khai, lộ liễu hành, đang tạm thời co lại, chuyển sang hoạt động lén lút, giấu mặt bằng các thủ đoạn biến tướng, nguy trang xảo quyệt. Do đó, cuộc đấu tranh này còn phải tiếp tục, các cơ quan có trách nhiệm phải dựa vào lực lượng quần chúng nhân dân để phát hiện, truy quét và trừ diệt tận gốc các hang ổ văn hóa thực dân mới còn sót lại

(2) Lê-nin : Bàn về văn hóa văn học, Nhà Văn học, Hà-nội 1977, tr. 90.

Cuộc đấu tranh về văn hóa, tư tưởng rất phức tạp, đòi hỏi phải có thời gian lâu dài để có thể cắt đứt mọi ảnh hưởng về văn hóa, tư tưởng của chế độ thống trị trước đây trong nhân dân. Riêng đối với thành phố Hồ-Chí-Minh, cuộc đấu tranh này còn gay go, quyết liệt. Vì đây chẳng những là nơi chôn chứa, ứ đọng đủ thứ quan diêm, tư tưởng phản động cũng như lối sống lạc hậu, đồi trụy của thực dân, đế quốc và tay sai thống trị hàng mấy mươi năm nay, mà còn là một địa bàn trọng yếu mà địch đang nhắm vào để hoạt động chống phá cách mạng nước ta. Chúng ta hiểu rằng, chặn đứng và đánh bại các âm mưu, thủ đoạn của địch về văn hóa, văn nghệ không phải là vấn đề riêng của thành phố Hồ-Chí-Minh mà là trách nhiệm chung của cả nước.

Qua thực tế đấu tranh, nhân dân ta càng thấy rõ tác hại không lường được của văn hóa thực dân mới. Chất độc văn hóa của địch trong thời bình hết sức nguy hại, vì nó đục khoét, làm thối ruỗng dần mòn đi đến hủy diệt tâm hồn con người một cách sâu hiểm. Vì vậy, quần chúng nhân dân rất phẫn nộ và căm thù trước những hành động tội ác của bọn tội phạm « văn hóa ». Trong tình hình đấu tranh gay gắt giữa ta và địch, cần dứt khoát không nghĩ đến một sự khoan nhượng nào đối với những kẻ cố tình thực hiện âm mưu của địch ráo riết hoạt động đánh phá ta trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng.

Rõ ràng cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hóa, tư tưởng hiện nay ở thành phố Hồ-Chí-Minh là một cuộc đấu tranh giai cấp không khoan nhượng giữa cách mạng và phản cách mạng, giữa lành mạnh, tiến bộ với lạc hậu, thoái hóa. Đó cũng là cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Trong

cuộc đấu tranh quyết liệt đó, nhất định không ai có thể đặt mình ở vị trí đứng giữa và nuôi ảo tưởng tìm kiếm một khuynh hướng thứ ba nào đó để dung hòa sự khác biệt hoàn toàn giữa hai hệ tư tưởng đối địch. Cần khẳng định rằng: văn học, nghệ thuật của nước ta nhất thiết phải được xây dựng trên lập trường, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và theo đúng đường lối văn nghệ của Đảng cộng sản Việt-nam. Ngoài ra, không thể có một thứ văn hóa, văn nghệ nào khác được phép chen vào đời sống tinh thần của nhân dân ta.

Hơn lúc nào hết, sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi người dân yêu nước chúng ta nhận thức đầy đủ vai trò và trách nhiệm của mình đối với cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hóa, tư tưởng, kiên quyết chống mọi biểu hiện không lành mạnh trong đời sống văn hóa, ra sức bảo vệ và phát triển những giá trị văn hóa và tinh thần của dân tộc.

Ngôi sao trên đỉnh...

(Tiếp theo trang 18)

thành những người kế tục sự nghiệp của họ. Ngày nay, lá cờ đỏ của những người cộng sản Bun-ga-ri, lá cờ thắm máu các anh hùng và rực rỡ chiến công của những người lao động hòa bình, những người xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, đang tung bay thắng lợi trên mảnh đất lâu đời của nước Bun-ga-ri, nơi đã trở thành pháo đài kiên cố của chủ nghĩa cộng sản.

XÔ-PH-I-A

ngày 30 tháng 7 năm 1981

THẮNG LỢI CỦA CHỦ NGHĨA MÁC—LÊ-NIN TRONG KHOA HỌC LỊCH SỬ VIỆT-NAM

VĂN-TẠO

DÂN tộc Việt-nam có hàng nghìn năm lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước vẻ vang và một nền sử học phát triển lâu đời (1). Nhưng chỉ từ khi có Đảng của giai cấp công nhân và chủ nghĩa Mác—Lê-nin soi đường thì sử học Việt-nam mới trở thành một khoa học lịch sử chân chính.

Thật vậy, đã hết thời rồi các quan điểm coi sử học chỉ là sử ký, tức là chỉ ghi lại những sự kiện lịch sử mà thôi. Nhiệm vụ của sử học *mức xít* là đứng trên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, đi sâu nghiên cứu phát hiện ra bản chất, ra những quy luật phát triển của lịch sử, từng bước lấp đi những lỗ hổng lỗ gích trong sự nhận thức lịch sử, đề ngày càng tiếp cận với chân lý lịch sử, nhằm dựng lại bộ mặt chân thực của lịch sử Việt-nam đã bị phong kiến, đế quốc xuyên tạc, bóp méo: khai thác những tinh hoa truyền thống của dân tộc, những thắng lợi và kinh nghiệm trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước, góp phần vào việc bồi dưỡng thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu

nước, ý chí tự lập tự cường, đẩy mạnh sự nghiệp đấu tranh dựng nước và giữ nước của nhân dân ta ngày nay.

Trên cơ sở nhận thức rõ nhiệm vụ và phương hướng công tác đó, giới sử học Việt-nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã phối hợp với các ngành có liên quan, tổ chức nghiên cứu các vấn đề cơ bản của lịch sử Việt-nam và đã đạt được những thành tích đáng tự hào.



Phối hợp với các ngành khoa học khác, ngành sử học Việt-nam đã nghiên cứu xác minh nguồn gốc dân tộc Việt-nam và chứng minh thời đại Hùng Vương là giai đoạn có thật trong lịch sử Việt-nam.

Khao cổ học đã khai quật, nghiên cứu, phát hiện nhiều nền văn hóa có nguồn gốc bản địa và diễn biến liên tục ở Bắc Việt-nam, trong các thiên niên kỷ I và II trước Công nguyên.

(1) Bộ lịch sử thành văn đồ sộ đầu tiên là bộ *Đại-Việt sử ký* của Lê-Văn-Hưu ra đời năm 1272.

Dân tộc học phát hiện một hệ thống phong tục cổ từ trước Công nguyên còn tồn tại đến ngày nay ở người Việt (kinh).

Nhân chủng học dựa vào cứ liệu những xương, sọ của những người cổ ở Việt-nam trong các thời đại đá mới, đồng thau, đã ghi nhận sự tồn tại rất sớm của những người bản địa: «Anh-đô-nê-diêng», «Nam Á», «cổ Đông-dương» hoặc «tiền chủng Nam Á...» (tuy chưa thống nhất được thuật ngữ).

Ngôn ngữ học ghi nhận sự tồn tại một ngôn ngữ địa phương «tiền Việt-Mường» phát triển thành ngôn ngữ Việt-Mường ở miền Bắc Việt-nam, trong thời kỳ trước và sau Công nguyên.

Phồn-klo (Folklore : văn hóa dân gian) ghi nhận hệ thống truyền thuyết về nguồn gốc người Việt được hình thành tại chỗ và lâu đời.

Và sử học đã xác nhận mối quan hệ tự nhiên, hữu cơ giữa cộng đồng người Việt đầu Công nguyên với cộng đồng người Việt ở Bắc Việt-nam trước Công nguyên, xác nhận những đợt sóng di cư của người Hán xuống Việt-nam chủ yếu chỉ là từ Công nguyên về sau.

Tất cả đã góp phần chứng minh cho nguồn gốc dân tộc Việt-nam chủ yếu từ cư dân bản địa lâu đời, có thời đại Hùng Vương huy hoàng, có nền văn minh sông Hồng mà tiêu biểu là nền văn hóa Đông-sơn của nó, bác bỏ những luận thuyết sai lầm cho rằng dân tộc Việt-nam là từ Trung-quốc xuống hay là từ châu Đại dương, Mã-lai sang, v.v.

Sự hình thành dân tộc Việt-nam đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Quan điểm được nhiều người tán thành là dân tộc Việt-nam đã hình thành từ rất sớm, trước chủ nghĩa tư bản, trong điều kiện một lãnh thổ thống nhất, một ngôn ngữ Việt-nam thống nhất, một nền văn hóa Việt-nam

thống nhất, một tinh thần quốc gia dân tộc Việt-nam thống nhất và mãnh liệt với một tình cảm yêu nước thương nòi đậm đà, sâu sắc. Tất cả đã chứng minh đất nước Việt-nam là một, dân tộc Việt-nam là một. Vấn đề còn lại là thời điểm hình thành. Có người cho rằng dân tộc Việt-nam đã có thể hình thành từ thời Hùng Vương, căn cứ vào khái niệm dân tộc mà Mác và Ăng-ghe-n đã đề ra. Có người cắm mốc vào thế kỷ X, XI. Có người lui lại thế kỷ XV. Ý kiến cho rằng dân tộc Việt-nam hình thành vào thế kỷ XVIII nay cũng được đính chính lại, coi thế kỷ XVIII là thời điểm thật sự hình thành, còn bắt đầu hình thành thì có thể sớm hơn, khoảng thế kỷ X, XI trở đi...

Vấn đề hình thành dân tộc xã hội chủ nghĩa Việt-nam cũng đã bước đầu được nghiên cứu. Điều nhất trí đầu tiên là dân tộc xã hội chủ nghĩa Việt-nam bắt đầu hình thành từ năm 1945, ở đây các yếu tố lãnh thổ, ngôn ngữ, văn hóa, kinh tế, v.v. đều được xem xét một cách khách quan, thận trọng.

Truyền thống đấu tranh quân sự chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc Việt-nam là lĩnh vực nghiên cứu đạt nhiều thành quả hơn cả. Đã có khoảng 30 công trình được in thành sách và trên 700 luận văn nghiên cứu được công bố. Nội dung cơ bản của các công trình nhằm nêu lên vị trí lịch sử của truyền thống, coi đó như một trong những nhân tố quan trọng của sự hình thành dân tộc Việt-nam, của sự hình thành Nhà nước phong kiến trung ương tập quyền Việt-nam (bên cạnh nhân tố trí thủy), của tinh thần đoàn kết dân tộc, thống nhất đất nước. Nó được kế thừa và phát triển ngày càng sâu sắc trong tinh thần liên tục lịch sử từ đường lối chiến lược chiến thuật đấu tranh chống ngoại xâm của ông cha ta đến ngày nay, từ cuộc kháng chiến thắng lợi chống 50 vạn quân Tần xâm lược thế

kỷ III trước Công nguyên đến cuộc kháng chiến chống quân Trung-quốc bành trướng xâm lược (vừa qua).

Toàn bộ các công trình nghiên cứu này đã góp phần vào việc khẳng định bản chất *dân tộc, khoa học và cách mạng* của truyền thống quân sự Việt-nam trong quá trình phát triển rực rỡ của nó.

Những chuyên đề về lịch sử kinh tế và văn hóa Việt-nam cũng đã bước đầu được nghiên cứu. Về *các hình thái kinh tế - xã hội Việt-nam* thì cho đến nay, nhiều ý kiến cho rằng ở Việt-nam không lúc nào tồn tại chế độ chiếm hữu nô lệ điển hình (kiểu châu Âu) tuy có tồn tại loại hình đặc biệt là *nô tì*.

Hầu hết các nhà nghiên cứu sử học Việt-nam cũng đã khẳng định rằng giai đoạn phát triển của chế độ phong kiến ở Việt-nam — thời kỳ *văn minh Đại-Việt* bắt đầu từ thế kỷ X, XI trở đi mà đặc trưng là sự phát triển mãnh liệt ý thức dân tộc, sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội cùng với những chiến công oanh liệt chống ngoại xâm. Tuy vậy, việc phong kiến hóa xã hội Việt-nam bắt đầu từ lúc nào và thời điểm đánh dấu sự suy tàn của chế độ phong kiến Việt-nam vẫn còn là một vấn đề thảo luận. Ngoài ra, có một số nhà nghiên cứu còn cho rằng nên nghiên cứu theo “*phương thức sản xuất châu Á*” thì rõ hơn là theo khái niệm “*phong kiến*”, bởi vì nội dung phong kiến chỉ thích hợp với phương Tây hơn là với phương Đông.

Hình thái kinh tế thuộc địa nửa phong kiến ở Việt-nam là một vấn đề đang được thảo luận. Có người cho đó là kinh tế thuộc địa phong kiến, có người gọi là kinh tế thuộc địa nửa phong kiến, có người lại chủ trương chỉ nên gọi kinh tế thuộc địa là đủ vì nó là hình thái chủ đạo, thuộc phạm trù hình thái kinh tế tư bản chủ nghĩa trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Chế độ kinh tế dân chủ nhân dân cũng đang được nhiều người chú ý. Vấn đề đặt ra là chế độ đó thuộc phạm trù hình thái xã hội chủ nghĩa hay là một hình thái kinh tế trung gian riêng biệt? ..



Lịch sử cách mạng Việt-nam dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt-nam là lĩnh vực nghiên cứu thu hút trí tuệ của đông đảo các nhà sử học Việt-nam.

Cách mạng Việt-nam càng thắng lợi thì yêu cầu nhận thức về *giai cấp công nhân Việt-nam, vị trí, vai trò, sự mệnh lịch sử* của nó trong nhân dân lao động ngày càng cao. Giai cấp công nhân là *giai cấp lãnh đạo cách mạng*, lại là *một trong hai đội quân chủ lực của cách mạng*.

Nhiều nhà sử học nước ta đã hợp tác với một số nhà sử học nước ngoài, đặc biệt là với các nhà sử học Liên-xô để nghiên cứu vấn đề này và đã làm sáng tỏ được một số vấn đề về sự ra đời của giai cấp công nhân Việt-nam. Hầu hết đều khẳng định người công nhân công nghiệp Việt-nam hiện đại đã xuất hiện từ cuối thế kỷ XIX; nhưng giai cấp công nhân Việt-nam thì phải trải qua một quá trình từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX mới thành hình với tư cách là “*giai cấp tự nó*” rồi nhanh chóng chuyển thành “*giai cấp vì nó*” bắt đầu từ những năm sau chiến tranh thế giới thứ nhất, và cũng chỉ đến năm 1930, khi Đảng của giai cấp công nhân ra đời, *giai cấp vì nó* mới thành hình một cách trọn vẹn.

Đảng của giai cấp công nhân Việt-nam ngay từ khi thành lập đã đề ra đường lối cách mạng đúng đắn là *giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*. Sử học Việt-nam đã góp phần làm rõ mối liên hệ giữa nét đặc thù của sự cầu thành

của Đảng và nguồn gốc ra đời của đường lối cách mạng Việt-nam cũng như thắng lợi do đường lối đúng đắn, sáng tạo đó mang lại.

Trong quá trình làm sáng tỏ vị trí, vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt-nam lãnh đạo cách mạng Việt-nam thông qua Đảng tiên phong của nó, khoa học lịch sử Việt-nam đã không lúc nào tách rời những sự kiện lịch sử đó với vị trí và vai trò của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại, lãnh tụ anh minh của giai cấp, đồng thời là lãnh tụ tối cao của dân tộc. Người đã sớm tiếp thu được đúng đắn thực chất của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trở thành người cộng sản đầu tiên, tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp, hoạt động không mệt mỏi trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và thành lập đảng mác xít - lê nin nit chân chính của giai cấp công nhân Việt-nam. Đảng cách mạng tiên phong do Người sáng lập và rèn luyện đã dẫn dắt nhân dân Việt-nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, đồng thời cũng từng bước góp phần vào việc thúc đẩy thế tiến công chung của ba đồng thạc cách mạng trong thời đại chúng ta. Việc nghiên cứu về Hồ Chủ tịch mỗi năm đều ghi được những tiến bộ mới, nhưng sự nghiệp và con người của Hồ Chủ tịch vẫn còn là một kho đề tài hết sức phong phú cho các nhà sử học nước ta khai thác để làm sáng tỏ hơn nữa bước đi của lịch sử cách mạng Việt-nam từ khi có Đảng và Hồ Chủ tịch.

Từ khi Đảng cộng sản Đông-dương ra đời, lãnh đạo cách mạng, lịch sử Việt-nam đã mở sang một trang mới. Các phong trào cách mạng do giai cấp vô sản Việt-nam lãnh đạo trong giai đoạn lịch sử này không chỉ là đối tượng nghiên cứu của lịch sử dân tộc, mà còn là đối tượng nghiên cứu của lịch sử Đảng, lịch sử Quân đội nhân dân Việt-nam.

Xuất phát từ nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về quần chúng nhân dân là người làm nên lịch sử, khoa học lịch sử Việt-nam gồm các bộ môn kể trên từ đây tập trung hướng vào nghiên cứu và khẳng định vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân.

Phong trào xô viết Nghệ-tĩnh được nghiên cứu và công bố trong một loạt công trình đã xuất bản thành sách hay chuyên san. Đề tài này được nghiên cứu ở cả trung ương và địa phương Nghệ-tĩnh, ở cả trong nước và ngoài nước (như ở Liên-xô và Pháp, có sự đóng góp, xây dựng của giới sử học Việt-nam). Các công trình đó đã góp phần xác minh rõ sức mạnh của một phong trào quần chúng lần đầu tiên được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, những sáng tạo cách mạng của phong trào, tinh thần hy sinh anh dũng của quần chúng cách mạng trong đấu tranh, ý nghĩa của phong trào với tư cách là sự tập dượt đầu tiên của quần chúng cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời là ý nghĩa quốc tế của phong trào.

Cao trào đấu tranh 1936 - 1939 cũng là đối tượng nghiên cứu của một số tác giả nhằm làm sáng tỏ cuộc tập dượt cách mạng lần thứ hai, mang nhiều tính sáng tạo trong kết hợp đấu tranh dân chủ với đấu tranh dân tộc, kết hợp đấu tranh công khai, hợp pháp với đấu tranh bí mật, bất hợp pháp, kết hợp giải quyết yêu cầu dân tộc với nghĩa vụ đoàn kết quốc tế chống phát xít, chống chiến tranh - một sự chuẩn bị tích cực cho cao trào mới - cao trào vận động Cách mạng Tháng Tám.

Cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám 1939 - 1945 là lịch sử đấu tranh thắng lợi của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng, là quá trình kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị nhằm lật đổ bộ máy

thống trị đế quốc, phong kiến, xây dựng nên Nhà nước dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Lịch sử cuộc kháng chiến chống Pháp 9 năm (1946 - 1954) cũng là lịch sử đấu tranh quyết liệt, anh dũng của quần chúng nhân dân, lịch sử vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, bước đầu xác lập quyền làm chủ xã hội, làm chủ cuộc sống của nhân dân lao động, tạo tiền đề thuận lợi cho bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Kháng chiến thắng lợi. Hiệp nghị Giơ-ne-vơ được ký kết. Miền Bắc Việt-nam được hoàn toàn giải phóng, tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Những công trình sử học nghiên cứu về *Hai mươi năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc Việt-nam*, về *Giai cấp công nhân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa*, về *Liên minh công nông*, về *Giai cấp nông dân lập thể*, về *Chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong sản xuất và chiến đấu*, v.v. đã ra đời góp phần tích cực vào cuộc đổi mới vĩ đại này của nước Việt-nam từ xã hội có giai cấp sang xã hội không có người bóc lột người.

Trong khi miền Bắc Việt-nam tiến lên chủ nghĩa xã hội thì miền Nam Việt-nam còn tạm thời bị đặt dưới sự kiểm soát của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Tinh thần «không có gì quý hơn độc lập, tự do» của nhân dân Việt-nam đã không cho phép kẻ thù quay ngược bánh xe lịch sử. Cả dân tộc đứng lên chiến đấu. Miền Bắc, trong bất kỳ tình hình nào cũng tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm hậu thuẫn vững chắc cho cuộc đấu tranh để giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà và đóng vai trò quyết định nhất trong cuộc đấu tranh ấy; miền Nam Việt-nam kiên cường, bất khuất đứng lên chiến đấu, đóng vai trò quyết định trực tiếp trong cuộc đấu tranh ấy.

Ngay trong khói lửa chiến tranh, hàng chục công trình sử học đã đi sâu

nghiên cứu, vạch rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ, những âm mưu, thủ đoạn và sự thất bại không tránh khỏi của nó ở miền Nam Việt-nam. Đồng thời nhiều công trình cũng ghi lại những sáng tạo cách mạng, những phẩm chất anh hùng, những chiến công hiển hách của nhân dân Việt-nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại này.

Khoa học lịch sử Việt-nam đã làm sáng tỏ quá trình phát triển tới một đỉnh cao của tinh thần làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc, kết hợp với tinh thần đấu tranh làm chủ cuộc sống trước thiên nhiên khắc nghiệt và kẻ thù hung bạo, tạo nên một bức tranh lịch sử tuyệt vời về lao động sáng tạo, về chiến đấu và chiến thắng của dân tộc Việt-nam. Đỉnh cao đó là tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa ngày nay.

Lịch sử dân tộc Việt-nam trong giai đoạn hiện nay không tách khỏi lịch sử phát triển của ba dòng thác cách mạng trên thế giới. Vì vậy, việc nghiên cứu, phổ biến lịch sử thế giới, đặc biệt là lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đã trở thành một nhiệm vụ không thể thiếu được của các cơ quan nghiên cứu, giảng dạy và phổ biến lịch sử ở Việt-nam. Trước hết là nghiên cứu, giảng dạy và phổ biến lịch sử các nước Lào, Cam-pu-chia, rồi đến lịch sử các nước láng giềng: Trung-quốc, Ấn-độ và các nước Đông Nam Á, Phong trào giải phóng dân tộc ở các châu Á, Phi, Mỹ la tinh, phong trào không liên kết, đặc biệt là các phong trào giải phóng dân tộc có khuynh hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội, đã được nhiều tác giả chú ý. Trọng tâm nghiên cứu lịch sử thế giới được nhiều cơ quan tham gia nhất vẫn là *phong trào xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản và công nhân quốc tế*, trước hết là lịch sử *Cách mạng Tháng Mười vĩ đại*, lịch sử xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em

khác, trong đó lịch sử cách mạng Cuba đã được đặc biệt chú ý. Những đề tài nghiên cứu này không chỉ được các cơ quan sử-học chuyên nghiệp mà còn được các cơ quan tuyên huấn, giáo dục, ngoại giao, v.v. nghiên cứu nhằm góp phần tích cực vào việc thực hiện kế hoạch hợp tác toàn diện với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em trong giai đoạn hiện nay.

Song song với việc xác định những nét chân thực của lịch sử qua việc tìm tòi nghiên cứu nhằm giải quyết những vấn đề khoa học còn chưa được sáng rõ về lịch sử Việt-nam, giới sử học Việt-nam đã coi trọng việc phê phán, bác bỏ những quan điểm phản động bôi nhọ, xuyên tạc lịch sử Việt-nam, đồng thời uốn nắn những nhệch thức sai lầm, lệch lạc về lịch sử Việt-nam của những nhà sử học nước ngoài chưa có điều kiện đi sâu nghiên cứu Việt-nam.

Trước hết, những người làm công tác sử học Việt-nam đã bác trần các quan điểm sử học thực dân phong kiến trong một số sách lịch sử do bọn bồi bút cho thực dân biên soạn như cuốn *Việt-nam sử lược* của Trần-Trọng-Kim. Ngoài ra, giới sử học Việt-nam còn phê phán, vạch trần một số quan điểm phản động như quan điểm về «*tình hai cực*» của nước Việt-nam bênh vực cho mưu đồ chia cắt lâu dài nước Việt-nam; quan điểm phản động về nguồn gốc dân tộc Việt-nam coi dân tộc Việt-nam chỉ là từ phương Bắc di cư xuống hoặc từ phía Nam đi lên, mưu đồ xóa nhòa tính bản địa của dân tộc Việt-nam và tính độc đáo của nền văn hóa Việt-nam; quan điểm đề cao tác dụng của Nho giáo trong nền văn hóa Việt-nam, v.v.

Gần đây nhất, những người làm công tác sử học Việt-nam đã tập trung phê phán, bác trần các quan điểm sử học đầy tính bành trướng xâm lược, bá quyền nước lớn của bọn bồi bút

cho các «*hoàng đế*» Trung-hoa trước kia và cho tập đoàn phản động đang ngự trị ở Trung-nam-hải hiện nay.

Quá trình đấu tranh tư tưởng trong học thuật này đã góp phần nâng cao tính đảng, tính khoa học và tính chiến đấu của nền sử học Việt-nam.

Chúng ta còn có thể kể thêm những thành tựu khác nữa của ngành sử học Việt-nam trong những năm qua dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin: đó là công tác sưu tầm, chỉnh lý, phiên dịch và công bố nguồn sử liệu, không chỉ bằng Hán-Nôm mà còn bằng tiếng Pháp, tiếng la tinh, tiếng Anh... ngày càng được coi trọng đúng mức hơn. Đó là một phong trào nghiên cứu biên soạn lịch sử địa phương và lịch sử chuyên ngành đang được đẩy mạnh. Đó là hoạt động quốc tế của giới sử học Việt-nam ngày càng tăng do yêu cầu khách quan của việc giao lưu văn hóa và do vị trí rất đáng tự hào của lịch sử nước ta trong lịch sử nhân loại, v.v.

Phương pháp luận sử học của chủ nghĩa Mác-Lênin quả đã tạo nên một bước chuyển biến đáng kể trong công tác sử học Việt-nam. Chất lượng các công trình nghiên cứu, biên soạn ngày càng được nâng cao. Việc phê bình, giới thiệu các tác phẩm sử học trong và ngoài nước được đẩy mạnh, trong đó tính nghiêm túc, thận trọng và khách quan khoa học ngày càng được củng cố. Nhờ vậy mà sự đoàn kết trong giới sử học cũng ngày càng được tăng cường. Hiện nay, trọng tâm của việc nghiên cứu, bồi dưỡng phương pháp luận sử học là nhằm vào sự nhận thức và thực hiện nguyên tắc tính đảng và tính khoa học trong công tác sử học. Đồng thời, căn cứ vào tình hình phát triển mạnh mẽ của sử học nước ta, chúng ta phải đi sâu thêm vào phương pháp xác định đối tượng nghiên cứu của sử học ở từng ngành, xác định độ tin cậy của các lượng thông tin lịch sử trong các tư liệu lịch sử, bồi dưỡng và vận dụng

phương pháp lên ngành hay còn gọi là « *đa bộ môn* » trong công tác sử học, trong đó coi trọng phương pháp xã hội học và toán học. Tất cả đều nhằm giúp cho việc nhận thức chân lý lịch sử, phát hiện ra quy luật lịch sử được chính xác hơn, việc biên soạn, phổ biến lịch sử được khoa học hơn và dễ dàng đi sâu vào đại chúng hơn.



Tóm lại, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam, nền sử học mác xít Việt-nam đã góp phần dựng lại bộ mặt thật của lịch sử Việt-nam, đập tan những ý đồ phản động, xuyên tạc, bôi nhọ lịch sử Việt-nam của bọn đế quốc, phong kiến, của bọn tư sản mại bản tay sai của đế quốc trước kia và của bọn phản động quốc tế hiện nay, góp phần củng cố lòng tự hào chân chính của dân tộc Việt-nam về lịch sử vẻ vang của mình; góp phần nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, tinh thần luôn luôn tiến lên phía trước đáp ứng theo kịp các trào lưu tiến bộ nhất của lịch sử nhân loại; góp phần xây dựng tinh thần làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân mình; đẩy mạnh công cuộc xây dựng chế độ xã hội mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam hiện nay.

Bằng những cứ liệu lịch sử về lòng yêu hòa bình chính nghĩa, trong độc lập tự do và tinh thần đấu tranh

kiên cường bất khuất chống lại mọi kẻ thù xâm lược, bành trướng và bá quyền nước lớn, sử học Việt-nam đã chứng minh rõ Việt-nam luôn luôn là một nhân tố ổn định ở Đông-dương và Đông Nam Á, chứ không phải là nhân tố làm mất ổn định như kẻ thù hiện nay vu cáo, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

Phát huy những thắng lợi đã đạt được, khoa học lịch sử Việt-nam đang tiếp tục đi sâu khai thác truyền thống tinh hoa của dân tộc ta và những kinh nghiệm lịch sử của nhân dân ta trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước, nhằm phục vụ tích cực hai nhiệm vụ chiến lược hiện nay là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Khoa học lịch sử Việt-nam đang tích cực xây dựng ba công trình cơ bản của ngành sử học Việt-nam hiện nay là bộ *Lịch sử dân tộc Việt-nam*, bộ *Lịch sử văn hóa Việt-nam* và bộ *Lịch sử giai cấp công nhân và phong trào công nhân Việt-nam*. Khoa học lịch sử Việt-nam cũng dành một lực lượng thích đáng vào việc nghiên cứu lịch sử thế giới, nhằm làm sáng tỏ hơn nữa sự kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Khoa học lịch sử Việt-nam tích cực góp phần vào việc xây dựng nên một nền sử học tiến bộ của nhân loại dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

ĐIỂM QUA CÁC TẠP CHÍ CỦA ĐẢNG TRONG LỊCH SỬ

NGUYỄN - THÀNH

ĐẢNG ta coi tạp chí, cũng như báo, là vũ khí sắc bén, là cơ quan huấn luyện, nâng cao trình độ lý luận và chính trị cho cán bộ, đảng viên để đáp ứng đòi hỏi của tình hình và nhiệm vụ cách mạng ngày càng nặng nề. Trong hoàn cảnh hoạt động không hợp pháp hay nửa hợp pháp và hợp pháp, trong thời kỳ đấu tranh dưới chế độ thống trị của đế quốc và tay sai của chúng hay sau khi đã lãnh đạo chính quyền cách mạng, Đảng ta lúc nào cũng ra sức khắc phục mọi khó khăn để xuất bản tạp chí của Đảng.

Các tổ chức tiền thân của Đảng cộng sản Việt-nam đã từng xuất bản tạp chí: Đông-dương cộng sản đảng thành lập năm 1929 đã xuất bản tạp chí *Người cộng sản*; An-nam cộng sản Đảng cũng trong năm đó cho ra đời tạp chí *Bôn-sơ-víc*.

Sau khi Đảng cộng sản Việt-nam ra đời, chúng ta có *Tạp chí đỏ* số 1 ra ngày 5-8-1930, đánh máy trên giấy nền đỏ in, khổ 13 x 19. Lúc này, ta có tạp chí trước, sau đó mới có báo. (Báo *Tranh đấu*, cơ quan trung ương của Đảng, số 1, ra ngày 15-8-1930). Trong *«Lời nói đầu»* đăng trên số 1, *Tạp chí đỏ* viết: «1-Tạp chí này sau sẽ tiếp tục

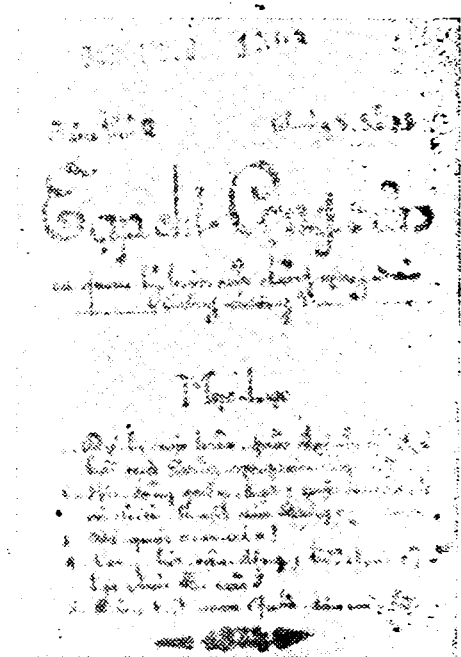
in mãi. Hoặc nhiều hoặc ít, hoặc một tuần, hoặc 10 ngày, nửa tháng, không nhất định. 2 - Tài liệu trong tạp chí: hoặc là cách làm việc, hoặc là kinh nghiệm các nước, hoặc là tin tức thế giới, hoặc là phê bình công việc của mình... sẵn gì in nấy». *Tạp chí đỏ* có số chỉ có một chuyên đề, như số 1, chỉ nói về công tác bí mật, có số bàn nhiều vấn đề. *Tạp chí đỏ* ra đến cuối năm 1930 thì ngừng.

Tiếp theo đó, ngày 1-2-1931, *Tạp chí Cộng sản* ra số 1. Trong *«Lời nói đầu»* đăng trên số 1, *Tạp chí Cộng sản* nêu rõ: phong trào cách mạng trong xứ Đông-dương phát triển mạnh mẽ, đế quốc và phong kiến ra sức tiêu diệt Đảng ta và phá phong trào cách mạng. Đảng ta mới có 1 tuổi, cán bộ, đảng viên còn ít kinh nghiệm, nhiều vấn đề đặt ra trong Đảng và trong xứ, trong khi đó chưa có một tạp chí để đáp ứng đòi hỏi của tình hình, đó là một khuyết điểm lớn. Tạp chí *Cộng sản* xuất bản để lấp chỗ khuyết điểm ấy lại. Mục đích chánh của *Tạp chí Cộng sản* là cốt để giải thích chánh sách của Quốc tế cộng sản và của Đảng chúng ta, kịch liệt công kích những tư tưởng sai lầm, những xu hướng

hoạt đầu và biệt phái, để làm cho nền tư tưởng và cách hành động trong Đảng được nhất thống». Tạp chí giới thiệu những kinh nghiệm đấu tranh của Đảng ta và của các đảng anh em, đăng những bài nghiên cứu về tình hình chính trị, kinh tế ở Đông-dương và thế giới, yêu cầu các đảng viên tự phê bình và đề xuất sáng kiến để đưa phong trào tiến lên theo đường lối đúng. «Bởi vậy hết thầy đảng viên đều phải hăng hái tham gia vào công tác của *Tạp chí Cộng sản*; phải thường phát biểu ý kiến, góp kinh nghiệm và thảo luận các vấn đề quan trọng, tự chỉ trích...» (*) Tạp chí còn làm nhiệm vụ chuẩn bị cho Đại hội toàn quốc của Đảng.

Tạp chí *Cộng sản* lưu hành trong nội bộ Đảng. Nó chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn. Sau khi các đồng chí Ủy viên trung ương Đảng bị sa vào tay địch thì *Tạp chí Cộng sản* phải ngừng xuất bản.

Sau cuộc khủng bố trắng những năm 1930 — 1931, một số cán bộ Đảng công tác ở nước ngoài lo lắng trước phong trào cách mạng trong nước suy yếu, Đảng bị tổn thất nặng nề, ra sức hoạt động để khôi phục lại cơ sở, gây dựng lại phong trào. Một trong những công việc mà các đồng chí đó đã làm là xuất bản tạp chí. Tháng 6-1933, các đồng chí cho ra *Tạp chí Cộng sản*, với danh nghĩa «Cơ quan lý luận của Đảng cộng sản Đông-dương», *Tạp chí Cộng sản* lúc này đã đóng một vai trò quan trọng trong việc khôi phục và phát triển Đảng, chấp lại các mối liên lạc, nghiên cứu để đi tới tổng kết một số kinh nghiệm của cách mạng Đông-dương trong những năm qua, chống bọn thù địch, bọn theo chủ nghĩa quốc gia cải lương, chuẩn bị cho Đại hội toàn quốc của Đảng (đang toàn văn dự thảo báo cáo chính trị, chương trình, điều lệ, hướng dẫn cho cơ sở thảo luận và



tập trung ý kiến lên trên). *Tạp chí Cộng sản* ra được 22 số, hoàn thành nhiệm vụ lịch sử vẻ vang của mình trong thời kỳ vô cùng khó khăn của Đảng, ngừng xuất bản từ Đại hội toàn quốc thứ nhất của Đảng họp ở Ma-ca-o tháng 3-1935.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Lê-Hồng-Phong, đầu năm 1934, Ban hải ngoại của Đảng thành lập. Tháng 6-1934, Ban cho xuất bản *Tạp chí Bôn-sơ-víc* với danh nghĩa «Cơ quan của Ban hải ngoại Đảng Cộng sản Đông-dương». *Tạp chí Bôn-sơ-víc* ra đời và xuất bản song song với *Tạp chí Cộng sản* từ tháng 6-1934 đến tháng 3-1935 dưới sự chỉ đạo thống nhất của Ban hải ngoại. Sau khi Đại hội thứ nhất của Đảng kết thúc, *Tạp chí Bôn-sơ-víc* mang danh nghĩa «Cơ quan lý luận của Đảng cộng sản Đông-dương».

(*) Xem *Tạp chí Cộng sản* số tháng 7. 1981, tr. 58-59.

Tạp chí *Bôn-sơ-víc* làm nhiệm vụ giải thích các văn kiện của Đại hội Đảng, nghiên cứu các phong trào đấu tranh của quần chúng lao động trong nước, dịch một số bài trên các tạp chí của Quốc tế cộng sản, giới thiệu những luận điểm của Lê-nin về các vấn đề nông dân, tôn giáo, Đảng... Sau Đại hội thứ VII của Quốc tế cộng sản, *Tạp chí Bôn-sơ-víc* dịch đăng một số bài tham luận chủ yếu ở Đại hội và giới thiệu bài tham luận của đoàn đại biểu Đảng ta. Những bài học kinh nghiệm đấu tranh của phong trào cộng sản quốc tế được tạp chí giới thiệu nhân các ngày kỷ niệm lớn: Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười, Công xã Pa-ri... Vấn đề đấu tranh chống bọn tở rớt kít và chủ nghĩa dân tộc cải lương trong cách mạng Việt-nam là một đề mục được đề cập thường xuyên trên tạp chí.

Tạp chí Bôn-sơ-víc ra đến tháng 1-1937 thì ngừng xuất bản. Đề đề lọt qua sự kiểm soát của mật thám, các tạp chí thường thay hình đổi dạng. Mỗi cuốn mang một bìa giả—bìa của một cuốn tiểu thuyết nào đó đang thịnh hành để tiện mang đi, ít ai để ý.

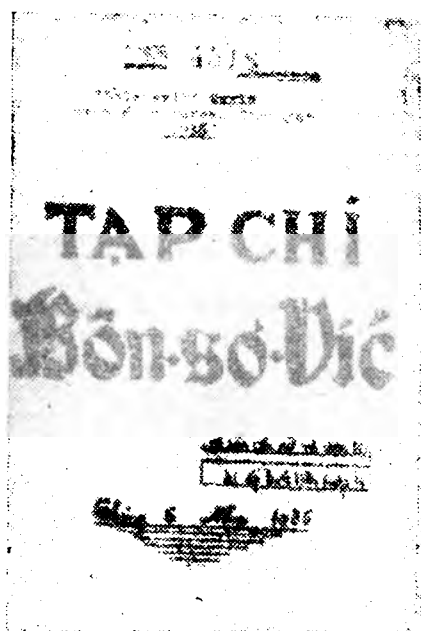
Các tạp chí cũng được gửi đều đặn đến Văn phòng của Quốc tế cộng sản bằng đường giao thông bí mật.

Ở các nhà tù, các chỉ bộ của Đảng cũng chủ trương ra cả báo và tạp chí. Ở Hỏa lò Hà-nội, có *Lao tù tạp chí* từ cuối năm 1930. Ở Côn-đảo, chỉ bộ Đảng cho xuất bản nội san *Ý kiến chung* được biên tập từ nhà lao số 2 là nơi giam nhiều cán bộ ưu tú của Đảng bị án cấm cố, chép thành vài bản rồi chuyển qua nhà lao số 1 để đưa đi các cơ sở, từ năm 1933 đến giữa năm 1936. Các tạp chí trong tù đã trở thành diễn đàn lý luận và phương tiện bồi dưỡng lý luận cho cán bộ của Đảng, củng cố tinh thần lạc quan cách mạng, đấu tranh chống các khuynh hướng lý luận và chính trị sai lầm, phản động lưu hành trong

và ngoài nhà tù, chuẩn bị « vốn » cho cán bộ hoạt động sau khi ra tù.

Đến thời kỳ Mặt trận dân chủ, hội nghị Trung ương Đảng tháng 3-1938 quyết nghị « Ban trung ương Đảng cần ra một tạp chí bí mật để giải thích những vấn đề mà sách báo công khai không thể bàn đến được ». Rất tiếc là trong điều kiện hoạt động nửa hợp pháp và hợp pháp, Đảng ta đã xuất bản được nhiều sách, báo đề cập đến những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác—Lê-nin và đường lối chính trị của Đảng, nhưng lại không ra được số tạp chí nào

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đảng ta chuyển vào hoạt động bí mật. Trung ương Đảng, các xứ ủy, tỉnh ủy cho ra báo bí mật, và sau khi Mặt trận Việt minh thành lập thì Tổng bộ và nhiều tỉnh bộ Việt minh có báo xuất bản khá đều đặn. Đến năm 1943, Trung ương Đảng cho ra đời *Tạp chí Cộng sản*, đối tượng chính là cán bộ trung cấp. Tạp chí xuất bản được 2 số: số 1, ngày 28-2-1943 và số 2, ngày 21-9-1943, in li tô. Lúc này, ở bên ngoài, cuộc chiến tranh diễn ra rất quyết liệt trên đất nước Liên-xô chống lại sự xâm lược của phát xít Đức đang làm cho cả thế giới chăm chú theo dõi; ở trong nước, phong trào cách mạng ngày càng lên cao, chống lại hai tầng áp bức, bóc lột, khủng bố của đế quốc Pháp và phát xít Nhật. *Tạp chí Cộng sản* phân tích những vấn đề chiến lược và sách lược của cách mạng Đông-dương, đề cập đến nhiệm vụ tăng cường sự lãnh đạo của Đảng để đủ sức hoàn thành nhiệm vụ giành độc lập dân tộc. Về quốc tế, tạp chí tập trung phân tích cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của Liên-xô, khẳng định thắng lợi tất yếu của Liên-xô và các lực lượng dân chủ thế giới, mặc dù đang trải qua những năm tháng đầy hy sinh, gian khổ. Số 2 của tạp chí đăng bài của đồng chí Tổng bí thư Trường-Chinh « Việc



giải tán Quốc tế cộng sản» chỉ rõ nguyên nhân đề ra chủ trương giải tán, ảnh hưởng của việc giải tán và thái độ của Đảng ta sau khi Quốc tế cộng sản giải tán.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, dân tộc ta bước vào cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng chống thực dân Pháp. Trung ương Đảng cho xuất bản tạp chí *Sinh hoạt nội bộ*, «Cơ quan trung ương huấn luyện công tác và lý luận của Đảng». Tạp chí *Sinh hoạt nội bộ* ra số 1 tháng 8-1947, đến tháng 3-1950 thì ngừng. Đây là tạp chí đầu tiên của Đảng in ti-pô (in máy) với số lượng hàng nghìn. Tạp chí *Sinh hoạt nội bộ* đã có tác dụng lớn trong công tác lý luận, tổ chức và chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng trong thời kỳ này. Trong «Lời ra mắt», tạp chí *Sinh hoạt nội bộ* viết: «luôn luôn trung thành với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, hướng dẫn hết thảy các đồng chí noi theo đường lối của Đảng nêu ra trong thời kỳ

kháng chiến, gạt tất cả những khuynh hướng sai lầm, vạch ưu, khuyết điểm để củng cố và phát triển Đảng, đề Đảng trở thành một đảng quần chúng. Tổng kết kinh nghiệm các ngành để giúp các đồng viên thực hiện tốt công tác». Đồng chí Trường-Chinh viết những bài quan trọng nhất về đường lối, chính sách của Đảng đăng trên tạp chí.

Vào giữa năm 1950, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta phát triển mạnh mẽ, tạp chí *Sinh hoạt nội bộ* với «Thẻ tài của nó, không làm được đầy đủ» nhiệm vụ mới. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị toàn quốc thứ III của Đảng (tháng 1 và 2-1950) Trung ương Đảng cho xuất bản *Tạp chí Công sản*, «Cơ quan huấn luyện công tác và lý luận của Đảng», do đồng chí Trường-Chinh làm chủ nhiệm, nhưng chỉ ra được 2 số: số 1 tháng 7-1950 và số 2, tháng 8-1950.

Trong kháng chiến, do điều kiện khó khăn về giấy, mực và vận chuyển đi các khu, tỉnh xa, số lượng in tạp chí ở nhà in của trung ương bị hạn chế, một số khu ủy đã sử dụng nhà in của mình, cho in lại tạp chí *Sinh hoạt nội bộ* và *Tạp chí Công sản*, phát hành rộng rãi trong các tổ chức của đảng bộ mình.

Nhiều Khu ủy, Liên khu ủy và Xứ ủy còn ra tạp chí lý luận và chính trị riêng của địa phương mình trong những năm kháng chiến chống Pháp: Khu ủy 12 có tạp chí *Bón sê vích*, Liên khu ủy Việt-bắc có tạp chí *Tiến mạnh*, Liên khu ủy 4 có tạp chí *Học tập*, Xứ ủy Nam-bộ có tạp san *Kinh nghiệm*, sau đổi là *Nghiên cứu*, v.v.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, cách mạng nước ta bước vào thời kỳ mới, làm đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh chống đế quốc và tay sai để hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Đảng ta, nhân dân ta

đứng trước nhiệm vụ mới vô cùng nặng nề, phức tạp, đòi hỏi phải tăng cường việc giáo dục lý luận và chính trị cho cán bộ, đảng viên và quần chúng. Hội nghị thứ 7 (mở rộng) của Trung ương tháng 3 năm 1955, quyết định ra tạp chí *Học tập* làm "Tạp chí lý luận và chính trị của Đảng" để "giúp vào việc nghiên cứu chính sách và giáo dục tư tưởng, bước đầu xây dựng công tác lý luận của Đảng", lấy cán bộ trung cấp làm đối tượng chính. Tạp chí *Học tập* ra số đầu tiên vào tháng 12 năm 1955.

Những tạp chí của Đảng trước đây chỉ lưu hành nội bộ, tạp chí *Học tập* là tạp chí đầu tiên xuất bản với số lượng lớn, lưu hành rộng rãi cả trong Đảng và quần chúng, là tạp chí đầu tiên xuất bản đều đặn hằng tháng, đưa đến cho cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng ở cả những chiến trường chống Mỹ xa xôi nhất món ăn tinh thần rất quan trọng.

Tạp chí Học tập đã nâng cao tính chất lý luận và tính chất chính trị của mình, bàn về tất cả những vấn đề trong sinh hoạt xã hội ở miền Bắc, trong cuộc đấu tranh chống Mỹ và tay sai, trong sinh hoạt Đảng, bồi dưỡng tư tưởng vô sản, chống các tư tưởng phi vô sản, giới thiệu kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, bàn đến cả những vấn đề trong phong trào cộng sản và công nhân và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, chống các loại chủ nghĩa cơ hội, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, Trung ương cục miền Nam có tạp chí *Tiền phong* Các Khu ủy ở miền Nam cũng có tạp chí lý luận của mình.

Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ giành được toàn thắng, Đại hội thứ IV của Đảng họp để ra đường lối đối nội và đối ngoại của nước Cộng hòa xã

hội chủ nghĩa Việt-nam và những nhiệm vụ xây dựng Đảng trong giai đoạn mới của cách mạng nước ta. Căn cứ vào nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội thứ IV của Đảng về việc đổi tên Đảng là Đảng cộng sản Việt-nam, Bộ chính trị Trung ương Đảng quyết định từ tháng 1-1977, đổi tên tạp chí *Học tập*, cơ quan lý luận và chính trị của Đảng thành *Tạp chí Cộng sản*. Hiện nay *Tạp chí Cộng sản* đang tiếp tục thực hiện nhiệm vụ lịch sử của mình.

Tạp chí Cộng sản ngày nay xuất bản đều đặn hằng tháng, với số lượng lớn hơn tất cả các tạp chí tiền thân, phát hành rộng rãi trong nước và phát hành cả ra nhiều nước trên thế giới, với nội dung ngày càng phong phú, chất lượng bài vở ngày càng được nâng cao, giữ vai trò quan trọng trong sinh hoạt và đấu tranh lý luận, tư tưởng và chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta, gắn liền với sự trưởng thành của Đảng và thắng lợi vẻ vang của cách mạng nước ta.

Tiến hành tốt Đại hội Đảng bộ...

(Tiếp theo trang 10)

các đảng bộ cần đề cao trách nhiệm, tăng cường đoàn kết nhất trí, phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật, ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ về sản xuất, phân phối lưu thông, tổ chức đời sống, quốc phòng và an ninh... một cách tốt nhất và có hiệu quả nhất, nhằm bảo đảm đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng thành công tốt đẹp.

Vài nét về

NƯỚC LÀO ANH EM THÂN THIẾT

THAO-HIỀN

NHỮNG điều quen thuộc về lịch sử, địa lý, số dân, phong tục, kinh tế, văn hóa... của đất nước anh em láng giềng gần gũi này, đã có biết bao nhiêu người nói tới. Trong các thư viện lớn; trong các cơ quan lưu trữ hồ sơ ở Pa-ri, Oa-sinh-ton, Tô-ki-ô, Bắc-kinh..., ngoài những cuốn sách, bài báo, những công trình nghiên cứu, còn có những tập tài liệu, những bản báo cáo với dẫn chứng và số liệu tưởng như không ở đâu đầy đủ bằng. Song, căn cứ vào những khối lượng tư liệu khổng lồ đó dễ nói rằng ở nơi này nơi khác, người ta đã hiểu biết đầy đủ về một đất nước, thì chưa hẳn là đúng. Hai tên đế quốc to với những bầy tay sai của chúng đã từng dẫm chân trên đất Lào, đi tới những rừng sâu, núi cao; có những tên thực dân da trắng đã « hòa mình vào quần chúng », ăn tất cả các món ăn dân tộc, mua các điệu lăm vông, lấy vợ « người bản xứ »; nhiều quan cai trị thực dân đã là tác giả của những cuốn sách về Lào; vậy mà lần lượt cả hai tên đế quốc to và những kẻ cùng công ty với

chúng đều phải cuốn gói ra đi, để lại những « cơ đồ » dang dở. Bọn bành trướng Bắc-kinh một thời mang nhãn hiệu đồng chí, có cả một đạo quân làm đường và mở đường cộng với đạo quân thứ năm « trường kỳ mai phục »; nhưng cuối cùng, khi chiếc mặt nạ đã rơi xuống, những « sứ giả » chuẩn bị cho mưu đồ bành trướng cũng phải ra đi.

Không phải chùn nho còn xanh quá! Những con cáo già đã bị xua đuổi, buộc phải ra đi. Chúng có thể biết rất nhiều, nhưng có một điều không thể biết, đó là phẩm chất và sức mạnh của những con người đã buộc chúng phải ra đi!

SỨC MẠNH VĨ ĐẠI CỦA BA TRIỆU RỪNG CON NGƯỜI

Bọn đế quốc và bọn bành trướng vốn đã coi thường các dân tộc là đối tượng thống trị, hoặc xâm lược của chúng. Sách báo, tài liệu của Pháp, Mỹ thường nói đậm nét về một nước Lào ít người, kinh tế tự nhiên với công cụ canh tác thô sơ và cò cò.

sản xuất và tiêu dùng thấp. v.v. Chưa có một tài liệu, một công trình nghiên cứu nào nói tới sức mạnh tiềm tàng của một cộng đồng dân tộc đoàn kết, yêu thương, tình nghĩa, sống trên một dải đất hơn 23 vạn ki lô mét vuông đầy của nổi, của chìm. Bọn bành trướng Bắc-kinh khi bị nhân dân Lào xua đuổi đã dọa rằng: gần một tỷ dân Trung-quốc ở đầu nguồn sông Mê-kông chỉ cần xi ra những giọt nước bần có thể làm cho hơn 3 triệu người Lào chết đuối (sau này chúng uốn lưỡi một chút cho mồm mép đỡ mất vệ sinh hơn: gần một tỷ người chỉ cần nhỏ nước bọt). Đó là chiếc gậy của Bắc-kinh. Còn củ cà rốt Tàu cũng sắc mùi nước lớn: nếu Lào đi theo Trung-quốc thì chỉ cần mỗi người Trung-hoa bớt ra một lễ gạo, một tấc vải, cả nước Lào đủ no ấm rồi! Sau khi 3 triệu rưỡi người Lào đã cùng với hai nước anh em trên bán đảo Đông-dương đánh ngã hai tên đế quốc to, trở thành dân tộc chiến thắng, làm chủ hoàn toàn Tổ quốc của mình, bọn bành trướng Bắc-kinh vẫn còn giữ nguyên cái nhìn « mục hạ vôn hân » ấy!

Những người cách mạng được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin một mặt giữ vững đức khiêm tốn, mặt khác biết nhìn rõ sức mạnh to lớn, phẩm chất cao quý của dân tộc mình và của các dân tộc anh em. Đó là nguồn gốc của tinh thần lạc quan, của niềm tin chiến thắng ngay cả những khi lực lượng cách mạng có tỏ chút còn nhỏ bé, còn trải qua muôn vàn khó khăn thử thách. Mở đầu những năm 80 của thế kỷ này, các bạn Lào có dịp nhìn lại chặng đường đã đi qua: ba mươi lăm năm từ khi đứng lên giành chính quyền và bước vào cuộc kháng chiến, nửa thế kỷ từ khi tiếp thu ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Nhiều đồng chí đã đi suốt chặng đường lịch sử ấy cũng không khỏi ngạc nhiên khi phát hiện được đầy đủ hơn sức mạnh của dân tộc

minh, sự trưởng thành vượt bậc của Đảng lãnh đạo cách mạng và của mỗi con người cách mạng.

Ba triệu rưỡi con người, đứng về mặt số lượng đơn thuần, không phải là nhỏ. Nếu là những con người có ý thức về vận mệnh và tiền đồ của dân tộc mình, tự giác và đoàn kết đấu tranh theo một đường lối cách mạng đúng đắn, thì ba triệu rưỡi con người trở thành một lực lượng vô địch. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin gắn bó mỗi dân tộc cách mạng với cộng đồng các dân tộc cách mạng trên thế giới. Sức mạnh của ba triệu rưỡi con người lại được nhân lên gấp bội. Thấy được sức mạnh cách mạng tổng hợp của bản thân mình, gắn mình với sức mạnh cách mạng tổng hợp của thời đại, đó là hệ quả của một đường lối cách mạng đúng đắn, thật sự Mác - Lê-nin. Không còn là lý thuyết nữa, thắng lợi của cách mạng Lào mấy chục năm qua, sự vững vàng và niềm tin chiến thắng của nhân dân Lào trước những kẻ thù to lớn hôm nay, trước nhiệm vụ lịch sử xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, là một thực tế sinh động, một chứng minh hùng hồn làm sáng tỏ đặc điểm của thời đại mới.

SÁNG TẠO VÀ ĐỘC ĐÀO

Đến nay, chưa có những công trình nghiên cứu nêu lên thật đầy đủ những nét sáng tạo và độc đáo của cách mạng Lào. Nhưng mọi người ở gần hay ở xa, ít nhiều đã thấy cuộc đấu tranh lâu dài và những chặng đường chiến thắng của cách mạng Lào có những nét đáng đặc biệt. Mỗi cuộc cách mạng thắng lợi đều đóng góp những cái riêng vào kho tàng kinh nghiệm chung của cách mạng thế giới. Một số văn kiện của Trung ương Đảng nhân dân cách mạng Lào, một số tác phẩm mang tính chất tổng kết của đồng chí Tổng bí thư Cay-xôn Phôm-vi-hàn, gợi cho ta phương

hướng đề đi sâu hơn tìm hiểu và trân trọng những diễm sáng tạo và độc đáo của cách mạng Lào.

Có thể nói một trong những kinh nghiệm quý báu của Đảng anh em là vấn đề nắm thời cơ để giành thắng lợi. Chung quanh vấn đề nắm thời cơ và thực tiễn cuộc đấu tranh phong phú với nhiều hình thức, phương pháp đã diễn ra, có biết bao nhiêu điều lý thú cho những nhà lý luận, những nhà văn, những người viết sử, viết kịch bản phim, những người viết sách giáo khoa của hai nước

Đảng trân trọng biết bao khi có dịp ôn lại lịch sử và nhìn ra chung quanh, ta như tìm thấy một điều mới trong một sự kiện đã quen thuộc: Tại khu vực Đông Nam Á này, vào lúc ở phương Tây phát xít Đức bị đánh bại, ở phương Đông phát xít Nhật đầu hàng thì có cuộc nổi dậy của các nước ở Đông-dương: Thái Lan, ở Việt-nam, chúng ta giành chính quyền trong cả nước; ở Lào, các bạn ta cũng nổi dậy ở thủ đô và các tỉnh Tháng 9, Việt-nam có Tuyên ngôn độc lập, tháng 10, Lào cũng có Tuyên ngôn độc lập. Và hai nước anh em, với lực lượng còn non trẻ đã lần lượt cùng đi vào cuộc kháng chiến lâu dài và cùng giành thắng lợi từng bước, cùng giành thắng lợi cuối cùng.

Không riêng ở Đông Nam Á, mà trong các nước thuộc địa nói chung trên thế giới, Lào là một nước chuẩn bị đón thời cơ và đã nổi dậy sớm nhất, là một nước đã anh dũng đấu tranh và giành thắng lợi oanh liệt. Chỉ riêng một sự thật lịch sử này, đặt trong những điều kiện đặc biệt của Lào, đã gợi ra những đề tài lớn cho các nhà nghiên cứu và làm cho chúng ta tự hào sâu sắc về đất nước và dân tộc anh em.

Vừa qua, nhân có cuộc đảo chính thất bại ở Thái-lan nhiều người có nhớ tới một số sự kiện lịch sử đề mà

so sánh. Năm 1973, bằng việc ký Hiệp định Pa-ri, đế quốc Mỹ chấp nhận sự thất bại ở Đông-dương, khiến cho bọn tay sai của chúng trong khu vực hoảng hốt, rã rời; quân chúng nhân dân được cõ vũ mạnh mẽ. Ở Thái-lan đã có cuộc nổi dậy tự phát của sinh viên và nhân dân Băng-cốc đánh đổ bại tên thống chế phản động tay sai của Mỹ. Bọn đế quốc đã tính đến một con bài đồ mi nô sẽ sụp đổ theo các chế độ bù nhìn ở Đông-dương là chế độ phản động ở Thái-lan. Nhưng thời cơ cách mạng đã bị bỏ qua vì đảng mao ít Thái-lan « giữ vững » phương châm « lấy nông thôn bao vây thành thị » và trung thành với đường lối của Bắc-kinh. Trong khi ấy cách mạng Lào đã nhanh chóng tiến lên, mở rộng vùng giải phóng, tăng cường lực lượng cách mạng ở thành thị đề tới năm 1975, hòa nhịp với đòn tiến công cuối cùng của Việt-nam, đã giáng đòn quyết định và giành thắng lợi hoàn toàn.

TỰ HÀO VỀ SỰ MỆNH LỊCH SỬ

Một trong những tội ác lớn của bọn phản động Bắc-kinh là câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác hoạt động phá hoại cách mạng ở Đông-dương, ngăn chặn lực lượng cách mạng của quần chúng trong khu vực Đông Nam Á Mũi nhọn chống phá cách mạng tập trung vào ba nước Đông-dương. Chế độ diệt chủng ở Cam-pu-chia, sản phẩm của Bắc-kinh, cuộc tiến công xâm lược tại biên giới tây nam và biên giới phía bắc Việt-nam là những sự việc nổi bật và dễ thấy. Ở Lào, hoạt động của bọn phản động Bắc-kinh câu kết với bọn đế quốc và các loại tay sai trong khu vực diễn ra trên nhiều mặt: từ uy hiếp về quân sự, phá hoại về chính trị, tư tưởng, đến phá hoại về kinh tế và văn hóa, chuẩn bị những điều kiện gây bạo loạn, lật đổ, diễn biến hòa bình... Cuộc đấu tranh của nhân dân Lào

chống lại và làm thất bại từng bước âm mưu của địch không kém phần gay go quyết liệt với một vẻ bền ngoài thâm lặng tưởng như không có mấy chuyện xảy ra. Nhưng cuộc đấu tranh không có hoặc ít có tiếng súng nổ lại rất phức tạp, gian khổ, đòi hỏi những phẩm chất cách mạng đặc biệt cao: tinh thần cảnh giác thường xuyên; sự kiên cường trước mọi thử thách, việc xác định lập trường đối với thù với bạn, giữ vững đường lối chính trị đối nội, đối ngoại đúng đắn để đưa cách mạng tiến lên.

Bọn phản động Bắc-kinh và các loại kẻ thù không ngừng chống phá đường lối chính trị của Đảng nhân dân cách mạng Lào. Trong khi Đảng chỉ cho nhân dân thấy rõ chân tướng và mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, thì kẻ thù tìm mọi cách lung lạc tinh thần một bộ phận nhân dân, nói rằng do đường lối chính trị của Đảng nhân dân cách mạng Lào mà người Lào có nhiều kẻ thù, rằng nếu đi theo đường lối trung lập, thân thiện với cả hai bên thì sẽ có viện trợ từ nhiều phía, đời sống sẽ nhanh chóng được nâng cao. Tất cả những người có ý thức và kinh nghiệm cách mạng đã nhất trí với Đảng, không mắc mưu kẻ thù. Câu trả lời cho luận điệu xảo trá của địch đã được làm sáng tỏ, biến thành nhận thức của toàn Đảng, toàn dân: từ mấy chục năm qua, Lào cùng với các nước Đông-dương anh em đứng ở vị trí tiền đồn của Cộng đồng xã hội chủ nghĩa tại Đông Nam Á và đã xứng đáng ở vị trí đó; cách mạng Lào và cách mạng các nước khác ở Đông-dương thắng lợi góp phần làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc, tăng cường lực lượng cách mạng trên thế giới, là nguồn cổ vũ lớn đối với loài người tiến bộ, làm thay đổi lực lượng so sánh ở Đông Nam Á, là nguồn cổ vũ trực tiếp đối với nhân dân các nước trong khu vực này. Vì vậy,

rất dễ hiểu tại sao bọn phản động Bắc-kinh và những kẻ thù đã bị đánh bại ở Lào và các nước khác ở Đông-dương cấu kết với nhau chống phá điên cuồng cách mạng Lào. Phá hoại đường lối chính trị đúng đắn của cách mạng Lào, địch muốn lấy đi niềm tự hào lớn nhất của nhân dân các dân tộc Lào, tước bỏ vũ khí đã tạo nên mọi chiến thắng hôm qua và để giành chiến thắng hôm nay.

Một dân tộc đã đấu tranh cách mạng lâu dài và chiến thắng vẻ vang, gắn bó với Đảng lãnh đạo của mình tự hào về sử mạng lịch sử của mình, đang kiên cường tiến lên, sát cánh với các dân tộc anh em trên bán đảo Đông-dương giành thắng lợi trong giai đoạn cách mạng mới.

TÌNH NGHĨA VIỆT - LÀO ĐÃ TRỞ THÀNH QUY LUẬT TRONG CUỘC SỐNG

Vào những lúc địch tăng cường uy hiếp ở biên giới phía bắc Lào, đưa biệt kích vào hoạt động phá hoại ở phía nam, những lúc Thái-lan đóng cửa biên giới phía tây, tình đoàn kết chiến đấu Việt-Lào càng khăng khít hơn bao giờ hết. Nhân dân các dân tộc Lào từng sát cánh với nhân dân Việt-nam, kiên cường chiến đấu trong mấy chục năm qua, đang giữ vững và phát huy thành quả cách mạng trong giai đoạn mới.

Trước đây, nhiều cán bộ Lào và Việt-nam đã cùng nhau đánh Pháp, đánh Mỹ trong các chiến dịch Nam-thà, Cánh đồng Chum, Xiêng-khoảng... ngày nay, những lớp bộ đội trẻ của hai nước lại sát cánh bên nhau giữ gìn biên giới. Các cụ già ở bản đã kể cho con cháu nghe những kỷ niệm đánh Pháp, đánh Mỹ và nói rằng: lúc nào có khó khăn thì Lào và Việt-nam càng gắn bó. Các đồng chí lãnh

đạo ở trung ương cũng nhiều lần nói với cán bộ và nhân dân: mỗi khi Lào gặp khó khăn, Việt-nam là nước đầu tiên chạy tới giúp đỡ. Trước kia đã vậy, ngày nay cũng như vậy. Tình nghĩa thủy chung đã trở thành quy luật trong cuộc sống của hai dân tộc anh em!

Kẻ thù đang ra sức phá hoại khối đoàn kết giữa các nước anh em trên bán đảo Đông-dương, phá hoại mối quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt - Lào bằng nhiều hình thức, thủ đoạn tinh vi xảo quyệt. Nhưng hai Đảng, hai dân tộc anh em trải qua những thử thách trong lịch sử đoàn kết đấu tranh chống kẻ thù chung, đã thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác cách

mạng. Các đồng chí Lào đã chỉ ra thủ đoạn của kẻ thù bằng hình ảnh: địch muốn bẻ gãy từng chiếc dũa (trong bó dũa), chặt phá từng cây già, cây non (trong rừng cây)... Đồng chí, đồng bào ta ở Việt-nam thấm nhuần tư tưởng của Đảng ta, thường nhắc nhau phải giữ gìn tình nghĩa anh em Việt-Lào như giữ gìn con ngươi của mắt. Tình nghĩa thủy chung và đặc biệt giữa hai nước anh em, mà vận mệnh gắn bó với nhau đang được xây đắp từ cả hai phía cho mãi mãi vững bền như dải Trường-sơn, đang được biểu hiện bằng hành động cách mạng, bằng những việc làm thiết thực trong liên minh chiến đấu và quan hệ hợp tác toàn diện Việt - Lào.

Đấu tranh văn hóa, văn nghệ...

(Tiếp theo trang 42)

đó đưa người ta đến đâu, đem lại gì cho sự mở mang kiến thức, trí tuệ, cho sự bồi đắp tinh cảm, nhân cách. Vấn đề cũng không phải là « cái đó » thích hợp hay không thích hợp với nhân dân ta hiểu theo nghĩa là « ăn khách » hay không « ăn khách », mà « cái đó » mang lại cái gì, đóng góp gì cho sự phát triển nền văn hóa, văn nghệ dân tộc Việt-nam.

Cuối cùng, cuộc đấu tranh của chúng ta chống văn hóa, văn nghệ phản động, đồi trụy hiện nay cũng nằm trong cuộc đấu tranh chung giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, ở vào thời kỳ quyết liệt: chủ nghĩa tư bản đứng đầu là đế quốc Mỹ cầu kết với bọn bán hàng trưởng Bắc-kinh và những thế lực phản động khác đang tìm cách giành giật lại những vị trí đã mất, khôi phục lại địa vị sen đầm quốc tế của chúng. Do hoàn cảnh lịch sử cụ thể của mình, nước ta đi sau so với các nước xã

hội chủ nghĩa anh em gần nửa thế kỷ. Trong lúc các nước anh em đã bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển, thì Việt-nam đang ở bước đầu của thời kỳ quá độ. Quy luật của văn hóa không giống quy luật của kinh tế, nhưng trình độ văn hóa của một nước cũng không thể thoát khỏi tình hình kinh tế và xã hội nước ấy. Chúng ta vừa phải giải quyết những vấn đề, làm những công việc của ta trong thời kỳ quá độ, vừa phải phối hợp trên phạm vi quốc tế đề dương đầu với hầu như tất cả những vấn đề mà các nước xã hội chủ nghĩa anh em đã ở trình độ phát triển cao hơn đang gặp phải trong cuộc đấu tranh chống văn hóa tư sản, chống những âm mưu văn hóa của chủ nghĩa đế quốc cùng các thế lực phản động khác. Điều đó càng làm cho cuộc đấu tranh văn hóa, văn nghệ trong thời kỳ quá độ ở nước ta thêm phức tạp và quyết liệt, càng đòi hỏi ở mỗi người chúng ta nâng cao tinh thần, nhiệt tình và bản lĩnh

Ấn - độ :

MỘT NHÂN TỐ QUAN TRỌNG CỦA HÒA BÌNH, ỔN ĐỊNH Ở CHÂU Á VÀ TRÊN THẾ GIỚI

LƯU - QUÝ - KỶ

HƠN 30 năm về trước, nước Ấn-độ quân quái dưới ách thống trị của đế quốc Anh và thực dân Pháp đã gọi ra trước thế giới một hình ảnh nặng nề: Sông Gan-ga là con sông gây tai họa; Ấn-độ là nước nghèo nàn, mỗi năm có hàng triệu nạn nhân của lụt, hạn và bệnh tật. Từ cuối thế kỷ trước, nhiều nhà yêu nước và cách mạng thường nhắc đến câu nói đầy ý nghĩa: Khi thực dân Anh đặt chân lên Ấn-độ thì những cánh đồng trắng xóa dài bờng (của những cây bông làm sợi vải) ngã sang màu trắng xương khô. Và họ dự đoán: Ấn-độ cũng sẽ là nơi sớm có phong trào cách mạng chống đế quốc, vì quy luật « ở đâu có áp bức, ở đó có đấu tranh » vốn là quy luật phát triển của lịch sử các dân tộc!

Trải qua nhiều thế kỷ đấu tranh chống các chế độ phong kiến, thực dân, đến tháng 8-1947, Ấn-độ đã giành được độc lập, tự do. Cùng với bộ mặt của châu Á thay đổi về cơ bản sau

chiến thắng của Hồng quân Liên-xô đánh tan phát xít Nhật ở Mãn-châu, nước Ấn-độ độc lập đã tiến khá nhanh trên con đường xây dựng trong hòa bình. Ngày nay Ấn-độ là một nước lớn, có vị trí quan trọng trên vũ đài thế giới, đặc biệt là trong khu vực châu Á và trong khối các nước không liên kết, đang góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình và hữu nghị của các dân tộc trên thế giới

Một cái nôi của loài người trở thành nước có tầm vóc lục địa.

Ấn-độ là một quốc gia hình thành từ lâu đời. Dồi bờ sông Gan-ga—được gọi là con sông mẹ của các dòng sông ở đây—bắt nguồn từ dãy Hy-ma-lay-a quanh năm tuyết phủ, là một trong mấy chiếc nôi của loài người và cũng là địa bàn tụ hợp đầu tiên của nước Ấn-độ to lớn ngày nay.

Ngày nay Ấn-độ gồm có 22 bang và 9 vùng lãnh thổ trực thuộc với diện

tiếp trên 3 triệu ki lô mét vuông (gấp gần 10 lần nước ta), số dân xấp xỉ 700 triệu (gấp 13 lần số dân nước ta) và là nước đông dân hàng thứ hai trên thế giới. (Ước tính vào đầu thế kỷ 21, số dân sẽ là 1 tỷ). Với diện tích và số dân như trên, Ấn-độ có tầm vóc của một lục địa, cho nên người ta thường gọi "tiểu lục địa Ấn-độ".

Về địa lý, Ấn-độ nằm ở khu vực Nam Á, nhìn ra vịnh Băng-gan và Ấn-độ-dương; phía bắc có biên giới chung với Pa-ki-xtan, Trung-quốc, Nepal, Băng-la-dét, Miến-điện; ở giữa là những bến đò trọng yếu của các tuyến đường hàng không, hàng hải từ Tây sang Đông và ngược lại, như: Bom-bay, Ma-drát, Can-cút-ta,... phía nam là Ấn-độ-dương.

Về mặt nhân văn, Ấn-độ là một trong những nước đa dạng và phong phú nhất trên thế giới. Ngoài người Hin-đu (gốc A-ri-an) là chính ra, có hàng trăm giống người khác đã tràn vào Ấn-độ qua các cuộc ngoại xâm trong mấy nghìn năm lịch sử sinh sống ở đây từ nhiều thế hệ, trong đó có người Ku-san, Mông-cô, Phê-ni-xi-ên, Pa-thơ, Hy-lạp, Rô-manh, Ba-tư, Mô-hôn, Ảng-glô Xắc-xông, A-rập, Trung-quốc, Pháp,... Toàn Ấn-độ có 844 ngữ khác nhau, trong đó có 15 ngữ được xem là chính thức và 47 ngữ đạt mức trên 100.000 người nói. Vì có nhiều ngữ khác nhau cho nên nhân dân Ấn-độ dùng tiếng Anh làm ngữ phổ thông để giao dịch.

Hơn ba nghìn năm trước, tiểu lục địa này từng là điểm hội tụ của nhiều nền văn minh, tín ngưỡng và văn hóa. Cuốn sách đầu tiên của loài người—Kinh Vệ Đà—ra đời ở đây.

Khó mà xác định ở Ấn-độ có bao nhiêu đạo giáo, triết học, tín ngưỡng, nếp sống, kiểu thờ cúng. Những giáo phái nổi bật là: Đạo Hin-đu, đạo Phật, đạo Hồi, đạo Đa-in, đạo Xích, đạo Ki-tô, mỗi giáo phái đều có nơi thờ cúng riêng, và đền,

miếu, chùa, nhà thờ chung sống hòa hiếu với nhau trong các làng xóm, thị thành.

Hàng nghìn năm trước, các nhà triết học tôn giáo ở đây đã sớm mang lại cho con người ý thức về ba đẳng thiêng liêng là Bra-ma (sáng tạo), Vit-nu (bảo thủ) và Si-va (phá hoại). Trên cơ sở nhận thức về ba đẳng thiêng liêng ấy mà con người có thể phân biệt được ba thể lực xã hội: *tiền bộ, tạc hậu* và *phản động*. Điều này trở thành nguồn cảm hứng vô tận cho triết học và nghệ thuật Ấn-độ.

Ở bất cứ địa phương nào của Ấn-độ, người ta đều có thể nhìn thấy những biểu hiện của một nền kiến trúc, điêu khắc, hội họa tuyệt vời; những điệu múa, lời ca hấp dẫn, những áng văn thơ có chiều sâu về tư tưởng và đa dạng về hình thức; một kiểu ăn mặc nhiều màu sắc và độc đáo... Tất cả đều là sự kế thừa của một quá khứ 5-6 nghìn năm, trong đó lòng bác ái, tình yêu và tinh va chuộng nghệ thuật thấm sâu vào từng gia đình, từng con người lao động.

Với tầm vóc to lớn về địa lý và số dân, với vị trí chiến lược quan trọng, với những giá trị tinh thần và văn hóa lâu đời, với những người dân lao động đầy sáng tạo, nước Cộng hòa Ấn-độ là một quốc gia vĩ đại, được nhân dân và chính phủ các nước trên thế giới và nước ta rất coi trọng.

Một nước nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu, trở thành một nước công nghiệp đang phát triển.

Hình ảnh của một nước Ấn-độ đói nghèo tui nhục dưới ách phong kiến thực dân đang mờ dần. Được độc lập, tự do, nhân dân Ấn-độ mới có điều kiện để xây dựng và phát triển đất nước. Chính Gia-oa-hác-lan Nê-ru, khi

trở thành Thủ tướng nước Cộng hòa Ấn-độ, mới khám phá ra những đặc điểm, khả năng và tiềm lực to lớn của Tổ quốc mình, và đã ghi lại điều đó trong tác phẩm nổi tiếng: «*Sự phát hiện về nước Ấn-độ*». Và ông đã nêu lên «*Sự cần thiết của một nền kinh tế độc lập, tự chủ*», vạch ra kế hoạch khắc phục sự lạc hậu về kinh tế trên cơ sở «*quốc hữu hóa, kế hoạch hóa, công nghiệp hóa...*».

Sau hơn 30 năm thoát ách thực dân phong kiến và xây dựng trong hòa bình, nước Cộng hòa Ấn-độ đã có những thay đổi đáng kể. Biết lợi dụng cơ sở cũ của thực dân Anh để lại, phát huy thế mạnh về tài nguyên phong phú, khí hậu ôn đới lẫn nhiệt đới, phát huy tinh thần lao động cần cù và sáng tạo của nhân dân, Ấn-độ đã đạt những thành tựu to lớn.

Theo tài liệu của trung tâm thống kê của Chính phủ Ấn-độ công bố năm 1980, nền nông nghiệp phát triển khá nhanh. Từ năm 1960 đến năm 1979 diện tích gieo trồng được mở rộng từ 133 triệu lên 144 triệu héc ta; sản lượng ngũ cốc từ 82 triệu lên 131 triệu tấn (trước năm 1947 là 50 triệu tấn/năm); số xã được điện khí hóa từ 22 000 lên 233 000, tỷ lệ điện khí hóa trong toàn quốc là trên 60%. --

Nền công nghiệp phát triển vượt bậc. Nếu chỉ số tổng sản lượng công nghiệp năm 1960 là 55, thì năm 1970 là 100, năm 1979 là 150. Như vậy, so với 20 năm trước công nghiệp Ấn-độ tăng gần 300% và nông nghiệp tăng 50%.

Sản lượng của một số ngành quan trọng tăng đáng kể. Từ năm 1960 đến năm 1980, sản lượng than đá từ 56 triệu tấn tăng lên 114 triệu tấn, dầu mỏ từ 0,45 triệu tấn tăng lên 12 triệu tấn, xi măng từ 8. triệu tấn tăng lên 19,5 triệu tấn...

Ấn-độ có những cố gắng lớn phát triển giao thông vận tải: đã có 61 000km đường sắt với 11 000 đầu máy

và trên 500 000 toa xe. Trong 20 năm Ấn-độ mở rộng hệ thống đường bộ gần 3 lần. Đặc biệt là các cơ quan, xí nghiệp cũng như tư nhân, đều dùng xe ô tô do Ấn-độ sản xuất. Ấn-độ cũng đã bắt đầu chế tạo máy bay và có khả năng đóng tàu hàng hải vượt đại dương và ven bờ, trọng tải trên 1 vạn tấn.

Nhiều thành phố lớn như Bom-bay, Can-cút-ta, Ma-đrát... đã rõ nét là trung tâm công nghiệp. Cách đây không lâu, Ấn-độ chỉ xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp như chè, đay, sợi bông, gia vị..., ngày nay đã tung ra thị trường thế giới trên 3000 mặt hàng công nghiệp. Sự phát triển về văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao cũng có những nét độc đáo. Một điểm đáng chú ý là tổng số phim điện ảnh nghệ thuật Ấn-độ sản xuất hằng năm nhiều hơn của Mỹ.

Ấn-độ đã đạt được những thành tựu đầu tiên trong nghiên cứu năng lượng hạt nhân, không gian vũ trụ cũng như trên lĩnh vực y học, sinh vật học... (Ấn-độ đã có 7 vệ tinh trong khoảng không vũ trụ và hợp tác với Liên-xô chuẩn bị đưa người du hành vũ trụ).

Cùng với sự phát triển của công nghiệp, giai cấp tư sản lớn lên và giai cấp công nhân ngày càng tăng về số lượng và chất lượng.

Tuy nhiên, Ấn-độ còn nhiều việc phải làm. Thủ tướng In-di-ra Gan-đi đã nhận xét: do đất nước quá rộng và sự nghèo khổ do chế độ cũ để lại rất nặng nề cho nên chưa thể xem là Ấn-độ đã đánh thắng một nửa trận chiến đấu! (ý nói chưa hoàn thành được một nửa nhiệm vụ xây dựng đất nước). Đó là điều dễ hiểu: mới được độc lập trên 30 năm, làm sao Ấn-độ có thể giải quyết xong những nhiệm vụ lịch sử cực kỳ nặng nề và khó khăn như cung cấp lương thực, chăm sóc sức khỏe, xây dựng nhà ở và trường học, giải quyết công

an việc làm, bảo đảm đời sống vật chất văn hóa cho gần 700 triệu dân? Đây là một thử thách lớn, « một nhiệm vụ phi thường », như Thủ tướng In-đi-ra Gan-đi nhấn mạnh, và Ấn-độ đang tập trung sức để giải quyết.

Quê hương của năm nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình.

Ngay trước khi Ấn-độ được độc lập Gia-oa-hác-lan Nê-ru, vị lãnh tụ vĩ đại của Ấn-độ đã sớm tham gia các hoạt động quốc tế đoàn kết với nhân dân các nước châu Á, châu Phi, cùng đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân. Cho đến nay, Ấn-độ vẫn kiên quyết lên án đế quốc Mỹ tăng cường căn cứ quân sự ở Ấn-độ-dương, đặc biệt là đảo Di-ê-gô Gác-xi-a, cho đó là « một nguy cơ trực tiếp đối với các bang ven biển và trong đất liền của Ấn-độ ».

Vừa mới ra đời, nước Cộng hòa Ấn-độ trẻ trung đã sớm có những cống hiến cho hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc. Trong những năm 50, giữa lúc nhân dân nhiều nước đang ra sức hàn gắn vết thương chiến tranh thế giới thứ hai thì đế quốc Mỹ một tay mang bom nguyên tử, một tay xách « kế hoạch viện trợ kinh tế Mác-san », điên cuồng gây chiến tranh lạnh, chuẩn bị chiến tranh nóng. Lúc bấy giờ Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đưa ra chính sách đối ngoại hòa bình, vạch trần âm mưu của bọn đế quốc hiếu chiến, xây dựng và mở rộng phong trào hòa bình thế giới. Trong bối cảnh đó, 5 nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình của cố thủ tướng Nê-ru phát ra từ Niu Đê-li là một sự kiện có ý nghĩa lịch sử. Năm nguyên tắc đó đã làm cơ sở phát triển thành 10 nguyên tắc của hội nghị các nước Á - Phi họp tại Băng-dung năm 1955. Chính phủ Ấn-độ đã góp phần quan trọng vào Hội nghị Băng-dung và hội nghị này được xem là tiền đề cho phong trào các nước không liên kết sau này.

Chính phủ Ấn-độ do cố Thủ tướng Nê-ru đứng đầu là một trong những chính phủ đầu tiên trên thế giới thực hiện chính sách không liên kết, không tham gia các khối quân sự xâm lược do chủ nghĩa đế quốc thực dân lập ra. Bà In-đi-ra Gan-đi tiếp tục sự nghiệp của cố Thủ tướng Nê-ru, cũng hướng chính phủ do bà đứng đầu vào cuộc đấu tranh nhằm gìn giữ phong trào các nước không liên kết đi đúng mục tiêu đề ra lúc ban đầu. (Điều này đã được chứng minh thêm ở hội nghị ngoại trưởng các nước không liên kết họp tại Niu Đê-li hồi đầu năm 1981).

Điều đáng chú ý là, do bối cảnh lịch sử của mình, những người lãnh đạo Ấn-độ đã sớm phát hiện ra chủ nghĩa bành trướng Bắc-kinh và chiến lược toàn cầu phản động của Trung-quốc. Trong cuộc họp mặt của giới trí thức và ngoại giao Ấn-độ thảo luận về chính sách của Ấn-độ đối với Trung-quốc tại thủ đô Niu Đê-li ngày 9-8-1980, ông K.R. Na-ry-a-nan, cựu đại sứ Ấn-độ tại Trung-quốc và là phó hiệu trưởng trường Đại học Nê-ru đã nhắc lại lời của cố Thủ tướng Nê-ru phát biểu năm 1963 về cuộc tiến công quân sự của Trung-quốc vào lãnh thổ Ấn-độ hồi cuối năm 1959 như sau: « Mục đích thật sự của Trung-quốc là huộc Ấn-độ đi vào một giải pháp chính trị làm cho các chính sách của Ấn-độ đổi hướng theo quỹ đạo chính sách toàn cầu của Trung-quốc. Nếu không, Trung-quốc sẽ sử dụng mọi sức ép có thể có đối với chính phủ Ấn-độ và gây ra tình trạng rối ren trong nội bộ Ấn-độ vì Trung-quốc coi Ấn-độ là trở lực chính trong kế hoạch thống trị toàn châu Á của họ ».

Ấn-độ cũng là nạn nhân của các cuộc « chinh phạt » do Trung-quốc gây ra, mà nhiều nhà trí thức Ấn-độ gọi một cách mỉa mai là « chiến tranh sư phạm » (*). Trong cuốn « Chính

(*) Guerre pédagogique.

sách đối ngoại của Ấn-độ^(*) (tác giả là một cựu bộ trưởng ngoại giao Ấn-độ) có đoạn viết: «...Sau chiến tranh năm 1962, một bộ trưởng ngoại giao nước ngoài thông báo cho tôi biết rằng nhà lãnh đạo tối cao của Trung-quốc có nhắn ông ta về nói lại với «các bạn Ấn-độ là nếu họ không chịu học bài (bài học của Trung-quốc «dạy» cho Ấn-độ) thì Trung-quốc sẽ cho họ học nữa, học thêm, học mãi».

Từng đau khổ vì những cuộc chiến tranh xâm lược và ngày nay đang bị những sức ép của bọn đế quốc từ phía Ấn-độ-dương, của bọn bành trướng Bắc-kinh từ phía bắc, và của các thế lực phản động ở Pa-ki-xtan, Băng-la-đét, nhân dân Ấn-độ rất thiết tha yêu chuộng hòa bình và mong có hòa bình để xây dựng đất nước. Thù hận nguyện vọng chính đáng đó. Thủ tướng In-đi-ra Gan-đi đã nói rõ: «...Xu thế chung của thế giới là hướng về hòa bình. Nhiệm vụ của Ấn-độ và của tất cả các nước yêu chuộng hòa bình là cùng phấn đấu làm giảm tình hình căng thẳng, tìm ra giải pháp cho các cuộc chiến tranh cục bộ và ngăn chặn một cuộc đụng độ mới trên phạm vi toàn cầu».

Đi theo đường lối đối ngoại phục vụ hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc, nước Cộng hòa Ấn-độ tất nhiên có quan hệ tốt và hợp tác kinh tế ngày càng rộng với các nước thiết tha yêu chuộng và kiên quyết bảo vệ hòa bình, trong đó có Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa khác và các nước dân chủ tiến bộ.

Với tầm vóc to lớn, tiềm năng dồi dào, số dân đông đảo và với vị trí chiến lược quan trọng, với chính sách đối ngoại tích cực, nước Cộng hòa Ấn-độ vĩ đại là nhân tố quan trọng góp phần xây dựng hòa bình, ổn định và hữu nghị trong khu vực châu Á nói riêng và trên toàn thế giới nói chung.

Con đường dài của tình hữu nghị Ấn-độ—Việt-nam.

Nhân dân hai nước Việt-nam và Ấn-độ vốn có quan hệ hữu nghị tốt đẹp, bền vững, lâu đời.

Hơn hai nghìn năm trước, sau khi đức Thích-Ca nhập thiên tại gốc cây bồ đề ở chùa Hang phía Tây Can-cút-ta, nhiều nhà sư Ấn-độ đã sang truyền giáo ở các nước Đông Nam châu Á, trong đó có ba nước Đông-dương. Đạo Phật, với thuyết «từ bi, bác ái, cứu khổ chúng sinh» và tư tưởng về «nhân quả», đã được nhân dân ta tiếp thu một cách sáng tạo, phù hợp với phong cách và tâm hồn của dân tộc Việt-nam, biến thành: «thương người như thể thương thân», «người trong một nước phải thương nhau cùng», «ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ»—một phần của nền đạo lý của dân tộc ta.

Sau đó, nhiều người lao động Ấn-độ đã sang ta làm ăn, sinh sống. Trong một thời gian dài, số người Việt gốc Ấn hay là kiều dân Ấn-độ chung sống hòa hiếu với nhân dân ta.

Đầu thế kỷ này, khi nhân dân các nước thuộc địa, nửa thuộc địa và nửa phong kiến, các nước lệ thuộc bắt đầu thức tỉnh và tìm đường cứu nước, các vị lãnh đạo của Việt-nam và Ấn-độ đã sớm gặp nhau, cùng hoạt động cho phong trào độc lập của nhân dân các nước châu Á, châu Phi. Nét nổi bật của mối quan hệ này là tình bạn vĩ đại của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh và những bạn chiến đấu kế tục sự nghiệp của Người với ba thế hệ Nê-ru nối tiếp nhau dẫn dắt Ấn-độ trên con đường đấu tranh cho độc lập và xây dựng đất nước. Về chuyến đi cùng với bố là Thủ tướng Nê-ru sang thăm Việt-nam năm 1951, bà In-đi-ra nói: «Đối với bố tôi, đây là sự tiếp tục tình bạn với Chủ tịch Hồ-Chí-Minh từ năm 1926; đối

(*) Nhà xuất bản Xô-mai-ia PVT Ltd Bom-bay — Niu Đê-li, phát hành năm 1979.

với tôi, đây là một chuyến đi để lại những ấn tượng sâu sắc...»

Vào những năm 50, Ấn-độ là nước đầu tiên trong thế giới thứ ba, sau các nước xã hội chủ nghĩa, đã sớm công nhận nước Việt-nam dân chủ cộng hòa và làm nghĩa vụ quốc tế của mình trong Ủy ban kiểm soát và giám sát quốc tế việc thi hành Hiệp nghị Giơ-ne-vơ về Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia.

Thủ tướng Ấn-độ Gia-oa-hác-lan Nê-rù là vị đứng đầu chính phủ đến Hà-nội đầu tiên khi miền Bắc nước ta vừa mới được giải phóng sau chiến thắng Điện-biên-phủ.

Trong thời gian nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thì phong trào nhân dân Ấn-độ chống Mỹ xâm lược Việt-nam diễn ra rất sôi nổi. Ấn-độ cũng đã công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt-nam.

Khi nước ta bị tập đoàn bành trướng Bắc-kinh tiến công xâm lược, Ấn-độ là một trong những nơi đã vang lên mạnh mẽ khẩu hiệu «không được đụng đến Việt-nam!», và là một trong những nước có sự hợp tác, giúp đỡ quý báu về kinh tế, khoa học kỹ thuật đối với ta.

Việc chính phủ Ấn-độ sớm công nhận chính quyền cách mạng Cam-pu-chia do Chủ tịch Heng Xom-rin đứng đầu có tầm quan trọng và ý nghĩa lớn, không những đối với nhân dân Cam-pu-chia mà còn đối với cả nhân dân Việt-nam và nhân dân Lào.

Chính sách của chính phủ Ấn-độ đối với khu vực Nam Á và Đông Nam Á cũng thể hiện sự hợp tình, hợp lý, tôn trọng chủ quyền độc lập, lợi ích hòa bình và ổn định trong khu vực, chống lại sự can thiệp, xâm lược, bành trướng của chủ nghĩa bá quyền đại dân tộc: «Chúng tôi mong muốn các nước Nam và Đông Nam Á giải quyết những vấn đề giữa họ với nhau thông qua đối thoại». Chủ trương

này được sự hoan nghênh của nhân dân Việt-nam ta cũng như nhân dân nhiều nước khác.

Con đường hữu nghị giữa nhân dân hai nước Ấn-độ - Việt-nam quả là một con đường dài, vững bền và ngày càng rộng mở. Cơ sở của tình hữu nghị đó, như Thủ tướng In-đi-ra Gan-đi nhận xét, là «Nhân dân Ấn-độ có nhiều tình cảm tốt đẹp và sự khâm phục đối với nhân dân Việt-nam. Chúng tôi ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam vì độc lập tự do và thống nhất đất nước... Chuyến đi thăm Ấn-độ của Thủ tướng Phạm-Văn-Đổng năm 1980 đã củng cố những mối quan hệ chân thành và hữu nghị sẵn có giữa hai nước chúng ta... Tôi hy vọng hai nước chúng ta luôn luôn sát cánh với nhau trong sự nghiệp hòa bình và hữu nghị quốc tế».

Lời của Thủ tướng In-đi-ra Gan-đi phản ánh tình cảm và ý nguyện của nhân dân Ấn-độ. Khắp các bang Ấn-độ, chúng ta có thể nghe một ý kiến khá phổ biến như sau:

«Việt-nam không phải chỉ là tên gọi một nước. Việt-nam đã trở thành một tình từ gợi lên sự xúc động sâu sắc cho tất cả những ai mong muốn độc lập tự do, khâm phục sự dũng cảm tuyệt vời; cho tất cả những ai biết yêu nước, chuộng đạo lý, bảo vệ nhân phẩm. Việt-nam đã trải qua những thử thách lớn nhất, đã đánh bại sự xâm lược của những kẻ thù to lớn và hung bạo nhất. Lẽ ra, đó là bài học tốt cho những kẻ có mưu đồ đen tối. Tiếc thay, còn có người vẫn chưa rút ra kinh nghiệm...»⁽¹⁾

Tình cảm tốt đẹp của nhân dân và chính sách đối ngoại của chính phủ hai nước là cơ sở của tình hữu nghị vững bền Ấn-độ - Việt-nam. Tình hữu nghị đó đã được thử thách, chỉ có thể ngày càng phát triển tốt đẹp.

(1) Những câu in nghiêng trong ngoặc kép trong bài này đều trích lời của thủ tướng In-đi-ra Gan-đi trả lời phỏng vấn của tác giả bài này ngày 9-4-1981 tại Niu Đê-li.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ

№ 9 — 1981 г.

ЧЫОНГ ТИНЬ — Конституция народа — победителя. ★★ ★ Надлежащим образом провести конференции партийных организаций всех уровней. **Г. ИОРДАНОВ** — Звезда на вершине Бузлуджа. **ХОАНГ ВАН ТХАЙ** — Глобальная стратегия революционной войны Вьетнама одержала победу над американскими агрессорами. **ДОАН ЧОНГ НЬЯ** — Три экономических интереса при социализме. **ХА СУАН ЧЫОНГ** — Борьба на художественно — культурном фронте в переходный период. **ВАН ТАО** — Торжество марксизма — ленинизма в исторических науках Вьетнама. **ТХАО ХИЕН** — О близком братском Лаосе. **ЛЫУ КЮИ КИ** — Индия — важный фактор мира, стабильности в Азии и во всем мире.

REVIEW OF COMMUNISM № 9 — 1981

TRƯỜNG-CHINH — The Constitution of the victorious people. ★★ ★ — Hold successful congresses of Party organizations at all levels. **G. IORDANOV** — The Star over Buzludja. **HOÀNG-VĂN-THÁI** — The overall strategy of the Vietnamese revolutionary war which defeated the American aggressors. **ĐOÀN-TRỌNG-NHÃ** — The three economic interests in socialism. **HÀ-XUÂN-TRƯỜNG** — The struggle on the front of culture, literature and art in the period of transition. **VĂN-TẠO** — The successes of Marxism-Leninism in Vietnamese historical science. **THAO-HIÊN** — Some traits of fraternal Laos. **LƯU-QUÝ-KỶ** — India: an important factor of peace and stability in Asia and the world.

REVUE DU COMMUNISME № 9 — 1981

TRƯỜNG-CHINH — La Constitution du peuple vainqueur. ★★ ★ — Mener à bien les conférences du Parti à divers échelons. **G. IORDANOV** — L'étoile au sommet du Bouzloudja. **HOÀNG-VĂN-THÁI** — La stratégie globale de la guerre révolutionnaire vietnamienne a vaincu les Américains agresseurs. **ĐOÀN-TRỌNG-NHÃ** — Les « trois intérêts économiques » dans le socialisme. **HÀ-XUÂN-TRƯỜNG** — La lutte dans le domaine de la culture et des arts au cours de la période de transition au socialisme. **VĂN-TẠO** — La victoire du marxisme — léninisme dans les sciences historiques au Vietnam. **THAO-HIÊN** — Aperçu sur le Laos frère. **LƯU-QUÝ-KỶ** — L' Inde: un important facteur de la paix et de la stabilité en Asie et dans le monde.

REVISTA DEL COMUNISMO № 9 — 1981

TRƯỜNG-CHINH — La Constitución del pueblo vencedor. ★★ ★ — Llevar a cabo óptimamente las Conferencias del Partido en todas las instancias. **G. IORDANOV** — La estrella en la cumbre de Buzludja. **HOÀNG-VĂN-THÁI** — La estrategia global de la guerra revolucionaria de Viet Nam vence a los agresores norteamericanos. **ĐOÀN-TRỌNG-NHÃ** — Los « tres intereses económicos » en el socialismo. **HÀ-XUÂN-TRƯỜNG** — La lucha cultural y artística en el período de transición al socialismo. **VĂN-TẠO** — La victoria del Marxismo-Leninismo en las ciencias históricas de Viet Nam. **THAO-HIÊN** — Ojeadas generales sobre el hermano país Lao. **LƯU-QUÝ-KỶ** — India: importante factor de la paz y la estabilidad en Asia y en el mundo.

LOAN PERIOD 1 28 DAYS	2	3
4	5	6

ALL BOOKS MAY BE RECALLED AFTER 7 DAYS

DUE AS STAMPED BELOW

FEB 26 1982

REC'D DD 10 7 1962

470

UNIVERSITY OF CALIFORNIA, BERKELEY

FORM NO. DD24, 5m, 1/82

BERKELEY, CA 94720

HA-XUAN-TRUONG - Đấu tranh văn hóa, văn nghệ trong thời kỳ
quá độ

TRƯƠNG-QUỐC-MINH - Qua cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hóa, tư tưởng ở thành phố Hồ-Chí-Minh

VĂN-TẠO - Thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong khoa học
lịch sử Việt-nam

NGUYỄN-THÀNH - Điềm qua các tạp chí của Đảng trong lịch sử

THẠO-HIỆN - Vài nét về nước Lào anh em thân thiết

LƯU-QUÝ-KỶ - Ấn-dộ: một nhân tố quan trọng của hòa bình, ổn định ở châu Á và trên thế giới

10

100

^a $\chi^2 = 6.07$, $p < .05$. ^b $\chi^2 = 8.91$, $p < .01$.

KỶ NIỆM LẦN THỨ 36 CÁCH MẠNG THÁNG TÁM
VÀ QUỐC KHÁNH 2-9 (1945 - 1981)

Tìm đọc :

HỒ - CHÍ - MINH TUYỂN TẬP - Tập I và tập II

HỒ - CHÍ - MINH TOÀN TẬP - Tập I và tập II

LÊ - DUÂN

Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam
(Tác phẩm chọn lọc - Tập I, tập II, tập III)

TRƯỜNG - CHINH

Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt-nam
(Tác phẩm chọn lọc - Tập I và tập II)

PHẠM - VĂN - ĐỒNG

Một số vấn đề về Nhà nước

BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG TRUNG ƯƠNG

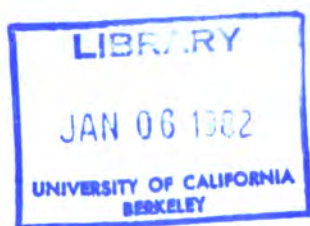
Cách mạng Tháng Tám (1945)
(In lần thứ tư có sửa chữa và bổ sung)



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM



10

10.1981

ST. JOHN'S COLLEGE, NEW YORK
JAN. 17, 1887

KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN TA



ON 20 năm qua, trong lửa đạn của chiến tranh, trong điều kiện kinh tế nước ta còn nghèo nàn, Đảng ta đã chăm lo phát triển khoa học và kỹ thuật, và đã đạt được những kết quả đáng kể.

Các ngành khoa học và kỹ thuật đã có những cống hiến quan trọng phục vụ sản xuất, đời sống và quốc phòng. Một đội ngũ đông đảo cán bộ khoa học, kỹ thuật và công nhân chuyên nghiệp có phẩm chất chính trị tốt, có trình độ chuyên môn ngày càng cao đã được hình thành, đang làm việc một cách dũng cảm, thông minh và sáng tạo ở khắp mọi lĩnh vực. Hệ thống các cơ sở nghiên cứu và thực nghiệm, hệ thống quản lý, hệ thống giáo dục, đào tạo về khoa học và kỹ thuật đã được xây dựng và bắt đầu phát huy tác dụng tích cực trên phạm vi cả nước. Sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật, trước hết với Liên-xô và các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, ngày càng mở rộng. Những thành tích bước đầu đó đã đặt những cơ sở rất quan trọng, tạo ra những thuận lợi rất cơ bản cho sự phát triển khoa học và kỹ thuật của nước ta.

Tuy nhiên, các hoạt động khoa học và kỹ thuật ở nước ta hiện nay chưa đạt được hiệu quả tương xứng với tiềm lực hiện có, chưa đáp ứng được những yêu cầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Những nhược điểm và thiếu sót trong phương hướng nghiên cứu và thực nghiệm của nhiều cán bộ khoa học và kỹ thuật, trong việc quản lý các hoạt động khoa học và kỹ thuật, trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ khoa học và kỹ thuật còn đang gây nên lãng phí sức người và sức của, hạn chế hiệu quả của các hoạt động khoa học và kỹ thuật, hạn chế luôn cả sự phát triển bản thân khoa học và kỹ thuật của nước ta.

Đề tạo ra một bước chuyển biến mới trong mọi hoạt động khoa học và kỹ thuật nhằm phục vụ thiết thực, có hiệu quả nhất công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, từng bước xây dựng thành công nền khoa học và kỹ thuật tiên tiến của nước ta, Bộ chính trị Trung ương Đảng đã ra nghị quyết về **chính sách khoa học và kỹ thuật** của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Chính sách khoa học và kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam cụ thể hóa đường lối phát triển khoa học và kỹ thuật của Đảng ta. Nó cụ thể hóa đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng ta trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật, đồng thời nó cũng là một bộ phận hợp thành của chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội của nước ta trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Xuất phát từ đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng, từ những tiền đề về cơ sở vật chất và kỹ thuật, tiềm lực khoa học và kỹ thuật hiện có và sẽ có, từ tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên, từ những đặc điểm và điều kiện về tự nhiên, xã hội và con người Việt-nam, từ khả năng hợp tác quốc tế, **chính sách khoa học và kỹ thuật** của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam đề ra những vấn đề rất quan trọng về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật của nước ta. Đó thực chất là một chiến lược phát triển và sử dụng khoa học và kỹ thuật phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta. Đó là một hệ thống các nhiệm vụ và mục tiêu, phương châm và nguyên tắc, những phương hướng cụ thể trong từng lĩnh vực khoa học và kỹ thuật và những biện pháp chủ yếu nhằm hướng mọi hoạt động khoa học và kỹ thuật phục vụ thiết thực, có hiệu quả các mục tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội trước mắt cũng như lâu dài, đồng thời xây dựng thành công nền khoa học và kỹ thuật tiên tiến của nước ta.

Nghị quyết của Bộ chính trị về **chính sách khoa học và kỹ thuật** là một công trình khoa học thể hiện tập trung tư duy của đồng bào các nhà khoa học ưu tú của cả nước. Đây là chính sách khoa học và kỹ thuật thống nhất, có hệ thống và tương đối hoàn chỉnh của nước ta. Thực hiện chính sách này sẽ chấm dứt thời kỳ phát triển khoa học và kỹ thuật một cách tự phát, tản mạn, và mở ra một thời kỳ phát triển mới, mạnh mẽ, có kế hoạch, có trọng điểm, có hiệu quả ngày càng cao của khoa học và kỹ thuật Việt-nam.



Để thực hiện tốt nghị quyết của Bộ chính trị về **chính sách khoa học và kỹ thuật**, điều có ý nghĩa quyết định là toàn Đảng, toàn dân, trước hết là các cấp lãnh đạo Đảng và Nhà nước từ trung ương đến địa phương và cơ sở, **nắm vững đường lối và nhiệm vụ của Đảng đề ra trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật**, nhận thức đầy đủ, sâu sắc vai trò động lực của khoa học, vị trí then chốt của cách mạng khoa học – kỹ thuật đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

« Đối với Mác, khoa học là một động lực thúc đẩy lịch sử tiến triển, là một động lực cách mạng » (1). Không có khoa học, kỹ thuật hiện đại, không có nền học vấn hiện đại « thì chủ nghĩa cộng sản vẫn chỉ là một nguyện vọng mơ thời » (2). Khoa học xã hội tiên tiến nhất trong thời đại ngày nay là chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Đảng ta và Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã vận dụng chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào hoàn cảnh nước ta, đề ra đường lối đúng đắn và sáng tạo, đưa cách mạng nước ta tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Từ lâu, Đảng ta cũng đã

(1) F. Ăng-ghen: «Điều vẫn trước mặt Các Mác». C. Mác và F. Ăng-ghen Tuyển tập, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tập 2, tr. 265.

(2) V. I. Lê-nin: Nhiệm vụ của Đoàn thanh niên, Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t. 41, tr. 364 – 365.

xác định vị trí then chốt của cách mạng khoa học kỹ thuật. Tại Đại hội thứ IV, khi đề ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã xác định một luận điểm quan trọng. "Tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt". Đảng ta thường nhắc nhở cán bộ và đảng viên phải luôn luôn kết hợp chặt chẽ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật để nâng cao hiệu quả của hoạt động khoa học và kỹ thuật, để sử dụng sức mạnh tổng hợp của khoa học nhằm thực hiện những mục tiêu cụ thể, những nhiệm vụ cấp bách trước mắt và lâu dài của sản xuất, đời sống và quốc phòng.

Nước ta còn nghèo, lại càng phải đẩy mạnh công tác khoa học và kỹ thuật. Từ một nền sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, chúng ta càng phải suy nghĩ, sáng tạo, tìm những cách thức và bước đi khoa học nhất, thiết thực nhất với hoàn cảnh cụ thể của nước ta. Khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, tất cả các lĩnh vực khoa học đều phải đóng góp và có nhiều khả năng đóng góp vào công việc có ý nghĩa to lớn này. Khoa học và kỹ thuật theo đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng phải phục vụ tốt nhất sự nghiệp xây dựng **chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa** và công cuộc **công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa** —, nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội —, nhằm xây dựng nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Trong những năm trước mắt, khoa học và kỹ thuật phải phục vụ nhiệm vụ hàng đầu là phát triển vượt bậc nền **sản xuất nông nghiệp toàn diện** của nước ta, phát huy được các thế mạnh của đất nước về lao động, đất đai, tài nguyên thiên nhiên nhiệt đới, từng bước xây dựng nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ cấu nông — công nghiệp ở huyện, giải quyết tốt vấn đề bức thiết là lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu; phát triển mạnh mẽ các ngành công nghiệp nhẹ; xây dựng có trọng điểm một số cơ sở mới và sử dụng tốt những cơ sở đã có của công nghiệp nặng và giao thông vận tải, nhằm thúc đẩy nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và xuất khẩu, chuẩn bị cho bước phát triển mạnh mẽ về sau của nền kinh tế quốc dân.

«Khoa học và kỹ thuật cần tập trung nghiên cứu các quy luật phát triển của tự nhiên, xã hội và con người Việt-nam, các mối quan hệ quốc tế, nhằm góp phần phát huy đầy đủ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, xây dựng quan hệ sản xuất mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tộc quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa» (3).

Khoa học và kỹ thuật phải ở trong đời sống; đời sống không thể thiếu khoa học và kỹ thuật. Thực tế sản xuất hàng ngày của mỗi người lao động nước ta đòi hỏi sự đóng góp tích cực của khoa học và kỹ thuật. Sử dụng tiến bộ khoa học — kỹ thuật phải là biện pháp hàng đầu để **nâng cao năng suất lao động xã hội, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế**. Ngày nay, không thể có được một chiến lược hoàn chỉnh về phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội nếu thiếu một bộ phận hợp thành của nó là chiến lược phát triển và sử dụng khoa học và kỹ thuật tương ứng. Cũng như vậy, mỗi cơ sở sản xuất,

(3) Tất cả những câu dẫn không ghi xuất xứ đều trích từ nghị quyết của Bộ chính trị ngày 20-4-1981 Về chính sách khoa học và kỹ thuật.

mỗi ngành, mỗi địa phương không thể nào hoàn thành tốt kế hoạch Nhà nước của mình nếu không gắn liền nó với kế hoạch khoa học và kỹ thuật tương ứng.

Cho nên, theo quan điểm của Đảng ta, cách mạng và khoa học phải luôn luôn gắn liền với nhau. Chỉ khi nào mọi hành động cách mạng được tiến hành trên cơ sở khoa học thì thắng lợi của chủ nghĩa xã hội mới được bảo đảm chắc chắn. Cần chấm dứt tình trạng các cấp lãnh đạo Đảng coi nhẹ khoa học và kỹ thuật, còn cán bộ khoa học và kỹ thuật thì thiếu hiểu biết về các nhiệm vụ kinh tế và xã hội. Trên cơ sở nắm thật vững đường lối và nhiệm vụ của Đảng đề ra trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật, nhận thức đầy đủ và sâu sắc vai trò động lực của khoa học, vị trí then chốt của cách mạng khoa học - kỹ thuật, cán bộ khoa học và kỹ thuật thật sự gắn liền công tác của mình với sản xuất và đời sống, các cấp ủy Đảng « thật sự coi khoa học và kỹ thuật là một trong những nội dung lãnh đạo chủ yếu của mình », « thể hiện bằng hành động sự thống nhất chặt chẽ giữa cách mạng và khoa học, khoa học và cách mạng trong thực tiễn », chắc chắn chúng ta sẽ tạo ra một bước chuyển biến lớn trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất, ổn định và từng bước nâng cao đời sống của nhân dân, củng cố và tăng cường sức mạnh quốc phòng của nước ta.



Phát huy cao nhất tiềm lực của đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật, của hệ thống tổ chức và cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có là yêu tố quyết định để thực hiện được những mục tiêu của chính sách khoa học và kỹ thuật hiện nay.

Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ cho hợp lý mới phát huy được hết khả năng của từng người và tiềm lực của toàn đội ngũ. Vấn đề cấp bách hiện nay là tiến hành ngay việc kiểm kê đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật hiện có; bố trí và sử dụng hợp lý, đào tạo và bồi dưỡng theo một quy hoạch cân đối và đồng bộ; mạnh dạn giao việc cho cán bộ trẻ, bồi dưỡng những cán bộ đầu đàn, những chuyên gia giỏi; phát hiện và coi trọng những nhân tài của đất nước; nhanh chóng hình thành những tập thể đồng bộ đủ khả năng giải quyết những vấn đề khoa học và kỹ thuật quan trọng và quyết định nhất.

Đồng thời, chúng ta cần kiện toàn hệ thống các cơ quan nghiên cứu và triển khai bao gồm Viện hàn lâm khoa học, các viện nghiên cứu của các ngành, các trường đại học và các trạm, trại thực nghiệm, trên nguyên tắc phân công hợp lý theo chức năng và nhiệm vụ đã định, nhằm bảo đảm linh động bộ từ nghiên cứu cơ bản đến triển khai vào sản xuất.

Trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, trình độ kỹ thuật sản xuất còn thấp kém, chúng ta càng phải chú trọng đầu tư thích đáng cho các hoạt động khoa học và kỹ thuật, cho công tác đào tạo cán bộ khoa học, kỹ thuật và công nhân lành nghề. Tập trung đầu tư một cách có trọng điểm, bảo đảm cho toàn bộ quá trình nghiên cứu, triển khai được thông suốt, đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào sản xuất, tạo ra được một sự chuyển biến lớn trong việc nâng cao hiệu quả kinh tế của hoạt động khoa học và kỹ thuật, thì việc đầu tư cho khoa học và kỹ thuật trong thực tế trở thành hướng đầu tư có lợi nhất cho nền kinh tế quốc dân.

Bảo đảm vật tư, thiết bị cho công tác nghiên cứu khoa học và kỹ thuật, phát triển công tác thông tin khoa học và kỹ thuật, tăng cường hợp tác quốc tế

đều là những yêu cầu bức thiết đối với sự nghiệp phát triển khoa học và kỹ thuật.

Đề phát huy cao nhất tiềm lực khoa học và kỹ thuật hiện có, cần **cải tiến quản lý khoa học và kỹ thuật**, từ cải tiến một cách cơ bản công tác kế hoạch hóa khoa học và kỹ thuật đến xây dựng những chế độ và chính sách tích cực thúc đẩy các hoạt động khoa học và kỹ thuật, gắn chặt khoa học và kỹ thuật với sản xuất và đời sống hằng ngày, từ phát động những phong trào quần chúng rộng rãi tiến quân vào mặt trận khoa học và kỹ thuật đến kiện toàn hệ thống các cơ quan quản lý khoa học và kỹ thuật thống nhất trong phạm vi cả nước.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động đối với khoa học và kỹ thuật là những nhân tố bảo đảm chắc chắn cho thắng lợi của mọi hoạt động khoa học và kỹ thuật, của sự nghiệp phát triển khoa học và kỹ thuật của nước ta, trong đó **sự lãnh đạo của Đảng bao giờ cũng là nhân tố quyết định**.

Các cấp ủy Đảng tự mình phải thấu suốt và làm cho chính quyền các cấp, các tổ chức quần chúng, từng cán bộ, đảng viên, đoàn viên, mỗi người lao động, mỗi chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân thấu suốt tư tưởng chỉ đạo của toàn bộ nghị quyết về **chính sách khoa học và kỹ thuật** này là: **phát huy mạnh mẽ vai trò động lực của khoa học, vai trò then chốt của cách mạng khoa học - kỹ thuật, kết hợp cách mạng khoa học - kỹ thuật với tinh ưu việt của chủ nghĩa xã hội**, của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, làm cho khoa học thật sự trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp; phục vụ đắc lực sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Trên cơ sở đó, tạo nên một bước chuyển biến mạnh mẽ trong tư tưởng và hành động đối với công tác khoa học và kỹ thuật.

Các cấp ủy Đảng cần nêu cao quyết tâm, tìm ra những biện pháp lãnh đạo có hiệu quả làm cho các hoạt động khoa học và kỹ thuật được tiến hành có kế hoạch, có trọng điểm, có chất lượng và hiệu quả kinh tế, chỉ đạo việc tổng kết và phổ biến rộng rãi các điển hình tiên tiến, đưa nhanh các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, đời sống và quốc phòng.

Các cấp ủy Đảng có trách nhiệm chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật có phẩm chất, có năng lực, trung thực, đoàn kết, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc.

Các cấp ủy Đảng còn có nhiệm vụ kiện toàn tổ chức, nhanh chóng đưa công tác quản lý khoa học và kỹ thuật vào nề nếp, v.v.

Thấu suốt tinh thần nghị quyết của Bộ chính trị về **chính sách khoa học và kỹ thuật**, thực hiện lời dạy của Hồ Chủ tịch "Khoa học phát từ sản xuất mà ra và phải trở lại phục vụ sản xuất, phục vụ quần chúng, **nhằm nâng cao năng suất lao động và không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân**, bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi" (4), chúng ta nhất định sẽ phát huy được sức mạnh sáng tạo của khoa học và kỹ thuật kết hợp với tinh ưu việt của chủ nghĩa xã hội, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng thành công nền khoa học và kỹ thuật tiên tiến của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam xứng đáng với dân tộc Việt-nam anh hùng.

(4) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*, NXB Sự thật, Hà-nội, 1980, tập 2, tr. 291.

KIỆN QUYẾT ỦNG HỘ NHÂN DÂN BA-LAN ĐẤU TRANH BẢO VỆ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC



Ừ hơn một năm nay, trên đất nước Ba-lan anh em đã và đang diễn ra một cuộc khủng hoảng sâu sắc nhất, trầm trọng nhất trong lịch sử xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước này. Cuộc khủng hoảng ấy, đến tháng 9 vừa qua đã phát triển tới một đỉnh cao mới, uy hiếp nghiêm trọng vận mệnh của chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc của Ba-lan, đồng thời đe dọa cộng đồng xã hội chủ nghĩa, đe dọa hòa bình ở châu Âu và trên thế giới.

Với sự giúp đỡ của các nước đế quốc, đặc biệt là đế quốc Mỹ và Cộng hòa liên bang Đức, các thế lực phản động Ba-lan, từ hơn một năm nay, đã phát động và tiến hành *một cuộc phản cách mạng* nhằm mục đích cướp chính quyền, thủ tiêu mọi thành quả xã hội chủ nghĩa của nhân dân Ba-lan, tách Ba-lan ra khỏi cộng đồng xã hội chủ nghĩa, làm thay đổi so sánh lực lượng ở châu Âu và trên thế giới theo hướng có lợi cho chúng.

Lợi dụng những sai lầm, khuyết điểm của Đảng công nhân thống nhất Ba-lan trên nhiều lĩnh vực công tác đối nội và đối ngoại, và lợi dụng những nguyện vọng chính đáng của nhân dân Ba-lan mong muốn có sự «đổi mới xã hội chủ nghĩa», bọn phản động Ba-lan vờ vĩnh tán thành «đổi mới» nhưng thật ra là chúng

muốn đổi mới theo hướng thủ tiêu những cơ sở của chủ nghĩa xã hội ở Ba-lan, lái nước Ba-lan quay lại con đường tư bản chủ nghĩa đầy đau khổ.

Rút kinh nghiệm thất bại ở Hung-ga-ri năm 1956 và ở Tiệp-khắc năm 1968, bọn đế quốc phối hợp với bọn phản động Ba-lan đề ra một cương lĩnh đấu tranh gồm ba giai đoạn, thực hiện chiến thuật phản cách mạng «leo dần lên» bằng những thủ đoạn tinh vi và xảo quyệt. Điều này thể hiện rất rõ trong «cương lĩnh» của Ủy ban bảo vệ công nhân (KOR) — một tổ chức phản cách mạng ở Ba-lan, có quan hệ chặt chẽ với Cục tình báo trung ương Mỹ (CIA) và những cơ quan gián điệp các nước đế quốc khác, với công đoàn phản động AFL — CIO ở Mỹ, và với nhiều tổ chức phản động khác ở Tây Âu.

«Cương lĩnh» của KOR chia toàn bộ hoạt động của KOR thành ba giai đoạn để đạt tới mục đích thủ tiêu chế độ xã hội chủ nghĩa ở Ba-lan.

Giai đoạn thứ nhất là biến «công đoàn Đoàn kết» (một tổ chức quần chúng do chúng lập ra vào mùa hè năm 1980 ở Ba-lan) thành cơ sở chủ yếu của KOR và chịu ảnh hưởng của KOR, làm cho hoạt động công đoàn mang tính chất chính trị và biến «công đoàn Đoàn kết» thành một lực lượng chống chính phủ.

Giai đoạn thứ hai là giai đoạn mở rộng lĩnh vực hoạt động chống đối. Trong giai đoạn này, KOR gắng làm suy yếu và chia rẽ Đảng công nhân thống nhất Ba-lan và bộ máy Nhà nước Ba-lan, làm mất uy tín các nhà lãnh đạo của Đảng và Nhà nước hồng thay thế họ. Đồng thời KOR sẽ biến « công đoàn Đoàn kết » thành một tổ chức chính trị độc lập, duy trì tình hình căng thẳng ở trong nước, « trung lập hóa » và « làm mất tinh thần » quân đội. KOR còn đề ra một nhiệm vụ đặc biệt của giai đoạn này là chiếm lấy những vị trí xung yếu trong các phương tiện thông tin đại chúng, sử dụng những phương tiện ấy vào những mục đích phản cách mạng.

Giai đoạn thứ ba là giai đoạn trực tiếp nắm lấy chính quyền, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa, tách Ba-lan ra khỏi cộng đồng xã hội chủ nghĩa, đưa Ba-lan trở lại chế độ tư sản thân phương Tây.

Bằng những thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt kết hợp với những thủ đoạn trắng trợn bỉ đĩ nhất, vừa lừa bịp dụ dỗ, mua chuộc, vừa đe dọa, gây bầu không khí sợ hãi, khủng bố, bòn cầm đầu KOR và những nhóm phản động khác trong « công đoàn Đoàn kết » như: Ủy ban tự vệ xã hội (KOS), Liên minh Ba-lan độc lập (KPN), đã thực hiện được về cơ bản những nhiệm vụ đề ra cho giai đoạn thứ nhất và giai đoạn thứ hai nói trên. Chúng đã lôi kéo được hàng triệu quần chúng công nhân tham gia « công đoàn Đoàn kết » với hy vọng ngày thơ rằng « công đoàn Đoàn kết » sẽ giúp họ đấu tranh cho sự « đổi mới xã hội chủ nghĩa ». Dùng bài công làm vũ khí lợi hại, chúng đã buộc được Chính phủ Ba-lan phải lùi hết bước này đến bước khác, đổ lỗi cho Đảng và Chính phủ Ba-lan về tình trạng kinh tế suy sụp và đời sống nhân dân ngày càng khó khăn. Chúng đã tiến công, đánh đổ được nhiều

cán bộ, đảng viên chân chính của Đảng — những người một lòng trung thành với chủ nghĩa xã hội và nền độc lập của Ba-lan, trung thành với nghĩa vụ quốc tế của Ba-lan trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới. Chúng đã làm suy yếu ở mức độ nhất định quân đội và công an — những bộ phận trung kiên của chế độ xã hội chủ nghĩa. Chúng đã biến được « công đoàn Đoàn kết » thành một tổ chức chính trị đối lập, đồng thời tổ chức và nắm được cái gọi là « công đoàn Đoàn kết của nông dân cá thể » mà thực chất là một tổ chức chính trị của bọn phản động ở nông thôn, và nắm « công đoàn sinh viên độc lập », tất cả gồm tới trên 12 triệu đoàn viên. Và chúng cũng đã nắm được một bộ phận quan trọng các phương tiện thông tin đại chúng, sử dụng những phương tiện này để tiến công Đảng và Nhà nước Ba-lan, theo đúng kế hoạch ghi trong cương lĩnh của « công đoàn Đoàn kết ».

Trên cơ sở những « thành tựu » đó, bọn phản động cực đoan trong « công đoàn Đoàn kết » công khai xúc tiến âm mưu cướp chính quyền ở Ba-lan. Một lãnh tụ của « công đoàn Đoàn kết » trong phiên họp ngày 7-9 của đại hội « công đoàn Đoàn kết » ở Gdanh đã nói với các đại biểu dự đại hội rằng « lúc này chúng ta đang bước vào một cuộc chiến đấu mới và cần những tướng tài ». Y còn nói trong buổi bế mạc đại hội rằng « Chúng ta có một cơ hội để tạo ra một nước Ba-lan mà tổ tiên chúng ta hằng mơ ước ». Ấn ý của y đã được chính một lãnh tụ của KOR nói toạc ra: « Chế độ cộng sản ở Ba-lan sẽ sụp đổ... « công đoàn Đoàn kết » sẽ đi đầu trong việc lấp chỗ trống về quyền lực ở Ba-lan (UPI-Vác-sa va 16-9-1981).

Như vậy là hoàn toàn rõ ! Giai đoạn đầu đại hội « công đoàn Đoàn kết » họp ở Gdanh từ 5 đến 10-9 vừa qua, là một cái mốc quan trọng đánh dấu

sự chuyển biến của quá trình phản cách mạng ở Ba-lan sang giai đoạn quyết định – giai đoạn cướp chính quyền nhằm thủ tiêu chế độ xã hội chủ nghĩa ở Ba-lan. Đúng như Bộ chính trị Trung ương Đảng công nhân thống nhất Ba-lan đã nhận định trong tuyên bố ngày 16-9: « Tại đại hội ở Gdanh, đường lối nhằm thành lập một tổ chức đối lập công khai đề ra mục tiêu cướp chính quyền và thay đổi chế độ chính trị xã hội ở Ba-lan, đã thắng thế ». Và « điều đó xảy ra do hoạt động của những kẻ có quan hệ với các trung tâm phá hoại Ba-lan xã hội chủ nghĩa ở phương Tây, với các phe phái cực hữu trong phong trào công đoàn mà từ đó chúng nhận được sự giúp đỡ tài chính và kỹ thuật ».

Đại hội « công đoàn Đoàn kết » ở Gdanh đã chấp nhận một xu hướng đối địch có nguy cơ gây ra đổ máu ở Ba-lan. Những nghị quyết mà đại hội đó thông qua đã chia vào những cơ sở của chủ nghĩa xã hội, chia vào Quốc hội là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất ở Ba-lan. Đại hội Gdanh còn trắng trợn ra « lời kêu gọi nhân dân các nước Đông Âu », khiêu khích các nước đồng minh của Ba-lan. Đặc biệt là cũng trong thời gian này, một chiến dịch diễn biến cuồng chống Liên-xô đã được đẩy mạnh đến mức nguy hiểm. Rất dễ thấy rằng, làn sóng chống Liên-xô là một mặt biểu hiện rất quan trọng của quá trình phản cách mạng ở Ba-lan, bởi vì nó chia vào một nước đồng minh hùng mạnh nhất của Ba-lan, một bảo đảm vững chắc cho sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc của Ba-lan.

Trong những ngày cuối tháng 9 và đầu tháng 10-1981, « công đoàn Đoàn kết » tiến hành giai đoạn hai đại hội ở Gdanh; trong đại hội này, bọn phản động cực đoan trong « công đoàn Đoàn kết » hung hăng kêu gọi đấu tranh cho « quyền tự quản » của công

nhân, coi đó là một « cái búa » mở đường cho các lực lượng chống chủ nghĩa xã hội lấn tới. Rõ ràng, bọn phản động ở Ba-lan không chịu dừng bước trước những lời cảnh cáo của Đảng và Chính phủ Ba-lan, trái lại chúng tiếp tục đẩy làn sóng phản cách mạng tiến tới. Thủ đoạn của những phần tử phản động cực đoan trong « công đoàn Đoàn kết » tuyên bố giải tán các nhóm phản cách mạng chỉ là một sách lược đối trá hòng lừa bịp nhân dân !.

Đứng trước những hoạt động phản cách mạng ngày càng lộ liễu của bọn phản động trong « công đoàn Đoàn kết », ngày càng nhiều người trong công nhân và nhân dân Ba-lan thấy rõ chân tướng của chúng. Hàng chục vạn công nhân đã rời bỏ « công đoàn Đoàn kết » để chuyển sang gia nhập các tổ chức công đoàn ngành do Đảng công nhân thống nhất Ba-lan lãnh đạo. Trong nội bộ Đảng và nhân dân Ba-lan, những tiếng nói đòi trừng trị bọn phản cách mạng ngày càng phát triển.

Thể hiện nguyện vọng chung đó của những người cộng sản và nhân dân Ba-lan, Bộ chính trị Trung ương Đảng công nhân thống nhất Ba-lan đã ra lời kêu gọi « Hãy đấu tranh chống lại chính sách phiêu lưu, chống lại việc kích động đấu tranh cướp chính quyền và những mưu toan xóa bỏ Nhà nước xã hội chủ nghĩa ». Bộ chính trị Đảng công nhân thống nhất Ba-lan còn nhấn mạnh: « Chúng ta sẽ bảo vệ chủ nghĩa xã hội như bảo vệ nền độc lập Ba-lan. Để thực hiện điều đó, Nhà nước sử dụng mọi phương tiện mà tình hình đòi hỏi ».

Là những người bạn trung thành của Đảng và nhân dân Ba-lan anh em, Đảng và nhân dân Việt-nam chúng ta từ lâu đã chăm chú theo dõi sự phát triển của tình hình Ba-lan. Chúng ta lo ngại trước đà tiến hung hăng của bọn phản cách mạng ở Ba-lan và chúng ta vui mừng khi thấy rằng

những người trong Đảng và nhân dân Ba-lan đang kiên quyết đấu tranh chặn đứng làn sóng phản cách mạng ở Ba-lan.

Cùng với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, nhân dân Việt-nam chúng ta kiên quyết ủng hộ cuộc đấu tranh gian khổ nhưng tất thắng của Đảng và nhân dân Ba-lan chống lại bọn phản động. Trong diễn văn đọc tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VII nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam ngày 26-6-1981, đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng ta đã nói: « Chúng ta bày tỏ sự ủng hộ chân thành đối với cuộc đấu tranh của Đảng công nhân thống nhất Ba-lan, của những người cộng sản và nhân dân Ba-lan, chống lại các thế lực phản động nhằm tập tẩn kế hoạch phản cách mạng của chúng, bảo vệ thành quả cách mạng và những lợi ích sống còn của nước Ba-lan xã hội chủ nghĩa. Chúng ta khẳng định tình đoàn kết mạnh mẽ với những người cộng sản và nhân dân Ba-lan anh em. Chúng ta tin chắc rằng những người

cộng sản và nhân dân Ba-lan, được sự giúp đỡ của Liên-xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, sẽ giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh khó khăn và phức tạp này ».

Niềm tin ấy của Đảng ta là có căn cứ vững chắc. Bởi vì giai cấp công nhân và nhân dân Ba-lan có truyền thống cách mạng lâu dài, lại được sự giúp đỡ hết lòng của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Được cõ vũ bởi lời tuyên bố của đồng chí Brê-giơ-nép, Tổng bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên-xô tại Đại hội thứ 26 của Đảng cộng sản Liên-xô: « chúng ta sẽ không để cho nước Ba-lan xã hội chủ nghĩa bị xâm phạm, chúng ta sẽ không bỏ rơi một nước anh em trong hoạn nạn », những người cộng sản và nhân dân Ba-lan nhất định sẽ đập tan được những hoạt động phản cách mạng của kẻ thù, bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa ở Ba-lan, giữ cho nước Ba-lan xã hội chủ nghĩa mãi mãi là một thành viên đáng tin cậy của cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới.

XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN CHO SỰ NGHIỆP BẢO VỆ TỔ QUỐC

Thượng tướng **LÊ - TRỌNG - TẤN**

I - MỘT VẤN ĐỀ CHIẾN LƯỢC CỦA CÔNG CUỘC QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN

Đại hội đại biểu toàn quốc thứ IV của Đảng đã nêu rõ: « Đi đôi với xây dựng đất nước về mọi mặt, phải ra sức xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng công nghiệp quốc phòng, bảo đảm cho đất nước sẵn sàng đánh bại mọi cuộc tiến công của bọn xâm lược » (1).

Nghiêm chỉnh thi hành nghị quyết của Đại hội, nhân dân và quân đội ta đã giành được thắng lợi có ý nghĩa lịch sử hết sức to lớn: đánh bại hai cuộc chiến tranh xâm lược do bọn bành trướng Bắc-kinh chủ mưu và trực tiếp gây ra. Qua hai cuộc chiến tranh này, bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh đã lộ mặt là kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm của nhân dân ta. Những tham vọng điên cuồng, những mưu đồ xấu xa và những thủ đoạn nham hiểm của chúng đối với nước ta (và cả đối với Lào và Cam-pu-chia) đã phơi bày rõ ràng.

Hiện nay, được các thế lực hiếu chiến Mỹ phụ họa và tiếp tay, hằng ngày, hằng giờ bọn phản động Bắc-kinh tiến hành một kiểu chiến tranh phá hoại toàn diện hòng làm suy yếu nước ta. Chúng khiêu khích vũ trang, lấn chiếm, tiến hành chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp và chuẩn bị điều kiện tiến hành chiến tranh xâm lược quy mô lớn nhằm thôn tính nước ta. Vì vậy « Trong một thời gian lịch sử lâu dài, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải tiếp tục tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, quyết làm thất bại mọi âm mưu và hành động xâm lược của chủ nghĩa bành trướng, bá quyền Trung-quốc và các thế lực phản động quốc tế, góp phần vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới » (2).

(1) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 25.

(2) Lê-Duẩn: « Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân ». Diễn văn đọc tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VII. Tạp chí cộng sản số 7-1981.

Luôn luôn bảo đảm cho đất nước sẵn sàng chiến đấu là vấn đề sống còn của dân tộc ta. Đi đôi với xây dựng đất nước, chúng ta phải thường xuyên nâng cao cảnh giác, tăng cường củng cố quốc phòng, bảo đảm cho đất nước có lực lượng ngày càng mạnh, đủ sức đánh địch, thắng địch ngay từ đầu và trong bất cứ tình huống chiến tranh nào, bảo vệ có hiệu quả tính mệnh và tài sản của nhân dân, cuối cùng đánh thắng hoàn toàn quân xâm lược. Cuộc chiến tranh đó sẽ là một cuộc chiến tranh nhân dân, hiện đại bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Ngay từ đầu chiến tranh nhân dân địa phương và chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực chiến đấu hợp đồng quân binh chủng sẽ đạt đến quy mô lớn, bằng những phương tiện ngày càng hiện đại.

Các binh đoàn chủ lực, chính quy, hiện đại bao gồm nhiều quân chủng, binh chủng sẽ là lực lượng đánh địch những đòn quyết định, tiến lên cùng các lực lượng vũ trang nhân dân đập tan toàn bộ đội quân xâm lược. Lực lượng này cần được xây dựng thật hùng mạnh, đạt đến trình độ chính quy hiện đại ngày càng cao, tinh nhuệ và thiện chiến. Quân đội chính quy hiện đại, tác chiến hiệp đồng quân binh chủng đặt ra những yêu cầu rất cao đối với mỗi quân nhân về các mặt chính trị, tư tưởng, phẩm chất đạo đức, thể lực, kiến thức khoa học kỹ thuật quân sự, kỹ năng lao động chuyên nghiệp quân sự, tác phong chiến đấu. Trong thời bình, đội quân ấy không thể tổ chức theo đúng biên chế thời chiến. Cách tốt nhất, hợp lý nhất, ít tốn kém nhất là: lực lượng thường trực chỉ cần đạt đến một tổng số quân đủ, với chất lượng cao; đồng thời mỗi đơn vị cơ sở, mỗi ngành, mỗi địa phương đều xây dựng lực lượng dự bị hùng hậu sẵn sàng động viên theo đúng yêu cầu của quân đội. Lực lượng này bao gồm những quân nhân hết

hạn nghĩa vụ quân sự trong quân đội thường trực, đồng đảo trai tráng trong hạn tuổi do pháp luật quy định, được huấn luyện quân sự chu đáo, được quản lý chặt chẽ. Ngày thường họ là lực lượng sản xuất. Khi có lệnh họ chuyển thành cán bộ, chiến sĩ của những đơn vị quân đội đã được tổ chức, sắp xếp, rèn luyện từ trong thời bình, có thể đi chiến đấu được ngay.

Xây dựng quân đội chính quy hiện đại, có lực lượng thường trực mạnh, số lượng đủ, chất lượng cao, đồng thời tổ chức lực lượng dự bị động viên hùng hậu, được huấn luyện chu đáo, quản lý chặt chẽ là quán triệt và cụ thể hóa đường lối của Đảng về quốc phòng toàn dân, về vũ trang quân chủng, về kết hợp xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng trong giai đoạn cách mạng mới. Đường lối này bảo đảm cho đất nước vừa đầy mạnh xây dựng kinh tế vừa tăng cường củng cố quốc phòng, thường xuyên nâng cao trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu.

Xây dựng và quản lý tốt lực lượng dự bị động viên cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc là một vấn đề chiến lược trong quốc phòng toàn dân. *Đây là nhiệm vụ của toàn dân, của các ngành, các cấp trong bộ máy Nhà nước.* Chỉ riêng Bộ quốc phòng và quân đội thì không làm được.

II — NỘI DUNG, YÊU CẦU RẤT MỚI, RẤT CAO CỦA NHIỆM VỤ XÂY DỰNG, QUẢN LÝ LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ trước đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước ta đã đề ra nhiều hình thức động viên lực lượng của toàn dân xây dựng quân đội ngày càng lớn mạnh theo yêu cầu ngày càng cao của chiến tranh: chế độ tình nguyện, chế độ nghĩa vụ quân sự; bổ sung từ dưới lên như: dân quân tự vệ chuyển thành

bộ đội địa phương, bộ đội địa phương chuyên thành quân chủ lực... Những hình thức tổ chức động viên nhân lực cho quân đội nói trên đã phát huy tác dụng to lớn trong chiến tranh giải phóng. Những hình thức đó chỉ phù hợp với một quân đội đơn thuần chỉ có bộ binh phát triển từ phân tán đến tập trung, vừa chiến đấu vừa xây dựng. Với những hình thức này, lực lượng động viên chưa được chuẩn bị để tổ chức thành đơn vị. Những điều cần thiết về động viên chưa được thể chế hóa thành pháp luật buộc mọi người, mọi ngành, mọi cấp phải chấp hành. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ quân sự trong quân đội, cán bộ, chiến sĩ trở về vị trí sản xuất, công tác. Họ không được huấn luyện về quân sự. Vì vậy, khi cần động viên số đông chỉ này trở lại đội ngũ, chúng ta không có ngay những đơn vị hoàn chỉnh gồm các cán bộ, chiến sĩ đã được chuẩn bị sẵn sàng, có tổ chức chặt chẽ, dễ có thể nhanh chóng đánh thắng địch.

Ngày nay, quân đội ta là một quân đội nhân dân chính quy, hiện đại, tác chiến hiệp đồng quân binh chủng. Trong điều kiện chiến đấu mới, mỗi cán bộ, chiến sĩ phải được rèn luyện về mọi mặt, có bản lĩnh chiến đấu cao, có kỹ năng lao động quân sự giỏi, có năng lực làm chủ vũ khí, phương tiện, khí tài hiện đại. Khi chiến tranh xảy ra, quân đội có thể mở rộng rất nhanh chóng về số lượng và bảo đảm về chất lượng.

Muốn bảo đảm cho đất nước trong thời bình chỉ duy trì một lực lượng quân đội thường trực cần thiết mà vẫn sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của thời chiến, thì nhiệm vụ xây dựng, quản lý lực lượng dự bị động viên phải vừa bảo đảm được nhu cầu mở rộng nhanh chóng quân đội thường trực khi cần thiết, vừa đáp ứng được những đòi hỏi của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện hiện đại.

Quy mô động viên lực lượng dự bị sẽ diễn ra cùng một lúc trên một không gian rộng lớn, theo một kế hoạch định sẵn cho từng địa phương. Cán bộ, chiến sĩ được động viên có đủ trình độ, năng lực chiến đấu như quân đội thường trực. Nhiệm vụ đặt ra cho công tác động viên là xây dựng tại chỗ từng đơn vị hoàn chỉnh (trung đoàn, sư đoàn) theo kế hoạch định trước, có đủ cơ cấu chỉ huy quân chủng binh chủng, có sẵn những điều kiện bảo đảm vật chất, kỹ thuật, và phương tiện cơ động để có thể đi chiến đấu được ngay. Thời gian động viên những đơn vị này đi chiến đấu không thể tính bằng tháng hay tuần mà tính từng giờ. Vì vậy công tác quản lý lực lượng dự bị động viên ở từng đơn vị cơ sở, từng địa phương cần được tổ chức thật khoa học, theo đúng các quy định thống nhất.

Đây là một vấn đề rất mới, với những yêu cầu rất cao, bắt nguồn từ những đòi hỏi khách quan của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đối với nước ta hiện nay, đây vừa là một vấn đề khẩn trương, cấp bách, vừa là một vấn đề cơ bản lâu dài để bảo đảm thắng lợi trong chiến tranh giữ nước.

Công tác xây dựng và quản lý lực lượng dự bị phải được quán triệt trong mọi hoạt động xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, khoa học kỹ thuật... Làm tốt công tác đó là quán triệt quan điểm, đường lối của Đảng về quốc phòng toàn dân, về chiến tranh nhân dân, về kết hợp kinh tế với quốc phòng.

Toàn dân, trước hết là trai tráng phải được huấn luyện quân sự chu đáo trong các tổ chức vũ trang quần chúng. Kết hợp sản xuất, công tác với huấn luyện quân sự, bảo đảm cho mỗi công dân thực hiện đầy đủ cả nghĩa vụ lao động xây dựng đất nước và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội ở địa phương.

Trong các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, trong hệ thống trường Đảng, trường đào tạo cán bộ quản lý kinh tế - xã hội, phải kết hợp với bồi dưỡng văn hóa, chính trị nghiệp vụ, huấn luyện quân sự mà đào tạo cán bộ chỉ huy, nhân viên kỹ thuật cho quân đội.

Thi hành luật nghĩa vụ quân sự đối với tất cả trai tráng. Thanh niên trong hạn tuổi quy định đều có nghĩa vụ tổng quân làm nhiệm vụ quân sự trong các đơn vị quân đội thường trực. Hết hạn nghĩa vụ quân sự, họ trở về vị trí sản xuất, công tác, trở thành lực lượng dự bị, được quản lý chặt chẽ, từng thời kỳ được huấn luyện quân sự bổ sung. Khi Nhà nước động viên trở lại quân đội, họ có thể đi chiến đấu được ngay.

Mỗi địa phương, mỗi ngành, mỗi đơn vị cơ sở, tùy theo tính chất, đặc điểm nhiệm vụ của mình, xây dựng những đơn vị, binh chủng sẵn sàng động viên cho quân đội. Ví dụ: ngành vận tải xây dựng các đơn vị vận tải quân sự và công binh; ngành bưu điện truyền thanh xây dựng các đơn vị thông tin; ngành hóa học xây dựng các đơn vị hóa học, v.v. Các cơ sở các địa phương, các ngành còn phải chuẩn bị theo kế hoạch những điều kiện bảo đảm hậu cần và phương tiện vận chuyển để các đơn vị được động viên có thể nhanh chóng thực hiện các nhiệm vụ chiến đấu.

Trong chiến tranh, lực lượng dự bị động viên là một ẩn số gây nên những bất ngờ đối với kẻ địch. Chính lực lượng này được tổ chức, huấn luyện chu đáo, quản lý chặt chẽ trong thời bình, khi được động viên sẽ làm thay đổi nhanh chóng so sánh lực lượng trên chiến trường.

Nước ta đang trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ quân sự đối

với trai tráng, tiến hành huấn luyện quân sự chu đáo cho toàn dân, xây dựng, quản lý chặt chẽ lực lượng dự bị động viên là góp phần tích cực vào việc xây dựng con người mới, tăng cường quản lý xã hội. Thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ nói trên, không những chúng ta tiết kiệm được chi phí quốc phòng mà còn góp phần tích cực đẩy mạnh mọi hoạt động xây dựng kinh tế, xây dựng trật tự mới, kỷ luật mới trong xã hội ta.

III - XÂY DỰNG, QUẢN LÝ LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN LÀ CẢ MỘT HỆ THỐNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KHOA HỌC, CHẶT CHẼ, ĐỒNG BỘ VÀ LIÊN TỤC

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhiệm vụ xây dựng và quản lý lực lượng dự bị động viên cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ của toàn dân, của hệ thống chuyên chính vô sản. Nhiệm vụ xây dựng, quản lý lực lượng dự bị quy định người phụ trách các đơn vị cơ sở, các địa phương, các ngành, các cấp phải trực tiếp tổ chức thực hiện công tác huấn luyện, quản lý lực lượng dự bị động viên, chịu trách nhiệm trước Nhà nước về việc động viên lực lượng này cũng với những phương tiện vật chất cần thiết, theo một kế hoạch tập trung thống nhất. Muốn hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ đó một cách có lợi nhất cho công cuộc xây dựng kinh tế, cần có cả một hệ thống biện pháp tổ chức đồng bộ, chặt chẽ.

Việc tổ chức quản lý tình hình nhân lực, phương tiện kỹ thuật cần thiết để có thể động viên khi có chiến tranh ở từng đơn vị cơ sở, từng ngành kinh tế kỹ thuật là một việc phải làm trước tiên. Quản lý tình hình không chắc, không chu đáo, không có sẵn phương án sử dụng lực lượng và phương tiện đó thì khi có chiến tranh không tránh khỏi bị động.

Trên cả nước, chúng ta đang thực hiện một sự phân bố mới về lao động xã hội. Công tác phân vùng quy hoạch đang được nghiên cứu và từng bước đi vào tổ chức thực hiện. Để tạo nên một thể bố trí chiến lược có lợi cả về kinh tế và quốc phòng, cần tính toán đến những nhiệm vụ quân sự ở từng địa phương, trước hết là nhiệm vụ xây dựng những đơn vị quân đội thường trực khi tình thế đòi hỏi. Trên cơ sở đó, có kế hoạch điều động lao động theo một cơ cấu nhất định với số lượng và chất lượng thích hợp, nhằm tạo nguồn dự trữ nhân lực cho quốc phòng.

Quân đội ta đã trải qua hơn 30 năm chiến tranh liên tục. Các quân chủng, binh chủng của ta đang trong quá trình phát triển. Nhiệm vụ đào tạo cán bộ dự bị, nhân viên kỹ thuật đáp ứng nhu cầu mở rộng quân đội khi cần thiết đang là một nhiệm vụ rất to lớn và khẩn trương. Việc đào tạo cán bộ dự bị, nhân viên kỹ thuật cho quân đội trong các trường đại học, trung học chuyên nghiệp cần được đặc biệt coi trọng. Mục tiêu, chương trình, phương pháp đào tạo cần được nghiên cứu chu đáo sao cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ của đất nước hiện nay, đồng thời phát huy được khả năng về chuyên môn kỹ thuật của từng trường. Cần hết sức tránh lệ hình thức chủ nghĩa, thái độ qua loa, tắc trách. Trường Đảng, trường đào tạo cán bộ quản lý kinh tế, xã hội — những trung tâm đào tạo cán bộ lãnh đạo và quản lý đất nước, cần có chương trình học tập quân sự có hệ thống theo một chương trình thống nhất để bảo đảm cho lớp cán bộ này đủ năng lực làm tròn nhiệm vụ chỉ đạo và tổ chức xây dựng quốc phòng toàn dân, tiến hành chiến tranh nhân dân ở từng đơn vị, từng địa phương.

Trong nhiều năm qua, chúng ta đã thực hiện nghĩa vụ quân sự đối với trai tráng. Vì đất nước luôn luôn ở

trong hoàn cảnh có chiến tranh với mức độ khác nhau, cho nên việc thực hiện nghĩa vụ quân sự còn mang nặng tính chất tuyển quân. Biện pháp, cách thức tiến hành khi đó không quá phức tạp. Ngày nay, thực hiện nghĩa vụ quân sự là gọi nhập ngũ tất cả trai tráng trong hạn tuổi quy định để đào tạo họ (trong thời bình) thành những chiến sĩ, cán bộ của quân đội thường trực. Sau đó, họ trở về lao động sản xuất và công tác vẫn với tư cách là cán bộ, chiến sĩ của quân đội, nhưng ở ngạch dự bị, trong biên chế tổ chức của các đơn vị dự bị động viên trong nhiều năm sau đó. Đối với họ, trong cả một thời gian dài, quân đội vẫn có trách nhiệm quản lý, huấn luyện. Người phụ trách các đơn vị sản xuất, hành chính, sự nghiệp quản lý họ với hai tư cách: quản lý người lao động và quản lý cán bộ, chiến sĩ của quân đội đã được sắp xếp biên chế vào những đơn vị dự bị động viên. Vì vậy khi thay đổi nhiệm vụ và nơi công tác của họ, người phụ trách quản lý cần có sự hợp đồng với cơ quan quân sự để sắp xếp, bố trí người thay thế. Làm được như vậy thì khi có lệnh động viên, mọi hoạt động của đơn vị vẫn được tiến hành một cách bình thường.

Để tạo ra những điều kiện thuận lợi cho thanh niên ngay khi vào quân đội học tập, rèn luyện đạt kết quả cao, cần có giai đoạn chuẩn bị. Cụ thể là: tổ chức huấn luyện quân sự phổ thông, rèn luyện về thể lực, giáo dục tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, bản chất, truyền thống tốt đẹp của quân đội... Nếu như trên cả nước ta, nhờ những nỗ lực của ngành giáo dục, y tế và hoạt động của Đoàn thanh niên, mỗi học sinh học hết cấp phổ thông trung học có đủ phẩm chất, năng lực, thể lực sẵn sàng làm tròn chức trách của một chiến sĩ quân đội nhân dân chính quy, hiện đại thì việc rèn luyện

của họ trong quân đội sẽ đạt chất lượng cao hơn, chương trình học tập quân sự sẽ phong phú hơn. Sau một thời gian phục vụ quân đội, do được đào tạo một cách cơ bản, có hệ thống về lao động quân sự, họ có thể phát huy tác dụng tốt trong nhiều năm sau đó. Làm được điều này, thì sau một số năm, cả nước ta sẽ có một lực lượng dự bị rất hùng hậu. Từ đó chúng ta có thể chỉ trong một thời gian rất ngắn động viên thành lập hàng chục sư đoàn binh chủng hợp thành, có sức mạnh chiến đấu như các lực lượng vũ trang thường trực.

Nội dung yêu cầu thực hiện luật nghĩa vụ quân sự có bước phát triển mới, cho nên biện pháp, hình thức tiến hành cũng có những thay đổi. Trước hết, việc theo dõi đăng ký nghĩa vụ quân sự cần được thực hiện có nền nếp, vào những thời điểm đã định, theo những tiêu chuẩn thống nhất. Làm tốt điều này thì việc phân bổ lực lượng lao động sẽ có điều kiện tiến hành một cách hợp lý, khoa học cho từng quân chủng, binh chủng, ở trên từng địa bàn nhất định. Như vậy vừa có lợi cho quốc phòng, vừa có lợi cho xây dựng kinh tế về lâu dài.

Hàng năm, theo luật nghĩa vụ quân sự, một bộ phận đông đảo cán bộ, chiến sĩ được phục viên và trở thành lực lượng dự bị của quân đội. Trước đây, trên miền Bắc, lực lượng phục viên về các địa phương xét về trình độ chuyên môn quân sự không cao hơn nhiều so với dân quân tự vệ, có thể bố trí lao động ở đâu cũng được, miễn là có chính sách ưu đãi đúng đắn. Ngày nay, tỷ lệ cán bộ, chiến sĩ có trình độ kỹ thuật trong quân đội ngày một cao. Đây là lực lượng lao động có kỹ thuật quân sự, có trình độ văn hóa, chuyên môn kỹ thuật mà chúng ta phải tốn nhiều thời gian và công sức mới đào tạo được. Đối với các ngành kinh tế kỹ thuật, đây là nguồn bổ sung lao động kỹ thuật rất quan trọng. Một

vấn đề rất lớn được đặt ra là: phân bổ và quản lý tốt lực lượng này để một mặt tận dụng được thành quả đào tạo rèn luyện trong quân đội cho việc đẩy mạnh sản xuất, mặt khác, kết hợp với lao động sản xuất mà giữ gìn và phát triển kỹ năng lao động quân sự của họ. Thật là lãng phí nếu chúng ta bố trí một đồng chí trặc thủ tên lửa hoặc một xe trưởng xe tăng vào những công việc lao động giản đơn. Cơ quan quân sự, các đơn vị sản xuất, hành chính sự nghiệp cần bàn bạc phối hợp với nhau để làm tốt việc phân bổ, sử dụng, quản lý lực lượng bộ đội phục viên. Giờ đây, vấn đề này đang trở thành một vấn đề kinh tế, chính trị, quân sự, xã hội rộng lớn và phức tạp.

Lực lượng dự bị động viên của quân đội có thể được huấn luyện bổ sung về quân sự trong từng thời gian nhất định ở nơi sản xuất, công tác hoặc tập trung về các đơn vị động viên. Cơ quan quân sự cũng như các đơn vị sản xuất cần thấy hết yêu cầu này để quy định thời gian, cách thức tổ chức tiến hành huấn luyện quân sự một cách thích hợp.

Hàng loạt những việc làm trên đây chỉ ra rằng: xây dựng và quản lý lực lượng dự bị động viên là cả một hệ thống công tác tổ chức rất khoa học, rất công phu và phải theo đúng quan điểm đường lối của Đảng. Bởi vì đây là quản lý con người, rèn luyện con người, vừa là người lao động vừa là chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc, cùng một lúc hoạt động trong cả hai guồng máy tổ chức sản xuất và quân sự. Theo thời gian, lực lượng dự bị động viên ngày càng mở rộng. Nếu làm tốt việc xây dựng và quản lý lực lượng này thì vừa có lợi cho quốc phòng vừa có lợi cho kinh tế. Đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng của hệ thống chuyên chính vô sản, có quan hệ trực tiếp đến lợi ích của từng người, từng tập thể và cả nước.

Muốn hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ trên, thì một điều rất hiển nhiên là: thường xuyên chăm lo giáo dục cho nhân dân, đặc biệt là các thế hệ thanh niên về tình hình và nhiệm vụ cách mạng, sự gắn bó giữa hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tinh thần cảnh giác cách mạng, tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa, nghĩa vụ và quyền lợi của công dân... Đi đôi với giáo dục chính trị, tư tưởng, công tác tổ chức cần được đặc biệt coi trọng.

Công tác động viên có những yêu cầu nghiệp vụ rất cụ thể và là một loại công tác phải làm với một khối lượng lớn những công việc kế tục nhau hết năm này đến năm khác. Vì thế, cần có hệ thống cơ quan chuyên trách từ xã trở lên. Muốn bảo đảm cho công tác này đi đúng hướng, phát huy được sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp, cần tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, sự hợp đồng công tác giữa các ngành trong

bộ máy Nhà nước. Cơ quan quân sự phải làm tròn vai trò tham mưu cho cấp ủy Đảng, đồng thời làm tốt chức năng cơ quan chuyên trách của bộ máy chính quyền Nhà nước.



Trong thời gian qua, thực hiện các nghị quyết của Đảng và của Nhà nước về sẵn sàng chiến đấu, xây dựng, quản lý lực lượng dự bị động viên, nhiều tỉnh, thành phố đã tổ chức học tập, diễn tập dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy Đảng. Kết quả bước đầu thu được khẳng định sự cần thiết và tính chất đúng đắn của những vấn đề đã được đặt ra. Đồng thời chỉ ra những khả năng mới, điều kiện thuận lợi mới cũng như những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu giải quyết để đưa công tác này vào nền nếp. Với sự cố gắng chung, chắc chắn hiệu quả và sức mạnh của công tác này sẽ vô cùng to lớn đối với sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước.

VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

BÙI-THANH-KHIẾT

TRONG đường lối chung của Đảng về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta do Đại hội thứ IV đề ra, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đã được khẳng định là then chốt. Nghị quyết của Đại hội đề ra nhiệm vụ "Phát triển khoa học và kỹ thuật nhằm phục vụ sản xuất, đời sống và quốc phòng". Về khoa học tự nhiên và kỹ thuật, Đại hội đề ra nhiệm vụ "Phấn đấu đề sau ba — bốn kế hoạch 5 năm, tạo được một nền khoa học, kỹ thuật hiện đại cho đất nước".

Gần đây, Nghị quyết của Bộ chính trị Trung ương Đảng về chính sách khoa học và kỹ thuật là sự cụ thể hóa thêm một bước đường lối chung ấy trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật. Trên thực tế, đó là đường lối cụ thể của Đảng ta trên lĩnh vực cực kỳ quan trọng này của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Một khi đường lối, chủ trương, nhiệm vụ, mục tiêu và phương hướng phát triển khoa học và kỹ thuật đã được đề ra, vấn đề đặt ra là phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, làm thế nào để biến chính sách khoa học và kỹ thuật thành hiện thực,

thành hành động cụ thể của đông đảo quần chúng.

Về mặt này, có nhiều việc cần làm, nhưng trong bước đầu, sự lãnh đạo của Đảng nên tập trung vào những vấn đề sau đây:

1 — *Quyết tâm tạo ra một bước chuyển biến mạnh mẽ: gắn liền khoa học và kỹ thuật với sản xuất và đời sống xã hội.*

Khoa học ra đời do nhu cầu của sản xuất vật chất và đời sống xã hội. Nó gắn liền với quá trình sản xuất, với đời sống xã hội và trở thành động lực phát triển và cải tiến sản xuất, nâng cao mức sống của nhân dân. Việc sáng tạo ra của cải vật chất tùy thuộc vào trình độ chung của khoa học, vào tiến bộ kỹ thuật hoặc vào việc áp dụng khoa học đó vào sản xuất.

Trong thời kỳ cách mạng khoa học và kỹ thuật, sự kết hợp hữu cơ giữa khoa học và kỹ thuật với sản xuất và đời sống xã hội ngày càng rõ nét. Chính đặc điểm này là yếu tố

quyết định việc biến khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Ở nước ta hiện nay, sản xuất và đời sống của nhân dân đang đòi hỏi bức thiết phải có những tiến bộ khoa học và kỹ thuật. Trong lúc đó, chúng ta có một lực lượng cán bộ khoa học và kỹ thuật tương đối lớn và đang tha thiết muốn được cống hiến, được phục vụ đất nước. Nhưng hiệu quả của các hoạt động khoa học và kỹ thuật chưa tương xứng với tiềm lực hiện có. Những kết quả nghiên cứu khoa học và những tiến bộ kỹ thuật có giá trị chưa được áp dụng rộng rãi vào sản xuất và đời sống. Chúng ta đang có sự lãng phí khá lớn về trí thức, một phần cũng do trong tổ chức thực hiện chưa gắn chặt khoa học và kỹ thuật với những yêu cầu bức thiết của sản xuất, đời sống và quốc phòng.

- Tình hình và nhiệm vụ của đất nước ta, đời sống của nhân dân ta hiện nay không cho phép chúng ta làm ăn không thiết thực. Cần phải đấu sao cho bất cứ lĩnh vực nào trong sản xuất và đời sống của nhân dân ta cũng đều có quan hệ máu thịt với tiến bộ khoa học và kỹ thuật, và không có khoa học và kỹ thuật nào “chỉ vì khoa học và kỹ thuật”!

Sản xuất và đời sống xã hội không ngừng đòi hỏi, cổ vũ nâng cao trình độ tiến bộ khoa học và kỹ thuật; thành quả của sản xuất và thực tế đời sống xã hội là sự chứng minh vững chắc nhất đối với tiến bộ khoa học và kỹ thuật. Do đó sự phát triển của khoa học và kỹ thuật phải gắn liền với sản xuất và đời sống xã hội.

Sự thống nhất và tính tổng hợp của sự phát triển trong thiên nhiên và trong xã hội và vai trò của con người trong sản xuất đòi hỏi phải có sự phối hợp hoạt động giữa các ngành khoa học xã hội và khoa học tự nhiên.

Khoa học xã hội mác xít — là nền tảng lý luận và chính trị — tư tưởng của giai cấp công nhân và đảng của nó trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đảng xuất phát từ những yêu cầu của sản xuất, của xã hội đề ra cho công tác nghiên cứu trong các viện khoa học, các trường đại học và các cơ sở khoa học nhiệm vụ vận dụng các kiến thức của các bộ môn khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật vào thực tiễn.

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phát triển ngày càng cao, càng phong phú đòi hỏi công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội phải không ngừng được mở rộng, nâng cao và đi vào chiều sâu trên cơ sở của tiến bộ khoa học và kỹ thuật.

Khoa học là vấn đề cơ bản của kế hoạch, đồng thời là yếu tố quyết định của việc thực hiện kế hoạch. Những thành tựu của tiến bộ khoa học và kỹ thuật phải trở thành cơ sở của kế hoạch hóa, phải được thể hiện trong kế hoạch. Từng ngành sản xuất, từng đơn vị kinh tế và các hoạt động văn hóa — xã hội đều cần được bảo đảm vững chắc bằng cơ sở khoa học để đạt được hiệu quả cuối cùng cao nhất. Cho nên, xây dựng chỉ tiêu đưa tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất là xây dựng hệ thống định mức về tiêu hao nguyên liệu, vật liệu, và năng lượng, về chi phí lao động, v.v. đây là một nhiệm vụ cấp bách.

Như vậy, hiện nay quan điểm thực tiễn có ý nghĩa hàng đầu trong sự lãnh đạo của Đảng là nhằm thực hiện tốt chính sách khoa học và kỹ thuật.

Tóm lại, ở tất cả các ngành, ở trung ương, ở địa phương và cơ sở, cần gây một phong trào áp dụng các thành tựu của tiến bộ khoa học và kỹ thuật để đạt năng suất cao trong việc làm hằng ngày, trong tất cả các khâu.

2 - Lãnh đạo cải tiến việc đào tạo, bồi dưỡng, phân phối và sử dụng cán bộ khoa học và kỹ thuật.

Vấn đề phát triển khoa học và kỹ thuật ở nước ta đòi hỏi chúng ta không được thỏa mãn với số lượng và chất lượng cán bộ hiện có. Những nhu cầu bức thiết trước mắt của sản xuất, đời sống và quốc phòng đang đặt ra cho chúng ta nhiệm vụ phải sớm cải tiến việc đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ khoa học và kỹ thuật cho hợp lý. Hơn thế nữa, đất nước ta còn phải tiến lên phía trước, đạt tới trình độ cao của tiến bộ khoa học và kỹ thuật. Chăm lo cho tương lai của đất nước là phải chăm lo công tác đào tạo cán bộ khoa học và kỹ thuật.

Nghị quyết của Bộ chính trị về chính sách khoa học và kỹ thuật nêu rõ: « Trong công tác đào tạo cán bộ khoa học và kỹ thuật, phải quán triệt đầy đủ nghị quyết của Bộ chính trị về cải cách giáo dục ». Chúng ta bắt đầu thực hiện chính sách khoa học và giáo dục của Đảng từ giáo dục phổ thông, xây dựng con người mới, con người lao động kiểu mới cho chủ nghĩa xã hội. Trong cải cách giáo dục, chúng ta quyết tâm xây dựng một hệ thống nhà trường kiểu mới từ phổ thông, dạy nghề đến đại học, kết hợp chặt chẽ việc bảo đảm cung cấp những kiến thức làm cơ sở cho sự phát triển toàn diện người học sinh với việc định hướng nghề nghiệp và đào tạo về nghề nghiệp. Cải cách giáo dục mở ra một giai đoạn phát triển mới về chất, phù hợp với yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới.

Nhà trường phổ thông, thông qua giáo dục kỹ thuật tổng hợp, làm cho học sinh gần gũi với lao động sản xuất và cuộc sống xã hội, rèn luyện cho học sinh có khả năng thâm nhập vào các quá trình phát triển của thiên nhiên và xã hội, có sự hiểu biết về lịch sử, về các truyền thống cách mạng và về văn học nghệ thuật.

Trường đại học là một tiềm lực khoa học và kỹ thuật lớn của đất nước. Mỗi trường đại học là một cơ sở đào tạo cán bộ đồng thời là một cơ sở nghiên cứu khoa học; mỗi viện nghiên cứu khoa học cũng đồng thời là cơ sở đào tạo cán bộ trên đại học. Trong trường đại học và trung học chuyên nghiệp, nhất thiết phải *kết hợp chặt chẽ giữa giảng dạy, đào tạo, nghiên cứu khoa học và sản xuất*. Phải làm cho học sinh đại học phát huy được khả năng tự chủ đi sâu vào các bộ môn khoa học và vận dụng được trong thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội. Cần tạo nên trong mỗi trường đại học và trung học chuyên nghiệp một không khí sôi nổi hoạt động khoa học và văn hóa, thu hút đông đảo học sinh làm công tác nghiên cứu khoa học và văn học nghệ thuật hướng vào sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân.

Tiếp theo đó, cần phát triển mạnh việc đào tạo cán bộ trên đại học với sự chỉ đạo chặt chẽ về quy hoạch và chương trình đào tạo, bảo đảm sự đồng bộ về đội ngũ và phù hợp với các mục tiêu chính sách khoa học và kỹ thuật, đặc biệt quan tâm đến việc đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ trẻ qua hệ nghiên cứu sinh ở trong nước và ngoài nước, chủ yếu là ở trong nước, nhằm đào tạo phó tiến sĩ và tiến sĩ.

Đề có thể đi nhanh trong cách mạng khoa học kỹ thuật, cần phải biết tuyển lựa và bồi dưỡng học sinh giỏi ở khắp các địa phương, các vùng của đất nước để đào tạo thành cán bộ khoa học - kỹ thuật giỏi, những nhân tài của đất nước. Trước mắt, có thể mở nhiều lớp chuyên ở trung học - phổ thông (cấp III) về toán, lý, hóa, sinh, văn sử, ngoại ngữ, văn học - nghệ thuật, v.v. Tổ chức tuyển lựa những học sinh giỏi ở khắp các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng kháng chiến cũ, vùng kinh tế mới, biên giới, hải đảo... vào học các

lớp chuyên. Không tổ chức thi tuyển đồng loạt vào đại học cho học sinh ở nông thôn, miền núi và thành thị; mà phải hết sức quan tâm đến các vùng xa xôi hẻo lánh, có biện pháp đề tuyển lựa những em học sinh có tài năng nhưng do điều kiện học tập ở địa phương còn bị hạn chế nên chưa có điều kiện phát triển, đào tạo các em thành cán bộ khoa học kỹ thuật cho các địa phương, các vùng của đất nước.

Một điểm mà Đảng ta rất quan tâm là tiếp tục tăng tỷ lệ cán bộ đầu ngành và chuyên gia có trình độ cao, giỏi, cán bộ quản lý khoa học — kỹ thuật, các công trình sư, các nhà công nghệ và thiết kế. Có hẳn trưng hoàn thành quy hoạch công tác đào tạo, bảo đảm đồng bộ về cơ cấu ngành nghề, trình độ và loại hình, bảo đảm chất lượng đào tạo thì mới đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế — xã hội ngày càng mạnh ở nước ta.

Các cơ quan và tổ chức Đảng ở các cấp cần quan tâm chăm sóc việc đào tạo, bồi dưỡng những công nhân lành nghề, chăm sóc việc nâng cao nhiệt tình lao động sáng tạo của đội ngũ những người lao động, trước hết là của giai cấp công nhân. Sự tham gia nhiệt tình của những người trực tiếp làm ra của cải vật chất, của các nhà khoa học, các chuyên gia thiết kế, các nhà công nghệ để cùng giải quyết các vấn đề kỹ thuật công nghệ, tổ chức sản xuất thể hiện tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa, thể hiện việc thực hiện quyền làm chủ tập thể đối với cuộc cách mạng về khoa học và kỹ thuật.

Công tác đào tạo và bồi dưỡng là quan trọng, nhưng vấn đề phân phối và sử dụng đúng cán bộ khoa học và kỹ thuật nhằm phát huy hết khả năng của từng người và của toàn đội ngũ lại càng quan trọng.

Từ trước tới nay, việc phân phối và sử dụng cán bộ khoa học — kỹ thuật

còn nhiều điểm chưa hợp lý, nhiều trường hợp trái ngành nghề và thông thường là chậm.

Sắp tới, nên phân phối như thế nào cho hợp lý?

Chủ yếu và trước hết là phân phối theo yêu cầu của sự nghiệp cách mạng. Chú trọng tăng cường cho các cơ sở sản xuất những cán bộ khoa học và kỹ thuật có khả năng thực hành giỏi nhằm mục đích đưa khoa học và kỹ thuật vào sản xuất một cách có hiệu quả. Phân phối theo yêu cầu của các địa phương; các ngành phải ưu tiên cho cơ sở; ở cơ sở, ưu tiên dành cho sản xuất.

Hiện nay tỷ lệ phân phối nói chung lại là: số cán bộ khoa học — kỹ thuật bố trí ở cơ quan hành chính quá nhiều so với số phân phối về cơ sở. Ở cơ sở sản xuất, nơi đang khao khát cán bộ khoa học và kỹ thuật, ngay cả ở cấp huyện, thì cán bộ khoa học — kỹ thuật lại quá ít. Đại bộ phận còn nằm ở cấp trung ương và cấp tỉnh.

Ở cấp trung ương và cấp tỉnh nên ưu tiên phân phối cán bộ khoa học và kỹ thuật có năng lực cho những cơ quan khoa học đang có yêu cầu bức thiết nhằm nhanh chóng hình thành những tập thể đồng bộ đủ năng lực giải quyết những nhiệm vụ, những chương trình tiến bộ khoa học và kỹ thuật quan trọng, có tính quyết định và có triển vọng nhất. Còn cán bộ mới tốt nghiệp ra trường nên có thời gian hoạt động thực tiễn ở cơ sở sản xuất hoặc cơ sở khoa học. Cơ sở sản xuất là nền tảng rèn luyện ý thức và năng lực hoạt động thực tiễn.

Trong khi bố trí công tác cho cán bộ khoa học — kỹ thuật, có chú ý đến nguyện vọng của cán bộ, nhất là nguyện vọng của cán bộ muốn được bố trí sao cho phù hợp với khả năng của mình. Song có những nguyện vọng không chính đáng; vừa không phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp cách mạng, vừa không phù hợp với ngành

nghe đào tạo và khả năng của người cán bộ khoa học — kỹ thuật để phục vụ tốt hơn cho đất nước.

Sử dụng cán bộ khoa học và kỹ thuật đúng ngành nghề được đào tạo là để cho cán bộ có điều kiện hoạt động có hiệu quả, có năng suất cao. Việc lựa chọn cán bộ nên dựa theo các tiêu chuẩn phù hợp với yêu cầu công tác khoa học và kỹ thuật. Tránh tình trạng thu nhận những người không có khả năng làm công tác nghiên cứu khoa học vào các cơ sở nghiên cứu khoa học. Nên khuyến khích cán bộ giảng dạy tham gia nghiên cứu khoa học và sản xuất, và ngược lại, cán bộ nghiên cứu khoa học, cán bộ sản xuất và quản lý tham gia giảng dạy. Xây dựng chế độ mỗi cán bộ có thể làm hai hoặc ba việc và có thể lĩnh bằng hai hoặc bằng ba phần lương nếu xét thấy xứng đáng, vì tiền lương của cán bộ nói chung, trong đó có cán bộ khoa học và kỹ thuật, gắn chặt với kết quả công tác của các ngành, các đơn vị nghiên cứu, sản xuất mà họ phục vụ.

Ngoài ra Đảng cần phải tạo mọi điều kiện khác cho cán bộ khoa học — kỹ thuật ngày càng yên tâm phát huy hết năng lực của mình như: sắp xếp hợp lý gia đình, chú ý đến người công tác nơi xa xôi hẻo lánh; có tổ chức thích hợp cho bà con kiều bào đóng góp thiết thực; bảo đảm thông tin khoa học, v.v.

3. *Hết sức coi trọng công tác xây dựng tổ chức Đảng ở các cơ sở khoa học và kỹ thuật.*

Vì các phương hướng và nhiệm vụ của chính sách khoa học và kỹ thuật tác động đến tất cả lĩnh vực sản xuất và đời sống xã hội, cho nên chúng ta phải hết sức coi trọng việc xây dựng Đảng và cải tiến sự hoạt động của các tổ chức Đảng ở các bộ, các ngành, các tổ chức nghiên cứu và quản lý khoa học và kỹ thuật.

Tổ chức Đảng ở các bộ, ngành cấp trung ương là người lãnh đạo, tổ chức, vận động đưa nhanh các thành tựu của tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất. Không một ngành nào có thể một mình đứng ra giải quyết thành công những nhiệm vụ ấy, nếu không chủ động phối hợp với các ngành khác, với các cơ quan và đơn vị khoa học và thực nghiệm khác. Những tổ chức Đảng ở địa phương và cơ sở có nhiệm vụ lãnh đạo các tổ chức nghiên cứu, quản lý khoa học và kỹ thuật, các đơn vị thực nghiệm và sản xuất, lãnh đạo việc áp dụng những thành tựu của tiến bộ khoa học và kỹ thuật đã được đề ra. Từ trung ương đến địa phương và cơ sở đều phải phấn đấu kiện toàn các tổ chức Đảng đủ mạnh, nhất là về chất lượng. Xây dựng các tổ chức Đảng ở cơ sở vững mạnh, nắm chắc phương hướng và nhiệm vụ cụ thể mà Đảng đã đề ra cho đơn vị cơ sở, biết phối hợp các tiềm lực khoa học, kỹ thuật, đoàn kết những người lao động nhằm thực hiện những nhiệm vụ đó với hiệu quả cao. Các tổ chức Đảng ở cơ sở cần giáo dục nâng cao tinh tích cực sáng tạo của quần chúng công nhân, nông dân tập thể và các nhà khoa học, các chuyên gia kỹ thuật để họ áp dụng có kết quả các thành tựu của tiến bộ khoa học và kỹ thuật.

Những người trí thức làm công tác khoa học, kỹ thuật có lý tưởng đều muốn được cống hiến, được chăm lo đến những vấn đề xã hội lớn lao, muốn thật sự đoàn kết và hợp tác xã hội chủ nghĩa trong công tác khoa học. Chi bộ Đảng cần tích cực và thường xuyên giúp đỡ anh chị em nâng cao ý thức xã hội chủ nghĩa, xây dựng thế giới quan mác xít — lê nin nít và đạo đức cộng sản, khắc phục những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân và những lệch lạc khác.

(Xem tiếp trang 34)

MẤY VẤN ĐỀ VỀ TƯ DUY KINH TẾ KHOA HỌC

TRẦN-NGỌC-HIÊN

XÉT về bản chất, quá trình xây dựng nền kinh tế mới ở nước ta là quá trình tự giác. Những đặc điểm, mục tiêu và phương hướng chủ yếu của quá trình đó đã được vạch ra một cách đúng đắn trong đường lối của Đại hội toàn quốc thứ IV của Đảng ta. Nhưng việc thực hiện thắng lợi đường lối đó phụ thuộc vào trình độ lãnh đạo và quản lý kinh tế của các cấp, các ngành, trong đó, vấn đề nổi lên hàng đầu hiện nay là vấn đề tư duy kinh tế của cán bộ.

Phương pháp biện chứng và quan điểm duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là cái cốt lõi của tư duy kinh tế khoa học. Phương pháp đó « coi xã hội là một cơ thể sống đang phát triển không ngừng (chứ không phải là một cái gì được kết thành một cách máy móc và do đó, cho phép có thể tùy ý phối hợp các yếu tố xã hội như thể nào cũng được), một cơ thể mà muốn nghiên cứu nó thì cần phải phân tích một cách khách quan những quan hệ sản xuất cấu thành một hình thái xã hội nhất định, và cần phải nghiên cứu những quy luật vận hành và phát triển của hình thái xã hội đó » (1).

Nền sản xuất xã hội là một cơ thể sống tồn tại khách quan (C. Mác gọi là cơ thể sản xuất). Cơ thể đó bao gồm các quan hệ kỹ thuật - sản xuất, tức là các quan hệ giữa con người với tự nhiên; và các quan hệ kinh tế - xã hội, tức là các quan hệ giữa con người với nhau với tư cách là các giai cấp, tầng lớp, tập đoàn xã hội. Trong hệ thống các quan hệ đó, quan hệ sản xuất « là quan hệ cơ bản, ban đầu và quyết định tất cả mọi quan hệ khác » (2). Thực chất của sự phát triển kinh tế là sự tác động qua lại giữa hai hệ thống quan hệ đó, tức giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Nhìn vào lịch sử, ta thấy các quan hệ kỹ thuật - sản xuất và kinh tế - xã hội đan bện vào nhau ngày càng phức tạp, nhưng cũng ngày càng phong phú, rõ ràng và hợp lý hơn theo bước tiến của các cuộc cách mạng xã hội và cách mạng khoa học - kỹ thuật. Một nền kinh tế mới ra đời là kết quả sự phát triển các quan hệ đó như « một quá trình lịch

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, tập I, tr. 198.

(2) V.I. Lê-nin : *Sách đã dẫn*, tr. 159.

sự — tự nhiên » theo quy luật nội tại của nó. Sự hoạt động của các quy luật kinh tế trong chủ nghĩa xã hội đòi hỏi sự thống nhất giữa tính khách quan của các quy luật và tính tự giác của Nhà nước, của cán bộ lãnh đạo và quản lý trong việc vận dụng các quy luật ấy. Vì rằng, con người — kể cả trường hợp đã làm chủ về mặt chính trị, cũng không được tùy tiện lựa chọn lực lượng sản xuất của mình và hình thức xã hội theo ý mình, cho nên cái mà họ có thể làm được là đánh giá đúng hiện trạng lực lượng sản xuất và phát hiện ra hình thức xã hội mà nó cần để phát triển. Trong chế độ chiếm hữu tư nhân, các hình thức quan hệ sản xuất « tự mở đường đi » qua hành động tự phát của con người, còn trong chủ nghĩa xã hội, các hình thức khách quan của quan hệ sản xuất cần được nhận thức và thể hiện trong các hình thức tổ chức kinh tế có kế hoạch. Nhìn vào thực tế nước ta, thấy rõ rằng, nơi nào mà lực lượng sản xuất có được hình thức quan hệ sản xuất phù hợp thì phát triển xanh tươi (như hình thức khoán sản phẩm hiện nay). Trái lại, nơi nào lực lượng sản xuất bị áp đặt những hình thức không phù hợp — sản phẩm của bệnh duy ý chí, rập khuôn, bệnh sinh hình thức và tư tưởng thành tích, thì héo hon, khô kiệt.

Thực tế nhiều năm qua cho phép nói rằng: việc vận dụng đúng đắn quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ lực lượng sản xuất là khâu quyết định trước tiên trong việc thực hiện đường lối xây dựng nền kinh tế mới. Trong các xã hội trước, quy luật này tác động thông qua mâu thuẫn đối kháng, còn trong chủ nghĩa xã hội, tác động qua hoạt động có căn cứ khoa học, có ý thức của Nhà nước và cán bộ lãnh đạo, quản lý. Tính đặc thù của sự tác động của quy luật này ở nước ta là ở chỗ tính chất xã hội của lực lượng sản xuất phát

triển đồng thời với tính chất xã hội của quan hệ sản xuất. Quá trình xã hội hóa sản xuất gắn với quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ngay từ đầu. Đây là một ưu thế so với con đường xã hội hóa tư bản chủ nghĩa mang trong mình nó ngay từ đầu mâu thuẫn đối kháng giữa tính chất xã hội của lực lượng sản xuất với tính chất tư nhân của quan hệ sản xuất. Nằm được ưu thế này hay không là tùy thuộc sự vận dụng quy luật nói trên. Cái khó, cái cần sáng tạo và cũng là cái hấp dẫn đối với tư duy kinh tế của cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý, của người nghiên cứu và giảng dạy kinh tế, là từ cuộc sống mà tìm ra mức độ và hình thức phù hợp của quan hệ sản xuất mới với những lực lượng sản xuất có trình độ khác nhau. Cần phát hiện và tạo điều kiện cho các hình thức quá độ cần thiết của quan hệ sản xuất được ra đời và phát huy đầy đủ tác dụng của nó trong những điều kiện cụ thể nhất định bởi chính yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất xã hội. Bài học khoán sản phẩm trong nông nghiệp là một ví dụ về sự vận dụng thành công hình thức quá độ. Đó là vấn đề có tính quy luật của quá trình từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ý nghĩa vận dụng đúng đắn quy luật này không chỉ là thúc đẩy sản xuất, mà còn tạo ra căn cứ cho việc vận dụng các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội, hình thành sự phát triển tổng hợp của quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Xuất phát từ quy luật khách quan, đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ:

« Phải luôn luôn thấu suốt đặc điểm của quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất luôn luôn gắn bó với nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển... phải gắn liền sự biến đổi của chế độ sở hữu với

sự biến đổi của chế độ phân phối, của tổ chức sản xuất, kinh doanh của hệ thống quản lý » (3).



Việc nắm vững và vận dụng quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ lực lượng sản xuất trong chủ nghĩa xã hội gắn liền với yêu cầu vận dụng quy luật phát triển kinh tế có kế hoạch và cân đối, quy luật tái sản xuất xã hội chủ nghĩa. Kết quả của sự vận dụng các quy luật đó là hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý. Sự phát triển của cơ cấu này quyết định phần lớn nhịp độ phát triển kinh tế, khả năng tích lũy và nâng cao phúc lợi nhân dân, sự cải biến về cơ cấu xã hội. Kinh nghiệm của các nước anh em cho thấy rằng chủ động xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý là con đường giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng — mối quan hệ kinh tế gay gắt nhất ở nước ta, con đường giải quyết nguồn vốn và sử dụng vốn, giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa, xã hội. Vì vậy, kế hoạch hóa việc xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý là vấn đề cơ bản trong chiến lược kinh tế.

Vận dụng quy luật kinh tế, xuất phát từ khả năng và nhu cầu của đất nước, tham khảo kinh nghiệm của các nước anh em, Đại hội toàn quốc thứ IV của Đảng đã nêu ra luận điểm quan trọng về cơ cấu công — nông nghiệp hiện đại và con đường xây dựng cơ cấu đó là giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa công nghiệp nặng với nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Đại hội coi đó là khâu trung tâm sự lớn lên của nền kinh tế quốc dân.

Ở nước ta, trong những năm đầu của thời kỳ quá độ, việc kế hoạch hóa xây dựng cơ cấu kinh tế phải tính toán kỹ các điều kiện lịch sử cụ thể khi bắt đầu xây dựng nền kinh tế mới:

— Hệ thống nhu cầu của xã hội sau chiến tranh rất phức tạp, không phù hợp với khả năng và yêu cầu xây dựng kinh tế (cả về khối lượng, cơ cấu và phẩm chất nhu cầu). Để làm căn cứ cho việc xây dựng cơ cấu kinh tế, phải phân tích và *cải tạo lại hệ thống nhu cầu xã hội* theo phương hướng bảo đảm cho được nhu cầu cơ bản, tái sản xuất sức lao động, hạn chế những nhu cầu cao tuy chính đáng nhưng làm phân tán vốn xây dựng kinh tế, xóa bỏ những nhu cầu vay mượn, giả tạo.

— Nguồn lao động và tài nguyên phong phú, nhưng năng suất lao động xã hội thấp, chưa vượt khỏi giới hạn sản phẩm tất yếu. Vì vậy, *giải quyết yêu cầu sản phẩm tất yếu của xã hội* phải là khâu đầu tiên của sự hình thành cơ cấu kinh tế mới.

— *Trình độ tổ chức và quản lý* lạc hậu nhiều so với yêu cầu cần thiết, so với điều kiện vốn vật chất và khoa học kỹ thuật hiện có. Đây là hậu quả của việc kéo dài chế độ cung cấp trong chiến tranh thành bao cấp tràn lan, và chậm khắc phục tệ quan liêu trong bộ máy quản lý kinh tế và xã hội.

— *Sự hợp tác và phân công quốc tế* xã hội chủ nghĩa là một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với việc xây dựng cơ cấu kinh tế, cả về mặt vật chất — kỹ thuật và tổ chức quản lý. Nhưng muốn sử dụng những thành tựu và sự giúp đỡ của các nước anh em, thì công tác tổ chức, tư tưởng và kinh tế phải vươn lên một bước.

Trong nền kinh tế nước ta, sau khi phá vỡ cơ cấu kinh tế cũ bằng việc cải tạo chế độ sở hữu tư nhân, xây dựng những đơn vị sản xuất tập thể, bằng việc cải tạo các ngành lưu thông, chúng ta chưa thiết lập được các mối quan hệ tái sản xuất bình

(3) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, tập III, tr. 59.

thường, là quan hệ phân công và hiệp tác giữa các cơ sở, các ngành, giữa sản xuất với lưu thông. Nguyên nhân sâu xa của việc chậm hình thành cơ cấu kinh tế mới là do chưa quán triệt đầy đủ vị trí hàng đầu của nhiệm vụ phát triển nông nghiệp trong thời kỳ đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, chưa kết hợp ngay từ đầu công nghiệp với nông nghiệp thành cơ cấu kinh tế thống nhất, phần nào đã tách rời phát triển công nghiệp với phát triển nông nghiệp. Do đó, tuy vốn sản xuất không nhỏ, nhưng hướng đầu tư không đúng, phân tán ra nhiều đối tượng, làm cho nông nghiệp và công nghiệp — những khâu then chốt trong sự hình thành cơ cấu kinh tế hiện nay, không thiết lập được quan hệ tái sản xuất bình thường. Tình hình hiện nay đòi hỏi cấp bách phải *thiết lập cơ cấu tái sản xuất giữa nông nghiệp và công nghiệp chế biến, giữa sản xuất và phân phối lưu thông*. Con đường dễ hình thành cơ cấu công — nông nghiệp, con đường tái sản xuất ra của cải vật chất, con đường tích lũy cho công nghiệp nặng chỉ có thể bắt đầu từ nông nghiệp và công nghiệp chế biến.

Đặc điểm về kế hoạch hóa xây dựng cơ cấu kinh tế ở nước ta là phải gắn kế hoạch xây dựng cơ cấu sản xuất với kế hoạch xây dựng cơ cấu hạ tầng cho sản xuất (vận tải, giao thông liên lạc, cảng, kho tàng, cơ sở cung ứng vật tư) và cơ cấu hạ tầng cho sinh hoạt xã hội (vận tải hành khách, bưu điện, thương nghiệp, ăn uống công cộng...). Cái khó nhất là đầu tư thế nào cho hợp lý giữa cơ cấu hạ tầng chung của nền kinh tế với cơ cấu hạ tầng của các vùng, các trung tâm sản xuất, hay tổ hợp sản xuất — lãnh thổ, giữa cơ cấu sản xuất với cơ cấu hạ tầng (trong đó có vấn đề cải tạo, củng cố cơ cấu sản xuất và cơ cấu hạ tầng cũ đã có). Cơ cấu hạ tầng là nhân tố quan trọng để kết

hợp ngành với địa phương và vùng lãnh thổ, để phân bố lực lượng sản xuất và thực hiện các chương trình tổng hợp có mục tiêu. Theo C. Mác, cơ cấu hạ tầng là những điều kiện chung của sản xuất, khi những điều kiện chung của sản xuất thích ứng với yêu cầu của sản xuất thì sẽ tạo ra bước phát triển lớn về năng suất và khối lượng sản xuất.



Xây dựng nền kinh tế mới là cuộc đấu tranh nhằm *giải quyết vấn đề « al thắng al »* giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Xây dựng bộ máy Nhà nước từ trên xuống dưới, thể hiện được sự lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ tập thể của nhân dân, phát huy vai trò kinh tế của Nhà nước có hiệu lực trong thực tế là vấn đề quan trọng bậc nhất hiện nay. « Đề đưa sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa đến toàn thắng, Đảng ta chỉ rõ: « *Điều kiện quyết định trước tiên là phải thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động* » (4). V. I. Lê-nin nói: Chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế và Lê-nin không chỉ nêu ra nguyên lý mà còn cho ta kiểu mẫu về ứng dụng vào thực tế, như việc vạch ra và thi hành chính sách kinh tế mới, việc sử dụng hình thức chủ nghĩa tư bản Nhà nước trong thời kỳ quá độ. Trong điều kiện nền kinh tế suy yếu sau chiến tranh, cơ sở của chuyên chính vô sản tức là liên minh công nông không được củng cố, Lê-nin nhìn thấy lợi ích căn bản của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động chưa phải ở chỗ tập trung sức phát triển công nghiệp mà là kích thích nông

(4) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập III, tr. 49.

ngiệp, cải thiện đời sống nông dân, chưa phải ở chỗ xóa bỏ ngay kinh tế tư nhân mà là sử dụng các phương sách làm cho lợi ích tư nhân phục tùng lợi ích xã hội, tức sử dụng chủ nghĩa tư bản Nhà nước thúc đẩy công nghiệp và các ngành khác. Lê-nin nói: “ Khi mà chính trị đòi hỏi một sự chuyển biến kiên quyết, một sự mềm dẻo và một bước quá độ khéo léo thì những người lãnh đạo phải hiểu được điều ấy. Một bộ máy vững mạnh phải thích ứng được với mọi sự biến đổi (5).

Đây là những vấn đề khó khăn đối với những người thiếu tư duy khoa học. Họ không thấy được yêu cầu chính trị và không có khả năng kết hợp yêu cầu chính trị với yêu cầu kinh tế nhất là trong các vấn đề cải tạo xã hội chủ nghĩa, vận dụng quan hệ hàng hóa tiền tệ.

Đề quán triệt nguyên lý của Lê-nin trong thực tiễn, cần nghiên cứu cơ chế tác động lẫn nhau của chính trị và kinh tế. Yếu tố đầu tiên trong cơ chế này là các lợi ích kinh tế. Lê-nin nói: “ Những cỗi rễ sâu xa nhất của chính sách đối nội cũng như chính sách đối ngoại của nhà nước chúng ta đều do những lợi ích kinh tế, địa vị kinh tế của các giai cấp thống trị ở nước ta quyết định ” (6).

Trong xã hội ta, sự thống nhất về lợi ích căn bản của giai cấp công nhân, nông dân, trí thức và những người lao động khác là động lực to lớn xây dựng xã hội mới, nền kinh tế mới. Sự thống nhất về lợi ích kinh tế của xã hội phải theo lập trường chính trị của giai cấp công nhân nghĩa là phải đứng trên lợi ích toàn xã hội mà tìm ra mức độ kết hợp hài hòa lợi ích của toàn xã hội với lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân người lao động. Cơ sở để tìm tòi những hình thức kinh tế cụ thể phù hợp là sự thống nhất về lợi ích đó.

Vì vậy, yêu cầu đối với lãnh đạo và quản lý kinh tế là phải nhận thức sâu sắc, toàn diện các lợi ích, các quy luật khách quan, tính toán cẩn thận trên mỗi bước đi, mỗi hình thức kinh tế để làm cơ sở cho chiến lược và chính sách kinh tế của Đảng. Ở đây, các ngành khoa học tự nhiên và xã hội, trước hết là khoa học Mác - Lê-nin có vai trò và nhiệm vụ rất lớn. Nhiệm vụ của khoa học kinh tế không thể chỉ là ghi chép các sự kiện, bình luận các quyết định đã thông qua, mà chủ yếu là nghiên cứu những vấn đề cơ bản, những vấn đề nóng hổi về lợi ích, về quan hệ sản xuất, những hình thức cụ thể phù hợp với lực lượng sản xuất; vận dụng các quy luật chung và kinh nghiệm các nước anh em vào thực tiễn nước ta, đưa ra những kiến nghị đúng đắn với lãnh đạo. Lịch sử mấy chục năm xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở các nước anh em, cũng như thực tế nước ta chỉ rõ rằng: chỉ có dựa vào những kết luận của lý luận Mác - Lê-nin thì chính trị mới là sự biểu hiện tập trung của kinh tế. Khoa kinh tế chính trị quan tâm đến việc nghiên cứu những vấn đề chiến lược và chiến thuật của đường lối kinh tế, có vai trò rất lớn trong việc chỉ đạo kinh tế và bồi dưỡng tư duy kinh tế khoa học. Trong cuộc sống, mặc dù chiến lược và chiến thuật trong kinh tế có đặc trưng khác nhau, nhưng chúng có thể chuyển hóa lẫn nhau, những thắng lợi của chiến thuật đôi khi được phát triển thành chiến dịch có tính chất chiến lược như vấn đề khoán sản phẩm hiện nay. Chính vì thế mà Lê-nin nói rằng đường lối là khoa học và nghệ thuật. Tính khoa học và tính thực tiễn của chiến lược và chính sách kinh tế càng cao thì đường lối của Đảng càng trở thành chương trình

(5) V.I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 43, tr. 87.

(6) V.I. Lê-nin: sách đã dẫn, tập 36, tr. 403 — 404

hành động tự giác của quần chúng, chứ không dừng lại ở các quan hệ chính trị và tư tưởng kinh tế.

Yếu tố thứ hai trong cơ chế tác động lẫn nhau của chính trị và kinh tế là bộ máy Nhà nước. Xây dựng Nhà nước vững mạnh để làm tốt vai trò kinh tế của nó, làm công cụ đắc lực cho việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế, và trở thành trường học thực tế rèn luyện cán bộ, dắt dẫn quần chúng lên vị trí làm chủ của mình, là một vấn đề thuộc về bản chất của chủ nghĩa xã hội.

Yếu tố thứ ba của cơ chế nói trên là vai trò lịch sử của giai cấp công nhân và lãnh tích cực cách mạng của nhân dân lao động. Chủ nghĩa xã hội là kết quả sáng tạo tự giác của công nhân, nông dân và trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Lợi ích và quyền làm chủ của dân là mối quan tâm, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt mọi hoạt động của Đảng ta. Sự trưởng thành trong vai trò làm chủ của quần chúng là

một trong những kết quả quan trọng nhất của hoạt động của Đảng và Nhà nước, của các tổ chức và mỗi người lãnh đạo. Trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, cái đáng sợ không phải là những khó khăn về kinh tế và xã hội, mà là những quan điểm, phương pháp trái với yêu cầu của Đảng, với nguyện vọng của nhân dân trong công tác kinh tế mà không được sửa chữa. Người lãnh đạo và quản lý phải biết biến chân lý « khó vạn lần dân liệu cũng xong » thành phong trào thi đua xây dựng nền kinh tế mới. Thi đua xã hội chủ nghĩa là một yếu tố quan trọng trong cơ chế tác động chính trị và kinh tế

Ý thức đầy đủ về xây dựng một cơ chế tác động tích cực giữa chính trị và kinh tế là tạo cơ sở vững chắc cho việc tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, cho sự kết hợp các thành tựu cách mạng khoa học — kỹ thuật với những mặt ưu việt của chủ nghĩa xã hội — sức đẩy lớn nhất đối với sự lớn lên của nền kinh tế mới.

Suy nghĩ về vai trò của nhân tố chủ quan trong sự phù hợp của quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất

NGUYỄN - CHÍ - MỸ

I

Quy luật tự nhiên hay quy luật xã hội đều khách quan. « Song lịch sử phát triển của xã hội về căn bản, khác với lịch sử phát triển của tự nhiên ở một điểm. Trong tự nhiên... chỉ có những lực lượng vô ý thức và mù quáng tác động lẫn nhau, và chính trong sự tác động lẫn nhau ấy mà quy luật chung biểu hiện... Trái lại, trong lịch sử của xã hội, nhân tố hoạt động là những con người có ý thức, hành động có suy nghĩ hay dưới ảnh hưởng của nhiệt tình, và theo đuổi những mục đích nhất định » (1). Cho nên khi phân tích tác động của bất kỳ quy luật xã hội nào phải nhận thức đầy đủ tác dụng hoạt động của chủ quan con người. Khi xem xét quy luật sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, chúng ta cũng giữ một quan điểm như vậy.

Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa xuất hiện cùng với quá trình tước đoạt và xóa bỏ giai cấp bóc lột, giải phóng người lao động và quá trình

tập thể hóa xã hội chủ nghĩa những tư liệu sản xuất chủ yếu của những người sản xuất nhỏ, và từ đó bắt đầu quá trình phát triển, hoàn thiện của nó. Ở đây dừng lại sự chưa trưởng thành của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa với sự vắng mặt quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Và không nên đổ lỗi cho quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa khi có tình trạng sản xuất ngưng trệ. Những ưu thế của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa không thể tự nó phát huy tác dụng mà phải có sự tác động của con người để những ưu thế vốn có của nó biến thành hiện thực. Vấn đề là phải tìm ở sự nhận thức, sự vận dụng của con người có phù hợp với quy luật kinh tế khách quan hay không.

Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa tạo điều kiện và là một điểm xuất phát để sử dụng hợp lý các dự trữ tự nhiên, nhân lực, tài chính; phát triển một cách có kế hoạch nền kinh tế quốc dân và xã hội; áp dụng rộng

(1) C. Mác — và F. Ăng-ghen: *Tuyên tập*. Nhà Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 2, tr. 476.

rãi các thành tựu khoa học kỹ thuật; tạo khả năng phân bố hợp lý lao động và kết hợp lao động với tư liệu lao động, kết hợp phát triển kinh tế trong nước với sự phân công hợp tác quốc tế; thỏa mãn ngày càng đầy đủ nhu cầu vật chất và tinh thần của mỗi thành viên trong xã hội. Bản chất khách quan của chủ nghĩa xã hội là ưu việt, nhưng năng lực chủ quan của con người trong việc vận dụng tính ưu việt đó của chủ nghĩa xã hội để xây dựng và phát triển kinh tế thì không phải lúc nào cũng tương ứng.

Cuộc vận động khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong nông nghiệp hiện nay đánh dấu một cố gắng mới của chúng ta trong việc vận dụng tính ưu việt của quan hệ sản xuất mới phù hợp với quy luật kinh tế khách quan để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Nó là sự kế tục và phát triển những kinh nghiệm quản lý hợp tác xã sản xuất nông nghiệp của chúng ta trong quá trình xác lập và cải tiến quản lý sản xuất nông nghiệp. Chúng ta đã thực hiện ba khoán cho đội sản xuất trên ba mặt: sản lượng, lao động, chi phí (khoán sản phẩm đến đội). Đội sản xuất khoán cho nhóm lao động tạm thời hoặc người lao động từng công việc (còn gọi là khoán việc). Cùng với hình thức khoán việc đến người lao động, chúng ta đã không ngừng cải tiến quản lý (vòng 1, vòng 2...), tổ chức lại sản xuất, đầu tư xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích, xây dựng các vùng chuyên canh. Chúng ta đã liên tục phát động nhiều phong trào thi đua, xây dựng hợp tác xã vững mạnh, tăng gia sản xuất phục vụ tiền tuyến. Các cuộc vận động học tập gương các điển hình tiên tiến được quan tâm tổ chức ở khắp mọi nơi.

Tuy nhiên trong hầu hết các hợp tác xã nông nghiệp, vật tư, nguồn vốn bị lãng phí, số ngày lao động trong năm, giờ lao động trong ngày đạt được rất thấp, có nhiều nơi đến mức nghiêm trọng. Những hiện tượng làm ầu, làm dối, cây cấy lờ vù, bỏ hóa diện tích là phổ biến. Tệ tham ô, ăn cắp, lãng phí... phát triển. Chúng ta đã áp dụng nhiều biện pháp, tìm nhiều cách khắc phục các hiện tượng tiêu cực đó. Nhưng số hợp tác xã tiên tiến vẫn chỉ trên dưới 30%. Người lao động không hăng hái sản xuất, thiếu tinh chủ động, sáng tạo, sự nỗ lực trong sản xuất. Ở đây, ngoài những nguyên nhân khác ra, mọi người đều đã thừa nhận rằng do sự non kém về mặt chủ quan của chúng ta, đã xảy ra tình trạng lực lượng sản xuất của chúng ta mà chủ yếu là nông dân lao động được giải phóng, chưa phát huy tác dụng cách mạng của mình, tình trạng quan hệ sản xuất không phù hợp với trình độ và tính chất của lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất không thể tác động tích cực trở lại lực lượng sản xuất.

II

Hoạt động của nhân tố chủ quan nói ở đây không phải là đem cái chủ quan tùy tiện của mình tác động vào khách quan mà biết dùng những nhân tố khách quan tác động vào khách quan. Những nhân tố khách quan nói ở đây cũng không phải là tất cả hoàn cảnh khách quan mà chỉ là những nhân tố có liên quan đến mục tiêu mà nhân tố chủ quan đặt ra. Hoàn cảnh khách quan nói ở đây không phải là cái gì trừu tượng, chung chung, mà rất cụ thể trong từng hiện tượng, từng quá trình. Chúng ta luôn luôn ghi nhớ lời của Ăng-ghen: « Con người sáng tạo ra lịch sử của mình, nhưng là sáng tạo trong một hoàn cảnh nhất định, mà con người phải

thích ứng» (2); và: «Chúng ta tự sáng tạo ra lịch sử của chúng ta, nhưng một là sáng tạo với những tiền đề và trong những điều kiện hết sức xác định» (3) (tôi nhấn mạnh—NCM). Như thế là, lực lượng sản xuất không phải là chung chung, quan hệ sản xuất cũng vậy. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong từng giai đoạn, trong từng bước đi cụ thể đều thể hiện ra với «những điều kiện và những tiền đề hết sức xác định».

Với tính cách là một biểu hiện cụ thể của quan hệ sản xuất, hình thức khoán việc của chúng ta trong nông nghiệp trước đây đã phát huy được hiệu quả của kỹ thuật, tập trung được sản phẩm, thực hiện bước đầu sự phân phối theo lao động. Song, hình thức khoán này đến một lúc nào đó đã không làm cho người lao động quan tâm đến kết quả cuối cùng của sản xuất, làm mất đi ở họ một động lực kích thích sáng tạo.

Như ta đã biết. Mặc coi quá trình lao động là sự tổng hợp tất cả các yếu tố tổ chức, kỹ thuật nhờ đó con người tác động vào tự nhiên, bắt tự nhiên phục vụ cuộc sống của mình. Nhưng Mặc cũng đã từng lưu ý chúng ta, những yếu tố này lại in đậm dấu vết lịch sử, mang dấu ấn thời đại và thậm chí mang tính chất cụ thể ở mỗi ngành, nghề.

Nghề trồng lúa nước của chúng ta mang tính thời vụ rất nghiêm ngặt, cả cấy, cấy, chăm sóc và thu hoạch. Việc trồng lúa nước đòi hỏi sự lao động tỉ mỉ, thận trọng, khẩn trương. Mỗi việc trong khi tiến hành đều phải bảo đảm chất lượng và năng suất cao. Số lượng và chất lượng lao động có quan hệ chặt chẽ với nhau. Khi lao động dùng máy thì số lượng và chất lượng lao động phụ thuộc chủ yếu vào máy. Nhưng khi lao động là thủ công thì số lượng và chất lượng lao động tùy thuộc nhiều vào trí thức, kỹ năng, ý thức trách nhiệm của người

lao động. Khi khoán việc, cái mà người ta nhận biết là số lượng công việc (tuy chưa phải chính xác), còn chất lượng công việc thì khó nhận ra.

Khác với trong công nghiệp, mỗi công đoạn chuyên tiếp đề lại dấu vết của mình trong sản phẩm cuối cùng. Trong nghề trồng lúa nước, với hình thức khoán việc, người xã viên không đề lại dấu vết gì của «mỗi công đoạn» trên hạt thóc là sản phẩm cuối cùng của quá trình sản xuất. Người ta biết số công điểm mà mỗi xã viên được hưởng có phản ánh đúng số lượng và chất lượng công việc hay không. Nhưng người ta lại không biết được những lợi ích kinh tế mà xã viên được hưởng, những kết quả thu nhập cuối vụ của từng xã viên có chính đáng hay không. Thêm vào đó là những hiện tượng vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc phân phối theo lao động... Do vậy, nhiệt tình, sự năng nổ, tính chủ động sáng tạo của người lao động giảm sút. Lao động tập thể không còn là niềm vui, hạnh phúc, sáng tạo nữa. người ta trở nên thờ ơ, chán chường vì họ cảm thấy mình lao động chưa thật sự cho mình. Từ đó, chúng ta cần nghĩ được tình trạng có những hợp tác xã (như ở Đồ-sơn, Hải-phòng) trước đây, lúa chín rũ ngoài đồng, trong khi bộ đội, cán bộ phải về gặt giúp thì bản thân người xã viên ở đây lại bỏ đi buôn vật hoặc làm những công việc khác cho gia đình.

Hiện nay cơ sở vật chất kỹ thuật trong các hợp tác xã nông nghiệp của chúng ta chủ yếu còn là thủ công, phương pháp lao động cũng thủ công và bản thân lao động về thực chất chưa mang tính tất yếu «lao động chung mà «chỉ lao động bên cạnh nhau» (4), bởi vì «tính chất hiệp tác của lao động» chưa «trở thành một

(2), (3) C. Mác và F. Ăng ghen: *Tuyên truyền*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 2, tr. 595 và 614.

(4) C. Mác: *Tư bản*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1960, quyển 1, tập 2, tr. 21.

tất yếu kỹ thuật do tính chất của tư liệu lao động quy định ».

Tổ chức lao động không chỉ là phân công lao động mà còn là hiệp tác lao động. Nhưng trong khoán việc ở quá trình làm lúa thì nhiều khi một số khâu hiệp tác lại không dựa trên một tỷ lệ phân công lao động khoa học mà dựa trên một tỷ lệ phân công lao động tùy tiện, tự phát. Một khi lao động hiệp tác không theo đúng những tỷ lệ của sự phân công khoa học thì hiệu quả của nó sẽ kém sút hẳn. Tình trạng hiệp tác lao động không dựa trên một tỷ lệ phân công khoa học là nguyên nhân kéo dài sự bất lực của «lao động dăm đông», lao động «dựa dẫm nhau». Do vậy hiệu suất lao động thấp. Xã viên chỉ làm 4 đến 5 giờ một ngày.

Người cán bộ, xã viên của chúng ta đang trong quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Năng lực và trình độ làm chủ tập thể của cán bộ, xã viên còn thấp, là do tri thức quản lý, tri thức sinh học chưa có hệ thống và chưa đầy đủ so với công việc đang làm, lại còn do bản thân quá trình sản xuất thì phức tạp nhưng công cụ sản xuất, phương tiện quản lý vẫn thủ công, cộng với quá khứ nặng nề của nền sản xuất nhỏ. Là người nông dân trong thời kỳ quá độ, họ chỉ có thể phát triển mặt lao động và đi đến vứt bỏ mặt tư hữu của mình trong quá trình xã hội hóa tư liệu sản xuất và quá trình lao động tập thể ngày càng đi vào chiều sâu.

Cách phân phối càng theo đúng tiêu chuẩn số lượng và chất lượng lao động thì càng có tác dụng củng cố và phát triển mặt lao động trong con người nông dân. Khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động bước đầu đã đáp ứng được nguyên tắc này. Việc phân phối ở đây vừa là phân phối cho lao động đã bỏ ra trong quá trình sản xuất (5 khâu làm chung ở mức 10 nhất định), vừa là phân phối cho

lao động đã vật hóa trong sản phẩm làm ra (3 khâu hợp tác xã giao cho nhóm hoặc xã viên). Phân phối theo lao động ở đây được căn cứ vào số lượng và chất lượng sản phẩm làm ra. Tiêu chuẩn phân phối ở đây không chỉ đơn thuần là bản thân lao động đã chi phí theo «mỗi công đoạn» trong quá trình sản xuất (vì chi phí này rất khó tính và giám sát), mà còn là kết quả vật chất của quá trình lao động đó.

Khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động là hình thức quản lý sản xuất, tổ chức lao động trên cơ sở đó, quản trị thêm một bước nguyên tắc trả công lao động theo số lượng và chất lượng lao động. Hình thức quản lý này thích hợp với cơ sở vật chất kỹ thuật, với đặc điểm nghề trồng lúa nước, với năng lực cán bộ và trình độ làm chủ tập thể của xã viên hiện nay. Nó không phủ định những ưu điểm của các hình thức quản lý đã được xác lập trong hợp tác xã, mà loại bỏ những thực tế trái với lối quản lý thật sự xã hội chủ nghĩa tương ứng với giai đoạn hiện nay của quan hệ sản xuất mới.

Hình thức khoán mới rõ ràng là kết quả quá trình vận động của những nhân tố chủ quan vươn lên nhận thức, vận dụng quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với lực lượng sản xuất. Những hoạt động của nhân tố chủ quan ở đây, bước đầu đã phát huy tính ưu việt của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, biến nó từ khả năng vốn có thành hiện thực cho ta.

III

Quá trình từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa là quá trình cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện và triệt để, «vừa xóa bỏ cái cũ, vừa xây dựng cái mới

từ gốc đến ngọn» (5). Quá trình cách mạng này đòi hỏi Đảng ta phải vận dụng sáng tạo hàng loạt quy luật nói chung và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với lực lượng sản xuất nói riêng. Có thể tóm tắt sự vận dụng sáng tạo quy luật này của Đảng ta vào thực tiễn cách mạng Việt-nam bằng những luận điểm sau:

Đó là phải xây dựng từ đầu cả lực lượng sản xuất mới lẫn quan hệ sản xuất mới.

Đó là phải kết hợp cải tạo với xây dựng, cải tạo để xây dựng, xây dựng để cải tạo, trong đó lấy xây dựng làm chủ yếu.

Đó là tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó lấy cách mạng khoa học kỹ thuật làm then chốt.

Đó là tiến hành tốt quá trình phát triển kinh tế trong nước kết hợp với sự phân công hợp tác quốc tế.

Đó là phải luôn luôn chủ động cải tiến và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, một ưu thế chỉ riêng hình thái kinh tế xã hội xã hội chủ nghĩa mới có.

Đó là tác động chủ quan của con người phải làm sao cho trong mỗi bước đi lên của cách mạng, đều có sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Những luận điểm trên là đúng đắn, khoa học và cách mạng.

Như một sự thể hiện của tinh thần sáng tạo, việc khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động từ chỗ « khoán chui », qua sự nắm bắt của một số địa phương nghiên cứu nó, chỉ đạo nó, đã dẫn đến chỉ thị số 100-CT/TU ngày 13-1-1981 của Ban bí thư Trung ương Đảng.

Có được chỉ thị đúng đắn đã khó, nhưng tổ chức thực hiện chỉ thị đó lại là phần khó hơn. Một cách thức tổ chức chỉ được thực hiện tốt khi nào tất cả các yếu tố của nó hoạt động một cách đồng bộ. Nếu một yếu tố nào đó bị lãng quên, hoặc đánh giá không

đúng: được đánh giá quá cao hoặc bị hạ thấp, thì chúng ta sẽ không thu được kết quả mong muốn.

Ở Hà-sơn-binh đã có khoảng 10% (21/200 hợp tác xã) các hợp tác xã thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, ở đó diễn ra những hiện tượng tiêu cực. Ở những hợp tác xã này hoặc là định mức khoán không đúng, hoặc là không điều hành được 5 khâu tập thể đảm nhận, dẫn đến khoán trắng ở một số khâu hoặc khoán trắng ở tất cả. Ở đây có những biểu hiện như: chia ruộng manh mún, trâu cây bị chết nhiều, tranh nhau lấy nước tưới, chia nhau thuốc trừ sâu, « cống nạp » để được nhận khoán ruộng tốt, ban ơn... Ở một số hợp tác xã khác, nhà trẻ bị vỡ, công gián tiếp tăng do phải chi thêm cho nhóm trưởng, nhóm phó (nhóm trưởng 120 công, nhóm phó 60 đến 80 công)... Tình hình trên dẫn đến chỗ hợp tác xã không những không được củng cố mà còn bị rới, nội bộ nông thôn mất đoàn kết.

Nhưng không thể vin vào những hiện tượng trên để phủ định cách khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Ở đây cần phải thấy: « Nếu xét những sự thật trong toàn bộ những sự thật, trong mối liên hệ giữa chúng với nhau thì sự thật không những bao giờ cũng « danh thật », mà còn là những chứng cứ chắc chắn không thể chối cãi được. Nếu xét những sự thật đó, ngoài toàn bộ những sự thật, ngoài mối liên hệ giữa chúng với nhau, nếu nó rời rạc và được chọn tùy tiện, thì sự thật chỉ là những trò chơi trẻ con hay còn tệ hơn nữa » (6).

Thực tiễn đang chứng minh rằng, những nơi thực hiện khoán sản phẩm

(5) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nxb Sự thật, Hà nội, 1977, tr. 49.

(6) V. I. Lê-nin: Toàn tập, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 23, tr. 349.

đến nhóm và người lao động, dễ xảy ra những hiện tượng tiêu cực không phải là do bản thân chính sách khoán mới mà là ở khâu tổ chức thực hiện.

Tất nhiên, sự đánh giá sẽ không đúng khi đem quy tất cả sự chuyển biến tích cực cũng như tiêu cực cho việc khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Ví dụ, năng suất cây trồng tăng có thể do khoán làm tăng một ít nhưng cũng có phần do ngăn chặn được tham ô, lãng phí, do tiết kiệm... Hay khi tính giá thành sản phẩm thì thật ra là chúng ta cũng chỉ mới tính chi phí của hợp tác xã, còn người xã viên bỏ thêm cả lao động sống và lao động quá khứ vào (cố nhiên điều này cũng gắn liền với việc khoán sản phẩm đến người lao động) thì ta chưa tính đến... Ilon nữa, phải đặt việc khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động vào trong cả guồng máy của cơ chế quản lý nói chung, vào cả bối cảnh của hoàn cảnh khách quan: chúng ta đã thay đổi nhiều khâu, đã có Nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Trung ương cho « sản xuấtbung ra đúng hướng », đã có « năm công khai » trong các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp theo quyết định của Hội đồng chính phủ, đã có một số chính sách khuyến khích sự « thống nhất ba lợi ích » trong kinh tế và bây giờ là khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động... — tất cả những cái đó góp phần làm chuyển động quảng đại quần chúng. Song, cũng sẽ phạm sai lầm nếu không thấy hết ý nghĩa và tầm quan trọng của khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em, trong quá trình phát triển cũng đã và đang diễn ra xu hướng chuyển từ trả công lao động theo việc sang trả công lao động theo sản phẩm. Việc « trói chặt sức lao động và tư liệu sản xuất vào trong một hình thức tổ chức lao động không hợp lý với chế độ phân phối bình quân chủ nghĩa, là tạo ra mọi thứ tiêu

cực, phủ định quyền làm chủ tập thể, kìm hãm sự sáng tạo, làm mất tinh thần hăng hái và ý thức trách nhiệm của người lao động (7).

Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là từ sản xuất nhỏ đi lên, đòi hỏi chúng ta nhận thức sâu sắc thực trạng lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong quá trình phát triển của chúng. Phải dựa vào đó vạch ra viên cảnh cho sự phát triển xã hội, song lại cũng phải cụ thể hóa được những bước đi trước mắt. Nếu chỉ vì lợi ích trước mắt mà lãng quên mục đích lâu dài thì sẽ sa vào chủ nghĩa cơ hội. Song, nếu chỉ thấy những mục đích lâu dài và để chúng che lấp những nhiệm vụ khẩn cấp trước mắt, những bước quá độ, bước đi cụ thể và khó khăn hướng tới tương lai, thì lại sa vào chủ nghĩa quan liêu, ảo tưởng.

Khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, hiện nay là tiến bộ, là làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với thực trạng của lực lượng sản xuất. Nhưng ngày mai có thể và cần phải thay đổi khi lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất đã đổi mới. Điều đó cũng dễ hiểu, bởi lẽ, trong lịch sử không có sẵn các lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất ở dạng hoàn chỉnh mà lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất hình thành và phát triển trong quá trình phát triển xã hội.

Hướng trước mắt để phát triển sản xuất là thực hiện tốt chỉ thị 100 — CT/TU của Ban bí thư về cải tiến hình thức khoán và chỉ thị của Hội đồng chính phủ về thực hiện « năm công khai » trong các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Ở đây cần thấy rằng, một mặt tạo ra những hình thức tổ chức sản xuất tốt, quán triệt nguyên tắc phân phối theo lao động để kích thích, thu hút mọi người lao động là điều có ý nghĩa quan

(7) Xã luận Báo Nhân dân, số 97911 ngày 7-4-1981.

trọng. Song, mặt khác phải thấy, nếu không thực hiện kiểm kê kiểm soát tốt thì tổ chức sản xuất và phân phối theo lao động cũng khó mà thực hiện được, nhất là trong tình hình hiện nay khi những hiện tượng tiêu cực xảy ra ở nhiều nơi.

Hướng lâu dài để đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa nói chung và trong nông nghiệp nói riêng là xây dựng: “Chế độ làm chủ

tập thể cộng với công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa”. Muốn làm được điều đó, không có cách nào khác, phải: “**Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt**”, nghĩa là không ngừng nâng cao năng lực chủ quan để làm chủ cho được quá trình xây dựng xã hội mới, xã hội chủ nghĩa.

Về sự lãnh đạo...

(Tiếp theo trang 31)

Đảng viên trong các cơ sở khoa học và kỹ thuật phải thể hiện được điều đó trong lãnh đạo chính trị của Đảng, đi đầu trong việc cải tiến chất lượng và tăng hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và thực nghiệm, trong việc vận động tổ chức lao động theo phương thức xã hội chủ nghĩa.

Đảng cần chú trọng xây dựng Công đoàn, đề cao vai trò của Công đoàn trong việc vận động, đoàn kết mọi người lao động thi đua phát huy tính chủ động, sáng tạo, đẩy mạnh quá trình liên kết khoa học với sản xuất.

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh góp phần hết sức quan trọng vào việc phát triển các ngành khoa học và kỹ thuật hiện đại phục vụ cho sản xuất, đời sống và quốc phòng, rèn luyện cho thanh niên trở thành những nhà khoa học, những người

công nhân kỹ thuật trẻ, có triển vọng cho đất nước.

Các hội khoa học và kỹ thuật cần được xây dựng và phát triển, tích cực hoạt động cho việc phổ biến tri thức khoa học trong nhân dân, động viên khuyến khích sáng chế và phát minh, mở rộng phạm vi đóng góp của anh chị em làm công tác khoa học kỹ thuật trong các phương hướng hiện đại của cách mạng khoa học và kỹ thuật.

Thông qua hoạt động của các tổ chức Đảng và các tổ chức quần chúng trong phong trào tiến quân vào khoa học và kỹ thuật, Đảng có điều kiện giáo dục, bồi dưỡng và rèn luyện những cán bộ và công nhân kỹ thuật, trên cơ sở đó mà tiến hành công tác phát triển Đảng trong đối tượng này, và chọn lựa những người có triển vọng đào tạo thành cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý khoa học và kỹ thuật.

Hải-phòng thực hiện chế độ khoán mới trong hợp tác xã nông nghiệp

ĐOÀN-DUY-THÀNH

Chủ tịch UBND thành phố Hải-phòng

I — MỘT NĂM THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ KHOÁN MỚI

« Khoán sản phẩm » cây lúa đến người lao động là một chủ trương đúng đắn, phù hợp với tình hình thực tế sản xuất nông nghiệp và nguyện vọng của nông dân, do đó đã nhanh chóng trở thành phong trào sản xuất sôi động ở nông thôn. Từ 127 hợp tác xã tiến hành trong vụ mùa năm 1980, sang vụ chiêm xuân năm 1981, Hải-phòng đã có 165 hợp tác xã thực hiện chế độ khoán mới, chiếm 96,4% tổng số hợp tác xã toàn thành.

Hiệu quả kinh tế đạt được thật đáng phấn khởi. Vụ mùa năm 1980, năng suất lúa đạt 23,16 tạ/ha, tổng sản lượng lương thực cả năm 1980 đạt 221729 tấn (tăng 6,3% so với năm 1979). Vụ chiêm xuân 1981, toàn thành đã cấy vượt 1,95% kế hoạch diện tích (tăng 2,4% so với vụ chiêm xuân 1980), năng suất lúa đạt 25,13 tạ/ha, tăng hơn vụ chiêm xuân 1980 mỗi héc ta 1,76 tạ thóc). Cả 6 huyện trong toàn thành đều tăng sản lượng lương thực. Vụ chiêm năm nay, huyện Đồ-sơn tăng 5635 tấn, huyện Kiến-an tăng 4809 tấn,

huyện Tiên-lãng tăng 1885 tấn, huyện An-hải tăng 3680 tấn, huyện Vĩnh-bảo tăng 1100 tấn và huyện Thủy-nguyên tăng 2550 tấn. Trong vụ chiêm xuân này, có hàng chục hợp tác xã tăng từ 200 đến 500 tấn thóc. Có từ 70 đến 80% số người nhận khoán đã vượt kế hoạch sản lượng khoán của hợp tác xã. Vụ chiêm xuân 1981 này, nông nghiệp Hải-phòng thu thêm 22 000 tấn thóc, tăng 26% so với vụ chiêm xuân trước.

Qua một năm thực hiện chế độ khoán mới trong nông nghiệp, tuy kinh nghiệm chưa nhiều, song với những kết quả cụ thể đã đạt được trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, nông dân Hải-phòng phấn khởi, tin tưởng có thể tiếp tục đưa nông nghiệp đi lên vững chắc.

Phong trào khoán mới đã diễn ra một cách rộng khắp ở nông thôn Hải-phòng trong một thời gian ngắn, nên cũng đã xảy ra không ít lệch lạc và sai sót. Hải-phòng đã sơ kết rút kinh nghiệm, đề ra những quy định và cách làm cụ thể, thống nhất nhằm giúp cho cơ sở khắc phục những lệch lạc và sai sót, thực hiện đúng đắn chỉ thị của Ban bí thư Trung ương

Đảng về cải tiến công tác khoán trong hợp tác xã nông nghiệp.

II - CƠ CHẾ KHOÁN SẢN PHẨM

« Khoán sản phẩm » cũng như các mặt công tác khác trong quản lý hợp tác xã nông nghiệp ở Hải-phòng đều nhằm đẩy mạnh sản xuất, làm ra nhiều sản phẩm với chất lượng tốt, giá thành hạ, nâng cao hiệu quả kinh tế, thu hút mọi người hăng hái lao động sản xuất, kích thích tăng năng suất lao động, sử dụng có hiệu quả đất đai và các cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho xã viên, tăng tích lũy cho hợp tác xã và làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Thực hiện chế độ khoán mới, hợp tác xã phải quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả tư liệu sản xuất của tập thể (ruộng đất, sức kéo, phân bón, công cụ và các cơ sở vật chất kỹ thuật khác).

Ban quản trị hợp tác xã là người chịu trách nhiệm tổ chức việc quản lý và điều hành lao động, cũng như điều hành mọi hoạt động sản xuất của hợp tác xã đến người lao động (từ khâu làm đất, tưới và tiêu nước, bảo đảm cơ cấu giống lúa, thời vụ, phân bón, trừ sâu cho đến ba khâu cấy, chăm sóc, thu hoạch khoán gộp cho người lao động), phát huy tinh thần hăng hái của lao động hiệp tác có phân công, đồng thời kích thích tinh thần tự giác lao động của tập thể xã viên và của từng người lao động trên cơ sở làm cho mọi người quan tâm và gắn bó với kết quả sản xuất.

Ban chỉ huy đội sản xuất chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động sản xuất hằng ngày của xã viên, kiểm tra và hướng dẫn xã viên thực hiện đúng quy trình kỹ thuật và các định mức kinh tế của hợp tác xã đã đề ra.

Kế hoạch sản xuất trước mắt và lâu dài của hợp tác xã được vạch ra phù hợp với vùng sản xuất của huyện, có quy trình sản xuất và định mức kinh tế kỹ thuật sát với tình hình ruộng đất và công cụ sản xuất hiện có. Các đơn vị và người nhận khoán buộc phải làm đúng các quy định của hợp tác xã.

Hợp tác xã thực hiện chế độ hạch toán kinh tế, xác định giá thành sản phẩm, bảo đảm kinh doanh có tích lũy, phân phối theo lao động, phát huy quyền tự chủ của hợp tác xã và quyền làm chủ tập thể của xã viên. Xã viên được tham gia bàn bạc, xây dựng kế hoạch sản xuất, định mức khoán và giải quyết đúng đắn ba lợi ích

« Khoán sản phẩm » là một hình thức quản lý sản xuất và trả công lao động cho từng đơn vị sản xuất và từng người lao động, gắn được quyền lợi và trách nhiệm của từng người lao động và từng khâu lao động với kết quả sản xuất.

Tiến hành « khoán sản phẩm » trong ngành trồng trọt, ban quản trị hợp tác xã và ban chỉ huy đội sản xuất là người chịu trách nhiệm điều hành mọi công việc lao động sản xuất theo kế hoạch, theo yêu cầu kỹ thuật và quy trình sản xuất của hợp tác xã. Từng loại công việc đều có định mức kinh tế kỹ thuật. Căn cứ vào các loại ruộng đất, định mức lao động và vật tư, căn cứ vào năng suất và sản lượng của những năm gần đây, hợp tác xã lấy mức trung bình tiên tiến để xác định mức năng suất và sản lượng khoán. Chỉ tiêu giao khoán sản phẩm bao gồm cả số lượng và chất lượng. Đối với các loại sản phẩm khó quy định về mặt chất lượng, chỉ tiêu sản phẩm vừa phải thể hiện bằng số lượng sản phẩm, vừa thể hiện bằng giá trị, bảo đảm đúng quy định về phẩm chất sản phẩm. Sản lượng khoán ổn định trong 5 năm, trừ trường hợp hợp tác

xã và Nhà nước đầu tư thêm về cơ sở vật chất kỹ thuật, phân bón... mới xét điều chỉnh lại sản lượng cho hợp lý. Nếu gặp thiên tai, sâu bệnh làm thiệt hại mùa màng, hợp tác xã thành lập hội đồng kiểm tra, xem xét miễn giảm. Khi xét miễn hoặc giảm mức sản lượng khoán phải có biên bản xác nhận của đội sản xuất. Ban quản trị hợp tác xã xét và trình đại hội xã viên quyết định. Nếu thiệt hại lớn, cần miễn giảm nhiều phải được Ủy ban nhân dân huyện chuẩn y.

Kinh nghiệm thực tế qua một năm (2 vụ) khoán lúa cho người lao động ở Hải-phòng cho thấy việc tổ chức tốt sự phân công lao động và hiệp tác làm từng khâu hay nhiều khâu lao động gắn với kết quả sản xuất là điều cốt yếu nhất bảo đảm việc thực hiện chế độ khoán mới trong ngành trồng trọt đi đúng hướng và đạt hiệu quả kinh tế cao.

Khâu làm đất bằng máy, hợp tác xã hợp đồng với trạm máy kéo lớn của Nhà nước và khoán cho tổ máy kéo dây tay của hợp tác xã. Trên cơ sở đó, tổ máy kéo khoán cho từng công nhân điều khiển máy. Người điều khiển máy được hưởng tiền công theo kết quả lao động bằng đơn giá khoán và được mua một số lượng thực, thực phẩm của hợp tác xã theo giá kinh doanh. Nếu có số diện tích nào đó làm đất không đạt yêu cầu kỹ thuật thì trạm máy kéo phải làm lại. Sau khi làm lại, vẫn không đạt yêu cầu thì hợp tác xã sẽ căn cứ vào số lượng và mức độ thiệt hại để tính toán khấu trừ, hoặc bồi bồi thường. Trạm máy kéo và công nhân cùng phải chịu trách nhiệm về việc làm trễ thời vụ do mình gây nên. Nếu làm đất tốt, đúng thời vụ, mùa màng thu hoạch khá, hợp tác xã sẽ trích thưởng cho trạm máy kéo để trạm thưởng lại cho công nhân lái máy và người phục vụ của trạm.

Đội trưởng sản xuất chịu trách nhiệm tổ chức và điều hành các nhóm

chuyên làm đất bằng trâu. Người được giao nhiệm vụ chuyên làm đất bằng trâu hoạt động theo đúng lịch phân công cây bừa hằng ngày của đội. Ở những nơi bố trí trâu cày theo nhóm lao động, mỗi nhóm khoán cho một vài người chuyên cày bừa. Lịch bố trí cày bừa (ruộng nào trước, ruộng nào sau) do nhóm lao động bàn bạc thỏa thuận. Làm đất xong trên đám ruộng nào thì tổ chức nghiệm thu giữa người làm đất với đội trưởng và người nhận làm khoán đám ruộng đó. Cày và bừa giao cho người làm đất bảo quản, có định rõ thời gian sử dụng và chi phí sửa chữa, nếu giảm chi phí người bảo quản được hưởng. Người chuyên làm đất phụ trách cả việc nuôi trâu thì năng cao được trách nhiệm chăm sóc bảo vệ trâu. Trường hợp thiếu sức kéo, chủ động phân công cho người nhận khoán làm thêm việc cuốc đất.

Nhất thiết không để xã viên nhận ruộng khoán tự sản xuất lấy giống. Mỗi hợp tác xã có đội giống chuyên, hoặc mỗi đội sản xuất có nhóm giống chuyên làm nhiệm vụ chọn giống, thực nghiệm và nhân giống mới cung cấp cho các đội sản xuất. Các nhóm giống chuyên được phân công cụ thể mỗi nhóm chịu trách nhiệm làm một loại giống. Đội giống chuyên hay nhóm giống chuyên đều tiến hành khoán đến người lao động. Đội giống hay nhóm giống chuyên được ưu tiên về hạng ruộng đất, về sản phẩm, nhà kho, công cụ. Đội trưởng đội giống hay nhóm trưởng nhóm giống là người chịu trách nhiệm trước hợp tác xã hoặc đội sản xuất chỉ đạo và quản lý chặt chẽ quy trình sản xuất giống, bảo đảm sản xuất đủ số lượng và chủng loại giống theo cơ cấu giống đã được xác định theo từng vụ của hợp tác xã.

Việc ngâm ủ giống có thể tiến hành theo hai cách. Nơi có điều kiện, có kinh nghiệm và đã làm tốt thì ngâm ủ tập trung, rồi phân phối mộng

về cho các đội sản xuất gieo tập trung và giao khoán cho xã viên chăm sóc mạ. Nơi không có điều kiện như trên thì giao giống cho một số gia đình có kinh nghiệm ngâm ủ mộng. Song đội trưởng sản xuất phải kiểm tra thường xuyên và đôn đốc sát sao để bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật và thời vụ. Dù làm theo hình thức nào, khâu làm đất được mạ vẫn phải do đội trưởng chỉ đạo làm tập trung thống nhất.

Khâu tưới và tiêu nước do đội thủy nông nhận khoán làm theo sự điều hành của Ban quản trị hợp tác xã. Ban quản trị hợp tác xã khoán việc tưới, tiêu nước trên đồng ruộng cho đội thủy nông theo đơn giá tính theo đơn vị diện tích, định mức chi phí nhiên liệu, điện và chi phí bảo dưỡng sửa chữa công trình. Trên cơ sở đó, đội thủy nông khoán cho từng người lao động trong đội những công việc cụ thể, bảo đảm đưa nước đến kênh cấp III và có lịch cho xã viên nhận khoán đưa nước vào từng thửa ruộng. Những chân ruộng không có điều kiện tưới, tiêu nước bằng bơm điện, bơm dầu hay tự chảy, hợp tác xã khoán cho xã viên tát nước vào ruộng bằng guồng, gầu.

Hợp tác xã có cán bộ kỹ thuật làm nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phát hiện sâu bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng trừ. Khi có sâu bệnh xuất hiện, đội trưởng sản xuất trực tiếp điều hành tổ phun thuốc trừ sâu ở đội mình. Không giao thuốc trừ sâu cho từng xã viên sử dụng. Đi đôi với việc củng cố tổ phòng, trừ sâu bệnh, cán bộ kỹ thuật của hợp tác xã hướng dẫn cho mọi người lao động nhận khoán biết cách phòng, trừ đối với mỗi loại sâu bệnh, để xã viên tự làm (kết hợp với kinh nghiệm quần chúng), nhanh chóng dập tắt sâu bệnh phá hoại.

Các khâu gieo cấy, chăm bón và thu hoạch khoán gộp và ổn định cho

từng xã viên đảm nhận đến sản phẩm cuối cùng trên một số diện tích nhất định. Ruộng đất giao khoán cho người lao động trong ngành trồng trọt là chính. Hợp tác xã căn cứ vào khả năng lao động, nghĩa vụ lao động và mức đầu tư lao động trên mỗi đơn vị diện tích để tính toán giao khoán ruộng đất cho phù hợp, gia đình xã viên có nhiều khả năng lao động giao khoán nhiều, ít khả năng lao động giao khoán ít, không có khả năng lao động không giao. Cán bộ xã và cán bộ hợp tác xã cũng được nhận ruộng khoán tương ứng với thời gian có thể dành ra sản xuất đối với mỗi loại cán bộ. Lao động làm các ngành nghề khác, nếu xét cần thiết (ở những hợp tác xã có nhiều ruộng đất) và bản thân họ tự nguyện, cũng được giao khoán một số diện tích; nhưng phải bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất trong ngành nghề chính của mình. Định mức diện tích giao khoán cho từng loại cán bộ, lao động ngành nghề và các đối tượng khác do ban quản trị đề nghị đại hội xã viên quyết định.

Người xã viên nhận khoán phải bảo đảm gieo cấy đúng thời vụ, đúng kỹ thuật, đúng mật độ và đúng loại giống đã quy định theo kế hoạch gieo cấy cho từng loại ruộng đất của hợp tác xã. Các công việc làm cỏ, tía, dặm, chăm bón... do người nhận khoán lo liệu. Ban quản trị hợp tác xã giao phân bón (cả phân hóa học) theo định mức cho xã viên chủ động chăm bón. Ban quản trị hợp tác xã và đội trưởng sản xuất tính toán trước để phân công cụ thể cho từng đội, từng nhóm, có nội quy chung, có người chịu trách nhiệm bảo quản và có đơn giá hợp lý khi sử dụng máy tuốt lúa cũng như các cơ sở vật chất khác phục vụ thu hoạch sản phẩm. Dù thu hoạch về sản hợp tác xã hay gia đình xã viên, đội trưởng có trách nhiệm nắm kết quả thu hoạch thực tế để đánh giá đúng kết quả sản xuất.

Sau khi thu hoạch xong, xã viên có trách nhiệm giao nộp đủ sản phẩm, bảo đảm đủ số lượng, chất lượng và chủng loại sản phẩm theo đúng thời gian hợp đồng ký kết giữa đội sản xuất và người lao động.

Ngoài ra, việc giao nhận vật tư phải được cân đo, đo đếm chính xác. Nếu công ty hoặc trạm vật tư nông nghiệp cung cấp đủ số hàng, bảo đảm chất lượng, kịp thời vụ theo đúng hợp đồng ký kết với hợp tác xã (nhất là phân bón, vôi, thuốc trừ sâu...) tạo điều kiện cho hợp tác xã thực hiện tốt kế hoạch sản xuất và tăng năng suất cây trồng, sẽ được hợp tác xã thưởng từ 0,2 - 0,5% số tiền vật tư cung cấp cho hợp tác xã. Trường hợp vật tư cung cấp không đủ số lượng, chất lượng xấu, vi phạm thời gian hợp đồng, làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất, cơ quan cung cấp vật tư chịu trách nhiệm đền bù phần thiệt hại do vật tư giao không đúng yêu cầu gây nên.

Ở những nơi chăn nuôi tập thể có cơ sở vật chất kỹ thuật khá, có kết quả tốt, thì tiếp tục củng cố và đi sâu cải tiến cách khoán sản phẩm theo tổ chuyên kết hợp với người lao động. Trại nhận khoán với ban quản trị hợp tác xã, các tổ chuyên nhận khoán với trại rồi khoán cho từng người lao động theo đơn giá khoán của hợp tác xã.

Hợp tác xã tổ chức sản xuất, cung cấp thức ăn và khoán cho gia đình chăn nuôi; hoặc hợp tác xã khoán cho xã viên cả khâu sản xuất thức ăn (trên ruộng chăn nuôi của tập thể) và khâu sản xuất lợn con giống hoặc nuôi lợn thịt cho hợp tác xã.

Khoán nuôi lợn nái thì sản phẩm cuối cùng tính để thanh toán là số kg lợn con giống sản xuất được. Khoán nuôi lợn thịt thì tính theo số kg lợn hơi giao nộp cho hợp tác xã để thanh toán lương thực và tiền công. Sản lượng thịt vượt khoán và số chi phí

giảm, người nhận khoán chăn nuôi được hưởng. Ngược lại, hụt định mức sản lượng khoán, xã viên vẫn phải nộp đủ sản phẩm khoán. Khi xã viên nuôi được lợn to, giá bán cao hơn định giá khoán của hợp tác xã, xã viên được hưởng phần chênh lệch đó.

Ban quản trị hợp tác xã có trách nhiệm cung cấp lợn nái hậu bị (nếu là chăn nuôi sinh sản) và lợn con giống (nếu là nuôi lợn thịt) cho xã viên nhận khoán chăn nuôi cho hợp tác xã; cung cấp đủ thức ăn hoặc giao khoán ruộng sản xuất thức ăn cho xã viên nhận khoán chăn nuôi; tổ chức tiêm phòng, tẩy giun sán và phân phối thuốc chữa bệnh cho lợn. Xã viên nhận khoán chăn nuôi cho hợp tác xã có trách nhiệm thực hiện đúng nội quy phòng và chống dịch bệnh giao nộp đủ sản phẩm theo thời gian hợp đồng ký kết với hợp tác xã

Các ngành nghề thủ công trong hợp tác xã thực hiện khoán sản phẩm cho xã viên, trả công theo sản phẩm làm ra. Trên cơ sở định mức lao động, vật tư mà tính toán giá thành đơn vị sản phẩm (ví dụ: 1000 viên gạch, 1 tạ vôi, 1 bộ thềm v.v.) và trả công cho người lao động bao nhiêu tiền và bao nhiêu lương thực theo giá kinh doanh (giá thành + lợi nhuận) của hợp tác xã. Việc xác định mức lợi nhuận cho từng ngành sản xuất nói chung có thể từ 10 - 30% so với giá thành.

Căn cứ vào sức lao động phải bỏ ra theo yêu cầu kỹ thuật sản xuất và giá trị từng loại sản phẩm của từng ngành sản xuất để định đơn giá trả công hợp lý, công bằng giữa những người lao động làm ngành nghề, chăn nuôi, trồng trọt... Người nhận khoán sản phẩm được hưởng thụ theo kết quả lao động tính bằng tiền theo đơn giá và được mua số lương thực cần thiết với giá kinh doanh của hợp tác xã. Riêng người nhận khoán trong trồng trọt thì tính luôn lợi ích của họ được hưởng bằng lương thực và một phần bằng tiền.

Các ngành (trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề) trong hợp tác xã căn hạch toán riêng theo từng ngành. Trả công cho ngành nào dựa vào, kết quả sản xuất của ngành đó, có sự điều hòa giữa phân phối bằng hiện vật và bằng tiền giữa các ngành theo nguyên tắc phân phối chung của hợp tác xã.

III - TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ THU LAO CHO CÁN BỘ

Việc thực hiện hình thức khoán mới trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở Hải-phòng đòi hỏi cải tiến tổ chức bộ máy và trả thù lao cho cán bộ hợp tác xã.

Ban quản trị hợp tác xã gồm 5 người : một chủ nhiệm phụ trách chung, trực tiếp chỉ đạo khâu kế hoạch sản xuất kinh doanh; một phó chủ nhiệm phụ trách trông trọt và khoa học kỹ thuật; một phó chủ nhiệm phụ trách quản lý lao động, chỉ đạo các đội chuyên khâu và chăn nuôi; một ủy viên quản trị phụ trách ngành nghề; một ủy viên quản trị phụ trách văn hóa, xã hội, đời sống.

Ban kiểm soát gồm 3 người : trưởng ban phụ trách chung, trực tiếp kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và chế độ, chính sách; một ủy viên kiểm tra tài chính; một ủy viên kiểm tra lao động và chế độ khoán.

Bộ môn kế hoạch - lao động gồm 3 người : một người phụ trách xây dựng và theo dõi thực hiện kế hoạch sản xuất; một người phụ trách tổ chức lao động, định mức khoán, quản lý ruộng đất và vật tư; một người thống kê.

Bộ môn tài vụ - kế toán gồm 4 người : một kế toán trưởng phụ trách chung, tổng hợp, kiểm tra thực hiện nguyên tắc tài chính; một kế toán theo dõi hạch toán tài sản cố định,

dụng cụ, vật tư, sản phẩm; một kế toán theo dõi thanh toán với các cơ quan xí nghiệp Nhà nước và xã viên hợp tác xã; một kế toán theo dõi thu chi và quản lý tiền mặt.

Bộ môn văn hóa - đời sống gồm 3 người : một người phụ trách công tác văn hóa, giáo dục; một người phụ trách mẫu giáo, nhóm trẻ, vệ sinh phòng bệnh; một người phụ trách thư viện, thông tin, truyền thanh.

Mỗi đội sản xuất có một đội trưởng phụ trách kế hoạch điều hành sản xuất, một đội phó đồng thời là kế toán đội phụ trách thu nộp sản phẩm và thanh toán với xã viên.

Chế độ thù lao cho cán bộ được quy định theo chức trách của từng bộ môn và từng người cụ thể. Hợp tác xã căn cứ vào tổng giá trị thu nhập và tổng sản lượng thực tế để trích quỹ lương trả thù lao cho cán bộ. Giá trị tổng thu nhập, tổng sản lượng lương thực càng nhiều thì quỹ lương càng nhiều, hoặc ngược lại.

Dựa vào quỹ lương trong năm kế hoạch, căn cứ vào trách nhiệm của từng loại cán bộ, hợp tác xã xác định mức thù lao theo hệ số cho từng loại cán bộ trong hợp tác xã (lấy chủ nhiệm làm chuẩn). Chế độ và mức thù lao cho từng loại cán bộ do đại hội xã viên quyết định : cứ 1000 đồng giá trị thu nhập và một tấn sản lượng lương thực hợp tác xã làm ra, từng loại cán bộ được bao nhiêu tiền và bao nhiêu cân thóc.

Đối với số cán bộ chuyên trách và nửa chuyên trách công tác ở xã, hợp tác xã cũng khoán sản phẩm cho họ làm ngoài giờ làm công tác chuyên môn để tăng thêm thu nhập, nâng cao mức sống. Ngoài số lương thực cán bộ đó thu được theo mức khoán của hợp tác xã, hợp tác xã bán thêm cho họ một số nữa theo giá kinh doanh của hợp tác xã để họ đủ ăn.

MẤY KINH NGHIỆM CÔNG TÁC NGÂN HÀNG TỈNH THÁI BÌNH

NGÔ-VĂN-HẢI

Từ năm 1976 đến năm 1979, Ngân hàng Thái-bình đã từ bội thu tiền mặt chuyển qua bội chi tiền mặt ngày càng nhiều. Nhưng Ngân hàng Thái-bình không để cho tình hình trên tiếp diễn, đã có những biện pháp chỉ đạo cụ thể để chặn đứng tình hình bội chi tiền mặt. Đặc biệt trong chiến dịch 39 ngày đêm về công tác tiền tệ, tín dụng vào cuối năm 1979, Ngân hàng Thái-bình đã chuyển từ chỗ bội chi tiền mặt sang bội thu tiền mặt (hơn 2 triệu đồng).

Phát huy thành tích đã đạt được, từ đầu năm 1980 Ngân hàng Thái-bình lại tiếp tục phấn đấu làm tốt công tác tiền tệ, tín dụng. Kết quả là, đến cuối năm 1980, Ngân hàng Thái-bình đã hoàn thành vượt mức và toàn diện các chỉ tiêu tiền tệ, tín dụng: tiền mặt bội thu 24 triệu đồng, vượt 20% kế hoạch, gấp 12 lần số tiền mặt bội thu năm 1979. Ngân hàng Thái-bình chẳng những không khất chịu các khoản tiền phải trả, mà còn chi viện cho các tỉnh bạn 19 triệu đồng; số dư tiền gửi tiết kiệm cuối năm lên đến 73,7 triệu đồng, tăng 16,2 triệu đồng so với cuối năm 1979, nâng số dư tiết kiệm bình quân đầu người toàn tỉnh lên 52 đồng, tăng 11 đồng so với năm 1979.

Về tín dụng, Ngân hàng Thái-bình đã mạnh dạn cải tiến phương thức đầu tư bằng cách cho vay dài hạn theo các dự án kinh tế - kỹ thuật của từng loại sản phẩm, và thực hiện việc cho vay ngắn hạn (chi phí sản xuất thời vụ) theo kế hoạch từ cơ sở đã được duyệt.

Về thu nợ dài hạn, Ngân hàng Thái-bình đạt 107% kế hoạch; nợ ngắn hạn của các hợp tác xã nông nghiệp đầu năm là 44,5 triệu đồng, đến cuối năm chỉ còn 29,8 triệu đồng, giảm được 14,7 triệu đồng, do thu hồi hết nợ chi phí sản xuất trong năm và 30% nợ quá hạn các năm trước. Trong công tác thu nợ, thành tích nổi bật của Ngân hàng Thái-bình là đã thu hồi được trên 18 triệu đồng nợ quá hạn (cả dài hạn và ngắn hạn) của các tổ chức kinh tế.



Nghiên cứu hoạt động tiền tệ tín dụng của Ngân hàng Thái-bình, chúng ta thấy nổi lên mấy kinh nghiệm sau đây:

I - GẮN CHẶT TÍN DỤNG, TIỀN TỆ VỚI SẢN XUẤT, TỪ SẢN XUẤT TẠO RA NGÀY Càng NHIỀU NGUỒN VỐN TIỀN TỆ

« Phải thông qua đồng tiền để tổ chức và hướng dẫn sản xuất, để tổ chức và động viên lao động ». Đó là phương châm chỉ đạo công tác ngân hàng của Thái-bình. Để thực hiện phương châm chỉ đạo này, một mặt Ngân hàng Thái-bình đã lấy việc chỉ đạo thực hiện 5 nội dung công tác ngân hàng trên địa bàn cấp huyện làm cơ sở cho việc nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tiền tệ, tín dụng; mặt khác, thông qua việc cho vay tài sản lưu động và tài sản cố định (bao gồm cả việc cho vay xây dựng cơ bản) mà tác động vào quá trình sản xuất, kinh doanh, xây dựng cơ bản của các ngành, các đơn vị kinh tế, thực hiện chức năng giám đốc bằng đồng tiền, tăng cường quản lý kinh tế nói chung và quản lý vốn tín dụng nói riêng.

Sau 3 năm phấn đấu, đến nay Ngân hàng Thái-bình đã thực hiện được cả 5 nội dung công tác Ngân hàng trên địa bàn các huyện, thị. Đó là việc xây dựng hồ sơ kinh tế trên địa bàn huyện nhằm phát hiện những tiềm năng có thể khai thác được, thực hiện các mục tiêu kinh tế của huyện đã đề ra. Đó là xây dựng các dự án đầu tư vốn trên địa bàn huyện nói chung và dự án đầu tư để phát triển từng loại cây, con, từng loại sản phẩm nói riêng, nhằm thực hiện việc đầu tư đồng bộ, dứt điểm kể từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc quá trình sản xuất, tạo ra một sản phẩm hoàn chỉnh. Đó là việc tính toán khả năng cân đối tiền - hàng trên địa bàn huyện trên cơ sở cân đối thu chi tiền tệ dân cư và khả năng tạo ra nguồn hàng tại chỗ. Đó là tính toán kế hoạch tiền tệ tín dụng từ cơ sở, nhằm gắn chặt kế hoạch này với các kế hoạch sản xuất và kế

hoạch tài vụ của các đơn vị kinh tế. Cuối cùng, đó là việc nghiên cứu xây dựng mô hình tổ chức ngân hàng huyện đề thích ứng với yêu cầu tổ chức lại sản xuất và tăng cường cải tiến quản lý kinh tế trên địa bàn huyện.

Nhìn lại 40 dự án đầu tư vốn được xây dựng (trong đó có 9 dự án đầu tư khoanh vùng chống úng cải tạo đất, 5 dự án đầu tư sản xuất gạch ngói, 4 dự án đầu tư khoanh vùng nuôi cá, 8 dự án đầu tư mở rộng diện tích trồng cói, 4 dự án cho vay phát triển ngành nghề xuất khẩu...), ta thấy có một số dự án được cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp đánh giá cao và đã được đem ra thực hiện. Sau khi thực hiện, các dự án này đã mang lại nhiều kết quả tốt như: dự án chống úng cục bộ kết hợp với nuôi cá của 4 xã huyện Quỳnh-phụ, với số vốn cho vay 82.000 đồng, đã khoanh vùng chống úng 470 héc ta; dự án khoanh vùng kết hợp cải tạo 25 héc ta ao hồ để nuôi cá ở Đông-hưng; dự án san lấp 11 héc ta đầm trũng, cải tạo thành vùng lúa, vụ mùa đã thu hoạch với năng suất 20 tạ/ha; dự án vùng cá Minh-hưng, vùng cói Cồn-vành, vùng cói Hải-tân - Hồng-tiến; dự án sản xuất ngói Vũ-lăng...

Căn cứ vào đặc điểm của một tỉnh nông nghiệp, Ngân hàng Thái-bình đã tập trung trên 70% số vốn để cho vay phục vụ thâm canh và phát triển ngành nghề trong nông nghiệp. Qua đó, Ngân hàng Thái-bình đã góp phần giữ vững năng suất lúa của tỉnh ở mức 53 tạ/ha/năm trong điều kiện thiên tai liên tiếp xảy ra, nâng giá trị sản lượng ngành nghề trong các hợp tác xã nông nghiệp lên hơn 60 triệu đồng. Do sử dụng vốn vay có hiệu quả, các hợp tác xã nông nghiệp đã thanh toán được trên 47 triệu đồng nợ ngắn hạn và dài hạn cho ngân hàng.

Đi đôi với việc đẩy mạnh cho vay nông nghiệp, Ngân hàng Thái-bình đã tích cực cho các đơn vị kinh tế khác

vay để thực hiện các dự án đầu tư theo chiều sâu, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, tận dụng công suất thiết bị sẵn có để mở rộng sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Tất cả 108 hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, 20 tổ hợp tác sản xuất hàng tiêu dùng và hầu hết các xí nghiệp quốc doanh đều có vay vốn ngân hàng. Nhiều xí nghiệp quốc doanh và tổ chức hợp tác được ngân hàng cho vay và chi trả bằng tiền mặt để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, qua đó đã tạo ra nhiều mặt hàng mới, tăng thêm nguồn hàng cho thương nghiệp và tạo nên nguồn tiền mặt lớn hơn đem nộp vào ngân hàng.

Bởi vậy, năm 1980, tuy nguồn hàng từ trung ương đưa về giảm hơn năm 1979, nhưng nguồn thu tiền mặt của Ngân hàng Thái-bình về bán hàng đã tăng hơn năm trước trên 19 triệu đồng; đó là nhờ có nguồn hàng sản xuất tại địa phương.

Như vậy, phương châm chỉ đạo "tích cực và mạnh dạn chi trả bằng tiền mặt cho những nhu cầu hợp lý để thúc đẩy sản xuất và tạo ra nguồn tiền mặt lớn hơn" của Thái-bình đã trở thành hiện thực và có tác dụng lớn.

II - ĐI SÂU VÀO TIỀN TỆ NÔNG THÔN VÀ TÀI VỤ XÍ NGHIỆP ĐỂ TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ TẬP TRUNG TIỀN MẶT VỀ NGÂN HÀNG

Thái-bình là một tỉnh nông nghiệp, nơi mà tiền tệ tập trung nhiều về nông thôn, trong dân cư và các tổ chức kinh tế. Do đó, Ngân hàng Thái-bình đã xác định lấy nông thôn làm địa bàn chính để vừa phục vụ và thúc đẩy sản xuất phát triển, vừa huy động, tập trung và quản lý các nguồn vốn tiền tệ.

Tài vụ của các xí nghiệp và các tổ chức kinh tế biểu hiện các mối quan hệ tiền tệ nảy sinh do sự hình thành và sử dụng các quỹ bằng tiền để bảo đảm quá trình sản xuất, kinh doanh được liên tục; nó tham gia vào quá trình luân chuyển vốn trong tất cả các giai đoạn của quá trình sản xuất, kinh doanh. Do đó, đi sâu vào tài vụ của xí nghiệp và các tổ chức kinh tế cũng tức là đi sâu vào nguồn gốc sản sinh ra nguồn vốn tiền tệ từ sản xuất của các đơn vị kinh tế cơ sở, từ đó mà thực hiện tốt việc tập trung và quản lý các nguồn vốn tiền tệ...

Từ suy nghĩ trên, Ngân hàng Thái-bình đã xác định tiền tệ nông thôn và tài vụ xí nghiệp là *hai mũi tiến công* của hoạt động tiền tệ tín dụng. Trên cơ sở làm tốt hai mũi tiến công đó mà khai thác mọi nguồn thu, tập trung nhanh tiền mặt về Ngân hàng và thực hiện tốt việc quản lý tiền tệ nói chung.

Để đạt được yêu cầu chỉ đạo trên, Ngân hàng Thái-bình đã thực hiện đồng bộ ba biện pháp: *một là*, điều tra phân tích tình hình phân bố tiền tệ trong nhân dân và các cơ quan, xí nghiệp để kiến nghị với cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương những biện pháp thích ứng về công tác vận động gửi tiền tiết kiệm và quản lý tiền mặt; *hai là*, thực hiện việc phân tích kinh tế tài vụ đối với các xí nghiệp và tổ chức kinh tế, từ đó phát hiện những nhân tố tích cực và những mặt tiêu cực tồn tại trong sản xuất kinh doanh của các đơn vị, đề xuất những biện pháp khắc phục; *ba là*, tiến hành thường xuyên và đột xuất việc kiểm tra tiền mặt đối với các cơ quan, đơn vị.

Với cách làm trên, Ngân hàng Thái-bình đã thu về được một lượng tiền mặt khá lớn. Phong trào vận động nhân dân gửi tiền tiết kiệm được các cấp ủy Đảng thường xuyên coi trọng, các chi bộ Đảng quan tâm lãnh đạo. Do đó, phong trào phát

triển cả về bề rộng lẫn bề sâu: việc vận động nhân dân gửi tiền tiết kiệm đi đôi với việc mở rộng mạng lưới tổ chức đã làm cho việc gửi tiền tiết kiệm của nhân dân *thật sự thuận tiện khi gửi vào và rất dễ dàng khi rút ra*. Hệ thống đại diện thu tiền tiết kiệm, các tổ chức ủy nhiệm, hệ thống hợp tác xã tín dụng làm đại lý tiết kiệm được chấn chỉnh, củng cố từng bước, cùng với hệ thống các ban tiết kiệm của Ngân hàng được phát triển, hệ thống phòng giao dịch được xây dựng thêm ở những cụm kinh tế tập trung, là hệ thống chân rết của ngân hàng tỏa xuống các địa bàn sản xuất, các khu dân cư để vận động, thu hút tiền gửi tiết kiệm. Nhờ đó, năm 1980 Thái-bình đã có 70% số hộ tham gia gửi tiền tiết kiệm thường xuyên với số dư trên 60 triệu đồng trong tổng số dư tiết kiệm toàn tỉnh là 73 triệu đồng, có 20 xã đạt số dư bình quân đầu người trên 100 đồng, 4 xã đạt số dư bình quân đầu người trên 160 đồng, 6 huyện có số dư gần 10 triệu đồng, huyện Thái-thủy đạt số dư trên 13 triệu đồng. Tổng số tiền mặt thu về dưới hình thức tiền tiết kiệm của nhân dân đã chiếm trên 20% tổng số thu tiền mặt toàn tỉnh, với số lượng tuyệt đối trên 50 triệu đồng.

Đối với khu vực kinh tế tập thể trong nông nghiệp, thông qua việc thực hiện các biện pháp trên, Ngân hàng đã thu về trên 19 triệu đồng tiền mặt. Nhiều hợp tác xã nộp tiền mặt vào ngân hàng bình quân trên dưới 100 nghìn đồng (trước đây, chỉ nộp trên dưới 100 nghìn đồng), một số hợp tác xã nộp tới 600 nghìn đồng tiền mặt trong năm. Do sản xuất phát triển và thu nhập bằng tiền tăng, hầu hết các hợp tác xã nông nghiệp chẳng những thanh toán hết nợ chi phí sản xuất trong năm, mà còn trả được 15 triệu đồng nợ quá hạn của những năm trước; đến cuối năm, tiền gửi của các hợp tác xã còn lại trên tài khoản

Ngân hàng là trên 27 triệu đồng, tăng 9 triệu đồng so với cuối năm 1979.

Đối với các xí nghiệp quốc doanh, Ngân hàng Thái-bình cũng đã giúp nhiều đơn vị chấn chỉnh, củng cố công tác quản lý tài vụ — mặt công tác yếu kém nhất của xí nghiệp; nhờ đó đã giải quyết được một phần quan trọng tình trạng cấp thừa, cấp thiếu vốn lưu động của xí nghiệp; qua kiểm tra quản lý tiền mặt nhiều đợt trong năm, đã thu hồi trên 2 triệu đồng tiền vượt mức tồn quỹ và thông qua việc thanh toán, đã giải quyết được trên 3 triệu đồng công nợ dây dưa nhiều năm giữa các xí nghiệp và tổ chức kinh tế.

Từ tình hình thực tế của Thái-bình, có thể rút ra một nhận xét tổng quát về phương thức chỉ đạo công tác tiền tệ để có thể chuyển từ chỗ hội chi qua hội thu tiền mặt, từ tiềm năng trở thành khả năng hiện thực là: từng bước thực hiện một cách nghiêm ngặt các cơ chế về quản lý tiền mặt và tổ chức điều hòa lưu thông tiền tệ, lấy việc phát triển sản xuất làm mục tiêu, lấy việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các biện pháp cơ bản trong tiền tệ làm điều kiện như việc tính toán cân đối tiền — hàng trên địa bàn huyện, xã trên cơ sở tính toán thu nhập tiền tệ dân cư; xây dựng và chỉ đạo chấp hành kế hoạch tiền mặt từ tỉnh đến cơ sở; cải tiến công tác kho quỹ và các hình thức thu phát tiền mặt, mở rộng các hình thức thu tiền, bám sát các địa bàn sản xuất và khu dân cư để tập trung nhanh tiền mặt vào quỹ Nhà nước.

III — SỰ LÃNH ĐẠO VÀ CHỈ ĐẠO TRỰC TIẾP CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC TIỀN TỆ, TÍN DỤNG

Bí quyết thắng lợi của hoạt động tiền tệ, tín dụng của Ngân hàng Thái-

hành là sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên và thông suốt của các cấp Đảng và chính quyền từ tỉnh xuống huyện, xã, cho đến từng chi bộ Đảng trong các hợp tác xã nông nghiệp và hợp tác xã tín dụng. Sự lãnh đạo ấy đã có tác dụng quy tụ và hướng sự hoạt động của các ngành, các cấp, các đơn vị kinh tế vào việc thực hiện yêu cầu kết hợp chặt chẽ các mặt công tác tiền tệ, tín dụng và thanh toán.

Các ngành, các cấp trong tỉnh đã quán triệt sâu sắc nghị quyết của Đại hội đảng bộ tỉnh đối với công tác tiền tệ, tín dụng. Nghị quyết đã phê phán triệt để những nhận thức tư tưởng không đúng đối với công tác tín dụng, tiền tệ như coi bội chi tiền mặt là điều tất yếu, không thể tránh khỏi; thái độ bó tay, bị động trong hoạt động tiền tệ, tư tưởng dè dặt, không mạnh dạn sử dụng tiền mặt để cho vay thúc đẩy sản xuất; đối với các ngành, các đơn vị kinh tế, thì việc gì cũng đòi hỏi phải có tiền mặt và sử dụng tiền mặt với bất cứ giá nào; quy mọi khuyết điểm, đổ hết trách nhiệm cho Ngân hàng trong việc bội chi tiền mặt ngày càng nhiều, mà chưa xác định rõ trách nhiệm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương đối với công tác Ngân hàng.

Trên cơ sở phân tích phê phán những nhận thức tư tưởng lệch lạc nói trên, và sau khi xác định những tiềm năng có thể khai thác được của địa phương cùng với những biện pháp khắc phục những mặt yếu kém trong công tác tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý kinh tế địa phương. Nghị quyết của Đại hội đảng bộ tỉnh đã khẳng định rằng trong hoạt động tiền tệ, tín dụng của mình, Ngân hàng phải chủ động, tích cực, bản thân sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, lưu thông phân phối và các mặt hoạt động thực tế khác của đời sống xã hội». Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh cũng đã đề ra nhiệm vụ cho các

ngành, các cấp phấn đấu « làm chủ nguồn vốn, tập trung cho yêu cầu phát triển sản xuất và trên cơ sở phát triển sản xuất mà mở rộng nguồn thu ». Do đó, các ngành, các cấp trong tỉnh đã đề ra nhiều biện pháp để tạo nguồn vốn tại chỗ đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất và tăng thu tiền mặt về Ngân hàng.

Xuất phát từ nhận thức hoạt động tiền tệ, tín dụng gắn liền với quá trình sản xuất kinh doanh của các ngành, các đơn vị kinh tế, và là công cụ để kiểm tra, tính toán hiệu quả kinh tế, các cấp ủy Đảng và chính quyền ở đây rất coi trọng sự hợp đồng chặt chẽ và tác chiến đồng bộ giữa các ngành, các cấp trong hoạt động tiền tệ, tín dụng, coi đây là yếu tố quan trọng để thúc đẩy các ngành cùng phát triển, và là điều kiện để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế của địa phương. Do đó, nhiều cuộc tọa đàm giữa các ngành, các đơn vị kinh tế, các đoàn thể quần chúng để bàn các chủ trương và biện pháp thực hiện chính sách tiền tệ tín dụng tại địa phương đã được tổ chức với sự chủ trì của các cấp chính quyền và ngân hàng, tài chính. Từ những cuộc tọa đàm này, các ngành, các cấp, các đơn vị kinh tế đã nhất trí với nhau về nhiều phương châm chỉ đạo tốt, về những chỉ tiêu phấn đấu cụ thể với nhiều biện pháp sáng tạo; làm cho Ngân hàng Thái-bình ngày càng nắm được nhiều nguồn vốn tiền tệ để thúc đẩy sản xuất phát triển và tăng cường quản lý.

Thực tế trên đây chứng tỏ rằng: các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương Thái-bình chẳng những đã có sự chuyển biến kịp thời và sâu sắc về nhận thức đối với vai trò, chức năng của tiền tệ, tín dụng, mà trong chỉ đạo cụ thể, đã thật sự nắm lấy tiền tệ, tín dụng, coi đó là một công cụ quan trọng không thể thiếu được trong việc chỉ đạo phát triển kinh tế,

(Xem tiếp trang 52)

TÂY-NINH CÙNG CỖ CÁC TỔ CHỨC CƠ SỞ CỦA ĐẢNG

PHAN-VĂN

CÁCH đây hai năm, nhận định về tình hình phong trào cách mạng của tỉnh nhà, tỉnh ủy Tây-ninh chúng tôi thấy rằng từ khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, được nghị quyết của Đại hội thứ IV của Đảng soi sáng, đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã kiên cường phấn đấu và đạt được những thành tích cơ bản.

Có biên giới chung với Cam-pu-chia dài 210 ki lô mét, chỉ mấy tháng sau khi đất nước ta được hoàn toàn giải phóng, Tây-ninh là một trong những vùng bị bọn Pôn Pốt, tay sai của phản động Bắc-kinh đánh phá dã man. Đảng bộ và nhân dân Tây-ninh, vượt lên muôn vàn khó khăn, gian khổ, đứng vững trước mọi thử thách ác liệt, đã góp phần cùng cả nước đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của bọn Pôn Pốt, tay sai của bọn bành trướng Trung-quốc, bảo vệ vững chắc biên giới tây nam của Tổ quốc và làm tốt nghĩa vụ quốc tế.

Với địa hình hiểm trở, với cấu tạo thành phần xã hội phức tạp, Tây-ninh cũng là « địa bàn lý tưởng » cho hoạt động của bọn phản động trong nước và nước ngoài. Nhưng

phát huy truyền thống cách mạng và ý thức cảnh giác cao độ, nhân dân Tây-ninh đã cùng các lực lượng an ninh và quân đội giữ vững trật tự an ninh nội địa, ngăn chặn kịp thời mọi hành động phá hoại của địch.

Với 2/3 số xã hầu như bị Mỹ, ngụy hủy diệt trong những năm chiến tranh, Tây-ninh đã nhanh chóng vươn lên hàn gắn các vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa. Từ một tỉnh thiếu lương thực, (năm 1976, Trung ương phải chi viện trên 30 000 tấn gạo), Tây-ninh đã phấn đấu tự túc được lương thực và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao không ngừng phát triển, đặc biệt, công tác giáo dục đã phát triển nhanh, mạnh.

Tuy nhiên, nhìn lại tình hình thực tế, bên cạnh những thành tích, những ưu điểm đã đạt được, tỉnh chúng tôi còn nhiều thiếu sót, nhược điểm nghiêm trọng. Nhiều chủ trương, chính sách của Đảng không được thực hiện đến nơi đến chốn, thậm chí có nơi có lúc bị xuyên tạc trắng trợn; các biểu hiện tiêu cực trong cán bộ

đảng viên và trong đời sống xã hội có chiều phát triển. Ở không ít xã, ấp, mối liên hệ mật thiết vốn có giữa đảng bộ và nhân dân bị giảm sút, khí thế cách mạng của quần chúng có phần lắng lại. Sau nhiều lần phân tích kỹ nguyên nhân của những thiếu sót, nhược điểm nói trên, tỉnh ủy chúng tôi đã nhất trí rằng một trong những nguyên nhân quan trọng hàng đầu là tình trạng yếu kém của các tổ chức cơ sở của Đảng, mà trước hết là các tổ chức cơ sở ở nông thôn. Từ nhận định đó, chúng tôi chủ trương phải hướng mạnh sự lãnh đạo của đảng bộ vào cơ sở; và cùng với việc xây dựng các cấp, các ngành trong tỉnh, chúng tôi tập trung sức xây dựng các tổ chức cơ sở Đảng ở nông thôn.

Thực hiện chủ trương nói trên, chúng tôi đã tiến hành các khâu công tác sau đây:

Một là: Nắm chắc tình hình cơ sở, vạch rõ mục tiêu, phương hướng và biện pháp củng cố các tổ chức cơ sở của Đảng.

Trước đây, cán bộ các cấp, các ngành của tỉnh chúng tôi vẫn thường đi xuống cơ sở. Nhưng do chỉ bó hẹp trách nhiệm của mình vào việc giúp cơ sở thực hiện từng cuộc vận động, từng công tác cụ thể cho nên ít tìm hiểu kỹ tình hình về mọi mặt của cơ sở; sự hiểu biết về cơ sở do vậy thường phiến diện. Tỉnh ủy và các huyện ủy vẫn thường nghe báo cáo về cơ sở, nhưng do các báo cáo đó có phần phiến diện, lại có lúc thiếu trung thực cho nên vẫn không nắm thật chắc tình hình. Lần này, chúng tôi tự đặt trách nhiệm phải phần đầu năm vững tình hình từng cơ sở một cách toàn diện, xem ở đây có những mặt mạnh, mặt yếu nào, có những vấn đề gì cần giải quyết, và trong những vấn đề đó, khâu nào là chủ yếu. Chúng tôi cũng phần đầu đề hiểu rõ phẩm chất và năng lực của từng cán bộ cốt cán ở xã, ấp, và bước đầu hiểu rõ

phẩm chất và năng lực của từng đảng viên. Hầu hết các huyện ủy viên, nhiều tỉnh ủy viên đã xuống làm việc nhiều ngày với các tổ chức cơ sở. Tỉnh ủy đã cử hai tổ công tác về trong một thời gian dài để kiểm tra, xem xét toàn bộ tình hình ở hai xã. Mỗi huyện ủy, ngoài việc nắm chung tình hình các xã, cũng đã cử hai tổ công tác về khảo sát tình hình ở hai xã trong huyện. Tỉnh và các huyện đã mở nhiều cuộc hội nghị bàn về công tác ở các xã, ấp, bàn về tình hình các tổ chức cơ sở của Đảng.

Qua quá trình tìm hiểu đó, chúng tôi càng thấy rõ thêm những mặt yếu kém phổ biến ở cơ sở. Một nét chung là từ khi cách mạng chuyển sang giai đoạn mới, hầu hết các tổ chức cơ sở của Đảng ở nông thôn tỉnh chúng tôi đều lúng túng về nội dung và phương pháp công tác. Các chi bộ không nhận thức rõ vai trò và nhiệm vụ của mình, không hiểu rõ phương thức hoạt động trong điều kiện có chính quyền. Nhiều chi bộ còn theo cách lãnh đạo, lối làm việc của những năm chiến tranh. Tình trạng buông lơi lãnh đạo sản xuất, lãnh đạo quản lý kinh tế, bao biện làm thay việc của chính quyền là phổ biến ở nhiều chi bộ. Ngược lại, ở không ít chi bộ có tình trạng khoán trắng mọi việc cho các đảng viên công tác trong các cơ quan chính quyền; chi bộ rất ít sinh hoạt, các chủ trương công tác không được chi bộ bàn bạc kỹ, không được giải thích, tuyên truyền rộng rãi trong quần chúng cho nên trở thành mệnh lệnh, gò ép.

Về cán bộ, đảng viên, do không được giáo dục kịp thời cho nên trước những thử thách mới, không ít người đã thoái hóa, biến chất. Hầu như ở xã, ấp nào cũng có những cán bộ, đảng viên lợi dụng chức quyền, làm điều sai trái; tham ô, móc ngoặc, nhận của hối lộ, ức hiếp quần chúng, thông đồng với những phần tử xấu làm ăn trái phép. Ở một số nơi, sự

thoái hóa về phẩm chất trong cán bộ, đảng viên diễn ra nghiêm trọng. Chẳng hạn ở chi bộ xã Tân-dông (huyện Tân-biên) có 10 đảng viên thì 7 người phạm sai lầm, khuyết điểm nặng về mặt phẩm chất, đạo đức. Có người do bất mãn về địa vị mà bỏ công tác, nói xấu cấp trên, xuyên tạc chính sách, chủ trương của Đảng, có người gây mất đoàn kết nội bộ, đi đến bè phái, có người thường xuyên nhậu nhẹt, rượu chè, có người hùn vốn làm ăn với bọn xấu, thậm chí có người giữ chức vụ xã đội trưởng mà chuyên buôn lậu vàng, ăn của hối lộ khi thực hiện chính sách nghĩa vụ quân sự, v.v. Trong số những người phạm sai lầm, có những người do bản chất xấu, nhưng cũng có không ít người do trình độ nhận thức non kém, không phân biệt đúng, sai. Số đảng viên tốt, tích cực ở các xã, ấp tuy không phải là ít nhưng do sinh hoạt của chi bộ không được giữ vững, tự phê bình và phê bình không được bảo đảm, lại do cấp trên không nắm vững tình hình cán bộ ở cơ sở, cho nên số đảng viên tốt chưa phát huy được tác dụng đúng mức. Trong khi đó thì bọn xấu và các lực lượng phản động còn sót lại tìm đủ mọi cách mua chuộc, lôi kéo cán bộ, đảng viên làm chỗ dựa để chúng hoạt động trái phép. Có chi bộ trong một thời gian ngắn phải hai lần thay bí thư, và cả hai lần đều bị « rúng » vì bị bọn xấu mua chuộc, lôi kéo.

Ở hầu hết các cơ sở, chính sách ruộng đất chưa được thực hiện đúng đắn, nạn bao chiếm ruộng đất quá mức bình quân, nạn bóc lột tô tức vẫn tồn tại. Ngay trong cán bộ, đảng viên cũng có người bao chiếm hàng chục héc ta. Số dân không có ruộng và thiếu ruộng (mà phần lớn là gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng) còn chiếm một tỷ lệ không nhỏ, khoảng 20% trong tổng số hộ nông dân. Ở một số xã, ấp, các tập đoàn sản xuất, các hợp tác xã nông nghiệp tồn tại một cách lay lắt, « có

vỏ mà không có ruột ». Ở xã Phước-chi (Trảng-bàng) cùng một lúc tan rã 31 tập đoàn sản xuất.

Càng đi sát các tổ chức cơ sở, chúng tôi càng thấy rõ tính cấp bách của việc củng cố tổ chức cơ sở Đảng.

Nắm vững những vấn đề đang đặt ra ở cơ sở, tỉnh ủy chúng tôi đã định rõ mục tiêu của việc củng cố tổ chức cơ sở của Đảng là nhằm làm tốt việc lãnh đạo các xã, ấp từng bước tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa, mà hiện nay là lãnh đạo nông dân đấu tranh xóa bỏ nạn bóc lột tô, tức, phát triển sản xuất, làm tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước, và tích cực tổ chức nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể. Chúng tôi đã vạch ra bản đề cương « Củng cố các tổ chức cơ sở của Đảng ở nông thôn, xây dựng các xã, ấp vững mạnh toàn diện », trong đó quy định rõ những việc cần làm ở các chi bộ xã, ấp, và cách thức tiến hành các việc đó. Bản đề cương đã được đưa xuống các huyện góp thêm ý kiến, và sau đó được đưa ra thảo luận trong cán bộ, đảng viên và quần chúng trung kiên ở các xã thuộc huyện Trảng-bàng và huyện Gò-dầu. Tỉnh ủy đã phân tích kỹ những ý kiến đóng góp trong các đợt thảo luận đó, bổ sung vào bản đề cương thành nghị quyết của tỉnh ủy. Qua những ý kiến nêu lên trong các đợt thảo luận nói trên, tỉnh ủy chúng tôi đã có nghị quyết về trách nhiệm của các cấp, các ngành ở tỉnh và huyện đối với việc củng cố các tổ chức cơ sở. Trong các nghị quyết đó, tỉnh ủy chúng tôi nêu rõ, đề củng cố các tổ chức cơ sở của Đảng ở nông thôn thì cùng với việc xác định rõ vai trò, nhiệm vụ chính trị và phương thức lãnh đạo của các chi bộ xã, ấp, phải tích cực nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, loại trừ những người không đủ tư cách, bổ tri tốt đội ngũ cốt cán, giải quyết tốt mối quan hệ giữa các tổ chức Đảng, chính quyền và quần

chúng, củng cố lòng tin của quần chúng đối với các chi bộ. Chúng tôi chủ trương việc củng cố tổ chức cơ sở của Đảng phải kết hợp chặt chẽ các mặt tư tưởng và tổ chức. Phải giáo dục cho cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức tư tưởng để phân rõ đúng sai, tự giác sửa chữa khuyết điểm, sai lầm, đồng thời phải mạnh dạn và kiên quyết xử lý những cán bộ, đảng viên phạm sai lầm, khuyết điểm mà không chịu sửa chữa, đưa ra khỏi Đảng những kẻ thoái hóa, biến chất. Thực hiện chủ trương này, năm 1980 chúng tôi đã xử lý gần 100 vụ kỷ luật, trong đó đưa ra khỏi Đảng khoảng 70 người. Quý I năm 1981 tiếp tục xử lý trên 30 vụ kỷ luật, đưa ra khỏi Đảng 25 người. Riêng ở xã Tân-dòng, 7 đảng viên phạm sai lầm như đã nói ở trên đều đã bị xử lý.

Ở tỉnh chúng tôi, việc củng cố các tổ chức cơ sở Đảng đang được kết hợp chặt chẽ với công tác phát triển đảng viên. Đến tháng 7 năm 1981 đã có khoảng 1/2 số chi bộ với 40% tổng số đảng viên ở xã, ấp, được phát triển đảng viên. Các cơ sở thuộc diện yếu kém thì phải củng cố tổ chức trước khi tiến hành phát triển đảng viên. Nói chung, việc củng cố cơ sở tự làm là chính, có sự giúp đỡ tích cực của huyện và tỉnh. Đối với những chi bộ quá kém nát thì tỉnh và huyện có thể đưa cán bộ cấp trên về làm nông cốt để xây dựng lại cơ sở, xây dựng lại phong trào.

Hai là : Giáo dục, bồi dưỡng cho cán bộ cơ sở những hiểu biết cơ bản về nhiệm vụ công tác.

Chúng tôi coi đây là một khâu công tác đặc biệt quan trọng, bởi vì có làm tốt khâu này mới tăng cường được đội ngũ cán bộ xã, ấp về số lượng và chất lượng, từ đó mới có điều kiện làm tốt các khâu quan trọng khác của việc củng cố tổ chức cơ sở của Đảng như bố trí lại đội ngũ

cán bộ cốt cán, cải tiến nội dung sinh hoạt của chi bộ, v.v.

Chúng tôi đã mở liên tục nhiều lớp học (mỗi lớp khoảng 45 ngày) nhằm bồi dưỡng cho đông đảo cán bộ cơ sở những nhận thức và hiểu biết cần thiết về công tác. Kể từ ngày tỉnh nhà được hoàn toàn giải phóng đến nay có thể nói đây là đợt giáo dục cán bộ được tổ chức một cách nghiêm túc nhất. Ban thường vụ tỉnh ủy, với sự giúp việc của các ban chuyên môn, đã bàn kỹ về các vấn đề của đợt giáo dục, từ nội dung giáo dục, cách tổ chức học tập đến kế hoạch chiêu sinh, v.v. Nội dung học tập bao gồm những kiến thức chính trị cần thiết của cán bộ cơ sở, rút từ trong chương trình bồi dưỡng cán bộ cơ sở do Ban tuyên huấn trung ương biên soạn, được soạn lại cho sát hợp với tình hình của địa phương, bao gồm các bài về :

- Lý tưởng của Đảng,
- Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta,
- Đường lối, chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và công thương nghiệp,
- Tổ chức đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân,
- Củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội,
- Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng ở nông thôn miền Nam,
- Củng cố, tăng cường chính quyền Nhà nước cấp xã,
- Công tác vận động quần chúng,
- Phẩm chất cách mạng của người cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới.

Khi soạn lại các bài giảng, chúng tôi chủ trương phải gắn chặt lý luận với thực tế. Từng bài giảng phải bám sát thực tế của địa phương, giải đáp đúng những vấn đề mà đội ngũ cán bộ cơ sở của tỉnh đang quan tâm. Khi thảo luận từng bài, học viên phải

căn cứ vào hoạt động thực tiễn của chi bộ mình và của bản thân, tiến hành tự phê bình và phê bình để làm sáng tỏ thêm bài học.

Về phương hướng chiêu sinh, chúng tôi thực hiện theo quy hoạch cán bộ. Lớp đầu tiên là lớp làm thử, chúng tôi triệu tập cấp phó thuộc 7 chức danh ở xã: bí thư, chủ tịch, trưởng ban nông nghiệp, trưởng ban công an, chỉ huy xã đội, bí thư đoàn thanh niên, thư ký nông hội. Lớp thứ hai, chúng tôi triệu tập cấp trưởng của các chức danh đó. Các lớp sau dành cho các cán bộ dự bị thuộc 7 chức danh nói trên. Với cách làm đó, chúng tôi dự định đào tạo cho mỗi xã ít nhất 35 cán bộ có thể gánh vác những nhiệm vụ lãnh đạo chủ chốt trong xã. Cũng vì vậy, khi cử người đến học, mỗi xã phải cử đủ 7 đồng chí thuộc 7 chức danh nói trên, chọn trong danh sách cán bộ đã được quy hoạch. Nơi nào không cử đủ thì chúng tôi kiên quyết không nhận vào học. Điều này, lúc đầu có gây khó khăn. Đã có lúc lớp học phải hoãn lại mấy ngày để các xã cử thêm người cho đủ chức danh. Song, về sau, do tác dụng thiết thực của đợt học tập, các xã đều phấn khởi và nhanh chóng chọn đủ số người theo học. Thái độ nghiêm túc, kiên quyết của tỉnh trong việc bảo đảm đúng thành phần học viên đã mang lại kết quả thiết thực, thúc đẩy các xã phải có quy hoạch đủ số cán bộ cần thiết, tránh tình trạng chỉ một số ít cốt cán kiêm nhiệm quá nhiều công việc.

Trong quá trình học tập, trên cơ sở nâng cao nhận thức, các học viên liên hệ với những ưu điểm, những khuyết điểm, những mặt tích cực, những mặt tiêu cực, v.v. trong đơn vị mình, đồng thời có thể phát hiện những sai trái về các mặt mà đơn vị bạn đang mắc phải. Tỉnh ủy chúng tôi ghi nhận tất cả những điều liên hệ, phát hiện đó, cho điều tra kỹ càng và có kết luận

cụ thể về từng vấn đề, kịp thời xử lý những vụ, việc cần xử lý. Chẳng hạn, khi nghe học viên phản ánh việc một đồng chí phó ban nông nghiệp huyện đã đồng tình đề vợ đi buôn lậu, chứa bọn gian thương và hàng lậu trong nhà, chúng tôi đã kịp thời cho kiểm tra, và khi biết rõ phát hiện đó là đúng, đã kịp thời xử lý kỷ luật.

Cho đến giữa năm 1981, chúng tôi đã đào tạo, bồi dưỡng được trên 1000 cán bộ xã, ấp và hầu hết các đồng chí đó khi trở về địa phương đều phát huy tác dụng tốt trong công tác.

Sau đợt học tập, mỗi học viên đều tự thấy sáng tỏ nhiều về nhận thức, tư tưởng. Điều này cũng nói lên rằng ở tỉnh chúng tôi, trước đây cán bộ, đảng viên ít có dịp được học tập một cách chu đáo. Từ kết quả thực tế này, chúng tôi nghĩ rằng việc tổ chức những lớp học hợp với trình độ của cán bộ cơ sở ở miền Nam là rất cần thiết.

Ba là: Tổ chức đề quần chúng góp ý kiến phê bình đảng viên, xây dựng sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng.

Sau khi các cán bộ chủ chốt ở từng xã, ấp đã được học tập, có bước chuyển biến quan trọng về nhận thức, và đã bước đầu truyền những nhận thức và chuyển biến đó cho các đảng viên trong chi bộ, chúng tôi chủ trương các chi bộ phải tổ chức đề quần chúng góp ý kiến phê bình, nhận xét từng đảng viên và góp ý xây dựng sự lãnh đạo của chi bộ. Chúng tôi coi đây là một khâu rất cần thiết đối với việc củng cố tổ chức cơ sở của Đảng. Bởi vì, thực tế đã chứng tỏ chi bộ hoạt động tốt hay không tốt, điều đó có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của nhân dân các xã, ấp. Vì vậy, muốn củng cố tốt các chi bộ thì phải nắm vững những nhận xét, suy nghĩ, nguyện vọng, tâm tư của quần chúng trong các xã, ấp. Mặt khác, được góp ý kiến cho cán bộ, đảng viên và chi bộ, quần chúng có

dịp hiểu rõ Đảng hơn, từ đó có thể phân biệt được đâu là sự thật, đâu là hành động xuyên tạc, phá hoại của địch. Để những buổi phê bình cán bộ, đảng viên đạt chất lượng tốt, tránh được mọi hành động xuyên tạc, kích động, chúng tôi chủ trương chọn lựa trong quần chúng những người tích cực để mời tham dự các cuộc phê bình. Những người tích cực đó bao gồm các cán bộ ngoài Đảng, các đoàn viên thanh niên cộng sản, các gia đình có công với cách mạng, các gia đình thương binh, liệt sĩ, các cán bộ, viên chức đã về hưu, những người nông dân nghèo, có lý lịch chính trị trong sạch, v.v.

Mỗi đảng viên, trước hết là mỗi cán bộ của tổ chức cơ sở của Đảng tự kiểm điểm một cách nghiêm túc trước quần chúng về những thành tích và thiếu sót của mình trong những năm qua, vạch ra phương hướng phấn đấu tích cực trong thời gian tới. Trong bản tự kiểm điểm, bên cạnh các vấn đề về nhận thức, quan điểm, về năng lực công tác, v.v., từng đảng viên phải xem xét một cách cụ thể và nghiêm túc về mặt phẩm chất, đạo đức. Cụ thể là từng đảng viên phải xem lại mình có chiếm hữu ruộng đất quá mức bình quân không, có bóc lột tô tức không, có hôn hợp với tư sản làm ăn phi pháp không, có buôn lậu không, có bao che cho con cái và người thân trốn trốn nghĩa vụ quân sự không, có gian lận thuế nông nghiệp không, có hay rượu chè không, có đánh bạc với bọn xấu không? v.v.

Sau khi từng đảng viên tự kiểm điểm trước quần chúng, ban chỉ ủy, thay mặt cho toàn chi bộ tự kiểm điểm về trách nhiệm lãnh đạo của chi bộ, phân tích kỹ những sai lầm, thiếu sót và tác hại của chúng đối với phong trào của cơ sở. Ban chỉ ủy cũng nêu lên phương hướng phấn đấu mới của chi bộ để quần chúng góp ý kiến.

Việc đảng viên và chi bộ nghiêm túc tự kiểm điểm trước quần chúng đã tác động mạnh đến ý thức, tình cảm của quần chúng. Bà con cũng chân thành nói lên sự căm động sâu sắc của mình trước lòng tin cậy của Đảng. Ở tất cả các xã, ấp, bà con đã tích cực đóng góp ý kiến phê bình đảng viên, phê bình chi bộ, đánh giá đúng những mặt làm được, những mặt tốt, đồng thời nghiêm khắc phê phán những sai lầm thiếu sót. Nhiều nơi, quần chúng còn tự nêu ra những thiếu sót, sai lầm của bản thân, và hứa với chi bộ sẽ ra sức khắc phục. Ở nhiều xã, quần chúng đã phát hiện những mảnh khoe tình vĩ của những phân tử xấu nhằm phân tán ruộng đất, và bàn với chi bộ việc lấy lại số ruộng đất bao chiếm trái phép. Kết quả cụ thể là riêng ở xã An-hòa (huyện Trảng-bàng) đã thu lại được 150 héc ta ruộng bị bao chiếm trái phép đem chia cho các gia đình liệt sĩ, thương binh, các gia đình có công với cách mạng và nông dân nghèo, đồng thời đã thu lại cho Nhà nước 100 gia lúa và 23000 đồng tiền thuế. Quần chúng cũng đã góp ý với chi bộ nên đưa những ai ra khỏi Đảng, đồng thời giới thiệu những lực lượng trẻ, ưu tú để Đảng xét tuyển chọn tăng cường cho đội ngũ của Đảng. Năm 1980, các chi bộ đã kết nạp được 82 người vào Đảng và quý 1 năm 1981 đã kết nạp được 35 người.

Qua các đợt kiểm điểm trước quần chúng, cán bộ, đảng viên tỉnh chúng tôi càng thấy rõ tâm lòng ưu ái của nhân dân đối với Đảng. Những ý kiến đóng góp của quần chúng đã có tác dụng rất thiết thực đối với việc củng cố các chi bộ, đặc biệt là về mặt giáo dục, sử dụng, quản lý cán bộ, đảng viên và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng.



Những cố gắng trên đây của tỉnh chúng tôi đã mang lại những kết quả đáng kể. Có thể nói hầu hết các chi bộ xã, ấp đều có những chuyển biến cụ thể. Đặc biệt ở những chi bộ trước đây kém nát thì những chuyển biến càng mạnh. Khi thể vươn lên đó đã mang lại những kết quả đáng mừng cho phong trào chung của toàn tỉnh. Chỉ trong ba tháng, nhân dân trong tỉnh đã làm nghĩa vụ lương thực và bán cho Nhà nước 18000 tấn lúa trong khi những năm trước tỉnh phải huy động hàng trăm cán bộ về giúp các xã làm công tác thu mua kéo dài 7, 8 tháng mà năm cao nhất cũng chỉ đạt 14000 tấn. Về công tác tuyên quán năm 1980, toàn tỉnh đạt 107% chỉ tiêu được giao, vượt xa mức đạt được trong những năm trước. Trật tự an ninh có nhiều tiến bộ, các hoạt động phá hoại của địch đều bị ngăn chặn kịp thời, không xảy ra vụ, việc nào đáng kể; nạn trộm cắp, cờ bạc giảm xuống rõ rệt. Điều có ý nghĩa nhất là đông đảo cán bộ, đảng viên đã nhận thức đúng vị trí và trách nhiệm của mình, bước đầu phân rõ đúng, sai và quyết tâm phấn đấu vươn lên. Lòng tin của quần chúng đối với đảng bộ, đối với cán bộ, đảng viên được củng cố, đang trở thành một động lực thúc đẩy nhân dân tỉnh chúng tôi vươn lên với khí thế mới.

Tuy nhiên, những thành tích đó chỉ mới là bước đầu. Ở các tổ chức cơ sở Đảng của tỉnh chúng tôi hiện vẫn còn nhiều mặt yếu. Nhìn chung các chi bộ chuyển biến chưa đều. Ở nhiều cơ sở, do tình trạng yếu kém kéo dài quá lâu cho nên hiện còn

nhều vụ, việc, nhiều mặt tiêu cực cần được tiếp tục giải quyết một cách khẩn trương. Mặt khác, các biện pháp mà chúng tôi tiến hành ở cơ sở vẫn chưa đồng bộ. Chúng tôi còn phải triển khai nhiều khâu công tác quan trọng khác như bố trí lại đội ngũ cốt cán ở xã, ấp, cải tiến nội dung sinh hoạt của các chi bộ, xây dựng, kiện toàn bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng, v.v. Đó là những công việc khó khăn, phức tạp. Nhưng phần khởi và tin tưởng trước những thành tích đã đạt được, chúng tôi quyết khắc phục mọi khó khăn trở ngại, làm tốt hơn nữa việc củng cố các tổ chức cơ sở của Đảng, giành những thắng lợi mới cho phong trào cách mạng ở tỉnh nhà để thiết thực chào mừng Đại hội thứ V của Đảng.

Mấy kinh nghiệm...

(Tiếp theo trang 45)

vi nó là một đòn bẩy và là một thước đo chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các ngành, các đơn vị kinh tế. Mặt khác, Ngân hàng Thái-bình được sự cộng tác chặt chẽ của các ngành, các đơn vị kinh tế, đã làm tốt chức năng làm tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương trong hoạt động tiền tệ, tín dụng. Đó là những nhân tố tạo ra sức mạnh tổng hợp cho Thái-bình khắc phục nhiều khó khăn để thực hiện tốt nhiệm vụ công tác tiền tệ, tín dụng.

28-2-1943

SỐ 1

103

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Ơ-QUẢN LÝ-LUẬN CỦA
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG-DƯƠNG



NHÀ IN TRẦN-PHÚ

GIÁ 0.20

TẠP CHÍ CỘNG SẢN NĂM 1943

11 ANO 7-1950

NĂM THỨ 7 - SỐ 1

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG HUẤN LUYỆN
CÔNG TÁC VÀ LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG

Chủ nhiệm: TRUÔNG-CHINH

ĐẠO NÀY CHỈ LƯU HÀNH TRONG ĐẢNG

HỌC TẬP

TẠP CHÍ LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT-NAM

NHỮNG BÀI CHÍNH

TRONG SỐ NÀY

XÃ LUẬN — *Ấm mưu Mỹ* — Diêm
ở miền Nam và đời sách của ta.

TRƯỜNG CHÍNHH — Việc xuất bản
Tạp chí HỌC TẬP và công tác
xây dựng Đảng.

VÕ-NGUYỄN-GIÁP — Hai ngày kỷ
niệm lịch sử 19-12 và 22-12.

PHẠM-VĂN-ĐỒNG — Khôi phục
kinh tế và thành phần kinh tế của
nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.

HOANG-QUỐC-VIỆT — Đấu tranh
để thống nhất nước nhà trên cơ sở
độc lập và dân chủ, bằng phương
pháp hòa bình.

HỒ-VIỆT-THĂNG — Hoàn thành
cách mạng dân chủ để mau chóng
khôi phục và phát triển kinh tế.

1

Tháng 12-1955

RA HÀNG THÁNG

TẠP CHÍ HỌC TẬP NĂM 1955

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT-NAM

1

I. 1977

TẠP CHÍ CÔNG SẢN NĂM 1977

Nhớ lại việc xây dựng khu vực hợp Đại hội thứ II của Đảng

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC THỨ II CỦA ĐẢNG họp vào mùa xuân, tháng 2 năm 1951, trong một khu rừng rộng thuộc xã Vinh-quang (nay là xã Kim-binh), huyện Chiêm-hóa, tỉnh Tuyên-quang (nay là Hà-tuyên). Đại hội họp ở chân núi Hùng. Theo truyền thuyết, nhân dân địa phương thường kể lại rằng, từ thuở xa xưa, nước lụt dâng lên tràn ngập khắp nơi, trên đỉnh núi Hùng chỉ còn chiếc trống đồng và một con gấu. Do đó, núi Hùng còn gọi là núi Trống hoặc núi Gấu. Bên cạnh khu vực Đại hội có dòng suối uốn khúc nước trong xanh chảy ra sông Trinh...

Đề chuẩn bị cơ sở vật chất cho Đại hội, Trung ương Đảng chỉ định đồng chí Lê-Tất-Đắc tham gia Ban trụ bị, trực tiếp phụ trách việc xây dựng khu vực Đại hội, đồng thời kiêm công tác bảo vệ. Đồng chí Bạch-Di tham gia công tác thi công và chịu trách nhiệm tổ chức việc ăn uống trong Đại hội. Tôi được Bác Hồ và anh Tô (tức đồng chí Phạm-Văn-Dồng) giao cho việc xây dựng, góp phần chuẩn bị cơ sở vật chất cho Đại hội.

Tính từ năm 1951 đến nay đã tròn 30 năm, nhưng việc làm hồi ấy vẫn còn in sâu trong óc tôi, càng nhớ lại tôi càng phấn khởi và tự hào về sự trưởng thành nhanh chóng của Đảng, về sự lãnh đạo đúng đắn của Bác Hồ muốn văn kinh yêu và của Đảng quang vinh!



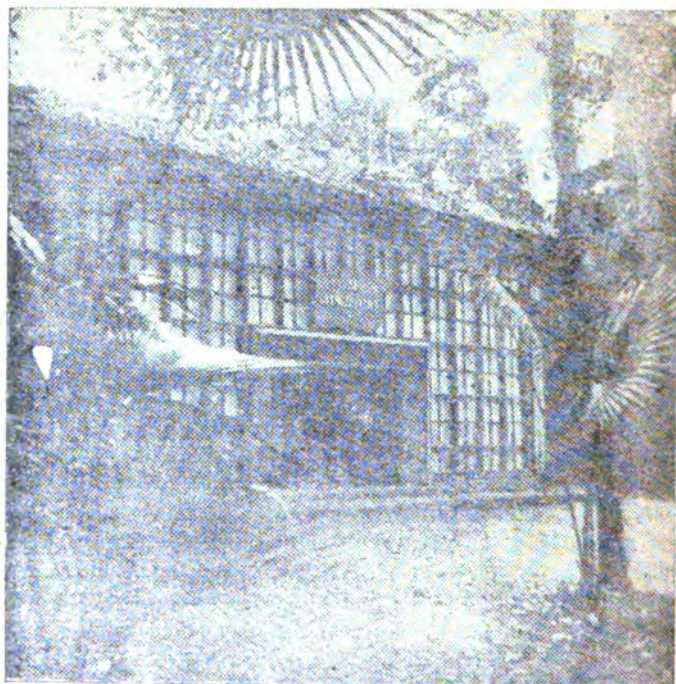
Nhiệm vụ xây dựng cơ sở vật chất cho Đại hội đối với tôi tuy bất ngờ, nhưng không phải là ngẫu nhiên. Tháng 4 năm 1948, Đại hội kiến trúc sư toàn quốc thứ nhất được triệu tập họp ở Thôn-sơn (Vĩnh-yên). Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã gửi tới Đại hội một bức thư đề ra đường lối và chủ trương về công tác xây dựng. Trong thư của Người có đoạn viết: « Trong 4 điều quan trọng cho dân sinh: ở và đi là hai vấn đề cũng cần thiết như ăn và mặc, vì vậy kiến trúc là một việc rất quan hệ. Chúng ta phải tùy hoàn cảnh mà xây dựng ngay trong khi kháng chiến và sau khi kháng chiến thành công.

Tôi mong Hội nghị sẽ đi tới những kế hoạch thiết thực với tình thần hiện tại và những chương trình kiến thiết hợp với tương lai, kế hoạch và chương trình đúng tinh thần Đời sống mới ».

Sau khi thảo luận bức thư của Hồ Chủ tịch và thông qua nghị quyết về nhiệm vụ và kế hoạch công tác của Hội kiến trúc sư Việt-nam, Đại hội đã bầu Ban chấp hành Hội. Tôi được bầu làm Tổng thư ký đầu tiên của Hội. Sau đó, tôi được giao phụ trách phòng kiến trúc của Liên khu Việt-bắc. Nhiệm vụ chủ yếu của tôi là chỉ đạo việc xây dựng theo chủ trương và chương trình của Trung ương Đảng và Chính phủ lúc ấy đóng cơ quan ở Việt-bắc. Trụ sở phòng kiến trúc do tôi phụ trách đóng ở châu Tự-do (tỉnh Tuyên-quang).

Tháng 5 năm 1950, đồng chí thư ký riêng của Bác Hồ đến châu Tự - do tìm tôi và đưa tôi đi gặp Bác...

Tôi đến một cơ quan trong an toàn khu. Hôm ấy, Bác đang chủ trì cuộc họp của Hội đồng chính phủ. Tôi thấy nhiều vị Bộ trưởng đến dự Hội nghị. Lúc ấy là giờ nghỉ, các Bộ trưởng đang ăn cơm chiều. Bác và anh Tô ngồi chung một bàn, vừa ăn xong, đang uống nước...



Đồng chí thư ký của Bác đưa tôi đến chào Bác và nói:

— Báo cáo Bác, đây là chú Tiếp, kiến trúc sư, xin Bác cho ý kiến đề chú ấy làm nhà họp Đại hội.

Bác hỏi ngay:

— Chú Tiếp ăn cơm chưa?

— Thưa Bác, cháu vừa đến. Tôi đáp.

Bác bảo:

— Chú ngồi ăn cơm đi rồi nói chuyện sau.

Tôi cũng muốn ăn cơm ngay lúc ấy vì đang đói ngấu sau nhiều giờ đi đường rừng rất vất vả, nhiều quãng phải vác xe đạp lên vai, nhưng đồng chí thư ký của Bác ghé vào tai tôi nói:

— Làm việc xong, ra ngoài ăn cơm.

Tôi nghĩ, trong bữa ăn của Hội nghị Hội đồng chính phủ thế nào cũng có những món ăn tươi. Tôi đến gần một bàn ăn, liếc nhìn chỉ thấy có hai món: món khoai sọ nấu và món khoai sọ xào.

Một lát sau, Bác gọi tôi đến nơi làm việc của Bác và hỏi:

— Trung ương và Bác giao trách nhiệm cho chú làm nhà họp Đại hội Đảng, chú có làm được không?

— Dạ, thưa Bác, cháu làm được ạ.

Bác hỏi tiếp:

— Làm việc này, theo chú, cái gì là quan trọng nhất?

Sau vài phút suy nghĩ, tôi mạnh dạn trả lời:

— Thưa Bác, theo ý cháu, giữ bí mật là điều quan trọng nhất.

Bác nói ngay:

— Đúng. Trên trời nhìn xuống không thấy gì; ở dưới đất, bốn mặt nhìn vào cũng không thấy gì.

Bác đã chỉ cho tôi thấy rõ vấn đề cơ bản nhất trong việc làm của tôi.

Ngay lúc đó, Bác giao nhiệm vụ cho anh Tô làm việc cụ thể với tôi. Anh Tô cho tôi biết số đại biểu trong nước, số đại biểu nước ngoài... để tính toán làm bao nhiêu nhà cho đủ. Anh giao việc cho tôi rất kỹ, dặn dò thêm và nhấn mạnh: phải làm thế nào để các đại biểu được họp và ở tử tế...



Sau này tôi được biết địa điểm họp Đại hội, do anh Cả (tức đồng chí Nguyễn-Lương-Bằng) chỉ hướng, đồng chí Lê-Tất-Đắc đi tìm. Đó là một khu rừng thuộc huyện Chiêm-hóa. Để xây dựng khu vực Đại hội theo đúng chỉ thị của Bác Hồ và của Trung ương Đảng, tôi đến tận nơi xem xét thực địa. Đây là một khu rừng rất rộng, tuy rậm rạp nhưng cũng có chỗ trống. Để giữ bí mật nơi họp, phải tìm cách che giấu những chỗ trống đó. Nhưng nếu rừng rậm và kín quá thì ảnh hưởng đến sức khỏe của các đại biểu.

Việc xây dựng bắt đầu từ tháng 7 năm 1950. Trước hết đội công tác đi tuyên mộ dân công trong nhân dân các xã thuộc huyện Chiêm-hóa. Việc cưa, đẵn, vận chuyển gỗ, vầu, luồng, mai, tre, nứa, lá cọ, v.v. được chỉ đạo chặt chẽ, có kế hoạch cụ thể, bảo đảm tăng năng suất, tiết kiệm nhân công. Vật liệu cần dùng đến đâu lấy đến đấy, không bỏ phí.

Chúng tôi đi tìm và chọn thuê trên 10 người thợ mộc và mấy chị đan cót, đan phên...

Trong việc thiết kế, vẽ kiểu nhà, chúng tôi thảo luận với nhau và nhất trí theo phương châm mà đồng chí Lê-Tất-Đắc nêu lên: vừa hợp với khí hậu miền núi vừa có duyên dáng miền xuôi.

Về mặt bằng, không có gì khó khăn, song quan trọng nhất là việc làm hội trường, phải chọn nơi có diện tích rộng, là trung tâm để các đại biểu đến hội trường được thuận tiện. Một đặc điểm trong việc làm hội trường là giữ những cây to ở trong nhà, lấy cây làm cột; trên mái che kín bằng những cây tổ quạ (1), chẳng thêm dây song và gỡ rễ cây ra cho nó tỏa xuống. Trong hội trường, ngoài những chỗ ngồi trang trọng của Đoàn chủ tịch Đại hội và của các đại biểu, còn có cả ban công làm chỗ ngồi cho các đại biểu dự thỉnh và các nhà báo. Ở các cửa sổ hội trường, có lồng vải mỏng thay kính.

Những nhà làm cho các đại biểu ở, mỗi nhà có chỗ nằm cho 10 hoặc 12 người, giữa có bộ bàn ghế bằng tre, nứa, có bếp làm theo kiểu của đồng bào thiểu số dùng để đun nước pha trà và để sưởi.

(1) Cây tổ quạ là một thứ cây đặt trên mái nhà hay dè ở đầu cũng sống, có lá to như con dao bầu cỡ lớn.

Khu vực Đại hội còn gồm nhiều nhà : nhà của Bác Hồ ở, làm việc và tiếp khách; nhà của các đồng chí Bộ chính trị ở, làm việc và tiếp khách; nhà của đại biểu quốc tế ở, làm việc và tiếp khách; nhà tưởng niệm các đồng chí đã hy sinh; nhà triển lãm tranh ảnh và sách báo cách mạng; nhà ăn của các đại biểu, của cán bộ, nhân viên, bộ đội; nhà làm việc của các nhà báo, nhiếp ảnh, quay phim; nhà ở và làm việc của cán bộ, nhân viên, bộ đội bảo vệ; bệnh xá; kho tàng.v.v.

Tất cả các nhà đó hợp thành khu vực Đại hội rộng lớn nấp dưới bóng cây xanh um tùm, ban đêm có đèn điện tỏa sáng.

Đường đi trong khu vực Đại hội bố trí ngoạn ngoẻo, giữ nguyên cảnh đẹp tự nhiên, lại nguy trang bằng những cây tổ quạ và cây song, người ngoài trông vào không thấy rõ.

Ngăn một khúc suối lại, không cho trâu bò qua lại, chúng tôi làm thành một cái đập, truyền nước lên lòng những cây bương có đục lỗ cho nước chảy ra, như vòi nước; các đại biểu ngồi thoải mái trên các tấm ván, lấy nước sạch đó để đánh răng và rửa mặt.

Bằng tre, nứa, lá, theo cách làm hiện đại, chúng tôi dựng lên những « nhà tiêu » trên cọc rất sạch sẽ.

Anh chị em nhân viên còn trồng được một vườn hành xanh tốt và một vườn cải sen nở hoa vàng rực đúng vào ngày Đại hội khai mạc.

Các bộ phận công tác đều cố gắng phấn đấu thực hiện chính sách tiết kiệm do Bác Hồ và Trung ương Đảng đề ra trong cả quá trình chuẩn bị và phục vụ Đại hội, trên tất cả các mặt: tiền của, nhân công, vật liệu, lương thực, thực phẩm, v.v.

Ngoài ra, chúng tôi còn tổ chức cho anh em cán vụ tham gia vào việc bơm nước cho các đại biểu bằng máy quay tay, không để một anh em nào ở ngoài bộ máy phục vụ Đại hội...

Theo lời dạy của Bác Hồ, tất cả chúng tôi đặc biệt coi trọng công tác phòng gian bảo mật, giữ đúng nguyên tắc bí mật, dặn nhau thực hiện khẩu hiệu « 3 không »: không thấy, không nghe, không biết. Trong khu vực Đại hội, có một tiểu đoàn bảo vệ; một cái hầm to rất kiên cố đắp cao như một cái cồn, có trồng cây bên trên; bên cạnh đó, có một hệ thống hào giao thông chằng chịt bốn phía để dùng khi có máy bay địch. Để bảo đảm bí mật, đồng chí phụ trách giữ lại tất cả những người thợ mộc đã tham gia xây dựng làm nhân viên phục vụ, không để họ ra ngoài địa điểm trong những ngày Đại hội họp. Một số đảng viên được phép ra vào khu vực Đại hội để làm việc tiếp tế lương thực, thực phẩm. Ngoài ra, người nào muốn vào khu vực Đại hội, phải qua trạm liên lạc và nhiều trạm gác; phải có giấy ghi *Hội nghị* của *mức xít* và chữ ký của đồng chí phụ trách. Chúng tôi còn đề phòng nạn cháy rừng và có kế hoạch chống kẻ địch đốt rừng...

Trong suốt thời gian Đại hội họp, không xảy ra một việc gì đáng tiếc và không có một hồi kên gáo động!

Sau khi giao nhiệm vụ cho chúng tôi, Bác Hồ thường xuyên theo sát việc làm của chúng tôi. Trong thời gian chúng tôi xây dựng khu vực Đại hội, hai lần Bác cử cán bộ đến kiểm tra: lần thứ nhất, Bác cử đồng chí thư ký riêng của Bác; lần thứ hai, Bác cử đồng chí Hồ-Tùng-Mậu... Sau đó, Bác đến tận nơi kiểm tra. Bác xem xét cả khu vực Đại hội. Bác không chỉ quan tâm đến hội trường, nhà ở của các đại biểu, mà còn quan tâm đến nhà ở, nhà ăn của anh

chị em nhân viên phục vụ. Bác không chỉ gặp cán bộ lãnh đạo, mà còn đến tận nơi thăm hỏi vợ con một số cán bộ, nhân viên. Trong khi đi kiểm tra, với tinh thần cảnh giác cao, Bác phát hiện một số thân cây có vết đỏ và giao cho đồng chí phụ trách nghiên cứu hiện tượng đó. Lúc đầu, chúng tôi cũng nghĩ đó là dấu hiệu của địch. Về sau, qua sự điều tra nghiên cứu và được những cụ nhiều tuổi nhất ở địa phương cho biết những vết đỏ ở thân cây là do rệp cây gây nên, chỉ cần cạo đi là hết.

Bác đến kiểm tra giữa lúc chúng tôi cùng anh em thợ mộc đang đóng bàn ghế để dùng trong Đại hội. Trông thấy những bộ bàn ghế làm bằng gỗ, bằng tre, nứa tuy đơn sơ, giản dị, nhưng thanh nhã, đặc biệt là những chiếc ghế ngồi mộc mạc làm bằng những khúc gỗ cưa từ thân cây to ra, Bác khen: « Làm như thế là tốt, vừa đẹp, vừa tiết kiệm », và Bác nói đùa: « Chú cũng là dân « cá gỗ » ». Rồi Bác thưởng cho tôi một điều thuốc lá...

Một lần khác, tôi lại được gặp Bác. Võ vai tôi, Bác bảo:

— Chú tìm cho Bác một chỗ có cảnh đẹp trong khu vực Đại hội để Bác tiếp khách quốc tế.

Tôi đưa Bác đến bên dòng suối, gần nơi chúng tôi đã ngăn suối làm đập nước. Bác cười vui vẻ, khen việc làm này. Và Bác lại thưởng cho tôi một điều thuốc lá nữa!

Hôm ấy là một ngày xuân, dưới bóng những tàu lá cọ xanh rờn đung đưa dưới ánh nắng vàng, Bác ngồi trên một khúc gỗ nổi vằn như sóng lượn, bên những cây rừng soi gương trên mặt nước trong xanh. Hình ảnh vị Cha già dân tộc, nhà tư tưởng vĩ đại, nhà chiến lược thiên tài, nhà thơ ung dung, thanh thản ấy in mãi trong trái tim tôi.



Được sự chỉ đạo trực tiếp của Bác và Trung ương Đảng, tập thể chúng tôi gồm cán bộ, công nhân, nhân viên, bộ đội, dân công... làm việc hết sức hết lòng, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, cố gắng vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, sau hơn nửa năm thì hoàn thành việc xây dựng khu vực Đại hội.

Đại hội đã đánh giá cao việc làm này. Nhiều đại biểu khen lối kiến trúc của khu vực Đại hội là vừa giản dị vừa tiện lợi, vừa có tính dân tộc vừa có tính hiện đại.

Đồng chí Lê-Tất-Đắc, đại biểu chính thức, được tuyên dương tại Đại hội về thành tích phụ trách việc xây dựng cơ sở vật chất cho Đại hội.

Phần thưởng lớn nhất đối với đồng chí Bạch-Dĩ và tôi là chúng tôi được dự Đại hội với tư cách là đại biểu dự thỉnh. Đó cũng là một vinh dự lớn trong cuộc đời hoạt động cách mạng của tôi.

Kiến trúc sư Hoàng-Như-Tiếp kể

Thế-Tập ghi.

Về đợt truy quét văn hóa phẩm phản động, đồi trụy vừa qua (*)

TRẦN-THỌ



ỚT trong những hoạt động của kẻ địch phá hoại tư tưởng, văn hóa, văn nghệ của ta hiện nay là tiếp sức cho những tàn dư văn hóa, văn nghệ thực dân mới, cổ vũ những khuynh hướng văn nghệ tư sản phản động. Cuộc đấu tranh truy quét văn hóa phẩm phản động, đồi trụy đã và đang diễn ra sôi nổi ở thành phố Hồ-Chí-Minh và một số địa phương. Theo thống kê chưa đầy đủ, qua việc kiểm tra, truy quét ở một số tỉnh và thành phố, chúng ta đã thu được một khối lượng khá lớn.

Kết quả sơ bộ tính đến hết tháng 6-1981 :

Địa phương	Sách	Băng nhạc, đĩa hát	Bài hát, tranh, ảnh	Phim	Máy chiếu phim
Hà-nội	167 cuốn	1 216 cái		29 cuốn	16 chiếc
TP. Hồ-Chí-Minh	151 200 — (60 tấn) (1)	41 723 —	53 751 tấm	631 —	93 —
Hải-phòng		290 —	6 —		
Hải-hưng		500 —			
Hà-nam-ninh	32 cuốn	2 259 —	18 —		
Bình-trị-thiên	129 725 —	239 —	4 252 —	57 —	
Quảng-nam — Đà-nẵng	25 079 —	3 734 —	115 —	316 —	32 —
Phú-khánh	1 858 —	1 467 —	19 —		
Thuận-hải	1 618 —	2 388 —	1 260 —	34 —	
Đồng-nai	2 800 —	283 —	1 864 —		
Cần-long	422 —	1 358 —	100 —		
Hậu-giang	3 233 —	1 227 —	15 593 —		

(*) Có tham khảo tư liệu của Bộ nội vụ

(1) Ngoài ra khoảng 60 tấn sách, báo lưu hành trái phép chưa được phân loại.

Rõ ràng những văn hóa phẩm mà chúng ta thu được không chỉ là tàn dư văn hóa thực dân mới ở miền Nam trước đây đang tìm cách trở dậy, mà còn là những thứ được đưa từ nước ngoài vào sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, với âm mưu tiếp sức, phục hồi các hoạt động văn hóa thực dân mới và phối hợp phá hoại về tư tưởng đối với nước ta. Nhiều sách, báo, tranh, ảnh, băng nhạc, bài hát, phim... được xuất bản, phát thanh, lưu hành ở các nước tư bản trong năm 1980 hoặc đầu 1981. Tính đến hết tháng 6-1981, bọn phản động Bắc-kinh đã đưa vào nước ta 40 loại truyền đơn khác nhau, trong đó có 24 loại mới với nội dung nói xấu Đảng ta, chia rẽ dân tộc, kích động bạo loạn, lôi kéo người chạy ra nước ngoài, v.v. Hơn hai mươi cuốn phim «con heo» loại mới được đưa từ Thái-lan vào nước ta đầu năm 1981. 480 băng nhạc «Đi-xcô 81» do tàu nước ngoài chuyển vào đã được phát hiện kịp thời. Băng con đường buro điện quốc tế, nhiều tên phản động sống lưu vong ở nước ngoài đã tuần về nước thư từ, hàng hóa, văn hóa phẩm... tuyên truyền cho lối sống tư sản phương Tây, lôi kéo người trốn ra nước ngoài. Không phải ngẫu nhiên mà trong số 1121200 kg hàng của những người sống ở nước ngoài gửi về nước (trong một quý) lại có hàng vạn giấy «bảo đảm», «nhân tín» và rất nhiều thuốc chống say sóng, chống nôn... Qua việc kiểm tra hành chính ở một số địa phương, nhất là ở thành phố Hồ-Chí-Minh, chúng ta đã phát hiện những vụ xuất bản trái phép, in hơn 3 triệu bản sách, tranh ảnh với nội dung phản động, đồi trụy. Ở Quảng-nam—Đà-nẵng đã bắt được một tên làm tay sai cho Mỹ 20 năm, có 4 «Quần vụ bội tình». Khám trong nhà hắn có tới 68 cuốn phim xấu các loại, 16 máy chiếu phim loại 8 và 16 ly, 2 ra đi ô, 2 tập an bom đạn ảnh dâm ô, 10 tập sách dạy khiêu vũ do y sáng tác, 9 tập nhật ký ghi quá trình hoạt động dâm ô của hắn... Nhiều báo chí của người «di tản» xuất bản ở nước ngoài với những cái tên «Quê mẹ», «Văn nghệ tiền phong», «Vượt tuyến», «Hồn Việt», «Trắng đen», «Chuông Sài-gòn», «Sài-gòn — Mỹ»... đã xuất hiện ở thành phố Hồ-Chí-Minh và một số nơi khác. Tác giả của những bài báo phần lớn là những tên bồi bút, tay sai của đế quốc Mỹ trước đây.

Tại quận 5, thành phố Hồ-Chí-Minh, kiểm tra 74 quán giải khát «đền mò», thu được 5000 cuốn băng với những bài hát mang nội dung xấu. Trong một tuần truy quét, thu được 4 tấn sách, báo bản không hợp pháp và 15 bộ phim trong đó có 3 bộ phim «chưởng» Đài-loan; phát hiện một số tiệm giải khát kiêm ô mai dâm. Tại một cửa hàng chuyên sang băng ở đường Nguyễn-Huệ (thành phố Hồ-Chí-Minh), thu được 322 băng cat xet, 151 hàng tròn lớn, 6 băng trung, toàn ghi nhạc phản động. Ở quận 1, từ ngày 11-4 đến 10-5-1981, có 119 quán cà phê, nước mía và cửa hàng nữ cắt tóc nam hoạt động trái phép đã phải đóng cửa. Một nhà ở quận Bình-thạnh đã tàng trữ và chiếu 36 cuốn phim xấu trong đó có 16 cuốn phim «con heo». Chỉ trong một chợ Dăng-Thị-Nhu, đã thu 95555 cuốn sách bán không hợp pháp. Kiểm tra 1801 điểm ở thành phố Hồ-Chí-Minh, có tới 66,5% số điểm dính líu đến việc lưu hành, tàng trữ, phổ biến văn hóa phẩm phản động, đồi trụy; 507 điểm tàng trữ, cho thuê sách, 205 điểm in trái phép; 96 vụ chiếu phim không hợp pháp. Các cơ quan có trách nhiệm đã cảnh cáo 239 điểm, đóng cửa 371 cửa hiệu, truy tố 12 cửa hàng. Ở Thuận-hải, kiểm tra 91 hộ tại 15 điểm trong các xã, phường của ba huyện Ninh-hải, Hàm-thuận, Hàm-tân và thị xã Phan-thiết, thu được 857 băng nhạc, 714 sách phản động đồi trụy, 34 cuốn phim mang nội dung xấu, hàng trăm đĩa hát, tranh ảnh khiêu dâm...

(Xem tiếp trang 70)

PHÊ PHÁN «TƯ TƯỞNG QUÂN SỰ MAO-TRẠCH-ĐÔNG»

Thiếu tướng PHẠM-HỒNG-SƠN

Cái gọi là «tư tưởng quân sự Mao-Trạch-Đông» là bộ phận quan trọng trong toàn bộ «tư tưởng Mao-Trạch-Đông» mà bản chất là chủ nghĩa dân tộc sô vanh bành trướng và bá quyền. Cũng như các bộ phận khác (triết học, chính trị, kinh tế...), «tư tưởng quân sự Mao-Trạch-Đông» đang phơi trần bộ mặt phản động chống nhân dân, chống chủ nghĩa Mác - Lê-nin của nó.

Điều cần chú ý là «tư tưởng Mao-Trạch-Đông» nói chung và «tư tưởng quân sự Mao-Trạch-Đông» nói riêng không phải là một hệ thống hoàn chỉnh, nhất quán mà là một mớ hỗn tạp, mang tính chất chiết trung, thực dụng và cơ hội chủ nghĩa, gồm nhiều thứ lý luận cẩu, kim, đồng, tây mà phần chủ yếu là những học thuyết của nước Trung-hoa cẩu. Là chiết trung, nó pha trộn mọi học thuyết đối lập nhau về bản chất theo kiểu «kết hợp Các Mác với Tần-Thủy-Hoàng» (lời Mao nói trong hội nghị Bắc-đới-hà năm 1958). Là thực dụng, nó không bỏ lỡ cơ hội lợi dụng những luận điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, cắt xén và xuyên tạc đi, coi như những phương tiện để đạt mục đích riêng. Là cơ hội chủ nghĩa, nó rất giỏi tìm cách thích ứng, luôn lách. Nó vay mượn và dẫn

dụng nhiều từ ngữ và đoạn văn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin để ngụy trang cho mình. Và, như mọi phần tử cơ hội chủ nghĩa thường vẫn cố tạo ra, những kẻ theo tư tưởng Mao-Trạch-Đông còn làm ra về «cách mạng» hơn cả những người cách mạng.

Về đại thể, cái gọi là «tư tưởng quân sự Mao-Trạch-Đông» bao gồm ba thành phần sau đây: *quan điểm về chiến tranh* gồm vấn đề vai trò của chiến tranh, vai trò của bạo lực...; *quan điểm về quân đội*; *quan điểm về chiến lược và chiến thuật quân sự*.

Quan điểm về chiến tranh của Mao hoàn toàn xa lạ với quan điểm về chiến tranh của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Mao giải thích về vai trò của chiến tranh một cách hoàn toàn phi mác xít, phản khoa học. Thực chất, Mao đã đi đến chỗ tôn thờ chiến tranh. Mao viết: «Nhiệm vụ trung tâm và hình thức cao nhất của cách mạng là dùng vũ trang đoạt lấy chính quyền... Nguyên tắc cách mạng đó của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đối với khắp nơi đều đúng, bất luận ở Trung-quốc hay ở nước ngoài cũng đều đúng» (1). Ở đây, Mao đã đánh

(1) Mao-Trạch-Đông: *Tuyên tấp*, Nxb Sự thật, Hà-nội. 1959. tấp II, tr. 304.

trào khái niệm *bạo lực cách mạng* của chủ nghĩa Mác bằng khái niệm *vũ trang* đề, tiến một bước nữa, hình tượng hóa « *lực lượng vũ trang* » bằng « *súng* » và phát biểu: mỗi người đảng viên cần phải hiểu được chân lý này: « *chính quyền ở đâu ngọn súng* »... « *Có súng thì hẳn có thể tạo ra Đảng* » (2).

Đề cho « *lý luận* » của mình có căn cứ trong lịch sử Trung-quốc và thế giới, Mao viết tiếp: « *Có quân ắt có quyền, chiến tranh giải quyết tất cả... về điểm đó, Tôn-Trung-Sơn và Tưởng-Giới-Thạch đều là ông thầy của chúng ta* » (3)... « *Súng của Đảng cộng sản Nga đã tạo nên một nước xã hội chủ nghĩa* » (4).

Như vậy, nhìn qua lăng kính của Mao, mọi yếu tố làm nên lịch sử đều biến mất. Còn đâu vai trò của lý luận cách mạng về phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân — một yếu tố thiết yếu cho sự ra đời của một đảng chân chính của giai cấp vô sản? Còn đâu vai trò của những hình thức đấu tranh phong phú của quần chúng trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa để làm yếu kẻ thù và tiến tới đánh bại chúng? Cái duy nhất còn lại và nổi bật lên chỉ là... khẩu súng. Thật là một chủ nghĩa duy... chiến tranh trắng trợn. Chính Mao đã thừa nhận: « *Có người cười chúng ta là chủ trương « thuyết chiến tranh vạn năng », đúng chúng ta là những người chủ trương thuyết chiến tranh cách mạng vạn năng...* » (5).

Đây không có chút nào là của chủ nghĩa Mác — Lê-nin như Mao đã mạo xưng. Đây chỉ là tri thức của Mao học được từ lịch sử quân phiệt cát cứ của nước Trung-hoa từ thời Xuân thu, Chiến quốc cho tới tận giai đoạn trước và sau cách mạng Tân hợi. Mao toan đem gán « *chân lý* » đó cho mọi thời đại và cho toàn thế giới.

Tuy Mao có nói: « *Nguyên tắc của chúng ta là đảng chỉ huy súng chứ*

quyết không cho phép súng chỉ huy đảng », nhưng như thực tiễn chứng tỏ, Mao đã tự đồng nhất cá nhân mình với đảng, coi đảng là Mao và Mao là đảng. Vì vậy, câu nói trên chỉ còn có ý nghĩa răn đe đồng bọn: chớ có kẻ nào mưu toan dùng súng mà chống lại Mao. Thực tiễn bốn mươi lăm năm từ hội nghị Tuân-nghĩa, qua « *dại cách mạng văn hóa vô sản* » đã minh họa phương sách dùng súng đề « *europ quyền* » và giữ quyền của Mao, khiến hàng chục triệu quân chúng phải đổ máu, làm vật hy sinh cho tham vọng làm hoàng đế thế giới của « *người cầm lái vĩ đại* ».

Vận dụng vào lĩnh vực quan hệ quốc tế và quá trình cách mạng thế giới, lý luận của Mao đã đồng nhất chiến tranh với cách mạng, và trên thực tế đã kim hãm phong trào cách mạng ở nhiều nước, gây tổn thất lớn cho cách mạng ở những nước mà những người lãnh đạo mù quáng rập theo đường lối của Mao. Ở những nước này, phương pháp và hình thức cách mạng mất đi tính chất phong phú, đa dạng, linh hoạt, sáng tạo; vai trò đấu tranh chính trị của quần chúng bị lu mờ, hoạt động cách mạng quy lại chỉ còn là hoạt động của một nhóm người vũ trang ẩn náu trong rừng núi, cách biệt với những trung tâm công nghiệp và thành thị. Có nơi, thể và lực của quần chúng cách mạng rất mạnh, nhưng vì bàn tay điều khiển của bọn mao ít mạnh động mà phong trào cách mạng đã bị tổn thất đau đớn.

Trong lúc phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới đòi hòa bình, đòi bọn đế quốc chấm dứt chạy đua vũ trang, do các đảng cộng sản đề xướng và lãnh đạo, đang dâng lên mạnh mẽ, có tác dụng ngăn chặn bọn

(2) Mao-Trạch-Đông: *Sách đã dẫn*, tr. 313.

(3) *Sách đã dẫn*, tr. 311.

(4), (5) *Sách đã dẫn*, tr. 313.

để quốc hữu chiến, tạo điều kiện cho cách mạng ở mỗi nước tập hợp lực lượng và phát triển, thì Mao gào thét, cổ vũ cho một cuộc chiến tranh thế giới mới, kể cả chiến tranh nguyên tử, coi đó là con đường không tránh khỏi, thậm chí là con đường ngắn nhất để tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc, xây dựng « chủ nghĩa cộng sản » (!) trên toàn trái đất. Mao từng tuyên bố: « Chúng ta có thể nói, chỉ có dùng súng đạn mới có thể cải tạo được toàn bộ thế giới » (Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc ngày 6-1-1938). Năm 1958, Mao còn nói: « Nếu một nửa loài người có bị giết trong chiến tranh thì cũng không có nghĩa lý gì ».

Mác — Ăng-ghe-n đã chỉ ra rằng giữa chiến tranh và cách mạng có quan hệ với nhau, nhưng đó không phải là mối quan hệ thường xuyên, tất yếu. Chưa bao giờ các ông đặt sự thành công của cách mạng phụ thuộc trực tiếp vào chiến tranh, chưa bao giờ các ông coi chiến tranh là điều kiện tất yếu để đạt tới các mục tiêu chính trị — xã hội của giai cấp công nhân. Mác, Ăng-ghe-n và Lê-nin đã chứng minh rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa nổ ra khi có tình thế cách mạng trực tiếp, khi có đủ những điều kiện khách quan và chủ quan để làm cách mạng, lật đổ chính quyền của bọn thống trị, bóc lột. Tuy trên thực tế, hai cuộc chiến tranh thế giới do bọn đế quốc gây ra đều kết thúc bằng những cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, dẫn đến sự ra đời của Liên-xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, nhưng chủ nghĩa Mác — Lê-nin không hề cho rằng các cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa nhất thiết phải gắn liền với chiến tranh thế giới. Hơn nữa, Lê-nin đã từng nêu lên rằng nếu việc quá độ lên chủ nghĩa xã hội diễn ra thông qua chiến tranh « thì người ta sẽ không thể hình dung được một bước quá độ nào gian khổ hơn, nặng nề hơn, một cảnh cũng khôn

gay gắt hơn và một cuộc khủng hoảng sâu sắc hơn làm hủy hoại tất cả mọi lực lượng sản xuất » (6).

Trong khi phân tích lịch sử xã hội loài người, chủ nghĩa Mác đã chỉ ra rằng: trong xã hội có giai cấp, « bạo lực là bà đỡ cho mọi xã hội cũ đang thai nghén một xã hội mới trong lòng » (7). Luận điểm này nói lên vai trò quan trọng của bạo lực với tính cách là một phương tiện không thể thiếu để cho xã hội mới ra đời qua một quá trình « thai nghén » trong lòng xã hội cũ. Quá trình « thai nghén » ấy được định bởi một loạt các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội..., mà những yếu tố này lại được hình thành do hoạt động tự giác và không tự giác của toàn xã hội (gồm giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột). Đứng về giai cấp bị bóc lột mà nói, quá trình hình thành này nhanh hay chậm là do mức độ tự giác trong đấu tranh giai cấp cao hay thấp quyết định. Và, bạo lực chỉ là hành động tự giác cao và cuối cùng khi quá trình « thai nghén » kia đã thành thực. Giống như một bà đỡ không thể cho ta đẻ con mà chỉ có thể « đỡ » nó ra từ người sản phụ mà thôi. Do đó, dù bạo lực là cực kỳ quan trọng, chúng ta cũng không thể coi bạo lực là cái « giải quyết tất cả », biến nó từ phương tiện cuối cùng thành nguồn gốc duy nhất của sự ra đời xã hội mới như Mao đã lập luận và gán cho chủ nghĩa Mác. Về điều này, Lê-nin viết: « ...bạo lực cách mạng chỉ là một thủ đoạn cần thiết và chính đáng của cách mạng trong những thời kỳ phát triển nhất định của nó, trong những điều kiện nhất định và đặc biệt, còn việc tổ chức quần chúng vô sản, việc tổ chức

(6) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 36, tr. 491.

(7) F. Ăng-ghe-n: *Chống-Đuylinh*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1971, tr. 312.

những người lao động thì trước kia và hiện nay vẫn là một đặc tính sâu xa hơn nhiều, thường xuyên hơn nhiều của cuộc cách mạng đó và là điều kiện của thắng lợi của nó⁽⁸⁾. Như vậy, theo Lê-nin, chỉ có bạo lực cách mạng — chứ không thể là bạo lực phản cách mạng — mới là «bà đỡ» cho sự ra đời của một xã hội mới. Điều đó vạch trần thực chất phản động và phản khoa học của tư tưởng Mao-Trạch-Đông cho rằng mọi thứ bạo lực đều có tính chất quyết định. Hơn nữa, chủ nghĩa Mác bao giờ cũng cho rằng bạo lực gồm lực lượng quân sự, lực lượng chính trị và thể hiện ra thành hai hình thức đấu tranh là đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị. Hai lực lượng ấy, hai hình thức ấy phải gắn bó chặt chẽ với nhau, hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau, làm nên sức mạnh tổng hợp để chiến thắng các thế lực phản động đang ngoan cố bảo vệ xã hội cũ.

Trong cuộc đấu tranh giai cấp, có hai loại bạo lực chống chọi nhau: bạo lực cách mạng của những giai cấp tiến bộ và bạo lực phản cách mạng của những giai cấp phản động thống trị. Xem ra, Mao say sưa bạo lực chỉ vì nó là bạo lực, không kể đến tính giai cấp và mục đích của nó. Nói cho đúng hơn, Mao chỉ quan tâm đến một mục đích là giành quyền cho cá nhân mình và tập đoàn mình, đặt nó cao hơn tất cả, và không từ một thủ đoạn nào để đạt tới mục đích đó.

Quan điểm sùng bái bạo lực nói trên của Mao đã là tư tưởng chỉ đạo cho những hành động bạo ngược của hồng vệ binh trong thời kỳ «đại cách mạng văn hóa vô sản» ở Trung-quốc, thêm vào đó, việc Quân giải phóng nhân dân Trung-quốc làm theo chỉ thị của Mao, dùng súng để «chi viện phái tả», đã dẫn tới việc đập phá tan hoang cơ cấu của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, thành quả của bao năm đấu tranh cách mạng của nhân dân Trung-quốc.

Mao cho rằng cuộc chiến tranh giải phóng ở Trung-quốc chỉ là một cuộc chiến tranh của nông dân không hơn không kém. Mao viết: «Cách mạng Trung-quốc thực chất là cách mạng của nông dân... thực chất của chính trị dân chủ mới, là trao quyền cho nông dân» (9). Quan điểm đó phủ nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với chiến tranh cách mạng. Từ đó, Mao-Trạch-Đông và bè lũ đã chủ trương «lấy nông thôn bao vây thành thị», hơn nữa, đi đến tuyệt đối hóa chủ trương đó, coi nó có ý nghĩa phổ biến đối với cuộc đấu tranh cách mạng của tất cả các dân tộc, nhất là ở châu Á, châu Phi và Mỹ la tinh. Những quan điểm nói trên của Mao trái ngược hoàn toàn với tư tưởng quân sự của chủ nghĩa Mác — Lê-nin cho rằng giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo và là quân chủ lực trong chiến tranh cách mạng, phong trào đấu tranh của nông dân chỉ có thể giành được thắng lợi dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, trong chiến tranh cách mạng thành thị có vị trí chiến lược trọng yếu.

Mao đã tuyệt đối hóa vai trò của quân đội trong chiến tranh. Mao viết: «Ở Trung-quốc, hình thức đấu tranh chủ yếu là chiến tranh và hình thức tổ chức chủ yếu là quân đội» (10). Từ kinh nghiệm của Tưởng-Giới-Thạch và Tôn-Trung-Sơn «xem quân đội như sinh mệnh», Mao đã đi đến kết luận «có quân ắt có quyền, chiến tranh giải quyết tất cả». Theo Mao, «đầu ngọn súng sinh ra đủ thứ», «có súng thì hẳn có thể tạo ra đảng, Bất lộ quân đã tạo ra một đảng lớn ở Hoa-bắc. Lại có thể tạo ra cán bộ.

(8) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 38, tr. 91—92.

(9) Mao-Trạch-Đông: *Sách đã dẫn*, tr. 516.

(10) Mao-Trạch-Đông: *Sách đã dẫn*, tr. 307.

tạo ra trường học, tạo ra văn hóa, tạo ra phong trào quần chúng. Mọi sự ở Diên-an đều do súng tạo ra cả » (11). Rõ ràng là những luận điểm mang tính chất quân phiệt nói trên của Mao hoàn toàn xa lạ với quan điểm mác xít về lực lượng cách mạng, về quy luật phát triển của lực lượng cách mạng, về chiến tranh và quân đội. Vai trò của nhân dân (mà Mao quy tụ lại là của nông dân) trong chiến tranh ở Trung-quốc, dưới sự chỉ đạo của quan điểm của Mao và phái Mao, thực tế chỉ bó hẹp trong việc phục vụ quân đội, bổ sung cho quân đội.



Từ những quan điểm mang tính chất quân phiệt đối với vấn đề vai trò của chiến tranh, của bạo lực, vai trò của giai cấp công nhân và nông dân trong chiến tranh, Mao-Trạch-Đông đã đi đến những quan điểm sai lầm và phản động về xây dựng quân đội. Đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, một nguyên tắc quan trọng hàng đầu mang tính quy luật trong việc xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp vô sản là: đảng của giai cấp vô sản là hạt nhân lãnh đạo tuyệt đối mọi hoạt động của lực lượng vũ trang. Trái với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Mao-Trạch-Đông nói: Quân đội Trung-quốc thực chất là những người nông dân mặc áo lính. Mao đưa ra luận điểm lấy quân đội thay thế đảng, tạo ra đảng. Mao nói: « Nguyên tắc của chúng ta là Đảng chỉ huy súng chứ không hề cho súng chỉ huy Đảng. Nhưng có súng thì hẳn có thể tạo ra Đảng » (12). Mao còn nói: « Quân đội là trường học đào tạo cán bộ cho mọi lĩnh vực hoạt động của đảng, của Nhà nước và kinh tế ». Trong những năm « đại nhảy vọt » và « cách mạng văn hóa », Mao đã huy động

quân đội để giải tán các cơ quan chính quyền, kiểm soát các xí nghiệp, công xã, trường học, công sở...

Phủ nhận vai trò lãnh đạo của đảng vô sản, Mao cũng tước bỏ nổi nội dung chính trị vô sản - chủ nghĩa Mác - Lê-nin - trong công tác chính trị của quân đội Trung-quốc. Trong cái gọi là Nghị quyết của Ủy ban quân sự trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc năm 1969 về việc tăng cường công tác chính trị, công tác đảng trong quân đội Trung-quốc có nói: « Việc huấn luyện quân sự và giáo dục chính trị ở các đơn vị, ở các học viện và nhà trường quân đội, phải là các tác phẩm của Mao-Trạch-Đông ». Thực chất, Mao và bè lũ đã biến quân đội Trung-quốc thành một đội quân của Mao, tuyệt đối trung thành với Mao.

Hơn nữa, trong quân đội Trung-quốc, việc nhồi nhét tư tưởng sô vanh đại dân tộc, tư tưởng chống Liên-xô, chống Việt-nam, việc khơi sâu hận thù dân tộc đối với Liên-xô và Việt-nam,... đã thay thế cho việc giáo dục chủ nghĩa quốc tế vô sản. Cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam tháng 2-1979 đã phơi bày sự phản bội đáng phỉ nhổ nhất của tập đoàn theo Mao đối với nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Với bản chất duy ý chí, Mao-Trạch-Đông còn xác định một cách sai lầm mối quan hệ giữa con người và vũ khí trong chiến tranh, đi tới tuyệt đối hóa vai trò của tinh thần, của con người. Theo bọn mao-ít thì vũ khí tốt nhất là « tư tưởng Mao-Trạch-Đông ». Sự đầu độc về tư tưởng này nhằm biến những chiến sĩ quân đội Trung-quốc thành những tên lính đầu óc trống rỗng sẵn sàng chết vì Mao-Trạch-Đông và tư tưởng

(11) Sách đã dẫn, trang 311 - 313.

(12) Sách đã dẫn, tr. 313.

Mao-Trạch-Đông. Quan điểm của Mao hoàn toàn đối lập với lời giáo huấn của Lê-nin dạy rằng, một quân đội tốt nhất, những người trung thành nhất với sự nghiệp cách mạng sẽ lập tức bị địch tiêu diệt nếu họ không được trang bị đầy đủ, không được cung cấp lương thực và huấn luyện đầy đủ.

Kiểu cường điệu nhân tố con người trong tư tưởng quân sự Mao-Trạch-Đông là sự kết hợp tính đặc thù của một nước đông dân với quan điểm duy tâm chủ quan của Mao. Điều đó quyết định tính chất phiêu lưu mạo hiểm trong chỉ đạo chiến lược và tính chất mù quáng trong chiến đấu.

Những quan điểm chiến lược quân sự của Mao cũng hết sức phản động. Mao và bọn theo chủ nghĩa sô vanh đại Hán cho rằng Trung-quốc phải là trung tâm của thế giới. Để giành « bá quyền thế giới » trong hoàn cảnh yếu kém về kinh tế, chính trị, chúng cho rằng phải dùng chiến tranh để thực hiện mưu đồ đó. Vì vậy, chúng chủ trương « nhân dân Trung-quốc phải thường xuyên chuẩn bị cho chiến tranh » và Trung-quốc phải cầu kết với hết thảy bọn đế quốc và phản động quốc tế, phải lập mặt trận toàn thế giới bao gồm cả Mỹ, để tiêu diệt Liên-xô mà chúng trắng trợn xuyên tạc là « đế quốc xã hội ». Chiến lược đó của Mao và bè lũ chính là sự tái bản phương châm cổ truyền của bọn phong kiến Trung-hoa trước đây, tức là « liên minh với kẻ thù xa để tiêu diệt kẻ thù gần ». Với bản chất thực dụng và cơ hội chủ nghĩa, Mao còn cho thực hiện những chiến lược quân sự sặc mùi quân phiệt và hiếu chiến như kích động « thế giới đại loạn » (để Trung-quốc đại trị), « tọa sơn quan hổ đấu » (để Trung-quốc đục nước béo cò) Tính chất xảo trá và lường gạt của những mưu mẹo hiểm độc được Mao nâng lên thành chiến lược quân sự đó, đã bị bóc trần bởi lời nhận xét sau đây của M. Tay-lo,

vốn là đại sứ Mỹ tại miền Nam Việt-nam: « Trung-quốc quyết đánh Mỹ đến người Việt-nam cuối cùng, và quyết đánh Việt-nam đến người Cam-pu-chia cuối cùng ».



Cái gọi là « tư tưởng quân sự Mao-Trạch-Đông » là sự pha trộn những phản phản động nhất trong tư tưởng và nguyên tắc lý luận quân sự của những tập đoàn phong kiến từng tồn tại lâu đời ở Trung-quốc với tư tưởng quân sự phản động của bọn quân phiệt, bọn sô vanh bành trướng đại Hán. Lợi ích của các tập đoàn phong kiến quân phiệt Trung-quốc thường xuyên xung đột với nhau. Mâu thuẫn giữa chúng không bao giờ điều hòa được. Bọn chúng tìm mọi cách để tồn tại và bành trướng thế lực bằng cách đề bẹp đối phương. Vì vậy, chúng luôn luôn lật lọng, phản trắc. Đặc điểm của chúng là luôn luôn phản bội và thay đổi đồng minh. Nay liên minh với tên này để đánh tên khác; mai lại liên minh với những tên khác để đánh lại người đồng minh trước kia của mình. Di sản quân sự đó lại tồn tại ở một nước rộng lớn, đông dân, có lịch sử lâu đời, mà bọn thống trị cho là trung tâm thế giới, chúng mang rất nặng tư tưởng dân tộc đại Hán. Khi còn trẻ Mao-Trạch-Đông đã thừa kế và thích thú với tất cả di sản phản động đó. Mãi về sau này, khi đầu óc của Mao đã chứa đầy những di sản tư tưởng quân sự phản động, Mao mới bắt đầu tiếp xúc với chủ nghĩa Mác một cách rời rạc. Với quan điểm thực dụng, Mao đã lợi dụng những câu, những đoạn nào đó trong chủ nghĩa Mác để tô điểm cho nội dung tư tưởng quân sự chống chủ nghĩa Mác của mình.

Ngày nay, tập đoàn cầm quyền sau Mao ở Trung-quốc đang tiếp tục

trương lá cờ « tư tưởng quân sự Mao-Trạch-Đông » đề câu kết với chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động thế giới, nhằm chống Liên-xô, Việt-nam và ba đồng thạc cách mạng, mưu đồ giành bá quyền thế giới. Nhưng thời đại đã thay đổi. Tư tưởng quân sự Mao-Trạch-Đông chỉ là một mớ hỗn tạp, phản động và lỗi thời, hoàn toàn đối lập với chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Tập đoàn cầm quyền sau Mao, xuất phát từ lập trường thực dụng, đang sửa đổi một vài điểm nào đó trong tư tưởng quân sự của Mao, nhưng

chúng không thể vứt bỏ được di sản của Mao. Bọn phản động trong giới cầm quyền hiện nay ở Bắc-kinh mà nhân vật trung tâm là Đặng-Tiểu-Binh, là những kẻ rất phiến lưu, hiếu chiến, đã từng phát động cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam tháng 2-1979. Và ngày nay chúng vẫn nuôi dã tâm làm suy yếu và thôn tính nước ta, tiến tới bành trướng ra toàn vùng Đông Nam Á. Chúng ta không bao giờ được lơ là cảnh giác trước âm mưu và hoạt động khiêu khích chiến tranh của chúng chống nhân dân ta.

Về đợt truy quét...

(Tiếp theo trang 63)

Ngay giữa thủ đô Hà-nội, ở phường Trúc-bạch, đã thu được 15 băng, phường Trương-mai 30 băng cối, phường Văn-miếu 18 băng ghi nhạc đời truy. Ngoài ra còn thu được nhiều sách có nội dung xấu. Chợ Hòa-linh (phường phố Huế) ngày 24-5-1981, kiểm tra 10 hộ, thu gần 400 băng nhạc, đĩa hát cùng loại. Tiếp đó, các lực lượng kiểm tra tiếp 14 người chuyên buôn bán băng nhạc, đĩa hát, máy ghi âm, quay đĩa ở đây, lại thu một khối lượng khá lớn: có người bị bắt ngờ bỏ chạy để lại 10 băng và đĩa hát; có người lần trước đã bị thu 60 băng, 14 đĩa hát, lần này bị thu giữ 24 băng nhạc đời truy mới. Một quán sách ở chợ Bắc-quai, lần trước bị thu giữ 32 cuốn sách, lần sau thu 79 cuốn nữa, tất cả đều là sách đời truy, lạc hậu. Tại thành phố Hải-phòng, mới kiểm tra 41 điểm giải khát, quán nước, đã thu 100 băng nhạc, 180 đĩa hát không lành mạnh.

Một số cơ quan, xí nghiệp, trường học, cán bộ quản lý văn hóa tổ chức chiếu phim cấm lưu hành dưới hình thức « nghiên cứu » nhưng thực chất để doanh thu. Trong số 1200 điểm vi phạm, có 58 điểm là cán bộ; trong số 107 vụ bị bắt giữ, có 11 vụ là cán bộ, đảng viên; trong số 73 vụ bị truy tố trước pháp luật, có 3 vụ là cán bộ, v.v. Phần lớn số người hoạt động tăng trù, lưu hành, tuyên truyền những thứ văn hóa, văn nghệ phản động, đời truy là những văn nghệ sĩ chống cộng chưa chịu cải tạo, một số tên là nhân viên « tâm lý chiến » của Mỹ-ngụy, là tư sản gốc Hoa và một ít cán bộ bị thoái hóa, biến chất.

Được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng và chính quyền các địa phương, cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hóa văn nghệ vừa qua đã đem lại một khí thế mới cho quần chúng trong cuộc đấu tranh chống những loại độc văn hóa tư sản phản động để xây dựng một nền văn hóa Việt-nam xã hội chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh này rất phức tạp, lâu dài, cần được chỉ đạo chặt chẽ và tiến hành thường xuyên, liên tục, triệt để hơn.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ

№ 10 — 1981 г.

ПЕРЕДОВАЯ — Наука и техника в революционном деле нашего народа. ☆☆☆ — Решительно поддержать польский народ в его борьбе в защиту социализма и национальной независимости. **ЛЕ ЧОНГ ТАН**. Создание резервных сил защиты Родины и управление ими. **БУЙ ТХАНЬ КХИЕТ**. О руководстве партии работой по науке и технике. **ЧАН НГОК ХИЕН**. Некоторые проблемы о научном экономическом мышлении. **НГУЕН ТИ МИ**. О роли субъективного фактора в обеспечении соответствия производственных отношений производительным силам. **ФАМ ХОНГ ШОН**. Критика «милитаристской идеологии Мао Цзэдуна».

REVIEW OF COMMUNISM № 10 — 1981

Editorial — Science and Technology in Our People's Revolutionary Cause. ☆☆☆ — Let's Resolutely Support the Polish People in Their Struggle for Defending Socialism and National Independence. **LÊ-TRỌNG-TẤN** — Building and Managing the Reserve Forces for Our Cause of Safeguarding the Homeland? **BÙI-THANH-KHIẾT** — On the Leadership of the Party towards the Scientific and Technological Work. **TRẦN-NGỌC-HIÊN** — Some Problems on Scientific and Economic Thought. **NGUYỄN-CHÍ-MỸ** — Some Ideas on the Role of the Wishfulthinking Factor in the Concordance between the Relations of Production and Forces of Production. **PHẠM-HỒNG-SON** — Criticism on «Military Thinking of Mao Zedong».

REVUE DU COMMUNISME № 10 — 1981

Editorial — La science et les techniques dans l'oeuvre révolutionnaire de notre peuple. ☆☆☆ — Soutenir fermement le peuple polonais dans sa lutte pour défendre le socialisme et l'indépendance nationale. **LÊ-TRỌNG-TẤN** — Edifier et gérer les forces de réserve de la défense nationale. **BÙI-THANH-KHIẾT** — Sur la direction du Parti vis-à-vis des sciences et techniques. **TRẦN-NGỌC-HIÊN** — Quelques problèmes de la pensée économique scientifique. **NGUYỄN-CHÍ-MỸ** — Réflexions sur le rôle du facteur subjectif dans la concordance entre les rapports de production et les forces de production. **PHẠM-HỒNG-SON** — Critique de la «pensée militaire de Mao Zedong».

REVISTA DEL COMUNISMO № 10 — 1981

Editorial — Las ciencias y técnicas de nuestro pueblo en la revolución. ☆☆☆ — Apoyamos resueltamente al pueblo polonés en su lucha por la defensa del socialismo y la independencia nacional. **LÊ-TRỌNG-TẤN** — Construir y registrar las fuerzas de reserva por la defensa de la Patria. **BÙI-THANH-KHIẾT** — La dirección del Partido con respecto a los trabajos científicos y técnicos. **TRẦN-NGỌC-HIÊN** — Algunos problemas sobre el pensamiento económico-científico. **NGUYỄN-CHÍ-MỸ** — Algunas ideas sobre el papel del factor subjetivo en la concordancia entre las relaciones de producción y las fuerzas productivas. **PHẠM-HỒNG-SON** — Crítica sobre el «pensamiento militar de Mao Zedong».

RETURN PERIODICAL ROOM

TO → 133 Main Library

642-2976

LOAN PERIOD 1

2

3

28 DAYS

4

5

6

TẬP

NĂM

ALL BOOKS MAY BE RECALLED AFTER 7 DAYS

DUE AS STAMPED BELOW

FEB 26 1982

REC'D FEB 26 1982

Xã luận

★★

LÊ-TR

BÙI-T

TRẦN-

NGUYỄN

UNIVERSITY OF CALIFORNIA, BERKELEY

FORM NO. DD24, 5m, 1/82

BERKELEY, CA 94720

Sự phụ nợ của quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất

ĐOÀN-DUY-THÀNH - Hải-phòng thực hiện chế độ khoán mới trong hợp tác xã nông nghiệp

NGÔ-VĂN-HẢI - Máy kinh nghiệm công tác ngân hàng tỉnh Thái-bình

PHAN-VĂN - Tây-ninh củng cố các tổ chức cơ sở của Đảng

Truyền thống tập chí của Đảng ta

Hồi ký ★ THẾ-TẬP - Nhớ lại việc xây dựng khu vực hợp Đại hội thứ II của Đảng

Tư liệu ★ TRẦN-THO - Về đợt truy quét văn hóa phẩm phản động đòi truy vừa qua

PHẠM-HỒNG-SƠN - Phê phán « tư tưởng quái su Mao-Trạch-Dòng »

From:

Tìm đọc :**HỒ - CHÍ - MINH**

Thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu

LÊ - DUẨN

- Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân
- Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của chúng ta
- Xây dựng kinh tế địa phương vững mạnh

LÊ - THANH - NGHỊ

- Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm, đề thúc đẩy sản xuất, củng cố hợp tác xã nông nghiệp



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Tạp chí Cộng sản

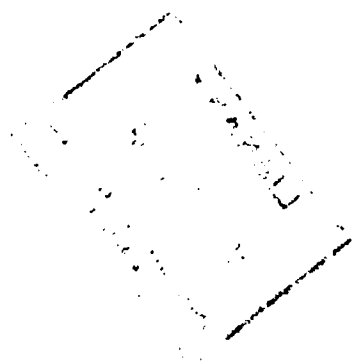
CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/VIC-B



11

11.1981



BƯỚC MỚI TRONG PHONG TRÀO HỢP TÁC HÓA VÀ SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP Ở NƯỚC TA

PHẠM - VĂN - ĐỒNG

Việc thực hiện chế độ khoán mới trong các hợp tác xã nông nghiệp đã có tác dụng tích cực thúc đẩy sản xuất phát triển và đã đạt được kết quả đáng phấn khởi trong vụ chiêm xuân vừa qua. Thực tế chứng minh rằng chế độ khoán mới đánh dấu *một bước phát triển mới của phong trào hợp tác hóa gắn liền với sự phát triển sản xuất nông nghiệp ở nước ta.*

1—Ý nghĩa và tầm quan trọng về mặt lý luận và thực tiễn của phong trào khoán hiện nay.

Trong thời gian vừa qua, phong trào khoán mới phát triển rất nhanh và rộng khắp, đông viên hàng triệu nông dân xã viên hàng hải lao động sản xuất. Họ lao động một cách hăng thú, tự nguyện, tự giác với tinh thần làm chủ thật sự, với khí thế sôi nổi. Đây là *một phong trào cách mạng* của quần chúng trong sản xuất nông nghiệp. Chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu để tìm ra những điều mới, làm phong phú thêm cả về lý luận và thực tiễn của cuộc vận động cách

mạng này. Đúng như Lê-nin đã nói: Cách mạng là ngày hội của quần chúng, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Và tác dụng của nó, như Các Mác nói: Lúc những tư tưởng lớn thâm nhập vào quảng đại quần chúng nhân dân thì nó làm nảy sinh lực lượng vật chất vô địch, to lớn. Chúng ta phải có thái độ dõng dạc như vậy đối với phong trào cách mạng này đang diễn ra sôi động khắp nông thôn nước ta. Dự luận xã hội và quần chúng mong muốn chúng ta khẳng định phong trào khoán mới trong các hợp tác xã nông nghiệp là sự thể hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nông thôn; nó có ý nghĩa quan trọng trước mắt và lâu dài: nó gắn liền với cả quá trình tiến lên cải tiến quản lý và tổ chức của hợp tác xã, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn đi đôi với phát triển sản xuất nông nghiệp, và gắn liền với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của cả nước ta.

Như vậy phong trào khoán đặt ra nhiều vấn đề mới về quản lý và tổ chức hợp tác xã, về chuyên canh và thâm canh, về trang bị kỹ thuật, về cơ sở vật chất và kỹ thuật của hợp tác

xã. Đó là những vấn đề mà chúng ta phải thấy và suy nghĩ để giải quyết theo yêu cầu thiết tha của quần chúng.

Đồng thời, chúng ta phải hết sức coi trọng việc khắc phục những sai sót không tránh khỏi cùng những khó khăn và phức tạp của một phong trào phát triển theo một tốc độ cao, trên một quy mô rộng lớn, ở nhiều vùng khác nhau của đất nước (kể cả ở những nơi đang tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp đi liền với phát triển sản xuất nông nghiệp). Phải thừa nhận rằng hiện nay ở nơi này, nơi khác, người ta thực hiện chế độ khoán mới chưa đúng, chưa hay, thậm chí làm sai trái, nên có hại. Chúng ta phải kịp thời phát hiện những sai sót, những lệch lạc ấy, giúp cơ sở sửa chữa và khắc phục, làm cho mọi nơi, mọi hợp tác xã đều đồng bộ đi lên đúng hướng.

Như chúng ta đã thấy rõ, phong trào khoán mới trong các hợp tác xã nông nghiệp có ý nghĩa quan trọng sâu sắc về nhiều mặt. Chúng ta cần lưu ý đến hai vấn đề liên quan đến phong trào khoán ấy.

Một là, đúng như trên đây đã nói, phong trào này đòi hỏi chúng ta phải giải quyết những vấn đề về quản lý và tổ chức hợp tác xã, về trang bị kỹ thuật, về cơ sở vật chất và kỹ thuật của hợp tác xã, nghĩa là những vấn đề có liên quan đến ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất gắn liền với phát triển lực lượng sản xuất; cách mạng tư tưởng và văn hóa mà chúng ta không được coi nhẹ; cách mạng khoa học kỹ thuật, then chốt trong ba cuộc cách mạng. Chúng ta cần thấy rõ và làm sáng tỏ điều này, từ đó mà làm phong phú về lý luận cũng như thực tiễn phong trào khoán mới trong nông nghiệp.

Hai là, phong trào khoán mới trong nông nghiệp gắn với một chủ trương cực kỳ quan trọng của Đảng ta, là thực hiện quyền làm chủ tập thể xã

hội chủ nghĩa của nhân dân lao động. Sự thật đã chứng minh, nơi nào làm tốt chế độ khoán mới, thì ở đó quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của người lao động dần dần được thể hiện, ở đó quần chúng được giải phóng, được «cởi trói» khỏi những ràng buộc, kìm hãm, để làm chủ và làm chủ thật sự trong sản xuất và phân phối. Cần nhấn mạnh, làm chủ ở đây là làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, hiện nay không phải không có đồng chí còn băn khoăn là khoán đến người lao động sẽ có nguy cơ đưa đến chủ nghĩa cá nhân? Trong xã hội xã hội chủ nghĩa và hiện nay trong phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở nước ta, nhất là ở miền Bắc nước ta đã thực hiện việc hợp tác hóa được nhiều năm, tập thể và cá nhân gắn bó với nhau và cùng nhau lớn lên. Tập thể ở đây không phải là con số cộng của nhiều cá nhân, mà là con số nhân của những con người xã hội chủ nghĩa. Bác Hồ dạy chúng ta: Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa. Phong trào khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp được lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý tốt chắc chắn sẽ làm nảy sinh biết bao con người xã hội chủ nghĩa, gắn bó với tập thể xã hội chủ nghĩa, với chế độ xã hội chủ nghĩa tươi đẹp của chúng ta. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, rồi tiến lên chủ nghĩa cộng sản, sự phát triển của từng người là điều kiện của sự phát triển của tất cả mọi người. Chúng ta không một chút nào e ngại sức vươn lên, sự lớn lên, trình độ được nâng lên về mọi mặt của con người dưới chủ nghĩa xã hội; trái lại, đó chính là điều chúng ta mong muốn và ngày đêm suy tính nhằm tạo ra những điều kiện cần thiết cho sự phát triển ấy.

Theo tinh thần trên đây, chế độ khoán mới trong các hợp tác xã nông

ng nghiệp phải được xem như bước đầu của một quá trình cách mạng đưa đến những cải tiến, những phát triển và hoàn thiện về quan hệ sản xuất, về lực lượng sản xuất rất cần thiết cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta.

2 — Địa bàn huyện.

Làm cho huyện trở thành địa bàn chủ yếu của Đảng ta và Nhà nước ta trong việc xây dựng hợp tác xã và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp là một chủ trương có ý nghĩa chiến lược.

Điều chủ yếu là phải xây dựng huyện thành địa bàn sản xuất, phân phối và lưu thông về lương thực, thực phẩm, một số mặt hàng tiêu dùng thuộc phạm vi quản lý của huyện nhằm cung cấp tới mức cao nhất theo khả năng và tính chất của từng huyện cho các tầng lớp dân cư trong huyện. Trước mắt và lâu dài đối với chúng ta, đó là điều hợp lý nhất và kinh tế nhất. Theo tính thân ấy, trong phạm vi cả tỉnh, phải có sự điều hòa cần thiết để giải quyết cho được vấn đề phân phối và lưu thông. Đồng thời, huyện phải làm nghĩa vụ đối với Nhà nước về những mặt hàng theo quy định, chủ yếu về lương thực và thực phẩm. Đó là nghĩa vụ đóng góp tất yếu mà chúng ta không được coi nhẹ. Làm được những việc như trên, đời sống dân cư trong huyện mới được từng bước bảo đảm vững chắc, và đến một lúc nào đó sẽ được cải thiện. Cũng phải hiểu rằng, huyện làm tốt và ngày càng tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, thì Nhà nước mới có khả năng cung cấp ngày càng tốt lương thực và thực phẩm cho nhân dân các thành phố, nhất là cho cán bộ và công nhân, cho bộ đội và một số người ấn theo. Làm tốt những vấn đề kể trên sẽ đem lại sự ổn định về kinh tế và đời sống, nhờ đó chúng ta có thể tập trung lực lượng làm nhiều việc

phải làm trong sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Về phần mình, Nhà nước phải cung ứng cho huyện tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng mà các hợp tác xã và nhân dân trong huyện cần, theo chính sách hiện hành, bao gồm chính sách trao đổi hàng hóa hai chiều. Hiện nay chúng ta còn thiếu hàng, lại thêm việc quản lý chưa tốt, nên thực hiện hợp đồng hai chiều chưa tốt. Chúng ta phải cố hết sức, trước hết là các ngành có trách nhiệm ở trung ương phải chăm lo tốt hơn việc trao đổi hàng hóa hai chiều nhằm phát huy tác dụng thúc đẩy, một đầu là sản xuất nông nghiệp, và một đầu là sản xuất công nghiệp. Cả hai đầu nông nghiệp và công nghiệp đều hướng vào phục vụ đời sống, và cả hai gắn lại với nhau chính là thực hiện liên minh công nông về chính trị và kinh tế.

Những điều này, chúng ta đã nói với nhau nhiều, và nói rất rõ. Nhưng khi hỏi lại, thì các đồng chí ở tỉnh, và nhất là ở huyện, lại thấy chưa rõ! Không hiểu đây là do nhận thức chưa thông suốt, hay vì các đồng chí lúng túng trong việc thực hiện? Các đồng chí phụ trách của huyện — một địa bàn quan trọng như mọi người đã biết — vì sao không mạnh dạn nhận trách nhiệm về sản xuất, phân phối lưu thông trên địa bàn huyện? Các đồng chí ở các ngành trung ương cũng không phải đã có nhận thức dứt khoát, và trong việc trang bị kỹ thuật cho cấp huyện, cũng lúng túng, chưa thấy huyện là trung tâm trang bị kỹ thuật cho nông nghiệp, là trung tâm cung cấp cán bộ kỹ thuật và quản lý theo quy hoạch và kế hoạch thống nhất của Nhà nước. Nước ta có khoảng 400 huyện, chúng ta cần suy nghĩ để phân loại huyện (mấy dạng hình huyện), vì những lẽ gì, trên căn cứ gì, và từ đó xác định quy hoạch và kế hoạch cho huyện, phương

án kinh tế và kỹ thuật cho huyện, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho huyện, trang bị kỹ thuật cho huyện, đồng thời cung cấp cán bộ — cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý — cho huyện. Tóm lại, dứt khoát là các ngành ở trung ương và các tỉnh phải coi huyện là trung tâm trang bị kỹ thuật cho nông nghiệp, coi xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho huyện, là xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho hợp tác xã sản xuất nông nghiệp từ đó mà hình thành từng bước cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp trên địa bàn huyện với hiệu quả thiết thực.

3 — Xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

Khoản sản phẩm trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, xây dựng huyện và nông thôn mới xã hội chủ nghĩa liên quan và gắn bó mật thiết với nhau. Đã mấy chục năm nay miền Bắc và hiện nay trên địa bàn cả nước, chúng ta đã và đang ra sức xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Những kết quả trong việc xây dựng nông thôn miền Bắc về kinh tế, về văn hóa, về xã hội, về xây dựng con người mới... là rất đáng phấn khởi. Đó là những bông hoa của chủ nghĩa xã hội ở nước ta, nó chứng minh hùng hồn về mục tiêu phấn đấu tốt đẹp của Đảng ta và Nhà nước ta: đem lại đời sống ấm no và hạnh phúc, đem lại cuộc sống vui tươi, lành mạnh cho nhân dân trong lúc nền kinh tế quốc dân chưa phát triển nhiều, trong khi lực lượng sản xuất chưa mạnh. Nhiều người nước ngoài có dịp đi thăm nông thôn hợp tác hóa của chúng ta đều ngạc nhiên và khâm phục về những khu dân cư mới, những khu nhà mới, những trường học mới, những cơ sở bảo vệ sức khỏe mới, v.v. Những việc chúng ta làm để thực hiện chế độ khoán mới trong nông nghiệp, trong việc xây

dựng huyện và nông thôn mới xã hội chủ nghĩa đều gắn liền với nhau. Nó đòi hỏi chúng ta đồng thời làm một công đôi ba việc, và đây cũng là những vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn đáng coi trọng. Các đồng chí làm nông nghiệp, làm kinh tế, các đồng chí phụ trách về Đảng, về Nhà nước, về tổ chức quần chúng, ở trung ương cũng như ở địa phương, đều có trách nhiệm tham gia vào sự nghiệp cách mạng này. Các đồng chí nghiên cứu về khoa học tự nhiên, về khoa học xã hội, những đồng chí làm bao, những đồng chí hoạt động trong các lĩnh vực văn học và nghệ thuật, mọi người hãy nhận lấy trách nhiệm đóng góp vào sự nghiệp cách mạng to lớn đang diễn ra hằng ngày trước mắt chúng ta. Nếu mọi người chúng ta đều tập trung cố gắng một cách đúng mức, chúng ta hoàn toàn có thể đẩy sự nghiệp này phát triển lên những bước mới hết sức quý báu. Nó càng quý báu hơn bao giờ hết, bởi vì hiện nay chúng ta đang có nhiều khó khăn về kinh tế và đời sống. Đây mạnh phong trào khoán đúng hướng, đồng thời cố gắng từng bước giải quyết các vấn đề do phong trào đòi hỏi giải quyết, đó là một bước quan trọng giúp chúng ta phát triển sản xuất nông nghiệp đi đôi với xây dựng huyện và nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, chỗ dựa vững chắc của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội, chỗ dựa quý báu để thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

4 — Phân bố lại lực lượng lao động trên phạm vi cả nước.

Lao động là vốn quý nhất của một nước xã hội chủ nghĩa. Phân bố lại một cách hợp lý lực lượng lao động trên địa bàn cả nước nhằm khai thác tới mức cao nhất đất, rừng, biển và

tài nguyên thiên nhiên khác của đất nước là một yêu cầu của sự bố trí chiến lược cơ bản của chúng ta nhằm đưa nông nghiệp và một số ngành kinh tế khác phát triển lên những bước mới mạnh mẽ và vững chắc. Trong hoàn cảnh nước ta hiện nay, chúng ta phải từng bước khắc phục tình trạng dân cư quá tập trung ở đồng bằng sông Hồng, nơi có diện tích đất đai quá ít, đưa lực lượng lao động đến những vùng thưa người lại giàu đất đai phì nhiêu, có những điều kiện thuận lợi để mở rộng diện tích nông nghiệp. Tỉnh Hà-nam-ninh chẳng hạn, mỗi năm tăng thêm hàng vạn nhân khẩu; tuy các đồng chí đã chuyển nhiều người đi xây dựng vùng kinh tế mới, nhưng đó chỉ là con số nhỏ so với số nhân khẩu tăng thêm. Một tỉnh như vậy, nhiều tỉnh thuộc vùng châu thổ sông Hồng đông dân và ít đất cũng như vậy, sẽ làm trầm trọng thêm tình trạng không hợp lý của sự phân bố dân cư, phân bố lao động của cả nước, kéo theo tình trạng lãng phí sức lao động và đất đai. Vì vậy, đi đôi với việc giữ nhịp độ tăng số dân hợp lý bằng kế hoạch hóa sinh đẻ, việc phân bố lại lực lượng lao động trên địa bàn cả nước có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, một dân tộc thông minh, dũng cảm và giàu tài năng sáng tạo như dân tộc ta quyết không để tình trạng phân bố không hợp lý dân cư và lao động kéo dài! Chúng ta phải rất nghiêm khắc đối với tình trạng này. Các cơ quan lãnh đạo và những cơ quan có thẩm quyền ở trung ương phải nghiên cứu một cách khẩn trương và nghiêm túc vấn đề này trong kế hoạch 5 năm, 10 năm tới. Đây là một sự nghiệp lớn, khó khăn và phức tạp, đòi hỏi tinh cương quyết và kiên trì, đòi hỏi những nỗ lực lớn về tổ chức, về quản lý, về chỉ đạo, về đầu tư, tóm lại đòi hỏi những biện pháp đồng bộ có hiệu lực. Có thể lấy tỉnh, huyện làm những đơn vị đưa

người đi và đón người đến. Theo tinh thần "Nhà nước và nhân dân cùng làm", Nhà nước phải làm hết sức mình để đóng góp vào sự nghiệp phân bố lại lực lượng lao động trong phạm vi cả nước, nhân dân địa phương đưa người đi và địa phương nhận người đến phải đóng góp tích cực vào công cuộc này.

Đây là sự bố trí chiến lược về kinh tế và xã hội, về quốc phòng và an ninh, một sự bố trí chiến lược có tính chất trước mắt và lâu dài; có thể nói đó là sự bố trí vĩnh viễn cho cả các thế hệ mai sau của dân tộc Việt-nam an cư, lạc nghiệp và đời đời hạnh phúc.



Mỗi người chúng ta, từ các đồng chí có trách nhiệm ở các ngành trung ương, đến các đồng chí ở cấp tỉnh, cấp huyện, hợp tác xã, những đồng chí đảm đương những công việc liên quan gần hoặc xa với hợp tác xã, với nông nghiệp, với huyện, với nông thôn mới, đến cả những đồng chí làm công tác thông tin, báo chí, văn học, nghệ thuật... hãy xác định trách nhiệm đóng góp cho phong trào cách mạng quan trọng này. Đồng thời, chúng ta quyết không coi thường những sai sót, những cái chưa tốt, những cái hư hỏng của phong trào. Chúng ta phải rất tỉnh táo đối với tình trạng này. Thực tế cách mạng cho thấy, một phong trào phát triển quá nhanh, ào ạt, có tính chất quảng đại quần chúng, thì khó tránh khỏi những sai sót, thậm chí những sai sót không nhỏ. Vì vậy, chúng ta phải theo dõi, kịp thời phát hiện những sai sót và lệch lạc để khắc phục. Đảng ta đòi hỏi phải có sự thảo luận đề đi đến nhất trí, đi đến sự thống nhất ý chí, thống nhất hành động từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài. Có như vậy mọi

(Xem tiếp trang 10)

XÂY DỰNG PHÁP LUẬT TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ Ở VIỆT-NAM

Giáo sư NGUYỄN-NGỌC-MINH

QUỐC HỘI khóa VII mà nhân dân ta vừa bầu ra có nhiệm vụ phát huy đầy đủ vai trò cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nhân dân trong việc củng cố và hoàn thiện chế độ làm chủ tập thể, thi hành Hiến pháp mới và xây dựng một hệ thống pháp luật đề cụ thể hóa Hiến pháp.

Tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VII, thay mặt Đảng ta, đồng chí Tổng bí thư Lê-Duẩn đã phát biểu:

“Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa là một yêu cầu cấp thiết để nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân, và làm tròn chức năng của chuyên chính vô sản. Điều đó đòi hỏi phải khẩn trương xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh từng bước hệ thống pháp luật của Nhà nước ta, nhất là hệ thống pháp luật kinh tế, bảo đảm phục vụ tốt cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cơ bản đã được vạch ra” (1).

Xây dựng pháp luật cho nước nhà là công tác rộng lớn bao gồm nhiều mặt hoạt động cả về lý luận và thực tiễn. Nó xuất phát từ nhu cầu của cách mạng trong mỗi giai đoạn lịch

sử, mang tính đảng, tính giai cấp, tính khoa học cao, đồng thời cũng mang sắc thái của truyền thống dân tộc Việt-nam. Có xây dựng pháp luật mới đáp ứng nhu cầu xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Công tác xây dựng pháp luật của chúng ta diễn ra trong điều kiện nước ta đang từ một nền kinh tế phổ biến là sản xuất nhỏ tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Nước ta lại mới giành được độc lập hoàn toàn. Cả nước bước vào thời kỳ quá độ mới được hơn 6 năm. Vì vậy mà quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt-nam có những khó khăn riêng, nhiệm vụ cải tạo và xây dựng có những nội dung phức tạp hơn. Những khó khăn to lớn và những điều mới mẻ đó ảnh hưởng nhiều đến công tác xây dựng pháp luật thống nhất và xã hội chủ nghĩa.

Về Nhà nước, chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn cách mạng thế giới từ lâu đã khẳng định Nhà nước trong

(1) Lê-Duẩn: « Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân », Tạp chí Cộng sản số 7-1981, tr. 16.

thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội chỉ có thể là và phải là Nhà nước chuyên chính vô sản

Về bản chất thì Nhà nước của các nước xã hội chủ nghĩa đều giống nhau, vì vậy pháp luật của các nước đó đều thuộc phạm trù pháp luật giai cấp vô sản. Tuy nhiên do hoàn cảnh lịch sử khác nhau, Nhà nước chuyên chính vô sản ở mỗi nước có những nét đặc thù của nó. Những nét đặc thù này cũng thể hiện ở việc xây dựng pháp luật của mỗi nước trong thời kỳ quá độ.

Ở nhiều nước đã đi vào con đường xã hội chủ nghĩa, một nhiệm vụ hàng đầu của Nhà nước chuyên chính vô sản là tiêu diệt những tàn dư của chủ nghĩa tư bản. Ở Việt-nam, tuy giai cấp tư sản không lớn, nhưng có bọn *tư sản mại bản rất phản động*. Ở miền Nam, do sống hai chục năm dưới chế độ thực dân mới của Mỹ — một chế độ cực kỳ phản động và hiếu chiến — cho nên giai cấp tư sản mại bản Việt-nam gắn liền với guồng máy chiến tranh và lối bóc lột vô cùng man rợ của chủ nghĩa tư bản Mỹ, cũng cực kỳ tàn bạo. Vì vậy mà Nhà nước chuyên chính vô sản ở Việt-nam phải mạnh mới đủ sức tiêu diệt giai cấp này.

Ở Việt-nam những cái phi xã hội chủ nghĩa còn *từ phía sản xuất nhỏ cá thể tới*. Nhà nước chuyên chính vô sản Việt-nam phải cải biến những cái phi xã hội chủ nghĩa này thành xã hội chủ nghĩa. Cách làm không thể giống như cách làm đối với giai cấp tư sản, mà đôi khi phải kiên trì thuyết phục, tuy không kém phần kiên quyết.

Một đặc điểm rất quan trọng nữa mà ít lâu nay ta chưa phân tích đầy đủ là: ở các nước đã trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa thì — như Lê-nin đã phân tích — giai cấp công nhân có thể lợi dụng tính tổ chức, tính kỷ luật vốn có trong một nền sản xuất lớn; đồng thời có thể

lợi dụng những thành tựu khoa học, kỹ thuật mà chủ nghĩa tư bản đã đạt được. Ở những nước này, sức mạnh của chính quyền vô sản là ở tính tổ chức và tính kỷ luật của giai cấp công nhân đông đảo do nền công nghiệp lớn tạo nên: hơn nữa giai cấp công nhân ở đây lại có điều kiện rộng rãi sử dụng *những thành tựu về văn hóa, khoa học, kỹ thuật của chủ nghĩa tư bản*.

Ở Việt-nam ta, do chưa trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, cho nên *tính tổ chức và tính kỷ luật* trong toàn xã hội còn rất yếu; hơn nữa *những thành tựu về văn hóa, khoa học, kỹ thuật của xã hội cũ* cũng không có bao nhiêu. Từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ là chủ yếu mà đi lên, đông đảo người lao động chưa quen với tính tổ chức, tính kỷ luật, chưa quen với nếp sống có kỷ cương của đại công nghiệp. Mà xây dựng những cái này là điều không ít khó khăn.

Lật đổ giai cấp thống trị cũ, chúng ta có thể làm nhanh với tinh thần cách mạng cao. Những cái đó, chúng ta có thể « làm bằng cái dũa quặt khởi cách mạng » — như Lê-nin nói. Nhưng xây dựng thì phải lâu dài, phải kiên trì.

Để *trấn áp*, thì sức mạnh là ở bạo lực cách mạng. Mạnh ở lực lượng vũ trang, ở các cơ quan chuyên chính, ở bộ máy bảo vệ pháp chế, ở sự giác ngộ của đông đảo quần chúng có ý thức về quyền làm chủ của mình.

Để *xây dựng*, thì sức mạnh phải ở *hiệu lực Nhà nước*, từ trên xuống dưới. Sức mạnh ở đây phải là *tất tởn*: tổ chức cơ cấu bộ máy, tổ chức lề lối làm việc, tổ chức quản lý. Sức mạnh ở đây là đưa mọi hoạt động của cơ quan Nhà nước đi vào quy chế chặt chẽ. Muốn vậy, phải có một hệ thống pháp luật dựa trên cơ sở tính giai cấp, tính khoa học, tính dân tộc, làm cho mọi người tự giác tham gia sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.



Ở nước Nga xô viết trước đây, trong thời kỳ quá độ, để xây dựng pháp luật xã hội chủ nghĩa, Lê-nin đã phải đấu tranh chống hai khuynh hướng: khuynh hướng tư sản muốn duy trì hoặc phục hồi pháp luật tư sản (những người theo khuynh hướng này cho rằng pháp luật tư sản đã phát triển đến một giai đoạn hoàn chỉnh, chủ nghĩa xã hội chỉ việc sử dụng nó), và khuynh hướng "tả" do Tơ-rốt-xki, Bu-kha-rin đại diện. Những người theo khuynh hướng này cho rằng chủ nghĩa xã hội không cần pháp luật.

Lê-nin chăm lo quán triệt các nguyên tắc pháp chế vô sản cả từ việc xây dựng pháp luật cho đến kiện toàn tổ chức tư pháp.

Chỉ từ 1921 đến 1923, ở nước Nga xô viết, nhiều bộ luật lớn mới đã được ban hành, trong đó có bộ luật dân sự, bộ luật hình sự, bộ luật ruộng đất, bộ luật lao động, hai bộ luật tổ tụng dân sự và tổ tụng hình sự (không kể nhiều pháp lệnh khác).

Ngay từ đầu Lê-nin đã chú trọng xây dựng và kiện toàn hệ thống tư pháp từ trên xuống dưới, đã chỉ thị cải tiến công tác bảo chữa, chấn chỉnh tổ chức các đoàn luật sư.

Để bảo đảm sự lãnh đạo có hiệu lực của Đảng cộng sản, tháng 1-1922, theo đề nghị của Lê-nin, Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga đã ra thông tư về "Quan hệ giữa các tổ chức Đảng và các cơ quan tư pháp".

Việc xây dựng pháp luật phải được kế hoạch hóa, phải có tính chiến đấu cao và tính xây dựng, tính tổ chức cao, việc xây dựng pháp luật phải đi vào quy chế chặt chẽ. Ở Liên-xô và các nước anh em khác đều như vậy. Ở Việt-nam ta cũng phải như vậy.

Trước hết Nhà nước cần sớm ra một đạo luật về thẩm quyền và thủ tục ban hành các văn bản pháp luật. Cơ quan nào có quyền ra những loại

văn bản pháp luật nào? Cụ thể là những loại quan hệ nào phải do *Luật* của Quốc hội điều chỉnh, những loại quan hệ nào có thể do *pháp lệnh* của Hội đồng Nhà nước điều chỉnh? Những loại quan hệ nào thì do *Hội đồng bộ trưởng* điều chỉnh? *Hội đồng nhân dân* có quyền ra những loại văn bản nào? *Ủy ban nhân dân* có quyền ra những loại văn bản nào? Đây không phải là vấn đề hình thức, mà là vấn đề nội dung hoạt động lập pháp và lập quy.

Công tác xây dựng pháp luật phải được *kế hoạch hóa*. Đây là một kinh nghiệm lớn. Hội đồng Nhà nước đang xét đề phê chuẩn chương trình xây dựng pháp luật trong 5 năm 1981 - 1985 do Hội đồng bộ trưởng đề nghị. Để thực hiện chương trình này, phải giải quyết tốt các mối quan hệ và lễ lối làm việc giữa các cơ quan Nhà nước và các tổ chức Đảng: giữa Hội đồng bộ trưởng và Hội đồng Nhà nước và Quốc hội; giữa các cơ quan chuyên môn về pháp luật với nhau (Bộ tư pháp và Ủy ban pháp luật của Quốc hội...).

Trong thời kỳ quá độ, chúng ta cần những loại pháp luật nào? Vấn đề này, cho đến nay chúng ta chưa bàn một cách có hệ thống và sâu sắc, cho nên cách làm còn chấp vá, cần đến đâu làm đến đấy, chưa thật có cơ sở lý luận và căn cứ vững chắc.

Theo chúng tôi, căn cứ vào nhu cầu và thực tiễn cách mạng nước ta, trong thời kỳ quá độ chúng ta nhất thiết phải xây dựng mấy loại pháp luật chủ yếu sau đây:

Thứ nhất là xây dựng các pháp luật về *cải tạo xã hội chủ nghĩa*.

Ở Việt-nam ta, những cái phi xã hội chủ nghĩa không chỉ là kinh tế tư bản chủ nghĩa mà còn là *sân xuất nhỏ, cá thể*. Tất nhiên chúng ta cũng phải cải tạo thành phần kinh tế tư bản tư nhân thành kinh tế xã hội chủ

nghĩa. Ngoài ra, còn phải cải tạo nền sản xuất nhỏ, cá thể thành sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Công tác này phức tạp hơn nhiều, khó khăn hơn nhiều, đa dạng hơn nhiều. Công tác này không thể tiến hành như đối với kinh tế tư bản chủ nghĩa. Bởi vì nó đụng đến người tiêu dùng, tiêu thụ, những người sản xuất cá thể khác. Và chẳng dễ có một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, công tác cải tạo phải tiến hành trên nhiều mặt, bao gồm nhiều bước đi thích hợp, liên tục, trong một thời gian khá dài.

Pháp luật về cải tạo xã hội chủ nghĩa của chúng ta vì vậy sẽ rất đa dạng.

Thứ hai là xây dựng các pháp luật về tổ chức và quản lý. Trong thời kỳ quá độ ở Việt-nam, do chưa trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, cho nên cái mạnh về tổ chức, về kỷ luật, về khoa học kỹ thuật mà Lê-nin nói đến, về cơ bản chúng ta chưa có. Cái kỷ cương Nhà nước thường có ở một xã hội có nền sản xuất lớn, chúng ta cũng chưa có.

Vì vậy, pháp luật về tổ chức, chúng ta cần rất nhiều. Tổ chức ở đây hiểu theo nghĩa rộng: không chỉ là tổ chức bộ máy, mà còn là tổ chức quá trình, cơ chế sản xuất, lao động, quản lý, đời sống xã hội, lối sống xã hội chủ nghĩa.

Tổ chức ở đây bao gồm cả tổ chức về chính trị, về kinh tế, văn hóa, xã hội.

Chỉ có đầy đủ pháp luật về tổ chức mới đưa mọi hoạt động của các cơ quan Nhà nước, của các tổ chức xã hội vào nền nếp, vào quy chế chặt chẽ. Kỷ cương Nhà nước nghiêm hay không, là do công việc này quyết định một phần rất lớn.

Thứ ba là xây dựng các pháp luật về kinh tế. Trong thời kỳ quá độ, chúng ta phải cải tạo nền kinh tế cũ, xây dựng nền kinh tế mới xã hội chủ

nghĩa. Ở Việt-nam, nền kinh tế mới này chưa có những mầm mống trong xã hội cũ. Trong hệ thống pháp luật chung của cả nước, hệ thống pháp luật kinh tế chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng. Nghị quyết Đại hội IV của Đảng và nhiều nghị quyết của Ban chấp hành trung ương đều nhấn mạnh điểm này. Trong mấy năm gần đây, khi đi sâu vào xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, chúng ta càng thấm thía vì thiếu một hệ thống pháp luật kinh tế.

Thứ tư là xây dựng pháp luật về chống tiêu cực. Quy luật phổ biến là trong thời kỳ quá độ, hiện tượng tiêu cực có nhiều: chúng bắt nguồn từ xã hội cũ, chúng cũng sinh ra và đặc biệt trở nên phức tạp do sự non kém về quản lý của chúng ta.

Ở Việt-nam, chủ nghĩa tư bản phát triển chưa cao, nhưng lại có giai cấp tư sản mại bản rất phản động. Cộng với những tệ nạn do chế độ thực dân mới của Mỹ-ngụy ở miền Nam để lại, những thủ đoạn xấu xa của tư bản, để quốc có rất nhiều: đầu cơ, tích trữ, buôn gian bán lận, lừa đảo, phá rối thị trường, làm hàng giả, v.v. Nạn tham ô, ăn cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, ăn cắp tài sản của công dân cũng khá phổ biến.

Các tàn dư của phương thức sản xuất phong kiến cũng không ít: bảo thủ, ích kỷ, hẹp hòi, tự tư tự lợi, dẫu óc đặc quyền đặc lợi.

Nhưng dai dẳng hơn cả, khó cải tạo hơn cả, và luôn luôn là mầm mống đẻ ra những hiện tượng tiêu cực mới, có lẽ là ảnh hưởng không tốt của nền sản xuất nhỏ. Đó là những nếp nghĩ tụt lùi, những lễ thói tùy tiện, vô tổ chức, vô kỷ luật, vô chính phủ, vun vén tư lợi, biến của công thành của tư.

Sự phát triển của những hiện tượng tiêu cực trong mấy năm gần đây ở nước ta chính là kết quả tổng hợp của nhiều nguồn cộng lại.

Từ đó, chúng ta càng thấy rõ pháp luật chống tiêu cực phải chiếm một vị trí thích đáng trong hệ thống pháp luật của ta. Loại pháp luật này sẽ là một vũ khí sắc bén để chúng ta đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực, từng bước loại trừ và hạn chế chúng đến mức thấp nhất.

Tất nhiên còn phải có những pháp luật về quốc phòng, về an ninh, về xây dựng chủ nghĩa xã hội trên các lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, xã hội mà nước xã hội chủ nghĩa nào cũng phải có.

Tuy vậy, do hoàn cảnh riêng của Việt-nam, vừa có hòa bình, vừa có thể xảy ra chiến tranh, do bọn bành trướng Bắc-kinh và đế quốc Mỹ cùng các thế lực phản động quốc tế có những mưu đồ đen tối chống Việt-nam, chống các nước xã hội chủ nghĩa, cho nên chúng ta càng phải đặc biệt quan tâm xây dựng pháp luật về quốc phòng, về an ninh và về chống văn hóa phản động và đồi trụy.



Trong thời đại chúng ta, xây dựng pháp luật đã trở thành một khoa học.

Các pháp luật của Nhà nước ta phải có tính đảng và tính khoa học cao. Hai mặt này hoàn toàn không mâu thuẫn nhau, trái lại rất thông nhất với nhau.

Đường lối của Đảng là linh hồn của pháp luật. Tất cả 5 loại pháp luật mà chúng ta xây dựng đều phải quán triệt đường lối và các quan điểm của Đảng. Đi trệch đường lối đó, pháp luật sẽ mất phương hướng.

Hơn nữa, pháp luật của ta còn phải có sắc thái dân tộc. Vì pháp luật gắn liền với xã hội, với con người, với nếp suy nghĩ, với lối sống của một dân tộc. Muốn xây cái mới, cái tiến bộ, muốn chống cái phản động, lạc hậu, đều phải xuất phát từ xã hội Việt-nam, từ con người Việt-nam.

Thấm nhuần đường lối, quan điểm của Đảng, nắm vững khoa học pháp lý, nắm vững những đặc điểm của xã hội Việt-nam, con người Việt-nam, tham khảo kinh nghiệm của Liên-xô và các nước anh em khác, nhất định chúng ta sẽ từng bước xây dựng được một hệ thống pháp luật đáp ứng được yêu cầu của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới này.

Bước mới trong phong trào hợp tác hóa...

(Tiếp theo trang 5)

chủ trương của Đảng đưa ra thì hành mới thành sức mạnh. Trung ương Đảng, Chính phủ đòi hỏi tất cả các đồng chí chúng ta phải cố gắng hết sức mình, góp phần xứng đáng nhất của mình vào phong trào cách mạng hiện nay ở nông thôn. Chúng ta theo dõi phong trào, từng bước đánh giá phong trào, sơ kết phong trào, nhất

là phải phát hiện đúng lúc những thành tích để phổ biến càng nhanh càng tốt, cũng như những lệch lạc để giải quyết kịp thời.

Tình hình là như vậy!

Vấn đề là như vậy!

Mọi người chúng ta hãy phấn đấu làm tròn trách nhiệm của mình!

«TOÀN TẬP LÊ-NIN» – *Một kho tàng tư tưởng vô giá*

PHẠM - THÀNH

V

IỆC xuất bản *Toàn tập Lê-nin* với 55 tập bằng tiếng Việt đã hoàn thành.

Đây là một công trình hợp tác lớn giữa Liên-xô và Việt-nam trên lĩnh vực công tác xuất bản do Nhà xuất bản Sự thật (Việt-nam) và Nhà xuất bản Tiến bộ (Liên-xô) thực hiện theo hiệp định ký kết giữa Chính phủ hai nước Việt-nam và Liên-xô (ngày 27 tháng 10 năm 1971). Đây cũng là một tặng phẩm rất quý báu mà Đảng cộng sản, Chính phủ và nhân dân Liên-xô dành cho Đảng, Chính phủ và nhân dân ta.

Cho đến nay, *Toàn tập Lê-nin* đã được xuất bản 5 lần bằng tiếng Nga ở Liên-xô. Lần xuất bản thứ nhất thực hiện từ 1920 đến 1926, gồm 20 tập (26 cuốn) với 1500 tác phẩm. Lần thứ hai và thứ ba: từ 1925 đến 1932 gồm 30 tập với 2700 tác phẩm. Lần thứ tư: trong năm 1941 và những năm 1946 – 1950 gồm 35 tập với 2927 tác phẩm và 2 tập tra cứu, về sau thêm 10 tập bổ sung. Lần thứ năm được thực hiện trong nhiều đợt gồm 55 tập với 3.000 văn kiện và 2 tập tra cứu.

Ở Việt-nam, từ năm 1961 đến năm 1971, chúng ta đã xuất bản *Toàn tập Lê-nin* gồm 35 tập dịch theo bản xuất bản lần thứ tư của Liên-xô. Bắt đầu từ năm 1972, thực hiện hiệp định ký kết giữa Chính phủ Việt-nam và Chính phủ Liên-xô, phía Việt-nam chịu trách nhiệm dịch ra tiếng Việt *Toàn tập Lê-nin* gồm 55 tập; phía Liên-xô phụ trách công việc in. Kế hoạch xuất bản do các cơ quan xuất bản Việt-nam và Liên-xô thực hiện đã hoàn thành trước thời hạn 4 tháng. – một thành tích chào mừng Quốc khánh Việt-nam lần thứ 36 và đón mừng Đại hội thứ V của Đảng cộng sản Việt-nam.

★

Toàn tập Lê-nin 55 tập là một bộ sách đầy đủ nhất của Lê-nin được xuất bản từ trước tới nay. Nó là một kho tàng chứa đựng những tư tưởng vô giá. Có thể nói, nó là « bộ cẩm nang thần kỳ » mà ở đó những người cộng sản ở các nước có thể tìm thấy những lời giải đáp có tính chất nguyên tắc và thật sự khoa học cho những vấn đề cơ bản đang đặt ra đối với mình – kim chỉ nam cho hành động của mình.

Toàn tập Lê-nin giới thiệu với chúng ta toàn bộ lý luận của chủ nghĩa Lê-nin, tức chủ nghĩa Mác trong thời đại chủ nghĩa đế quốc và cách mạng vô sản, trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Nhờ đó chủ nghĩa Mác đã có một bước phát triển lớn lao và trở thành chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Bộ sách quý này cho chúng ta thấy rõ và đầy đủ Lê-nin đã phát triển chủ nghĩa Mác trong cả ba bộ phận cấu thành của nó: triết học, chính trị kinh tế học, chủ nghĩa xã hội khoa học như thế nào. Đồng thời bộ sách còn cho thấy Người đã nêu ra nhiều quan điểm lý luận đặt nền móng cho những bộ môn khoa học xã hội khác như quản lý kinh tế và xã hội, xã hội học, xây dựng Đảng... Trên cơ sở tổng kết những kinh nghiệm thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô trong thời kỳ đầu. *Toàn tập Lê-nin* phản ánh toàn bộ hoạt động vô cùng phong phú, toàn diện, những sáng tạo thiên tài, những cống hiến to lớn của Lê-nin trong tất cả các lĩnh vực lý luận và thực tiễn.

Với kho tàng lý luận và kinh nghiệm đó, *Toàn tập Lê-nin* đem lại cho những người cộng sản chúng ta vũ khí sắc bén trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại giành chính quyền, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, đưa loài người vĩnh viễn thoát khỏi « vương quốc của tất yếu » chuyển sang « vương quốc của tự do ».

Được sự giáo dục và rèn luyện của đồng chí Hồ-Chí-Minh kính mến, những người cộng sản Việt-nam đã vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về cách mạng không ngừng với hai giai đoạn gần bó hữu cơ: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, về bạo lực cách mạng, về khối nghĩa vũ trang và do đó đã đưa cách mạng Việt-nam đến thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại sâu sắc.

Cũng như những nguyên lý cách mạng của Lê-nin về giai đoạn giai cấp vô sản chưa giành được chính quyền, những nguyên lý về cách mạng xã hội chủ nghĩa đều có ý nghĩa phổ biến, chứ không phải chỉ có tính chất đặc thù Nga như kẻ thù đố kỵ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vẫn rêu rao. Bác bỏ những luận điệu phủ nhận tính phổ biến của kinh nghiệm cách mạng Nga, Lê-nin nói: « Ngày nay, chúng ta đã có trước mắt một kinh nghiệm quốc tế rất phong phú chứng thực hiển nhiên rằng một số đặc điểm cơ bản của cuộc cách mạng của ta không phải chỉ có ý nghĩa địa phương, ý nghĩa đặc biệt - dân tộc, ý nghĩa riêng cho nước Nga, mà có ý nghĩa quốc tế ». Và để tránh mọi hiểu lầm, Lê-nin nhấn mạnh « ý nghĩa quốc tế » ở đây là « hiểu theo nghĩa hẹp nhất của từ », tức là « theo nghĩa những sự kiện đã diễn ra trong nước ta có một giá trị quốc tế, hay nó có tính tất yếu lịch sử là sẽ tái diễn trong phạm vi quốc tế, thì phải thừa nhận rằng một số nét căn bản của cách mạng chúng ta có cái ý nghĩa quốc tế như thế » (*Toàn tập*, tập 41, trang 3).

Sau Cách mạng Tháng Mười, trên cơ sở nhận thức mới về giai đoạn mới của cách mạng, Lê-nin đã đi sâu vào thực tiễn cách mạng xã hội chủ nghĩa để từng bước tìm ra những quy luật của nó, những bước đi của nó và đã giải quyết sáng tạo một loạt vấn đề về cách mạng xã hội chủ nghĩa và về thời kỳ quá độ.

Lê-nin đã phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác về Nhà nước, về chuyển chính vô sản - vấn đề trung tâm trong học thuyết cách mạng của Mác: coi chuyển chính vô sản là đấu tranh giai cấp trong những điều kiện mới, bằng những hình thức mới; khẳng định chuyển chính vô sản là nền dân chủ kiểu cao nhất, dân chủ gấp triệu lần dân chủ tư sản, xô viết

là hình thức Nhà nước của chuyên chính vô sản và dự kiến trong tương lai sẽ có nhiều hình thức chính trị khác nhau của chuyên chính vô sản. Đồng thời, Người kiên quyết chống lại mọi luận điệu của bọn cơ hội, bọn phản động xuyên tạc và phủ nhận chuyên chính vô sản để bảo vệ cốt lõi của chủ nghĩa Mác, hơn đã thủ vàng đổi với mọi người cách mạng.

Lê-nin đã vạch ra cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô và chỉ ra con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là điện khí hóa và công nghiệp hóa, cải tạo xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là cải tạo thành phần kinh tế cá thể của nông dân thông qua hợp tác hóa, tiến hành cách mạng văn hóa, xây dựng con người mới.

Lê-nin đã làm sáng rõ vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản, giai cấp duy nhất có sứ mệnh dẫn dắt toàn thể nhân dân lao động xây dựng chế độ mới không có người bóc lột người; đã phát triển lý luận về liên minh công nông, coi liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân là nguyên tắc tối cao của chuyên chính vô sản; đã đề ra những luận điểm cơ bản về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền.

Lê-nin cũng đã giải quyết một cách sáng tạo vấn đề dân tộc, quyền dân tộc tự quyết, phù hợp với những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản và đã đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản và chủ nghĩa sô vanh, nêu cao nghĩa vụ quốc tế của nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên đối với phong trào cách mạng thế giới.

Trên mọi lĩnh vực, Lê-nin đã tiến hành cuộc đấu tranh kiên trì, không khoan nhượng chống hệ tư tưởng tư sản, chống chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa cơ hội trong nước và trên thế giới.

Ở đây, công lao vĩ đại của Lê-nin là đã biến chủ nghĩa xã hội khoa học trên lý luận và mơ ước thành chủ nghĩa xã hội khoa học trong hiện thực, trong cuộc sống sinh động. Ở Lê-nin, chủ nghĩa xã hội đã thể hiện trong những mục tiêu, biện pháp và hành động cụ thể cùng những kết quả thực tế hằng ngày của dòng dào quần chúng lao động. « Đối với chúng ta, chủ nghĩa cộng sản không còn là một cương lĩnh, không còn là một học thuyết, không còn là một nhiệm vụ nữa, ngày nay đối với chúng ta đó là công cuộc xây dựng cụ thể (*Toàn tập*, tập 41, trang 481).

Toàn tập Lê-nin không chỉ đem lại cho chúng ta sự hiểu biết sâu sắc những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trên nhiều lĩnh vực, mà còn trang bị cho chúng ta cái quý nhất, đó là *phương pháp luận mác xít*, phương pháp cách mạng và khoa học mà Lê-nin đã nắm vững và vận dụng một cách thiên tài để giải quyết mọi vấn đề cụ thể được đặt ra trong cuộc sống. Đây chính là điều quan trọng nhất đối với chúng ta.

Xuất phát từ quan điểm chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo, ở mỗi thời điểm, Lê-nin đều nghiên cứu kỹ hoàn cảnh quốc tế và tình hình trong nước, so sánh lực lượng giai cấp trong nước và trên thế giới, xác định rõ mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, chiến lược và sách lược của cách mạng phù hợp với tình hình đó. Bằng cách ấy, Lê-nin đã đề ra những chủ trương hết sức sáng suốt. Trước Cách mạng Tháng Mười, khi thì chủ trương tham gia nghị viện, khi thì tẩy chay nghị viện, khi thì chủ trương lợi dụng cơ hội hiếm và quý để thực hiện cách mạng bằng con đường hòa bình, khi thì kiên quyết chủ trương khởi nghĩa vũ trang v.v. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, Lê-nin chuyển từ khẩu hiệu chống chiến tranh đế quốc sang khẩu hiệu bảo vệ Tổ quốc. Trong cuộc đấu tranh chống

các thể lực để quốc chủ nghĩa, Lê-nin đã vận dụng tài tình sách lược thỏa hiệp. Sau chiến thắng, trong cuộc nội chiến và chống can thiệp vũ trang, Người đã chuyển từ chính sách cộng sản thời chiến sang chính sách kinh tế mới; trong xây dựng đất nước còn đầy đầy khó khăn, phức tạp, Người đã sáng suốt tìm ra những mắt xích, những khâu quyết định trong sợi dây chuyền của đời sống để làm chuyển biến tình hình, đưa đất nước đi lên.

Phương pháp của Lê-nin là phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, thật sự cách mạng và khoa học, mang đầy đủ tính khách quan, tính toán diện, tính phát triển và tính lịch sử cụ thể. Với phương pháp ấy, Lê-nin đã cung cấp cho chúng ta những kiểu mẫu về cách nhìn sự vật, phân tích sự vật, rút ra những kết luận đúng đắn và nghệ thuật tìm ra khâu chính cần nắm lấy để giải quyết trong mỗi hoàn cảnh khác nhau.

Với phương pháp ấy, Lê-nin đã giải quyết một cách sáng tạo hàng loạt nhiệm vụ phức tạp, khó khăn của cách mạng Nga. Đặc biệt, sau Cách mạng Tháng Mười, Lê-nin luôn luôn dạy những người cộng sản Nga phải phát huy cao độ tinh thần chủ động sáng tạo của mình. Lê-nin nói: những nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học không để lại cho chúng ta những chỉ dẫn cụ thể về xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Nhiệm vụ của những người cộng sản Nga, những người đi đầu trong sự nghiệp sáng tạo ra một trật tự xã hội mới là phải biến lý tưởng cộng sản thành hiện thực và tự mình tìm ra những hình thức, bước đi cụ thể cho sự nghiệp sáng tạo đó.

Nghiên cứu *Toàn tập Lê-nin*, chúng ta còn thấy rõ tấm gương vô cùng cao đẹp về cuộc đời của Người. Có thể nói, trí tuệ thiên tài và tình cảm cách mạng nồng cháy, cùng những đức tính cao quý của vị thầy cách mạng thế giới đã quyện chặt vào nhau và

thể hiện sáng chói trong pho sách vô giá ấy. Lê-nin đã để lại cho chúng ta một mẫu mực về nhân sinh quan của người cộng sản. Suốt đời không phút nào ngơi, Người đã cống hiến hết sức mình cho sự nghiệp cách mạng vô sản. Người viết sách, nói chuyện, hội họp, giải quyết công việc, gặp gỡ quần chúng... suy nghĩ và làm việc liên tục ngay cả khi ốm đau. Người hết sức kiên quyết chống mọi kẻ thù, nghiêm khắc với mọi khuyết điểm, sai lầm và có tình thương bao la với đồng chí và nhân dân. Trong những lúc vô cùng khó khăn, gian khổ, ý chí của Người thật là sắt đá, nhưng sáng suốt, tỉnh táo, luôn luôn vươn tới chân trời mới. Người có phong cách làm việc khoa học, khẩn trương, dứt khoát, sâu sát, cụ thể và kiểm tra chặt chẽ. Người sống một cuộc đời trong sáng, giản dị, gương mẫu về mọi mặt.



Nghiên cứu *Toàn tập Lê-nin*, chúng ta thấy rõ sau Cách mạng Tháng Mười, do hậu quả của 4 năm chiến tranh và 3 năm nội chiến và can thiệp vũ trang của các nước đế quốc, và do trình độ phát triển thấp của nền kinh tế còn nhiều tàn dư của sản xuất nhỏ, nước Nga xô viết cũng đã ở vào một tình hình hết sức khó khăn. Kinh tế suy sụp nghiêm trọng, ngành vận tải đường sắt, công nghiệp luyện kim và nhiên liệu lâm vào tình trạng khốn quẫn. Đa số công xưởng và nhà máy không làm việc, nhiều hầm mỏ và xí nghiệp khai thác bị ngập nước, công nghiệp thiếu nhiên liệu và nguyên liệu. Tình hình nông nghiệp cũng hết sức gay go: diện tích trồng trọt thu hẹp, mùa màng thất bát, dân gia súc giảm sút, sản lượng lương thực có lúc chỉ bằng 65% thời nước Nga Xa hoàng. Đất nước thiếu lúa mì, thiếu nhiên liệu và nguyên liệu. Nạn đói đe dọa, dịch bệnh phát triển. Công nhân các

trung tâm công nghiệp ở trong tình cảnh đặc biệt nghiêm trọng. Một bộ phận không có việc làm, bỏ về nông thôn, đi làm nghề thủ công, thậm chí buôn bán đầu cơ. Tâm trạng của nông dân cũng rất nặng nề. Họ tỏ ra hoài nghi đối với chính sách kinh tế của chính quyền xô viết. Trong hoàn cảnh đó, những tệ nạn đầu cơ, hối lộ, buôn gian bán lận và các tệ nạn xã hội khác phát triển. Khó khăn của đất nước đã phản ánh vào trong Đảng. Một bộ phận đảng viên thiếu rèn luyện, kém vững vàng, đã sinh ra hoang mang, giao động; một bộ phận khác bị biến chất, sa ngã. Nhưng bên cạnh đó, đại đa số nhân dân xô viết anh hùng, dưới sự lãnh đạo của Đảng bôn sê vích và Lê-nin vĩ đại, vẫn tin tưởng, dũng cảm tiến lên trên con đường xây dựng cuộc sống mới.

Trên cơ sở phân tích một cách bình tĩnh và khoa học tất cả những tình hình nói trên, Lê-nin đã rút ra những kết luận lý luận quan trọng. Lê-nin chỉ rõ, những khó khăn của nước Nga trong thời kỳ quá độ là những khó khăn khách quan bắt nguồn từ tình hình lạc hậu của nước Nga lúc đó. Người nói: « Một nước càng lạc hậu mà lại phải — do những bước ngoặt ngoéo của lịch sử, bắt đầu làm cách mạng xã hội chủ nghĩa thì nước đó càng gặp khó khăn trong việc chuyển từ những quan hệ tư bản chủ nghĩa sang những quan hệ xã hội chủ nghĩa (*Toán tập*, tập 36, tr. 6). Đồng thời, Người chỉ rõ chỉ khi nào xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, tạo nên được nền kinh tế xã hội chủ nghĩa mà cốt lõi là đại công nghiệp cơ khí thì khi đó mới chấm dứt được những khó khăn khách quan ấy. Từ đây cho đến lúc đó, người công sản phải nhận thức đầy đủ đặc điểm, tính chất của thời kỳ quá độ, kiên định lập trường, ra sức học tập, nắm chắc các quy luật kinh tế, xã hội, tìm ra những hình thức và biện pháp quá độ thích hợp để tiến hành thắng lợi cuộc

đấu tranh « ai thắng ai ? » nhằm hoàn thành những nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ. Lê-nin đã chăm chú tìm tòi những hình thức và biện pháp quá độ, lắng nghe kinh nghiệm của quần chúng để không ngừng hoàn thiện đường lối chính sách. Người nói: « Chúng ta sẽ còn phải làm nhiều lần làm xong rồi lại sửa đi, rồi lại làm lại từ đầu. Qua mỗi một giai đoạn, mỗi bước tiến của lực lượng sản xuất và nền văn hóa của ta, chúng ta lại phải hoàn thiện và sửa đổi chế độ xô viết của chúng ta » (*Toán tập*, tập 41, trang 278).

Rõ ràng là, mặc dù hoàn cảnh quốc tế hiện nay thuận lợi hơn rất nhiều, những khó khăn của nước ta hiện nay mặc dù xét về nhiều mặt rất giống với những khó khăn của nước Nga cách đây khoảng 60 năm. Những lời khuyên của Lê-nin đối với những người cộng sản Nga lúc đó rất thích hợp đối với chúng ta ngày nay.

Dựa trên cơ sở phân tích đúng đắn đặc điểm của tình hình hiện nay, trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ, Trung ương Đảng ta đã có một loạt nghị quyết về xây dựng kinh tế và bảo vệ Tổ quốc, tìm ra những hình thức và biện pháp thích hợp để đưa đất nước tiến lên.

Những nghị quyết đó là sự vận dụng sáng tạo một loạt nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin về thời kỳ quá độ: công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt cả thời kỳ quá độ, nhưng phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm trong bước đầu của thời kỳ quá độ nhằm tạo ra cơ sở đề công nghiệp hóa; sự tồn tại của các thành phần kinh tế khác nhau là tất yếu khách quan trong thời kỳ quá độ, do đó muốn phát triển kinh tế phải có những bước đi, hình thức, biện pháp quá độ thích hợp cho mỗi thời điểm của thời kỳ quá độ; khuyến khích bằng lợi ích vật chất, làm cho người lao động vì lợi ích thiết thân của mình mà

quan tâm đến kết quả lao động, kết hợp hài hòa ba lợi ích là những vấn đề có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; cũng cố liên minh công nông về kinh tế là điều kiện tất yếu để tăng cường cơ sở của chuyên chính vô sản; vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ trong lãnh đạo và quản lý kinh tế, trong xây dựng kế hoạch kinh tế phải phù hợp với từng bước phát triển của nền kinh tế nói chung cũng như của từng ngành kinh tế riêng biệt, đặc biệt là phải khéo kết hợp xây dựng và thực hiện kế hoạch từ trên xuống và từ dưới lên, một mặt nắm chắc quyền tập trung của Trung ương trên những vấn đề cơ bản, mặt khác mạnh dạn phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương và cơ sở; trong suốt thời kỳ quá độ phải quán triệt ý thức đấu tranh để giải quyết vấn đề «ai thắng ai?» giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa, phải nắm vững chuyên chính vô sản và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động để kiên trì tiến hành cuộc đấu tranh ấy trên mọi lĩnh vực, bằng mọi biện

pháp nhằm đưa xã hội từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội một cách vững chắc, v.v. Thực hiện các nghị quyết, chỉ thị nói trên, chúng ta bước đầu đã thu được những kết quả đáng phấn khởi.

Với những thành tựu mới ấy, toàn Đảng và toàn dân ta đang ra sức thi đua sản xuất, công tác, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt để thiết thực chào mừng Đại hội thứ V của Đảng.



Lần đầu tiên chúng ta có *Toán tập Lê-nin* bằng tiếng Việt đầy đủ nhất. Càng ra sức nghiên cứu kho tàng tư tưởng vô giá ấy, chúng ta sẽ càng có thêm tri thức về khoa học cách mạng, có thêm lòng tin và nghị lực. Đó là điều rất quan trọng để chúng ta hiểu biết và vận dụng đúng đắn, sáng tạo đường lối chính sách của Đảng, biến đường lối chính sách của Đảng thành hành động của đông đảo quần chúng, thành hiện thực trong cuộc sống, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đến thắng lợi buy hoàng.

Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, người xây đắp tinh hữu nghị Việt-Xô

PHAN - NGỌC - LIÊN -
TRỊNH - VƯƠNG - HỒNG

VÀO đầu thế kỷ XX phong trào Cần vương bị dập tắt. Các sĩ phu yêu nước và các nhà cách mạng có xu hướng tư sản đều không thể đưa cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta đến thắng lợi. Nhân dân Việt-nam đứng trước cuộc khủng hoảng về đường lối. Chính «trông đêm tối tưởng như không có lối ra» đó, vào năm 1911, Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước.

Buổi đầu trên con đường cứu nước, thầy giáo Nguyễn-Tất-Thành (tức Bác Hồ) đột nhiên rời bỏ trường Dục-Thanh ở Phan-thiết vào Sài-gòn xin học trường đào tạo công nhân hàng hải và sau đó làm công nhân cơ khí cho xưởng Ba-son. Bằng việc làm đó, Bác Hồ xác định cho mình con đường đến với nhân dân lao động — hơn thế nữa, đến với công nhân công nghiệp. Đó là sự nở đầu có nhiều ý nghĩa... Trong những chuyến đi tiếp đó qua nhiều nước thuộc châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, Bác Hồ vừa lao động, vừa tham gia cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân. Người nghiên ngẫm, tìm hiểu tình hình xã hội ở nhiều nước, và đã rút ra kết luận quan trọng, « Dù màu da có khác

nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản » (1). Bác Hồ đã rèn luyện mình thành người công nhân thật sự với thế giới quan của giai cấp công nhân, và qua hoạt động thực tế trong những chuyến đi đó, « Người đã trau dồi cho mình một cơ sở tri thức phong phú, một tình cảm cách mạng rộng lớn và sâu sắc » (2).

Trở về Pháp, qua hoạt động xã hội và nghiên cứu lý luận, đứng trong đội ngũ chiến đấu của giai cấp công nhân Pháp, Bác Hồ đã tiếp xúc với văn học tiến bộ thế giới, trong đó có văn học Nga, đồng thời dần dần tiếp cận chủ nghĩa Mác - Lênin. Một số tác phẩm của L. Tôn-xi-ô đã gây ấn tượng mạnh mẽ đối với Bác Hồ. Sau này Người từng kể lại mình «trở thành người học trò của nhà văn Nga vĩ đại như thế nào » (3).

(1) Nguyễn-Ái-Quốc: *Truyện và ký*, Nxb Văn học, Hà-nội, 1974, tr. 44.

(2) Trường-Chinh: *Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, sự nghiệp vĩ đại, gương sáng đời đời*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 11.

(3) Hồ-Chí-Minh: *Những lời kêu gọi*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tập VI, tr. 130.

Qua L. Tôn-xôi và các nhân vật của nhà văn, Hồ Chủ tịch đã đồng cảm với nhân dân lao động Nga.



Cách mạng Tháng Mười đến với Bác Hồ khi Người ở Pháp và nó đã « có một sức lôi cuốn kỳ diệu » (4) đối với Người. Với sự nhạy cảm đặc biệt của người cách mạng, Bác Hồ ra sức ủng hộ Cách mạng Tháng Mười, mặc dù lúc đó Người « chưa hiểu hết tầm quan trọng lịch sử của nó » (5).

Tuy nhiên, cái mốc đánh dấu sự chuyển biến mạnh mẽ về tinh cảm, tư tưởng của Bác Hồ chính là khi Người đọc Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa. Nội dung của bản Luận cương đáp ứng những suy nghĩ và tinh cảm được ấp ủ từ lâu ở Người, nó « như một ánh sáng kỳ diệu, nâng cao về chất tất cả những hiểu biết và tinh cảm cách mạng mà Người đã hằng nung nấu » (6). Nhớ lại cảm xúc đó, sau này Người viết: « Luận cương của Lê-nin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: « Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta » (7).

Thế là, ở Bác Hồ, lòng yêu nước nhiệt thành đã đến với tinh thương yêu giai cấp vô sản, khát vọng giải phóng dân tộc gắn chặt với tiền đề rực rỡ của chủ nghĩa cộng sản, mà thắng lợi đầu tiên là chế độ xã hội chủ nghĩa đã ra đời ở nước Nga xô viết. Tinh cảm đó càng sâu đậm thêm khi Bác Hồ có điều kiện trực tiếp tìm hiểu về đất nước xô viết và Lê-nin.

Năm 1923, bắt chập gian nguy, Người đến đất nước của Lê-nin. Nhân dân Liên-xô thân thiết đón tiếp Người.

Những ngày đầu tiên sống trên đất nước xô viết, Bác Hồ « chú ý nhất

đến chế độ xã hội của nước Nga » (8). Người nhận thấy rằng tuy đất nước này còn nhiều khó khăn vì vừa trải qua những năm chiến tranh thế giới và nội chiến, song chế độ xã hội hết sức ưu việt. Người nhận xét: « Nếu nước Nga chưa phải là một thiên đường cho tất cả mọi người, thì nước Nga đã là một thiên đường của trẻ con » (9). Đó là một cái nhìn biện chứng, cách mạng với tinh cảm chân thật đối với đất nước và nhân dân xô viết.

Tiếp xúc với thực tại của Liên-xô, Bác Hồ « không quên so sánh nước Nga... với nước Việt-nam bị nô lệ đã mấy mươi năm » (10). Người đã nhận thấy trong lịch sử giữ nước của mình, nhân dân Việt-nam liên tục đương đầu và đánh thắng bọn bành trướng xâm lược phương Bắc dưới các triều đại Tống, Nguyên, Minh, Thanh để tự cứu mình, đồng thời ngăn họa diệt chủng cho các dân tộc Đông Nam châu Á. Nhân dân Nga anh hùng cũng nhiều lần đánh bại bọn xâm lược Đức, Thụy-điền, Pháp... nổi tiếng là trận Pôn-ta-va năm 1709 mà F. Ăng-ghe-n đánh giá là đã « khẳng định một cách rõ ràng sự bất khả xâm phạm của Nga ». Nhân dân Việt-nam từng bỏ ngổ Thăng-long để rồi đánh cho quân Nguyên đại bại, từng đề Thăng-long cho quân Thanh « ngủ trọ một đêm » để rồi tiêu diệt chúng, và từng dùng tre ngà làng Gióng để đánh giặc, cũng như nhân dân Nga đã « tự tay đốt cháy thành phố » (11).

(4) T. Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1976, tr. 16.

(5) Hồ-Chí-Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập II, tr. 174.

(6) Diễn văn của đồng chí Trường-Chinh trong lễ kỷ niệm lần thứ 90 Ngày sinh Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, báo *Quán đội nhân dân*, ngày 20-5-1980.

(7) Hồ-Chí-Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập II, tr. 175.

(8), (9) Trần-Dân-Tiên: *Những màu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1975, tr. 59 và 63.

(10), (11) Trần-Dân-Tiên: *Những màu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1975, tr. 59, 58.

dùng gậy tày - « cái cón của chiến tranh nhân dân » để quét sạch quân Na-pô-lê-ông khỏi đất nước. Hai dân tộc đều có những cuộc khởi nghĩa nông dân vĩ đại như khởi nghĩa Tây-sơn ở Việt-nam và khởi nghĩa Pu-ga-trốp ở Nga...

Như vậy, Bác Hồ đã nhận thức ngay từ đầu khi đặt chân đến Liên-xô là cả hai dân tộc đã từng đánh thắng những đế quốc lớn, kẻ thù của cả nhân loại và có nhiều cao trào khởi nghĩa long trời lở đất chống áp bức giai cấp.

Bác Hồ vừa đến đất nước xô viết ít lâu thì được tin Lê-nin từ trần. « Nghe tin buồn đó, nhiều người òa lên khóc. Bác cũng khóc » (12). Trong nỗi đau đớn vô hạn trước tồn thất nặng nề không gì bù đắp được, Bác Hồ - đại biểu của nhân dân Đông-dương, người nước ngoài duy nhất và là người dân thuộc địa duy nhất - đã viết bài *Lê-nin và các dân tộc thuộc địa* đăng trên báo *Sự thật* (Liên-xô) số đặc biệt vinh biệt Lê-nin: « Lê-nin đã mất! » Tin này đến với mọi người như sét đánh ngang tai, truyền đi khắp các binh nguyên phi nhiều ở châu Phi và các cảnh đồng xanh tươi ở châu Á. Đúng, những người da đen và da vàng chưa có thể biết rõ Lê-nin là ai, nước Nga ở đâu... Nhưng tất cả họ, từ những người nông dân Việt-nam đến người săn bắn trong các rừng Đa-hô-mây, cũng đã thầm nghe nói rằng ở một góc trời xa xăm có một dân tộc đã đánh đuổi được bọn chủ bóc lột họ và hiện đang tự quản lý lấy đất nước mình mà không cần tới bọn chủ và bọn toàn quyền. Họ cũng đã nghe nói rằng nước đó là nước Nga, rằng có những người dũng cảm, mà người dũng cảm nhất là Lê-nin. Chỉ như thế cũng đủ làm cho họ ngưỡng mộ sâu sắc và đầy nhiệt tình đối với nước đó và lãnh tụ của nước đó.

« Nhưng không phải chỉ có thế. Họ còn được biết rằng người lãnh tụ vĩ

đại này sau khi giải phóng nhân dân nước mình, còn muốn giải phóng các dân tộc khác nữa.

« ... Khi còn sống, Người là người cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã hội » (13).

Đây là lời chia buồn với nhân dân xô viết, lời viếng của không riêng Người mà của cả nhân dân Việt-nam, của cả phần nhân loại bị áp bức trước linh cửu Lê-nin, nỗi buồn này sẽ biến thành sức mạnh kỳ diệu đấu tranh thực hiện cho được tư tưởng của Lê-nin: giải phóng các dân tộc thuộc địa.

Vậy là cuộc gặp gỡ của Bác Hồ, đại biểu của giai cấp công nhân và nhân dân Việt-nam với nhân dân xô viết có tính chất tất yếu. Đó là sự đồng nhất về lý tưởng đấu tranh hiện tại, nó có bề dày từ quá khứ về vang của hai dân tộc. Chính điều đó tạo nên tình cảm của Bác Hồ và cũng là tình hữu nghị của nhân dân Việt-nam với nhân dân xô viết, một mối tình hữu nghị càng ngày càng vững chắc, trong sáng và thâm thiết. Những cơ sở của tình hữu nghị đó vốn sẵn có nhưng chỉ đến khi Bác Hồ tiếp xúc với nhân dân xô viết vĩ đại thì dòng nước trong lành của tình hữu nghị Việt - Xô mới được khai thông.

Từ lần đầu tiên đến Liên-Xô (1923) cho đến lúc trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng (1941), Bác Hồ nhiều lần qua lại nghiên cứu và hoạt động cách mạng ở Liên-xô. Tình cảm của Người với đất nước và nhân dân Xô viết ngày càng sâu đậm. Cho nên, trong cương vị ủy viên Bộ phươg Đông, phụ trách Cục phươg Nam

(12) T. Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1976, tr. 20.

(13) Hồ-Chí-Minh: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập 1, tr. 191-192.

của Quốc tế cộng sản hoạt động trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc. Người đã nuôi dưỡng ở nhân dân các dân tộc bị áp bức tinh cảm nồng ấm, sự biết ơn sâu sắc, lòng tin tưởng tuyệt đối vào Liên-xô, vào Đảng cộng sản (B) Liên-xô và nhân dân xô viết. Khi xác định con đường cứu nước đúng đắn cho nhân dân ta, Bác Hồ khẳng định rằng: dân tộc Việt-nam không thể đi theo con đường cách mạng tư sản, vì đó là cuộc cách mạng « không đến nơi », mà phải đi theo « con đường Nga », bởi vì « cách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức giúp cho công nông các nước và dân bị áp bức các thuộc địa làm cách mệnh để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới » (14).

Năm 1930, để giới thiệu Cách mạng Tháng Mười Nga và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô với đồng bào ta, Bác Hồ viết cuốn *Nhật ký chìm tàu* theo thể hồi ký với lối văn dễ đọc, dễ hiểu, hấp dẫn, sinh động, hợp với trình độ văn hóa của đồng bào ta. Sau một chương lại có mấy câu thơ gợi đại ý toàn chương, ví như:

« Nước Nga có chuyện lạ đời,

Biến người nô lệ thành người tự do » (15).

Tinh cảm của Bác Hồ với đất nước xô viết còn thể hiện ở quyết tâm đấu tranh bảo vệ Lê-nin và Liên-xô chống bất cứ sự tiến công xuyên tạc nào của kẻ thù, ở lòng tin tuyệt đối vào đất nước của Lê-nin. Trong những ngày trước Cách mạng Tháng Tám 1945, Bác Hồ luôn chú ý bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta lập trường và tinh cảm đó. Trong lúc cách mạng gặp khó khăn, trong lao tù đế quốc, Bác Hồ và các chiến sĩ

cộng sản Việt-nam luôn tin tưởng vào tiền đồ cách mạng của đất nước và thế giới, luôn giữ lòng trung thành với chủ nghĩa Mác — Lê-nin và hướng về Liên-xô. Đó là một trong những nguồn sức mạnh giúp mọi người vượt qua khó khăn, giành thắng lợi. Hướng về Liên-xô, trong lúc gian nguy, các chiến sĩ cộng sản Việt-nam đã kề với nhau về đất nước xô viết mà « lòng thấy phần chán lạt thường » và trước lúc hy sinh đã lấy máu mình viết lên tường nhà ngục khẩu hiệu « Liên bang xô viết muôn năm ! »



Từ sau Cách mạng Tháng Tám thành công, nhất là từ năm 1954 đến khi qua đời, Bác Hồ đã nhiều lần sang thăm hữu nghị Liên-xô, dự hội nghị quốc tế hoặc dự lễ kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười, tiếp xúc với đồng đảo các tầng lớp nhân dân Liên-xô, viết báo, giới thiệu lịch sử, kinh nghiệm đấu tranh và xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên-xô cho nhân dân ta. Qua những hoạt động phong phú đó, Người đã góp phần vào việc tuyên truyền giáo dục lòng tin yêu Liên-xô, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tuyên truyền cho chủ nghĩa xã hội cũng như giới thiệu đất nước, con người Việt-nam với nhân dân Liên-xô. Nhờ vậy, nhân dân hai nước thêm hiểu biết lẫn nhau, tình hữu nghị càng thêm thắm thiết. Nuôi dưỡng tinh cảm với Liên-xô, Bác Hồ luôn căn dặn nhân dân ta phải bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc — tinh cảm

(14) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*, Nxb Sự Thật, Hà-nội, 1980, tập I, tr. 255.

(15) *Nghiên cứu học tập thơ văn Hồ-Chí-Minh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà-nội, 1979, tr. 130.

này « gần như lòng hiếu thảo » (16), một trong những đức tính cơ bản, một truyền thống của người Việt-nam có thủy có chung. Uống nước nhớ nguồn, biết ơn Liên-xô, Đảng và nhân dân ta luôn luôn xác định phải « ra sức làm tròn nhiệm vụ đối với dân tộc và làm tốt nghĩa vụ quốc tế với nhân dân các nước » (17).

Đáp lại, nhân dân Liên-xô đã dành cho Bác Hồ và nhân dân Việt-nam tình cảm đặc biệt nồng hậu. Lần đầu tiên đến Liên-xô, mặc dù đất nước xô viết lúc đó còn gặp muôn vàn khó khăn, Bác Hồ đã được tiếp đón rất chu đáo. Và, khi Bác Hồ tìm đến đúng đất thánh của cách mạng thì những người xô viết cũng sớm nhận ra ở Người một nhà cách mạng chân chính, lỗi lạc và qua Người là dân tộc Việt-nam với nền văn hóa độc đáo. Tháng chạp năm 1923, qua bài « *Thăm một chiến sĩ quốc tế cộng sản: Nguyễn-Ái-Quốc* », nhà thơ và nhà báo xô viết O. Man-den-stam viết: « Từ Nguyễn-Ái-Quốc tỏa ra một nền văn hóa, không phải văn hóa châu Âu, mà có lẽ là nền văn hóa của tương lai... Dân tộc Việt-nam là một dân tộc giản dị và lịch sự. Qua cử chỉ cao thượng, tiếng nói trầm lắng của Nguyễn-Ái-Quốc, tôi thấy được ngày mai, thấy được viễn cảnh trời yên bể lặng của tình hữu ái toàn thế giới bao la như đại dương » (18). Nhân dân Liên-xô luôn chia sẻ niềm vui, nỗi buồn với nhân dân ta. Nghe tin đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc hy sinh ở nhà tù Hương-cảng ngày 26-6-1932, Quốc tế cộng sản, Trường đại học cộng sản phương Đông ở Mát-xcơ-va đã làm lễ truy điệu, nhiều thư từ, thơ ca, bình luận, tập sách được viết và bao nhiêu cuộc họp được tổ chức ở Liên-xô để tưởng nhớ Người. Và qua Bác Hồ, Việt-nam ngày càng có vị trí lớn lao và được nhân dân xô viết đặc biệt quý mến. « Vào những năm gần đây ở Liên-xô, chưa có một nước nào lại được giới thiệu nhiều đến thế, chơi

lợi đến thế, với mỗi cảm tình nồng nhiệt đến thế như Việt-nam » (19).

Từ tháng 6-1923, khi lần đầu tiên tiếp đón Bác Hồ đến nay, trong những ngày cách mạng Việt-nam chưa thắng lợi, trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và bọn bán trướng Bắc-kinh, cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa, Đảng, Chính phủ và nhân dân Liên-xô không ngừng giúp đỡ nhân dân ta một cách toàn diện, có hiệu quả, vô tư. Thực tế đã chứng minh cụ thể lời nói chí tình của đồng chí L.I. Brê-giơ-nép, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, Chủ tịch Đoàn chủ tịch xô viết tối cao Liên-xô: « Đối với những người cộng sản và toàn thể nhân dân Liên-xô, tình đoàn kết với Việt-nam trước nay vẫn là yêu cầu của trái tim và trí tuệ, là cách thể hiện lòng trung thành trước sau như một của Đảng và nhân dân chúng tôi với những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế » (20).



Trong quá trình bền bỉ tìm ra con đường cứu nước, đáp ứng nhu cầu bức thiết của lịch sử nước nhà, Bác Hồ cũng đồng thời tìm ra cho nhân dân Việt-nam một người bạn lớn hoàn

(Xem tiếp trang 54)

(16) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập II, tr. 522.

(17) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 180.

(18) O. Man-den-stam: « Thăm một chiến sĩ Quốc tế cộng sản — Nguyễn-Ái-Quốc », *Tạp chí Học tập*, số 6-1970.

(19) N.I. Ni-cu-lin: « Đồng chí Hồ-Chí-Minh, sự ra đời của văn học cách mạng Việt-nam và đề tài Việt-nam trong văn học Nga nửa sau thế kỷ XIX », *Tạp chí văn học, Viện văn học*, số 3 — 1974, tr. 37.

(20) L.I. Brê-giơ-nép: *Những bài nói và viết chọn lọc*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1979, tr. 11 — 12.

TÍNH CÁCH MẠNG VÀ TÍNH KHOA HỌC TRONG CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO

TRẦN-HỮU-TIẾN.

BẢN chất sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân ta là *cách mạng và khoa học*. Mỗi thắng lợi, mỗi bước đi lên của cách mạng nước ta trong hơn nửa thế kỷ qua đều là kết quả của sự kết hợp chặt chẽ tính cách mạng và tính khoa học trong đường lối của Đảng, trong các hoạt động cách mạng sáng tạo của quần chúng nhân dân.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng vĩ đại nhất, sâu sắc nhất trong lịch sử càng đòi hỏi phát huy tính cách mạng ở mức cao nhất kết hợp với tính khoa học nghiêm túc nhất.

Tính cách mạng biểu hiện như thế nào?

Lê-nin đã nhấn mạnh rằng: ... « Cách mạng là cuộc đảo lộn đập tan những cái gì là chủ yếu nhất, cơ bản nhất, trong trật tự cũ »... (1). Vì thế, *tính cách mạng* trước hết thể hiện cuộc đấu tranh không điều hòa để chiến thắng mọi kẻ thù giai cấp, gạt bỏ mọi trở

lực, mọi cái cũ lỗi thời, bảo đảm đưa sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động đến thắng lợi hoàn toàn.

Biểu hiện tập trung của tính cách mạng hiện nay là sự kiên định trong tư tưởng và trong hành động nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa, góp phần tăng cường sức mạnh của ba dòng thác cách mạng của thời đại.

Cách mạng là khái niệm không chỉ đối lập với « phản cách mạng », với các thứ chủ nghĩa « cải lương », « cơ hội », « xét lại », mà còn không dung hợp với « sự không tưởng », « tính bảo thủ », « tính dao động », và cả với « đầu óc cách mạng tiêu tư sản ».

Tính cách mạng phải thể hiện ở hành động và hiệu quả của hành động. Nếu chỉ xem xét tính cách mạng như

(1) V.I. Lê-nin *Toán tập, tiếng Việt*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 44, tr. 275 — 276.

một động cơ mà không chú ý đến hiệu quả thì nhiều lắm cũng chỉ có thể nói đến *nhật tnh cách mạng*, một yếu tố ắt phải có nhưng chưa đầy đủ của tính cách mạng.

Cần phân rõ ranh giới giữa *nhật tnh cách mạng*, *tính kiên định cách mạng* của giai cấp vô sản với « *đầu óc cách mạng tiêu tư sản* » vốn mang tính chất « *bấp bênh* » và « *trong tất cả những vấn đề cơ bản, đều xa rời những điều kiện và những yêu cầu tất yếu của một cuộc đấu tranh giai cấp triệt để của giai cấp vô sản* » (2). Trái lại, *tính cách mạng* đòi hỏi phải biết xuất phát từ những điều kiện cụ thể, khách quan của cuộc đấu tranh giai cấp, nhận thức sáng suốt những lợi ích căn bản của giai cấp để xác định đường lối, phương hướng, biện pháp, bảo đảm đưa cách mạng tiến lên trong những hoàn cảnh và những giai đoạn cụ thể.

Bản thân *tính cách mạng* đòi hỏi phải có *tính khoa học*. Hơn nữa, hai khái niệm ấy, trên thực tế nhiều khi đan xen nhau, thậm chí thâm nhập vào nhau. Sẽ hoàn toàn có lý khi nói rằng toàn bộ sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân là một sự nghiệp vĩ đại nhất của khoa học. Song không thể đồng nhất *tính cách mạng* với *tính khoa học*, vì hai khái niệm ấy biểu hiện những mặt khác nhau của cùng một sự vật, của cùng một bản chất.

Nói tnh khoa học là nói toàn bộ nhận thức tư tưởng và hành động của chủ thể cách mạng biết tự giác vận dụng những quy luật khách quan của tự nhiên và của xã hội, do đó mà giải quyết được đúng đắn những vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra, thúc đẩy sự nghiệp cách mạng tiến lên.

Tính khoa học thể hiện ở *thế giới quan đúng đắn*, *thế giới quan duy vật biện chứng*, ở *mục đích, lý tưởng cách*

mạng phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân và những người bị áp bức bóc lột khỏi ách tư bản, xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, và còn thể hiện ở phương pháp cách mạng đúng đắn, sáng tạo.

Tính cách mạng và tính khoa học đều có những yêu cầu riêng không hoàn toàn trùng nhau, nhưng thống nhất chặt chẽ với nhau.

Về mặt lịch sử, *tính cách mạng và tính khoa học* có xu hướng ngày càng thống nhất với nhau. Thời đại ngày nay — thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, có đầy đủ những tiền đề khách quan cho sự thống nhất *tính cách mạng và tính khoa học*. Tuy nhiên không phải bao giờ hai tính chất đó cũng đi liền với nhau. Như người ta đã thấy, *tính cảm, ý chí, nghị lực cách mạng* của một chủ thể nhất định, rất có thể chưa kết hợp được với *tính khoa học*, thậm chí thiếu hẳn *tính khoa học*.

Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân quốc tế chống giai cấp tư sản chưa phải ngay từ đầu đã thống nhất được *tính cách mạng và tính khoa học*. Giai cấp công nhân từ khi ra đời đã là một giai cấp mang bản chất cách mạng; địa vị kinh tế và quá trình đấu tranh chống áp bức đưa lại cho công nhân những bản năng giai cấp hết sức quý báu; song tự họ không thể có *tính khoa học*. Chính Mác và Ăng-ghe-n là những người thầy đầu tiên « *dạy cho công nhân tự nhận thức được mình và có ý thức về mình, và đã đem khoa học thay thế cho mộng tưởng* » (3). Được vũ trang bằng lý luận Mác — Lê-nin, giai cấp công nhân trở thành giai cấp thật sự tiêu biểu cho *tính cách mạng và tính khoa học*.

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Việt, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 41, tr. 17.

(3) V.I. Lê-nin : *Sách đã dẫn*, tập 2, tr. 5.

Tính cách mạng và tính khoa học trong sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản không tách rời nhau và đều quan trọng như nhau. Tất nhiên trong từng hoàn cảnh cụ thể, có lúc người ta nhấn mạnh mặt này hay mặt kia do đòi hỏi khách quan của cách mạng. Song sự nhấn mạnh một mặt nào đó không có nghĩa là ta có thể coi nhẹ mặt kia. Cần nhớ rằng, đối với một chủ thể nhất định, tính cách mạng chi phối tính khoa học, và ngược lại, cũng có khi tính khoa học lại chi phối tính cách mạng. Có trường hợp vì thiếu nhiệt tình cách mạng mà không nhận thức nổi chân lý khoa học. Cũng có trường hợp do không nắm được quy luật khách quan, lại bám lấy nhận thức chủ quan sai lầm mà ngày càng xa rời lập trường cách mạng của giai cấp công nhân.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một cuộc đấu tranh giai cấp triệt để nhằm giải quyết vấn đề ai thắng ai giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản và các thế lực phản động. Đây cũng là cuộc đấu tranh gay gắt giữa tính cách mạng triệt để của giai cấp công nhân với mọi biểu hiện của tư tưởng tư sản, tiểu tư sản như chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội « tả » và hữu khuynh, tính dao động tiểu tư sản, v.v. Cuộc đấu tranh đó đòi hỏi ở đội ngũ cán bộ, đảng viên những phẩm chất cách mạng tốt đẹp, trước hết là lòng trung thành với Tổ quốc, với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, với học thuyết cách mạng của giai cấp công nhân là chủ nghĩa Mác-Lê-nin. Cuộc đấu tranh đó cũng đòi hỏi chúng ta phải khắc phục tính bảo thủ trì trệ, không dám rời bỏ những lối suy nghĩ cũ, cách làm cũ đã lỗi thời, không ủng hộ cái mới, không nhạy bén với cái mới, cũng như tính « bõe đồng » tiểu tư sản chỉ xuất phát từ những ý định nòng nôi chủ quan, không xuất phát từ thực tiễn.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa hơn bao giờ hết đòi hỏi tính cách mạng phải đi đôi với tính khoa học. Yêu cầu này đặc biệt bức thiết vì chúng ta tiến lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ với bao nhiêu tàn dư ảnh hưởng của xã hội thực dân phong kiến để lại. Kinh nghiệm những năm qua chứng minh rằng những thành công và cả những vấp vấp của chúng ta trong hoạt động kinh tế đều có quan hệ trực tiếp, sâu sắc với tính khoa học. Đảng ta đã xác định đường lối, phương hướng cơ bản đúng đắn, song trong việc thể hiện đường lối bằng những kế hoạch, những biện pháp cụ thể thì bên cạnh những chủ trương đúng đắn, có những chủ trương sai lầm. Có những biểu hiện nóng vội như chỉ tiêu kế hoạch kinh tế đề ra quá cao, không xuất phát đầy đủ từ những điều kiện cụ thể của nước ta..., đồng thời lại có những biểu hiện bảo thủ thể hiện trong việc duy trì những biện pháp và cơ chế quản lý không còn phù hợp như chính sách giá cả, chính sách phân phối lưu thông, v.v. Những thiếu sót đó nói lên việc bảo đảm tính khoa học cho các hoạt động cách mạng thực tế, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế, là vấn đề thật không đơn giản.

Cường điệu tác dụng của yếu tố tinh thần cách mạng, ý chí cách mạng « thuần túy », đặc biệt trong xây dựng kinh tế, là một biểu hiện của chứng bệnh mà Lê-nin gọi là « tính kiêu ngạo cộng sản », chứng bệnh của những người cách mạng chân chính nhưng đã « phóng đại tinh thần cách mạng », đã « quên mất những giới hạn và những điều kiện của một sự vận dụng có kết quả và thỏa đáng những phương pháp cách mạng » (1).

Hiện nay, để nâng cao tính khoa học, chúng ta phải làm nhiều việc một

(4) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, tiếng Việt, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 44 tr. 276.

cách căn cứ và có hệ thống. Song trước hết cần kiên quyết khắc phục những biểu hiện của bệnh quan liêu xa rời thực tế, dẫn đến chủ nghĩa chủ quan dưới nhiều hình thức. Thật vậy, đã không nắm chắc tình hình, thiếu thông tin chính xác thì dù có « muốn » khoa học cũng không thể khoa học được.

Yêu cầu về tính cách mạng và tính khoa học đối với người lãnh đạo phải xuất phát từ chỗ nó có tác dụng chuyển hóa thành tính cách mạng và tính khoa học trong hành động thực tế của hàng nghìn hàng vạn quần chúng. Chính vì thế mỗi quyết định của người lãnh đạo đúng hay sai, « tả » hay hữu, thực tế hay ảo tưởng, v.v. đều được thể hiện một cách khách quan ở các hoạt động của quần chúng, không kể động cơ, nhiệt tình, ý chí của người lãnh đạo ra sao. Muốn xem xét một quyết định có tính cách mạng và tính khoa học hay không, phải đặt nó trong những điều kiện rất cụ thể xem nó giải quyết vấn đề gì cho cách mạng. Một ví dụ sinh động là vấn đề « khoán mới » trong nông nghiệp. Từ lao động « tập trung » chuyển sang lao động « phân tán » liệu có bảo đảm tính cách mạng và tính khoa học hay không? Có người hỏi như vậy. Chủ trương áp dụng cách khoán sản phẩm cuối cùng đến người lao động trong nông nghiệp, trong điều kiện hiện nay là cách mạng và khoa học. Điều đó không phải xét trên quan điểm trừu tượng và hình thức, đơn thuần dựa trên những tính cảm chung chung về chủ nghĩa xã hội, về lao động tập thể, mà xét trên quan điểm lịch sử cụ thể về thời kỳ quá độ; quan điểm này đang đòi hỏi « phải bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc » (5) để từ một nền kinh tế tiểu nông, sản xuất nhỏ, thủ công đi lên chủ nghĩa xã hội. Cách khoán mới một mặt bảo đảm kết hợp chặt chẽ người lao động với những tư liệu sản xuất còn nặng tính chất thủ công,

góp phần khắc phục tình trạng chỉ xã hội hóa lao động một cách hình thức, bảo đảm thực hiện được sự phân phối theo lao động và khuyến khích sự quan tâm của cá nhân đối với sản xuất bằng lợi ích vật chất; mặt khác, chuẩn bị những điều kiện và tiền đề vật chất để tiến lên những hình thức quản lý cao hơn. Tuy nhiên không nên nghĩ cách khoán mới như một cái gì hoàn thiện hoàn mỹ, nhất là phải thấy rõ những lệch lạc đã và đang xảy ra trong quá trình thực hiện đề uốn nắn kịp thời.



Kết hợp tính cách mạng và tính khoa học trong công tác lãnh đạo là một vấn đề lớn. Kinh nghiệm cho thấy muốn thực hiện yêu cầu ấy, cần chú ý giải quyết tốt một số quan hệ đang có tính phổ biến dưới đây:

Thứ nhất, quan hệ giữa chính trị và chuyên môn đối với người lãnh đạo.

Vấn đề này biểu hiện ở hai mặt: một mặt là sự kết hợp giữa phẩm chất và bản lĩnh chính trị với khả năng tổ chức quản lý, trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật của người lãnh đạo; mặt khác là sự kết hợp giữa yêu cầu về chính trị với những yêu cầu có tính chất chuyên môn trong từng công việc, từng nhiệm vụ cụ thể.

Thực hiện bất kỳ nhiệm vụ chính trị nào cũng đòi hỏi bảo đảm những yêu cầu có tính quy luật « về chuyên môn » trong từng lĩnh vực riêng biệt. Mặt khác, giải quyết những vấn đề chuyên môn nào cũng là nhằm thực hiện những nhiệm vụ chính trị. Vì thế, người lãnh đạo cần nắm và vận dụng đồng thời hai hệ thống quy luật: những quy luật chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa, của đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ, những quy luật kinh tế, v.v., đồng thời lại phải

(5) Lê nin : *Toàn tập*, tiếng Việt, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 44, tr. 189.

hiều biết đến mức độ cần thiết sự tác động của những quy luật của tự nhiên, những quy luật đặc thù của từng lĩnh vực cụ thể. Đó là một trong những cơ sở để có được những quyết định đúng đắn. Trong mỗi công tác cụ thể đều phải giải quyết mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng, giữa những quy luật phổ biến và những quy luật đặc thù. Nếu quyết định của người lãnh đạo mâu thuẫn với những đòi hỏi có tính quy luật của các lĩnh vực cụ thể thì khó có khả năng được thực hiện. Chẳng hạn, khi xây dựng một xí nghiệp, phải vừa suy tính nhằm phục vụ cho chiến lược chung về kinh tế, vừa tính toán, cân nhắc hàng loạt vấn đề, từ những vấn đề lớn đến những vấn đề chi tiết mà nếu bỏ sót bất kỳ vấn đề nào đều có thể có hậu quả rất lớn. Vì thế, một mặt người lãnh đạo phải biết dựa vào hệ thống chuyên gia, mặt khác cũng phải dựa vào những hiểu biết và những kinh nghiệm của chính mình. Một chủ trương, kế hoạch vừa đúng đắn về chính trị vừa có đầy đủ căn cứ khoa học, mới bảo đảm được tính cân đối, tính đồng bộ, tính phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận, các đơn vị, thống nhất được cái chung và cái riêng, tránh được tình trạng chỉ thấy cây mà không thấy rừng, hạn chế được tình trạng mạnh ai nấy chạy, tự tiện xáo xở, móc ngoặc, làm thiệt hại đến kế hoạch chung và kế hoạch riêng của từng bộ phận, từng đơn vị.

Tuy nhiên trong điều kiện của ta hiện nay đang tồn tại một mâu thuẫn khách quan giữa yêu cầu của nhiệm vụ chính trị với khả năng vật chất rất có hạn. Giải quyết mâu thuẫn đó đòi hỏi phải kết hợp tính tích cực cách mạng của cán bộ và quần chúng với tính chủ động sáng tạo của người lãnh đạo, dựa trên các căn cứ khoa học vững chắc để tìm ra những « khâu trung gian », những bước quá độ... phù hợp với thực tế. Chính điều

đó đòi hỏi người lãnh đạo phải vừa có bản lĩnh chính trị vững vàng, vừa có những hiểu biết cần thiết về các lĩnh vực chuyên môn.

Thứ hai, mối quan hệ giữa người lãnh đạo với các nhà chuyên môn, các nhà khoa học.

Đòi hỏi người lãnh đạo phải am hiểu các lĩnh vực chuyên môn như các chuyên gia, cũng như đòi hỏi các nhà chuyên môn phải có tầm nhìn chiến lược và sự nhạy bén chính trị như một nhà lãnh đạo chính trị là không thực tế và cũng không cần thiết. Song trên một ý nghĩa nào đó mà nói, người lãnh đạo cũng là một « chuyên gia » trong công tác lãnh đạo của mình và nhà chuyên môn cũng là một người làm « công tác chính trị » bằng nghiệp vụ chuyên môn của mình. Trách nhiệm cuối cùng đối với mọi hoạt động trong phạm vi phụ trách tất nhiên thuộc về người lãnh đạo. Người lãnh đạo phải nắm được một cách tổng hợp các mối quan hệ, những sự tác động lẫn nhau của hàng loạt yếu tố, cho nên khi ra quyết định họ có cái nhìn xa và toàn diện, đồng thời biết được đầu là « cái mắt xích chủ yếu cần phải nắm lấy » như Lê-nin thường nói. Không đòi hỏi như vậy đối với những người làm công tác chuyên môn, song người cán bộ chuyên môn cũng không thể chỉ biết công việc chuyên môn của mình mà còn phải nắm được những mối quan hệ giữa lĩnh vực của mình với các lĩnh vực khác đến một mức độ cần thiết. Việc kết hợp chặt chẽ giữa cán bộ lãnh đạo và cán bộ chuyên môn là xuất phát từ yêu cầu khách quan của công tác lãnh đạo và là một trong những yếu tố bảo đảm thành công của công tác lãnh đạo. Để có được những quyết định đúng đắn, người lãnh đạo cần biết dựa vào các chuyên gia, biết nghe ý kiến của các chuyên gia.

Đề phòng xu hướng khi đưa ra một dự kiến nào do những « có vấn »

của mình xây dựng nên, người lãnh đạo chỉ mong được sự đồng tình, sự «bàn vào» của các chuyên gia khác, mà không thích nghe các ý kiến phản đối của họ.

Vì dụ, người lãnh đạo một địa phương hay một ngành nào đó quyết định xây dựng một công trình kinh tế theo một phương án nhất định. Phương án này đã được một số chuyên gia soạn thảo dưới sự chỉ đạo trực tiếp của người lãnh đạo ấy. Nó đòi hỏi được hoàn thành trong một thời gian nhất định với những yêu cầu về kinh tế và kỹ thuật nhất định. Nhưng có một số nhà chuyên môn khác chưa đồng ý với phương án này vì nó không bảo đảm tính an toàn tuyệt đối. Trong trường hợp này, chỉ có thể quyết định cho thi hành phương án đã dự kiến nếu xác định được rằng những ý kiến không đồng tình là không có cơ sở. Còn nếu chưa xác định được như vậy mà cứ quyết định cho thi công thì người lãnh đạo đã hành động một cách mạo hiểm. Ở đây không đòi hỏi người lãnh đạo nhất thiết nghe theo ý kiến của các nhà chuyên môn phản bác lại mình mà vấn đề là phải cùng với các nhà chuyên môn kiểm tra lại phương án để có quyết định một cách đúng đắn nhất. Bất kỳ trường hợp nào người lãnh đạo cũng không thể rời bỏ quyền hạn và trách nhiệm lãnh đạo của mình, song lại phải hiểu rõ những giới hạn của nó. Họ vừa chỉ đạo các cán bộ chuyên môn, giúp đỡ họ, kiểm tra họ, chịu trách nhiệm về họ, lại vừa tránh can thiệp một cách không cần thiết, vụn vặt và thô bạo vào «tính độc lập tương đối» của những hoạt động chuyên môn của họ.

Thứ ba, mối quan hệ giữa chủ trương của người lãnh đạo với các ý kiến của quần chúng.

Ở đây không đề cập đến tất cả các mặt của vấn đề này mà chỉ nêu lên một khía cạnh: cần quan tâm đến việc xử lý thông tin từ phía quần chúng.

Tính cách mạng và tính khoa học của một chủ trương, biện pháp của người lãnh đạo phải được thể hiện ở tác dụng tạo ra chuyển biến cách mạng trong quần chúng.

Một chủ trương, biện pháp đáp ứng những nguyện vọng căn bản sâu xa, những lợi ích chính đáng, thiết thân của quần chúng, lại được tuyên truyền và tổ chức thực hiện tốt, nhất định được quần chúng hưởng ứng nhiệt tình và sớm muộn sẽ biến thành phong trào quần chúng. Chẳng hạn như chủ trương áp dụng cách khoán mới trong các hợp tác xã nông nghiệp và trả lương theo sản phẩm trong công nghiệp đã chứng tỏ điều đó. Đường nhiên ngay cả trong trường hợp chủ trương đề ra được quần chúng nhiệt liệt hưởng ứng, người lãnh đạo vẫn cần đi sâu vào cuộc sống, kiểm tra việc thi hành chủ trương để uốn nắn kịp thời những lệch lạc xảy ra, đồng thời suy nghĩ tìm cách hoàn chỉnh hơn nữa chủ trương đúng đắn của mình. Trái lại, nếu chủ trương, biện pháp đưa ra, mặc dù đã được tuyên truyền giải thích, vẫn không được quần chúng nhiệt tình hưởng ứng thì người lãnh đạo bắt buộc phải tìm hiểu các nguyên nhân. Vì vậy, cần có phương pháp đề nghe cho được nhiều tiếng nói của quần chúng. Không phải khi nào quần chúng cũng có thể nói lên những nguyện vọng sâu xa, chính đáng của mình một cách rõ ràng và trực tiếp. Họ thường nói bằng những cách khác nhau, kể cả bằng hành động cụ thể. Từ nguồn thông tin đa dạng đó, người lãnh đạo phải phân tích để tìm ra bản chất của vấn đề và nắm được yêu cầu chính đáng của quần chúng. Nếu xét bề ngoài thì dường như mỗi người chỉ nói lên tiếng nói phản ánh những nguyện vọng riêng tư của họ, những lợi ích cá nhân và những mặt rất riêng biệt của đời sống. Nhưng đằng sau tính phiến diện, giản đơn đó có thể là

những vấn đề chung rất cơ bản. Những ý kiến ấy có thể gợi ra cho người lãnh đạo những vấn đề hoặc những giải pháp rất đáng quan tâm. Hồ Chủ tịch đã dạy: « Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra » (6).

Trong vấn đề « ba lợi ích » chẳng hạn, sẽ sai lầm nếu nghĩ rằng mỗi cá nhân trong quần chúng chỉ quan tâm đến những lợi ích riêng (đây là nói lợi ích cá nhân chính đáng). Là những người lao động, gắn bó với chủ nghĩa xã hội, quần chúng nước ta nói chung hiểu được rằng trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, nếu không bảo đảm lợi ích của Nhà nước và của tập thể thì những lợi ích cá nhân cũng không thể được bảo đảm. Nhưng cũng sẽ sai lầm không kém nếu nghĩ rằng trong thực tiễn, vấn đề kết hợp hài hòa ba lợi ích đã được giải quyết hoàn toàn ổn thỏa rồi. Ở đây không những cần một nhận thức đúng đắn về cơ sở lý luận của vấn đề, mà quan trọng hơn là cần đi sâu kiểm tra những hành động thực tế để kịp thời phát hiện và uốn nắn những lệch lạc xảy ra. Hoặc trong vấn đề phân phối, điều mà người lao động mong mỗi một cách chính đáng là bảo đảm đời sống để tái sản xuất sức lao động, bảo đảm « được làm và được ăn », được cải thiện đời sống bằng cách tự mình bỏ thêm lao động để tăng hiệu quả sản xuất trong nền sản xuất xã hội chủ nghĩa. Nguyên

vọng đó không có gì đáng chê trách; trái lại, nó phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất, củng cố quan hệ sản xuất mới và nâng cao tinh thần làm chủ của người lao động. Cách khoán mới đáp ứng nguyện vọng đó. Nó hoàn toàn không phải là sự « theo đuôi quần chúng ».

Lý luận khoa học cung cấp cho ta phương pháp đúng đắn để phân tích những ý kiến, nguyện vọng và những sáng kiến, kinh nghiệm của quần chúng. Sẽ sai lầm nếu đem lý luận đối lập với kinh nghiệm của quần chúng và hoàn toàn thay thế cho việc nghiên cứu tổng kết những ý kiến, kinh nghiệm đó.

Tóm lại, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, biết nghe tiếng nói của quần chúng, là một trong những điều kiện bảo đảm tính cách mạng và tính khoa học cho công tác lãnh đạo và quản lý.



Trên đây là một số vấn đề của mối quan hệ giữa tính cách mạng và tính khoa học trong công tác lãnh đạo. Chúng tôi tin rằng những vấn đề đó nằm trong số các vấn đề đang được những người làm công tác lãnh đạo và quản lý hết sức quan tâm.

(6) X.Y.Z. : *Sửa đổi lối làm việc*. Nxb Sự thật. Hà-Nội, 1954. tr. 82.

Xác lập đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương

TRƯỜNG - SƠN

« Vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất » là một nội dung quan trọng của đường lối xây dựng kinh tế ở nước ta do Đại hội toàn quốc thứ IV của Đảng xác định. Thực hiện đường lối đó, trong những năm qua, việc phát triển kinh tế địa phương đã đạt được những thành tích quan trọng. Về nông nghiệp, phân kinh tế chủ yếu do địa phương quản lý, đã mở rộng thêm một triệu héc ta đất canh tác, diện tích gieo trồng tăng thêm 1,4 triệu héc ta, sản lượng lương thực và một số cây công nghiệp có tăng hơn trước. Hợp tác hóa nông nghiệp đã cơ bản hoàn thành ở miền Trung và Tây-nguyên, phong trào xây dựng tập đoàn sản xuất đang phát triển ở các tỉnh Nam-bộ. Gần đây việc khoán sản phẩm đến người lao động đã làm dấy lên một phong trào lao động sản xuất sôi nổi, hồ hởi chưa từng có. Về công nghiệp địa phương, các nhà máy bị tàn phá trong chiến tranh được khôi phục, nhiều cơ sở công nghiệp ở miền Nam được cải

tạo, một số xí nghiệp được xây dựng thêm. Tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp được khôi phục và phát triển. Giá trị sản lượng công nghiệp địa phương năm 1980 đã tăng 22% so với năm 1975 và chiếm hơn 60% trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp. Các mặt giao thông vận tải, xây dựng cơ bản, phân phối lưu thông đều phát triển và tiến bộ.

Tuy nhiên, nhìn chung, kinh tế địa phương cũng như kinh tế trung ương đều phát triển chậm, mối quan hệ giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương chưa được giải quyết thỏa đáng, nhiều mặt mức chưa được giải quyết. Các bộ chưa làm tốt chức năng quản lý toàn ngành trong cả nước, các địa phương chưa quan tâm đến các cơ sở kinh tế trung ương tại địa phương. Đó là chưa kể đến tình trạng phát triển thiếu quy hoạch, không đem lại hiệu quả kinh tế đã diễn ra ở một số địa phương.

Để khắc phục các nhược điểm nói trên, tiếp tục thực hiện tốt đường lối kinh tế của Đảng, cần nghiên cứu xác định đúng đắn mối quan hệ giữa

kinh tế trung ương và kinh tế địa phương theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trên các mặt nhận thức, kế hoạch, chính sách và quản lý.

I — Về nhận thức:

Cần quán triệt hơn nữa đường lối « vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất » của Đảng. Đồng chí Lê-Duân đã nói: « đứng về cơ cấu tổng quát mà nói, toàn bộ nền kinh tế sẽ lớn lên dựa trên hai khâu then chốt: một là, các ngành kinh tế — kỹ thuật thống nhất trong cả nước; hai là, kinh tế địa phương » (1). Quán triệt đường lối này có nghĩa là vừa tập trung xây dựng các ngành kinh tế — kỹ thuật, vừa đẩy mạnh phát triển kinh tế địa phương.

Là lực lượng cơ bản của nền kinh tế hiện đại, các ngành kinh tế — kỹ thuật có vai trò quan trọng trong việc phát triển khoa học kỹ thuật, chuyển lao động thủ công thành lao động cơ khí, tăng năng suất lao động, làm ra sản phẩm với chất lượng và hiệu quả ngày càng cao. Cho nên tích cực xây dựng các ngành kinh tế — kỹ thuật là một chủ trương chiến lược trước mắt cũng như lâu dài.

Các ngành kinh tế — kỹ thuật cần được tổ chức thống nhất trong cả nước từ trung ương đến địa phương, từ quốc doanh đến hợp tác xã, theo hướng tập trung hóa, chuyên môn hóa, hợp tác hóa và liên hiệp hóa; trong đó, có ngành chủ yếu do trung ương trực tiếp quản lý như công nghiệp nặng, có ngành chủ yếu giao cho địa phương trực tiếp quản lý như nông nghiệp, và có ngành vừa phát triển kinh tế trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương như công nghiệp nhẹ. Sắp tới cần đẩy mạnh việc tổ chức các liên hiệp sản xuất, chủ yếu là các xí nghiệp liên hợp (com bi nát) và liên hiệp các xí nghiệp (hoặc công

ty, tổng công ty) hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế, để thật sự hình thành các ngành kinh tế — kỹ thuật trong cả nước.

Trong một nước đã công nghiệp hóa, vai trò của các ngành kinh tế — kỹ thuật là cơ bản và quyết định. Ở nước ta, chúng ta đang từ sản xuất nhỏ đi lên, chưa có công nghiệp lớn, cho nên đi đôi với xây dựng các ngành kinh tế — kỹ thuật, cần đặc biệt coi trọng phát triển kinh tế địa phương, lấy địa phương làm địa bàn tổ chức lại sản xuất và đời sống.

Những tổ chức kinh tế do địa phương quản lý bao gồm hai loại: một loại thuộc lực lượng cơ bản gắn với các ngành kinh tế — kỹ thuật trong cả nước, sản xuất và phân phối theo quy hoạch, kế hoạch chung; một loại là lực lượng bổ sung gắn với khả năng và nhu cầu của địa phương, sản xuất và phân phối theo kế hoạch của địa phương. Trong điều kiện từ sản xuất nhỏ đi lên, có phát triển mạnh mẽ các lực lượng kinh tế địa phương mới khai thác được mọi nguồn tài nguyên phân tán, tận dụng mọi lực lượng lao động xã hội, sản xuất ra nhiều mặt hàng đáp ứng kịp thời nhu cầu đa dạng của sản xuất và đời sống mà kinh tế trung ương không thể bao quát được.

Như vậy, kinh tế trung ương và kinh tế địa phương là một thể thống nhất, cùng nằm trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất. Không có cơ sở kinh tế nào thuộc các ngành kinh tế — kỹ thuật lại không nằm trên một địa phương nhất định, không có những quan hệ kinh tế nhất định với kinh tế địa phương. Ngược lại, hầu hết các cơ sở kinh tế do địa phương quản lý đều có quan hệ với các cơ sở kinh tế trung ương trong các ngành kinh tế — kỹ thuật thống nhất. Kinh tế trung ương và kinh tế địa phương có quan

(1) Lê-Duân: « *Mấy vấn đề về kinh tế địa phương* », *Tạp chí Cộng sản* số 10-1979, tr. 12.

hệ giúp đỡ lẫn nhau. Kinh tế trung ương lớn mạnh sẽ thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển. Kinh tế địa phương phát triển sẽ tạo điều kiện tích tụ và tập trung nhanh cho kinh tế trung ương. Do đó, vừa xây dựng các ngành kinh tế — kỹ thuật, vừa phát triển kinh tế địa phương sẽ tạo nên một sức mạnh từ trên tỏa xuống, từ dưới vươn lên, và sức mạnh bùng ra ngay tại chỗ, làm cho cơ thể kinh tế “đảm chồi nảy lộc”, toàn thân phát triển mạnh mẽ. Đó chính là cơ sở lý luận và thực tiễn của đường lối kinh tế vừa xây dựng kinh tế trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương của Đảng ta, mà chúng ta cần quán triệt sâu sắc để thực hiện cho tốt. Những xu hướng chỉ nhấn mạnh các ngành kinh tế — kỹ thuật, coi nhẹ kinh tế địa phương, hoặc phát triển kinh tế địa phương theo lối “khép kín” đều là xa rời thực tế kinh tế của nước ta và đường lối kinh tế của Đảng, dẫn tới gò bó, kìm hãm tài năng sáng tạo của quần chúng, gây nên những khó khăn không đáng có trong sản xuất và đời sống.

2 — Về kế hoạch :

Công tác kế hoạch của ta lâu nay có nhược điểm là tập trung quan liêu, chưa phát huy và bảo đảm quyền làm chủ tập thể về kinh tế của địa phương và cơ sở, cho nên chưa khai thác được mọi tiềm năng của đất nước, chưa huy động được toàn dân tham gia sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Để khắc phục khuyết điểm này, cần thực hiện tốt cơ chế *ba cấp làm chủ về kế hoạch* và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương trong công tác kế hoạch hóa.

Trung ương tập trung kế hoạch hóa những vấn đề kinh tế chủ yếu, có ý nghĩa quyết định. Đó là những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm

của cấp trung ương, mà việc kế hoạch hóa đúng đắn sẽ có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển nền kinh tế quốc dân. Cụ thể là :

— Tổ chức điều tra cơ bản tổng hợp về tài nguyên thiên nhiên, đất đai, về số dân, lao động.

— Đẩy mạnh các công tác phân vùng, quy hoạch, tạo căn cứ khoa học cho việc xác định phương hướng, chủ trương phân bổ lực lượng sản xuất, phân bổ lại lao động và dân cư, phân bổ các cơ sở sản xuất trong cả nước và trên từng địa phương; xây dựng các quy hoạch cụ thể về phát triển các ngành công nghiệp then chốt, các vùng nông nghiệp chuyên môn hóa có tầm quan trọng đối với nền kinh tế quốc dân.

— Giải quyết tốt các mối quan hệ lớn của nền kinh tế quốc dân : tích lũy và tiêu dùng, cải tạo và xây dựng, công nghiệp và nông nghiệp, kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, kinh tế và quốc phòng, xuất khẩu và nhập khẩu, v.v. Xây dựng và hoàn thiện từng bước hệ thống các bảng cân đối tổng hợp : tổng sản phẩm xã hội, thu nhập quốc dân, đầu tư cơ bản, lao động xã hội, ngân sách Nhà nước, thu chi tiền tệ của dân cư, tín dụng tổng hợp, cân đối ngoại tệ và thanh toán quốc tế, cân đối các loại vật tư và hàng hóa chủ yếu.

— Chuẩn bị điều kiện để xây dựng các bảng cân đối tài chính tổng hợp, cân đối liên ngành dưới hình thức hiện vật và giá trị về một số sản phẩm quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân.

— Nghiên cứu chiến lược phát triển kinh tế — xã hội dài hạn 10 — 15 năm đến 20 năm. Xây dựng tốt kế hoạch 5 năm có chia ra từng năm. Chuẩn bị điều kiện để xây dựng một số dự đoán về kinh tế — xã hội : số dân và lao động; nhu cầu, tiến bộ khoa học kỹ thuật; xu hướng phát triển của một số ngành kinh tế — kỹ thuật quan

trọng nhất. Triển khai nghiên cứu đề phục vụ cho việc xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch 5 năm 1981 — 1985.

— Ban hành thống nhất các hệ thống định mức, tiêu chuẩn kinh tế— kỹ thuật về lao động, vật tư, suất vốn đầu tư, thời hạn thu hồi vốn đầu tư, hệ thống giá (giá cố định, giá hiện hành, tỷ giá hối đoái, v.v.) làm căn cứ cho việc xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch.

— Chấn chỉnh và hoàn thiện các chế độ, phương pháp kế hoạch hóa, chế độ thống kê và thông tin kinh tế, chế độ hạch toán, v.v.

Đề mở rộng quyền hạn và tăng cường trách nhiệm về kế hoạch hóa của các địa phương, cần giao cho các địa phương trách nhiệm quản lý:

— Sản xuất nông nghiệp, cân đối lương thực (trừ các vùng chuyên canh cây công nghiệp quy mô lớn, hoặc điều kiện tự nhiên chưa cho phép cân đối được).

— Chế biến nông sản và sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu thông thường, hoặc có truyền thống chủ yếu bằng nguyên liệu địa phương.

— Sản xuất vật liệu xây dựng, máy móc, công cụ và phụ tùng thông thường.

— Xây dựng các công trình công nghiệp nhỏ, xây dựng dân dụng, xây dựng nông thôn.

— Vận tải hành khách và hàng hóa trong địa phương (có một phần liên tỉnh).

— Tổ chức và quản lý đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân địa phương.

Ngoài ra, các địa phương còn có trách nhiệm cung cấp nguyên liệu, vật liệu, lao động, lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng và bảo đảm kết cấu hạ tầng cho các cơ sở kinh tế trung ương tại địa phương.

Trên cơ sở nghiên cứu tổng hợp khả năng và nhu cầu các mặt trên

lãnh thổ, trung ương sẽ giao cho các địa phương một số chỉ tiêu tổng hợp về cung cấp lương thực, nguyên liệu, hàng hóa, lao động, tích lũy... đề phục vụ nhu cầu chung, đồng thời cung cấp cho địa phương một số điều kiện cần thiết như vốn, tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng, cán bộ... đề phát triển kinh tế và phục vụ đời sống nhân dân trên lãnh thổ.

Các chỉ tiêu này sẽ giao trong thời hạn 5 năm, có phân ra từng năm đề địa phương chủ động bố trí kế hoạch.

Trung ương cũng có thể nghiên cứu giao cho các địa phương chỉ tiêu thu nhập quốc dân tính theo đầu người đề các địa phương phấn đấu thi đua với nhau thực hiện.

Đề đáp ứng yêu cầu của địa phương và làm tròn nghĩa vụ với trung ương, trên cơ sở bảo đảm sự lãnh đạo tập trung thống nhất, các địa phương có quyền:

— Xây dựng và quyết định kế hoạch phát triển kinh tế địa phương.

— Quy định các chính sách cụ thể và áp dụng các biện pháp cần thiết đề phát triển kinh tế địa phương.

— Quyết định các vấn đề về tổ chức sản xuất, tổ chức bộ máy quản lý kinh tế địa phương theo mô hình của trung ương hướng dẫn.

— Tiến hành hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật giữa các địa phương, cũng như giữa địa phương với các cơ sở kinh tế của trung ương. Có loại hợp tác theo kế hoạch của trung ương, có loại hợp tác theo kế hoạch của địa phương.

— Tham gia xuất khẩu, nhập khẩu bằng các hình thức thích hợp dưới sự quản lý thống nhất về hành chính — kinh tế của Bộ ngoại thương.

3 — Về chính sách:

Lâu nay nhiều địa phương không quan tâm đến kinh tế trung ương tại địa phương và còn cho đó là một

‘gánh nặng’; không muốn cung cấp nguyên liệu nông sản cho trung ương và tìm cách giữ lại để chế biến, hoặc phát triển công nghiệp địa phương theo lối tự cấp tự túc. Nhiều bộ cũng không quan tâm đến kinh tế địa phương. Sở dĩ như vậy chủ yếu là do chúng ta chưa có những chính sách giải quyết thỏa đáng mối quan hệ về lợi ích kinh tế giữa trung ương và địa phương, giữa công nghiệp và nông nghiệp. Vì vậy để khắc phục nhanh chóng hiện tượng này, đi đôi với các biện pháp giáo dục và hành chính, điều có tính chất quyết định là phải có các chính sách kinh tế đúng đắn kết hợp hài hòa các loại lợi ích.

— Chính sách cơ bản nhất là thực hiện đúng đắn nguyên tắc hạch toán kinh tế và phân phối theo lao động: địa phương nào làm giỏi hưởng nhiều, làm kém hưởng ít. Thí dụ, về sản xuất và phân phối, sau khi làm tròn nghĩa vụ giao nộp cho trung ương (phần nghĩa vụ này đã tính đến địa tô chênh lệch), các địa phương được quyền dùng những nguyên liệu và sản phẩm dư ra để mở rộng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân địa phương hoặc xuất khẩu. Không cào bằng mức sống giữa các địa phương, mà địa phương nào làm giỏi hơn thì được hưởng mức sống cao hơn. Chẳng hạn như: nơi nào trồng dâu nuôi tằm giỏi thì sau khi hoàn thành nghĩa vụ xuất khẩu tơ, nhân dân ở đó được mặc thêm áo lụa; hoặc nơi nào trồng mía, sản xuất đường được nhiều thì sau khi cung cấp mía hoặc đường cho trung ương theo kế hoạch, nhân dân ở đó được ăn thêm đường ngoài tiêu chuẩn cung cấp thống nhất trong cả nước. Hoặc về ngân sách, sau khi điều tiết và cân đối sát với điều kiện từng địa phương, trung ương sẽ ấn định ngân sách cho các địa phương một thời gian và các địa phương sẽ quản lý ngân sách của mình theo nguyên tắc lấy thu bù chi, thu nhiều chi nhiều,

thu ít chi ít, không phải nộp thêm cho trung ương nếu thừa, và không được xin thêm của trung ương nếu thiếu, trừ trường hợp đặc biệt sẽ có cách xử lý riêng. Có như vậy mới kích thích được các địa phương phát huy óc sáng tạo, tìm mọi cách làm giàu trên cơ sở sử dụng tốt lao động và tài nguyên của mình.

— Cần nghiên cứu các chính sách ràng buộc kinh tế trung ương và kinh tế địa phương với nhau sao cho địa phương càng phục vụ tốt cho kinh tế trung ương bao nhiêu thì càng có lợi cho kinh tế địa phương bấy nhiêu, cũng như các bộ càng làm tốt trách nhiệm của mình đối với kinh tế địa phương bao nhiêu thì càng có lợi cho ngành bấy nhiêu. Những chính sách đó có thể là: địa phương cung cấp cho trung ương một tấn nông sản (kể cả lương thực, thực phẩm, nguyên liệu) thì sẽ được thu vào ngân sách địa phương một tỷ lệ phần trăm so với giá trị tấn nông sản đó. Điều cần chú ý là tỷ lệ này phải thỏa đáng đến mức địa phương thấy cung cấp nguyên liệu cho trung ương sẽ có lợi hoặc ít nhất không bị thiệt so với giữ lại để chế biến bằng kỹ thuật kém hơn. Địa phương nào cung cấp nhiều nguyên liệu nông sản cho trung ương, sẽ được trung ương bán lại một tỷ lệ nhất định những sản phẩm chế biến từ nguyên liệu đó để tiêu dùng rộng rãi hơn tiêu chuẩn chung. Các cơ sở kinh tế trung ương đóng tại địa phương phải trích nộp vào ngân sách địa phương một phần lợi nhuận theo tỷ lệ phần trăm; như vậy, địa phương góp phần làm cho các cơ sở kinh tế trung ương đạt kế hoạch càng cao thì sẽ thu vào ngân sách địa phương càng nhiều. Ngược lại, các cơ sở kinh tế địa phương cũng phải trích nộp một phần lợi nhuận vào ngân sách ngành, và khi đánh giá thành tích của ngành cần phải xét đến phần đóng góp này, coi như là một tiêu chuẩn của công tác quản lý.

4— Về quản lý:

Việc phân cấp quản lý kinh tế giữa trung ương và địa phương không phải cố định mà sẽ thay đổi tùy theo trình độ quản lý. Trước mắt có thể như sau:

Về sản xuất, trung ương trực tiếp quản lý những cơ sở có các tiêu chuẩn như:

- Quy mô lớn, kỹ thuật hiện đại, đầu tư nhiều.

- Sử dụng nguyên liệu của nhiều địa phương hoặc nguyên liệu nhập khẩu.

- Sản phẩm phục vụ cho nhu cầu cả nước hoặc cho nhu cầu xuất khẩu.

- Có nguồn thu lớn cho ngân sách Nhà nước.

Những cơ sở kinh tế do địa phương quản lý nói chung là những cơ sở dùng nguyên liệu địa phương, phục vụ nhu cầu tại chỗ, quy mô vừa và nhỏ, kỹ thuật thông thường, đầu tư không lớn. Tuy vậy, một số địa phương, nhất là thủ đô Hà-nội và thành phố Hồ-Chí-Minh, vẫn có một số cơ sở kỹ thuật hiện đại, dùng nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất sản phẩm phục vụ nhu cầu của trung ương hoặc xuất khẩu.

Về vận tải, trung ương chủ yếu quản lý đường sắt, đường biển, hàng không dân dụng và một số tuyến đường bộ, đường sông quan trọng; còn địa phương quản lý phần lớn đường bộ, đường sông và giao thông vận tải nông thôn.

Về xây dựng cơ bản, trung ương phụ trách xây dựng công nghiệp và một số công trình, văn hóa, y tế đặc biệt, có quy mô lớn và yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật cao; địa phương có trách nhiệm xây dựng dân dụng, xây dựng nông thôn và những công trình công nghiệp quy mô nhỏ.

Về phân phối lưu thông, trung ương có trách nhiệm cung cấp cho địa phương các loại nguyên liệu, vật

tư do trung ương sản xuất hoặc nhập khẩu và bán buôn hàng hóa cho địa phương. Địa phương có trách nhiệm thu mua nông sản và hàng công nghiệp do địa phương sản xuất cung cấp cho trung ương và làm nhiệm vụ bán lẻ hàng hóa cho nhân dân.

Các địa phương cũng được quyền xuất khẩu, nhập khẩu thêm hàng hóa ngoài kế hoạch của trung ương dưới sự hướng dẫn của ngành ngoại thương và thống nhất đầu mối: một mặt hàng, một thị trường chỉ do một địa phương có nhiều hàng hoặc ở gần cửa khẩu đại diện đứng ra giao dịch. Còn các địa phương khác sẽ quan hệ với địa phương đó bằng các hình thức thích hợp như liên doanh, mua đứt bán đoạn, ủy thác...

Kinh tế trung ương và kinh tế địa phương có quan hệ hữu cơ với nhau như đã phân tích ở trên cho nên việc phân cấp quản lý giữa trung ương và địa phương cần theo đúng nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ.

Quản lý theo ngành là các bộ trực tiếp quản lý toàn diện các tổ chức kinh tế thuộc bộ, vừa quản lý hành chính—kinh tế đối với các cơ sở kinh tế thuộc ngành do địa phương trực tiếp quản lý. Các bộ thống nhất quản lý toàn ngành trong cả nước và làm các việc như:

- Vạch ra chiến lược dài hạn về phát triển kinh tế—xã hội—kỹ thuật của toàn ngành.

- Xây dựng các phương án kinh tế—kỹ thuật chuyên ngành, tổ chức việc phân công và hợp tác sản xuất giữa trung ương và địa phương, giữa các địa phương với nhau.

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển toàn ngành, và hướng dẫn chỉ đạo các địa phương xây dựng kế hoạch phù hợp với kế hoạch của ngành.

— Nghiên cứu ban hành hoặc kiến nghị với Nhà nước ban hành các chính sách và chế độ chuyên ngành.

— Nghiên cứu khoa học — kỹ thuật, đào tạo cán bộ cho ngành và bổ nhiệm, miễn nhiệm những cán bộ thuộc bộ quản lý

— Kiểm tra các hoạt động của toàn ngành...

Quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ là Ủy ban nhân dân các địa phương vừa trực tiếp quản lý toàn diện các cơ sở kinh tế thuộc địa phương, vừa tham gia quản lý các cơ sở kinh tế trung ương tại địa phương. Các địa phương thống nhất quản lý kinh tế thuộc lãnh thổ và làm các việc cụ thể như:

— Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế địa phương và kế hoạch phát triển kinh tế lãnh thổ (bao gồm phần kế hoạch đối với các cơ sở kinh tế trung ương tại địa phương).

— Tổ chức liên kết và điều hòa phối hợp các hoạt động kinh tế trên lãnh thổ như xây dựng kết cấu hạ tầng, phân công và hợp tác sản xuất kinh doanh, tổ chức đời sống...

— Cung cấp lao động, nguyên liệu địa phương cho các cơ sở kinh tế trên lãnh thổ.

— Bảo vệ sản xuất, bảo vệ môi trường.

— Kiểm tra việc thực hiện các chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước đối với tất cả các cơ sở kinh tế trên lãnh thổ...



Có người cho rằng lâu nay ta chưa đề cao quyền làm chủ của địa phương mà tư tưởng địa phương chủ nghĩa đã xuất hiện, nay giao cho địa phương quyền rộng như vậy thì 40 tỉnh và thành phố có thể trở thành 40 « vương quốc ».

Lâu nay, có hiện tượng địa phương chủ nghĩa một phần do tư tưởng không đúng đắn của các địa phương, một phần do pháp chế chưa nghiêm, nhưng nguyên nhân quan trọng là do cơ chế quản lý quan liêu bao cấp chưa bảo đảm quyền làm chủ và lợi ích chính đáng của địa phương. Nay quy định rõ ràng, thỏa đáng, bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong mối quan hệ giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương thì sẽ khắc phục được hiện tượng đó.

Các hình thức hợp tác hóa nông nghiệp và khoán sản phẩm ở tỉnh Hậu-giang

NGUYỄN-KIẾN-PHƯỚC

NÔNG dân Hậu-giang, cũng như nông dân Nam-bộ nói chung, mà số đông là trung nông, từ lâu đã đi vào sản xuất hàng hóa, gắn với cơ chế thị trường. Trong quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, nông dân Hậu-giang một lòng đi theo Đảng chiến đấu vì sự nghiệp độc lập dân tộc. Bước vào thời kỳ mới, họ có khả năng tiếp thụ sự giáo dục của Đảng, đi vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Vấn đề đặt ra là, do họ không thể tự mình đi lên chủ nghĩa xã hội, công tác giáo dục tư tưởng phải tiến hành ra sao, bằng hình thức gì và bước đi như thế nào, để dẫn dắt họ đi vào con đường làm ăn tập thể.

Trong thời gian qua, trên cơ sở vận dụng đường lối, chủ trương của Trung ương vào hoàn cảnh thực tế của địa phương, Hậu-giang đã chọn được những hình thức, bước đi phù hợp. Nhờ đó đã tập hợp được một bộ phận nông dân đi vào làm ăn tập thể trong các tập đoàn sản xuất, đồng thời lôi cuốn được đông đảo nông dân tham gia các hình thức quá độ khác, chủ yếu là tổ đoàn kết sản xuất.

Trước hết, để chuẩn bị cho công cuộc hợp tác hóa, tỉnh Hậu-giang đã phát động phong trào quần chúng đấu tranh xóa bỏ các hình thức bóc lột và vận động «nhường cơm sẻ áo» trong nội bộ nông dân, thực hiện một bước quan trọng điều chỉnh ruộng đất, tạo cơ sở thuận lợi đưa nông dân đi vào làm ăn tập thể. Kết quả là đã điều chỉnh 26500 ha đất cho 31900 gia đình nông dân không có hoặc thiếu ruộng đất phải sống bằng lao động làm thuê, kéo tỷ lệ số người này từ 40% xuống còn 10% tổng số hộ nông dân trong tỉnh. Đến nay, công tác này còn đang tiếp tục.

Về hợp tác hóa nông nghiệp, đến đầu tháng 8-1981 Hậu-giang đã có 942 tập đoàn sản xuất, hơn 2000 tổ đoàn kết sản xuất, hai hợp tác xã nông nghiệp, hơn chục tập đoàn máy nông nghiệp. Trên các địa bàn khác nhau, vùng căn cứ kháng chiến cũ, vùng trước đây bị địch kìm kẹp, vùng nhiễm mặn, vùng nước ngọt, đều đã có kinh nghiệm tổ chức tập đoàn sản xuất và các hình thức tổ chức quá độ khác.

Tại vùng nhiễm mặn, nơi sống tập trung gần 30000 đồng bào Khơ-me, có

phong trào hợp tác hóa dưới hình thức *tập đoàn sản xuất*. Huyện Long-phú là nơi có phong trào xây dựng tập đoàn sản xuất phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng. Đến tháng 6-1981 Long-phú xây dựng được 276 tập đoàn (có 90 tập đoàn tiên tiến và khá), 275 tổ đoàn kết sản xuất, chiếm gần 50% diện tích đất canh tác toàn huyện. Qua các vụ sản xuất, hầu hết các tập đoàn ở Long-phú đã tỏ rõ tinh thần hăng hái của quan hệ sản xuất mới so với lúc còn làm ăn cá thể. Năng suất lúa hằng năm tăng dần, thu nhập thực tế của tập đoàn viên cao hơn trước, nghĩa vụ lương thực, công tác tuyển quân đều hoàn thành tốt. Ở những xã, ấp tổ chức xong các tập đoàn sản xuất, bộ mặt nông thôn từng bước được cải tạo và đổi mới. Các tập đoàn sản xuất được củng cố và phát triển, không có hiện tượng tan rã hàng loạt như ở các nơi khác. Công tác củng cố và phát triển các tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể ở cơ sở có những tiến bộ rõ rệt. Hai năm qua, Long-phú kết nạp vào Đảng được 95 người. Sở dĩ Long-phú đạt được kết quả như vậy, là do nắm khá vững mục đích và yêu cầu của công tác cải tạo nông nghiệp, tiến hành tốt việc điều chỉnh ruộng đất và vận động nông dân đi vào làm ăn tập thể, tổ chức lại sản xuất, khai thác tốt khả năng lao động và đất đai, thực hiện hợp tác hóa đi đôi với làm thủy lợi nhỏ đưa nhanh các giống lúa mới có năng suất cao vào sản xuất đại trà, làm cho sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là sản xuất lúa trong huyện không ngừng tăng lên, xóa được nạn đói triền miên trước đây, ổn định vững chắc đời sống nông dân. Trong phong trào xây dựng tập đoàn sản xuất của huyện Long-phú, *tập đoàn sản xuất số 6*, ấp Khuân-tang, thuộc thị trấn Long-phú là một điển hình tiêu biểu. Từ điều kiện sản xuất khó khăn của vùng nhiễm mặn, chua phèn, cấy một vụ,

năng suất thấp, đời sống đói nghèo, tập đoàn sản xuất số 6 đã phát huy được sức lao động tập thể làm thủy lợi, thay đổi giống lúa, làm phân hữu cơ, từng bước tăng vụ, thâm canh. Đến năm 1980, năng suất lúa một vụ bình quân đạt 5,94 tấn/héc ta, sản lượng thóc tăng gấp đôi so với năm 1979. Bình quân trên mỗi héc ta canh tác, bán cho Nhà nước 2 tấn thóc, mức lương thực còn lại sau khi làm nghĩa vụ là 1000 kg/nhân khẩu.

Ở vùng nước ngọt, phong trào xây dựng tập đoàn sản xuất và hợp tác xã trong mấy năm qua gặp nhiều khó khăn và bị tan rã nhiều. Trong khi đó, hình thức *tổ đoàn kết sản xuất* được duy trì và tiếp tục phát triển. Một số tổ đoàn kết sản xuất chuyển lên tập đoàn sản xuất, nhưng chưa tập thể hóa ruộng đất, (do đó gọi là tập đoàn khùng), vẫn giữ nội dung hoạt động là tổ đoàn kết sản xuất. Nếu như ở các huyện thuộc vùng phù sa nhiễm mặn, tập đoàn sản xuất là hình thức cơ bản mà tiêu biểu là ở huyện Long-phú, thì hình thức tổ đoàn kết sản xuất không phải ngẫu nhiên lại là hình thức phổ biến tại vùng nước ngọt, nơi có điều kiện thiên nhiên thuận lợi, tập trung nhiều trung nông (cả ruộng và vườn), làm ra khối lượng nông sản hàng hóa lớn. Kinh nghiệm của nhiều tổ đoàn kết sản xuất làm ăn tốt cho thấy, mặc dù chưa xóa bỏ sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất, nhưng bước đầu hình thức này đã phát huy tác dụng mạnh mẽ: thúc đẩy sản xuất phát triển, ổn định và cải thiện đời sống nông dân, thiết lập quan hệ kinh tế giữa nông dân với Nhà nước, tạo những tiền đề về vật chất và cán bộ cho việc tập thể hóa bước sâu một cách vững vàng. « *Tập đoàn 9* », xã Kế-an, huyện Kế-sách, trước đây, với nội dung tổ chức và hoạt động của một *tổ đoàn kết sản xuất*, là một điển hình về hình thức quá độ ấy.

« *Tập đoàn 9* » đã thực hiện tốt sản xuất theo yêu cầu của kế hoạch Nhà

nước: với kinh nghiệm thâm canh một cách đồng bộ, nhất là về mặt dùng giống mới và làm thủy lợi, đã sử dụng tốt sự đầu tư về phân bón, xăng dầu của Nhà nước theo hợp đồng kinh tế hai chiều, không ngừng đưa năng suất lúa cả vụ hè thu và vụ mùa tăng lên. Năng suất vụ lúa hè thu năm 1979 đạt 4,6 tấn, năm 1980 đạt 5,4 tấn, và năm 1981 đạt 6 tấn một héc ta. Năng suất lúa mùa năm 1979 đạt 4 tấn, năm 1980 đạt 4,6 tấn một héc ta. "Tập đoàn 9" đã bán cho Nhà nước bình quân mỗi héc ta canh tác 3,6 tấn thóc. Đời sống của các hộ trong tập đoàn đều được nâng cao rõ rệt. Ở "tập đoàn 9", tuy ruộng đất vẫn còn thuộc sở hữu cá thể, nhưng nông dân đã phát huy truyền thống đoàn kết tương trợ, điều hòa thu nhập giữa các hộ trung nông và những gia đình nghèo mới được điều chỉnh ruộng đất. Mấy năm qua, "tập đoàn 9" bằng lao động chung và góp vốn, đã tạo ra một sở cơ sở vật chất kỹ thuật cho kinh tế tập thể như mua chung máy cày, máy xới, máy bơm, góp sức làm chung hai con kênh thủy lợi. Trên cơ sở làm ăn có kế hoạch, bước đầu làm quen với lao động tập thể, "tập đoàn 9" đã xây dựng được các định mức sản lượng và chi phí về lao động, vật tư trên từng thửa ruộng. Đó là những cơ sở quan trọng để "tập đoàn 9" tiến lên tập thể hóa, tháng 5-1981, đi vào sản xuất tập thể và áp dụng ngay việc khoán sản phẩm.

Chấp hành chỉ thị số 100 của Ban bí thư Trung ương Đảng, tỉnh ủy Hậu-giang đã chỉ đạo việc làm thử *khoán sản phẩm* trong một số tập đoàn sản xuất và hợp tác xã. Như dòng nước mát chảy về, hình thức khoán sản phẩm đến người lao động được nông dân Hậu-giang đón bắt lấy, tiếp thu và vận dụng khá nhanh. Trong vụ hè thu và vụ lúa mùa này, có 538 trong tổng số 942 tập đoàn sản xuất và hợp tác xã trên địa bàn mười huyện và

thị xã đã khoán sản phẩm cây lúa. Việc làm rất mới, phong trào không tránh khỏi tự phát, vì chưa quán triệt nội dung cơ chế quản lý mới, cán bộ chưa được đào tạo, tập huấn, cho nên có khuyết điểm ở nơi này, nơi khác. Mặc dù vậy, những kết quả đạt được nhất là ở những tập đoàn làm đúng chỉ thị số 100 của Ban bí thư, thật rõ ràng: quần chúng phấn khởi hăng hái lao động, cố gắng phấn đấu đạt và vượt những định mức được giao, không còn hiện tượng bỏ ruộng đất không đi làm như trước, sản xuất phát triển, tập đoàn viên gắn bó với kinh tế tập thể. Rõ ràng, với việc vận dụng hình thức khoán mới, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa không bị phá vỡ, mà trái lại được củng cố vững thêm. Các tập đoàn yếu kém, có nguy cơ tan rã được khôi phục. Nhiều nông dân cá thể tự nguyện xin vào tập đoàn, hưởng ứng nhiệt liệt cách khoán sản phẩm trong nông nghiệp. Có thể coi đây là một xu thế mới, mở ra triển vọng mới cho phong trào hợp tác hóa trong thời gian tới.

Việc xây dựng tập đoàn sản xuất mới và áp dụng ngay hình thức khoán sản phẩm sẽ thu hút được dòng đảo nông dân. Để chuẩn bị các tiền đề cho việc xây dựng tập đoàn và đi ngay vào khoán sản phẩm, cách tốt nhất là phát triển rộng khắp tổ đoàn kết sản xuất và chỉ đạo cho nó hoạt động theo đúng yêu cầu của một hình thức quá độ.

Năm chắc các hình thức phù hợp đã được thử nghiệm trong thực tế và kinh nghiệm làm thử khoán sản phẩm, đó là những vấn đề mấu chốt giúp cho Hậu-giang khắc phục cả hai khuynh hướng do dự, chần chừ và nôn nóng, làm ẩu, đã gây ra sự tri trệ, chậm trễ trong mấy năm qua, đưa phong trào hợp tác hóa nông nghiệp của Hậu-giang tiến lên mạnh mẽ và vững chắc trong thời gian tới.

KHẮC PHỤC TÀN DƯ TƯ TƯỞNG PHONG KIẾN TRONG CÔNG TÁC THANH NIÊN

BÙI-NGỌC-TRÌNH

Dễ giáo dục, bồi dưỡng và phát huy vai trò xung kích cách mạng của thế hệ trẻ theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê-nin và đường lối công tác thanh niên của Đảng, một trong những nhiệm vụ quan trọng mà nghị quyết 181 của Ban bí thư Trung ương Đảng về công tác vận động thanh niên đã chỉ rõ: « phải chống tư tưởng phong kiến, tác phong gia trưởng và những biểu hiện khác cản trở thanh niên phát huy tính chủ động và sáng tạo ».

Vậy tư tưởng phong kiến là gì? Những tàn dư của nó đang làm trở ngại đến công tác thanh niên ra sao? Vì sao phải kiên quyết đấu tranh khắc phục ảnh hưởng tiêu cực của nó? Đó là những vấn đề cần được làm sáng tỏ.



Xã hội phong kiến xây dựng trên cơ sở bóc lột địa tô và lao dịch của giai cấp địa chủ đối với nông dân lao động. Đẳng cấp thống trị gồm vua, quan... đại diện-cho bọn địa chủ, xây dựng nên hệ tư tưởng phong kiến nhằm

bảo vệ đặc quyền, đặc lợi của giai cấp phong kiến.

Hệ tư tưởng phong kiến công nhận một trật tự xã hội trên có vua, giữa có quan, và dưới có thứ dân. Hơn ở đâu hết, xã hội phong kiến là xã hội của *tôn ty trật tự*. Mọi người trong xã hội đều được sắp xếp vào những chức phận nhất định và chỉ được hành động theo chức phận đó. Mọi sự thay đổi, mọi sự đảo lộn tôn ty trật tự này đều bị tư tưởng phong kiến coi là thù địch.

Tư tưởng phong kiến công nhận và đề cao mấy mối quan hệ chủ chốt trong xã hội. Đó là quan hệ vua tôi (quân thần), cha con (phụ tử) và chồng vợ (phu phụ) mà chúng gọi là *tam cương*. Ba cặp quan hệ kỷ cương chủ yếu này, cặp nào cũng không diễn ra một cách độc lập mà phụ thuộc nhau. Bầy tôi phụ thuộc nhà vua, con phải phụ thuộc vào cha, và vợ phải phụ thuộc vào chồng. Tư tưởng này dẫn đến hình thành tâm lý *coi thường tuổi trẻ, coi thường thanh niên và phụ nữ* (vì những đối tượng này đều ở vào vị trí phụ thuộc); hình thành *óc gia trưởng và làm lý*

kính trưởng (vì người cha, người trưởng, người trên là kẻ chi phối người dưới); hình thành *tâm lý trọng dương tước và niên xỉ* (vì chỉ những người có vương tước và tuổi cao mới xứng đáng là người trưởng, người trên).

Tư tưởng phong kiến đề cao lễ nghĩa. Lễ nghĩa này xây dựng theo một hệ thống quan diêm nhằm phục vụ cho việc khẳng định và đề cao tôn ty trật tự của xã hội phong kiến, được gọi là lễ giáo. Lễ giáo phong kiến quy định tỉ mỉ mọi nếp nghĩ, nếp cảm, mọi hành vi ứng xử của con người trong xã hội, gia đình và đối với bản thân mình. Những quy định này là thứ *tiêu chuẩn* để thống nhất đánh giá và kiểm soát mọi người không chỉ trên hành động, mà cả trong ý nghĩ, lời nói.

Trang trí, phục sức, ngôn ngữ, cử chỉ... là những yếu tố mà lễ giáo phong kiến hết sức coi trọng. Lễ giáo phong kiến chỉ cho phép mỗi hạng người trong xã hội được trang trí, phục sức, nói năng, hành động theo đúng chức phận mình. Nguyên tắc cao nhất của quy định này có thể diễn đạt như sau: «Phàm là cái gì của người trên thì phải đẹp hơn, sang hơn, oai hơn người dưới. Phàm là cái gì của người dưới thì phải nhỏ hơn, xấu hơn, nhún nhường hơn đối với người trên». Giai cấp phong kiến đã rèn tập lễ giáo này cho con người một cách công phu, dai dẳng ngay từ lúc bé đẻ gây nên trong các thế hệ nối tiếp nhau một sự chấp nhận tự nhiên, một tâm lý kính phục, sợ oai vua chúa, quan quyền và tâm lý tự ti, tự phủ định tính cách độc lập và nhân cách của bản thân mình.

Đề cao lễ giáo, giai cấp phong kiến muốn nuôi dưỡng mãi mãi trong thế hệ trẻ niềm tin ngây thơ, sự khúm núm, sợ sệt, sự phục tùng mù quáng đối với đẳng cấp thống trị, muốn thế hệ trẻ nghĩ theo cách nghĩ của vua quan, làm theo cách chúng thường

dạy bảo. Mọi sự tự khẳng định tính cách cá nhân, mọi sự đòi hỏi chính đáng thuộc về lứa tuổi như tình yêu và hôn nhân tự do đều bị ràng buộc, cấm đoán. Khác với giai cấp công nhân tôn trọng cái mới, ưa thích sự đổi mới, tiến bộ, giai cấp phong kiến tìm hình mẫu về sinh hoạt, nếp sống từ trong quá khứ xa xôi và trong những người già cả. Lễ giáo phong kiến đề cao cái cũ, không chấp nhận sự đổi thay nào, cho nên nó mang đặc điểm *hoài cổ và cực kỳ bảo thủ*. Đây là một trong những nét tiêu cực nhất của tư tưởng phong kiến.

Ở nước ta, quá trình dựng nước diễn ra gần như song song với quá trình giữ nước. Suốt mấy nghìn năm lịch sử, nước ta luôn bị các thế lực phong kiến Trung-quốc đe dọa, lấn chiếm, xâm lược, dân ta không chỉ cầm cuốc, cầm cày, làm ruộng, làm nương, mà phải cầm giáo, cầm gươm xông ra mặt trận. Trong những giờ phút hiểm nghèo, lịch sử không thể không đòi hỏi tới vai trò xung kích của lực lượng đông nhất, cường tráng nhất, dũng cảm và sẵn sàng hy sinh nhất trong xã hội. Đó là tuổi trẻ. Thế nhưng, sau khi đánh đuổi được giặc ngoại xâm, xây dựng nên triều đình phong kiến dân tộc, giai cấp thống trị, với tư tưởng phong kiến là chủ đạo, vẫn coi thường thanh niên, phụ nữ, không đánh giá đúng và không phát huy được vai trò tích cực của thanh niên.

Lịch sử còn ghi rõ, sáng lập nên triều đình phong kiến dân tộc đầu tiên là Đinh-Bộ-Linh, chú bé tập trận cò lau ở Ninh-bình. Nhưng khi đã lên ngôi hoàng đế, Đinh-Tiên-Hoàng vẫn chỉ tin, dựa vào các bậc quốc công lão tướng như ông Bặc, ông Điền đầu óc vừa nò lệ vừa bảo thủ.

Nhà Trần ba lần kháng chiến chống quân Nguyên, huy động hầu hết thế hệ trẻ ra mặt trận, nhưng tại hội nghị Diên-hồng bàn định việc đánh hay hòa lại chỉ dành quyền cho các vị bề

lão, khiến Trần-Quốc-Toàn uất ức bóp nát quả cam trong tay bao giờ không biết.

Nhà Lê, với cuộc kháng chiến chống quân Minh suốt mười năm trời cũng đã huy động ra mặt trận hầu hết thanh niên trai tráng. Tham gia giết giặc, lập công lớn bấy giờ, có không ít những viên tướng trẻ nổi tiếng như Phạm-Văn-Xảo, Trần-nguyên-Hãn... và cả những cô gái hát lâm «say chết giặc», nhưng vào thời thịnh trị nhất, chế độ thi cử rắc rối của nhà Lê cũng không tuyển được mấy thanh niên vào hàng tiến sĩ. Số quan tham gia chính sự (bao gồm người đỗ đạt và không đỗ đạt) gồm tuyệt đại đa số những người lớn tuổi.

Nơi thôn dã, vai trò, vị trí của người thanh niên cũng không hơn gì ở chốn cung đình. Nếu gọi cái đơn vị «làng» là tế bào cổ kết dân tộc Việt-nam, bảo vệ truyền thống văn hóa, giữ gìn đất nước Việt-nam, thì cũng chính từ trong lũy tre xanh này, những tư tưởng phong kiến được bảo tồn một cách dai dẳng. Sự phân bậc ngôi thứ, chia chiếu, chia phần, sự tranh đoạt, kèn cựa, hiềm khích nhau về một phần biểu, một danh vị hầu diễn ra ở chốn đình trung hết sức hủ lậu và không kém phần quyết liệt. Đây là thế giới khép kín của các chức sắc quan viên, của bọn địa chủ cường hào và các bộ lão. Phụ nữ không được bén mảng đến đây. Còn nam thanh niên thì được triệu tới để các cụ sai bảo. Họ đóng vai trò phục dịch, giữ phận «đàn em» dao thớt, điều đóm, hầu hạ các cụ.

Khi sử dụng thanh niên, giai cấp phong kiến có khai thác chữ «dùng» của nho giáo, để kích thích chủ nghĩa anh hùng phong kiến trong họ, nhằm chống giặc ngoại xâm và bảo vệ ngai vàng chế độ. Bọn địa chủ cường hào và các chức dịch ở nông thôn trong một chừng mực nào đó cũng kích thích chủ nghĩa anh hùng này trong

thanh niên để bảo vệ lợi ích trực tiếp của chúng và để giữ gìn trật tự an ninh nơi thôn xóm. Song đi liền với việc khai thác chữ «dùng», họ lại dùng chữ «lề» để ràng buộc thanh niên. Bản thân người thanh niên do tính hiếu động và thiếu từng trải, chưa thuộc đủ các thứ quy định rắc rối của xã hội phong kiến cho nên thường phạm «lề». Đã phạm «lề» thì dù có «dùng», nghĩa là có công bảo vệ giai cấp thống trị, cũng kể bằng không. Bởi vì Không - Tử thường nói: «Ghét người có dùng mà thiếu lề».

Trong lịch sử, giai cấp phong kiến chưa bao giờ nhìn nhận thanh niên là một chủ thể sáng tạo, là một động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Chúng đánh giá thấp, thậm chí thù ghét tính năng động, óc sáng tạo của tuổi trẻ. Chúng chỉ dùng thanh niên như một đối tượng bóc lột sức lao động rẻ mạt, như một công cụ để bảo vệ lợi ích của giai cấp chúng. Đây là chưa kể biết bao thế hệ nữ thanh niên bị chúng chà đạp lên nhân phẩm bằng chế độ thê thiếp, nàng hầu, bằng cưỡng bức đã man trong hôn nhân, làm cho hạnh phúc của bao lứa đôi tan vỡ.



Ngày nay chế độ phong kiến ở nước ta đã bị vứt vào sọt rác của lịch sử. Nhưng đúng như Mác và Lê-nin đã từng chỉ rõ: tư tưởng của một giai cấp thường có sức sống dai dẳng hơn cả giai cấp sinh ra nó. Giai cấp thống trị đã bị cách mạng chôn vùi, nhưng những tư tưởng lạc hậu và phản động của nó do bắt rễ lâu đời trong xã hội vẫn còn xông uế khí vào cuộc sống mới. Chúng ta gọi đó là những tàn dư. Những tàn dư này, từng lúc, từng nơi cứ trỗi dậy và tác động vào xã hội.

Dù sống trong chế độ mới, những người mang nặng tàn dư tư tưởng

phong kiến thường chấp nhận cái mới một cách vấp vấp. Theo quan niệm của họ: cái mới khó mà hơn được cái cũ, thời nay khó mà hơn được thời xưa, trũng không thể khôn hơn vẹt, dân ông phải hơn dân bà...

Trong việc *dánh giá và sử dụng thanh niên*, ảnh hưởng của tàn dư tư tưởng phong kiến đối với lớp người lớn tuổi hiện nay cũng rất nặng nề.

Trong lớp người lớn tuổi hiện nay có khá nhiều người kể cả một số đảng viên, cán bộ của Đảng, của các cơ quan Nhà nước và của Đoàn, cũng không thấy hết *những cống hiến xuất sắc và những trưởng thành vượt bậc* của các thế hệ trẻ Việt-nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, mặc dù chính họ cũng là thành viên của một trong mấy thế hệ thanh niên ấy.

Nửa thế kỷ theo Đảng làm cách mạng, bốn thế hệ thanh niên Việt-nam đã hoàn thành xuất sắc những sứ mệnh lịch sử mà Tổ quốc và nhân dân giao cho: mở đường dựng nước, đi đầu đánh thắng hoàn toàn hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, bước đầu đánh thắng chủ nghĩa bành trướng bá quyền nước lớn của bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình đấu tranh cách mạng về vang này, các thế hệ trẻ đã được rèn luyện và trưởng thành nhanh chóng về chính trị và xã hội. Nhưng những người mang nặng tàn dư tư tưởng phong kiến vẫn không thấy được vai trò động lực to lớn của thanh niên trong cách mạng, không chịu nhìn nhận thanh niên vừa là đối tượng giáo dục của xã hội, vừa là chủ thể sáng tạo ra xã hội mới, lại vừa là đạo quân chủ yếu đi vào tương lai. Những đồng chí này coi thường sự tiến bộ vượt bậc về nhận thức *chính trị - xã hội* của thanh niên, coi thường tiềm năng đi vào tương lai của tuổi trẻ. Đối với họ, thanh niên hôm nay, dù được Đảng và chế độ ta chăm sóc, giáo

dục, vẫn là những kẻ non nớt về chính trị - xã hội: chưa hiểu "đạo lý", chưa có cống hiến, thiếu kinh nghiệm sống, v.v. Nghĩa là còn « kém thua » họ về nhiều mặt.

Sự nhìn nhận này cộng với óc gia trưởng hẹp hòi, đồ kỵ, đã dẫn đến tình trạng không chú ý bồi dưỡng thanh niên để kết nạp vào Đảng, đề bạt, cất nhắc vào những cương vị tương ứng với yêu cầu phát triển của cách mạng và sự trưởng thành của họ, tạo điều kiện cho họ làm tốt chức năng hậu bị của Đảng.

Tỉnh ủy Hà-nam-ninh cho biết, gần chục năm nay nhiều đảng bộ cơ sở ở tỉnh này « im lặng » không kết nạp vào Đảng những đoàn viên ưu tú. Tuổi đảng bình quân của đảng viên ở các chi bộ nông thôn là gần 50, có chi bộ tới 55. Ở xã L. C., tuổi bình quân trong đảng bộ rất cao, nhưng từ năm 1970 tới năm 1980 không kết nạp một người nào trong tuổi thanh niên vào Đảng, mặc dù phong trào thanh niên ở đây rất khá, Đoàn thanh niên đã bồi dưỡng được nhiều đoàn viên ưu tú và đã giới thiệu với Đảng.

Ở miền Nam, óc gia trưởng còn nặng nề hơn, kể cả trong không ít cán bộ, đảng viên. Nhiều đồng chí chẳng những coi thường cá nhân người thanh niên, mà còn coi thường cả tổ chức Đoàn. Ở trường trung học X. thành phố Hồ-Chí-Minh chỉ vì không đồng ý với việc làm của chi đoàn - mặc dù việc làm đó đúng -, chi bộ Đảng đã ra quyết định giải tán chi đoàn. Ở trường Y, vì không tán thành ý kiến phê bình của đoàn viên, đồng chí hiệu trưởng ra lệnh đóng cửa văn phòng Đoàn. Ở huyện K., năm 1977, đồng chí bí thư huyện ủy gặp huyện đoàn 5 lần thì 4 lần là để khiển trách theo kiểu cha chú quở trách con em. Những hành động mất dân chủ quá quắt ấy, chẳng phải là biểu hiện của những tàn dư tư tưởng phong kiến đó sao?

Trên lĩnh vực kinh tế, những người mang nặng tàn dư tư tưởng phong kiến thường không thấy hết hoặc không muốn chấp nhận vai trò lao động sáng tạo của thanh niên. Họ ngại những sáng kiến cải tiến này, cải tiến kia của tuổi trẻ, cho đó là sự gây phiền, thậm chí « phạm thượng » theo kiểu « trứng khôn hơn vịt »

Nhiều nơi chỉ phát huy đơn thuần vai trò xung kích của thanh niên trong việc « chữa cháy » giải quyết những khó khăn trước mắt, mà không hề nghĩ đến chuyện bồi dưỡng họ một cách toàn diện theo quan điểm của Đảng. Tình trạng sử dụng sức lao động trẻ một cách thiếu kế hoạch, rất lãng phí mà không chú ý giải quyết những nhu cầu chính đáng của tuổi trẻ đang là tình trạng phổ biến trong nhiều cơ sở kinh tế. Theo thống kê, trong một nông trường họ ở miền Bắc có đến 84% tổng số lao động thuộc lứa tuổi trẻ. Số lao động trẻ này bằng sáng kiến cải tiến kỹ thuật đã vượt gần 100 định mức, hằng năm làm lợi cho nông trường gần 10000 đồng. Nhưng trong 26 yêu cầu của thanh niên về các mặt văn hóa, lứa tuổi, như bóng đá, sách báo, xây dựng nhà cầu lạc bộ... chỉ có một yêu cầu được đáp ứng là mở một sân bóng chuyền phục vụ cho một số thanh niên ở nông trường bộ.

Khu kinh tế X. ở Kiên-giang sử dụng 1000 thanh niên, suốt nửa năm 1978 không sắm nổi đèn dầu cho thanh niên đọc báo và sinh hoạt văn nghệ ban đêm.

Tệ hại hơn, ở một số nơi như nông trường K. (Thuận-hải), 99,2% lao động là thanh niên, chẳng những nông trường không chú ý đến những quyền lợi về lứa tuổi của họ, mà còn tìm cách bớt xén tiêu chuẩn vật chất của họ hằng ngày. Khi họ phát hiện ra thì những người có trách nhiệm lại đe dọa, trù úm họ.

Do yêu cầu phát triển sản xuất, những năm gần đây một số cơ quan

kinh tế đã chú ý sử dụng mặt khoa học kỹ thuật của thanh niên, nhưng vẫn không muốn sử dụng thanh niên về mặt quản lý. Hiện nay, tỷ lệ thanh niên trực tiếp làm cán bộ quản lý trong khu vực sản xuất của cải vật chất không quá 2%. Đó là một tỷ lệ quá thấp.

Những hiện tượng lệch lạc, hẹp hòi và thiếu trách nhiệm trên đây chẳng phải là biểu hiện của những tàn dư tư tưởng phong kiến còn rơi rớt lại trong việc đánh giá và sử dụng thanh niên đó sao ?

Trên lĩnh vực văn hóa, nếp sống, những người mang nặng tàn dư tư tưởng phong kiến không muốn chấp nhận sự đổi mới trong thể hệ trẻ do tác động của thời đại và giao lưu quốc tế. Họ không nhận thức rằng thể hệ trẻ ngày nay có những đổi thay về sinh hoạt, nếp sống (trong khi vẫn tiếp tục kế thừa và phát huy mặt bản chất cách mạng của cha, anh) là điều dễ hiểu, trong đó có những mặt tiến bộ phù hợp với quy luật. Trái lại, họ thường lấy các thể hệ xa xưa và thời thanh niên của họ ra làm hình mẫu để đối chiếu, đánh giá thanh niên bây giờ.

Nhiều người trong họ còn muốn áp đặt cho thanh niên ngày nay mọi thứ quan niệm cũ kỹ về chọn nghề, chọn bạn, chọn người yêu, chọn cách ăn mặc, trang trí, chọn cách nói năng và ứng xử, v.v. Chẳng thế mà có bậc cha mẹ khi thấy con mình có năng khiếu thực hành, đáng lẽ nên tạo cho con đi vào các ngành cơ khí, rèn, mộc... thì họ lại tìm cách xoay cho con vào các ngành nghiên cứu lý thuyết, bởi nghĩ rằng có làm nghiên cứu ở các vụ, viện thì mới sang, mới oai (!) Lắm bậc cha mẹ thấy con cái mình bây giờ nói năng một cách tự nhiên với người đứng tuổi, đi đứng đáng hoàng, sẵn sàng nêu ý kiến riêng và biết bảo vệ ý kiến mình một cách có suy nghĩ, đáng lẽ phải mừng cho con cái mình ngày nay đã vứt bỏ được

những ngôn ngữ, cử chỉ khúm núm của người nô lệ, đã sớm khẳng định được tính cách riêng của mình, thì họ lại phiền lòng cho rằng con mình vô lễ, lếu lảo. Không ít gia đình, bố mẹ bất hòa với con cái chỉ trên những vấn đề chọn kiểu quần áo, chọn màu sắc trang trí và kê bày đồ đạc trong nhà... Nghĩa là bất hòa với con về mặt thẩm mỹ. Bố mẹ không muốn công nhận khả năng chọn lựa cái đẹp hiện đại của con, không muốn tôn trọng tính độc lập của con trong lĩnh vực này, mà chỉ muốn « gọt chân cho vừa giày » gò ép những quan niệm thẩm mỹ của con cho phù hợp với quan niệm của người lớn tuổi.

Đáng tiếc, sự việc không chỉ diễn ra trong khuôn khổ chật hẹp của một số gia đình. Trên bình diện rộng lớn của toàn xã hội, có những cán bộ khi đánh giá thanh niên thường cũng chỉ xuất phát từ sự yêu ghét của mình đối với một số hình thức sinh hoạt của họ. Trong nhiều trường hợp các đồng chí đó phủ nhận tất cả những đổi thay cần thiết của tuổi trẻ. Từ chỗ đánh giá không đúng, nhiều nơi đã xử lý oan những thanh niên tốt chỉ vì những lý do đơn thuần về mặt hình thức...

Chúng ta không bệnh vực cho lối ăn mặc lố lăng, đầu tóc bù xù và những sinh hoạt không lành mạnh. Nhưng cũng không thể chấp nhận thái độ vô đoán trong việc đánh giá về mặt văn hóa và nếp sống của thanh niên ngày nay. Sự vô đoán này không phải cái gì khác, mà chính là biểu hiện của những tàn dư tư tưởng phong kiến còn rơi rớt lại.



Quét sạch tàn dư tư tưởng phong kiến trong công tác thanh niên là một vấn đề quan trọng và cấp bách trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Bởi vì, những tàn dư tư tưởng phong kiến đó gây trở ngại rất lớn

cho việc tiếp thu và quán triệt quan điểm cách mạng và khoa học của Đảng về công tác thanh niên; hạn chế thanh niên phát huy vai trò làm chủ tập thể và tính năng động sáng tạo của mình.

Đảng ta luôn luôn đánh giá cao thanh niên và công tác của Đoàn thanh niên. Đảng khẳng định thanh niên công nhân nói riêng và thanh niên nói chung là một bộ phận rất quan trọng của giai cấp công nhân và của dân tộc, là lực lượng xung kích cách mạng; coi Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh là cánh tay đắc lực và đội hậu bị tin cậy của Đảng. Thanh niên vừa đóng vai trò xung kích trong việc xây dựng xã hội hiện tại, vừa đóng vai trò chủ thể sáng tạo ra xã hội tương lai. Đảng coi công tác thanh niên là công tác có ý nghĩa chiến lược đối với cách mạng Việt-nam. Nhưng, những tàn dư tư tưởng phong kiến còn rơi rớt lại trong xã hội đã làm cho nhiều người không nhận thức được, hoặc chậm nhận thức ra vai trò cách mạng to lớn của thế hệ trẻ và ý nghĩa chiến lược của công tác thanh niên.

Đảng ta còn chỉ rõ, giáo dục chủ nghĩa cộng sản cho thế hệ trẻ phải trở thành nhiệm vụ trung tâm hàng đầu trong công tác thanh niên và « đào tạo, bồi dưỡng thanh niên thành lớp người kế tục một cách trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng để bảo đảm thắng lợi hiện nay và ngày mai của chúng ta là một nhiệm vụ cách mạng vô cùng quan trọng, có ý nghĩa chiến lược » (1). Những người mang nặng tư tưởng phong kiến không quan triệt được quan điểm trên đây của Đảng. Họ chỉ sử dụng thanh niên cho được việc mà không nghĩ tới bồi dưỡng, giáo dục, đào tạo thanh niên

(1) Nghị quyết 181 của Ban bí thư trung ương Đảng về công tác vận động thanh niên.

Đảng dạy rằng phải phát huy quyền làm chủ tập thể và tính năng động sáng tạo của tuổi trẻ, tạo điều kiện cho tuổi trẻ vươn lên cống hiến và trưởng thành hơn nữa, nhanh chóng đảm đương tốt vai trò người chủ tập thể xây dựng và quản lý xã hội. Những người mang nặng tư tưởng phong kiến không thấy được điểm này Họ dè dặt với thanh niên bằng thái độ gia trưởng, hách dịch, làm cho thanh niên co lại, không dám khẳng định tính cách riêng và tư cách làm chủ của mình, không phát huy được tính năng động sáng tạo vốn rất quý của tuổi trẻ.

Cần chú ý rằng, tuổi trẻ ngày nay không chịu nhiều ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến. Nhưng chừng nào tàn dư tư tưởng phong kiến chưa được quét sạch trong xã hội thì nó vẫn có thể ảnh hưởng đến một bộ phận thanh niên, và được củng cố vào lúc họ đã bước qua lứa tuổi này. Từ chỗ là nạn nhân của việc đánh giá và sử dụng không đúng do ảnh hưởng của những tàn dư tư tưởng phong kiến, họ trở nên những kẻ gia trưởng, đánh giá và sử dụng không đúng trở lại lớp thanh niên vừa mới lớn lên. Mối liên hệ nhân quả này diễn ra luân phiên tựa như tình trạng nặng đầu mẹ chồng trong chế độ cũ. Trong thực tế, chúng ta thấy không ít những cán bộ, đoàn viên khi chưa có chức có quyền, thường bị những đồng chí ở đảng ủy, ủy ban nhân dân coi là « em út »; nhưng đến khi các đồng chí đó đã có chức có quyền rồi thì thái độ cha chú ấy lại được chính họ tiếp nhận và đem ra đối xử với những cán bộ, đoàn viên dưới quyền mình.

Tuy nhiên nếu nghĩ rằng những tàn dư tư tưởng phong kiến có thể được nhanh chóng quét sạch bằng những biện pháp đơn giản thì sẽ không thực tế. Để quét sạch những

tàn dư tư tưởng phong kiến và ảnh hưởng của chúng trong công tác thanh niên, chúng ta phải tiến hành đấu tranh một cách kiên quyết, bền bỉ, phải có phương pháp cách mạng và khoa học và phải huy động sức mạnh của toàn xã hội.

Cần tiến hành công tác giáo dục, làm cho những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và những quan điểm, đường lối của Đảng ta về công tác thanh niên được quán triệt trong toàn xã hội. Đi đôi với việc giáo dục quan điểm tư tưởng của Đảng, phải kịp thời chỉ rõ và phê phán đúng mức những biểu hiện của tư tưởng phong kiến trong công tác thanh niên, nêu rõ tác hại nghiêm trọng của nó đối với phong trào thanh niên và đối với công tác thanh niên, để mỗi cán bộ, đảng viên tự giác khắc phục.

Cần thể chế hóa, luật hóa, quy chế hóa đường lối công tác thanh niên của Đảng, làm cho mọi người từ chỗ thực hiện một cách chưa tự giác, lâu dần trở thành thói quen và tự giác. Xây dựng một số cơ chế từ trung ương tới địa phương, đặc biệt là ở các cơ sở, nhằm bảo vệ và phát huy quyền làm chủ tập thể của thanh niên, bảo đảm đúng các chế độ, chính sách đối với thanh niên mà Đảng và Nhà nước đã ban hành.

Quán triệt quan điểm của Đảng về công tác thanh niên và xây dựng thể chế, pháp luật, cơ chế cần thiết của Nhà nước có liên quan đến công tác này là hai mặt có mối quan hệ mật thiết với nhau. Nếu chỉ chú ý tuyên truyền giải thích về mặt quan điểm, nhưng trong hành động không có sự thống nhất bằng thể chế, pháp luật và không có cơ chế tương ứng để bảo đảm thực hiện những điều quy định thì vấn đề chỉ dừng lại ở mặt nhận thức mà chưa cải tạo được hoàn cảnh, tức là chưa thật sự giải quyết được vấn đề trên thực tế.

CÔNG ĐOÀN—CHỖ DỰA CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH KINH TẾ Ở CÁC XÍ NGHIỆP

ĐAN - TÂM

ĐẢNG ta đang chuyển mạnh sự lãnh đạo trong lĩnh vực kinh tế, ra sức khắc phục tình trạng « quản lý kinh tế theo lối hành chính quan liêu và bao cấp, lấy động viên chính trị thay cho tính toán hiệu quả kinh tế, lấy quan hệ hành chính thay cho quan hệ kinh tế, dùng một bộ máy thuần túy hành chính để quản lý kinh tế » (1) nhằm đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Là một thành viên của chuyên chính vô sản và cơ cấu làm chủ tập thể, Công đoàn có trách nhiệm rất lớn trong việc thực hiện các chính sách kinh tế của Đảng trong thời kỳ mới.



Đường lối của Đảng về xây dựng và phát triển kinh tế, muốn tác động tích cực vào cuộc sống, phải được cụ thể hóa bằng các chính sách kinh tế và các kế hoạch Nhà nước. Các chính sách lớn về phát triển công nghiệp, nông nghiệp... là cơ sở để xây dựng các kế hoạch Nhà nước ngắn hạn cũng như dài hạn; và từ các kế hoạch đó mà định các chính sách kinh tế cụ thể. Các chính sách kinh tế lớn và các

chính sách kinh tế cụ thể đều có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước về kinh tế. Việc chế định và thi hành các chính sách kinh tế không chỉ tác động trong lĩnh vực kinh tế mà còn tác động đến toàn bộ tình hình chính trị và xã hội của đất nước.

Vận dụng nguyên lý chủ nghĩa Mác—Lê-nin và kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội của các nước xã hội chủ nghĩa anh em vào thực tế nước ta, theo đường lối kinh tế mà Đại hội thứ IV của Đảng đã vạch ra, Trung ương Đảng đã đề ra các chủ trương và chính sách kinh tế ngày càng sát hợp với tình hình của đất nước. Đặc biệt nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng, nghị quyết số 26 của Bộ chính trị, chỉ thị số 100 của Ban bí thư Trung ương Đảng về khoán sản phẩm trong nông nghiệp... đã mở ra những hướng mới thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của sản xuất nông nghiệp và công nghiệp.

Do tác động của các chính sách kinh tế đúng đắn của Đảng, những

(1) Nghị quyết của Bộ chính trị về công tác tổ chức.

nằm gần đây, trong nông nghiệp và trong công nghiệp đã xuất hiện những nhân tố mới về phát triển sản xuất, về quản lý kinh tế và tổ chức đời sống.

Đề ra được chính sách kinh tế sát đúng, phù hợp với từng bước đi lên của đất nước đã là việc rất quan trọng; thực hiện được các chính sách đó, làm cho các chính sách đó trở thành hành động cụ thể của hàng triệu người lao động lại càng quan trọng gấp bội.

Tổ chức thực hiện tốt thì các chính sách kinh tế, các kế hoạch Nhà nước sẽ đem lại hiệu quả kinh tế thiết thực; và trong quá trình thực hiện, những chỗ chưa hoàn chỉnh sẽ được bổ sung, những chỗ không đúng sẽ được sửa chữa, những điều đúng đắn sẽ được phát huy và có thể tạo ra hiệu quả kinh tế cao. Ngược lại, tổ chức thực hiện kém, thì chính sách kinh tế dù rất đúng đắn cũng không phát huy được sức mạnh và hiệu lực; thậm chí có thể có tác động ngược lại. Thực tiễn của việc vận dụng ba lợi ích kinh tế trong nông nghiệp và trong công nghiệp gần đây đã chứng minh điều đó.

Trong quá trình thực hiện các chính sách kinh tế, có ba khâu quan trọng mà lâu nay thường không khâu nào được thực hiện một cách trọn vẹn:

Việc truyền đạt chính sách đến những người chấp hành (bao gồm các cấp, các cán bộ và người lao động) thường làm một cách sự vụ, hành chính, không đến nơi đến chốn, không làm rõ quan điểm, tư tưởng của chính sách. Thiếu sót nặng nhất là việc tuyên truyền phổ biến chính sách không gắn liền, không đi đôi với thực hiện chính sách; không bám sát quá trình thực hiện để giải quyết những lệch lạc, những vướng mắc trong nhận thức về chính sách khiến cho người chấp hành được thông suốt. Vì vậy, ở nơi này, nơi khác đang tồn

tại một tâm trạng không lành mạnh là thiếu tin tưởng vào các chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.

Trong khâu tổ chức thực hiện, nhiều chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước chưa được cụ thể hóa thành các kế hoạch, quy định, biện pháp cụ thể của từng ngành, từng địa phương; thậm chí có nơi còn có những quy định trái với chủ trương, chính sách chung. Do không bố trí lực lượng thực hiện và phân công rõ ràng, do không bảo đảm đầy đủ nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, cho nên thường có tình trạng chông chéo, không đồng bộ, việc dễ thì nhiều người, nhiều bộ phận cùng làm, việc khó thì dùn dầy cho nhau, có thành tích thì ai cũng vơ vào mình, có khuyết điểm thì không ai chịu nhận.

Việc kiểm tra thực hiện chưa thành chế độ thật sự, chưa thành nền nếp bắt buộc đối với từng cấp và của cấp trên đối với cấp dưới. Tình trạng "dánh trống bỏ dùi" là khá phổ biến trong các cấp, các ngành. Có lúc tuy có kiểm tra, phát hiện những sai trái trong việc chấp hành chính sách kinh tế, nhưng lại không kiên quyết dùng quyền hạn của cấp trên để buộc người thi hành sai phải làm cho đúng. Có lúc qua kiểm tra, phát hiện được những sai sót về chính sách căn bản, sửa đổi, nhưng cấp có thẩm quyền lại không chịu tiếp thụ, sửa chữa.

Là tổ chức đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, từ trước tới nay, Công đoàn đã nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết, chủ trương của Đảng, bao gồm các chính sách kinh tế của Đảng. Tổng công đoàn và các cấp công đoàn đã cố gắng quán triệt các chính sách kinh tế của Đảng, góp phần cùng với Nhà nước cụ thể hóa các chính sách kinh tế đó bằng các chế độ, chính sách cụ thể và đề ra các biện pháp giáo dục, vận động công nhân, viên chức nghiêm chỉnh, tích cực thi hành

các chính sách đó nhằm phát triển sản xuất và tổ chức tốt đời sống của người lao động. Nhưng mặt thiếu sót và cũng là mặt yếu nhất của Công đoàn là chưa biến các chính sách kinh tế của Đảng thành hành động cách mạng sôi nổi của giai cấp công nhân, thành nguyện vọng và ý chí của giai cấp công nhân. Do trình độ nắm chính sách kinh tế, năng lực thuyết phục, tổ chức công nhân, viên chức và năng lực kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách kinh tế còn yếu, Công đoàn chưa phát huy tốt tác dụng của mình, chưa làm tròn vai trò chỗ dựa của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện các chính sách kinh tế ở xí nghiệp.



Công đoàn, tổ chức quần chúng rộng lớn nhất của giai cấp công nhân, là chỗ dựa của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện mọi công tác ở xí nghiệp, cơ quan, mà trong đó, việc thực hiện các chính sách kinh tế là quan trọng nhất. Lê-nin đã từng nhấn mạnh: “Nếu không có sự liên hệ hết sức chặt chẽ với Công đoàn, không được Công đoàn nhiệt liệt ủng hộ, không có công tác đầy hy sinh tận tụy của Công đoàn, không những trong công cuộc kiến thiết kinh tế mà cả trong việc tổ chức quân sự, dĩ nhiên là chúng ta không thể quản lý được Nhà nước và thực hiện được chuyển chính, tôi không nói trong hai năm rưỡi, mà ngay cả trong hai tháng rưỡi cũng không được nữa” (2).

Là chỗ dựa của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện các chính sách kinh tế, Công đoàn phải động viên, tổ chức công nhân, viên chức ở xí nghiệp hàng hái thực hiện các chính sách đó, đồng thời phải tham gia tích cực với bộ phận lãnh đạo, quản lý trong việc tổ chức thực hiện các chính sách đó; và qua quá trình thực hiện mà phát hiện với Đảng, với Nhà nước

các vấn đề cần bổ sung, sửa đổi trong các chính sách đã ban hành, kiến nghị các chính sách mới cần xây dựng.

Trước mắt, Công đoàn cần quan tâm đúng mức đến việc thực hiện các chính sách đòn bẩy, kích thích sản xuất theo các nghị quyết của Đảng và quyết định của Nhà nước.

Trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất, Công đoàn cần chú trọng vận động công nhân, viên chức và góp sức với cơ quan quản lý bằng mọi cách bảo đảm thực hiện cho được kế hoạch Nhà nước giao nhằm tạo ra lực lượng hàng hóa trong tay Nhà nước; đồng thời, cần chú ý động viên, khai thác và tận dụng mọi khả năng sẵn có và tiềm tàng về nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, máy móc và lao động để sản xuất thêm các mặt hàng tự làm và các sản phẩm phụ.

Công đoàn phải đứng trên lợi ích toàn cục, lợi ích của giai cấp công nhân mà đấu tranh chống mọi cách nghĩ, cách làm sai trái như vì lợi ích bộ phận, cục bộ của đơn vị mà nhận mức kế hoạch Nhà nước giao thấp hơn khả năng và điều kiện cho phép, hoặc dùng vật tư, nguyên liệu được cung ứng theo kế hoạch Nhà nước giao để sản xuất các mặt hàng do xí nghiệp tự làm, v.v. Thực tế vừa qua ở các xí nghiệp cho thấy nếu ý thức làm chủ tập thể và giác ngộ xã hội chủ nghĩa của công nhân, viên chức không được nâng cao, thì họ rất dễ vi phạm dù lý do dễ nhận kế hoạch Nhà nước giao thấp hơn cả khả năng thực tế, họ có đủ mưu mẹo để chuyển vật tư, nguyên liệu được giao theo kế hoạch Nhà nước sang sản xuất các mặt hàng do xí nghiệp tự làm. Bởi vì làm như vậy thì trước mắt, người công nhân ở đó được lợi hơn, cán bộ Công đoàn ở đó vừa được lợi hơn, vừa được công nhân « đồng tình » và « ủng hộ »...

Trong việc thực hiện các chính sách tiền lương, tiền thưởng kết hợp

(2) Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1969, tập 31, tr. 51.

ba lợi ích kinh tế. Công đoàn phải quán triệt sự thống nhất hài hòa và thỏa đáng giữa lợi ích của Nhà nước, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân người công nhân, viên chức. Nhiều năm trước, chúng ta có thiếu sót là coi nhẹ lợi ích của cá nhân người lao động, do đó không kích thích họ quan tâm đúng mức đến kết quả lao động của mình. Vì vậy, hiện nay, chú trọng đến lợi ích của cá nhân người lao động là việc làm đúng đắn, cần thiết. Nhưng, điều cần luôn luôn phải khẳng định, trước mắt cũng như về lâu dài là trong chế độ mới, lợi ích của người công nhân với lợi ích của Nhà nước là nhất trí, lợi ích cá nhân, lợi ích bộ phận nằm trong lợi ích toàn cục, lợi ích toàn xã hội. Nếu chỉ chú ý đến lợi ích của cá nhân người lao động, không chú ý đúng mức đến lợi ích của Nhà nước là không đúng.

Mối quan hệ giữa ba lợi ích kinh tế được xác định bằng các chính sách tiền lương và tiền thưởng, bằng các tỷ lệ trong phân phối lợi nhuận xí nghiệp, bằng nghĩa vụ giao nộp sản phẩm, nộp thuế dưới hình thức thu quốc doanh của xí nghiệp đối với Nhà nước. Một yêu cầu cơ bản của Công đoàn là tham gia và giám sát cơ quan quản lý xí nghiệp thực hiện đúng đắn, kịp thời các chế độ và quy định của Nhà nước, đặc biệt là các quy định về các khoản phải giao nộp Nhà nước, bằng tiền hoặc bằng hiện vật. Trong việc này vừa qua đã có tình hình không bình thường là gần 40% sản phẩm hàng hóa sản xuất ra, xí nghiệp không giao nộp Nhà nước, mà để lại tự tiêu thụ hoặc đem trao đổi « hai chiều » với đơn vị kinh tế khác (*). Không ít cán bộ Công đoàn đã đồng tình, thậm chí đã ký trong hợp đồng tập thể với giám đốc xí nghiệp, giữ lại phần sản phẩm và tiền quá mức được phép sử dụng để phân phối cho công nhân, viên

chức, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của toàn xã hội.

Cơ sở để trả công lao động là định mức lao động; cơ sở để phân phối theo lao động là số lượng và chất lượng lao động biểu hiện bằng năng suất lao động. Cho nên Công đoàn cần chú ý vận động công nhân và tham gia với cơ quan quản lý xây dựng mới và điều chỉnh kịp thời các định mức lao động có căn cứ kinh tế - kỹ thuật và theo thống kê kinh nghiệm. Định mức đúng sẽ làm cho kế hoạch hóa về lao động được sát đúng, phát huy được nhiệt tình và óc sáng tạo của người lao động; thúc đẩy sản xuất phát triển; ngược lại, định mức không đúng, định mức quá thấp) sẽ dễ làm cho người lao động trở nên lười biếng, gây trì trệ cho sản xuất. Vừa qua, với mục đích tăng thu nhập cho người lao động mà không lường đến những hậu quả xấu, không ít đơn vị sản xuất, với sự đồng tình của Công đoàn đã đặt ra nhiều định mức không có căn cứ, đã tự tiện hạ thấp định mức và nâng đơn giá một cách tùy tiện, đã khoán đóng khoán mở không có tính toán, tạo ra những năng suất lao động giả tạo. Điều đó đã ảnh hưởng xấu; thậm chí đã gây tác hại lớn cho việc tính toán và hạch toán chung toàn khu vực công nghiệp cũng như từng ngành, từng địa phương.

Bên cạnh tiền lương, tiền thưởng các loại (thường hoàn thành kế hoạch, thưởng từ lợi nhuận xí nghiệp, thưởng sáng kiến - sáng chế, thưởng tiết kiệm...) là nguồn thu nhập bổ

(*) Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, quý 3-1980, sản phẩm do cơ sở giữ lại để tiêu thụ như sau:

	Nguyên liệu Nhà nước	Nguyên liệu tự chọn
Xí nghiệp trung ương:		
- Miền Nam	31,5%	50,5%
- Miền Bắc	7,5%	76,7%
Xí nghiệp địa phương:		
- Miền Nam	36%	18%
- Miền Bắc	21%	63%

sung rất quan trọng của công nhân; cộng với các khoản phụ cấp, nó được coi là lương biến động. Cũng vì mục đích tăng thu nhập cho công nhân, viên chức bằng bất cứ giá nào, không ít cơ sở, với sự đồng tình của Công đoàn, đã tăng tiền thưởng và thưởng một cách quá đáng, tràn lan, làm mất hết cả ý nghĩa của nó. Ở khá nhiều cơ sở, « tiền thưởng » đã gấp nhiều lần tiền lương cơ bản. Có địa phương, trong số 76 xí nghiệp, thì năm 1980, có 26 xí nghiệp đã « thưởng » cho công nhân, viên chức ở từng xí nghiệp từ 8 đến 34 tháng lương trong khi quyết định của Hội đồng bộ trưởng chỉ cho phép mức thưởng nhiều nhất bằng 3 tháng lương.

Nếu ngành nào, địa phương nào cũng làm như vậy và nếu tình trạng đó không được kịp thời khắc phục, thì lợi ích Nhà nước không được bảo đảm, không có vốn để tái sản xuất mở rộng, và rốt cuộc lợi ích của cá nhân người lao động cũng sẽ không được bảo đảm. Cách phân phối tiền thưởng như vậy đã tạo ra sự chênh lệch quá đáng về thu nhập giữa các bộ phận của giai cấp công nhân, tác động xấu đến việc đoàn kết giai cấp, đến việc tăng cường ý thức tổ chức và kỷ luật của công nhân và cán bộ quản lý ở cơ sở. Đồng tình, dung túng cho cách làm đó, Công đoàn ở những nơi ấy đã làm trái với trách nhiệm của mình, làm trái với chính sách của Đảng và Nhà nước.

Các chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước chỉ biến thành hiện thực sinh động khi nó trở thành phong trào cách mạng của quần chúng. Nghị quyết Đại hội thứ IV của Đảng đã nêu rõ: « Công tác cách mạng phải được tiến hành bằng phong trào cách mạng.

Để tạo ra *phong trào cách mạng sâu rộng và liên tục của quần chúng*, phải khéo kết hợp các biện pháp chính trị và kinh tế, giáo dục và hành chính, tư tưởng và tổ chức, phối hợp chặt

chẽ, nhịp nhàng hoạt động của các tổ chức Đảng, các tổ chức kinh tế và xã hội » (3).

Tổ chức phong trào công nhân, viên chức thi đua lao động, sản xuất, thực hiện thắng lợi các chính sách kinh tế của Đảng và kế hoạch Nhà nước là nhiệm vụ hàng đầu và thường xuyên của Công đoàn. Để làm tốt nhiệm vụ này, Công đoàn cần phát huy và áp dụng các bài học kinh nghiệm đã thu được, nhất là phải khắc phục các khuynh hướng quan liêu hóa và hành chính hóa trong việc vận động quần chúng, tổ chức phong trào. Khuynh hướng đó thể hiện ở chỗ khẩu hiệu và nội dung của phong trào không sát hợp với tình hình và yêu cầu kinh tế của đất nước; các biện pháp vận động quần chúng, tổ chức phong trào không gắn chặt với các chính sách kinh tế, không thể hiện việc kết hợp đúng mức ba lợi ích kinh tế, nặng về động viên, hô hào, nhẹ về mặt khuyến khích bằng lợi ích vật chất, không quan tâm đúng mức đến lợi ích của những người có cống hiến nhiều cho sản xuất. Trong khi khắc phục các biểu hiện sai trái nói trên, Công đoàn lại phải ngăn ngừa khuynh hướng chạy theo lợi ích vật chất, lấy lợi ích vật chất thay cho công tác quản lý, công tác tư tưởng và thay cho việc động viên, tổ chức phong trào.

Thông qua việc vận động, tổ chức thực hiện các chính sách kinh tế, Công đoàn tập hợp và phản ánh một cách trung thực các yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của quần chúng công nhân, viên chức để giúp cho Đảng bổ sung hoặc xây dựng mới các chính sách kinh tế. Trong thời gian qua, từ thực tiễn của phong trào sản xuất của quần chúng, Đảng ta đã cụ thể hóa nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Ban chấp

(3) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 69.

hành trung ương Đảng bằng các chính sách cụ thể về sản xuất, về phân phối, lưu thông và đang tiếp tục nghiên cứu ban hành những chính sách quan trọng khác. Để làm tốt việc góp ý kiến với tổ chức Đảng các cấp, cán bộ Công đoàn cần luôn luôn tỉnh táo, biết phân biệt rõ cái gì do làm sai cần phải sửa chữa; cái gì chưa đủ hoặc chưa có, cần được bổ sung và ban hành mới; cái gì có thể giải quyết được, cái gì chưa thể giải quyết được; đâu là ý nguyện và quyền lợi chính đáng của quần chúng, đâu là âm mưu của kẻ địch và những phần tử xấu nhằm kích động công nhân, gây tâm trạng bất bình trong quần chúng... Có sự tỉnh táo, sáng suốt đó của đội ngũ cán bộ Công đoàn, tổ chức Công đoàn mới có điều kiện thật sự trở thành sợi dây chuyền nối liền Đảng với quần chúng công nhân, viên chức.



Phấn đấu thực hiện thắng lợi các chính sách kinh tế của Đảng là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của Công đoàn, thể hiện tính đảng và tính giai cấp của Công đoàn. Để Công đoàn có thể làm tốt nhiệm vụ đó, cần có sự lãnh

đạo chặt chẽ của Đảng và sự cộng tác, phối hợp của các cơ quan Nhà nước, từ cơ quan nghiên cứu, xây dựng chính sách đến cơ quan chấp hành chính sách, từ trung ương, địa phương đến cơ sở, và nhất là ở cơ sở. Các cấp ủy Đảng cần tăng cường sự lãnh đạo đối với Công đoàn, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công đoàn quán triệt đầy đủ và kịp thời các chính sách kinh tế. Các cơ quan Nhà nước cần giữ đúng mối liên hệ chặt chẽ với tổ chức Công đoàn các cấp, cụ thể là "thật sự tôn trọng tiếng nói của Công đoàn, coi đó là tiếng nói của quần chúng công nhân. Đối với những vấn đề kinh tế, kỹ thuật, kỷ luật trong sản xuất, những vấn đề về chính trị, xã hội và đời sống của công nhân, Nhà nước cần quy định chế độ quan hệ giữa các cấp Công đoàn và các cấp chính quyền, bảo đảm cho Công đoàn nói được tiếng nói của công nhân, đồng thời thể hiện được Công đoàn là người nối liền công nhân với Nhà nước" (1).

(4) Bài nói của đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư Trung ương Đảng, tại Đại hội lần thứ IV Công đoàn Việt-nam, *Văn kiện Đại hội lần thứ IV Công đoàn Việt-nam*, Nxb Lao động, Hà-nội, 1978, tr. 27.

NIỀM TỰ HÀO



Ài các nước bạn, đến một vùng nông nghiệp hoặc vùng núi nào đó, anh, chị đi trên một con đường, mắt đang mãi ngắm cảnh, nhìn người, bỗng một cụ già, một thanh niên hoặc một em nhỏ đến trước anh, chị, hỏi với giọng dè dặt: « Việt-nam? ». Anh, chị gật đầu lễ độ đáp lại: « Việt-nam ». Thế là người bạn đó chuyển sang ngay thái độ vồn vã, mừng rỡ, hồ hởi, nắm chặt tay anh, chị, nói liên tiếp mấy tiếng: « Việt-nam—Hô-Chí-Minh, Việt-nam—Hô-Chí-Minh ». Bốn mắt nhìn nhau, xúc động, thân mật, sung sướng như những người thân thiết gặp lại nhau sau một thời gian dài xa cách. Lúc ấy, làm sao anh, chị khỏi cảm thấy trong lòng mình lâng lâng tự hào được là công dân nước Việt-nam thời đại Hồ-Chí-Minh, đất nước đã góp phần cống hiến xứng đáng vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc, bành trướng bá quyền.

Tại một vài nước, anh, chị đến thăm một số đồng bào đã rời Tổ quốc, đi « tha phương cầu thực » từ trên một nửa thế kỷ nay và đã có con, có cháu, có chắt trên đất nước người. Tại nơi trang trọng nhất trong nhà, anh, chị thấy ảnh Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đặt trên bàn thờ. Đây vừa là bàn thờ tổ tiên, vừa là « bàn thờ Tổ quốc » như các đồng bào Việt kiều thường gọi. Cũng nhìn lên ảnh Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, chủ nhà và anh, chị như cùng chia sẻ một niềm tự hào chung: từ những người dân mất nước trước đây, bây giờ đã trở thành những người dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, có « Tổ quốc Việt-nam anh hùng ».

Đi trên những nẻo đường đất nước từ Bắc chí Nam, anh, chị ôn lại những

năm tháng không thể nào quên của cuộc chiến đấu ác liệt chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ trong 30 năm trời. Quả thật đã có những lúc « trời đất tưởng chừng muốn đứt » trên đất nước này. Thế mà, người chiến thắng cuối cùng vẫn là chúng ta. Chúng ta đã san bằng mọi thử thách và ngày nay đang xây dựng lại đất nước. Khó khăn quả còn nhiều, nhưng chúng ta đã vượt qua đỉnh cao của gian truân hiện tại và tương lai của đất nước nằm trong tay những người con và cũng là những người chủ của đất nước, những công dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Nghĩ đến những năm tháng đã qua, nhìn vào hiện tại và hướng về tương lai, chúng ta thấy tự hào.

« Niềm tự hào Việt-nam » được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, qua 4000 năm lịch sử của dân tộc. Với niềm tự hào đó, Bác Hồ đã nhắc nhở chúng ta: « Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước » (1).

Từ những Vua Hùng, Hai Bà Trưng, Ngô-Quyền, Lê-Hoàn, Lý-Thường-Kiệt, Trần-Hung-Dạo, Lê-Lợi, Nguyễn-Huệ... đến Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, sự nghiệp của dân tộc ta luôn luôn là sự nghiệp — như lời Nguyễn-Trãi — « lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo » (Bình Ngô đại cáo). Đây là « niềm tự hào Việt-nam ».

Chúng ta tự hào về tinh thần quật cường bất khuất, về trí thông minh và lòng dũng cảm của dân tộc Việt-nam ta. Trải qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, trước mỗi bước ngoặt mới của lịch sử, cả dân

(1) *Lịch sử Việt-nam*. Nxb Khoa học xã hội Hà-nội, 1971, tập I, tr. 3.

toạ Việt-nam lại tăng cường đoàn kết, cùng nhau vừa dốc sức bảo tồn nền văn hiến dân tộc, vừa tập trung trí tuệ, tìm đường cứu nước.

Niềm tự hào Việt-nam mà chúng ta thừa kế của tổ tiên thật kỳ diệu và chân chính. Tuy nhiên, niềm tự hào đó còn chưa được hoàn chỉnh, còn bị những điều kiện của các thời đại đã qua hạn chế, vì chưa bao giờ « dân mạnh mẽ » được làm chủ thật sự.

Đến « thời đại Hồ-Chí-Minh », niềm tự hào Việt-nam được Đảng ta nâng lên một đỉnh cao mới, trở thành trong sáng trọn vẹn. Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta chiến đấu giải phóng đất nước, thống nhất Tổ quốc, và ngày nay, dưới lá cờ Đảng, nhân dân cả nước đang phấn đấu xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Tổ quốc và nhân dân đã hòa đồng trong một thể thống nhất hoàn chỉnh. Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản đã được kết hợp nhuần nhuyễn. Do vậy, ngày nay, niềm tự hào đó là của bầu tinh thần vô cùng quý giá mà mỗi người Việt-nam thấm nhuần tư tưởng « Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân », đang trân trọng giữ gìn cho bản thân mình và cho con cháu mình, cho ngày nay và cho cả mai sau. Chúng ta không gồng đầu lên « vòng nguyệt quế » phần thưởng tinh thần đó để nghỉ ngơi, mà xem đây vừa là chiếc khiên để che chở cho mình, vừa là cây giáo để tiến đánh kẻ thù.

Đến đây, chúng ta không khỏi tự đặt cho mình một câu hỏi mới: có được một thứ vũ khí lợi hại như thế, chúng ta đã giữ gìn và sử dụng nó như thế nào?

Chúng ta thấy dù ở cương vị nào, đi theo lá cờ của Đảng, tuyệt đại đa số những người thuộc « thời đại Hồ-Chí-Minh » này vẫn sống thanh bạch, không để lại « tập tước », « phong điền », « tài khoản ngân hàng » hoặc

của cải riêng đáng kể gì cho con cháu. Tài sản « riêng » quý giá nhất của cả một đời hoạt động, vẫn chỉ là niềm tự hào mà biểu hiện là ý chí năng cao không ngừng phẩm chất cách mạng và năng lực công tác của mình, là ý thức phục vụ nhân dân một cách trung thành là quyết tâm phấn đấu hoàn thành những nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu và công tác được giao, tùy theo cương vị công tác của mỗi người. Đây là dòng chính trong đời sống xã hội của chúng ta. Chính niềm tự hào Việt-nam này giúp nhiều người chúng ta vượt qua được những khó khăn thử thách mới, nhất là những khó khăn kéo dài trong đời sống kinh tế hiện nay.

Tuy nhiên, trong thực tế chúng ta cũng chứng kiến một số không ít người mà niềm tự hào bị giảm sút, thậm chí bị trút bỏ. Có những người bị những dục vọng thấp hèn « tiền công », đã chống trả yếu ớt rồi dần dần đi đến chỗ sa ngã. Có những người mang nặng chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, dần dần trở thành những con người xa lạ với lý tưởng cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Mất đi niềm tự hào Việt-nam, họ trở thành những cái bị hững hờ, những cái lo loạn truyền những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của địch. Từ sa đọa về vật chất, một số người dần dần rơi xuống vực thẳm của sự sa đọa chính trị đầy nguy hiểm.

Đương nhiên, những con người như thế, tuy có làm hại cho cách mạng một phần nào nhưng không thể làm lung lay ý chí của đông đảo cán bộ và nhân dân ta kiên quyết phấn đấu cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Niềm tự hào Việt-nam có tác dụng củng cố và phát huy tinh thần trách nhiệm, củng cố lòng tin tưởng vào tương lai của cách mạng nước ta, đồng thời bảo vệ phẩm chất của chúng ta. Niềm tự hào ấy ở trong lòng mỗi người, nhưng lại là tài sản

chung của mọi người. Chính vì thế mà trước hành vi của một số người bán rẻ phẩm chất của mình, dẫn thân vào con đường sa đọa, biến chất, đông đảo nhân dân ta vốn có niềm tự hào chính đáng về dân tộc mình cảm thấy cả khối cộng đồng bị xúc phạm, và ngay cả mỗi người cũng bị xúc phạm. Vì thế, họ không thể giữ thái độ dửng dưng để mặc cho bọn «sâu mọt» đục khoét niềm tự hào chung.

Niềm tự hào Việt-nam được bồi dưỡng, vun đắp trong suốt 4000 năm

lịch sử của dân tộc Việt-nam đã đạt đến độ trong sáng trọn vẹn, hoàn chỉnh ngày nay, khiến cho mọi người Việt-nam yêu nước thời đại Hồ-Chí-Minh đều ra sức gìn giữ, lấy đó làm nguồn cội vũ cho mình để vững bước tiến theo lá cờ của Đảng, góp phần cống hiến vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa. Đây là một trong những đặc trưng kỳ diệu, một trong những truyền thống tốt đẹp của đời sống xã hội Việt-nam

CHU-MỘNG

Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, người xây đắp...

(Tiếp theo trang 21)

toàn đáng tin cậy là nhân dân Liên-xô. Đó cũng là «cộng lao vĩ đại đầu tiên của Hồ Chủ tịch là đã gắn phong trào cách mạng Việt-nam với phong trào công nhân quốc tế» (21).

Tinh hữu nghị Việt - Xô do Bác Hồ đặt nền móng và dày công xây đắp là biểu hiện của tinh thần quốc tế vô sản. Tinh hữu nghị đó ngày càng bền vững và phát triển, vì đó là tinh hữu nghị chiến đấu của giai cấp công nhân và nhân dân hai nước cùng chung một lý tưởng - lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. «Vla-di-mia I-lích Lê-nin ở nước Nga xô viết và Đồng chí Hồ-Chí-Minh ở Việt-nam, các lãnh tụ vĩ đại của cách mạng, đã xây dựng nền móng cho hai Nhà nước chúng ta, đã thúc đẩy một cách quyết định sự phát triển của hai nước chúng ta và vạch ra đường lối cho chúng ta» (22), vì hai dân tộc có nét tương đồng về truyền thống và văn hóa, kết tinh ở sự tương đồng lý tưởng.

Xây đắp tinh hữu nghị Việt - Xô, Bác Hồ luôn giáo dục đảng viên và nhân dân ta đời đời biết ơn Đảng cộng sản, Chính phủ và nhân dân Liên-xô anh em, biết ơn Lê-nin vĩ đại, vừa thực hiện tốt nhiệm vụ cách

mạng của dân tộc, vừa làm tốt nghĩa vụ quốc tế.

Mừng kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười, ôn lại lịch sử, nhân dân Việt-nam càng quý trọng tinh hữu nghị chiến đấu Việt - Xô bao nhiêu, càng nhớ ơn Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại đã dày công vun trồng cho tinh hữu nghị đó đơm hoa kết trái. Trung thành với sự nghiệp cách mạng của Lê-nin, quyết tâm đi theo con đường Cách mạng Tháng Mười, và vui mừng trước những thắng lợi của nhân dân Liên-xô trong sự nghiệp xây dựng những cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản, nhân dân Việt-nam mãi mãi làm theo lời dạy của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh kính yêu:

«Chúng ta vui sướng hôm nay,

Càng nên nhớ lại những ngày gian lao.

Nhớ lại đề học tập nhân dân Liên-xô. Nhớ lại đề ghi ơn nhân dân Liên-xô» (23).

(21) Lê-Duân: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*. Nxb Sự thật, Hà-nội. 1976, tr. 8.

(22) L. I. Brê-giơ-nép: *Những bài nói và viết chọn lọc*. Nxb Sự thật, Hà-nội. 1979, tr. 405.

(23) Hồ-Chí-Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội. 1960, tr. 757.

SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO KHÔNG LIÊN KẾT

PHÚC - CƯƠNG

I — NHỮNG NHÂN TỐ LỊCH SỬ QUYẾT ĐỊNH SỰ RA ĐỜI CỦA PHONG TRÀO KHÔNG LIÊN KẾT

Phong trào không liên kết là một hiện tượng mới trong quan hệ quốc tế của thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Sự ra đời của phong trào đó do nhiều nhân tố quyết định.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ra đời; trên thế giới hình thành hai hệ thống xã hội đối lập. Đế quốc Mỹ gây chiến tranh lạnh, đẩy mạnh chạy đua vũ trang và ráo riết chuẩn bị chiến tranh chống Liên-xô và phe xã hội chủ nghĩa. Việc Mỹ thành lập khối liên minh quân sự Bắc Đại-tây-dương đưa đến việc thành lập khối liên minh quân sự Vác-sa-va và hình thành hai khối quân sự đối lập ở châu Âu. Trong những năm 50, do chính sách chạy đua vũ trang và chuẩn bị chiến tranh của phe đế quốc do Mỹ đứng đầu, nguy cơ chiến tranh thế giới là đặc biệt nghiêm trọng.

Sự kiện quan trọng thứ hai sau việc ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới là phong trào giải phóng dân tộc phát triển như vũ bão.

Các nước thực dân Tây Âu tiến hành những cuộc chiến tranh đẫm máu chống nhân dân các thuộc địa. Đồng thời, đế quốc Mỹ và các đế quốc khác thành lập các liên minh quân sự ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh, nhất là ở châu Á, nhằm chống phong trào độc lập dân tộc.

Trong điều kiện quốc tế những năm 50, đã xuất hiện khuynh hướng một số nước châu Á mới giành được độc lập, đặc biệt là Ấn-độ, muốn đi vào con đường trung lập, không đứng về một phe nào, và chống lại việc lập các liên minh quân sự. Các nước ấy cho rằng như vậy mới có thể giữ vững hòa bình và độc lập dân tộc. Khuynh hướng này bị đế quốc Mỹ chống lại quyết liệt. Trong những năm 50, khuynh hướng này chưa có điều kiện để trở thành Phong trào không liên kết. Hội nghị Á Phi ở Băng-dung năm 1955 thể hiện một phân nguyện vọng của các nước mới giành được độc lập ở châu Á, châu Phi mong muốn bảo vệ hòa bình và bảo vệ độc lập dân tộc. Nhưng sau Hội nghị Băng-dung, đã không thể triệu tập được Hội nghị Á — Phi thứ hai vì Trung-quốc muốn nắm lực

lượng châu Á, châu Phi phục vụ tham vọng bá quyền của nó.

Khuyết hướng không liên kết chỉ trở thành Phong trào không liên kết do những điều kiện lịch sử của những năm cuối thập kỷ 50 và đầu thập kỷ 60.

Năm 1957, Liên-xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên của quả đất, chấm dứt ưu thế về vũ khí chiến lược của Mỹ. Tính chất bất khả xâm phạm về lãnh thổ mà nước Mỹ đã được hưởng trong hai cuộc chiến tranh thế giới trước bị xóa bỏ. Cùng với việc Mỹ mất ưu thế vũ khí hạt nhân, lần đầu tiên trong lịch sử, nước Mỹ đã ở trong tâm với tới của thứ vũ khí đó nếu Mỹ liều lĩnh gây chiến tranh bằng vũ khí hạt nhân. *Thế quân binh về vũ khí hạt nhân trong cán cân chiến lược Xô - Mỹ được xác lập.* Trong thế yếu, Mỹ buộc phải điều chỉnh chiến lược: từ chiến lược chung «đẩy lùi chủ nghĩa cộng sản» và chiến lược quân sự «trả đũa ô ạt» chuyển sang «chiến lược vì hòa bình» và chiến lược quân sự «phản ứng linh hoạt». J. Ken-ơ-di chủ trương chuyển sang hòa hoãn với Liên-xô. *Chiến tranh lạnh của những năm 50 bị đẩy lùi từng bước và thay vào đó là sự hòa dịu trong quan hệ Xô - Mỹ.* Từ đầu những năm 60, khả năng tồn tại hòa bình giữa hai hệ thống xã hội đối lập được củng cố vững chắc và khả năng bảo vệ hòa bình, đẩy lùi chiến tranh thế giới mới trở thành hiện thực. Cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ hòa bình và chống chiến tranh phát triển.

Nhân tố thứ hai tác động sâu sắc đến quá trình phát sinh của Phong trào không liên kết là, đứng trước sự phát triển như vũ bão của phong trào giải phóng dân tộc, nhất là sau khi chủ nghĩa thực dân Pháp bị thất bại ở Điện-biên-phủ - Việt-nam (1954), các nước đế quốc tìm cách hướng cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc vào con đường hòa bình để tiếp

tục duy trì lợi ích đế quốc của chúng ở các thuộc địa. Chúng chấm dứt các cuộc chiến tranh thuộc địa, thương lượng với giai cấp tư sản các nước này và trao trả độc lập cho các nước đó không ngăn chặn cuộc đấu tranh cách mạng ở các nước thuộc địa và hy vọng chuyển sự thống trị của chúng dưới hình thức chủ nghĩa thực dân cũ sang chủ nghĩa thực dân mới.

Lợi dụng sự suy yếu của các nước đế quốc Tây Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc Mỹ đã gạt Anh, Pháp và Hà-lan ra khỏi các thuộc địa của chúng ở một số khu vực trên thế giới và đặt các đất đai này nằm dưới sự khống chế của chế độ thực dân mới của Mỹ. Đế quốc Mỹ trở thành tên đế quốc có hệ thống thuộc địa kiểu mới lớn nhất. Nhưng chẳng bao lâu sau, cùng với sự sụp đổ không thể cứu vãn nổi của chủ nghĩa thực dân cũ của Anh, Pháp, Hà-lan, chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ cũng bắt đầu đi vào khủng hoảng, đánh dấu bằng sự sụp đổ của Ba-ti-xta - tên độc tài tay sai của Mỹ ở Cu-ba (1959). Trong tình hình đó, để tiếp tục duy trì ách thống trị thực dân kiểu mới của chúng, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược «phản ứng linh hoạt» nhằm chống phong trào giải phóng dân tộc, mặt khác ra sức vẽ vãn các nước mới được độc lập. Sau khi thất bại trong việc dùng các liên minh quân sự để gây sức ép, Mỹ đã buộc phải chấp nhận đường lối trung lập của một số nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh và cùng với các nước đế quốc khác, tìm cách đưa phong trào giải phóng dân tộc vào con đường «Liên hợp quốc trao trả độc lập cho các nước thuộc địa» (ng nghị quyết của Liên hợp quốc về phi thực dân hóa năm 1960).

Nhân tố thứ ba có liên quan đến việc ra đời của phong trào không liên kết là số lượng các nước châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh giành được độc lập ngày càng nhiều và các

nước ấy trở thành một lực lượng lớn trong nền chính trị quốc tế. Nếu như trong 12 năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai chỉ có độ 20 nước giành được độc lập, thì từ 1958 đến 1961, tức là trong vòng 6 năm, đã có thêm 35 nước, trong đó riêng năm 1960 có 18 nước châu Phi giành được độc lập. Điều đáng chú ý là phần lớn các nước này giành được độc lập qua con đường thương lượng với đế quốc. Đặc điểm này một mặt nói lên thắng lợi của các nước mới giành được độc lập, mặt khác cho thấy khuynh hướng của số đông các nước mới giành được độc lập là muốn thông qua con đường không bạo lực, thương lượng hòa bình và thỏa hiệp để giải quyết các vấn đề trong quan hệ quốc tế.

Nhân tố thứ tư dẫn đến sự xuất hiện của Phong trào không liên kết là khuynh hướng của nhà cầm quyền một số nước muốn lợi dụng sự hòa hoãn trong quan hệ Xô - Mỹ và khuynh hướng thỏa hiệp trong quan hệ giữa các nước đế quốc và các nước mới được độc lập ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh để có vai trò lớn trong nền chính trị thế giới. Trong bối cảnh thế giới chia thành hai phe và mỗi bên do một nước lớn (Liên-xô hoặc Mỹ) đứng đầu, họ có ảo tưởng tập hợp các nước, chủ yếu là các nước mới giành được độc lập, thành một lực lượng thứ ba đứng giữa hai lực lượng xã hội đối lập, mặc dù ý đồ của họ không hoàn toàn giống nhau.

Khuynh hướng thứ nhất là của Pháp. Với tham vọng đưa nước Pháp trở lại vai trò cường quốc thế giới có tiếng nói độc lập đối với cả Mỹ và Liên-xô, tướng Đờ Gôn chủ trương xây dựng lực lượng hạt nhân chiến lược của Pháp độc lập với NATO và tập hợp các nước Tây Âu, Trung-quốc và các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh thành một lực lượng thứ ba, dưới sự lãnh đạo của Pháp, đứng giữa hai phe. Nhưng chính sách

của Pháp chứa đựng nhiều mâu thuẫn: Pháp muốn đóng vai trò to lớn đứng giữa hai khối nhưng lại có tham vọng đế quốc chủ nghĩa, do đó Pháp đã không tập hợp được các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh, trái lại, còn bị các nước này lên án (nghị quyết Hội nghị cấp cao không liên kết thứ nhất và thứ hai). Tuy Pháp và Trung-quốc thống nhất với nhau chống Hiệp ước cấm thử vũ khí hạt nhân trong ba môi trường, nhưng Trung-quốc lại tìm cách lợi dụng ngọn cờ độc lập dân tộc chống đế quốc để thao túng các nước châu Á và châu Phi, cho nên cũng chống lại các mưu đồ của Pháp. Ngoài ra, Pháp gặp phải mâu thuẫn lớn là tham vọng của Pháp quá lớn nhưng khả năng của Pháp có hạn. Pháp đã thành công phần nào trong việc tập hợp các nước Tây Âu trong việc thành lập khối Thị trường chung châu Âu (1957) nhưng Pháp đã thất bại trong việc tập hợp « lực lượng thứ ba ».

Khuynh hướng thứ hai là của Trung-quốc. Từ lâu, những người cầm quyền Trung-quốc theo chủ nghĩa Mao đã âm ập giắc mộng làm bá chủ thế giới. Nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa ra đời sau khi thế giới đã chia thành hai hệ thống do Liên-xô và Mỹ đứng đầu, cho nên sau khi củng cố được chính quyền ở lục địa, những người cầm quyền Trung-quốc đã tính đến việc tập hợp một lực lượng thứ ba đề nghị lên địa vị cường quốc thế giới. Năm 1955, Trung-quốc lợi dụng Hội nghị Băng-dung để mở rộng ảnh hưởng của mình ở các nước châu Á và châu Phi. Đây là mưu đồ đầu tiên của Trung-quốc tự tách mình ra khỏi hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, và tập hợp một lực lượng thứ ba ngoài hai hệ thống đối lập. Ý đồ đó của Trung-quốc nhằm chống Liên-xô, chống cách mạng càng lộ rõ từ cuối những năm 50. Tuy tiếp tục hô hét chống Mỹ, ủng hộ nhân dân Triều-tiên

và nhân dân Việt-nam, nhưng rõ ràng Trung-quốc chủ trương vĩnh viễn chia cắt hai nước này và dùng vấn đề Triều-tiên và vấn đề Việt-nam để mà cả và hòa hoãn với Mỹ.

Từ 1958 đến 1961, dưới chiêu bài cách mạng chống Mỹ, chống cái gọi là hòa hoãn Xô - Mỹ, Trung-quốc ra sức tập hợp lực lượng châu Á, châu Phi, tranh giành quyền lãnh đạo cách mạng thế giới, nhằm mục đích chiến lược là nắm giữ vai trò to lớn trong việc giải quyết công việc thế giới. Trung-quốc tìm mọi cách tập hợp các nước châu Á, châu Phi thành lực lượng thứ ba theo hai hướng. Hướng thứ nhất là nắm ngọn cờ Băng-đung để triệu tập Hội nghị Á - Phi thứ hai. Hướng thứ hai là cùng In-dô-nê-xi-a thành lập lực lượng mới trở dậy đối lập với Liên hợp quốc. Trung-quốc dùng mọi thủ đoạn để ngăn cản Liên-xô tham gia vào cả hai loại lực lượng này. Trung-quốc sử dụng cả hai lực lượng này chống Phong trào không liên kết và chống Nam-tư, Ấn-độ là những nước sáng lập Phong trào không liên kết. Nhưng cả hai mưu toan này đều bị thất bại.

Khuyến hướng thứ ba là của một số nhà lãnh đạo nổi tiếng như Nê-ru, Nát-xe và Ti-lô. Các vị này muốn tập hợp một lực lượng riêng gồm các nước không tham gia các khối quân sự, đứng ngoài hai khối quân sự, chủ trương giải quyết các vấn đề thế giới bằng con đường thương lượng. Các nhà lãnh đạo này có nguyện vọng chính đáng là hòa bình và chống chiến tranh. Đồng thời họ muốn giữ vững nền độc lập của nước họ. Mặt khác họ có ý đồ giống nhau là tập hợp lực lượng thứ ba để có vai trò lớn trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế. Trong mưu toan này họ vấp phải một trở lực là nhà cầm quyền Trung-quốc đang thêm khát quyền thao túng các nước châu Á, châu Phi.

Do lợi ích dân tộc khác nhau, thái độ của họ cũng có khác nhau. Tuy về

nguyên tắc họ đều chống các khối quân sự nhưng trên thực tế Nam-tư là nước ở châu Âu, nơi duy nhất trên thế giới có hai khối quân sự đối lập. Lợi ích của Nam-tư không giống lợi ích của các nước độc lập dân tộc châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh vì ở những nơi này chỉ có một loạt các khối liên minh quân sự do Mỹ lập ra đe dọa hòa bình và độc lập của họ. Nam-tư lợi dụng chiêu bài chống các khối liên minh quân sự, coi Liên-xô cũng như Mỹ, thực chất là bao che cho Mỹ và chống Liên-xô. Trái lại các nước châu Á, châu Phi coi nguy cơ chính là các khối quân sự của đế quốc như khối quân sự Đông Nam Á (SEATO), khối quân sự trung tâm ở Trung Đông (CENTO) trước đây, và các lực lượng tay sai của đế quốc đang trực tiếp uy hiếp họ. Cho nên các ông Nê-ru, Nát-xe kiên quyết chống lại các liên minh quân sự của đế quốc và tranh thủ sự giúp đỡ và viện trợ của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác để bảo vệ nền độc lập của mình. Chính vì những lẽ đó, cùng với sự phát triển của Phong trào không liên kết, Ấn-độ ngày càng phát huy vai trò tích cực của mình trong Phong trào còn Nam-tư ngày càng đi vào chiều hướng tiêu cực và uy tín ngày càng bị giảm sút.

II - QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO

Thời kỳ 1961 - 1964 là thời kỳ hình thành của Phong trào cả về mặt tổ chức và mục tiêu đấu tranh. Đây là thời kỳ đế quốc Mỹ một mặt đẩy mạnh hòa hoãn với Liên-xô (cuộc gặp cấp cao Liên-xô - Mỹ ở Viên 1961; Hiệp ước cấm thử vũ khí hạt nhân từng phần 1963; cuộc khủng hoảng tên lửa vùng Ca-ri-bê và cuộc khủng hoảng Béc-lin đều được giải quyết nhanh chóng); mặt khác, tìm cách phản kích lại phong trào giải phóng dân tộc (ám sát Thủ tướng Lu-mum-

ba ở Công-gô 1961, gây sự kiện vịnh Hi-rôn 1961, gây chiến tranh đặc biệt ở Lào và miền Nam Việt-nam, v.v.).

Cũng trong thời kỳ này, Trung-quốc đẩy mạnh việc chống Liên-xô và Mỹ, phá hòa hoãn Xô - Mỹ, thực chất là chống Liên-xô, tranh giành quyền lãnh đạo phong trào cách mạng thế giới, đồng thời ra sức đả kích Ti-tô, Nê-ru nhằm giành vai trò lãnh đạo các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh. Trong bối cảnh đó, những nước tham dự Hội nghị Băng-đung đã bị phân hóa ra làm ba nhóm. Một khuynh hướng gồm 9 nước tham gia các liên minh quân sự của Mỹ và các đế quốc khác. Một khuynh hướng khác gồm 14 nước đi theo con đường không liên kết và dự hội nghị Bê-ô-grát. 14 nước này và 10 nước mới giành được độc lập từ sau Hội nghị Băng-đung, cùng với chính phủ lâm thời An-giê-ri và phong trào giải phóng dân tộc Ăng-gô-la trở thành thành viên đầu tiên của Phong trào không liên kết. Một khuynh hướng khác là Trung-quốc tách ra với ý đồ tập hợp lực lượng riêng của mình. Việt-nam dân chủ cộng hòa không được mời tham gia Phong trào không liên kết. Hội nghị cấp cao không liên kết thứ nhất ở Bê-ô-grát (Nam-tư) có 25 nước và hội nghị cấp cao không liên kết thứ hai năm 1964 ở Cai-rô có 47 nước. Phần lớn các thành viên mới này là những nước mới giành được độc lập từ năm 1960 bằng con đường thương lượng và thỏa hiệp với đế quốc. Do thành phần các nước tham dự hai hội nghị đầu tiên của Phong trào không liên kết như thế cho nên quyền lãnh đạo Phong trào trong thời kỳ này thực tế nằm trong tay các nước thanh viên sáng lập. Cu-ba và An-giê-ri lúc này đã tham gia Phong trào nhưng là những nước vừa mới giành được độc lập đang phải đối phó với nhiều khó khăn, chưa có khả năng phát huy một cách mạnh mẽ vai trò

của mình trong Phong trào không liên kết.

Tính chất hai mặt của Phong trào trong thời gian này được thể hiện rõ rệt ngay trong các văn kiện của hai hội nghị cấp cao đầu tiên này. Tuyên bố của Hội nghị Bê-ô-grát đề cập đến hai vấn đề quan trọng nhất là bảo vệ hòa bình và độc lập dân tộc, cho rằng một nền hòa bình lâu dài chỉ có thể đạt được nếu ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới bị loại trừ. So với Hội nghị Bê-ô-grát thì Hội nghị Cai-rô đã tiến thêm một bước trong việc vạch rõ « chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới là nguồn gốc căn bản của tình hình căng thẳng và xung đột quốc tế » và cho rằng « việc thủ tiêu chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới là nhiệm vụ hàng đầu của các nước không liên kết ».

Mặt hạn chế của Phong trào lúc này là nó không dám đấu tranh trực diện với chủ nghĩa đế quốc Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ đang ráo riết phân kích các phong trào cách mạng trên thế giới và đang đẩy mạnh chiến tranh đặc biệt ở Đông-dương và chuẩn bị dự luận đề xâm lược trực tiếp Việt-nam (sự kiện vịnh Bắc-bộ xảy ra trước Hội nghị Cai-rô 2 tháng). Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam và nhân dân Cu-ba được đề cập đến như là những vấn đề của các nước bị chia cắt. Trên cơ sở đó, Hội nghị đòi Mỹ rút khỏi Gu-an-ta-na-mô của Cu-ba và ủng hộ việc thống nhất Việt-nam trên cơ sở Hiệp nghị Giơ-ne-vơ 1954. Đồng thời, nó có xu hướng đánh cân bằng giữa Mỹ và Liên-xô. Hội nghị gửi thư cho các nhà đứng đầu Mỹ và Liên-xô kêu gọi thương lượng nhằm chấm dứt chạy đua vũ trang và giữ gìn hòa bình.

Xu hướng của một số người lãnh đạo Phong trào đưa Phong trào đi vào con đường thương lượng thỏa hiệp và bao che cho đế quốc Mỹ là

một trong những nguyên nhân chính làm cho Phong trào bị tê liệt trong những năm sau hội nghị Cat-rô, kể từ 1965 đến 1969. Đây là thời kỳ cuộc đấu tranh giai cấp trên phạm vi toàn thế giới trở nên hết sức gay gắt do sự phản kích của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế và do phong trào cách mạng thế giới trải qua một thời kỳ khủng hoảng trầm trọng.

Trung-quốc thay đổi thủ đoạn, giương cao chiêu bài cách mạng cực tả nhằm gây chia rẽ, gây khủng hoảng trong phong trào cách mạng thế giới và nhằm gây hỗn loạn ở Trung-quốc. Cái gọi là « đại cách mạng văn hóa vô sản » do đích thân Mao-Trạch-Đông phát động và chỉ đạo đã đem Trung-quốc vào một cuộc nội chiến, làm tê liệt và tan rã Đảng cộng sản Trung-quốc, giáng một đòn hết sức nghiêm trọng vào các lực lượng cách mạng ở Trung-quốc. Trên thế giới, Trung-quốc đưa ra đường lối cực tả theo kiểu « cách mạng văn hóa », kêu gọi thành lập các đảng mao ít ở các nước, nhằm gây ra một cuộc khủng hoảng và phân liệt nghiêm trọng trong phong trào cộng sản và công nhân thế giới. Tuy lúc này Trung-quốc kêu gọi chống cả Mỹ và Liên-xô nhưng trên thực tế mũi nhọn chĩa vào Liên-xô. Với Mỹ, một mặt, Trung-quốc tung ra tín hiệu báo cho Mỹ biết rằng nếu « người không đụng đến ta thì ta không đụng đến người »; mặt khác, làm yếu cuộc đấu tranh của các dân tộc chống Mỹ xâm lược bằng cách ép họ chia mũi nhọn đấu tranh vào Liên-xô và bác bỏ việc lập mặt trận thống nhất nhân dân thế giới chống Mỹ có Liên-xô tham gia. Đỉnh cao là vào năm 1969, Trung-quốc gây chiến tranh biên giới chống Liên-xô và coi Liên-xô là kẻ thù nguy hiểm nhất. Ở Đông Nam Á, đây là thời kỳ mà hoạt động của chủ nghĩa Mao nổi lên mạnh mẽ nhất. Từ năm 1965, Trung-quốc đã xúi giục các đảng cộng sản ở Đông Nam Á

tiến hành đấu tranh vũ trang, làm đảo chính ở trong nước, xúi giục người Hoa ở các nước Đông Nam Á lập hồng vệ binh làm « cách mạng văn hóa ». Đối với Việt-nam, một mặt, Trung-quốc đề mặc cho Mỹ leo thang chiến tranh chống nhân dân Việt-nam và ngăn cản viện trợ của Liên-xô cho Việt-nam, mặt khác phản đối mọi cuộc đàm phán giữa Việt-nam và Mỹ. Họ mưu đồ « đánh Mỹ đến người Việt-nam cuối cùng ».

Lợi dụng chiến lược phản động của nhà cầm quyền Trung-quốc chống Liên-xô và chống phong trào cách mạng, đế quốc Mỹ ra sức phản kích chống phong trào giải phóng dân tộc. Chúng chọn Việt-nam làm nơi biểu dương cái gọi là sức mạnh vô địch của Mỹ và tiến hành một cuộc chiến tranh đẫm máu nhất nhằm răn đe phong trào cách mạng thế giới. Được sự khuyến khích và giúp đỡ của Mỹ, bọn phản động I-xra-en tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược lớn nhất chống các nước A-rập năm 1967. Đồng thời, Mỹ ra sức hoạt động tạo nên những cuộc khủng hoảng khu vực (chiến tranh Ấn-đô - Pa-ki-xtan (1965), Mỹ can thiệp vào Đô-mi-ních (1965) và gây nên một loạt các vụ đảo chính ở các nước không liên kết và các nước đang phát triển (An-giê-ri 1966, Ga-na 1966, Ma-li 1967, v.v.).

Do sự phản kích của Mỹ và bọn phản động chống phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cách mạng các nước, quan hệ hòa hoãn Đông - Tây cũng bị phá hoại. Tuy Hiệp ước cấm phổ biến vũ khí hạt nhân đã được ký năm 1967, nhưng sau đó quan hệ Mỹ - Xô bị băng giá do chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt-nam, chiến tranh xâm lược của I-xra-en ở Trung Đông và một số sự kiện quốc tế khác. Quan hệ giữa các nước đang phát triển và các nước tư bản phát triển cũng căng thẳng thêm. Cuộc thương lượng kéo dài hàng chục năm giữa « Tổ chức các nước xuất

khâu dầu mỏ» (OPEC) và các nước phương Tây bị thất bại. Tình hình ở nhiều nước không liên kết bị mất ổn định nghiêm trọng do hoạt động phá hoại của đế quốc và phản động. Phần lớn các nhà lãnh đạo có vai trò quan trọng trong Phong trào hoặc bị lật đổ (Xu-các-nô, Nơ-kru-ma...) hoặc gặp nhiều thất bại (Nát-xe) hoặc chết (Nê-ru). Đứng trước tình hình chủ nghĩa đế quốc có tình hình chiến tranh để chống độc lập của các dân tộc, đứng trước sự phá hoại và chia rẽ của Trung-quốc, phong trào cách mạng, phong trào giải phóng dân tộc ở một số nước tạm thời thất bại, và đi vào phòng ngự. Trong lúc đường lối, chủ trương thương lượng thỏa hiệp với đế quốc của các nhà lãnh đạo Phong trào không liên kết đã tỏ ra thất bại thì cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân các nước, đặc biệt cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam, bước vào giai đoạn gay go, quyết liệt. Thậm chí ở một số nơi như Trung Đông, Mỹ la tinh, cuộc đấu tranh vũ trang đã bị thất bại. Đó là nguyên nhân làm cho Phong trào không liên kết trong thời kỳ này lâm vào khủng hoảng. Phong trào càng đi vào bế tắc và khủng hoảng, khi ban lãnh đạo một số nước, trước hết là Nam-tu, được sự cổ vũ của Mỹ, tìm cách đưa Phong trào đi sâu vào con đường thỏa hiệp có lợi cho ý đồ xâm lược của Mỹ. Hội nghị các nước không liên kết do Nam-tu triệu tập ở Bê-ô-grát tháng 4-1965 đưa ra bản tuyên bố của 17 nước kêu gọi ngừng bắn và đàm phán không điều kiện để giải quyết vấn đề Việt-nam, đi ngược lại lập trường chính nghĩa của Việt-nam và phù hợp với lập trường của Mỹ. Việc làm này bị nhân dân Việt-nam phản đối. Một số trong số 17 nước không liên kết nói trên cũng bác bỏ lời kêu gọi đó và rút tên ra khỏi bản tuyên bố đó. Việc làm sai trái của hội nghị này càng làm cho Phong trào không liên kết mất uy tín. Trong tình hình phong trào

chống Mỹ xâm lược Việt-nam và phong trào chống Mỹ - I-xra-en xâm lược các nước A-rập đang phát triển như vũ bão trên thế giới, nhiều nước không liên kết đã chống lại cuộc vận động của Nam-tu nhằm triệu tập hội nghị các nước không liên kết để giải quyết vấn đề Việt-nam và vấn đề Trung Đông. Từ 1966 đến 1968 Nam-tu đã 4 lần đề nghị họp hội nghị cấp cao không liên kết và đều đã bị thất bại. Rõ ràng Nam-tu đã mất uy tín trong Phong trào không liên kết. Phong trào không liên kết kết thúc thời kỳ này mà không họp được hội nghị cấp cao lẽ ra phải họp theo định kỳ vào năm 1967.

Kể từ năm 1970, chịu tác động của xu thế phát triển của thời kỳ sau Việt-nam, Phong trào không liên kết đã có một bước nhảy vọt cả về lượng và về chất.

Trước hết, tình chiến đấu, tinh cách mạng của Phong trào được nâng lên một bước. Thắng lợi của cuộc chiến đấu chống Mỹ của nhân dân Việt-nam đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân thế giới trong cuộc đấu tranh cách mạng và làm cho nhân dân các nước thấy rõ, một dân tộc dù nhỏ, nếu có đường lối đúng đắn, biết kết hợp và vận dụng sức mạnh tổng hợp của dân tộc và của thời đại, thì có thể đánh thắng một kẻ địch lớn hơn mình nhiều lần. Thắng lợi của nhân dân Việt-nam và thất bại của đế quốc Mỹ có ý nghĩa lịch sử và quốc tế. Nhiều nước trên thế giới đã đưa ra một khái niệm mới để nói về ý nghĩa của cách mạng Việt-nam: thời kỳ sau Việt-nam. Thắng lợi của các nước trong «Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ» (OPEC) trong việc sử dụng vũ khí dầu mỏ chống lại sự bóc lột của đế quốc, là một bằng chứng mới về sức mạnh đoàn kết chiến đấu chống đế quốc của nhân dân các nước đang phát triển. Những thắng lợi này cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh trong cuộc chiến đấu để

tự giải phóng và bảo vệ độc lập dân tộc. Tiếp theo thắng lợi của Việt-nam là hàng loạt nước giành được độc lập sau một quá trình đấu tranh bằng bạo lực ở châu Phi, ở Trung Đông, ở Trung Mỹ, ở Đông Nam châu Á, v.v. làm thay đổi so sánh lực lượng ở nhiều khu vực trên thế giới. Việc các nước này tham gia Phong trào không liên kết đã làm cho Phong trào thay đổi cả về số lượng và cơ cấu. Số thành viên đã tăng lên gấp đôi trong vòng một thập kỷ. Điều quan trọng hơn cả là số lượng những nước đã trải qua đấu tranh cách mạng để giành độc lập tăng lên gấp nhiều lần và ngày càng phát huy vai trò tích cực trong Phong trào.

Hai là, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ độc lập dân tộc trong thời kỳ này mang tính chất gay gắt hơn trước. Bên cạnh việc tiếp tục cuộc đấu tranh để giành độc lập về chính trị, cuộc đấu tranh để xóa bỏ trật tự kinh tế cũ của chủ nghĩa đế quốc đã trở thành nhiệm vụ quan trọng. Các nước đế quốc không những tiếp tục bóc lột nhân dân các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh bằng mọi thủ đoạn, mà còn tìm cách trút lên đầu các nước này gánh nặng của cuộc khủng hoảng kinh tế tư bản chủ nghĩa. Hố ngăn cách giữa các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh với các nước tư bản phát triển ngày càng mở rộng, mâu thuẫn giữa các nước đang phát triển và các nước đế quốc ngày càng tăng. Các nước đang phát triển tuy có những bất đồng với nhau về chế độ xã hội và lợi ích dân tộc, nhưng có xu hướng xích lại gần nhau trong cuộc đấu tranh cho một trật tự kinh tế thế giới mới công bằng và hợp lý hơn. Đó là một hiện tượng tích cực mới xuất hiện trong Phong trào trong thời kỳ này.

Ba là, so sánh lực lượng trong nội bộ Phong trào không ngừng thay đổi có lợi cho các lực lượng tích cực

chống đế quốc. Các lực lượng chủ trương thỏa hiệp, chủ trương lái Phong trào từ bỏ con đường đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân và đi theo con đường «chống hai khối quân sự», «chống hai siêu cường quốc», mà thực chất là chống Liên-xô, từng bước bị thất bại. Thắng lợi của nhân dân Việt-nam và các nước OPEC, thắng lợi của nhân dân Cu ba và nhân dân các nước thuộc châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh có xu hướng xã hội chủ nghĩa, của I-ran, thất bại của đường lối đầu hàng thỏa hiệp của Xa-đát và sự xuất hiện của mặt trận các nước kiên định chống I-xra-en, cũng như thất bại của các cuộc thương lượng Bắc - Nam, v.v. đã chứng minh sự phá sản của đường lối thỏa hiệp với chủ nghĩa đế quốc. Việc Trung-quốc lộ rõ bộ mặt phản bội, công khai liên minh với đế quốc chống Liên-xô, chống cách mạng, đã giáng thêm một đòn nữa vào các lực lượng phụ họa với Trung-quốc muốn lái Phong trào đi vào con đường «chống hai siêu cường». Liên-xô ngày càng phát huy sức mạnh và thế tiến công cách mạng và trở thành chỗ dựa đáng tin cậy của phong trào cách mạng trên thế giới. Nhiều nước không liên kết, qua thực tiễn đấu tranh của mình, thấy rằng Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác là chỗ dựa đáng tin cậy của các lực lượng hòa bình và độc lập dân tộc. Tuyên bố của hội nghị cấp cao thứ 5 và thứ 6 của các nước không liên kết đã ca ngợi vai trò của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Bốn là, trong bối cảnh lực lượng so sánh trên toàn thế giới đã thay đổi không ngừng có lợi cho hòa bình và độc lập dân tộc, quan hệ hòa dịu Đông - Tây tiếp tục được củng cố và phát triển, đánh dấu bằng hiệp ước Béc-lin, SALT - 1, Định ước Hen-xin-ki, v.v. Sự tồn tại hòa bình giữa hai hệ thống đối lập đã bắt rễ vững chắc ở châu Âu. Vai trò của Phong

trào không liên kết trong việc giữ gìn hòa bình và phát triển hòa dịu do đó được phát huy mạnh mẽ. Phong trào trở thành một bộ phận quan trọng của lực lượng hòa bình trên thế giới.

Những đặc điểm trên đây cho thấy sau một thời gian khủng hoảng ngắn trong nửa cuối của thập kỷ 60, Phong trào không liên kết đã bước vào một thời kỳ phát triển mạnh mẽ chưa từng có bắt đầu từ thập kỷ 70. Hội nghị cấp cao thứ 3 họp ở Lu-xa-ca (Zám-bi-a) năm 1970 và nhất là hội nghị cấp cao thứ 4 họp ở An-giê-ri năm 1973 đánh dấu một bước ngoặt của Phong trào không liên kết trong việc giương cao ngọn cờ chống đế quốc trên thế giới, mà nét nổi bật là việc Phong trào đã đứng về phía nhân dân Việt-nam chống đế quốc Mỹ xâm lược và công nhận Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt-nam là thành viên chính thức của Phong trào. Hội nghị cấp cao An-giê-ri còn đi vào lịch sử với bản tuyên ngôn giải phóng kinh tế và làm chủ tài nguyên thiên nhiên của các nước đang phát triển, mở đầu cuộc tiến công toàn diện chống sự bóc lột về kinh tế của chủ nghĩa đế quốc. Hội nghị cấp cao thứ 6 họp ở La Ha-ba-na tháng 8-1979 là đỉnh cao của quá trình phát triển của Phong trào không liên kết. Hội nghị đã mở ra một thời kỳ mới của Phong trào, đi theo đường lối kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế. Tuyên bố và các nghị quyết của hội nghị phản ánh xu thế của cuộc đấu tranh của nhân dân châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh chống chủ nghĩa đế quốc, vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

III — NHỮNG VẤN ĐỀ VÀ TRIỂN VỌNG CỦA PHONG TRÀO KHÔNG LIÊN KẾT

Phong trào không liên kết bao gồm đại bộ phận các nước châu Á, châu

Phi, châu Mỹ la tinh và một số ít nước châu Âu, chiếm 40% số dân thế giới và 2/3 số hội viên Liên hợp quốc. Châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh là khu vực có tầm chiến lược hết sức quan trọng. Sinh ra và lớn lên trong bối cảnh của bão táp đấu tranh giải phóng dân tộc, của cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai hệ thống thế giới đối lập, dưới ảnh hưởng to lớn của hệ thống xã hội chủ nghĩa và trong điều kiện chủ nghĩa tư bản lâm vào cuộc khủng hoảng sâu sắc, Phong trào không liên kết là một nhân tố quan trọng trong nền chính trị thế giới. Trong 20 năm tồn tại của mình, với tiếng nói có trọng lượng lớn ở Liên hợp quốc và các diễn đàn quốc tế khác, Phong trào đã có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp bảo vệ hòa bình, hòa dịu và an ninh quốc tế chống âm mưu của đế quốc chạy đua vũ trang và gây tình hình căng thẳng trên thế giới. Đặc biệt, Phong trào đã phát huy mạnh mẽ vai trò của mình trong việc ủng hộ và cổ vũ cuộc đấu tranh của các dân tộc để tự giải phóng và bảo vệ độc lập, chống sự thống trị và xâm lược của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động. Phong trào là lực lượng quan trọng trong cuộc đấu tranh ở các diễn đàn quốc tế nhằm thiết lập một trật tự kinh tế thế giới mới.

Mặt khác, Phong trào là một sự tập hợp lực lượng rộng rãi. Với những tiêu chuẩn thành viên rất lỏng lẻo, Phong trào bao gồm nhiều loại nước khác nhau, có xu hướng chính trị và lợi ích dân tộc khác nhau, cho nên sự thống nhất và đoàn kết của phong trào chỉ có thể thực hiện trên cơ sở của một cương lĩnh tối thiểu là hòa bình và độc lập dân tộc, và do đó khả năng hoạt động của Phong trào có giới hạn nhất định. Hơn nữa, do tính chất giai cấp của những người cầm quyền của nhiều nước thành viên, Phong trào có lúc đã có thái độ tiêu cực đối với một số vấn đề quốc tế.

nhất là các vấn đề mang tính chất giai cấp.

Nhìn lại lịch sử 20 năm qua, có thể thấy rằng sự lớn mạnh của Phong trào không liên kết, một mặt, là do sự lớn mạnh của ba dòng thác cách mạng nói chung và sự lớn mạnh của Phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc nói riêng; mặt khác là do quá trình đấu tranh gian khổ và phức tạp của bản thân Phong trào nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu của mình chống lại âm mưu của các lực lượng phản động bên trong và bên ngoài Phong trào phá hoại, chia rẽ Phong trào và làm cho Phong trào đi chệch mục tiêu của nó. Đại diện cho những thế lực muốn kéo Phong trào không liên kết đi chệch mục tiêu của nó là Trung-quốc và Nam-tư. Quan hệ giữa hai lực lượng này có nhiều thay đổi, họ chống nhau trong những năm 60 và họ hợp tác và cầu kết với nhau trong những năm 70 trở đi. Nhưng giữa họ có một điều giống nhau và không thay đổi, đó là họ đều muốn thao túng các nước châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh để tạo ra một lực lượng thứ ba phục vụ cho mưu đồ của họ. Họ lợi dụng mâu thuẫn giữa hai hệ thống, hai khối để có vai trò lớn trên thế giới có lợi cho họ, đồng thời đánh lạc hướng cuộc đấu tranh chống đế quốc của nhân dân châu Á châu Phi và châu Mỹ la tinh, nhằm lái cuộc đấu tranh do chia vào hai nước lớn là Mỹ và Liên-xô mà thực chất là chống Liên-xô, chống cách mạng và bao che cho chủ nghĩa đế quốc. Tuy Trung-quốc ở ngoài Phong trào không liên kết và Nam-tư ở trong Phong trào, nhưng lập luận của họ cơ bản giống nhau. Họ cho rằng nguyên nhân của tình hình căng thẳng trên thế giới và nguy cơ chiến tranh thế giới cũng như nguyên nhân của các cuộc xung đột đang xảy ra nhiều nơi trên thế giới hiện nay là do sự hình thành và tồn tại của hai khối quân sự và sự tranh giành giữa hai

siêu cường quốc. Do đó họ chủ trương phải chống hai khối và chống hai siêu cường thì mới bảo vệ được hòa bình và bảo vệ lợi ích dân tộc của nhân dân các nước châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh. Lập luận của họ trái ngược với thực tiễn đấu tranh của các dân tộc châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh. Trong cuộc đấu tranh để bảo vệ hòa bình và độc lập dân tộc, phần lớn các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh chủ trương không tham gia các liên minh quân sự là để khỏi bị lôi kéo vào âm mưu gây chiến tranh của đế quốc và để giữ tính chất độc lập của mình. Việc không tham gia các khối quân sự không phải là mục tiêu của các nước này. Đó chỉ là biện pháp. Mục tiêu của họ là hòa bình và độc lập dân tộc. Thực tế tình hình thế giới trong 35 năm qua cho thấy nguyên nhân chính đe dọa hòa bình và độc lập dân tộc của các nước châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh là chính sách xâm lược và can thiệp của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động. Trên lục địa châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh trong 35 năm qua chỉ tồn tại các khối quân sự của đế quốc. Tình hình đang diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới trước đây cũng như hiện nay, từ các cuộc xung đột khu vực như chiến tranh ở Việt-nam, Trung Đông, Nam phần châu Phi, Trung Mỹ và vùng Ca-ri-bê đến tình trạng bị chia cắt như Đài-loan, Hưong-cảng, Triều-tiên... đều là do chủ nghĩa đế quốc gây ra. Thực tế đó đã bác bỏ những luận điệu xằng bậy của Trung-quốc và Nam-tư về nguyên nhân của tình hình là sự thành lập hai khối quân sự và sự tranh giành giữa hai "siêu cường". Cuộc đấu tranh của các dân tộc châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh chống chủ nghĩa đế quốc diễn ra ngày càng gay gắt. Mâu thuẫn giữa lợi ích của các dân tộc ở đây muốn được sống trong hòa bình và độc lập với chính sách của chủ nghĩa đế quốc muốn

duy trì ách áp bức bóc lột và gây tình hình quốc tế căng thẳng là không thể điều hòa. Chính cuộc đấu tranh của nhân dân châu Á, châu Phi, châu Mỹ là tình thế giải quyết mâu thuẫn đó đã sản sinh ra Phong trào không liên kết và đưa lại sức mạnh cho nó. Lịch sử 20 năm tồn tại của Phong trào không liên kết chứng minh rằng muốn phát triển và phát huy tác dụng tích cực thì *Phong trào không liên kết phải gắn chặt với cuộc đấu tranh của nhân dân châu Á, châu Phi, châu Mỹ là tình vì hòa bình và độc lập dân tộc, mục tiêu của phong trào phải phù hợp với mục tiêu đấu tranh của nhân dân châu Á, châu Phi, châu Mỹ là tình. Không có thắng lợi của phong trào hòa bình và độc lập dân tộc thì không thể có sự lớn mạnh của Phong trào không liên kết. Ngược lại, nếu Phong trào không liên kết tách rời các mục tiêu hòa bình và độc lập dân tộc thì nó chỉ có thể đi vào khủng hoảng, còn cuộc đấu tranh của nhân dân châu Á, châu Phi, châu Mỹ là tình vẫn tiến lên.*

Là con đẻ của phong trào cách mạng thế giới trong bối cảnh trên thế giới có hai hệ thống xã hội đối lập, Phong trào không liên kết là một lực lượng không tham gia các khối quân sự, nhưng không thể là lực lượng thứ ba đứng giữa, hoặc đứng ngoài cuộc đấu tranh giữa một bên là các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội, với một bên là các thế lực đế quốc và phản động. Ý đồ của những người muốn tập hợp lực lượng thứ ba là lợi dụng mâu thuẫn giữa hai hệ thống để phục vụ lợi ích ích kỷ của họ. Về mặt khách quan, mưu đồ đó chỉ có lợi cho chủ nghĩa đế quốc, vì nó làm suy yếu Phong trào không liên kết và cô lập nó với các lực lượng khác chiến đấu cho hòa bình và độc lập dân tộc.

Lịch sử đấu tranh của các dân tộc châu Á, châu Phi, châu Mỹ là tình trong 35 năm qua cho thấy chỉ có hai

con đường: hoặc đi với chủ nghĩa đế quốc chống hòa bình và nền độc lập của các nước, hoặc đi với các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc. Không có con đường thứ ba. Do tình hình thế giới ngày nay rất phức tạp, có thể một số người còn bị mắc lừa bởi luận điệu của những người cầm quyền Trung-quốc và Nam-tu về việc đứng giữa hai khối chống lại hai « siêu cường » và bởi thủ đoạn của họ dùng chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chủ nghĩa sô vanh để kích động; nhưng cuối cùng những luận điệu và thủ đoạn này nhất định sẽ bị phá sản. Thực tế 20 năm qua cho thấy những mưu đồ lái Phong trào không liên kết đi chệch mục tiêu chống đế quốc, nhằm biến Phong trào thành một lực lượng thứ ba đã thất bại và nhất định sẽ thất bại hoàn toàn.

Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam trong 35 năm qua vì hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một bộ phận của cuộc đấu tranh của ba đồng thác cách mạng trên thế giới, của các dân tộc châu Á, châu Phi, châu Mỹ là tình chống đế quốc để bảo vệ hòa bình và độc lập dân tộc. Một mặt, cuộc đấu tranh đó được sự ủng hộ của nhân dân các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ là tình. Mặt khác, chiến thắng Điện-biên-phủ năm 1954 và chiến thắng của chiến dịch Hô-Chi-Minh mùa Xuân 1975 được nhiều nước coi là những cái mốc lịch sử của cuộc vận động giải phóng của các dân tộc. Tuy vậy, trong những năm 60, Phong trào không liên kết đã đứng ngoài phong trào nhân dân toàn thế giới ủng hộ Việt-nam, chống Mỹ xâm lược — một phong trào trào rộng lớn, mạnh mẽ chưa từng có, — thậm chí có lúc còn có những hành động không có lợi cho cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam. Nhưng cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam vẫn tiếp tục phát triển và đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, trong lúc đó Phong

(Xem tiếp trang 70)

ĐÔNG NAM Á XƯA VÀ NAY

Giáo sư PHẠM-HUY-THÔNG

THẾ giới đã chuyển biến mạnh mẽ trong hơn ba mươi năm qua, nhưng không ở đâu đã có những biến động và những đổi thay to lớn và sâu sắc như ở Đông Nam Á.

Trước đây miền này không có tên riêng để chỉ riêng mình, mà được coi như một mảng của một khu vực rộng hơn (Viễn Đông, Cực Đông, Đông Á...) hoặc ngược lại, bao gồm nhiều khu vực hẹp hơn (Đông-dương, Nam-dương...). Trước đó, dư luận thế giới không hình dung được rõ lắm vùng đất nước trời biển này là thế nào. Trước đó, người ta coi đây là nơi rải ra, chẳng chèo, một mớ hỗn tạp những tộc người rời rạc, những quốc gia manh mún, những văn minh lẻ tẻ không đáng kể.

Nay đã khác. Cùng hội cùng thuyền qua những thử thách chung hay tương tự, nhân dân các nước nơi đây đã ngày càng nhận thức được sự gần gũi nhau, sự gần bó về đặc tính cũng như về quyền lợi với nhau trong toàn vùng. Những năm gần đây nhất, ong song với những diễn biến chính trị và xã hội to lớn, khoa học đã rọi được ánh sáng lên những « quá khứ bị lãng quên » nơi đây, phát hiện ngọn nguồn của cuộc sống,

diễn biến của văn minh; từ đó còn góp phần làm rạng cả thời cuộc, cả xu thế phát triển lịch sử ngày nay.

Điều hào hứng là đất nước và con người Việt-nam ta, xưa kia cũng như ngày nay, đều đã và đang đóng một vai trò tích cực trong sự hình thành và quá trình diễn biến của văn minh và lịch sử cả khu vực. Điều hào hứng nữa là khoa học Việt-nam trẻ tuổi đã có phần cống hiến vào sự nhận thức xuất sắc đó.

Người Việt-nam sống trong chiều sâu của lịch sử. Đặc điểm đó của dân tộc hướng khoa học xã hội Việt-nam coi trọng việc nghiên cứu truyền thống, tìm hiểu tất cả những giá trị vật chất và tinh thần tự ngàn xưa để hiểu con người và xã hội ngày nay, để thấy con đường tiến đến tương lai. Xu hướng đó dẫn dắt những nhà nghiên cứu khoa học xã hội đến nhận thức cần nghiên cứu Việt-nam trong bối cảnh Đông Nam Á, vì mặc dù những biến thiên của lịch sử, qua cuộc sống ngày nay chúng ta cảm thấy rằng vận mệnh Việt-nam ta xưa nay chẳng thể tách rời vận mệnh những đất nước chung quanh, những tộc người gần gũi.

Quan điểm tìm về nguồn gốc, thăm sâu để khai thác truyền thống, một

thời gian làm bờ ngõ không ít người, nay được chính học giả phương Tây nêu cao như một bài học lớn của Việt-nam. Nhà nghiên cứu dân tộc học Pháp sáng lập Trung tâm khoa học Pháp nghiên cứu Đông Nam Á và hiện nay vẫn lãnh đạo Trung tâm này Gioóc-giơ Công-đô-mi-nát (Georges Condominas) biểu dương quan điểm nói trên của chúng ta như có giá trị thức tỉnh giới nghiên cứu Âu Mỹ đang xa rời phương châm cơ bản của triết học Hy-lạp, cội nguồn của tư tưởng nhân văn phương Tây: «Hãy tự mình biết mình». Nữ tiến sĩ Mỹ Giեն Uơ-nơ (Jane Werner) mời chúng ta đến thuyết trình tại một số trường đại học Mỹ về khảo cổ học và sử học Việt-nam, đánh giá nhận thức cần nghiên cứu Việt-nam trong quan hệ mật thiết với Đông Nam Á như một phát hiện xuất sắc và một đóng góp quý giá cho khoa học của khoa học xã hội Việt-nam.

Khảo cổ học là khoa học đầu tiên đã xác nhận chân lý ngày nay hiển nhiên: tinh Đông Nam Á—không đơn thuần địa lý—của Việt-nam

Ý thức Đông Nam Á ngày nay, một mặt cơ sở trên thực tế địa lý không di chuyển, mặt khác cũng bắt nguồn từ những thực tế lịch sử văn hóa xa xưa, từ tận những quan hệ thuở đá cũ sơ kỳ, hàng chục vạn năm trước. Khoa học đã khẳng định được cuộc sống thời đó ở nhiều nơi vùng Đông Nam Á là tương đồng nhau về trình độ và, với sắc thái đôi chút khác nhau, cơ bản giống nhau về dạng thức. Công cụ đá cũ sơ kỳ ở Cô-ta Tam-pa (Ma-lai-xi-a) chẳng hạn rất giống như ở Núi Đọ.

Đến một giai đoạn tiền sử gần nay hơn, khi mà Đông Nam Á là một trong những nơi hiểm hoi trên thế giới có nhiều khả năng là nơi sớm nhất—khoảng vạn năm nay—đã phát minh ra sự nghiệp vĩ đại từ hái lượm săn bắt chuyển sang nghề nông, thì khu vực này càng thể hiện rõ là một

thực thể thống nhất. Dù coi là một nền văn hóa duy nhất với những sắc thái khác nhau hay những nền văn hóa khác nhau cùng một phong cách tổng hợp, văn hóa Hòa-bình—mà di tích biết được tới nay dày đặc nhất là ở Việt-nam—là văn hóa đá giữa chung ở vùng, với đặc điểm kỹ thuật là dùng cuội sỏi ngòi làm nguyên liệu chế tác công cụ. Những công cụ này lại tạo nên những công cụ khác, những vũ khí, những đồ dùng, từ tre nứa gỗ mây. Tất cả những biểu hiện đó của một hệ thống và một trình độ hiểu biết dần dần dần đến trồng trọt, chăn nuôi, rồi sản xuất, «cách mạng» cuộc sống nơi đây.

Bước sang thời đại kim khí, cách ngày nay trên dưới bốn ngàn năm, những văn hóa thời đại đồng nẩy nở rực rỡ toàn vùng. Với hai dạng chính được biết đến hiện nay: Đông-sơn và Sa-huỳnh, càng thấy quan hệ chặt chẽ và sâu sắc giữa những đất nước và những con người nơi đây ở bình minh của lịch sử các dân tộc. Nơi đây, có ba trung tâm văn hóa dạng Đông-sơn: cùng với trung tâm chính, trung tâm Đông-sơn chính thức, với đỉnh tam giác châu thổ sông Hồng và lưu vực sông Mã, sông Lam, là địa bàn chủ yếu, còn có những trung tâm có địa bàn Văn-nam và địa bàn Quảng-tây làm cương vực. Trống Đông-sơn, di vật tiêu biểu của văn hóa Đông-sơn, lan rộng trước khi người Hán bành trướng đến phương Nam và trước khi ảnh hưởng của Ấn-độ tỏa đến vùng hải đảo phương Đông, là một hiện tượng nặng ý nghĩa, nói lên sự gần bó mật thiết giữa những cư dân Đông Nam Á, không phải chỉ về thông thương mà đặc biệt về giao lưu văn hóa, tinh cảm.

Sự nảy nở của văn hóa Sa-huỳnh, ngang thời và muộn hơn đôi chút, có khuynh tại đá và ngọc hình hai đầu thú cũng thấy ở vùng văn hóa Đông-sơn hay dạng Đông-sơn, phía bắc và phía nam Việt-nam, cả ở văn hóa Ca-

la-nay (Phi-líp-pin), có mộ vò và lọ gốm tô màu cũng thấy ở Phi-líp-pin. Ở Thái-lan, lại là một minh chứng nữa, nùng hờn, về quan hệ lâu đời thân thiết đan chéo những cuộc sống nơi đây.

Cùng khảo cổ học, nhiều ngành khoa học xã hội khác như dân tộc học, ngôn ngữ học so sánh, nhân chủng học, cũng phong tục học, tín ngưỡng học... đã được vận dụng liên ngành để xác định bản lĩnh của Đông Nam Á cổ xưa và hiện nay. Từ từng góc độ, khoa học đã đánh giá lại trình độ và ý nghĩa của văn minh Đông Nam Á.

Đã xa rồi những ngày học giả thực dân lập lại luận điệu của những quan lại Thiên triều, những đạo sĩ Bà-la-môn, coi khinh người « Man mọi ở trần » Đông Nam Á cổ. Cũng đã xa rồi cả những ngày người ta chấp nhận rằng người Đông Nam Á trước Hán và trước Ấn không đến nỗi còn đang sống trong móng muối, nhưng đã biết đến đồng chông, thì mới chỉ là biết dùng « một cách thô thiển » : làm mũi tên. Nay không còn nhà nghiên cứu nào trong nước hay nước ngoài còn dám đánh giá thấp nữa văn minh Đông Nam Á thời các vua Hùng, dù mọi luận điệu của học giả Mỹ Xon-hem-lin (W. Solheim II) về tính ưu việt phi thường của những sáng tạo Đông Nam Á chưa phải đã được dễ dàng thừa nhận (Như đầy sớm niên đại này sinh thường được chấp nhận của nghề trồng lúa và nghề luyện kim khí Đông Nam Á, đầy xa sự suy nghĩ về biên giới ảnh hưởng của Đông Nam Á đến tận Ma-da-ga-xca và Địa-trung-hải như, không những gạt bỏ ảnh hưởng một chiều của văn hóa phương Bắc tới Đông Nam Á, mà đặt ngược lại vấn đề: chính những văn hóa đá mới Trung-quốc là chịu ảnh hưởng của văn hóa đá giữa và đá mới Đông Nam Á, chính thuật đúc kim loại đã được từ đây truyền bá sang phương Tây...)

Những nhà nghiên cứu vẫn bàn cãi về những giả thiết công tác tảo bao

ấy nhưng hiện nay chủ yếu ra sức bổ sung bức tranh còn sơ sài mà học giả Pháp Co-đét (Coedes) đã bắt đầu phác họa từ những năm 10 về « văn minh Nam Á », thực chất là văn minh Đông Nam Á thời sơ-sử: cây cây ruộng tươi, sử dụng trâu bò, tôn trọng phụ nữ, vạn vật hữu linh và thờ phụng trên cao, nhị nguyên luận trong tư duy... Tiếp sức khảo cổ học, dân tộc học tô đậm nét thêm văn minh nông nghiệp Đông Nam Á là một nền « văn minh cây cỏ », góp phần dựng lại cuộc sống đương thời — nay càng hiện lên sinh động. Làm vườn sớm, trồng bầu bí sớm, trồng khoai nước, lúa nước sớm, thuần dưỡng súc vật sớm, dựng nhà sàn có khung cột hợp với cảnh quan khí hậu, đóng được thuyền lớn để bước vào quỹ đạo một nền văn minh hàng hải, là những con người nam quân khố, nữ bán xiêm hồ kiêu xa rộng, có tục nhuộm răng, ăn trâu, xam mình, tin cổ tích thần thoại về hồng thủy và con người sinh ra từ quả bầu, thờ tổ rồng hay chim và cúng hồn lúa, dùng nhạc cụ trống đồng, chiêng đồng, lục lạc đồng... Cũng còn có thể chứng minh sức tạo văn hóa của nông nghiệp dùng cây đối với những xã hội Đông Nam Á cổ, đặc biệt xã hội Việt cổ, dần dần dẫn đến giai cấp và Nhà nước, với ý thức dân tộc.

Khẳng định trình độ cao, phong cách sôi nổi, tính độc đáo của lối sống Đông Nam Á, vừa là riêng biệt so với những nơi khác, lại vừa là chung cho vùng này — ít ra cho từng phần của vùng — là công lao của nhiều ngành và của những nhà khoa học nhiều nước, trong đó có phần của những tác giả Việt-nam. Riêng trong việc xác định những hệ thống ngôn ngữ, những loại hình nhân chủng, phần của chúng ta càng là đáng kể. Chúng ta đã lưu ý những tiếng nơi trên lãnh thổ Việt-nam xưa và nay chủ yếu thuộc ba dòng họ, pha trộn nhau ít hay nhiều: họ Môn Kho-mơ

(cũng gọi là Nam Á : austro-asiatique), họ Thái, họ Mã-lai Đa Đảo (Malayo-polynésien) (cũng gọi là Nam Đảo : austro-nésien). Nhìn rộng ra Đông Nam Á, ba loại tiếng nói đó cũng là chính. Về nhân chủng, đây là địa vực của hai loại hình người chủ yếu : Anh-dô-nê-diêng và Nam Á—những thuật ngữ này chưa thật ổn đáng nhưng phản ánh trung thực sự có mặt thực tế và rõ nét ở nơi đây của hai dạng người, cũng đều có thể được gọi là giống người Mông-cô Phương Nam, vì đều là những dạng trung gian giữa đại chủng thuần Ô-xơ-ra-lô-it hay Đa đen Thái-bình-dương, ở một cực, và đại chủng thuần Môn-gô-lô-it hay Đa vàng, ở cực khác.

Một thành tựu nổi bật của sử học Việt-nam thời gian qua là nhận thức được ý nghĩa cực kỳ quan trọng của văn hóa khảo cổ Đông-sơn đối với lịch sử dân tộc Việt-nam. Văn hóa Đông-sơn là một đỉnh cao hội tụ của văn hóa Đông Nam Á từ xa xưa.

Trong quá trình phát triển lâu dài nhiều ngàn năm, văn hóa Đông Nam Á đã giao lưu với các nền văn hóa khác, đặc biệt là hai nền văn hóa Ấn-độ và Trung-hoa. Trải qua sự giao lưu văn hóa này, Đông Nam Á « cho » rất nhiều mà « nhận » cũng khá nhiều. Trong các nền văn hóa của Trung-hoa và Ấn-độ, người ta nhận thấy ảnh hưởng khá nhiều của văn hóa Đông Nam Á. Trong văn hóa Đông Nam Á ngược, ta cũng tìm thấy ảnh hưởng của văn hóa Ấn-độ và Trung-hoa. Qua giao lưu văn hóa, tùy theo sự tiếp giáp và gần gũi về địa lý, các nước Đông Nam Á tiếp thu ảnh hưởng của hai nền văn hóa Ấn-độ và Trung-hoa nhiều ít có khác nhau. Các nước ở phía nam Đông Nam Á tiếp nhận ảnh hưởng của văn hóa Ấn-độ nhiều hơn; còn các nước phía bắc, trong đó có Việt-nam, tiếp nhận ảnh hưởng của văn hóa Trung-hoa nhiều hơn. Tình trạng này đã khiến cho một số nhà nghiên cứu « bị đánh lừa ». Qua

sự nhận xét hơi hợt hiện tượng bên ngoài, các nhà nghiên cứu này đã khẳng định rằng ở Đông Nam Á có hai nền văn hóa, một nền văn hóa chịu ảnh hưởng của Ấn-độ, một nền văn hóa khác chịu ảnh hưởng của Trung-quốc. Trái lại, những nhà nghiên cứu có thái độ nghiêm túc, sau khi đi sâu nghiên cứu văn hóa các nước Đông Nam Á, tìm hiểu tận cội nguồn, đã đi đến kết luận rằng văn hóa các nước Đông Nam Á từ xa xưa cũng có chung một cội nguồn : rằng trong lịch sử, các nước Đông Nam Á có một nền văn hóa chung – nền văn hóa Đông Nam Á.

Dân cư từng vùng, từng nước Đông Nam Á tự khẳng định mình giữa sức ép của hai khối dân số và văn minh khổng lồ Trung-hoa và Ấn-độ, nhất là trước sự bành trướng của chủ nghĩa bá quyền đại Hán của các giai cấp bóc lột thống trị ở Trung-quốc. Những thế kỷ gần đây họ lại phải trải qua một thử thách mới mà đương đầu là đề một mặt một cùn... Đó là cuộc tràn lấn của chủ nghĩa tư bản phương Tây. Mấy thế kỷ liền, bọn đế quốc thực dân tranh giành từng mảng đất đai Đông Nam Á, lũ thống trị muôn biến người da màu nơi đây cũng như khắp nơi trên thế giới thành lớp người hạ đẳng phục dịch cho chúng. Quyết chẳng phải ngẫu nhiên mà khắp nơi trong vùng Đông Nam Á, bọn xâm lược đều vấp phải sự chống trả quyết liệt của từng dân tộc. Chúng ta tự hào thấy Đảng ta, nhân dân ta, từ lâu sáng suốt và kiên trì chủ trương đoàn kết, kêu gọi đoàn kết giữa những người anh em, những nước láng giềng ở Đông Nam Á.

Cuộc đấu tranh chung của nhân dân các nước Đông Nam Á vì độc lập tự do, dài suốt lịch sử từ những thuở Đông-sơn – Sa-huỳnh, đặc biệt 30 năm chiến đấu gian khổ của Việt-nam và hai nước Lào, Cam-pu-chia là đề mở ra một kỷ nguyên thái bình thịnh vượng chung cho cả vùng

Nhưng cuộc sống hòa bình hạnh phúc đó, chúng ta chưa được hưởng. Cho nên, người Việt-nam chúng ta bất bình trước âm mưu của đế quốc Mỹ khuấy lên những bão táp mới ở vùng. Bất bình nhà cầm quyền Bắc-kinh tiếp tay chúng, lợi dụng tình hình có hàng chục triệu người Hoa ở Đông Nam Á đề dọa an ninh từng nước Đông Nam Á, áp úp tham vọng làm bá chủ Đông Nam Á. Cũng bất bình số người thiểu cận hay bị mua chuộc trong giới cầm quyền hiện nay ở các nước ở Đông Nam Á chưa đáp ứng nguyện vọng và lợi ích của nhân dân nước mình, của khu vực, chưa thực hiện trong khu vực một chính sách đoàn kết và hữu nghị.

Cuộc đấu tranh của nhân dân ta và

của nhân dân các nước khác ở Đông Nam Á vì hòa bình, hữu nghị và tiến bộ, sẽ đầy gian khổ, nhưng chúng ta không có con đường nào khác. Mục tiêu sẽ đạt được cũng lại xứng công. Và chúng ta sẽ đạt được mục tiêu, vì hướng phấn đấu của chúng ta là phù hợp với lịch sử, phù hợp với lòng người. Có nhân dân nước nào lại muốn những tên lính Mỹ ở lại Đông Nam Á? Nói lên «nguyên vọng» đó, chỉ có số tên ngự trị ở Trung-nam-hải! Cũng chắc chắn chỉ có bọn này mới mong mỗi những thí nghiệm Pôn Pốt mới, những tổ chức theo Mao ở từng nước Đông Nam Á... Mọi thứ còn tồn tại, một khi Đông Nam Á chưa đi vào quỹ đạo của truyền thống hữu ái và hợp tác vốn có từ xưa.

Sự ra đời và phát triển...

(Tiếp theo trang 65)

trào không liên kết làm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng. Từ đầu những năm 1970, khi Phong trào vượt qua được thử thách to lớn, kiên quyết đứng về phía nhân dân Việt-nam chống Mỹ xâm lược, cũng như đứng về phía nhân dân thế giới đấu tranh chống đế quốc, vì hòa bình và độc lập dân tộc, thì Phong trào đã tiến một bước dài trên con đường phát triển của mình và ngày càng đóng vai trò tích cực trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế.

Thực tế lịch sử 20 năm qua khẳng định rằng sức mạnh tổng hợp của ba dòng thác cách mạng vĩ đại trên thế giới, trước hết là cuộc đấu tranh của các nước châu Á, châu Phi, và châu Mỹ la tinh vì hòa bình, độc lập dân tộc, chống đế quốc và thực dân, trong đó có cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt-nam, đã đem lại sức sống cho Phong trào không liên kết và đưa Phong trào đi đúng mục tiêu của nó.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ

№ 11 — 1981

ФАМ ВАН ДОНГ: Новый шаг в движении кооперирования и развитие сельскохозяйственного производства в нашей стране. **НУЭН НГОК МИНЬ:** Законодательство в переходный период во Вьетнаме. **ФАМ ТХАНЬ:** В.И. ЛЕНИН: Полное Собрание сочинений — бесценная идейная сокровищница. **ФАН НГОК ЛИЕН — ЧИНЬ ВЬОНГ ХОНГ:** Президент Хо Ши Мин — зодчий вьетнамо-советской дружбы. **ЧАН ХЫУ ТИЕН:** Революционность и научность в руководстве. **МОНОГРАФИЧЕСКИЕ РАЗРАБОТКИ ★ ЧЫОНГ ШОН:** За правильное соотношение экономики центрального подчинения и экономики местного подчинения. **ФУК КЫОНГ:** Возникновение и развитие движения неприсоединившихся государств. **ФАМ ХУЙ ТХОНГ:** Юго-Восточной Азии в прошлом и сегодня.

REVIEW OF COMMUNISM № 11 — 1981

PHAM-VĂN-ĐỒNG — New Steps in the Movement of Cooperativization and the Development of Agricultural Production in Our Country. *NGUYỄN-NGỌC-MINH* — Law-Making in the Transitional Period in Vietnam. *PHAM-THÀNH* — Lenin's Collected Works, an Invaluable Treasure of Thoughts. *PHAN-NGỌC-LIÊN* and *TRỊNH-VƯƠNG-HỒNG* — President Ho Chi Minh, an Initiator of Vietnam — Soviet Friendship. *TRẦN-HỮU-TIẾN* — Revolutionary and Scientific Features in the Exercise of Leadership. **Studies ★ TRƯỜNG-SON** — Establishing Appropriate Relationships between the Central Economy and the Local Economy. *PHÚC-CƯƠNG* — The Non — Aligned Movement, Its Birth and Growth. *PHẠM-HUY-THÔNG* — South East Asia — Past and Present.

REVUE DU COMMUNISME № 11 — 1981

PHAM-VĂN-ĐỒNG — Un nouveau pas dans le mouvement de collectivisation et le développement de la production agricole dans notre pays. *NGUYỄN-NGỌC-MINH* — L'édification de la législation dans la période de transition au Vietnam. *PHAM-THÀNH* — *Tổng tập Lê-nin* (Lénine — Œuvres complètes), un trésor idéologique inestimable. *PHAN-NGỌC-LIÊN — TRỊNH-VƯƠNG-HỒNG* — Le Président Hồ Chí Minh, un constructeur de l'amitié vietnamo-soviétique. *TRẦN-HỮU-TIẾN* — Le caractère révolutionnaire et caractère scientifique dans le travail de direction. **Études ★ TRƯỜNG-SON** — Etablir des rapports justes entre l'économie centrale et l'économie régionale. *PHÚC-CƯƠNG* — La naissance et le développement du mouvement des Non-alignés. *PHẠM-HUY-THÔNG* — L'Asie du Sud-Est, hier et aujourd'hui.

REVISTA DEL COMUNISMO № 11 — 1981

PHAM-VĂN-ĐỒNG — Nuevo paso en el movimiento de cooperación y desarrollo de la producción agrícola en nuestro país. *NGUYỄN-NGỌC-MINH* — Elaborar leyes en el periodo de transición en Việt Nam. *PHAM-THÀNH* — «V. I. Lenin, obras completas», un precioso tesoro ideológico. *PHAN-NGỌC-LIÊN y TRỊNH-VƯƠNG-HỒNG* — Presidente Ho Chi Minh, constructor de la amistad Viet Nam — Unión Soviética. *TRẦN-HỮU-TIẾN* — El carácter revolucionario y el científico en el trabajo de dirección. **Estudios ★ TRƯỜNG-SON** — Establecer correctas relaciones entre la economía central y la regional. *PHÚC-CƯƠNG* — Nacimiento y desarrollo del Movimiento No Alineado. *PHẠM-HUY-THÔNG* — Sureste de Asia, ayer y hoy.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 11

1981

NĂM THỨ XXVI (311)

TRƯ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

I. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Điện thoại : 52061, 52062

*TRƯ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG
TẠI MIỀN NAM :*

40. Trần-Cao-Vân, T.P. Hồ-Chí-Minh

Điện thoại : 22040, 25768

MỤC LỤC

PHẠM-VĂN-DŨNG - Bước mới trong phong trào hợp tác hóa và sự nghiệp phát triển sản xuất nông nghiệp ở nước ta	1
NGUYỄN-NGỌC-MINH - Xây dựng pháp luật trong thời kỳ quá độ ở Việt-nam	6
PHẠM-THÀNH - " Toàn tập Lê-nin " một kho tàng tư tưởng vô giá	11
PHẠM-NGỌC-LIÊN - TRỊNH-VƯƠNG-HỒNG - Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, người xây đắp tình hữu nghị Việt - Xô	17
TRẦN-HỮU-TIẾN - Tinh cách mạng và tinh khoa học trong công tác lãnh đạo	22
Nghiên cứu ★ TRƯỜNG-SƠN - Xác lập đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương	29
NGUYỄN-KIẾN-PHƯỚC - Các hình thức hợp tác hóa nông nghiệp và khoán sản phẩm ở tỉnh Hậu-giang	36
BÙI-NGỌC-TRÌNH - Khắc phục tàn dư tư tưởng phong kiến trong công tác thanh niên	39
DÂN-TÂM - Công đoàn - chỗ dựa của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện các chính sách kinh tế ở các xí nghiệp	46
Sinh hoạt tư tưởng ★ CHU-MỘNG - Niềm tự hào	52
PHÚC-CƯƠNG - Sự ra đời và phát triển của phong trào không liên kết	55
PHẠM-HUY-THÔNG - Đông Nam Á xưa và nay	60

From:

交流圖書館
HIAO LIU PUB. ST.

KỶ NIỆM LẦN THỨ 64 CÁCH MẠNG XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA THÁNG MƯỜI VĨ ĐẠI (1917 - 1981)

— ★ —

Tìm đọc:

— LÊ-NIN TOÀN TẬP

(In lần thứ năm - Gồm 55 tập)

— L.I. BRÊ-GIƠ-NÊP

Theo con đường của Lê-nin
(Tập 1)

★

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Chi số: 12651

Giá: 0đ

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B



12

12.1981

1875

1875

1875

1875

1875

NHIỆM VỤ TRỌNG ĐẠI CỦA CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN TRONG THỜI KỲ MỚI



HÁNG 7 năm nay, trong diễn văn đọc tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VII, đồng chí Lê-Duẩn, thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng, đã chỉ rõ: « Với tinh thần cảnh giác thường xuyên đối với bọn phản động Bắc-kinh và các thế lực đế quốc hiếu chiến, chúng ta phải động viên những cố gắng mọi mặt của nhân dân và các lực lượng vũ trang, đồng thời sử dụng tốt nhất sự giúp đỡ của Liên-xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, để bảo đảm cho đất nước luôn luôn có đủ sức mạnh đánh thắng kẻ thù trong bất cứ tình huống nào và trong bất kỳ loại chiến tranh nào do chúng gây ra »

Đồng chí Tổng bí thư còn chỉ rõ: « Phải tiếp tục xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân đủ sức làm trụ cột cho nền quốc phòng toàn dân, làm nòng cốt trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Quân đội nhân dân phải tăng cường rèn luyện thành đội quân cách mạng hùng mạnh, có ý chí quyết thắng không gì lay chuyển được, có trình độ chính quy hiện đại ngày càng cao; đồng thời phải tham gia lao động sản xuất, xây dựng kinh tế bằng những phương thức thích hợp ».

Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta cần nhận thức sâu sắc tầm quan trọng chiến lược của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và trách nhiệm to lớn đối với công cuộc xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng trong thời kỳ mới. Toàn quân ta, mỗi cán bộ, chiến sĩ ta phải có quyết tâm rất cao, nỗ lực rất lớn và năng lực ngày càng giỏi để thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước và nhân dân giao cho.

Nhiệm vụ quan trọng nhất, thiêng liêng nhất của quân đội ta là bất luận trong tình hình nào quân đội cũng phải sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới rất nặng nề và phức tạp, với những yêu cầu rất lớn, phạm vi rất rộng, tính chất rất khẩn trương.

Điểm nổi bật của thời kỳ mới này là quân và dân ta đã và đang phải trực tiếp đương đầu với chính sách thù địch của kẻ thù trực tiếp, nguy hiểm nhất là bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc có đất rộng, dân nhiều, quân đông, tại liền đất, liền trời, liền biển với nước ta. Đạo nhiều năm qua, chúng đã lần lượt dùng nhiều thủ đoạn thâm độc lúc ngấm ngầm, lúc công khai chống phá cách mạng nước ta. Khi chúng ta vừa ra khỏi chiến tranh giải phóng lâu dài mấy chục năm, chúng đã giấu mặt, dùng ngay quân đội tay sai Pôn Pốt — kẻ Xa-ri gây chiến tranh xâm lược ở phía tây nam, tiếp đó lại trắng trợn dùng hơn nửa triệu quân Trung-quốc trực tiếp tiến hành chiến tranh xâm lược ở phía bắc nước ta. Đến nay, chúng vẫn ngoan cố theo đuổi âm mưu tam suy gấu và thôn

lành nước ta cùng hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em. Chúng thường xuyên gây sức ép, khiêu khích, lấn chiếm ở vùng biên giới nước ta bằng quân sự hoặc dùng nhũn lãn thủ nước ta để làm suy yếu lực lượng và trang bị. Chúng ra sức tiến hành chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp bằng những thủ đoạn rất xảo quyệt không gây chia rẽ dân tộc, phá rối an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phá hoại nước ta về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Chúng ráo riết tiến hành phá hoại kinh tế nước ta bằng những thủ đoạn tâng bốc, trợn và linh vi, hòng làm cho tình hình kinh tế và đời sống của ta không ổn định, cản trở công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Chúng tìm đủ mọi cách vu khống, bêu xấu lập Việt nam trên trường quốc tế. Chúng lập hợp những tên phản bội, phản cách mạng, lập thành những đội quân tay sai để chống phá cách mạng cả ba nước Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia... Di đối với các biện pháp phá hoại về mọi mặt ấy, bọn bành trướng, bá quyền Bắc-kinh vẫn ra sức chuẩn bị tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta. Chúng hung hăng tuyên bố "sẽ cho Việt-nam một bài học nữa". Có thể nói một cách tổng quát là bọn bành trướng, bá quyền Bắc-kinh câu kết với đế quốc Mỹ và các loại phản động quốc tế khác đang thật sự tiến hành một chiến lược phá hoại rất thâm độc và toàn diện đối với nước ta cả về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội, ngoại giao, hòng làm cho tình hình chính trị, kinh tế và xã hội nước ta không ổn định, làm cho ta suy yếu, gây ra bạo loạn và khi có cơ hội thì chúng tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta, tiến tới thôn tính nước ta cùng hai nước Lào và Cam-pu-chia. Vì thế, hiện nay đất nước ta đang ở trong tình thế vừa có hòa bình, vừa phải đối phó với chiến lược phá hoại toàn diện của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ, đồng thời có khả năng xảy ra chiến tranh lớn.

Tình hình thế giới cũng rất căng thẳng. Chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, đang ra sức tăng cường và trung, tích cực chuẩn bị chiến tranh thế giới mới bằng vũ khí hạt nhân. Đế quốc Mỹ, kẻ thù cơ bản lớn nhất của nhân dân ta và nhân dân toàn thế giới, đang tăng cường câu kết với quân sự với bọn phản động Bắc-kinh. Trước tình hình đó, chúng ta phải thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược rất nặng nề là vừa đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa luôn luôn sẵn sàng chiến đấu cao nhất để bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong mọi tình huống; đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh giữ gìn hòa bình trên toàn thế giới.

Là công cụ chủ yếu trực tiếp chống chiến tranh xâm lược, là trụ cột của nền quốc phòng toàn dân, quân đội ta đương nhiên phải đảm nhiệm đầy đủ trên mặt trận bảo vệ đất nước. Quân đội ta nhất định phải làm tròn nhiệm vụ bảo vệ vững chắc độc lập, tự do của Tổ quốc, chủ quyền thiêng liêng của dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển, thêm lục địa, biên giới, hải đảo của đất nước ta, không để cho kẻ thù xâm phạm một tấc đất của Tổ quốc. Phát huy sức mạnh chắc Nền nước chuyên chính vô sản và quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Quân đội ta phải cùng với toàn dân góp phần làm thất bại chiến lược phá hoại thâm độc và toàn diện của bọn phản động Trung-quốc đối với nước ta. Quân đội ta vừa phải làm tròn nhiệm vụ dân tộc, vừa phải làm tròn nghĩa vụ quốc tế. Phải luôn luôn sát cánh cùng nhân dân và quân đội hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em bảo vệ vững chắc những thành quả cách mạng to lớn đã giành được của ba nước Đông-dương, bảo vệ vững chắc sự nghiệp cách mạng vĩ đại ngày nay của ba nước là củng cố độc lập dân tộc và tiến lên chủ nghĩa

xã hội, trực tiếp góp phần rất quan trọng vào việc phát triển thế chiến lược mạnh mẽ và lực lượng ngày càng hùng hậu của các nước trên bán đảo Đông-dương. Làm tròn nhiệm vụ nói trên, quân đội ta mới thể hiện thật sâu sắc bản chất cách mạng và truyền thống tốt đẹp của mình, mới xứng đáng là trụ cột của nền quốc phồn toái dân.

Cùng với nhiệm vụ quan trọng nhất là sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, trong thời kỳ mới quân đội ta còn có nhiệm vụ lao động sản xuất, xây dựng kinh tế hàng những phương thức thích hợp, cùng với toàn dân đẩy mạnh sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn đã khẳng định chủ trương đó của Đảng là hoàn toàn đúng. Hơn 5 năm qua, cùng với việc hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chiến đấu, cùng toàn dân đánh thắng anh liệt hai cuộc chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng Bắc-kinh, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân hai nước Cam-pu-chia và Lào, quân đội ta đã góp phần của mình vào công cuộc hàn gắn những vết thương chiến tranh, phục hồi sản xuất, phát triển kinh tế, xây dựng đất nước. Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, các đơn vị làm nhiệm vụ săn sóc, tuần tra và chiến đấu trên các tuyến biên giới, hải đảo, trên các vùng trời, vùng biển cũng như các đơn vị bộ đội làm kinh tế, các đơn vị hậu cần của quân đội... đều đã khăn trương và tích cực làm nhiệm vụ sản xuất, xây dựng kinh tế với những quy mô, mức độ và phương thức hoạt động khác nhau. Trong tình hình hiện nay, nhiệm vụ lao động sản xuất, xây dựng kinh tế của quân đội ta cũng hết sức quan trọng. Nó góp phần tạo nên những chuyển biến mới, khắc phục những khó khăn to lớn trong đời sống kinh tế và xã hội của chúng ta. Thấm nhuần những tư tưởng chỉ đạo của Trung ương Đảng, quân đội ta làm kinh tế trước hết phải nhằm góp sức cùng các ngành kinh tế và các địa phương trong cả nước đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp và góp phần thúc đẩy sự phát triển của các ngành năng lượng, khai khoáng, xây dựng cơ bản phục vụ nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải; đồng thời góp phần hình thành các vùng kinh tế mới, các khu dân cư ở những vùng quan trọng, thực hiện tốt nhiệm vụ vận tải hàng không, tận dụng công suất thiết bị lao động và phế liệu của các nhà máy, xí nghiệp quốc phòng, sản xuất thêm một số mặt hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, thực hiện tốt nghĩa vụ quốc tế và hợp tác quốc tế. Trong những nhiệm vụ xây dựng kinh tế phải hợp với hoàn cảnh của các lực lượng và trang bị. Nhiệm vụ góp phần đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng có ý nghĩa hàng đầu. Để làm tròn nhiệm vụ kinh tế, vẫn đề đặt ra là quân đội ta phải xác định những yêu cầu sát hợp và tiến hành bằng những phương thức thích hợp. Toàn quân cần đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, đề ra làm ra nhiều lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, góp phần ổn định và từng bước cải thiện đời sống của bộ đội, giảm bớt khó khăn chung của Nhà nước và nhân dân. Đây là một yêu cầu rất quan trọng và bức thiết đối với mọi đơn vị từ tuyến sau đến tuyến trước, đối với mọi cán bộ, chiến sĩ, công nhân, nhân viên quốc phòng từ cơ quan, đơn vị đến nhà máy, xí nghiệp. Đối với những đơn vị chuyên làm kinh tế đảm đương toàn bộ hoặc từng phần, từng khâu của công trình theo kế hoạch của Nhà nước, cần xác định đúng yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị, sử dụng đúng lực lượng, thời gian và phương tiện, vận dụng tốt các chế độ, chính sách về lao động sản xuất mà Nhà nước đã ban hành, đồng thời cần có sự hợp tác xã hội chủ nghĩa chặt chẽ với các ngành kinh tế và các địa phương nhằm phát huy cao độ những chỗ mạnh và khắc phục những chỗ hạn chế của tổ chức quân sự làm kinh tế. Bảo đảm

nguyên tắc quân đội phải làm tốt cả hai nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và xây dựng kinh tế, thực hiện sự kết hợp chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ đó. Quân đội ta nhất định phải tranh thủ góp phần tích cực nhất vào việc xây dựng kinh tế, vì quân đội ta là một quân đội cách mạng, luôn luôn gần bó máu thịt với nhân dân trong chiến đấu cũng như trong xây dựng, và lại là một lực lượng có nhiều khả năng đóng góp công sức vào sự nghiệp xây dựng đất nước giàu mạnh



Để làm tròn những nhiệm vụ lớn trên đây, các lực lượng vũ trang cần ra sức xây dựng về mọi mặt, tạo nên sức mạnh tổng hợp lớn nhất trong những hoàn cảnh và điều kiện mới. Nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới đòi hỏi phải xây dựng lực lượng vũ trang ta thành một lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng hùng mạnh, một quân đội có trình độ chính quy hiện đại ngày càng cao, một quân đội vừa sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi bảo vệ Tổ quốc, vừa tham gia lao động sản xuất góp phần xây dựng kinh tế, xây dựng đất nước, làm tròn nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế.

Quân đội ta phải càng toàn dân luôn luôn gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Phải nhận rõ kẻ thù nguy hiểm và trực tiếp của quân và dân ta hiện nay là chủ nghĩa bành trướng, bá quyền Trung-quốc-câu-kết với đế quốc Mỹ. Phải kiên quyết chiến đấu và chiến thắng mọi hành động phá hoại và xâm lược của chúng. Phải rất mực trung thành với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, phải thể hiện rõ bản chất của giai cấp công nhân, gần bó máu thịt với nhân dân lao động, đoàn kết chặt chẽ với bạn bè quốc tế, quyết chiến quyết thắng mọi kẻ thù. Cán bộ, chiến sĩ ta phải không ngừng nêu cao lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản, tự tưởng làm chủ tập thể và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ra sức hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao cho.

Quân đội ta ngày nay đã có một bước phát triển lớn về tổ chức, cao hơn bất cứ thời kỳ nào trước đây. Phải ngày càng hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tạo nên sự đồng bộ và cân đối giữa yêu cầu của nhiệm vụ và số quân cần thiết, giữa quân chủ lực và quân địa phương, giữa lực lượng cơ động và lực lượng tại chỗ, giữa lực lượng thường trực và lực lượng hậu bị, giải quyết đúng mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng bộ đội, thực hiện tốt chế độ nghĩa vụ quân sự.

Quân đội ta đang từng bước được trang bị những phương tiện và vũ khí kỹ thuật ngày càng hiện đại và đứng trước những yêu cầu mới của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Cán bộ, chiến sĩ ta phải dày công học tập, rèn luyện, không ngừng nâng cao trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, bản lĩnh chiến đấu, đề ngày càng làm chủ vững chắc, sử dụng thành thạo, bảo quản thật tốt những trang bị hiện đại, phát huy cao nhất uy lực của mọi thứ vũ khí có trong tay. Học tập bằng nhiều hình thức phải trở thành một phong trào thời sự rộng khắp, sôi nổi, một yêu cầu không thể thiếu được, một tiêu chuẩn phấn đấu của tất cả các cán bộ, chiến sĩ quân đội ta. Không học tập trong lúc này, chắc chắn không hoàn thành tốt được nhiệm vụ.

Quân đội ta đã trải qua hơn 35 năm chiến đấu, qua 5 cuộc chiến đấu lớn: một cuộc Tổng khởi nghĩa vũ trang, hai cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Cán bộ, chiến sĩ ta phải biết kế thừa và

phát huy truyền thống quân sự và kinh nghiệm chiến đấu rất phong phú của quân và dân ta mấy chục năm qua, của tổ tiên ta mấy nghìn năm trước, đồng thời học tập và vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm tiên tiến của khoa học quân sự Xô viết và của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Phải quán triệt đường lối quân sự của Đảng trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần tích cực nhất vào việc xem xét và giải quyết những vấn đề mới về khoa học và nghệ thuật quân sự bảo vệ Tổ quốc chống kẻ thù mới trong điều kiện mới.

Quân đội ta hiện nay đang trong tư thế phát luôn luôn sẵn sàng chiến đấu thật cao. Cán bộ, chiến sĩ phải thường xuyên mài sắc tinh thần cảnh giác, nung nấu chí căm thù sâu sắc kẻ địch tàn ác và thâm hiểm, thường xuyên nắm vững tình hình địch, tình tào trước mọi hoạt động của chúng, trước những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, kịp thời đập tan mọi thủ đoạn phá hoại, xâm lược của địch trong bất kỳ tình hình nào.

Quân đội ta đang tích cực thực hiện cuộc vận động lớn có ý nghĩa chiến lược "phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu" nhằm tạo nên một bước phát triển mới quan trọng về chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang ta. Cuộc vận động đã đề ra những yêu cầu đúng đắn, thiết thực trong hai năm 1981 - 1982 mà toàn quân ta phải tập trung phấn đấu đạt cho kỳ được. Các cấp Đảng và chính quyền, các đoàn thể, các ngành cần quan tâm làm hơn nữa đến cuộc vận động và tùy theo chức năng của mình mà góp phần thiết thực làm cho cuộc vận động đạt được kết quả tốt,



Xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản là trung ương đến cơ sở dưới sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Trung ương Đảng. Kinh nghiệm lớn của chiến tranh cách mạng và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng ở Việt-nam đã khẳng định điều đó. Đó là điều kiện cơ bản tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn trong cách mạng và chiến tranh cách mạng Việt-nam. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự quan tâm đầy đủ của Nhà nước, sự chăm sóc tận tình của nhân dân, sự hiệp đồng chặt chẽ của các ngành, các địa phương, và sự học tập, rèn luyện để có khả năng hoàn thành mọi nhiệm vụ của bản thân quân đội, đó là những nguồn sức mạnh vô địch của quân đội ta trước đây, hiện nay cũng như mãi mãi sau này.

Sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta ngày nay đòi hỏi mọi cán bộ, chiến sĩ ta nêu cao quyết tâm sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc, sẵn sàng đem hết tâm trí và sức lực cống hiến cho công cuộc bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế, góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, sự nghiệp cách mạng của nước ta cũng đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân ta hết lòng chăm lo xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của bộ đội ta với tất cả nhận thức đúng đắn, trách nhiệm đầy đủ, tình cảm sâu sắc và hành động thiết thực. Đó thật sự là một động lực mạnh mẽ, một tình cảm thiêng liêng, một điều kiện không thể thiếu để động viên, thúc thúc các lực lượng vũ trang ta hăng hái tiến lên làm tròn nhiệm vụ trọng đại mà Đảng, Nhà nước, nhân dân giao cho trong thời kỳ mới.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC DÂN VẬN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

TRẦN-QUỐC-HOÀN



QT bài học kinh nghiệm đã trở thành nguyên tắc và phương châm xây dựng Đảng ta là giữ gìn mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng.

Trong giai đoạn mới, toàn Đảng, toàn dân ta phải tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và luôn luôn đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện được những nhiệm vụ trên, cần phải nâng cao chất lượng lãnh đạo, tăng cường sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Đảng thật vững mạnh và trong sạch; tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, cải tiến và làm tốt công tác dân vận, phát động mạnh mẽ phong trào cách mạng của quần chúng. Trên cơ sở đó, tăng cường củng cố khối đoàn kết dân tộc, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nhằm mục tiêu "Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân".

I - VỊ TRÍ CÔNG TÁC DÂN VẬN TRONG ĐIỀU KIỆN CÓ CHÍNH QUYỀN

Những thắng lợi của cách mạng Việt-nam trong nửa thế-kỷ qua là kết quả của đường lối độc lập, tự chủ và sáng tạo của Đảng ta, đồng thời cũng là kết quả công tác vận động quần chúng của Đảng. Truyền thống tốt đẹp và ngaiên sức mạnh vô địch của Đảng ta là ở mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng nhân dân.

Song, trong điều kiện có chính quyền, nhiều ngành, nhiều địa phương còn xem nhẹ công tác vận động quần chúng, xem nhẹ việc xây dựng các đoàn thể nhân dân, và phát huy vai trò chính trị của chúng. Nhiều cấp ủy Đảng chưa coi trọng lãnh đạo công tác quần chúng. Có tình trạng khá phổ biến là cán bộ.

đảng viên ngại làm công tác vận động quần chúng; cán bộ chính quyền còn quan liêu, hách dịch với quần chúng; cán bộ làm công tác vận động quần chúng cũng không đi sát quần chúng mà còn hoạt động theo phương thức hành chính. Sở dĩ như vậy là do nhiều người chưa có nhận thức sâu sắc về vị trí của công tác vận động quần chúng trong tình hình có chính quyền hiện nay. Bởi vậy, vấn đề đặt ra là phải làm cho các cấp ủy và tổ chức Đảng, các cấp chính quyền và đoàn thể nhân dân nhận thức sâu sắc rằng công tác vận động quần chúng bao giờ cũng có tầm quan trọng chiến lược; đặc biệt trong điều kiện có chính quyền, nó lại càng có ý nghĩa quan trọng và phải được quán triệt trong mọi mặt công tác của Đảng, của chính quyền.

Trước hết, cần nhận thức rõ, cách mạng bao giờ cũng là sự nghiệp của quần chúng. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, mọi chính sách, pháp luật của Nhà nước, mọi nhiệm vụ của các đoàn thể nhân dân cuối cùng đều do quần chúng thực hiện. Sức mạnh của Đảng thể hiện ở sức mạnh của đông đảo quần chúng có giác ngộ chính trị và được tổ chức chặt chẽ. Hồ Chủ tịch đã nói: «Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong». Trong diễn văn đọc tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VII, đồng chí Lê Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng nói: «Việc phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống đạt kết quả nhiều hay ít, nhanh hay

chậm, một phần quan trọng tùy thuộc vào tinh thần chủ động, tự giác, ý thức kỷ luật và sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể nhân dân ta». Từ trước tới nay, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay, quần chúng nhân dân chính là người thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai là, trong điều kiện có chính quyền, cần phải đề phòng các tệ quan liêu, mệnh lệnh, của quyền làm cho Đảng xa rời quần chúng làm cho chuyển chính vô sản bị suy yếu. Công tác vận động quần chúng phải được quán triệt trong mọi lĩnh vực công tác của Đảng. Đồng thời công tác vận động quần chúng phải được coi là một yếu tố quan trọng bảo đảm cho các đường lối, chủ trương của Đảng, các chính sách và pháp luật của Nhà nước được vạch ra đúng đắn và được thực hiện nghiêm chỉnh. Giữ gìn mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng, hết lòng phục vụ quần chúng phải là phẩm chất của mỗi đảng viên cộng sản, phải là trách nhiệm của mỗi tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng.

Thứ ba là, quần chúng nhân dân là cơ sở chính trị - xã hội của chế độ xã hội mới. Cũng cố mạnh mẽ đội ngũ giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa, các lực lượng thanh niên và phụ nữ, tức là củng cố cơ sở chính trị, làm nền tảng vững chắc cho chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa.

II - NỘI DUNG CỦA CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG QUẦN CHÚNG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Công tác vận động quần chúng trong giai đoạn mới phải nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời

ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa

học kỹ thuật là then chốt, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới, thực hiện thắng lợi cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Công tác vận động quần chúng trong giai đoạn mới phải gắn chặt với sản xuất và đời sống, với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Nó phải nhằm nâng cao được ý thức và năng lực làm chủ của quần chúng, vừa bảo đảm quyền lợi của quần chúng, vừa động viên quần chúng hăng hái làm tròn các nghĩa vụ lao động và bảo vệ Tổ quốc; nâng cao tính tích cực và sáng tạo của quần chúng trong việc phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động cũng như trong việc tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội, tạo nên một phong trào cách mạng sôi nổi và rộng lớn nhằm vào mục tiêu chung: « Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân ».

Bước phát triển mới của công tác vận động quần chúng trong điều kiện có chính quyền là, cả ba bộ phận của hệ thống chuyên chính vô sản đều phải chăm to công tác vận động quần chúng.

Khác với trước khi có chính quyền, ngày nay, khi đã nắm chính quyền thì mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng thể hiện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đảng liên hệ với quần chúng không chỉ thông qua các tổ chức Đảng và các đoàn thể nhân dân, mà còn thông qua cả một hệ thống các cơ quan Nhà nước, thông qua bộ máy chính quyền các cấp. Công tác vận động quần chúng không phải chỉ là việc riêng của Đảng và các đoàn thể nhân dân, mà là trách nhiệm của cả ba bộ phận trong hệ thống chuyên chính vô sản.

Vì vậy cần phải thể chế hóa trách nhiệm của các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể nhân dân trong công tác vận động quần chúng, làm cho quần chúng nêu cao vai trò làm

chủ tập thể trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước

Công tác vận động quần chúng là một trong những khâu công tác then chốt của các tổ chức Đảng.

Trong điều kiện có chính quyền, công tác vận động quần chúng của Đảng không những không giảm nhẹ, mà còn phải được tăng cường. Các cấp ủy Đảng cần tổng kết công tác dân vận để trong thời gian tới tăng cường công tác giáo dục nâng cao nhận thức của quần chúng về mọi mặt, nhất là nhận thức về chủ nghĩa xã hội, về cách mạng xã hội chủ nghĩa; đồng thời ban hành các chủ trương, chính sách đối với các giai cấp và tầng lớp quần chúng, nâng cao tính cách mạng và tính khoa học trong công tác vận động quần chúng; bố trí cán bộ có phẩm chất đạo đức và có năng lực vào các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, bảo đảm cho chính quyền Nhà nước thật sự là của dân, do dân và vì dân, đồng thời hết sức giúp đỡ các đoàn thể nhân dân đổi mới phương thức hoạt động, khắc phục bệnh hành chính, quan liêu, tạo nên một sự chuyển biến mới trong hoạt động của các đoàn thể và trong phong trào cách mạng của quần chúng.

Các cấp ủy Đảng cần quy định thành chế độ: đảng viên dù ở cấp nào cũng phải tham gia công tác xã hội, tham gia hoạt động của các đoàn thể, nhận sự phân công phụ trách một số người trong quần chúng. Phải có kế hoạch định kỳ gặp gỡ quần chúng, giải thích thời sự, chính sách và các chủ trương của Đảng và Nhà nước cho quần chúng, tự phê bình trước quần chúng, lấy ý kiến phê bình của quần chúng, nhận xét sự hoạt động của các tổ chức quần chúng. Kiên quyết khắc phục tệ quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng trong cán bộ, đảng viên.

Chính quyền Nhà nước là công cụ chủ yếu để nhân dân lao động thực hiện quyền làm chủ của mình. Các cơ

quan chính quyền có trách nhiệm phục vụ nhân dân, giữ gìn mối liên hệ mật thiết với quần chúng, tổ chức lấy ý kiến nhân dân về một số chính sách quan trọng có liên quan đến quyền lợi chính trị, vật chất, văn hóa của nhân dân, bắt cứ việc gì cũng cần có phương án vận động quần chúng. Cần khắc phục bệnh quan liêu, mệnh lệnh, hách dịch với quần chúng. Công việc của các cơ quan kinh tế, sự nghiệp, văn hóa, xã hội trước hết phải nhằm phát huy cao độ tiềm lực vật chất và tinh thần của dân; sử dụng hợp lý nhất vật tư và tiền vốn của Nhà nước, vì lợi ích của nhân dân; kiên quyết bài trừ thói của quyền, bản ơn, vô trách nhiệm. Cần bộ, nhân viên Nhà nước và các lực lượng vũ trang cần phải am hiểu công tác vận động quần chúng, phải gần gũi quần chúng, tuyên truyền, giải thích đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước trong quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng.

Cơ quan chính quyền các cấp có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi, kể cả điều kiện vật chất, cho các đoàn thể quần chúng hoạt động; phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể trong việc vận động quần chúng thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, kế hoạch và pháp luật của Nhà nước; tổ chức và động viên các phong trào thi đua. Cần có những quy chế Nhà nước để các đoàn thể nhân dân mỗi riêng và Mặt trận Tổ quốc nối chung tham gia xây dựng chính quyền, và kiểm tra công việc của chính quyền, tham gia quản lý kinh tế và xã hội một cách có hiệu quả, chủ ý mở rộng hình thức kiểm tra nhân dân. Trong những năm tới cần tiến hành xây dựng Luật thanh niên, bổ sung Luật công đoàn, Luật hôn nhân và gia đình...

Trong điều kiện có chính quyền, các đoàn thể nhân dân là một bộ phận hợp thành quan trọng của hệ thống chuyên chính vô sản. Các đoàn thể

nhân dân có vị trí hết sức quan trọng, chúng là sợi dây nối liền Đảng với quần chúng, giúp Đảng đi sâu vào các tầng lớp quần chúng, tập hợp, động viên, giáo dục các tầng lớp quần chúng thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng. Chúng còn là chỗ dựa vững chắc của chính quyền Nhà nước, có nhiệm vụ động viên quần chúng tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội, kiểm tra, giám sát công việc của chính quyền, thực hiện quyền làm chủ của quần chúng, qua đó mà làm cho chính quyền ngày càng được củng cố vững chắc.

Trong giai đoạn mới, vai trò và sức mạnh của các đoàn thể là ở trình độ, năng lực tổ chức, tập hợp quần chúng, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho quần chúng, khởi động tinh thần tích cực, chủ động, sáng tạo của quần chúng tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, tổ chức và đẩy mạnh các phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa.

Là trường học về chủ nghĩa xã hội, các đoàn thể có trách nhiệm lớn trong việc xây dựng con người mới, không ngừng nâng cao hiểu biết về chủ nghĩa xã hội, nâng cao ý thức và năng lực làm chủ tập thể cho quần chúng; bồi dưỡng cho quần chúng có thái độ lao động mới; lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao; giáo dục cho quần chúng nhận rõ tình hình và nhiệm vụ cách mạng, thấy rõ thắng lợi đồng thời thấy hết khó khăn và nhận rõ vị trí, trách nhiệm của mỗi người, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chế độ xã hội chủ nghĩa.

Là người đại diện cho lợi ích và quyền làm chủ tập thể của quần chúng, các đoàn thể có trách nhiệm động viên quần chúng đi vào "ba cuộc cách mạng", cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện kế hoạch Nhà nước, tăng cường an ninh và quốc phòng. Các đoàn

thể phải tham gia thiết thực và có hiệu quả vào công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội, và kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân lao động. Các đoàn thể có trách nhiệm đóng góp ý kiến vào việc xây dựng các chính sách kinh tế, xã hội của Đảng và Nhà nước, đồng viên quần chúng thực hiện các chủ trương, chính sách đó.

Cần phải đổi mới phương thức hoạt động của các đoàn thể cho phù hợp với điều kiện mới, khi mà trình độ và yêu cầu của quần chúng đều đã được nâng lên, tránh bệnh hành chính, quan liêu xa rời cơ sở, xa rời quần chúng. Cần nhanh chóng củng cố tổ chức cơ sở của các đoàn thể, có quy hoạch và kế hoạch đào tạo cán bộ các đoàn thể. Có như vậy mới tập hợp được đông đảo quần chúng, làm cho đoàn viên, hội viên có phẩm giá cao, thiết tha gắn bó với đoàn thể của mình.

Công tác vận động quần chúng phải có một bước phát triển mới nữa là nó phải được đặt trên cơ sở khoa học, để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới, phù hợp với trình độ và yêu cầu mới của quần chúng.

Công tác vận động quần chúng đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi cán bộ, đảng viên có kiến thức về chủ nghĩa xã hội, về quản lý kinh tế, quản lý xã hội và tổ chức sản xuất, về xã hội học, tâm lý học, giáo dục học, về khoa học lý thuyết và phải có năng lực vận động quần chúng tiến hành cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, thực hiện "ba cuộc cách mạng", tổ chức và động viên phong trào thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, phát huy mọi phẩm chất tích cực, đấu tranh khắc phục những mặt tiêu cực trong quản lý kinh tế và quản lý xã hội.

Trong điều kiện mới, trình độ mọi mặt của quần chúng ngày càng được nâng cao; hơn nữa các tầng lớp quần chúng còn có những yêu cầu và nguyện vọng mới. Vì vậy, công tác vận động quần chúng không thể đơn điệu, cứng nhắc, mà phải điều tra nghiên cứu, đi vào tâm lý con người, để có nội dung và hình thức vận động thích hợp với từng loại đối tượng.

Công tác vận động quần chúng trong giai đoạn mới cần phải đi sâu tổng kết, rút ra những bài học kinh nghiệm, từ đó đổi mới các hình thức tổ chức và phương thức hoạt động cho phù hợp với giai đoạn mới.

Phong trào cách mạng của quần chúng là sự thể hiện cụ thể kết quả công tác vận động quần chúng của các tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể. Ở đâu có phong trào quần chúng sôi nổi tức là ở đó có tổ chức Đảng mạnh, chính quyền mạnh, các đoàn thể mạnh, đồng thời cũng thể hiện rõ sự trưởng thành của quần chúng về ý thức và năng lực làm chủ tập thể.

Do vậy, muốn thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ cách mạng của Đảng trong giai đoạn mới, thì phải đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng. Phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa hiện nay phải hướng vào việc đẩy mạnh sản xuất và thực hành tiết kiệm, chống tiêu cực, xây dựng cuộc sống mới, củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Mọi phong trào đều phải có nội dung chính trị, kinh tế, xã hội và mục tiêu cụ thể gắn chặt với việc xây dựng và hoàn thành thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, tăng cường an ninh, trật tự; cũng có quốc phòng ở từng cơ sở, từng địa phương, đặc biệt là trên địa bàn huyện, quận. Mỗi phong trào thi đua đều phải đạt được hiệu quả về ba mặt: kinh tế - xã hội, bồi dưỡng con người mới, xây dựng và phát triển tổ

chức. Để có phong trào, nhất thiết phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể. Các đoàn thể, trước hết là công đoàn có nhiệm vụ tổ chức, động viên và nuôi dưỡng phong trào cách mạng luôn luôn sôi nổi, liên tục, rộng khắp bằng nhiều hình thức phong phú. Các cơ quan Nhà nước phải tạo được một cơ chế quản lý có tác dụng khuyến khích mạnh mẽ người lao động hàng hải làm việc vì lợi ích của xã hội, của tập thể và của chính bản thân mình, đồng thời phải phối hợp với các đoàn thể và tạo mọi điều kiện vật chất cho

phong trào thi đua. Thực tiễn hoạt động của các điển hình tiên tiến trong phong trào quần chúng thực hiện chủ trương khoán sản phẩm đều nhưm cả người lao động ở nông thôn và thực hiện lương khoán ở các xí nghiệp công nghiệp, đã cho chúng ta nhiều bài học quý. Các cấp Đảng và chính quyền cần làm tốt việc tổng kết và phát huy tác dụng tích cực của các điển hình tiên tiến, có chính sách động viên khen thưởng kịp thời để thúc đẩy phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ.

III - ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐOÀN THỂ QUẦN CHÚNG

Qua quá trình thực hiện ba cuộc cách mạng, cơ cấu xã hội - giai cấp ở nước ta đã có những biến đổi mới. Ở miền Bắc, đại bộ phận nhân dân là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa. Ở miền Nam, còn 5 thành phần xã hội: công nhân, nông dân, thợ thủ công, tiểu thương cá thể, tư sản. Giai cấp công nhân phần lớn đã là công nhân xí nghiệp quốc doanh và hợp doanh, giai cấp nông dân và thợ thủ công đã trở thành người làm chủ về tư liệu sản xuất và trên 50% đã đi vào làm ăn tập thể. Ý thức và năng lực làm chủ tập thể của các tầng lớp nhân dân đã được nâng lên một bước đáng kể.

1 - *Đội ngũ giai cấp công nhân, viên chức và tổ chức công đoàn.*

Ở nước ta, vai trò của giai cấp công nhân trong đời sống xã hội ngày càng được nâng lên. Số lượng công nhân trong năm qua tăng 24%, đội ngũ công nhân kỹ thuật đã lên tới 1,3 triệu, nếu kể cả viên chức và những người lao động khác trong khu vực Nhà nước thì con số là 3,6 triệu. Vai trò của giai cấp công nhân - giai cấp tiên phong,

giai cấp lãnh đạo cách mạng - được tăng cường và củng cố không chỉ vì số lượng tăng, mà chủ yếu là vì nó đã nắm trong tay hàng nghìn cơ sở sản xuất và kinh doanh quốc doanh, nhiều cơ sở công nghiệp nặng hiện đại, chi phối các mạch máu của nền kinh tế quốc dân; 60% đã qua các trường dạy nghề, trình độ văn hóa đại bộ phận là cấp II, cấp III; nhiều công nhân được bầu vào các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền và các đoàn thể. Trước những biến động ở nơi này nơi khác trên thế giới, trước những khó khăn về kinh tế và đời sống, giai cấp công nhân nước ta đã tỏ ra vững vàng và sáng tạo, tìm cách khắc phục khó khăn để duy trì và đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống, vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

Nhưng, trước yêu cầu xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân xã hội chủ nghĩa, thì giai cấp công nhân nước ta còn nhiều thiếu sót và nhược điểm mà biểu hiện là: ý thức giác ngộ giai cấp chưa cao, còn chịu ảnh hưởng của tâm lý và tác phong của người sản xuất nhỏ, tay nghề và năng suất lao

đồng còn thấp, tính kỷ luật và tác phong đội công nghiệp còn yếu, một bộ phận không nhỏ trong giai cấp công nhân và viên chức còn có những biểu hiện tiêu cực, có nơi, có lúc khá nghiêm trọng.

Công đoàn là tổ chức quần chúng rộng lớn nhất của giai cấp công nhân và viên chức, là người cộng tác gần gũi nhất, là chỗ dựa vững chắc của chính quyền Nhà nước.

Trong thời gian vừa qua, hoạt động của công đoàn đã có những đóng góp thiết thực vào việc quản lý Nhà nước, quản lý xí nghiệp, động viên công nhân, viên chức đẩy mạnh các phong trào thi đua lao động sản xuất và tiết kiệm, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, khắc phục khó khăn, giữ vững sản xuất, chăm lo đời sống của công nhân, viên chức.

Nhưng, tổ chức và hoạt động của công đoàn các cấp trong giai đoạn mới còn mang tính chất hành chính, không thật bám sát sản xuất, bám sát cơ sở, sâu sát công nhân. Công đoàn cũng chưa phát huy đầy đủ quyền làm chủ tập thể của công nhân, viên chức trong việc thực hiện luật công đoàn, đấu tranh chống những mặt tiêu cực, những tệ quan liêu, mệnh lệnh, ăn cắp, hối lộ, móc ngoặc xảy ra trong cơ quan, xí nghiệp; bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân.

Đảng ta luôn luôn coi công đoàn là một công cụ mạnh mẽ để xây dựng giai cấp công nhân Việt-nam xã hội chủ nghĩa và thu hút toàn bộ giai cấp công nhân đi theo phong trào trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Công đoàn các cấp phải đi sâu vào đời sống công nhân, viên chức, để hiểu biết tâm trạng, đời sống, trình độ giác ngộ và tay nghề của họ; phải thông qua phong trào lao động sản xuất, thông qua tổ, đội sản xuất mà giáo dục ý thức giai cấp công nhân, thái độ lao động mới, tạo động cơ kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao, và tác phong

đại công nghiệp; phải bằng tình thương yêu giai cấp mà chăm lo chu đáo đến những nhu cầu chính đáng của anh chị em. Công đoàn cần tham gia vào việc đào tạo, kèm cặp đội ngũ công nhân học nghề, những thanh niên mới bước vào nghề nhằm tạo điều kiện cho anh chị em mau chóng trở thành người công nhân công nghiệp thật sự.

Công đoàn phải thật sự tham gia vào việc xây dựng và thực hiện kế hoạch Nhà nước từ cơ sở (nhà máy, công trường, nông trường v.v.) đến toàn quốc, tăng cường công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện các hợp đồng tập thể, giải quyết mọi vấn đề về lao động, bảo vệ lợi ích của công nhân, viên chức, kiên quyết đấu tranh chống những mặt tiêu cực, nhưng lịch lạc trong việc thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước trong cơ quan, xí nghiệp. Công đoàn có trách nhiệm to lớn đóng góp vào sự lãnh đạo của Đảng, tham gia bồi dưỡng, đào tạo, cung cấp cho Đảng, Nhà nước một đội ngũ cán bộ xuất thân từ giai cấp công nhân.

Để làm được những việc trên, cần xác định rõ trách nhiệm của công đoàn và trách nhiệm của các cơ quan Đảng, Nhà nước trong việc xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân xã hội chủ nghĩa, trách nhiệm của công đoàn tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xí nghiệp theo một cơ chế và thể chế cụ thể.

Trong thời gian tới, công đoàn cần phải được kiện toàn về tổ chức, nâng cao năng lực hoạt động, làm cho công tác công đoàn đi sâu vào sản xuất, đi sát công nhân, sát cơ sở, nhằm tác động thiết thực vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - kỹ thuật và xây dựng giai cấp công nhân xã hội chủ nghĩa. Cán bộ công đoàn cần phải được đào tạo và bồi dưỡng theo một quy hoạch và kế hoạch toàn diện với sự kết hợp tốt giữa các lực lượng chuyên trách và không chuyên trách. Các trường của công đoàn cần cải tiến

chương trình giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng.

2 - Nông dân lao động và tổ chức Hội liên hiệp nông dân tập thể

Chính sách của Đảng ta đối với nông dân là bằng con đường hợp tác hóa, cải tạo những người nông dân cá thể, biến họ thành những thành viên của giai cấp nông dân tập thể, tăng cường hơn nữa khối liên minh công nông vững chắc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Ở miền Bắc, nông dân lao động đã trở thành giai cấp nông dân tập thể. Trong quá trình củng cố hợp tác xã, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tinh thần tập thể của người nông dân từng bước được nâng cao, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới. Trong việc thực hiện chủ trương khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, trong nông thôn, những nơi làm đúng chỉ thị của Ban bí thư đã tạo ra được một khí thế lao động mới, tự giác, tận dụng đất đai và sức lao động, phát triển sản xuất, ổn định đời sống, nâng cao một bước năng lực làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Chúng ta cần tổng kết kinh nghiệm phát huy mặt tốt, uốn nắn mặt thiếu sót để đưa phong trào tiến bước vững chắc.

Ở miền Nam, nông dân đang từng bước đi vào con đường làm ăn tập thể, trên 50% nông dân đã vào hợp tác xã hoặc tập đoàn sản xuất. Vấn đề lớn cần chú ý là, đi đôi với việc tăng cường công tác vận động nông dân, cần có chính sách đúng, có tổ chức quản lý tốt, thì nông dân mới tiếp nhận con đường hợp tác hóa một cách thuận lợi và tích cực thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tổ chức Nông hội nay là tổ chức Hội liên hiệp nông dân tập thể có tác dụng tích cực trong việc giáo dục về cách mạng xã hội chủ nghĩa, động viên nông dân đi vào con đường làm

ăn tập thể, chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ở nông thôn.

Ở những nơi đã hợp tác hóa, thì hợp tác xã và tập đoàn sản xuất vừa là tổ chức sản xuất vừa là tổ chức quản chúng rộng rãi của nông dân tập thể. Hợp tác xã không những chăm lo về sản xuất, mà còn có trách nhiệm chăm lo mọi mặt của người nông dân, giáo dục người nông dân khác phục những mặt tiêu cực của người sản xuất nhỏ, nâng cao ý thức tập thể, ý thức chăm lo xây dựng và củng cố hợp tác xã, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

Hội đồng nông dân tập thể các cấp giúp Đảng và Nhà nước giữ mối liên hệ mật thiết với nông dân, cùng nông dân tập thể bàn bạc đề xây dựng các chính sách đúng đắn, tiến hành "ba cuộc cách mạng" ở nông thôn, phát huy quyền làm chủ tập thể của nông dân, động viên nông dân đầy mạnh sản xuất, xây dựng và củng cố hợp tác xã, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

3 - Thợ thủ công và Liên hiệp xã thủ công nghiệp.

Thợ thủ công chuyên nghiệp ở nước ta có trên 1 500 000 người; ở miền Bắc 90% lao động trong các hợp tác xã thủ công nghiệp, ở miền Nam mới đi vào làm ăn tập thể, chủ yếu ở dạng tổ, hợp tác. Đây là đội ngũ những người lao động có tay nghề giỏi, có nhiều tiềm năng, đã sáng tạo ra 61% giá trị sản lượng công nghiệp địa phương. Ở các tỉnh miền Nam, đội lao động hợp tác đã động viên thợ thủ công cá thể chấp hành các chính sách sản xuất, kinh doanh của Nhà nước và đi vào con đường làm ăn tập thể. Khi họ đã vào hợp tác xã thì hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp vừa là tổ chức sản xuất, vừa là tổ chức quản chúng rộng rãi của thợ thủ công, có trách nhiệm chăm lo mọi mặt sản xuất và đời

sống của họ, chăm lo việc giáo dục chính trị, tư tưởng cho họ. Liên hiệp xã thủ công nghiệp là tổ chức đại diện quyền làm chủ tập thể của thợ thủ công, giữ mối liên hệ mật thiết với Đảng và Nhà nước, góp phần xây dựng các chính sách cần thiết, tăng cường xây dựng, mở rộng và củng cố các hợp tác xã thủ công nghiệp và thủ công nghiệp. Đoàn thanh niên và Hội liên hiệp phụ nữ cần phối hợp chặt chẽ với Liên hiệp xã thủ công nghiệp giáo dục về lập trường giai cấp công nhân, về ý thức và năng lực làm chủ tập thể, bồi dưỡng tay nghề và xây dựng phong cách lao động mới cho anh chị em.

4 - Đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa.

Trong 5 năm qua, giới trí thức ở nước ta tăng lên nhanh. Chúng ta hiện có 26 vạn cán bộ có trình độ đại học và trên đại học, 60 vạn cán bộ trung cấp chuyên nghiệp, đó là chưa kể 30 vạn học sinh đại học và trung học chuyên nghiệp. Giới trí thức ngày càng đóng vai trò to lớn, không chỉ trong cách mạng khoa học kỹ thuật, mà cả trong cách mạng văn hóa và tư tưởng. Phần lớn trí thức ở nước ta được đào tạo, rèn luyện dưới chế độ xã hội chủ nghĩa; họ phân anh chị em trước đây sống dưới chế độ Mỹ - ngụy, ngày nay, trong chế độ mới, đã có nhiều đóng góp tích cực. Tuyệt đại bộ phận trí thức nước ta có tinh thần yêu nước, tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhiều người có tinh thần say mê nghiên cứu, sáng tạo. Trong thời gian vừa qua, có nhiều nhân tài xuất hiện, tỏ rõ trí thông minh và tài năng của người Việt-nam.

Nhưng, chúng ta cũng phải thấy rằng, cán bộ khoa học kỹ thuật của ta tuy đông đảo nhưng thiếu đồng bộ, cán bộ quản lý còn thiếu, chất lượng đào tạo về chính trị cũng như chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu; trong chính sách sử dụng, trong việc tạo

điều kiện làm việc và chăm lo đời sống cho anh chị em còn có nhiều thiếu sót. Vừa qua, nghị quyết của Bộ chính trị về chính sách khoa học kỹ thuật đã tạo một luồng phản ứng trong giới trí thức nước ta.

Các đoàn thể công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc cần có sự quan tâm và phối hợp với nhau trong việc bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật và quản lý; giáo dục, động viên anh chị em nêu cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, khắc phục mọi khó khăn, đi vào sản xuất và đời sống, say sưa nghiên cứu, sáng tạo, phát huy tinh thần là đội quân chủ lực trong cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và cách mạng văn hóa và tư tưởng.

5 - Giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ và xây dựng Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh vững mạnh.

Thế hệ trẻ ngày nay là lực lượng chủ chốt trong các giai cấp và tầng lớp xã hội mới. Thanh niên chiếm 60% trong giai cấp công nhân, 52% lao động ở nông thôn, 40% trong cán bộ khoa học kỹ thuật, 80% trong chiến sĩ quân đội, công an, trên 90% học sinh từ cấp III trở lên.

Cần nhận thức rõ rằng, thế hệ trẻ là lớp người được đào tạo, bồi dưỡng để trở thành người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng, đồng thời là lực lượng xung kích cách mạng. Đảng như nghị quyết Đại hội thứ IV của Đảng đã đề ra: «Tiền đồ rạng rỡ của Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa nằm trong tay thanh niên, thiếu niên và nhi đồng».

Trong những năm qua, thanh niên ta đã có nhiều cống hiến và trưởng thành về nhiều mặt, có phẩm chất tốt đẹp, có tiềm năng to lớn, đang phát huy vai trò là lực lượng hậu bị hùng hậu của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt-nam.

Tuy nhiên, do công tác giáo dục và chăm sóc của Đảng, Nhà nước và xã hội đối với tuổi trẻ còn có những khó khăn, và thiếu sót, cho nên một bộ phận thanh niên chưa xác định được lý tưởng cách mạng, ý thức và năng lực làm chủ tập thể còn yếu. Trong khi chúng ta còn nhiều khó khăn trong việc chăm lo cho tuổi trẻ về việc làm, học hành, điều kiện vui chơi, giải trí... đáng lo ngại là một số thanh niên đang bị tác động của lối sống không lành mạnh của chủ nghĩa thực dân mới và lối sống tư sản, tác động của chiến tranh tâm lý và sự lôi kéo của kẻ địch. Đây là vấn đề mà các tổ chức Đảng, các cơ quan Nhà nước và các tổ chức xã hội phải hết sức quan tâm chăm lo, làm cho thế hệ trẻ xứng đáng là lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng.

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh đã có một bước phát triển lớn, tập hợp trong đội ngũ của mình 4,5 triệu đoàn viên thanh niên; tổ chức và giáo dục trên 5 triệu đội viên thiếu niên và nhi đồng. Đồng nhiều hình thức, Đoàn đã đưa thanh niên xung kích vào các mặt trận sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, chiến đấu, học tập và xây dựng cuộc sống mới. Đặc biệt, trong 3 năm qua, Đoàn đã rèn luyện và giới thiệu cho Đảng 70 vạn đoàn viên ưu tú, trong số đó có 23 vạn đã được kết nạp vào Đảng.

Tuy nhiên, tổ chức và hoạt động của Đoàn chưa chuyển kịp với tình hình mới, còn gò bó, đơn điệu, không sát cơ sở, không sát thanh niên; hoạt động nặng về hành động xung kích, nặng về xây dựng những công trình của thanh niên, không gan với nhiệm vụ giáo dục, rèn luyện cả lớp trẻ, không chú ý đến quyền lợi của tuổi trẻ và phong trào rộng rãi của thanh niên. Do đó, chất lượng đoàn viên thấp, tổ chức cơ sở của Đoàn yếu, công tác tổ chức, tập hợp rộng rãi thanh niên còn nhiều hạn chế. Đoàn

cần đi sâu hơn nữa vào nhiệm vụ giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối chính sách của Đảng, lý tưởng cộng sản cho đoàn viên; cần tăng cường giáo dục cho các tầng lớp thanh niên về vai trò, nghĩa vụ và quyền lợi của tuổi trẻ trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, động viên thanh niên đi đầu trong phong trào thi đua lao động, sáng tạo, cũng có quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, phát triển văn hóa giáo dục. Đồng thời cần hết sức quan tâm chăm lo đến quyền lợi của tuổi trẻ, cũng với Đảng và Nhà nước giải quyết những yêu cầu, nguyện vọng của thanh niên; Khẩn trương xây dựng Đoàn vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức là một đòi hỏi cấp thiết, đặc biệt, cần có sự chuyển mạnh trong việc xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở Đoàn, nâng cao chất lượng đoàn viên, bồi dưỡng cán bộ cơ sở để Đoàn đủ sức tổ chức và tập hợp rộng rãi thanh niên, thiếu niên và nhi đồng, đủ khả năng giáo dục thế hệ trẻ trở thành những người vững vàng về mặt chính trị, có tư tưởng đúng và tình cảm cao đẹp; có năng lực làm chủ tập thể, yêu lao động và biết làm việc, say sưa học tập, luôn luôn sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc. Đoàn có đủ khả năng làm tròn nhiệm vụ đó, cũng như có thể làm tốt việc giáo dục, số thanh niên, thiếu niên chậm tiến, với điều kiện Đoàn đủ mạnh, có nhiều hình thức tổ chức tập hợp rộng rãi thanh niên, đi sâu vào từng đối tượng thanh niên, và có sự lãnh đạo sát sao của các tổ chức Đảng, sự giúp đỡ với tinh thần trách nhiệm cao của chính quyền các cấp và các đoàn thể. Cuộc vận động toàn Đoàn tham gia xây dựng Đảng cần được tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao về chất lượng, để Đoàn thật sự và xứng đáng là lực lượng hậu bị của Đảng, bổ sung vào Đảng và giải

cấp công nhân ngày càng nhiều sinh lực mới, cung cấp cho Đảng, các ngành, các đoàn thể và quân đội nhiều cán bộ trẻ, ưu tú. Đoàn phải quan tâm hơn nữa đến việc tăng cường xây dựng Đội thiếu niên tiền phong Hồ-Chí-Minh và Đội nhi đồng Hồ-Chí-Minh; có kế hoạch chủ động và tích cực xây dựng đội ngũ cán bộ Đoàn, cán bộ phụ trách Đội. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Đoàn phải nằm trong quy hoạch cán bộ của Đảng. Đảng phải coi trọng và tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Đoàn thành lực lượng hậu bị của mình.

*** 6 - Sự nghiệp giải phóng phụ nữ và Hội liên hiệp phụ nữ.**

Phụ nữ nước ta chiếm trên 50% số dân, đã thật sự là người chủ gia đình và xã hội. Đó là lực lượng sản xuất xã hội có vai trò to lớn, trong các ngành kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục. Phụ nữ nước ta có truyền thống cách mạng vẻ vang, vừa đảm việc nước, vừa giỏi việc nhà, đã tiên một bước dài trong sự nghiệp giải phóng phụ nữ và thực hiện nam nữ bình đẳng. Cơ cấu xã hội trong giới phụ nữ có nhiều đổi mới; đội ngũ nữ công nhân viên chức ngày càng đông đảo; phụ nữ chiếm số đông trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, trong công nghiệp nhẹ, trong các ngành văn hóa, giáo dục, y tế; số phụ nữ trong các lực lượng vũ trang, trong các cơ quan lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đoàn thể ngày càng tăng lên.

Tuy nhiên, ngày nay phụ nữ nước ta ít nhiều còn bị ràng buộc bởi những tập tục phong kiến lạc hậu và tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới, còn chịu gánh nặng gia đình, đặc biệt trong điều kiện kinh tế và đời sống còn khó khăn. Điều đó đã hạn chế không ít sự tiến bộ và sự tham gia lao động và công tác xã hội của chị em.

Trong giai đoạn mới, Hội liên hiệp phụ nữ cần tăng cường động viên,

giáo dục phụ nữ phát huy truyền thống «dũng, cảm, đảm, dăng» trên mặt trận lao động sản xuất, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Hội cần chăm lo đến đời sống gia đình, nuôi dạy con cái, tích cực chăm lo những vấn đề phúc lợi của người phụ nữ, giúp chị em khắc phục những khó khăn về đời sống, đấu tranh chống những tập tục lạc hậu, phong kiến và tư sản. Đặc biệt, Hội cần quan tâm đến việc tham gia xây dựng pháp luật, xây dựng các chế độ, chính sách bảo đảm quyền làm chủ tập thể của phụ nữ và thực hiện nam nữ bình đẳng.

Hội cần tổ chức, tập hợp mọi tầng lớp phụ nữ vào Hội, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội, đổi mới phương thức hoạt động, vừa đề cao tính liên hiệp trong giới, vừa tăng cường sự phối hợp với Mặt trận, công đoàn, Đoàn thanh niên, cùng với các cơ quan Nhà nước chăm lo sự nghiệp giải phóng phụ nữ, xây dựng người phụ nữ mới xã hội chủ nghĩa.

7 - Thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng.

Chưa bao giờ cộng đồng các dân tộc Việt-nam lại đoàn kết chặt chẽ cùng nhau xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa như thời gian qua, mặc dù bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh và bọn đế quốc đang tìm mọi cách chia rẽ các dân tộc, phá hoại khối đoàn kết các dân tộc, nhằm thực hiện âm mưu xâm lược và thôn tính nước ta. Đó là thắng lợi của chính sách dân tộc của Đảng ta.

Chính sách dân tộc của Đảng là thực hiện triệt để quyền bình đẳng về mọi mặt giữa các dân tộc, tạo những điều kiện cần thiết để xóa bỏ tận gốc sự chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc thiểu số và dân tộc đa số, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao tiến kịp vùng thấp, làm cho tất cả các dân tộc đều phát triển về mọi mặt, đoàn

kết giúp nhau cùng tiến bộ, trở thành một cộng đồng, các dân tộc cùng làm chủ tập thể Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa

Các cấp ủy Đảng, các cơ quan chính quyền và các đoàn thể phải thấu suốt và thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng. Phải làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền giáo dục, làm cho đồng bào các dân tộc, nhất là ở vùng biên giới phía bắc, nhận rõ âm mưu lôi kéo và chia rẽ của bọn bành trướng há quyền Bắc-kinh, cảnh giác và đoàn kết chiến đấu, kiên quyết đập tan mọi âm mưu xâm lược và phá hoại của chúng. Cần làm cho đồng bào các dân tộc thấy rõ sức mạnh đoàn kết trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa. Vấn đề mấu chốt để nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của đồng bào các dân tộc hiện nay là vận động nhân dân ra sức phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thực hiện cuộc vận động định canh định cư, xây dựng và củng cố các hợp tác xã, phát triển văn hóa và giáo dục. Giải quyết thỏa đáng những nhu cầu về nước uống, muối ăn, quần áo mặc, và dầu thắp cho mọi nhà. Tích cực lãnh đạo, hướng dẫn đồng bào các dân tộc xây dựng nếp sống văn minh, sửa đổi và bỏ dần các tập tục lạc hậu, mê tín, dị đoan.

8 - Làm tốt công tác vận động quần chúng tin đỡ các tôn giáo.

Do thắng lợi của cách mạng, do Đảng ta có chính sách đúng và các cấp, các ngành có nhiều cố gắng trong công tác vận động tin đỡ các tôn giáo, cho nên đồng bào tin đỡ các tôn giáo ngày càng gần bó với chế độ mới xã hội chủ nghĩa, cùng hòa mình trong các phong trào cách mạng xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Các cấp, các ngành đã tích cực thực hiện chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng, đồng thời kiên quyết trấn áp bọn phản động, hướng các giáo hội

ngày càng đi với dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Cần làm cho đồng bào tin đỡ các tôn giáo hiểu rõ chính sách của Đảng đối với các tôn giáo là tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, bảo đảm các hoạt động tôn giáo bình thường của nhân dân, đối xử bình đẳng trước pháp luật với các tôn giáo, đoàn kết tất cả những người yêu nước và tiến bộ trong các tôn giáo đi với dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nhưng không để cho kẻ nào lợi dụng tôn giáo cản trở quần chúng hoạt động chính trị, hoạt động xã hội, cản trở lao động sản xuất, kiên quyết đập tan những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, phá hoại của bọn phản động núp trong tôn giáo, làm thất bại mọi âm mưu lợi dụng tôn giáo của chủ nghĩa đế quốc và bè lũ tay sai của chúng.

Ở những nơi có đồng đồng bào tin đỡ các tôn giáo, các cấp Đảng, chính quyền và các đoàn thể, một mặt cần luôn luôn chú ý đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất, xây dựng cuộc sống mới, ra sức phát triển y tế, giáo dục, chăm lo cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của đồng bào tin đỡ. Mặt khác, cần coi trọng việc giáo dục cho các tín đồ về lòng yêu nước, về chủ nghĩa xã hội, làm tốt công tác phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm cho quần chúng tin theo Đảng, thấy rõ âm mưu lợi dụng tôn giáo của bọn phản động, ra sức vạch mặt chúng, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu của chúng; hướng giáo hội tuân theo chính sách, pháp luật của Nhà nước, động viên các giáo sĩ, tu sĩ tích cực góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

9 - Tăng cường công tác Mặt trận

Mặt trận Tổ quốc ngày nay, là Mặt trận yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội. Mặt trận của những người lao động chân tay và lao động trí óc làm

chủ tập thể trên cơ sở liên minh công - nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Trong giai đoạn mới, vai trò của Mặt trận càng tăng lên, Mặt trận phải là chỗ dựa vững chắc của Nhà nước, nhằm mục tiêu đoàn kết toàn dân, phấn đấu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Mặt trận cần có những hoạt động thiết thực nhằm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ lớn sau đây :

Mặt trận cần đi sâu vào các tầng lớp quần chúng, các dân tộc, các tôn giáo, các nhân sĩ trí thức, phát huy truyền thống yêu nước, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tuyên truyền và động viên thực hiện các đường lối chính sách của Đảng, trên cơ sở đó vun đắp khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân.

Mặt trận cần ra sức phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, nhằm động viên toàn dân hăng hái tham gia các phong trào cách mạng, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Mặt trận cần nâng cao trách nhiệm của mình trong việc tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, bằng những hoạt động thiết thực. Mặt trận cần phát huy vai trò của mình trong việc xây dựng Nhà nước - Nhà nước của dân, do dân, vì dân - bằng những hoạt động động viên toàn dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền, tăng cường kiểm tra hoạt động của chính quyền.

Mặt trận cần tăng cường hơn nữa sự phối hợp, thống nhất hành động giữa các thành viên, làm cho chính sách của Mặt trận, chương trình hành động của Mặt trận tỏa rộng khắp mọi giới, mọi ngành, đến với từng người,

làm cho ai cũng phát huy được quyền làm chủ tập thể, nhất là ở cơ sở, xã, phường, xí nghiệp. Cần khắc phục tình trạng phối hợp một cách hình thức, động viên chung chung. Mặt trận phải nêu cao vai trò đầu mối phối hợp hành động với các đoàn thể trong các phong trào hành động cách mạng của quần chúng, trong các hoạt động giáo dục quần chúng.

Phương thức hoạt động của Mặt trận, nhất là ở cơ sở, phải thiết thực và cụ thể.

10 - KIỆN TOÀN BAN DÂN VẬN CÁC TỈNH, THÀNH.

Để đáp ứng yêu cầu tăng cường công tác dân vận trong giai đoạn mới, Ban bí thư Trung ương Đảng đã có quyết định số 93 về việc thành lập Ban dân vận.

Ban dân vận ở tỉnh, thành là cơ quan tham mưu của tỉnh ủy, thành ủy, có trách nhiệm lớn trong việc giúp tỉnh ủy, thành ủy nghiên cứu đề ra các chủ trương về công tác dân vận, tăng cường việc hướng dẫn, kiểm tra, đối với các cấp, các ngành của Đảng, cũng như chính quyền và các đoàn thể trong việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết về công tác dân vận, đồng thời phối hợp với đảng đoàn, cơ đoàn thể trong việc đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng quy hoạch cán bộ làm công tác dân vận và công tác đoàn thể; giúp cấp ủy về mặt xây dựng đảng bộ cơ quan các đoàn thể đề cán bộ, đảng viên làm công tác đoàn thể hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Để thực hiện được chức năng trên, các tỉnh ủy, thành ủy cần nghiên cứu chấp hành chỉ thị 93 của Ban bí thư, kiện toàn Ban dân vận. Huyện, xã và quận, phường cần có một đảng chỉ ủy viên thường vụ cấp ủy Đảng trực tiếp phụ trách, cùng các đồng chí lãnh đạo chủ chốt các đoàn thể hợp thành Ban dân vận; ở huyện, quận cần có thêm một số cán bộ giúp việc.

Có như vậy, mới đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ.

Để khắc phục tình trạng coi nhẹ công tác dân vận, trước hết cần phải tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác dân vận. Văn đề đặt ra là Ban dân vận các tỉnh, thành phải tích cực chủ động đề xuất ý kiến với cấp ủy, đi sâu nghiên cứu giúp cấp ủy đề ra được những chủ trương, những quyết định đúng đắn, kịp thời cho từng giới, từng lớp quần chúng; đồng thời làm tốt khâu tổ chức, kiểm tra thực hiện.

Ban dân vận cần tổng kết kinh nghiệm, xây dựng công tác dân vận thành một khoa học và nghệ thuật. Những vấn đề về công tác dân vận cần được đưa vào giảng dạy ở trường Đảng các cấp. Cần đi sâu nghiên cứu công tác vận động từng đối tượng quần chúng, để giúp Trung ương trong những năm tới ra được các nghị quyết chuyên đề về công vận, thanh vận, phụ vận, đáp ứng yêu cầu mới của cách mạng.

Trước mắt, cần thực hiện tốt các công việc sau đây:

— Ban dân vận cùng với các đoàn thể ở tỉnh, thành đi sâu nghiên cứu những vấn đề đã được nêu ra, vận dụng vào điều kiện của địa phương để đề xuất ý kiến về công tác dân vận đóng góp vào dự thảo văn kiện Đại hội Đảng các cấp sắp tới.

— Nhanh chóng kiện toàn Ban dân vận các tỉnh, thành để đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ mới.

— Tích cực giúp đỡ các đoàn thể củng cố tổ chức cơ sở, xây dựng quy hoạch đào tạo cán bộ dân vận và cán bộ các đoàn thể.

— Đẩy tới một phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng thi đua chào mừng Đại hội thứ V của Đảng, với những nội dung thiết thực, có mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể giải quyết những vấn đề cấp bách về sản xuất và đời sống, an ninh và quốc phòng, chống tiêu cực ở khắp mọi nơi, nông thôn cũng như thành thị, đặc biệt là ở cơ sở.

— Tích cực chuẩn bị tiến hành tổng kết công tác dân vận từ năm 1976 đến nay, để tiến tới hội nghị tổng kết công tác dân vận trong giai đoạn mới dự kiến tổ chức trong năm 1982.



Với những nhận thức mới về công tác dân vận, với việc kiện toàn Ban dân vận các cấp từ trung ương đến địa phương, lại được sự lãnh đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng, với sự hoạt động tích cực của các đoàn thể, chắc chắn rằng công tác dân vận trong thời gian tới sẽ có nhiều chuyển biến mới.

MẤY VẤN ĐỀ VỀ PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

NGUYỄN-THÀNH-LÊ

TỪ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, tại khu vực châu Á, châu Phi và châu Mỹ là tính, có gần 120 nước vốn là thuộc địa cũ, đã giành được độc lập trên những mức độ khác nhau. Các nước ấy chiếm khoảng một nửa số dân trên thế giới, và 4 phần 5 số thành viên Liên hợp quốc. Đến nay, chỉ còn khoảng non 1% số dân và 2,5% diện tích thế giới là đang sống dưới ách thống trị trực tiếp của chủ nghĩa thực dân cổ điển. Như vậy trên những mức độ khác nhau, một nửa loài người từ nô lệ đã trở thành người chủ, từ chỗ « đứng ngoài bước tiến của lịch sử », là khách thể của lịch sử, đã trở thành chủ thể của lịch sử và đang từng bước « tham gia định đoạt vận mệnh toàn thế giới » (1). Chủ nghĩa thực dân cũ đã bước vào ngưỡng cửa bị thanh toán hoàn toàn. Đó là thắng lợi vĩ đại của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, là bước tiến nhảy vọt của lịch sử loài người.

Thắng lợi đó của các dân tộc gắn liền với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, với sự tồn tại và lên mạnh không ngừng của Liên-xô vĩ đại, với chiến công anh liệt của Liên-xô tiêu diệt chủ nghĩa phát xít,

đầy hệ thống đế quốc chủ nghĩa vào tình trạng suy yếu chưa từng thấy, tạo điều kiện cho các dân tộc bị áp bức trước đây nổi dậy dưới mọi hình thức lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập cho dân tộc. Đúng là « bảo tập cách mạng của phong trào giải phóng dân tộc làm rung chuyển châu Á, châu Phi và châu Mỹ là tính, lôi cuốn hơn hai nghìn triệu người ở hầu khắp các nước vốn là thuộc địa và phụ thuộc, đó là sự kiện lớn thứ hai của thời đại chúng ta sau sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới » (2).

**Xu thế ngày càng có thêm
nhiều nước tiến lên chủ nghĩa
xã hội.**

Theo Lê-nin, trong thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội, quy luật của lịch sử là cách mạng giải phóng dân tộc tất yếu sẽ chuyển biến thành cách mạng xã hội chủ nghĩa, mặc dù tùy nơi tùy lúc mà hình thức

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, 1979, tập 39, tr. 371.

(2) *Ngời quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 77

và nhịp độ chuyển biến có khác nhau. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã ra đời. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới hình thành. Đó là một bước ngoặt sau Cách mạng Tháng Mười. Trong số những nước ấy, một số ít đã trải qua cách mạng giải phóng dân tộc và tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Bước sang những năm 70, nếu kể cả nước Việt-nam thống nhất, và một số nước giành thắng lợi sau khi làm cách mạng dân chủ chống phong kiến, thế giới lại có thêm hơn 10 nước chọn con đường xã hội chủ nghĩa (3). Điều đáng chú ý là sự ra đời của các nước này gắn liền với sự lớn mạnh chưa từng có của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, gắn liền với tình hình sau chiến tranh Việt-nam. Đặc điểm của những nước này là kinh tế chậm phát triển; văn hóa lạc hậu; ở nhiều nước, giai cấp công nhân chưa mạnh, còn có nhiều khó khăn. Song khả năng kiên định về chính trị và ổn định về xã hội là rất có triển vọng. Có thể nói sự ra đời của những Nhà nước trẻ tuổi và xã hội chủ nghĩa (hoặc có xu hướng xã hội chủ nghĩa) này là một trong những bước ngoặt của cao trào giải phóng dân tộc.

Với sự giúp đỡ to lớn của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, với tác động mạnh mẽ của ba dòng thác cách mạng trên thế giới, sự thức tỉnh và đấu tranh của bản thân các dân tộc đó là nhân tố hàng đầu đưa đến thắng lợi vĩ đại ấy. Trong số các nước này, có một ít nước đã sớm có phong trào công nhân và chính đảng của giai cấp công nhân. Các chính đảng vô sản này ngay từ đầu đã nắm được ngọn cờ cách mạng dân tộc và dân chủ, và sau khi hoàn thành nhiệm vụ chống đế quốc, đã chuyển ngay lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Ở nhiều nước, cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc từ đầu là do những phân tử tri thức yêu nước lãnh đạo. Phần lớn những người này thuộc giai cấp tiểu tư sản. Lúc đầu, họ xuất phát từ lập trường chống đế quốc, chống phong kiến, lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc đấu tranh bằng bạo lực cách mạng để giải phóng dân tộc. Trong quá trình đấu tranh ấy, họ dựa vào quần chúng công nhân và nông dân. Từ đó có sự kết hợp giữa lực lượng lãnh đạo cách mạng với phong trào công nhân, tạo điều kiện để tiếp thu ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học và hệ tư tưởng Mác-Lê-nin. Bộ phận tiên tiến nhất trong phong trào dân tộc yêu nước, tiến bộ, trải qua thử thách, rèn luyện, sàng lọc, dần dần tự tổ chức thành chính đảng của giai cấp công nhân, đưa cách mạng dân tộc, dân chủ từng bước tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Quá trình đấu tranh cách mạng của hai loại nước nói trên đã chứng minh một vấn đề có tính quy luật. Đó là một nước sau khi giành được độc lập, chỉ có thể củng cố được thắng lợi của mình và tiến lên xây dựng một xã hội tiến bộ theo đúng xu thế của thời đại, khi nhân dân nước đó có một đảng tiên phong đứng trên lập trường của giai cấp công nhân, hướng theo chủ nghĩa Mác-Lê-nin và chủ nghĩa xã hội chân chính, có đường lối chính trị và phương pháp cách mạng đúng đắn, có đường lối xây dựng kinh tế phù hợp với điều kiện của đất nước; đồng thời các nước này đoàn kết chặt chẽ với các nước xã hội chủ nghĩa và được các nước xã hội chủ nghĩa tích cực giúp đỡ.

Như vậy, trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã

(3) Bao gồm: Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia, Á-p-ga-ni-xtan, CHDCND Yê-men, Ê-ti-ô-pi-a, Ăng-gô-la, Mô-dam-bích, Ni-ca-ra-goa, Grê-na-da và một số nước khác.

hội trên phạm vi toàn thế giới, thời đại giai cấp công nhân giữ vị trí trung tâm của lịch sử, các cuộc cách mạng giải phóng dân tộc tất yếu chịu sự chi phối của quy luật về sự chuyển biến từ cách mạng dân tộc dân chủ lên cách mạng xã hội chủ nghĩa; các cuộc cách mạng ấy đã trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản toàn thế giới. Thực tiễn cách mạng giải phóng dân tộc cùng với hiện tượng ngày càng có thêm nhiều nước lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa đã chứng minh hùng hồn cho chân lý sau đây của thời đại: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Đĩ nhiên, chúng ta phải nhìn nhận hiện tượng này trong một quá trình lịch sử lâu dài - quá trình ra đời và lớn mạnh của chế độ xã hội mới, cao nhất của loài người. Quá trình này gắn liền với sức mạnh đấu tranh của các dân tộc chống đế quốc, với tình hình so sánh lực lượng giữa hai hệ thống xã hội đối lập, với sự hùng cường của cộng đồng xã hội chủ nghĩa do Liên-xô làm trụ cột. Do sự phát triển không ngừng của các nhân tố cách mạng đó, quy luật cách mạng giải phóng dân tộc tất yếu chuyển lên cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ ngày càng phát huy tác dụng. Chắc chắn rằng trong tương lai, chủ nghĩa xã hội sẽ ngày càng mở rộng trên địa chủ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế sẽ phải lùi dần và diệt vong. Đó là một xu thế lịch sử mà không một thế lực phản động nào có thể đảo ngược được.

Cuộc đấu tranh chống đế quốc vẫn tiếp tục trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế.

Đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc sau chiến tranh thế giới thứ hai, là nhiều dân tộc phải đương đầu với những cuộc chiến tranh xâm lược đẫm máu của chủ nghĩa đế quốc, mà điển hình là cuộc chiến tranh xâm

lược của đế quốc Pháp và sau đó là của đế quốc Mỹ chống dân tộc Việt-nam; nhiều dân tộc khác đã nổi dậy đấu tranh bằng bạo lực, làm cách mạng dân tộc dân chủ. Do những thất bại nặng nề trên chiến trường dân đến sự sụp đổ về căn bản hệ thống thuộc địa của thực dân Pháp sau 1954 và sau chiến tranh An-giê-rê, độ so sánh lực lượng ngày càng thay đổi không có lợi cho phe đế quốc, chủ nghĩa đế quốc buộc phải thay đổi thủ đoạn, chúng tiến hành thương lượng với giai cấp tư sản ở các thuộc địa và hòa bình trao trả độc lập cho những nước này. Riêng năm 1960 đã có 18 nước châu Phi được trao trả độc lập. Từ 1960 đến cuối 1980, có hơn 60 nước ở châu Á, châu Phi và Mỹ la tinh giành được độc lập bằng nhiều hình thức đấu tranh khác nhau, trong đó có những nước làm cách mạng dân tộc dân chủ thành công. Đó là một thắng lợi rực rỡ của các dân tộc và của ba dòng thác cách mạng của thời đại. Tuy nhiên, hình thức trao trả độc lập là một mưu đồ của chủ nghĩa đế quốc nhằm ngăn chặn làn sóng đấu tranh cách mạng của các dân tộc, chuyển hướng cuộc đấu tranh đó vào con đường cải lương. Thông qua việc thương lượng hòa bình, chủ nghĩa đế quốc hòng tạo ra một hình thức hợp tác và thỏa hiệp giữa chúng với giai cấp tư sản cầm quyền ở nước được trao trả độc lập, mở đường cho chủ nghĩa thực dân kiểu mới thâm nhập vào nước đó, thay thế chủ nghĩa thực dân cũ. Với việc giai cấp tư sản hoặc tiêu tư sản lên cầm quyền trong tình hình như vậy, các thuộc địa cũ tuy đã giành được độc lập về chính trị, nhưng nội dung và cơ cấu của xã hội cũ vẫn được duy trì. Hệ tư tưởng dân tộc cải lương tư sản vẫn tồn tại. Cơ sở kinh tế xã hội về cơ bản vẫn giữ nguyên trạng. Tất cả những cái đó chi phối con đường đi của nhiều nước giành độc lập bằng phương pháp hòa bình, đặc biệt ở châu Phi.

Kể từ chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, riêng ở châu/Phi đã có khoảng 50 nước giành được độc lập. Một số nước lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa, nhưng nhiều nước khác vẫn còn lệ thuộc với mức độ khác nhau vào chủ nghĩa đế quốc về mặt kinh tế, do đó chịu sự khống chế hoặc sức ép của chủ nghĩa đế quốc về chính trị. Tại phần lớn các nước châu Phi, giai cấp công nhân mới hình thành, chưa có chính đảng vững mạnh của mình, chủ nghĩa bộ tộc, chủ nghĩa dân tộc phong kiến và tư sản, chủ nghĩa địa phương đang gây tác động sâu sắc, gây chia rẽ trong nhân dân, dẫn đến những sự chống đối, thanh trừng nội bộ làm giảm sút sức mạnh đấu tranh chống đế quốc của các dân tộc.

Ở châu Á, một số nước xã hội chủ nghĩa và một số nước dân tộc tiến bộ nêu cao ngọn cờ độc lập tự chủ về mọi mặt, nhưng nhiều nước khác vẫn bị tác động mạnh bởi sự phản công-lao động quốc tế tư bản chủ nghĩa, và chịu ảnh hưởng sâu sắc của sự khủng hoảng kinh tế tư bản chủ nghĩa. Phần bệi giai cấp công nhân và nhân dân Trung-quốc, thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh đang đẩy Trung-quốc ngày càng xa cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới và đi vào vòng tay của chủ nghĩa đế quốc.

Tại khu vực các dân tộc A-rập ở Trung Đông, đế quốc Mỹ ra sức lợi dụng các vấn đề đang tồn tại ở vùng này, như vấn đề tôn giáo, vấn đề chủng tộc, vấn đề biên giới, vấn đề dầu mỏ... nhằm phá vỡ sự đoàn kết giữa các dân tộc vốn cùng chung một kẻ thù là đế quốc Mỹ và bọn bán trưởng I-xra-en. Đế quốc Mỹ và bọn phản động Trung-quốc đang ra sức phá hoại phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở khu vực giàu dầu mỏ bậc nhất thế giới này, tiến công vào các xu hướng tiến bộ, chia rẽ các

dân tộc ở khu vực này với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Ở châu Mỹ la tinh, mặc dù giai cấp tư sản ở các nước thuộc khu-vực này đã giành được chính quyền từ tay thực dân phương Tây từ đầu thế kỷ trước và chủ nghĩa tư bản ở đây đã có sự phát triển nhất định, nhưng do sự bóc lột và khống chế của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, cho nên hầu hết các nước này vẫn còn là những nước bị lệ thuộc. Tại một số nước ở đây, chính quyền độc tài phát xít được Mỹ nâng đỡ, thực hành chính sách đàn áp và khủng bố tàn bạo đối với nhân dân, do đó quần chúng thường nổi dậy đấu tranh bằng nhiều hình thức, kể cả hình thức đấu tranh vũ trang. Ngay cả nhà thờ thiên chúa giáo cũng có một bộ phận đứng về phía đối lập với chính quyền tay sai Mỹ. Ở nhiều nước, một mặt trận nhân dân rộng rãi đã hình thành nhằm chống lại chính quyền độc tài thân Mỹ. Cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ đang diễn ra sôi động ngay tại sân sau của nó.

Đối với các dân tộc bị áp bức trước đây, chủ nghĩa dân tộc có yếu tố tiến bộ. Ngày nay, với việc giải cấp tư sản dân tộc hoặc tiểu tư sản lên cầm quyền trong điều kiện hòa bình, chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản có cơ hội nảy nở ở nhiều nước đang phát triển. Một khi tinh thần dân tộc không được hướng theo con đường chân chính, thì dễ biến thành chủ nghĩa dân tộc sô vanh, bè phái, phân lập, địa phương chủ nghĩa, đối lập với chủ nghĩa quốc tế và dễ bị chủ nghĩa đế quốc lợi dụng để phục vụ cho lợi ích của chúng.

Tất cả những điều đó nói lên rằng, "ngày nào còn chủ nghĩa đế quốc thì ngày đó vẫn đề đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ độc lập dân tộc... vẫn

là những vấn đề hàng đầu... » (4) của các dân tộc

Một đặc điểm lớn của cuộc đấu tranh chống đế quốc hiện nay của các dân tộc là việc chuyển mạnh mũi nhọn đấu tranh sang lĩnh vực kinh tế

Ai cũng biết rằng, sự phát triển « chưa từng có » của các nước tư bản phát triển phương Tây sau chiến tranh thế giới thứ hai, nhất là những năm 50 và 60, phần quan trọng nhất là do bóc lột dưới nhiều hình thức các nước đang phát triển.

Tình hình thực tế sau đây chứng tỏ điều đó. Tính chung, đối với tất cả các nước đang phát triển thuộc hệ thống tư bản chủ nghĩa, mỗi năm các « công ty nhiều nước » phương Tây, đứng đầu là Mỹ, đã bỏn rút từ 50 đến 100 tỷ đô la lợi nhuận. Việc đầu tư vào các nước đang phát triển mang lại một tỷ suất lợi nhuận cao hơn rất nhiều so với đầu tư ở các nước đế quốc. Từ 1970 đến 1980, Mỹ đầu tư 8,7 tỷ đô la vào các nước đang phát triển, nhưng đã thu về 39,685 tỷ đô la lợi nhuận, tức là 1 vốn 4 - 5 lãi ! Chủ nghĩa thực dân mới đang vét cạn những nguồn vốn nhỏ nhoi của các dân tộc, làm cho các nước đang phát triển ngày càng nợ nần chồng chất. Năm 1973, các nước đang phát triển nợ các nước tư bản phát triển 12,2 tỷ đô la, năm 1981 nợ tới trên 500 tỷ. Có thể nói nợ nần là một công vật mà hàng năm các nước đang phát triển nộp cho các nước đế quốc.

Lợi dụng sự lệ thuộc nặng nề về kinh tế của các nước đang phát triển, chủ nghĩa đế quốc tìm cách trút những ảnh hưởng tiêu cực của khủng hoảng kinh tế sang các nước đang phát triển, làm cho các nước này đã khó khăn lại thêm khó khăn. Các nước đang phát triển chưa bao giờ bị bóc lột và bị bóp nghẹt về kinh tế nặng nề như ngày nay. Do vậy, mâu thuẫn giữa các dân tộc và chủ nghĩa

thực dân mới vẫn là một trong những mâu thuẫn cơ bản của thời đại chúng ta. Hơn nữa, mâu thuẫn này đang có những biểu hiện gay gắt mới. Nếu như trước đây, mâu thuẫn giữa đế quốc và thuộc địa đã đưa đến cuộc khủng hoảng của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất và bùng nổ thành sự sụp đổ của hệ thống thuộc địa đó sau chiến tranh thế giới thứ hai, thì từ đầu những năm 70, mâu thuẫn đó đã bộc lộ thành sự khủng hoảng trầm trọng của chủ nghĩa thực dân mới đứng đầu là đế quốc Mỹ. Mâu thuẫn đó đã quy định nhiệm vụ quan trọng hàng đầu hiện nay của các nước đang phát triển là phải kiên quyết đấu tranh nhằm phá bỏ trật tự kinh tế cũ, thiết lập một quan hệ kinh tế quốc tế bình đẳng, công bằng, bảo đảm được chủ quyền của các dân tộc đối với tài nguyên của đất nước, thực hiện một chế độ bình đẳng trong mậu dịch, tài chính, tiền tệ quốc tế, v.v. tạo điều kiện cho các nước mới giải phóng có thể phát triển được nền kinh tế dân tộc, cải thiện được đời sống nhân dân.

Muốn thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu, đi đôi với cuộc đấu tranh chống sự ràng buộc của chủ nghĩa thực dân mới, là cuộc đấu tranh để giải phóng nhân dân lao động, vì nếu không có một chế độ xã hội tiến bộ thì không thể tránh khỏi lệ thuộc vào chủ nghĩa thực dân mới. Nếu chỉ đấu tranh cho một trật tự kinh tế quốc tế mới mà không thực hiện những sự cải cách đối với cơ cấu kinh tế, cơ cấu xã hội ở trong nước, thì không thể đạt được độc lập dân tộc thật sự.

Hiện nay ở một bộ phận thế giới đã có một trật tự kinh tế quốc tế kiểu mới, đó là cộng đồng xã hội chủ nghĩa

(4) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, NXB Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 174.

với tổ chức Hội đồng tương trợ kinh tế, trong tổ chức kinh tế quốc tế này có sự hợp tác và giúp đỡ chân thành giữa các nước xã hội chủ nghĩa phát triển và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Đó là một tấm gương có tác dụng cổ vũ to lớn đối với cuộc đấu tranh của các nước đang phát triển cho một trật tự kinh tế quốc tế mới. Các nước xã hội chủ nghĩa hết sức đồng tình và ủng hộ cuộc đấu tranh trên mặt trận kinh tế của các nước đang phát triển. Cuộc đấu tranh giành quyền làm chủ tài nguyên thiên nhiên là vấn đề sống còn đối với các dân tộc vừa thoát khỏi xiềng xích của chủ nghĩa thực dân. Cuộc đấu tranh này chỉ mới bắt đầu và đang gặp phải sự chống phá gay gắt của chủ nghĩa đế quốc. Nhưng quy luật của lịch sử là chủ nghĩa đế quốc nhất định sẽ bị diệt vong. Các dân tộc chắc chắn sẽ làm chủ tài nguyên của mình, lấy đó làm cơ sở cho độc lập về chính trị, tiến tới xây dựng một xã hội mới, phù hợp với xu thế của thời đại

Đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc phải gắn liền với đấu tranh chống chủ nghĩa bá quyền Trung-quốc.

Trước đây, thế lực phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc đã từng coi khu vực châu Á, châu Phi và châu Mỹ là tỉnh là «nòng cốt thế giới» bao vây thành thị thế giới. Sau đó, họ coi khu vực này là thế giới thứ ba và thế giới này, dưới sự «lãnh đạo» của họ cùng với thế giới thứ hai (các nước không thuộc thế giới thứ ba và cũng không phải là hai «siêu cường») liên minh với nhau, chống lại hai «siêu cường» thực chất là chống Liên-xô. Hiện giờ thì họ trắng trợn bắt tay với Mỹ, cấu kết với mọi lực lượng đế quốc và phản động trên thế giới để chống Liên-xô, chống Việt-nam, chống cách mạng thế giới. Mục đích của Bắc-kinh đối với khu vực châu

Á, châu Phi và châu Mỹ là tỉnh về cơ bản vẫn là muốn không chế khu vực này, lấy đó làm bàn đạp để tiến tới áp đặt bá quyền của Trung-quốc trên toàn thế giới. Điều khác với trước kia là hiện nay Bắc-kinh đặt trọng tâm vào «thế giới thứ hai» và đế quốc Mỹ, ra sức thắt chặt quan hệ mọi mặt với đế quốc Mỹ và các nước đế quốc khác. Đối với các nước đang phát triển, Bắc-kinh dùng mọi thủ đoạn tinh vi và thô bạo, từ «viện trợ» theo kiểu thực dân để lôi kéo đến gây sự ép, chia rẽ các nước này với nhau, và chia rẽ họ với các nước xã hội chủ nghĩa, phá hoại chính sách trung lập chống đế quốc của họ. Điều này cũng được biểu hiện qua những hoạt động phá hoại của Bắc-kinh đối với phong trào không liên kết. Đối với các nước đã lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ là tỉnh, Bắc-kinh tìm đủ mọi cách lôi kéo, chia rẽ, can thiệp vào công việc nội bộ của họ. Còn đối với một số nước xã hội chủ nghĩa như Việt-nam, An-ba-ni, Bắc-kinh đã quay ngoắt 180 độ, cắt hết mọi viện trợ, rút hết chuyên gia, thậm chí đem quân xâm lược Việt-nam.

Tham vọng của Bắc-kinh là vươn tới sự bá quyền trên toàn cầu, nhưng muốn thế Bắc-kinh phải cố giành bá quyền ở châu Á, trước hết là Đông Nam châu Á, trong đó có ba nước Đông-dương, trong lúc vẫn tăng cường hoạt động phá hoại ở Nam Á, Tây Á, Trung Đông và các nơi khác. Lợi dụng vị trí địa lý của mình và lợi dụng quan hệ huyết thống của hàng chục triệu Hoa kiều, nhân thời cơ đế quốc Mỹ buộc phải rút khỏi các nước Đông-dương, bọn bá quyền Trung-quốc ra sức hoạt động hòng biến châu Á thành khu vực ảnh hưởng của mình, lấy đó làm bàn đạp để tiến lên thực hiện mưu đồ bá quyền thế giới.

Đế quốc Mỹ và bọn phản động Bắc-kinh kể từ khi cấu kết và liên minh

với nhau luôn luôn nhấn mạnh sự thống nhất về lợi ích chiến lược. Lợi ích chiến lược phản động của Oa-sinh-ton và Bắc-kinh là gì? Đó là chống phá, đi đến xóa bỏ hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới do Liên-xô làm trụ cột, chống phá phong trào giải phóng dân tộc và phong trào công nhân, chống phá hòa bình và hòa dịu trên thế giới. Vì vậy, trong khu vực có cuộc đấu tranh để giải phóng dân tộc hoặc để củng cố độc lập dân tộc, Oa-sinh-ton và Bắc-kinh luôn luôn có sự câu kết đầy tội ác. Về cái gọi là vấn đề Cam-pu-chia, chúng đang ngăn cản thế giới công nhận chính quyền hợp pháp duy nhất của nhân dân Cam-pu-chia và mưu đồ cho bọn diệt chủng Pôn Pốt quay trở lại nước này. Về cái gọi là vấn đề Áp-ga-ni-xtan, Mỹ và Trung-quốc cũng đang phối hợp lập trường chống phá Nhà nước dân tộc và nhân dân trẻ tuổi ở nước này. Đối với các vấn đề khác như vấn đề Pa-le-xtin, vấn đề nam phần châu Phi, vấn đề Chi-lê, v.v Bắc-kinh và Oa-sinh-ton đều có lập trường phản động về cơ bản giống nhau. Chúng đều đứng về phía bọn phản động khu vực, chống lợi ích của các dân tộc, mặc dù cách nói của Bắc-kinh bề ngoài hết sức lắt léo và mỉa mai.

Trong chiến lược quân sự của chính quyền Ri-gân nhằm đối phó với cái gọi là hai cuộc chiến tranh lớn thì có một cuộc chiến tranh lớn là nhằm vào khu vực các nước độc lập dân tộc (một cuộc chiến tranh lớn ở Tây Âu nhằm chống Liên-xô, một cuộc lớn nữa ở Trung Đông hoặc một nơi nào đó ở châu Á, châu Phi hoặc châu Mỹ la tinh). Oa-sinh-ton coi Trung-quốc là đồng minh của mình trong hai cuộc chiến tranh lớn đó. Trong 4 trọng điểm của chính sách đối ngoại của Mỹ là Tây Âu, Trung Đông, Trung Mỹ, Thái-bình-dương, thì ba khu vực

là thuộc phạm vi các dân tộc đang đấu tranh cho độc lập dân tộc hoặc cho việc củng cố nền độc lập đó.

Sự tăng cường câu kết quân sự giữa Mỹ và Trung-quốc đang gây nên một tâm lý lo lắng trong toàn thể nhân dân châu Á. Cùng với nhân dân các nước Đông-dương, nhân dân Ấn-độ và nhân dân các nước khác ở châu Á hết sức cảnh giác trước mưu đồ bành trướng và xâm lược của Bắc-kinh có sự hậu thuẫn của Oa-sinh-ton.

Ngoài sự phối hợp hành động về mặt chiến lược nói trên, Oa-sinh-ton và Bắc-kinh còn phụ họa với nhau trên nhiều luận điệu chống phá cách mạng giải phóng dân tộc. Trong các luận điệu đó, có cái gọi là « chủ nghĩa khủng bố quốc tế » do chính quyền Ri-gân tung ra và được Bắc-kinh kịp thời tán thưởng. Sự vu khống bịp bợm này của Mỹ và Trung-quốc nhằm chia vào cuộc đấu tranh chính nghĩa của các dân tộc đang tích cực chống đế quốc như nhân dân Pa-le-xtin, Li-bi, Ên Xan-va-đo... Đồng thời, chúng cũng lấy đó để vu cáo sự giúp đỡ theo tinh thần quốc tế vô sản của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đối với các dân tộc đang đấu tranh để giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc của mình.

Trong tình hình đó, muốn bảo vệ độc lập dân tộc, muốn xác lập chủ quyền dân tộc về mặt kinh tế, các nước mới được giải phóng cần phải đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, đồng thời chống chủ nghĩa bành trướng và bá quyền Trung-quốc. Dù cho hai thế lực phản động này có liên minh với nhau chống phá cách mạng đến mức nào, chúng cũng không thể đảo ngược được tình thế, không thể ngăn cản phong trào giải phóng dân tộc và bảo vệ độc lập dân tộc giành những thắng lợi ngày càng to lớn hơn.

VỀ CUỘC VẬN ĐỘNG LỚN « PHÁT HUY BẢN CHẤT TỐT ĐẸP, NÂNG CAO SỨC MẠNH CHIẾN ĐẤU » CỦA CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

TRẦN-VĂN-PHÁC

BA năm qua, cuộc vận động « Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân » do Ban bí thư Trung ương Đảng phát động, đã được triển khai rộng khắp trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và đã thu được những kết quả tốt đẹp. Hầu hết các quán chủng, binh chủng, các cơ quan, học viện, nhà trường, nhà máy quốc phòng, các lực lượng ở tuyến trước cũng như các lực lượng ở tuyến sau, cả bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, đều có sự chuyển biến tốt về chất lượng mà tiêu biểu là 122 đơn vị xuất sắc của toàn quân đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công và Bộ quốc phòng tặng cờ thưởng. Nhiều nhân tố mới xuất hiện khắp nơi. Được tiến bộ đó là điều kiện rất thuận lợi để đưa cuộc vận động phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong những năm tới, nhằm tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng quân đội ta thành một quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, hiện đại, hùng mạnh, bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt-nam

xã hội chủ nghĩa. Kết quả mà cuộc vận động đã đem lại chứng tỏ chủ trương của Ban bí thư Trung ương Đảng mở cuộc vận động là *đúng và kịp thời*. Chủ trương đó thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng, của nhân dân ta đối với các lực lượng vũ trang, đối với công cuộc củng cố quốc phòng toàn dân, tăng cường khả năng bảo vệ Tổ quốc trước tình hình mới.

Song để có thể phát huy hơn nữa bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân ta, điều quan trọng trước hết là nhận thức sâu sắc *ý nghĩa chiến lược to lớn* của cuộc vận động.

Sức mạnh chiến đấu của bất cứ quân đội nào, xét cho cùng là do chất lượng của quân đội ấy quyết định. Quân cốt tinh. Có số lượng hợp lý với chất lượng cao, quân đội ta đủ sức đánh thắng kẻ địch có số lượng đông hơn, có tiềm lực lớn hơn. Đó là quan điểm cơ bản của Đảng ta trong việc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng. Quan điểm đó phù hợp với thực tiễn xây dựng quân đội ở nước ta — một

nước đất không rộng lắm, người không đông lắm, luôn luôn phải đương đầu với những kẻ thù xâm lược lớn trong suốt mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước.

Ngày nay, để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa, nhân dân và các lực lượng vũ trang ta đã và đang phải đối đầu với một kẻ thù chiến lược mới, một đối tượng tác chiến chiến lược mới: đó là chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của tập đoàn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh.

Tuy đã bị thất bại nặng nề trong hai cuộc chiến tranh xâm lược nước ta ở biên giới tây nam và biên giới phía bắc, bọn phản động Trung-quốc vẫn ngoan cố theo đuổi âm mưu làm suy yếu, thôn tính nước ta, thôn tính ba nước Đông-dương và bành trướng ra các nước khác ở Đông Nam Á. Câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác, chúng đang ra sức thực hiện chiến lược phá hoại toàn diện đối với nước ta, ráo riết chuẩn bị vũ trang xâm lược quy mô lớn Tổ quốc ta. Đất nước ta đang ở trong tình thế vừa có hòa bình, vừa phải đối phó với chiến lược phá hoại toàn diện của bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh câu kết với đế quốc Mỹ, đồng thời có khả năng xảy ra chiến tranh lớn. Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược cực kỳ quan trọng và gắn bó mật thiết với nhau của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới. Do vậy, chúng ta vừa tập trung sức để xây dựng đất nước, vừa "lúc nào... cũng phải sẵn sàng đến mức cao nhất để bảo vệ Tổ quốc" (1). Chúng ta phải kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, vừa xây dựng thành công nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, vừa tăng cường nền quốc phòng toàn dân, bảo đảm cho đất nước ta luôn luôn có đủ sức mạnh đánh thắng mọi kẻ thù trong bất cứ

tình huống nào, trong bất kỳ loại hình chiến tranh nào, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền của Tổ quốc ta, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, và làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Các lực lượng vũ trang nhân dân - lực lượng nòng cốt trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, trụ cột của nền quốc phong toàn dân - trước hết phải mạnh trong tình hình mới. Cuộc vận động phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu chính là nhằm tiếp tục xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân trở thành đội quân cách mạng hùng mạnh, trung thành vô hạn với Tổ quốc, với nhân dân, có ý chí quyết chiến quyết thắng mọi kẻ thù xâm lược, nắm vững đường lối quân sự, khoa học, nghệ thuật quân sự và thành thạo cách đánh của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao phó.

Trải qua hơn 30 năm chiến tranh giải phóng, quân đội ta đã có một bước nhảy vọt về bản lĩnh chiến đấu. Song khi chuyển sang thời kỳ chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc chống chủ nghĩa bành trướng và bá quyền Trung-quốc trong điều kiện mới, quân đội ta đứng trước những yêu cầu mới rất cao, rất khác về nhiều mặt so với chiến tranh giải phóng trước đây. Bản lĩnh chiến đấu của thời kỳ này trước hết là sự thấm nhuần đường lối quân sự của Đảng, nắm vững các quy luật của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, có trình độ, vững vàng về chiến lược, chiến thuật, kỹ thuật, tiến hành cuộc chiến tranh đó. Nếu chỉ đứng lại hoặc không tích cực nâng cao bản lĩnh chiến đấu đã có của mình, thì không thể đáp ứng được những

(1) Lê-Duẩn: *Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì lợi ích phúc của nhân dân*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1981, tr. 15.

yêu cầu của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

Trong tình hình hiện nay, quân đội ta chẳng những có nhiệm vụ quan trọng nhất là sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, mà còn có nhiệm vụ cũng rất quan trọng là lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, góp phần thiết thực giải quyết những khó khăn về kinh tế của đất nước. Bản thân quân đội ta cần có những đổi mới về cơ cấu tổ chức, thực hiện tốt những luật lệ của Nhà nước ban hành, tăng cường đoàn kết nội bộ, đoàn kết quần dân trong điều kiện mới, đồng thời đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội chính quy, hiện đại. Rõ ràng, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang rất lớn, trách nhiệm của lực lượng vũ trang rất nặng. Vấn đề then chốt có ý nghĩa quyết định là lực lượng vũ trang phải có chất lượng và sức mạnh chiến đấu cao. Đó là yêu cầu cấp bách trước mắt, đồng thời cũng là yêu cầu cơ bản, lâu dài của nhiệm vụ xây dựng quân đội. Đó cũng là đòi hỏi của cách mạng đối với lực lượng vũ trang trong sự nghiệp thiêng liêng bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Chất lượng, sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân là một thể hoàn chỉnh, bao gồm nhiều mặt có quan hệ mật thiết với nhau. Đó là chất lượng tổng hợp, bao gồm cả bản chất cách mạng và bản lĩnh quân sự, cả tư tưởng và tổ chức, cả con người và cơ sở vật chất, vũ khí, trang bị kỹ thuật, cả phẩm chất và năng lực, cả cơ cấu tổ chức, cơ chế lãnh đạo và chỉ huy...

Mục đích, nội dung và những mục tiêu của cuộc vận động mà Ban bí thư Trung ương Đảng đã chỉ ra chính là nhằm nâng cao chất lượng các yếu tố đó, phát huy cao nhất các yếu tố đó, đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ trong điều kiện cụ thể hiện nay của các lực lượng vũ trang ta, của đất nước ta.

Qua cuộc vận động này, chúng ta tạo nên một phong trào hành động

cách mạng sâu rộng, động viên mọi người thật sự góp phần vào việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, tăng cường sức mạnh giữ nước của nhân dân ta trong giai đoạn cách mạng mới.



Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân là một vấn đề rộng lớn, có nội dung rất phong phú. Những mục tiêu, yêu cầu mà Ban bí thư Trung ương Đảng đã nêu lên là những điểm then chốt nhất để phát huy bản chất cách mạng, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang ta. Phần đầu thực hiện bằng được những mục tiêu, yêu cầu đó sẽ tạo nên một bước chuyển biến mới, cơ bản về chất lượng tổng hợp của các lực lượng vũ trang ta. Đó cũng là những nội dung chủ yếu của phong trào thi đua Quyết thắng quần xâm lược hiện nay trong toàn thể các lực lượng vũ trang nhân dân.

Quân đội ta vốn mang bản chất giai cấp công nhân. Ngày nay, bản chất tốt đẹp đó cần được phát huy cao độ. Sự thể hiện nổi bật của bản chất đó là quân đội ta phải luôn luôn là một quân đội nhân dân cách mạng, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, trên dưới một lòng, luôn luôn gắn bó máu thịt với nhân dân lao động, đoàn kết chặt chẽ với bầu bạn quốc tế, quyết chiến quyết thắng mọi kẻ thù, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. Đó là sức mạnh tuyệt đối về chính trị — tinh thần của quân đội ta, đồng thời cũng là một bộ phận rất quan trọng trong sức mạnh chiến đấu của quân đội ta. Nó gắn bó chặt chẽ với các yếu tố khác của sức mạnh chiến đấu. Bản chất tốt đẹp là cái nền để nâng cao tác dụng của các yếu tố khác trong sức mạnh chiến đấu. Giữ vững và phát huy bản

chất tốt đẹp chính là tiền đề hết sức cơ bản để có thể nâng cao từng yếu tố và tạo nên sức mạnh tổng hợp của các yếu tố đó trong một thể thống nhất nhằm đạt mục đích là các lực lượng vũ trang ta có chất lượng mới về các mặt, đủ sức hoàn thành mọi nhiệm vụ.

Đảng ta rất coi trọng sức mạnh tuyệt đối về chính trị tinh thần của quân đội ta, đồng thời cũng rất coi trọng sức mạnh của các yếu tố vật chất của quân đội ta. Nâng cao sức mạnh chiến đấu là phải vận dụng và phát huy đúng đắn các yếu tố tinh thần và vật chất của quân đội ta, đồng thời phải xây dựng tốt mối quan hệ giữa quân đội với bên ngoài, đặc biệt là mối quan hệ quần dân. Nâng cao sức mạnh chiến đấu là nhằm đáp ứng không chỉ những nhiệm vụ trước mắt, mà cả những nhiệm vụ lâu dài. Sức mạnh chiến đấu ấy phải được thể hiện trong mục tiêu chiến đấu, cơ cấu tổ chức, cơ chế lãnh đạo và nhất là trong thực hành chiến lược, chiến thuật, kỹ thuật, trong hiệu quả chiến đấu.

Hiện nay, các lực lượng vũ trang phải nắm vững nhiệm vụ chính trị trung tâm của mình là không ngừng hoàn chỉnh thể trận phòng thủ thật vững chắc của đất nước, làm tốt công tác chuẩn bị và nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu, nâng cao chất lượng tổng hợp, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của quốc phòng, đồng thời làm tốt nhiệm vụ xây dựng kinh tế và nhiệm vụ quốc tế.

Để bảo đảm thực hiện được những nhiệm vụ nặng nề đó, trong hai năm 1981 - 1982 cuộc vận động phải đạt được những yêu cầu sau đây:

1 - Ý chí mạnh, trách nhiệm cao, kỷ luật nghiêm, đoàn kết tốt

2 - Nâng cao ý thức và năng lực làm chủ vũ khí, xe, máy, vật tư, nhiên liệu và mọi cơ sở vật chất kỹ thuật khác.

3 - Nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo, tổ chức, chỉ huy, quản lý, xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh.

4 - Đoàn kết quân dân, đoàn kết quốc tế tốt.

5 - Tổ chức tốt đời sống vật chất, tinh thần và văn hóa của bộ đội.

Ý chí mạnh, trách nhiệm cao, kỷ luật nghiêm, đoàn kết tốt luôn luôn là vấn đề cơ bản hàng đầu trong nhiệm vụ xây dựng các lực lượng vũ trang ta.

Trước tình hình và nhiệm vụ cách mạng nước ta hiện nay, ý chí mạnh, trách nhiệm cao, kỷ luật nghiêm, đoàn kết tốt, trước hết phải được xây dựng trên cơ sở nhận rõ kẻ thù, đối tượng tác chiến, âm mưu và thủ đoạn của chúng, nâng cao lòng căm thù sâu sắc đối với chủ nghĩa bành trướng, bá quyền Trung-quốc cầu kết với đế quốc Mỹ và các lực lượng phản động khác, luôn luôn cảnh giác, nắm chắc tay súng, sẵn sàng xả thân chiến đấu, quyết chiến quyết thắng quân xâm lược, bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Trong tình hình kẻ địch đang ráo riết thực hiện chiến lược phá hoại ta một cách toàn diện, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang ta càng phải nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, chấp hành nghiêm chỉnh và bảo vệ kiên quyết đường lối chủ trương đó, vững vàng, kiên định trước mọi tình huống, đồng thời đề cao trách nhiệm chính trị, hoàn thành thật tốt mọi nhiệm vụ được giao. Trước tình hình khó khăn về kinh tế và đời sống của đất nước, cán bộ và chiến sĩ các lực lượng vũ trang càng phải giữ vững niềm tin và tích cực góp phần cùng với Đảng và Nhà nước khắc phục khó khăn, đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, kịp thời đập tan mọi thủ đoạn chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp của địch. Từng đơn vị phải là một khối đoàn kết vững chắc, cán

bộ chiến sĩ thương yêu, giúp đỡ nhau, nêu cao tinh đồng đội, đồng chí, gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước và mọi chế độ, quy định của quân đội.

Yêu cầu nâng cao ý thức và năng lực làm chủ vũ khí, trang bị kỹ thuật và mọi cơ sở vật chất kỹ thuật khác đang đặt ra bức thiết trong các lực lượng vũ trang ta. Vũ khí, trang bị kỹ thuật hiện đại là cơ sở vật chất hết sức quan trọng, là một yếu tố không thể thiếu để nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang ta. Nhưng cũng do đó mà phát sinh một mâu thuẫn mới: mâu thuẫn giữa trình độ còn hạn chế của cán bộ, chiến sĩ với cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại. Có khắc phục được mâu thuẫn này mới phát huy được tinh năng, tác dụng của vũ khí, trang bị hiện đại và sức mạnh tổng hợp của các vũ khí, trang bị hiện đại đó trong chiến đấu. Muốn vậy, phải nâng cao cả ý thức làm chủ và năng lực làm chủ của cán bộ, chiến sĩ. Cán bộ, chiến sĩ phải ra sức học tập, rèn luyện, vì nếu không có đủ kiến thức văn hóa và khoa học cần thiết, không có sức khỏe tốt thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn, khó có thể làm chủ được vũ khí, trang bị hiện đại. Nội dung làm chủ vũ khí, trang bị kỹ thuật phải bao gồm: giữ gìn, bảo quản tốt, không để hư hỏng, hao mòn, xuống cấp, mất mát, bảo đảm an toàn, không dùng bừa, dùng ẩu, lãng phí, sử dụng thành thạo và tiết kiệm, phát huy được tinh năng kỹ thuật, đạt hiệu quả cao nhất trong chiến đấu...

Hiểu biết và sử dụng thành thạo mọi vũ khí, trang bị trong mỗi đơn vị là trách nhiệm của cả chiến sĩ và cán bộ, nhất là cán bộ ở cơ sở. Từng đơn vị phải thực hiện thật nghiêm ngặt các chế độ, quy định về quản lý, bảo quản, sử dụng vũ khí, trang bị, đưa việc chấp hành chế độ, quy định vào nề nếp.

Việc nâng cao năng lực lãnh đạo, tổ chức, chỉ huy, quản lý, xây dựng đơn vị cơ sở càng mạnh đặt ra cho cán bộ nhiều vấn đề mới rất cao. Trước hết là trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, khoa học, nghệ thuật quân sự đã có bước phát triển mới. Chiến lược quân sự, phương châm chiến lược, phương thức tác chiến... đều cần có sự thay đổi cho phù hợp với đối tượng tác chiến mới. Cách đánh trong chiến tranh bảo vệ cũng khác với cách đánh trong chiến tranh giải phóng. Quy mô chiến tranh, yêu cầu về tác chiến hiệp đồng quân chủng, binh chủng cũng lớn hơn hẳn trước. Trình độ trang bị và sử dụng vũ khí, kỹ thuật ngày càng cao. Kẻ thù mới thâm hiểm, trắng trợn hơn nhiều, lại ở một nước lớn, giáp biên giới với nước ta. Đội ngũ cán bộ quân đội ta có những thay đổi về cơ cấu tổ chức, đang có những mặt còn non kém. Tình hình đó đòi hỏi tất cả cán bộ các lực lượng vũ trang ta phải có một sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về trình độ và năng lực, cả năng lực tổ chức, chỉ huy, lãnh đạo, năng lực quản lý đơn vị. Chủ nghĩa kinh nghiệm, tư tưởng bảo thủ cũng như sự lười nhác là những trở ngại lớn đối với việc đáp ứng những yêu cầu mới mà chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc đặt ra. Mặt khác, cũng phải thấy, cơ chế lãnh đạo, chỉ huy trong quân đội có sự phát triển; chế độ một người chỉ huy đang được thực hiện phổ biến. Cơ chế mới đặt ra cho người cán bộ, nhất là cán bộ chỉ huy những yêu cầu rất cao, cả về phẩm chất đạo đức, trình độ năng lực, phong cách lãnh đạo, chỉ huy... Cán bộ giỏi còn phải là người biết giáo dục, huấn luyện chiến sĩ, biết đoàn kết thương yêu chiến sĩ, làm cho họ trở thành những quân nhân cách mạng có phẩm chất tốt, có kỷ luật, có trình độ chiến thuật, kỹ thuật, có bản lĩnh trong chiến đấu, sử dụng thành thạo vũ khí và hoàn thành tốt chức trách trong mọi tình

huống. Cán bộ giỏi đồn phải biết vận động quần chúng, giải quyết tốt mối quan hệ với bên ngoài.

Con người mạnh phải đi đôi với tổ chức mạnh. Quân đội mạnh trước hết phải mạnh từ cơ sở. Tập trung sức xây dựng trung đoàn mạnh — mạnh cả về tổ chức lãnh đạo, tổ chức chỉ huy, tổ chức quần chúng, mạnh cả trong tác chiến, huấn luyện và công tác — là một nhiệm vụ lớn của các cấp, các ngành trong toàn quân. Đó cũng là đối tượng hàng đầu của cuộc vận động hiện nay.

Đoàn kết quần dân, đoàn kết quốc tế vừa là nhiệm vụ, vừa là nhân tố đem lại sức mạnh cho các lực lượng vũ trang ta. Nó đã trở thành truyền thống tốt đẹp của quân đội ta. Ngay nay, trong điều kiện mới, mối quan hệ quân dân có những yêu cầu và nội dung mới. Cán bộ trọng giáo dục truyền thống tốt đẹp đó, tăng cường tình cảm quân dân, xây dựng mối quan hệ quân với dân — một ý chí, giải quyết kịp thời những hiện tượng lệch lạc trong quan hệ quân dân, giữ vững kỷ luật dân vận của bộ đội. Về mối quan hệ quân dân hiện nay, không thể chỉ giải quyết về mặt tình cảm là đủ, mà phải giải quyết theo một kế hoạch phối hợp hành động, giúp đỡ lẫn nhau, hợp tác xã hội chủ nghĩa với ý thức đậm đà tình quân dân, coi trọng lợi ích của nhau giữa các đơn vị bộ đội với đảng bộ, chính quyền, đoàn thể và nhân dân địa phương nhằm thúc đẩy việc hoàn thành các nhiệm vụ cách mạng của địa phương và nhiệm vụ xây dựng, học tập, chiến đấu của đơn vị. Đó là điểm then chốt của yêu cầu đoàn kết quần dân.

Đoàn kết quốc tế, đặc biệt là đoàn kết chiến đấu với các lực lượng vũ trang cách mạng của Lào, Cam-pu-chia và hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, là vấn đề có ý nghĩa chiến lược để thật sự tăng cường sức mạnh

tổng hợp của quân đội ta. Sức mạnh chiến đấu của quân đội ta là một bộ phận không thể tách rời của sức mạnh quân sự ba nước Đông-dương, sức mạnh quân sự hùng hậu của cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Hiện nay, bọn bành trướng, bá quyền Bắc-kinh cũng như các thế lực phản động khác đang dùng mọi thủ đoạn ra sức phá hoại, chia rẽ, hòng làm suy yếu sức mạnh đoàn kết quần dân, đoàn kết quốc tế đó. Vì vậy, để tăng cường hơn nữa khối đoàn kết quần dân, phải tôn trọng quyền làm chủ tập thể của nhân dân, hết lòng bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, tôn trọng pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương nơi đóng quân, tôn trọng phong tục, tập quán, tín ngưỡng của đồng bào, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số. Toàn quân ta từ cán bộ đến chiến sĩ cố gắng nêu cao hình ảnh « anh bộ đội Cụ Hồ » ở mọi nơi, mọi lúc, trên mọi mặt của đời sống xã hội, làm tăng thêm lòng yêu thương, tin cậy và sự đùm bọc của nhân dân.

Đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quốc tế, cần quán triệt lời dạy của Hồ Chủ tịch « giúp bạn là tự giúp mình », hiểu rõ nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình, luôn luôn nêu cao chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng mà Đảng ta đã gìn giữ và phát huy, tuyệt đối tránh mọi biểu hiện lệch lạc trong quan hệ quốc tế. Thực hiện tốt mặt này cũng tức là góp phần rất quan trọng vào việc tăng cường đoàn kết quốc tế giữa quân đội ta, Đảng ta, nhân dân ta với quân đội bạn, Đảng bạn, nhân dân bạn.

Tổ chức tốt đời sống vật chất, tinh thần, văn hóa của bộ đội là một yêu cầu lớn và cấp bách. Trong tình hình kinh tế của đất nước đang có nhiều khó khăn, thiếu thốn và cuộc sống sẵn sàng chiến đấu của bộ đội có nhiều mặt khan thiếu, mọi người cần nêu cao tinh thần tự lực tự cường, có

những chủ trương, biện pháp thật thích hợp với từng hoàn cảnh cụ thể để thiết thực bảo đảm và cải thiện đời sống của mình. Cán bộ và cơ quan các cấp tìm mọi cách, khắc phục khó khăn để bảo đảm tiêu chuẩn sinh hoạt tối thiểu của chiến sĩ. Kiểm tra chặt chẽ và kiên quyết chống mọi hiện tượng tham ô, tùy tiện xâm phạm quyền lợi của chiến sĩ, cán bộ. Mỗi đơn vị tạo nên phong trào tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, phong trào văn hóa, văn nghệ nhằm tự cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của đơn vị mình. Đối với các đơn vị làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu ở biên giới, hải đảo... càng cần phải chú ý đến vấn đề này. Trong điều kiện khó khăn hiện nay, vấn đề quyết định là công tác tổ chức đời sống. Đây không chỉ là trách nhiệm của cán bộ hậu cần, mà trước hết là một vấn đề thuộc về chức trách của người chỉ huy, của công tác Đảng - công tác chính trị. Đi đôi với việc tăng cường công tác tổ chức, quản lý, cần hết sức coi trọng việc phát huy ý thức và vai trò làm chủ tập thể của cán bộ, chiến sĩ, đề cao tính năng động và sáng tạo của mọi người, để xây dựng được một nếp sống tươi vui, lành mạnh, trật tự, kỷ luật ngay cả trong những hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn.



Thực tế 3 năm qua chứng tỏ, cuộc vận động « phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu » của các lực lượng vũ trang nhân dân sẽ đi thu được những kết quả tốt đẹp, trước hết là do các cấp ủy Đảng đã quan tâm chỉ đạo và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chuyên chính vô sản. Sự cố gắng phấn đấu của bản thân các lực lượng vũ trang là hết sức quan trọng. Nhưng trong hoàn cảnh hiện nay, sự lãnh đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo sát sao, giúp đỡ nhiệt tình của chính

quyền và nhân dân có vai trò rất to lớn.

Các lực lượng vũ trang nhân dân phát huy được bản chất tốt đẹp, nâng cao được sức mạnh chiến đấu của mình sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, và góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, duy trì an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Ngược lại, việc củng cố nền chuyên chính vô sản, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế mới, nền quốc phòng toàn dân trên phạm vi cả nước cũng như ở từng địa phương lại có ảnh hưởng rất lớn đối với việc xây dựng các lực lượng vũ trang. Chính vì vậy, *kết hợp cuộc vận động lớn này với các phong trào cách mạng ở địa phương, phát huy sức mạnh tổng hợp và đề cao trách nhiệm của tổ chức Đảng, tổ chức chính quyền và đoàn thể các cấp, các ngành để đạt kết quả lớn hơn nữa là một yêu cầu quan trọng hàng đầu của công tác tổ chức chỉ đạo cuộc vận động trong những năm tới.*

Các ngành, các đoàn thể, các địa phương cần kết hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang trong việc thực hiện cuộc vận động này như chỉ thị của Ban bí thư đã chỉ rõ, nhằm thực hiện bằng được mục tiêu: « *quân với dân một ý chí, toàn dân xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc* ».

Trong năm 1982, để thực hiện mục tiêu quan trọng đó, có nhiều việc lớn, cấp bách cần được các cấp ủy Đảng, các Ủy ban nhân dân trực tiếp chỉ đạo như: gọi thanh niên nhập ngũ, thực hiện luật nghĩa vụ quân sự, huấn luyện quân dự bị, củng cố dân quân tự vệ, huấn luyện về thể thao và kỹ thuật quốc phòng, xây dựng huyện thành pháo đài quân sự, xây dựng tuyến phòng thủ biên giới, ven biển, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, thực hiện các chính sách hậu phương quân đội.

(Xem tiếp trang 42)

Vì sao ở nông thôn Nam-bộ vẫn còn một số nông dân không có ruộng đất?

CHÍNH sách điều chỉnh ruộng đất ở nông thôn miền Nam nhằm bảo đảm cho những nông dân không có hoặc thiếu ruộng đất được cấp ruộng đất đã được ban hành từ 5 năm nay. Nhưng tại sao cho đến nay chính sách đó vẫn chưa được thực hiện đầy đủ? Tại sao ở nông thôn Nam-bộ hiện nay vẫn còn một số nông dân không có ruộng đất hoặc thiếu ruộng đất canh tác, phải chịu cảnh đi làm thuê và bị bóc lột?

Đương nhiên có một số ít nông dân không có ruộng đất được cấp ruộng nhưng không dám nhận, hoặc nhận ruộng lại đem bán, hầu hết bán không được phải bỏ hoang. Điều đó là có thật và nó diễn ra hoàn toàn ngoài ý muốn của người nông dân không có ruộng. Những người nông dân này xưa nay vốn đã nghèo túng, chỉ có hai bàn tay trắng, khi được chia cấp ruộng đất lại không được chính quyền địa phương tổ chức giúp đỡ tạo điều kiện vật chất cho họ tiến hành sản xuất, phải thuê mướn máy móc, trâu bò, cây bừa với giá đắt, vay giống má, vốn liếng với lãi nặng, sản xuất không bù được lỗ, đành chịu cảnh quanh năm ngày tháng đi làm thuê để kiếm sống!

Song phần lớn nông dân khác hiện vẫn không có hoặc thiếu ruộng đất, là do một số nơi không chấp hành nghiêm chỉnh việc rút bớt phần ruộng đất dùng vào mục đích kinh doanh bóc

lột của những người thừa ruộng để chia cấp cho họ; hoặc là, những phần ruộng đất tịch thu, trưng thu và hiến của các thành phần bóc lột khác đáng lẽ phải đem chia cấp cho nông dân không có hoặc thiếu ruộng đất thì lại bị một số cơ quan, cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước và cán bộ địa phương chiếm dụng trái phép, dùng vào việc sản xuất tự túc.

• Ở ấp Dân-quân, xã Việt-hung, huyện Phú-tân, tỉnh Minh-hải còn trên 13% số hộ nông dân còn chiếm dụng nhiều ruộng đất: từ 5 đến 17 ha. Những gia đình này, hằng năm ngoài phần tự làm, còn phải thuê mướn từ 30 đến 50% số công cần thiết mới kinh doanh hết diện tích của họ. Ông Tô-Văn-An ở ấp này chiếm dụng 17 héc ta ruộng đất, đã phát canh thu 20 2 héc ta. Số ruộng đất tự làm là 15 héc ta; nhà có 7 lao động chính vẫn phải thuê mướn thêm 60% số công cần thiết mới cấy trồng hết diện tích.

Từ năm 1978 đến năm 1981, ở xã Vĩnh-khánh, huyện Thoại-sơn, tỉnh An-giang, các cơ quan và cán bộ Nhà nước đã chiếm dụng 147,5 héc ta ruộng đất thuộc về sản xuất tự túc. Trong số đó, lấy từ 25 đến 35,5 héc ta có hai cơ quan; lấy 7 héc ta có một cơ quan; lấy 4 héc ta có sáu cơ quan; lấy 2 héc ta có một cơ quan. Trong 25 cán bộ Nhà nước thì lấy 6 héc ta có một người; lấy 4 héc ta có hai người; lấy 2 héc ta có 11 người; lấy

từ 1 đến 1,5 héc ta có sáu người; chỉ có một người lấy ít nhất là 0,5 héc ta. Ở ấp Hòa-hung, xã Hòa-bình-thành, huyện Châu-thành, tỉnh An-giang có 8 đơn vị và cá nhân các cơ quan-tỉnh lấy 21,1 héc ta, một số cán bộ huyện lấy 26,6 héc ta, 4 cán bộ xã lấy 5,8 héc ta ruộng đất thuộc về sản xuất tự túc nhưng đều thuê người làm hoặc phát canh thu tô bằng tiền hay thóc, trong khi đó ở ấp này hiện nay vẫn còn 22 gia đình nông dân không có ruộng đất phải đi làm thuê nông nghiệp hoặc lĩnh canh của người thừa ruộng.

Ở những nơi có tình trạng chiếm dụng ruộng đất như trên, đương nhiên không còn ruộng đất có thể rút ra để điều chỉnh cho người không có hoặc thiếu ruộng đất canh tác. Và tất nhiên ở đây còn nhiều nông dân không có hoặc thiếu ruộng đất, hằng ngày vẫn phải đi làm thuê hoặc lĩnh canh của những người thừa ruộng đất kinh doanh bóc lột. Các hình thức bóc lột lao động làm thuê nông nghiệp và bóc lột bằng tô tức nặng nề, do đó, đang tồn tại ở nhiều nơi trong nông thôn miền Nam.

Sau đây là một số hình thức bóc lột khá phổ biến ở một số thôn xóm của tỉnh Minh-hải: cho thuê ruộng lấy thóc hoặc tiền, tức là phát canh thu tô tiền hoặc tô thóc, 1000 m² ruộng phát canh lấy từ 160 đến 300 kg thóc hoặc 200 đồng. Thuê công non khi giáp hạt, trả 10 đồng thì người nhận tiền phải cấy 1000 m² ruộng (trong khi đó lúc thời vụ phải thuê 60 đồng), được trả 15 đồng thì phải cấy 0,1 héc ta ruộng (trong khi đó lúc thời vụ phải thuê 20 - 25 đồng); cho vay thóc hoặc gạo lấy công làm, ví dụ: vay 20 kg thóc phải trả số công làm tương đương với công phát bờ 0,2 héc ta ruộng hoặc công cấy 0,4 héc ta ruộng (trong khi đó lúc thời vụ phải thuê 30 kg thóc); cho vay tiền đến mùa lấy thóc, như trường hợp anh Nguyễn-Văn-Hoài vay 300 đồng phải trả bằng 800 kg thóc;

cho vay tiền lấy tiền kèm theo nào là lãi ngày, lãi tháng lãi vụ, lãi chuyển, lãi năm với lãi suất từ 10 đến 20%; cho vay thóc lấy thóc có lãi, như trường hợp anh Hoàng-Văn-Hoài vay 200 kg thóc phải trả thành 300 kg, bà Trần-Thị-Bầy vay 800 kg phải trả 1200 kg; cho vay gạo đến mùa lấy thóc, như họ Nguyễn-Văn-Đường vay 50 kg gạo đến mùa phải trả bằng 200 kg thóc - tương đương với 120 kg gạo; gia đình Mã-Tiền vay 100 kg gạo phải trả bằng 300 kg thóc - tương đương với 180 kg gạo; bán chịu hàng đến mùa lấy thóc, cứ 20 đồng tiền hàng về sau phải trả bằng 20 kg thóc (trong khi đó giá thóc đang vụ thu hoạch đã là 4 - 5 đồng một kg)



Tình trạng chiếm dụng ruộng đất và bóc lột như trên đang gây khó khăn cho đời sống của một số không ít nông dân lao động và gia đình họ, cản trở việc phát triển sản xuất, và công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở nông thôn miền Nam. Vì sao đến nay đã qua hơn 5 năm, mà một bộ phận nông dân vẫn không có hoặc thiếu ruộng đất và bị bóc lột? Tại sao một số cán bộ, đảng viên lại chiếm dụng ruộng đất của nông dân? Các cơ quan lãnh đạo ở địa phương đã đặt thành vấn đề và có thái độ giải quyết như thế nào?

Trước tình hình nói trên, thái độ đúng đắn nhất là phải kiên quyết khăn trương-tiếp tục điều chỉnh ruộng đất, xóa bỏ việc chiếm dụng ruộng đất để kinh doanh bóc lột trong nông nghiệp, giải quyết ruộng đất cho nông dân không có hoặc thiếu ruộng, đi đôi với vận động nông dân tham gia phòng trào xây dựng các tổ chức sản xuất tập thể nhằm giúp nhau khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Nhà nước cần có chính sách giúp đỡ thiết thực cho những nông dân mới được chia ruộng đất, để họ có

điều kiện phát triển sản xuất; ưu tiên giúp đỡ về tài chính và vật chất cho các tổ chức sản xuất tập thể của nông dân hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Ở những nơi diện tích ruộng đất bình quân đầu người thấp, cần đặc biệt quan tâm đến vấn đề tổ chức phát triển ngành nghề, tìm công ăn việc làm cho nông dân và có biện pháp tổ chức tốt việc đưa dân đi xây dựng các vùng kinh tế mới.

Ruộng đất cần rút bớt để điều chỉnh cho nông dân không có hoặc thiếu ruộng đất canh tác là phần ruộng đất của những chủ hộ lâu nay có nhiều và thừa ruộng đất chuyên đem dùng vào mục đích kinh doanh bóc lột dưới mọi hình thức; phần ruộng đất của trung nông khá giả làm không hết phải thuê mướn người làm thuê không phải là ruộng đất của những người ít ruộng đất nhưng neo đơn phải thuê người làm, thu hoa lợi ruộng đất để sinh sống; phần ruộng đất trước đây chia cấp không đúng cho những người sống ở thị xã, thị trấn không trực tiếp làm nông nghiệp.

Thu hồi những ruộng đất mà các cơ quan, xí nghiệp, đơn vị bộ đội và cá nhân cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước chiếm dụng của nông dân và những ruộng đất tịch thu, trưng thu và hiến của các tầng lớp bóc lột, mà các cơ quan và cá nhân lấy để "sản xuất tự túc" nhưng thực tế không trực tiếp sản xuất mà thuê mướn người làm để thu lợi riêng. Các đơn vị bộ đội, cơ quan, xí nghiệp và các cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước cần sản xuất để cải thiện đời sống

được phép khai phá những ruộng đất hoang hóa, không được phép lấy đất thuộc của nông dân. Ở những nơi nhiều ruộng đất, nông dân làm không hết, các đơn vị cơ quan và cá nhân cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước có thể xin mượn đất để sản xuất tự túc nhưng phải dùng lao động của chính mình để sản xuất, không được thuê mướn người làm.

Số ruộng đất được rút ra và thu hồi chỉ đem chia cấp cho những nông dân hiện nay không có hoặc thiếu ruộng đất canh tác. Ở nơi diện tích ruộng đất bình quân đầu người thấp, số ruộng đất rút ra ít không đủ cấp cho tất cả những người không có ruộng hoặc thiếu ruộng đất canh tác, thì cần ưu tiên cấp cho các gia đình liệt sĩ, gia đình thương binh, gia đình có công với cách mạng và gia đình có con em tại ngũ mà chưa có ruộng đất. Ở những nơi có nhiều gia đình nông dân chưa có đất ở, chính quyền địa phương cần vận động các gia đình có nhiều đất ở nhường ra một số để điều chỉnh cho những gia đình chưa có đất ở. Đối với số người còn lại mà không còn ruộng đất để cấp cho họ, cần vận động họ khai hoang phục hóa để lấy đất sản xuất; nếu hết đất để khai hoang phục hóa, cần tổ chức phát triển các ngành nghề thủ công, khai thác hải sản, v.v. tạo công ăn việc làm và ổn định đời sống cho họ. Những nơi quá đông dân, diện tích ruộng đất bình quân đầu người thấp, cần tổ chức cho dân đưa dân đi xây dựng các vùng kinh tế mới ở những nơi có nhiều đất, để làm ăn.

Huyện Vĩnh-lạc từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp

HOÀNG - HÀM

(Bi thư Huyện ủy Vĩnh-lạc)

VĨNH-LẠC là huyện đồng bằng của tỉnh trung du Vĩnh-phủ. Số dân có 22 vạn người, đất tự nhiên 25000ha, đất canh tác 16290ha. Là huyện trọng điểm về sản xuất lương thực và thực phẩm của tỉnh Vĩnh-phủ (sản lượng lương thực chiếm trên dưới 1/5 tổng sản lượng lương thực của cả tỉnh). Vĩnh-lạc coi sản xuất lương thực và thực phẩm là nhiệm vụ hàng đầu của mình. Trong 5 năm (1976—1980) vừa qua, Vĩnh-lạc đã gặp không ít khó khăn; các vật tư chủ yếu giảm từ 1/3 đến 1/2 so với những năm từ 1970 đến 1975; thiên tai diễn biến khá phức tạp, hạn úng, lụt, rét, sâu bệnh liên tiếp xảy ra, 6 trong số 10 vụ sản xuất bị thất bát, có vụ bị thiệt hại nặng. Cộng vào đó là những khó khăn vốn đã tồn tại nhiều năm như cơ sở vật chất kỹ thuật còn quá ít ỏi, quan hệ sản xuất mới chưa được củng cố.

Trong hoàn cảnh đó, đảng bộ và nhân dân huyện Vĩnh-lạc đã phấn đấu từng bước tiến lên xây dựng cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp.

1.— Quy hoạch sản xuất và phân công lại lao động, bước đầu tạo ra cơ cấu kinh tế mới.

Với đặc điểm là một huyện đất ít người đông, làm sao khai thác tốt được tiềm năng đất đai và lao động, từng bước hình thành cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp trên địa bàn huyện? Ngay từ những ngày đầu hợp nhất, Vĩnh-lạc đã tiến hành công tác quy hoạch, xác định phương hướng sản xuất, cơ cấu trồng trọt, chăn nuôi và ngành nghề phù hợp với đặc điểm của từng vùng nhỏ và từng loại hợp tác xã.

Huyện Vĩnh-lạc chia thành 3 vùng kinh tế nông nghiệp: vùng bắc gồm 14 xã, đất canh tác 6117 ha chiếm 38%; vùng giữa gồm 21 xã, đất canh tác 6502 ha chiếm 40%; vùng bãi gồm 10 xã, đất canh tác 3510 ha chiếm 22% trong tổng diện tích canh tác của cả huyện. Cả 3 vùng đều có ưu thế về sản xuất lương thực (lúa, màu), chăn nuôi trâu bò, lợn. Vùng bắc và vùng bãi có ưu thế phát triển cây công nghiệp (lạc, đậu tương); vùng giữa hơn hẳn các vùng về nuôi thả cá. Riêng vùng bãi có ưu thế về chuyên canh mía, đay, thầu dầu, trồng dâu nuôi

lâm, nuôi hồ sinh sản và kéo xe, trồng chuối xuất khẩu. Cả 3 vùng tạo thành thể mạnh chung của huyện là sản xuất lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày. Sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện, tạo ra khả năng lớn về mở mang tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, nhất là ngành nghề trong nông nghiệp.

Phấn đấu theo phương hướng đã vạch ra, Vĩnh-lạc đã tập trung sức thâm canh lúa, đi đôi với đòi hỏi cơ cấu cây trồng, phá vỡ dần thể độc canh lúa, từng bước đi vào sản xuất toàn diện, tập trung chuyên canh và luân canh một cách hợp lý. Sự đòi hỏi mới cơ cấu trồng trọt thể hiện trước hết ở việc phát triển màu vụ đông từ 2000 ha lên trên 5000 ha, sản lượng màu (quy thóc) từ 4000—5000 tấn lên 8000—9000 tấn và 15000 tấn năm 1980; đồng thời mở rộng thêm và khôi phục những cây trồng có giá trị cao như lạc, đậu tương (lạc từ trên dưới 100ha lên trên 500ha với sản lượng trên 500 tấn), phát triển và khôi phục chế độ luân canh và trồng xen, trồng gối, như các loại đậu, đỗ trồng xen ngô, khoai, mía ngô gối dày... Tăng dần diện tích 1 vụ lên 2 vụ, 2 vụ lên 3 vụ (2 vụ lúa 1 vụ đông) và 3 vụ 4 cây hoặc 3 vụ 5 cây trên 1 đơn vị diện tích (2 vụ lúa + 1 vụ khoai tây gối khoai sọ và xen lạc hoặc đậu... với khoai sọ). Do đó tổng diện tích gieo trồng đạt 32000 ha; không kể diện tích chiếm đầm và đất chuyên mía thì hệ số sử dụng ruộng đất là 2,4 lần. Sản lượng lương thực năm 1980 tăng 6000 tấn so với năm 1975.

Chăn nuôi có bước phát triển về chất lượng, chế độ khoán quản trong chăn nuôi tập thể ngày càng hoàn chỉnh, có hiệu quả hơn. Tổng đàn lợn hàng năm không tăng nhiều nhưng trọng lượng lợn xuất chuồng bình quân từ 35—36kg đã lên 45—46 kg/con. Đàn bò tăng nhanh, tính đến 1-7-1981, tổng đàn tăng 52% so

với năm 1976. Nghề nuôi cá đã bước đầu được tổ chức lại.

Công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và ngành, nghề trong nông nghiệp tuy còn nhỏ bé, giá trị sản lượng mới chiếm 17—18% trong tổng giá trị sản lượng nông—công nghiệp, nhưng so với những năm 1970—1975 thì 5 năm vừa qua có bước phát triển khá. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, kể cả ngành, nghề trong nông nghiệp, tính đến năm 1980 là 11 triệu đồng, tăng trên 50%. Ngoài ngành mũi nhọn là sản xuất gạch, ngói phát triển mạnh, trong huyện còn mở thêm được một số ngành mới: thêm 2 điểm cơ khí vùng, 3 cơ sở thêu ren, dệt thảm, 9 cơ sở tết dây, bện giỏ, phát triển thêm 500 tấn thuyền cho hợp tác xã vận tải thủy, tổ chức trồng và chưng cất tinh dầu bạc hà, tổ chức đội chuyên xây dựng, chuyên vận tải, khôi phục nghề đan lát, làm đồ mộc, sản xuất cây, bừa, v.v. thu hút thêm hàng nghìn lao động từ trồng trọt sang làm ngành nghề.

Quá trình thực hiện phương hướng sản xuất trên đây cũng là quá trình thực hiện từng bước phân công lại lao động và khai thác tiềm năng lao động. Tổng số lao động ở nông thôn Vĩnh-lạc năm 1980 là 74000 người, phân bố cho trồng trọt 68%, ngành nghề 11,6%, chăn nuôi 7% (chưa tính lao động chăn nuôi khoán cho gia đình xã viên), làm thủy lợi và kiến thiết đồng ruộng 2,7%, dịch vụ và quản lý 5,6%, v.v.

2 — Áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

Đi đôi với quá trình phân công lại lao động, Vĩnh-lạc đã mạnh dạn thay đổi hầu hết các giống cây trồng cũ (lúa, ngô, đỗ tương, khoai lang, v.v.) bằng các giống mới ngắn ngày có năng suất cao. Việc thay đổi cơ cấu giống đã tạo tiền đề cho việc đổi mới

cơ cấu cây trồng, tập quán canh tác và đưa lại hiệu quả cao hơn trước. Về chăn nuôi, đã từng bước tuyển chọn, thuần hóa đàn lợn giống và lai với giống ngoại. Chất lượng đàn trâu, nhất là đàn bò hơn hẳn so với các năm trước. Việc cho cá đẻ và ương, nhân cá giống đang được tổ chức lại, chất lượng cá giống tốt hơn, thỏa mãn được yêu cầu về con giống của nhân dân trong huyện...

3 - Cải tiến công tác quản lý đội sản xuất và hợp tác xã.

Năm năm qua chúng tôi không thay đổi quy mô hợp tác xã, nhưng đã điều chỉnh lại số đội sản xuất cơ bản từ 420 đội lên 889 đội, tổ chức lại các đội chuyên làm phân và chuyên làm đất của hợp tác xã, bổ nhiệm 43/47 kế toán trưởng; 47 hợp tác xã đã chuyển từ 18 tài khoản sang thực hiện 43 tài khoản, bỏ các kế toán trung gian trên hợp tác xã và cho bầu thêm mỗi đội sản xuất 1 thư ký... Về tổ chức sản xuất, ngay từ năm 1978, chúng tôi đã thực hiện khoán sản phẩm cây màu có củ, rồi đến khoán sản phẩm các cây ngô, đậu, lạc cho người lao động, khoán sản phẩm chăn nuôi lợn cho gia đình xã viên bằng hình thức gia công. Tiếp đến vụ mùa năm 1980, được sự chỉ đạo của cấp trên, chúng tôi đã tiến hành làm thủ khoán sản phẩm cây lúa, rồi cho mở rộng việc khoán sản phẩm cây lúa đến người lao động trên địa bàn huyện vào vụ đông xuân 1980 - 1981. Về chăn nuôi, đến cuối năm 1980, trên cơ sở rút kinh nghiệm khoán bằng hình thức gia công, chúng tôi đã điều chỉnh lại, gọn khoán chăn nuôi lợn với khoán sản phẩm cây lúa; hoàn chỉnh thêm một bước việc khoán nuôi cá, cải tiến việc khoán nuôi trâu. Các ngành nghề cũng áp dụng hình thức khoán sản phẩm.

Quá trình cải tiến quản lý, đổi mới hình thức khoán đã đưa lại kết quả là sản xuất lúa và màu tăng với tốc độ cao, vụ đông được mở rộng, chăn nuôi và ngành nghề phát triển. Các đội sản xuất và hợp tác xã được củng

cố. Đời sống nhân dân ở nhiều vùng được ổn định và nâng cao, nghĩa vụ đối với Nhà nước được thực hiện tốt.

4 - Cải tiến phương thức lãnh đạo, chỉ đạo.

Một vấn đề lớn đặt ra trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp huyện là làm thế nào để cụ thể hóa được chủ trương của Đảng cho phù hợp với thực tế của địa phương; làm thế nào để điều hành được tốt sự hoạt động của các ngành và hằm được cơ sở... Đây là những vấn đề mà trong nhiều năm chúng tôi rất lúng túng. Trước đây chúng tôi thường phân công, mỗi đồng chí trong huyện ủy phụ trách một ngành và 1-2 xã; mỗi cụm (5-7 xã) có 1 đồng chí thường vụ làm cụm trưởng, cùng một số cán bộ của các ngành được phân công theo dõi. Một cách thường làm nữa là mỗi khi có những công việc đột xuất hoặc mùa màng khẩn trương thì huyện ủy và ủy ban nhân dân huyện triệu tập hàng loạt cán bộ của các ngành đưa xuống cơ sở đôn đốc.

Từ năm 1978, chúng tôi từng bước cải tiến lề lối làm việc. Định rõ chế độ sinh hoạt và nội dung sinh hoạt thường kỳ của huyện ủy; dành nhiều thời gian bàn các chuyên đề lớn; định rõ chế độ hội ý, nắm tình hình và làm chương trình công tác, có sự phối hợp, phân công cụ thể trong chỉ đạo. Các đồng chí huyện ủy phụ trách ngành trước hết chăm lo hoàn thành tốt công tác của ngành, phát huy chức năng của ngành phục vụ sản xuất và phục vụ cơ sở, đồng thời được phân công theo dõi một xã, truyền đạt, kiểm tra đôn đốc giúp xã thực hiện các chủ trương, nghị quyết của cấp trên, đồng thời đi sâu triển khai tốt công tác của ngành mình ở xã đó mà rút kinh nghiệm chỉ đạo chung trên địa bàn huyện.

Trong quá trình chỉ đạo, chúng tôi cũng đã coi trọng việc củng cố tổ chức

cơ sở và bồi dưỡng cán bộ cơ sở. Trong 4 năm (1977 - 1980) đi đòi với việc tiếp tục phát triển Đảng, ở huyện chúng tôi đã thi hành kỷ luật đối với 1330 đảng viên, bình quân hằng năm xử trí 5% tổng số đảng viên, riêng số bị đưa ra khỏi Đảng chiếm 2,1%; đã thay đổi 26 bí thư đảng ủy xã, 38 chủ nhiệm hợp tác xã, trong đó có một số đồng chí già yếu, năng lực hạn chế. Trong 3 năm (1978 - 1980) chúng tôi đã liên tục mở các lớp tập huấn cho trên 3000 lượt cán bộ đội trưởng, đội phó sản xuất về công tác quản lý ở đội sản xuất, khoán sản phẩm đến người lao động, cách thức điều hành ở đội sản xuất... Vừa qua chúng tôi lại bồi dưỡng cho 1400 đội trưởng, đội phó các đội sản xuất về cách thức hạch toán ở đội sản xuất.

Chúng tôi đã tập trung củng cố tổ chức ở những nơi yếu kém, trước hết đi từ việc củng cố tổ chức Đảng, củng cố hợp tác xã gắn với đẩy mạnh sản xuất, khắc phục tình trạng sa sút về kinh tế và đời sống, củng cố chính quyền, củng cố các đoàn thể quần chúng, giải quyết những vấn đề tiêu cực trong đời sống kinh tế và xã hội, v.v. Tính đến cuối năm 1980, hầu hết các xã yếu kém đã thoát ra khỏi tình trạng trì trệ, dậm bộ và hợp tác xã được củng cố, sản xuất và chăn nuôi phát triển, đời sống quần chúng ổn định dần, các nghĩa vụ đóng góp đối với Nhà nước được thực hiện ngày càng tốt. Có xã, mức đóng góp tăng 3 - 4 lần so với khi chưa được củng cố; đảng bộ và hợp tác xã ở 5/15 xã đã trở thành đảng bộ khá và hợp tác xã tiên tiến.

Hiện nay, ở huyện chúng tôi vẫn còn nhiều khó khăn và nhiều mặt yếu kém. Sản xuất lương thực trong những năm qua có tăng nhưng chậm và chủ yếu là tăng mau, bình quân lương thực đầu người còn thấp (300kg/người), trong khi số dân tăng bình quân 2,7%; cơ sở vật chất còn thiếu thốn; ứng,

hạn còn nặng, trên 20% diện tích cây lúa hàng năm còn bắp bệnh, không ổn định; sức kéo thiếu nghiêm trọng, phân bón còn ít; sáu bệnh đối với mùa màng, dịch bệnh đối với đàn gia súc còn rất nghiêm trọng; các giống cây trồng hầu hết là giống mới, nhưng thoái hóa nhanh do việc tổ chức tuyển chọn, thuần hóa còn kém. Sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và ngành nghề trong nông nghiệp còn kém và chưa phát triển vững chắc; kim ngạch xuất khẩu còn quá thấp (bình quân 2,2 đồng/người)...

Những khó khăn và những mặt yếu kém nói trên có nhiều nguyên nhân khách quan, nhưng cũng thể hiện công tác lãnh đạo của cấp huyện chúng tôi còn nhiều nhược điểm, thiếu sót; tổ chức cơ sở còn yếu, năng lực của cán bộ, nhất là trình độ vận dụng đường lối chính sách, trình độ quản lý kinh tế nhiều nơi quá yếu so với yêu cầu.



Trong những năm tới, chúng tôi chủ trương tiếp tục hoàn thiện phương hướng sản xuất, xác định rõ hơn cơ cấu kinh tế nông nghiệp - công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Riêng về nông nghiệp, hoàn thiện thêm cơ cấu cây trồng và chăn nuôi trên địa bàn huyện và từng vùng cụ thể. Yêu cầu của việc xác định lại phương hướng sản xuất và các phương án kinh tế là phải tạo ra cơ cấu kinh tế mới, nhằm sử dụng hết lao động, mở rộng sản xuất, kinh doanh, phát triển ngành nghề, tăng thêm sản phẩm, phát triển sản phẩm mới, tăng sản phẩm hàng hóa, mở rộng sự phân công lao động mới. Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt và lâu dài của huyện Vĩnh-lạc là giải quyết vững chắc vấn đề lương thực và thực phẩm, mặt khác đẩy mạnh sản xuất và cung cấp ngày càng nhiều nguyên liệu nông sản (mía,

đổ, lạc, đay...) cho công nghiệp và xuất khẩu.

Việc hoàn thiện cơ chế khoán trong nông nghiệp và củng cố hợp tác xã nông nghiệp có tầm quan trọng quyết định đối với việc thực hiện những mục tiêu kinh tế xã hội trong các năm tới. Chúng tôi sẽ tiếp tục hoàn thiện việc khoán sản phẩm cây lúa và các cây trồng khác, hoàn thiện việc khoán chăn nuôi lợn, cá, trâu bò và khoán sản phẩm đối với các ngành nghề theo tinh thần chỉ thị 100 của Ban bí thư Trung ương Đảng. Chúng tôi đang cho làm thử và rút kinh nghiệm để mở rộng việc hạch toán ở đội sản xuất cơ bản, tiếp tục củng cố các ban quản trị hợp tác xã, củng cố các bộ phận kế hoạch, định mức, tài vụ, hạch toán, củng cố các đội chuyên khâu, đề hợp tác xã bảo đảm thực hiện 5 khâu và 3 khâu tốt hơn và từng bước tiến lên thực hiện hạch toán theo ngành ở các hợp tác xã, bảo đảm kết hợp đúng đắn 3 lợi ích trong từng hợp tác xã.

Kinh tế gia đình có tiềm năng lớn ở nhiều xã phần thu nhập của kinh tế gia đình chiếm 50 - 60% tổng thu nhập của xã viên. Vì vậy chúng tôi sẽ có kế hoạch hướng dẫn tốt việc tổ chức sản xuất trên đất 5%, đất khoán chăn nuôi lợn, hướng dẫn sử dụng đất vườn trồng các cây ăn quả như chuối, chanh, cam hoặc mít, trồng dâu nuôi tằm... Khuyến khích các gia đình phát triển chăn nuôi lợn, bò, dê, thỏ, gia cầm, nuôi cá, phát triển các ngành phụ như đan lát, làm thảm bện, dệt chiếu, dệt lụa tự túc một phần vải mặc; những nơi có mía vườn (ngoài vùng tập trung) có thể kéo mật, làm đường, v.v.

Tập trung chỉ đạo giải quyết vấn đề sức kéo và công cụ. Quy hoạch lại vùng làm đất bằng máy kéo lớn ở những hợp tác xã có địa bàn lớn và ổn định địa bàn để phát huy hiệu quả của máy, đồng thời có kế hoạch sửa chữa và phát huy tốt tác dụng của

trên 100 máy kéo nhỏ trong khâu làm đất. Có kế hoạch phát triển nhanh đàn trâu bò cây kéo bằng 3 nguồn: cải tiến chế độ khoán để tăng sinh sản tại chỗ; hợp tác xã tập trung vốn mua thêm, vận động xã viên mua thêm và có kế hoạch, có chính sách sử dụng tốt đàn trâu bò của gia đình xã viên vào việc cây kéo, phần đầu trong vòng 2 - 3 năm hạ mức bình quân một trâu bò cây kéo từ 3,5 ha xuống 2,5 đến 2 ha gieo trồng trong 1 năm.

Công cụ lâu nay đã thiếu, nay do mở rộng hình thức khoán sản phẩm cho nên càng thiếu hơn. Vì vậy cả huyện và xã phải vượt lên tự sản xuất những thứ có thể sản xuất được, đồng thời mua thêm để nhanh chóng trang bị đủ cây bừa, các công cụ thường và công cụ cải tiến cho người sản xuất.

Tăng cường chỉ đạo và mạnh dạn đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, phần đầu thực hiện một chương trình cải tạo đất liên tục bằng con đường cơ bản và lâu dài là phát triển chăn nuôi để tăng nguồn phân chuồng; bằng việc mở rộng diện tích trồng lạc, đậu tương để vừa tăng nguồn phân tại chỗ, vừa tăng sản phẩm hàng hóa dâng trao đổi hai chiều, lấy thêm các loại phân hóa học ngoài phần kế hoạch Nhà nước cấp, thực hiện cây vắn rạ 50 - 60% diện tích lúa xuân, cây ải, đảo ải, mở rộng diện tích bèo dầu.

Và thủy lợi trong những năm trước mắt, hướng chính là tập trung giải quyết hạn. Chúng tôi đang tiến hành kiểm tra lại toàn bộ các công trình thủy lợi trong huyện, sau đó sẽ tập trung sức hoàn chỉnh các công trình đó, và nếu thấy cần thì điều chỉnh lại hệ thống kênh mương, cống. Chúng tôi sẽ xây dựng quy chế và phân công phân cấp quản lý sử dụng và tiết kiệm nước để khai thác tới mức tối đa nguồn nước hiện có, đồng thời khôi phục lại phong trào tát nước bằng gàu, gông, cọn, đã thành tập quán ở

nhiều nơi trước đây, khi chưa có máy bơm. Mặt khác xây dựng và hoàn chỉnh tiếp các trạm bơm điện nhỏ, trạm bơm chống úng, phấn đấu thu hẹp dần diện tích cấy lúa không ổn định do hạn và úng.

Để thực hiện được phương hướng trên đây, chúng tôi sẽ làm cho các cấp, các ngành trong huyện và mọi cán bộ đảng viên cố nhận thức mới, cách suy nghĩ mới, cách nhìn mới, cách làm mới, nêu cao ý thức tự lực tự cường vươn lên làm nhiều hơn, tốt hơn, và đi sâu cải tiến quản lý để khai thác cho được thế mạnh tại chỗ về lao động, đất đai, vật tư, tiền vốn... từ đó tạo ra điều kiện mới, năng lực sản xuất mới tại chỗ, từng bước vươn lên thực hiện các mặt cân đối tại cơ sở và tại huyện.

Đối với cấp huyện, phải chuyển mạnh phương thức quản lý kinh tế từ hành chính bao cấp sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Phải đổi mới công tác kế hoạch, chỉ giao cho cơ sở một số chỉ tiêu có tính pháp lệnh, kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý, phân

phối vật tư, nắm vững và vận dụng đúng đắn các chính sách đòn bẩy kinh tế như chính sách giá cả, thu mua hai chiều, gắn với từng bước hoàn chỉnh cơ chế khoán, quản trong nông nghiệp, công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp và các ngành kinh tế khác; giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa 3 lợi ích, phát huy quyền làm chủ, quyền tự chịu trách nhiệm về kinh tế, từ đó phát huy tính chủ động sáng tạo của quần chúng lao động và của cơ sở trong việc mở rộng sản xuất kinh doanh.

Chúng tôi sẽ mở rộng mối quan hệ kinh tế với các huyện bạn, tỉnh bạn vừa nhằm giải quyết những khó khăn trong sản xuất và đời sống trong huyện, vừa tạo điều kiện thúc đẩy nền kinh tế chung. Chúng tôi cố gắng nhanh chóng kiện toàn tổ chức và cải tiến sự chỉ đạo hoạt động của các ngành, nhất là các ngành kinh tế kỹ thuật, như nông nghiệp, thủy lợi, máy kéo, cung ứng vật tư, thương nghiệp, v.v. gắn các ngành với cơ sở, từng bước hình thành sự liên kết về kinh tế giữa xã với huyện.

Về cuộc vận động lớn...

(Tiếp theo trang 33)

Làm tốt những việc đó là góp phần đẩy mạnh cuộc vận động phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang, góp phần to lớn vào công cuộc xây dựng nền quốc phòng toàn dân ở từng địa phương cũng như trong phạm vi cả nước.

Việc các cấp chính quyền, đoàn thể, các ngành có chương trình phối hợp hành động chặt chẽ với các đơn vị quân đội là bảo đảm vững chắc cho thắng lợi của việc thực hiện cuộc vận động ở địa phương. Các bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành, huyện cần đề cao

trách nhiệm, làm tốt vai trò trực tiếp thực hiện cuộc vận động và làm tham mưu đặc lực cho cấp ủy Đảng và Ủy ban nhân dân trực tiếp điều hành cuộc vận động.

Được sự quan tâm lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự giúp đỡ tận tình của nhân dân, sự phối hợp hành động chặt chẽ của các ngành, các địa phương, các lực lượng vũ trang nhân dân ta nhất định sẽ vươn lên giành kết quả vững chắc và toàn diện trong cuộc vận động lớn này, xứng đáng là lực lượng nòng cốt của nền quốc phòng toàn dân và trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Một vài suy nghĩ từ thực tế của Triệu-hải

LÊ-VĂN-HOAN

Bí thư Huyện ủy Triệu-hải

SAU ngày giải phóng, huyện Triệu-hải, với trung tâm là Thành cổ Quảng-trị, mang đầy thương tích do cuộc chiến tranh hủy diệt của giặc Mỹ gây ra. Khắp nơi dấu vết của giặc để lại hầu như lẫn át cả màu xanh cây cỏ. Hồ bom chỉ chít. Bom mìn do địch rải vẫn còn nhen nhán. Trên ba vạn nóc nhà bị thiêu sạch. Nhiều đường sá, cầu cống bị phá hủy. Phố xá, trường học, chợ búa tan hoang. Phần lớn ruộng đất bị bỏ hoang hóa. Giặc tan rỗi, 16 vạn dân từ các nơi sơ tán lục tục kéo về, tất cả gia sản chỉ một gánh trên vai, sống nhờ vào trợ cấp lương thực của chính quyền cách mạng.

Tình hình đó đặt ra cho đảng bộ Triệu-hải những nhiệm vụ nặng nề: xây dựng chính quyền cơ sở, ổn định tư tưởng quần chúng; tổ chức chống đói; giáo dục, cải tạo ba vạn nguy quân và nhân viên nguy quyền trong huyện; tổ chức tháo gỡ bom mìn, phục hóa ruộng đất, khôi phục sản xuất và làm sống lại mọi mặt sinh hoạt xã hội.

Từ đó đến nay, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo và chỉ viện của cấp trên, với sự nỗ lực chủ quan của đảng bộ cũng quân và dân trong huyện, Triệu-hải đã đạt được một số thành tựu.

Sau khi giải quyết những vấn đề cấp bách trước mắt về đời sống và tư tưởng nhân dân, ngay từ năm 1976 chúng tôi đã tổ chức điều tra cơ bản, tiến hành quy hoạch tổng thể, xác định cơ cấu nông-lâm-ngư-công nghiệp của huyện, chia huyện ra làm 8 tiểu vùng kinh tế với 8 cụm kinh tế-kỹ thuật. Trên cơ sở đó, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, vừa khôi phục và phát triển sản xuất, xây dựng một số cơ sở vật chất kỹ thuật, tạo ra năng lực mới cho sản xuất, vừa từng bước cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các ngành kinh tế trong huyện.

Đến nay, chúng tôi đã hoàn thành hợp tác hóa trong nông nghiệp, ngư nghiệp, thủ công nghiệp; cải tiến một bước công tác quản lý kinh tế và đang thực hiện khoán sản phẩm trong nông nghiệp. Chúng tôi đã khôi phục

được 21000 héc ta đất canh tác, đưa diện tích gieo trồng hằng năm lên 33000 héc ta; trồng một vạn héc ta rừng, phủ xanh một phần dải cát ven biển dài 32 ki lô mét. Mười triệu ngày công đã được huy động để xây dựng 14 trạm tưới — tiêu nước, 7 hồ chứa nước, một công trình chắn cát dài 8 ki lô mét; ngoài ra, công trình đại thủy nông Nam Thạch-hãn đang được xây dựng. Các công trình nói trên đã bước đầu phát huy tác dụng, đưa diện tích được tưới nước trong huyện lên 9000 héc ta. Huyện còn có trạm máy kéo với năng lực cày bừa 20000 héc ta/năm; trạm này cùng với số máy và trâu bò của các hợp tác xã đủ bảo đảm sức kéo cho nông nghiệp trong huyện. Chúng tôi cũng đã xây dựng được trạm thú y, trạm bảo vệ thực vật, một cơ sở cưa xẻ gỗ 1000 mét khối/năm, 2 lò vôi 10 000 tấn/năm, 30 lò gạch ngói sản xuất 20 triệu viên/năm. Hệ thống các cơ sở phân phối lưu thông được xây dựng hoàn chỉnh từ huyện lỵ đến 8 cụm kinh tế — kỹ thuật. Các cơ sở văn hóa giáo dục bao gồm 2 trường văn hóa cấp III với 2500 học sinh, 16 trường cấp I — II với 51 000 học sinh, các lớp bổ túc văn hóa thu hút 33 000 người quá tuổi đến trường phổ thông. Trong huyện có hai bệnh viện với 280 giường và 42 trạm y tế xã với 422 giường.

Đời sống nhân dân ổn định. Chỉ một năm sau ngày giải phóng, chúng tôi đã giải quyết được vấn đề lương thực trong huyện và bắt đầu làm nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước. Sáu năm qua, binh quân hằng năm Triệu-hải làm nghĩa vụ đối với Nhà nước 8000 tấn lương thực. Chúng tôi còn có khả năng tự cân đối lương thực trên địa bàn huyện và điều động ra khỏi huyện từ 3000 đến 4000 tấn lương thực.

Quốc phòng được tăng cường, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Hầu như từ con số không, phần đầu đạt được những thành tích nói trên là một cố gắng đáng kể của đảng bộ cùng quân và dân trong huyện. Tuy nhiên, với tiềm năng về mọi mặt của huyện, Triệu-hải có thể đạt được những thành tựu lớn hơn nếu như không có những hạn chế về nhiều mặt. Những hạn chế đó là: từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, mọi việc quá mới mẻ, phức tạp, tổ chức cũng như nhận thức của cán bộ chưa chuyển kịp tình hình; tinh thần cách mạng tiến công, tự lực tự cường của cán bộ, đảng viên và quần chúng chưa cao; thời tiết mấy năm qua lại không thuận...; đặc biệt ở đây chúng tôi muốn nhấn mạnh sự hạn chế về cơ chế tổ chức và quản lý.

Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên về xây dựng huyện, một số ngành đã phân cấp quản lý. Điều này đã phát huy tác dụng. Trạm máy kéo, công ty vật tư, công ty được phân, quốc doanh chiếu bóng... từ khi có sự phân cấp đã phục vụ sản xuất và đời sống tốt hơn trước, đã thu cho ngân sách vượt kế hoạch và cân đối được thu chi theo kế hoạch. Trong khi đó nhiều ngành khác chưa phân cấp hoặc thực hiện phân cấp không đồng bộ, không hợp lý, làm cho huyện bị ràng buộc trong cái vòng hành chính trung gian rất khó xoay trở. Là một cấp kinh tế kế hoạch, nhưng huyện không nắm được vật tư, tiền vốn thì làm sao chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch được? Huyện không được cung cấp toàn bộ vật tư từ đầu năm kế hoạch thì khó mà sử dụng vật tư cho có hiệu quả tốt. Huyện là một cấp ngân sách nhưng lại không có nguồn thu tài chính quan trọng nào. Huyện chỉ đạo các hợp tác xã sản xuất lương thực nhưng không được cân đối lương thực trên địa bàn huyện; hằng năm huyện nộp vào kho Nhà nước gần một vạn tấn lương thực, mà huyện

không nắm trong tay được một cân phụ phẩm (cám, trấu) nào, chưa nói gì đến gạo! Đối với các cơ sở của các ngành hải sản, lâm sản, vật liệu xây dựng, làm muối, chăn nuôi... huyện có trách nhiệm chỉ đạo sản xuất, nhưng sản phẩm làm ra thì các trạm của tỉnh thu mua hết, huyện chỉ được cấp lại một phần qua các trạm ấy. Thử hỏi, cần gì phải có 7 cơ quan thu mua của cấp trên tại địa bàn một huyện? Trong 7 cơ quan thu mua này, có cơ quan thu mua trong huyện không đủ để bán lại cho huyện. Rõ ràng sẽ dờ lằng phí và phiền hà bao nhiêu nếu cấp trên giao chỉ tiêu cho huyện, để huyện phụ trách việc thu mua, cân đối và giao nộp sản phẩm. Cũng có ngành như giáo dục "phân cấp" cho huyện phụ trách chăm lo cơ sở vật chất, đời sống và trả lương cho giáo viên; còn biên chế tổ chức thì Ty giáo dục nắm, mọi việc điều động, đề bạt, cất nhắc đều do Ty làm; như vậy huyện khó mà quản lý đội ngũ cán bộ đó. Lại có những ngành, tổ chức không quy về một mối, như ngành lâm nghiệp: cơ quan lâm nghiệp thì trực thuộc huyện, còn các lâm trường, hạt kiểm lâm, trạm lâm sản... lại do cấp trên quản lý; hoặc như ngành thủy lợi: ban thủy lợi trực thuộc huyện, còn các công trường thủy lợi, trạm quản lý thủy nông lại thuộc cấp trên... Trong thực tiễn, chúng tôi thấy, với cơ chế tổ chức và quản lý như vậy, huyện khó mà chủ động trong công tác và điều hành công việc được tốt.

Xây dựng kinh tế huyện và tăng cường cấp huyện là một bộ phận quan trọng của đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đảng ta chủ trương xây dựng cấp huyện thành một cấp quản lý các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng trong huyện: một cấp quản lý kế hoạch toàn diện và có ngân sách; một cấp quản lý về mặt hành chính Nhà nước và về mặt sản xuất, kinh doanh, phân phối lưu thông, về mặt hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế và tổ chức chăm sóc đời sống nhân dân trong huyện; một trung tâm chỉ đạo tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng ở nông thôn.

Tất nhiên, huyện cần tránh khuynh hướng ồm đồm nhiều cơ sở, muốn cân đối theo kiểu «khép kín». Nhưng để huyện thực hiện tốt chức năng của nó, xứng đáng với vị trí của nó như Đảng đã xác định, chúng tôi nghĩ các cơ quan có thẩm quyền, các ngành hữu quan nên nghiên cứu và tiến hành phân cấp thể nào cho hợp lý, giúp huyện có điều kiện khai thác tốt tiềm năng lao động, đất, rừng, biển, cơ sở vật chất sẵn có, tổ chức lại sản xuất cho tốt, tự cân đối về mọi mặt sản xuất và đời sống trên địa bàn huyện và làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, bảo đảm sự thống nhất giữa lợi ích của toàn xã hội, của nhân dân trong huyện, của từng đơn vị cơ sở và của cá nhân người lao động.

Chính sách đối ngoại của nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô và vấn đề củng cố hòa bình ở châu Á

X. ĐAM-BA-ĐA-GIA

Thủ trưởng Bộ ngoại giao nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô.

I - 60 NĂM PHÁT TRIỂN

Tháng 7 vừa qua, nhân dân lao động nước chúng tôi đã tiến hành trong thế lễ kỷ niệm lần thứ 60 Ngày thắng lợi của cuộc cách mạng Mông-cô dưới ảnh hưởng trực tiếp của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại.

Thắng lợi trong việc cải tạo một nước thuộc địa kiểu thời trung cổ tiến lên theo con đường cách mạng và chủ nghĩa xã hội hiện thực trên lãnh thổ Mông-cô là thắng lợi chủ yếu của nhân dân Mông-cô trong 60 năm qua. Với bước nhảy vọt lịch sử từ chủ nghĩa phong kiến tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, đối với đất nước chúng tôi, 60 năm qua bằng cả một thời đại. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã giành được thắng lợi trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, và hiện nay, nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô đang xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội. Quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế quốc dân đang làm biến đổi sâu sắc đất nước Mông-cô. Hiện nay sản phẩm công nghiệp chiếm 29,3% thu nhập quốc dân, 71,3% tổng sản phẩm công nghiệp

và nông nghiệp và chiếm khoảng 70% hàng xuất khẩu.

Nền nông nghiệp đã được cải tạo và xây dựng theo hướng xã hội chủ nghĩa.

Đường lối xã hội - kinh tế của Đảng nhằm nâng cao mức sống vật chất và văn hóa của nhân dân đang được thực hiện tốt đẹp. Trong 20 năm gần đây, thu nhập thực tế của người dân tăng 3,5 lần, quỹ phúc lợi xã hội tăng 5,5 lần, trong đó quỹ trợ cấp và hưu trí tăng 12,7 lần.

Các ngành giáo dục, y tế và văn hóa phát triển và thu được những thành tích to lớn. Hiện nay, nửa số dân từ 12 tuổi trở lên đã có trình độ trung học, hoặc đại học. Có 10 nghìn dân có 107 giường bệnh và 22 bác sĩ.

Những thành tựu kể trên là kết quả của tinh thần lao động cần cù và bất khuất của nhân dân Mông-cô dưới sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng nhân dân cách mạng Mông-cô được sự ủng hộ và giúp đỡ vô tư và toàn diện của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, trước hết là của Liên-xô.

Kế hoạch 5 năm mới—1981—1985—
do Đại hội thứ 18 của Đảng nhân dân
cách mạng Mông-cô thông qua được
thực hiện thắng lợi sẽ là giai đoạn
quan trọng trong việc thực hiện cương
lĩnh của Đảng nhằm xây dựng thành
công chủ nghĩa xã hội ở Mông-cô.

II—ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI HÒA BÌNH, XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Đường lối đối ngoại của Đảng và
Nhà nước chúng tôi đã và đang phục
vụ cho việc tạo điều kiện quốc tế
thuận lợi để củng cố nền độc lập của
Cộng hòa nhân dân Mông-cô, làm
phong phú những thành tựu và thắng
lợi cách mạng của nhân dân, xây dựng
thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở Mông-
cô, đồng thời góp phần vào sự nghiệp
củng cố sức mạnh của hệ thống xã
hội chủ nghĩa trên thế giới. Đường
lối chiến lược này trước hết nhằm
củng cố và mở rộng tình hữu nghị
anh em và sự hợp tác chặt chẽ, toàn
diện với các nước trong cộng đồng xã
hội chủ nghĩa đa Liên-xô đang dần.

Nguồn gốc của đường lối đối ngoại
và quan hệ đối ngoại của nước Mông-
cô nhân dân có chủ quyền được hình
thành với sự thiết lập tình hữu nghị
và quan hệ hợp tác anh em với Liên-
xô—nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên
trên thế giới—vào năm 1921.

Liên-xô là nước đầu tiên công nhận
nền độc lập, chủ quyền của nước Cộng
hòa nhân dân Mông-cô và phát triển
quan hệ hữu nghị bình đẳng với nước
chúng tôi. Ngày 5 tháng 11 năm nay,
hai nước Liên-xô—Mông-cô đã tung
bùng kỷ niệm lần thứ 60 Ngày ký
Hiệp định thiết lập quan hệ hữu nghị
giữa nước Cộng hòa nhân dân Mông-
cô và Liên bang Cộng hòa xã hội chủ
nghĩa xô viết Nga, một tấm gương
về quan hệ quốc tế xã hội chủ nghĩa
kiểu mới.

Quá trình lịch sử của sự phát triển
mối quan hệ giữa Cộng hòa nhân dân

Mông-cô và Liên-xô chứng minh hùng
hồn rằng sự liên minh và tình hữu
nghị được thiết lập với đất nước của
Cách mạng Tháng Mười đã và đang
là bảo đảm vững chắc cho việc phát
triển thắng lợi đất nước Mông-cô
theo con đường tự do, độc lập và chủ
nghĩa xã hội.

Ngay sau khi cách mạng thắng lợi,
nước chúng tôi đã thể hiện lòng mong
muốn phát triển tình hữu nghị và
hợp tác với tất cả các nước trên thế
giới, đã đặt vấn đề thiết lập và phát
triển quan hệ chính thức với các nước
Mỹ, Nhật-bản, Trung-quốc. Nhưng
những nước đó không công nhận nền
độc lập của nước chúng tôi. Ngược
lại, họ luôn luôn tiến hành những
hoạt động nhằm thủ tiêu nền độc lập,
đập tắt ngọn lửa cách mạng của nhân
dân nước chúng tôi.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, hệ
thống xã hội chủ nghĩa được hình
thành, hệ thống thuộc địa của chủ
nghĩa đế quốc bị sụp đổ, nhiều nước
giành được độc lập; tình hình đó đã
góp phần củng cố chính sách đối
ngoại của nước Cộng hòa nhân dân
Mông-cô. Nhờ uy tín được nâng cao
trên trường quốc tế, năm 1961, Mông-
cô trở thành hội viên của Liên hợp
quốc; năm 1962, là thành viên của
Hội đồng tương trợ kinh tế, nhờ đó
có điều kiện hơn để hợp tác chặt chẽ
với các nước xã hội chủ nghĩa anh em
và tham gia tích cực vào việc phân
công lao động xã hội chủ nghĩa
quốc tế.

Liên minh quốc tế và quan hệ hợp
tác của chúng tôi với các nước trong
cộng đồng xã hội chủ nghĩa hiện nay
đang được mở rộng và phát triển có
hiệu quả, và chính sách đối ngoại của
Mông-cô đang được phối hợp chặt chẽ
với các nước đó trên trường quốc tế.

Nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô
kiên trì ủng hộ cuộc đấu tranh cho tự
do dân tộc và xã hội, phát triển tới
đẹp mối quan hệ hữu nghị với các

nước, mới giành được độc lập ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh, trước hết là với các nước đi theo hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là một trong những mục tiêu của chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước chúng tôi nhằm củng cố sự đoàn kết nhất trí trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, trong phong trào giải phóng dân tộc và trong cuộc đấu tranh cho hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Cũng như các nước anh em khác, nước chúng tôi coi việc củng cố và phát triển theo chiều hướng chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân trong phong trào không liên kết có ý nghĩa quan trọng.

Nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô đang phát triển quan hệ bình thường với các nước tư bản chủ nghĩa trên cơ sở nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình. Điều đó phục vụ cho việc bảo đảm hòa dịu quốc tế, củng cố sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau.

Đại hội thứ 18 của Đảng nhân dân cách mạng Mông-cô đã vạch rõ mục tiêu của chính sách đối ngoại của nước chúng tôi hiện nay là: đấu tranh nhằm góp phần vào việc củng cố hòa dịu, kiên trì thực hiện đường lối làm lành mạnh tình hình quốc tế, thực hiện cương lĩnh hòa bình trong những năm 80 được Đại hội thứ 26 của Đảng cộng sản Liên-xô đề ra, ủng hộ những cố gắng của các nước mong muốn tìm những biện pháp có hiệu quả trong lĩnh vực chấm dứt chạy đua vũ trang, thiết lập tình hình hòa dịu về quân sự, giải trừ quân bị, góp phần trong khuôn khổ Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác giải quyết thỏa đáng các vấn đề quốc tế cấp bách; cùng với cố gắng chung của các nước châu Á khác, góp phần vào việc củng cố hòa bình, an ninh, mở rộng đối thoại chính trị, phát triển hợp tác bình đẳng ở châu này.

Nhờ cuộc đấu tranh không mệt mỏi và những cố gắng của các nước

xã hội chủ nghĩa do Liên-xô đứng đầu được phát triển và củng cố về mọi mặt, nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình trong quan hệ quốc tế đang được tăng cường, tình hình hòa dịu đang được mở rộng, đó là thắng lợi to lớn làm cho tình hình quốc tế được lành mạnh về mọi mặt. Nhiều tiến bộ mới trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội cũng đang không ngừng phát triển.

Nhưng, do đế quốc Mỹ và đồng minh của chúng thi hành chính sách cản trở quá trình thực tế đó, tình hình quốc tế trong những năm 70-80 càng thẳng nghiêm trọng. Bọn đế quốc hiện đang ra sức làm cho tình hình nghiêm trọng thêm. Chúng đẩy mạnh chính sách quân phiệt nhằm giành thế mạnh về vũ khí quân sự. Chúng tiến hành chiến dịch lừa bịp về cái gọi là «nguy cơ Liên-xô», «khủng bố quốc tế», lấy đó làm bình phong để thực hiện chính sách của chúng. Chúng tăng cường chạy đua vũ trang chưa từng có, xây dựng mới và mở rộng, hiện đại hóa các căn cứ quân sự xâm lược cũ ở nhiều khu vực khác nhau trên-thế giới, công khai tiến hành chính sách phiêu lưu can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác. Nhà cầm quyền Bắc-kinh đã trở thành đồng minh của chúng. Trong điều kiện như vậy, vấn đề gìn giữ hòa bình, ngăn ngừa nguy cơ chiến tranh là mục tiêu và nghĩa vụ cao cả của cả loài người trên hành tinh chúng ta, là điều chủ yếu mà tất cả các nước yêu chuộng hòa bình phải quan tâm.

III - ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ Củng cố HÒA BÌNH Ở CHÂU Á

Là một nước xã hội chủ nghĩa châu Á, Cộng hòa nhân dân Mông-cô đang cố gắng phát triển tình đoàn kết hữu nghị, sự hợp tác cùng có lợi với tất cả các nước ở châu Á, phù hợp với lợi ích của hòa bình và an ninh ở châu

này, củng cố sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau giữa các nước. Nước chúng tôi có quan hệ thân thiện với hầu hết các nước châu Á. Trong đó, chúng tôi hài lòng nhận thấy tình hữu nghị anh em và sự hợp tác toàn diện giữa Cộng hòa nhân dân Mông-cô và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam dựa trên nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa đang ngày càng mở rộng và phát triển. Mỗi quan hệ và sự hợp tác này thấm đậm tình đoàn kết quốc tế và tình thân ủng hộ lẫn nhau. Chính sách và hoạt động quốc tế mà chúng tôi - là nin nit của Đảng nhân dân cách mạng Mông-cô và Đảng cộng sản Việt-nam đang chỉ đạo các hoạt động đó. Cuộc đi thăm nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô năm 1955 của đồng chí Hồ-Chí-Minh, nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, nhà lãnh đạo vĩ đại của nhân dân Việt-nam, người bạn thân thiết của nhân dân Mông-cô, có ý nghĩa lịch sử quan trọng, đã làm cho mối quan hệ Việt-nam - Mông-cô mang tính chất anh em chân chính và quốc tế sâu sắc ngay từ khi mới được thiết lập. Từ đó đến nay, các cuộc gặp gỡ, trao đổi ý kiến giữa các nhà lãnh đạo Đảng và Chính phủ càng mở rộng và củng cố thêm mối quan hệ giữa hai nước chúng ta.

Hiệp ước được ký kết năm 1979 đã làm phong phú thêm nội dung và tính thân của Hiệp ước hữu nghị và hợp tác ký giữa Cộng hòa nhân dân Mông-cô và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam mà vừa qua lễ kỷ niệm lần thứ 20 đã được tổ chức. Những hiệp ước đó đang là cơ sở vững chắc để không ngừng phát triển và mở rộng mối quan hệ anh em giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước chúng ta. Chúng tôi sẽ cố gắng tiếp tục mở rộng và phát triển hơn nữa mối quan hệ này phù hợp với nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, vì lợi ích

của sự phồn vinh của nhân dân Mông-cô và nhân dân Việt-nam và vì lợi ích của hòa bình, chủ nghĩa xã hội, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Nhân dân Việt-nam anh hùng đã giải phóng đất nước khỏi ách thống trị thực dân, với sự ủng hộ và giúp đỡ kiên trì của Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác và các lực lượng tiến bộ trên thế giới, đã giành được thắng lợi lịch sử trong cuộc đấu tranh chống cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, đã thống nhất Tổ quốc, đồng thời kiên quyết đánh trả cuộc xâm lược vũ trang của bọn bá quyền Bắc-kinh. Tình hình đó đã làm thay đổi so sánh lực lượng ở Đông Nam Á có lợi cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đồng thời pháo đài vững chắc của chủ nghĩa xã hội ở khu vực này đã được hình thành và tình đoàn kết anh em giữa ba nước Đông-dương được củng cố hơn nữa.

Nhân dân Mông-cô vui mừng trước những thành tựu mới mà nhân dân Việt-nam anh em đã giành được trong việc thực hiện thắng lợi nghị quyết lịch sử của Đại hội thứ IV Đảng cộng sản Việt-nam, trước những thành tích của nhân dân Việt-nam trong lao động và chiến đấu để chào mừng Đại hội thứ V của Đảng, và trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tình hữu nghị, sự hợp tác và tình đoàn kết chiến đấu giữa Cộng hòa nhân dân Mông-cô với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia đang phát triển tốt đẹp theo tinh thần Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Mông-cô với Lào và tuyên bố chung giữa Mông-cô với Cam-pu-chia.

Từ sau khi Cách mạng Tháng Tư thắng lợi ở Áp-ga-ni-xtan, mối quan hệ giữa nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô và nước Cộng hòa nhân dân Áp-ga-ni-xtan đã chuyển sang giai

đoạn mới và đang phát triển tốt đẹp. Nước chúng tôi và nhân dân chúng tôi kiên trì ủng hộ và giúp đỡ những cố gắng của nhân dân Áp-ga-ni-xtan nhằm xây dựng cuộc sống mới, ủng hộ và giúp đỡ cuộc đấu tranh chính nghĩa của họ nhằm bảo vệ thành quả cách mạng đã đạt được chống sự can thiệp của các thế lực đế quốc, bá quyền và bọn tay sai của chúng.

Chính sách đối ngoại yếu chuộng hòa bình, những hoạt động tích cực nhằm làm dịu tình hình quốc tế cùng với vị trí xứng đáng của nước Cộng hòa Ấn-độ là nhân tố quan trọng đối với hòa bình ở châu Á và trên toàn thế giới cũng như đối với tình đoàn kết hữu nghị, sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc. Do đó nước chúng tôi luôn luôn coi trọng ý nghĩa của việc củng cố quan hệ hữu nghị và hợp tác với nước Cộng hòa Ấn-độ và mối quan hệ này đang không ngừng được mở rộng và phát triển.

Nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô cũng như các lực lượng tiến bộ khác đã đón mừng thắng lợi của cách mạng ở Trung-quốc cùng với việc thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa và mong muốn phát triển quan hệ hữu nghị với nước này. Nhưng nhà cầm quyền Trung-quốc do Mao-Trạch-Đổng đứng đầu đã và đang tiếp tục tiến hành chính sách xâm lược nhằm sáp nhập nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô vào lãnh thổ Trung-quốc. Nhà cầm quyền Bắc-kinh tập trung một lực lượng quân sự lớn, chuẩn bị chiến tranh dọc theo biên giới dài 4700km với nước chúng tôi, đồng thời tiến hành những hoạt động thù địch như: vi phạm và khiêu khích ở biên giới, do thám, gây sức ép về kinh tế. Họ trắng trợn xuyên tạc sự thật lịch sử, coi nước Mông-cô như một bộ phận của Trung-quốc, hòng chứng minh về lý luận cũng như về lịch sử cho chính sách bành trướng, xâm lược của họ chống nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô. Họ tiến

hành chiến dịch tuyên truyền xuyên tạc tình hình thực tế của đất nước chúng tôi, diễn cường hoạt động nhằm gây rạn nứt trong quan hệ hữu nghị bền vững giữa Mông-cô và Liên-xô. Chính sách sô vanh nước lớn và hành động bành trướng bá quyền mà nhóm theo Mao đang tiến hành trên trường quốc tế là nguyên nhân làm xấu đi quan hệ giữa Mông-cô và Trung-quốc. Tại Đại hội thứ 18 của Đảng nhân dân Cách mạng Mông-cô, đồng chí Lu. Xê-đen-ban đã nêu rõ lập trường của chúng tôi về quan hệ với Trung-quốc như sau: Quan hệ giữa Mông-cô và nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa xấu đi không phải lỗi tại chúng ta... Nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô vẫn thực hiện đường lối cơ nguyên tắc nhằm khôi phục và phát triển quan hệ láng giềng tốt với nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, điều đó phù hợp với lợi ích của nhân dân Mông-cô và nhân dân Trung-quốc. Nhưng điều này tùy thuộc vào phía Trung-quốc có từ bỏ đường lối và hành động thâm độc của chủ nghĩa Mao hay không.

Nhà cầm quyền Trung-quốc xuyên tạc những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội, vi phạm thô bạo những tiêu chuẩn về quan hệ giữa các nước, thay vào đó bằng chính sách bá quyền nước lớn, đe dọa và gây sức ép. Vì vậy, Đảng chúng tôi cho rằng, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động phải gắn liền với cuộc đấu tranh chống chính sách bá quyền nước lớn mà ít phản động của nhà cầm quyền Trung-quốc.

Tình hình tiến triển hiện nay cho thấy, vấn đề bảo đảm hòa bình và an ninh ở châu Á — một châu đất rộng, chiếm hơn nửa số dân thế giới — quan trọng đến mức nào. Các thế lực của chủ nghĩa đế quốc, bá quyền và quân phiệt đang đẩy mạnh những hoạt động phiêu lưu chống hòa bình, độc lập và tiến bộ xã hội. Chúng đang mạnh chính sách can thiệp vào công

việc nội bộ của các nước châu Á, đây nhân dân nước này chống lại nước khác, gây nghi ngờ, làm mất lòng tin, tạo nên bầu không khí thù địch, củng cố sự thống trị bằng vũ lực của chúng. Các cuộc khiêu khích, xung đột vũ trang và tranh chấp vẫn diễn ra ở Trung Cận Đông, Đông Nam Á, Ấn-độ-dương và vịnh Péc-xích. Việc Mỹ và Trung-quốc mở rộng sự liên minh với nhau về quân sự, chính trị trên cơ sở chống Liên-xô và chủ nghĩa xã hội, việc bọn cầm đầu Lầu năm góc quyết định bán vũ khí, kỹ thuật và quy trình sản xuất vũ khí hiện đại cho nhóm theo Mao là điều hết sức nguy hiểm. Việc bọn này ra sức quân phiệt hóa và lôi kéo Nhật-bản vào trực liên minh quân sự, chính trị Mỹ - Trung-quốc đang gây ảnh hưởng xấu đến tình hình quốc tế. Bắc-kinh đang ngày càng tăng cường chính sách hiếu chiến chống chủ nghĩa xã hội, tự do và tiến bộ xã hội. Chủ nghĩa đế quốc Mỹ, bọn lá quyền Bắc-kinh đang tiếp tục cuộc chiến tranh không tuyên bố chống Áp-ga-ni-xtan, tăng cường khiêu khích thô bạo chống nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia và đang nổi tiếng về những hoạt động đe dọa, lật đổ; chúng ra sức khuyến khích, ủng hộ các nhóm diệt chủng kiểu bọn kẻ cướp Pôn Pốt đã bị nhân dân lật đổ.

Do tình hình hết sức phức tạp hiện nay, có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng, cho nên cần phải tập hợp mọi cố gắng bên bỉ có mục đích, có phương hướng của các lực lượng yêu chuộng hòa bình ở châu Á. Điều đó sẽ có ảnh hưởng tốt, làm cho tình hình thế giới lành mạnh và ổn định. Sức mạnh và lòng mong muốn như vậy tiềm tàng ở các dân tộc châu Á.

Cương lĩnh hòa bình trong những năm 80 do Đại hội thứ 26 của Đảng cộng sản Liên-xô đề ra, trong đó có đề nghị về soạn thảo và thực hiện những

biện pháp cùng tin cậy lẫn nhau trong khu vực Viễn Đông, đề nghị hợp lý do Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia đề ra nhằm ổn định tình hình Đông Nam Á, thiết lập quan hệ láng giềng tốt giữa các nước trong khu vực này và những đề nghị của Bộ ngoại giao Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào được phản ánh trong. Giác thư ngày 28 tháng 9 năm nay, hoàn toàn phù hợp với mục đích mới trên.

Đề nghị ngày 14 tháng 5 và ngày 24 tháng 8 năm 1981 của Chính phủ Cộng hòa dân chủ nhân dân Áp-ga-ni-xtan nhằm giải quyết bằng chính trị những vấn đề quốc tế có liên quan xung quanh Áp-ga-ni-xtan mở ra con đường thiết lập hòa bình và quan hệ láng giềng tốt ở khu vực này. Việc bảo đảm hòa bình, an ninh ở vùng vịnh Péc-xích, giải quyết thỏa đáng vấn đề Trung Đông, biến Ấn-độ-dương thành khu vực hòa bình, và những đề nghị, sáng kiến thực tế khác đều có ý nghĩa quan trọng.

Vì vậy, nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô kiên trì ủng hộ những đề nghị và sáng kiến đó.

IV — ĐỀ NGHỊ MỚI CỦA CỘNG HÒA NHÂN DÂN MÔNG-CÔ

Việc góp phần về mọi mặt để bảo đảm hòa bình bền vững và an ninh ở châu Á đã và đang là một trong những mục tiêu chủ yếu của chính sách đối ngoại của Cộng hòa nhân dân Mông-cô. Xuất phát từ mục đích và nguyện vọng chân thành này, Đại hội thứ 18 của Đảng nhân dân cách mạng Mông-cô đã nêu ra đề nghị soạn thảo và ký kết Công ước về việc không tiến công lẫn nhau, không dùng vũ lực trong quan hệ giữa các nước châu Á, Thất-bình-dương. Quốc hội nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô đã gửi đến Quốc hội tất cả các nước ở

châu Á và Thái-bình-dương lời kêu gọi này.

Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng nhân dân cách mạng Mông-cô, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô Lu. Xê-đen-ban đang tiếp tục gửi thư cho các vị đứng đầu Nhà nước và chính phủ 50 nước ở khu vực này và các nước ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc trình bày rõ nội dung và mục đích của đề nghị này.

Mục đích chính của đề nghị này là không để xảy ra chiến tranh xâm lược ở châu Á, ngăn ngừa việc dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực trong quan hệ giữa các nước trong khu vực. Đồng thời nhằm phát triển quan hệ bình đẳng, cùng có lợi, láng giềng tốt và hợp tác, tạo ra bầu không khí hiểu biết, tin tưởng lẫn nhau giữa các nước trong khu vực.

Công ước này nhằm biến các nguyên tắc chung (quy định nghĩa vụ của các nước về việc giữ gìn quan hệ giữa các nước và nền hòa bình, an ninh đã được phản ánh trong Hiến chương Liên hợp quốc, Tuyên bố của Hội nghị Băng-cung và các văn kiện quốc tế khác) thành những tiêu chuẩn về quan hệ giữa các nước châu Á và xuất phát từ pháp lý quốc tế mà củng cố các nguyên tắc đó.

Tình hình an ninh của các nước trên lục địa châu Á có liên quan mật thiết với chính sách và hoạt động của các nước thuộc vùng Thái-bình-dương và tình hữu nghị quốc tế trong khu vực. Do đó, Cộng hòa nhân dân Mông-cô cho rằng cần phải cùng với các nước vùng Thái-bình-dương thảo luận vấn đề ký Công ước nói trên.

Chúng ta có điều kiện thực tế để ký kết Công ước và có khả năng thực hiện Công ước đó bằng cách tiến hành đối thoại rộng rãi. Tất nhiên cần phải có thời gian, sự nỗ lực rất lớn và sự chủ động của các nước hữu quan. Đề nghị này của chúng tôi liên quan đến các đề nghị, sáng kiến khác nhằm củng cố hòa bình và an ninh ở châu Á. Vì vậy đề nghị này được sự đồng tình và ủng hộ chính đáng của cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa, của các nước yêu chuộng hòa bình khác và các lực lượng tiến bộ.

Trong việc giải quyết các vấn đề tranh chấp quốc tế rắc rối, dù vấn đề gay gắt phức tạp đến mức nào, cũng có thể giải quyết bằng con đường đối thoại, ngoài ra không có con đường sáng suốt nào khác. Các nước châu Á có kinh nghiệm của cuộc đấu tranh chung nhằm thiết lập nền hòa bình, an ninh, quan hệ láng giềng tốt bằng con đường gặp gỡ, đàm phán chính trị rộng rãi. Nghị quyết do Hội nghị Băng-cung (được triệu tập theo sáng kiến của nhóm các nước Á, Phi cách đây 25 năm) thảo luận và thông qua đã chứng minh điều đó. Châu Âu cũng đã có kinh nghiệm giải quyết vấn đề phức tạp của mình bằng phương pháp thương lượng.

Nhân dân châu Á nhất định có khả năng đánh trả kiên quyết hành động và chính sách xâm lược của chủ nghĩa đế quốc và thế lực bá quyền, thiết lập nền hòa bình bền vững ở vùng này. Điều đó đã, đang và sẽ là mục đích cao cả, nguyện vọng chính đáng của nhân dân các nước châu Á trong đó có nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô và nhân dân lao động Mông-cô.

Đông Nam Á: một chỉnh thể lịch sử — văn hóa

CAO-XUÂN-PHỒ

NGÀY nay, mọi người đều đã quen thuộc với từ ngữ Đông Nam Á, một khu vực chính trị bao gồm các nước Miến-điện, Thái-lan, Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia, Ma-lai-xi-a trên lục địa và Xin-ga-po, In-dô-nê-xi-a, Phi-lip-pin, Bru-nây và một phần của Ma-lai-xi-a trên hải đảo. Nhưng trước khi là khu vực chính trị thì Đông Nam Á đã là một chỉnh thể lịch sử — văn hóa.

Hầu như toàn bộ khu vực Đông Nam Á đều nằm trong vùng xích đạo ẩm, ẩm hơn so với Trung-quốc và ẩm hơn so với phần lớn tiểu lục địa Ấn. Ở vị trí ngã tư luồng giao thông đường biển, Đông Nam Á đã từng hứng chịu những cuộc xâm nhập của nhiều dân tộc cũng như của nhiều nền văn hóa. Khác với Ấn-độ và Trung-quốc, Đông Nam Á có nhiều vịnh biển, nhiều cửa sông ăn sâu vào đất liền, lại lắm chòm đồi núi, chẳng chít sông ngòi, nhưng ven những dòng sông lớn lại trải ra nhiều vùng châu thổ phì nhiêu, phì nhiêu hơn những vùng đồng bằng khác ở miền nhiệt đới ẩm nói chung (1).

Đông Nam Á là « một trong những trung tâm lớn của thế giới phát sinh ra vừa giống vừa loài của cây cối » (2), quần thực vật ở đây phong phú không dấu bằng, có đến 45.000 loài thảo mộc cấp cao. « Trung tâm Ấn-độ — Mã-lai » (bao gồm Đông Nam Á lục địa và hải đảo) là một trong chín « trung tâm phát sinh cây trồng trên thế giới » (3). « Ngày nay, ta có thể nghĩ được rằng cái nơi trồng trọt Đông Nam Á và Hải đảo Ấn-độ (Insulinde) là một trong những cái nơi xưa nhất, có thể là còn xưa hơn hết thấy các nơi khác trên thế giới » (4).

(1) C. A. Fisher, *Đông Nam Á* (South - East Asia), Lon-đon, 1966, tr. 5.

(2) E. D. Merrill, *Đời sống của cây ở thế giới Thái-bình-dương* (Plant Life of the Pacific World), Niu Yoóc, 1945.

(3) N. I. Vavilov, *Nguồn gốc, biến đổi, cộng đồng và sự nuôi dưỡng cây trồng* (The Origin, Variation, Community and Breeding of Cultivated Plants), trong *thời sự Thực vật* (Chronica Botanica) Oan-ham (Waltham), 1951, 13, tr. 1—6).

(4) J. Barrau, *Đông Nam Á, nơi trồng trọt*, (L'Asie du Sud-Est, berceuse agricole), trong *Nghiên cứu nông thôn*, số 53, 54, 55, 56, Paris tháng 1, 2, 1974, tr. 35.

Gần đây nhiều nhà khảo cổ học Mỹ còn giả định rằng nhiều mặt trong hoạt động sản xuất của con người Đông Nam Á cổ — đặc biệt nghề trồng lúa và luyện kim — là khởi phát từ Đông Nam Á rồi từ đó mà truyền sang Trung-quốc, có thể nói « người Trung-quốc cổ là những người tiếp nhận hơn là người ban phát » (5).

Trong cái không gian có núi rừng trùng điệp giàu sinh vật, có biển rộng lắm cá, thuận đường đi lại, có đồng bằng màu mỡ phì nhiêu đó, con người đã sinh tụ và bằng bàn tay khởi óc của mình đã tác động lên thiên nhiên giàu có, tạo cho mình một cuộc sống phong phú đa dạng mà đỉnh cao rực rỡ đầu tiên trong lịch sử là *Văn minh Đông-sơn* — về mặt khảo cổ là tương ứng với thời đại đồng thau và sắt sớm. Bấy giờ cư dân Đông Nam Á đã có một cuộc sống ổn định trên cơ sở làm *nông nghiệp trồng lúa*, và trong nếp sống ở từng vùng đã diễn ra sự hội tụ đầu tiên của các yếu tố văn hóa đồng bằng — biển — rừng núi với những dạng kết cấu đan xen phức tạp. Ở đây diễn ra sự hội tụ đó, ở đó hình thành *tính cách Đông-sơn*. Văn hóa các tộc người được định hình trên từng vùng tùy theo các dạng kết hợp đó, hoặc đậm tính đồng bằng hơn, hoặc đậm tính biển hơn, hoặc đậm tính núi rừng hơn tùy theo điều kiện và khả năng thích ứng môi trường của con người ở mỗi vùng, nhưng có thể nói *mẫu số chung của văn hóa cư dân Đông Nam Á thời bấy giờ là nông nghiệp trồng lúa và đặc điểm chung về văn hóa là tính cách Đông-sơn*. Nếu có sự gần gũi nhau giữa cư dân Đông Nam Á về nhiều mặt trong sinh hoạt vật chất và tinh thần và cả trong phong tục tập quán thì chính là từ nếp sống nông nghiệp đó mà ra, trong đó chủ yếu là vấn đề *xử lý nước* (nước sông, nước mưa) để trồng lúa. Hai biểu hiện tiêu biểu của đời sống

văn hóa của cư dân thời bấy giờ mà ngày nay vết tích còn được lưu lại trên hầu khắp Đông Nam Á là *trồng đồng và nhà sàn*. Ấy cũng là ảnh xạ cuộc sống nông nghiệp thời xưa vậy. Trồng đồng để cầu mưa, nhà sàn dựng trên những vùng đồng bằng ngập nước do mưa hay do sông dâng lên. Và chính ven những con sông đó, bắt là trên đôi bờ những dòng sông lớn như Mê-công, Chao Pha-ya (Mê-nem), Xa-lu-ên, I-ra-oa-đi, sông Hồng, sông Mã... đã diễn ra những cuộc tiếp xúc trao đổi văn hóa đầu tiên, ngay từ thời tiền sử. Rồi biển Đông, với gió mùa, hải lưu thành chế độ, đã nối liền lại với nhau cư dân các vùng duyên hải ở lục địa, cũng như giữa lục địa và hải đảo. Con sông, biển cả ở Đông Nam Á không chỉ là yếu tố đặc trưng tạo thành nếp sống Đông Nam Á mà còn là những sợi dây nối liền cư dân sống trên lục địa với nhau cũng như cư dân lục địa với cư dân hải đảo: cái riêng được hòa trong cái chung. Như vậy, trước khi có văn hóa Ấn-độ và văn hóa Trung-hoa xâm nhập vào thì Đông Nam Á đã được định hình thành một *chính thể lịch sử — văn hóa*. Chính trên cơ sở rất cơ bản đó mà sau này khi tiếp thu ảnh hưởng của các văn hóa ngoại lai Ấn, Hoa, Âu, Mỹ, dù có khi phải chịu sự chi phối lâu dài hàng nghìn năm của các văn hóa đó, cư dân Đông Nam Á vẫn luôn luôn giữ được bản sắc của mình, không bị Ấn hóa, Hoa hóa, Âu hóa, Mỹ hóa... Sự tiếp thu có chọn lọc hay là phong cách bản địa hóa để nâng mình lên ngang tầm với thời đại là thể ứng xử rất thông minh và linh hoạt của các tộc Đông Nam Á.



(5) Ch. Gorman, *Những mẫu hình tiền nghiên cổ tiền sử Thái-lan* (Modèles à priori et préhistoire de la Thaïlande) trong *Nghiên cứu nông thôn* số 53, 54, 55, 56, Paris, tháng 1, 2—1974, tr. 46.

Từ trên bàn đạp chung thời Đông-sơn đó, các dân tộc đã tung mình vào thời kỳ lịch sử, đang đập có khác nhau đôi chút song về cơ bản là cùng gốc.

Nhà nước Văn-lang của người Việt ra đời (vào hạ bán thiên niên kỷ thứ nhất trước Công nguyên) là biểu hiện một khát vọng chung của toàn khu vực Đông Nam Á, một xã hội có thể chế. Bấy giờ hai tình huống mới xảy ra trên toàn khu vực: sự thâm nhập chủ yếu là hòa bình của văn hóa Ấn-độ vào Đông Nam Á và sự thâm nhập chủ yếu bằng vũ lực của văn hóa Trung-hoa vào vùng bắc bán đảo Đông Nam Á. Nếu như các dân tộc ở nam bán đảo Đông Nam Á và trên các hải đảo tiếp thụ các yếu tố văn hóa Ấn-độ để dần dần hoàn thiện tổ chức xã hội của mình thì các dân tộc ở bắc bán đảo — mà chủ yếu là người Việt — phải chống chọi sự Hán hóa mặc dù vẫn phải tiếp thụ ảnh hưởng của văn hóa Hán. Thực chất, xét trên toàn khu vực, đó chỉ là hai mặt của một vấn đề (dựng nước — giữ nước) có tác động tương hỗ trong từng dân tộc và giữa các dân tộc với nhau. Không phải ngẫu nhiên mà vào khoảng thế kỷ VI sau Công nguyên, tình thế đã diễn ra là trong khi hầu khắp Đông Nam Á, nhiều dân tộc sau một quá trình tìm tòi, tiếp thụ có chọn lọc văn hóa Ấn-độ đã dựng lên được những Nhà nước có tính dân tộc bản địa như Chân-lạp, Do-va-ra-va-ti, Tha-ton, Pê-gu, Pa-lem-bang, Ka-lin-ga... thì trong địa bàn của mình, người Việt đã phải đương đầu với cuộc tiến công toàn diện của phong kiến phương Bắc và, qua nhiều cuộc khởi nghĩa liên tiếp mà quan trọng nhất là của Hai Bà Trưng (41 — 43), Bà Triệu (248) và Lý-Bôn (541) — đã dựng lên được Nhà nước Vạn-xuân (thế kỷ VI), nhịp bước theo đà tiến chung của toàn khu vực. Cuộc chiến đấu của người Việt chống sự bành trướng của đế chế phương Bắc thời

bấy giờ đề tự khẳng định đã có tác dụng ngăn chặn bước Nam tiến của đế chế Trung-hoa và bảo đảm một thể hòa bình ổn định cho toàn khu vực.

Bằng nhiều con đường khác nhau, Phật giáo từ Ấn-độ được truyền bá vào Việt-nam. Người Việt cũng đã tiếp thu tinh hoa của Phật giáo, sử dụng nó như một trong những vũ khí tinh thần để chống lại Khổng giáo và nạn Hán hóa.



Các dân tộc Đông Nam Á đã có những bước tiến nhịp nhàng trên con đường dựng nước và giữ nước vào thế kỷ VI; đến những thế kỷ IX — X, toàn Đông Nam Á lại có một sự hưng khởi mới dòng loạt đánh dấu một bước nhảy vọt mới trên toàn khu vực và mở đầu một kỷ nguyên mới — kỷ nguyên độc lập dân tộc. Nhiều quốc gia dân tộc ra đời. Có thể nói thế kỷ IX — X mở đầu cho một thời đại *Phục hưng* trên toàn Đông Nam Á với đặc điểm nổi bật là *trở lại với chính mình* — với Đông-sơn — nhưng cái “mình” đã được nâng cao lên qua quá trình tiếp thụ có chọn lọc ảnh hưởng của văn hóa Ấn-độ và văn hóa Trung-hoa và qua cuộc đấu tranh bền bỉ chống mọi sự đồng hóa về văn hóa. Từ thời Đông-sơn, văn hóa Đông Nam Á đã định hình được thành một chỉnh thể trên căn bản nông nghiệp trồng lúa với nghề rừng nghề biển phụ trợ; giờ đây, qua bao nhiêu thử thách thử nghiệm, cơ chế đó — đồng bằng, biển, rừng núi — được khẳng định, tùy theo từng vùng mà có mặt nặng nhẹ khác nhau nhưng tất cả đều trên cơ sở nông nghiệp, và cùng với cơ chế đó, trên bình diện tinh thần, là sự khẳng định ý thức dân tộc.

Vương quốc Ang-co tự nội quanh vùng Biển Hồ, khởi đầu với nghi lễ thần vua theo kiểu riêng của mình, một hình thức khẳng định ý thức dân

tộc, và ra sức xây dựng một hệ thống thủy lợi đồ-sộ với những hồ chứa nước, hào phân nước, kênh dẫn nước khắp vùng, đem lại sự phồn vinh cho cả một đất nước hơn 5 thế kỷ.

Trên lưu vực I-ra-oa-di, vương quốc Pa-gan của người Miến bỏ cái lột thân, thoát để dân trở thành một thực thể dưới triều A-na-ra-ta (giữa thế kỷ XI) trên cơ sở cải tiến thủy lợi vùng đồng bằng Ky-ốc-xe, chinh phục vùng châu thổ, tiến dần ra phía biển và tiếp thu Phật giáo Thê-ra-va-đa của người Môn làm quốc giáo, loại dân các *nat* (thần thổ địa) phân tán ở địa phương để dựng lên một *nat* chung trên núi Pô-pa (núi thiêng ở Miến-điện).

Ngoài hải đảo, vương quốc Xri Vi-giay-a chiếm lĩnh tây Gia-va, Xu-ma-to-ra và bán đảo Mã-lai giữ lấy các bến cảng và eo biển huyết mạch (Ma-lac-ca, Xun-da) trên đường thông thương từ Ấn-độ-dương sang Biển Đông, đồng thời phát triển nông nghiệp ở bên trong, tạo dựng một sự nghiệp lừng lẫy trong bốn thế kỷ liên (thế kỷ VIII—XI). Xri Vi-giay-a đương thời nổi tiếng là một trung tâm buôn bán và nghiên cứu Phật giáo Đại thừa; khu chùa Bô-rô-bu-dua vĩ đại có một không hai là một kiểu mẫu kết hợp thiên tài tinh truyền thống với sự đổi mới của người Gia-va.

Người Việt — thời Lý, Trần — trên bước đường xây dựng đất nước đã đặc biệt quan tâm đến biển vốn đã bị đế quốc Hán — Đường, trong thời chúng đô hộ đất Việt, phong tỏa cắt cụt. Nói đến biển — nhất là Biển Đông, một thứ “địa-trung-hải” ở châu Á — là nói đến buôn bán, trao đổi, thông thương. Một thời — Bắc thuộc — Việt-nam dường như bị cắt đứt khỏi phần còn lại của Đông Nam Á (âm mưu của phong kiến Hán — Đường là như thế, nhưng thực tế lại không diễn ra tuyệt đối như thế), nay lại trở về hòa nhập trong gia đình lớn Đông Nam Á, nhất là với vùng hải đảo ven biển,

nhiều bến cảng được mở ở Nghệ-an, Thanh-hóa, Văn-dồn, thuyền buôn qua lại nhộn nhịp. Một thời gian dài, trong khi người Việt phải dồn sức đương đầu với các cuộc xâm lăng từ phương Bắc xuống khu vực Đông Nam Á, các tộc người khác ở đây, trong những điều kiện hòa bình thuận lợi hơn, đã tìm cách gây dựng và gây dựng được cơ nghiệp dân tộc cho mình. Đến nay, người Việt, sau ngày giải phóng, trở lại với các dân tộc ở Đông Nam Á, tiếp thụ những thành tựu xây dựng văn hóa của họ để tự nâng mình lên là lẽ đương nhiên, giống như chuyện nội bộ gia đình vậy, không có sự đối lập đối kháng gì ở đây. Có gì phải ngạc nhiên sững sờ khi thấy chim thần *Ga-ru-da* (6) bay về đậu trên các bệ đá thời Lý — Trần, họ pháp ở chùa Phật tích lại mang dáng dấp của *dva-ra-pa-la* (7) Đổng-dương (Cham-pa), hay chiếc trống Gia-va xuất hiện trước ngực các *Kin-pa-ri* (8) thời Lý, và Phật giáo thời Lý — Trần có thể tự hào với một thiền phái Thảo-Dương do một pháp tăng người Chăm cùng tên khởi xướng.



Thế kỷ XIII chứng kiến những biến động lớn về lịch sử — văn hóa trên toàn khu vực Đông Nam Á: sự hưng khởi của người Thái ở lưu vực sông Mê-nam, Phật giáo Tiểu thừa Xáylan phát triển mạnh đi sâu vào quần chúng; cuộc xâm lược bành trướng của đế quốc Nguyên xuống phương Nam; đại thắng quân Nguyên của quân và dân Đại-việt; Hồi giáo bước đầu thâm nhập vào hải đảo Đông Nam Á.

(6) Chim thần trong thần thoại Ấn-đô, được thể hiện phổ biến trên điêu khắc Chăm, Gia-va thế kỷ IX, X.

(7) Thần bảo vệ Ấn-độ phổ biến trong điêu khắc Chăm thế kỷ IX, X.

(8) Nhân vật thần thoại Ấn, đầu người mình chim, phổ biến ở Chăm, Gia-va thế kỷ X.

Những biến động đó đều có quan hệ qua lại chằng chéo với nhau. Người Thái hưng khởi lên, lấy đạo Phật Tiểu thừa làm chỗ dựa tinh thần, nhấn mạnh tính chất dân chủ, tự do, giàu dị đề tổ chức lại thiết chế và xã hội, đã dựng lên được những nhà nước Thái đầu tiên lưu vực Mi-nam: Xu-kho-thai, Lan-na. Hồi giáo và Phật giáo Tiểu thừa thâm nhập vào Đông Nam Á trong tình thế chung là Ấn-độ giáo — với tính chuyên chế đẳng cấp — đã tỏ ra không có hiệu quả mấy trong chức năng công cụ thống trị. Thương nhân Hồi giáo mở luồng buôn bán mạnh với Đông Nam Á vào thế kỷ XIII cũng là do hoạt động của người Mông-cổ ở phía tây Trung-quốc chặn đường giao thương từ Trung Á sang. Và chính là tiếp nhận hoạt động thực tiễn của giáo sĩ Hồi giáo cũng như của tăng đoàn Phật giáo mà các tiểu quốc ở hải đảo và các vương triều Thái ở lục địa đã đẩy mạnh hơn việc giao thương trao đổi. Và tất cả mọi biến động đó đều liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến cuộc bành trướng đại quy mô của đế quốc Nguyên xuống phương Nam mong chiếm lấy Đông Nam Á, làm bá chủ Biển Đông. 1256, họ đánh chiếm Đại-lý (Vân-nam) nhưng người Thái ở đây đã không chịu khuất phục, chủ động tiến xuống liên minh với những người Thái vốn đã sống trên bán đảo Đông Nam Á (tiêu biểu là cuộc liên minh giữa 3 thủ lĩnh Mang-rai ở Chiêng-rai, Ngam-Mường ở Phay-ao và Ra-ma Kâm-hồng ở Xu-kho-thai năm 1287) để chuẩn bị đối phó với cuộc bành trướng: 1277, chiếm Bha-mô (Miến-diên); 1282, tiến đánh Cham-pa mưu chiếm lấy đầu cầu mở đường xuống vùng biển Mã-lai nhưng vấp phải sức chống trả mãnh liệt của người Cham; 1282, tung đội binh thuyền hùng hậu xuống không chiếm Gia-va, nhưng vua E-ta-na-ga-ra ở Sin-go-sa-ri đã sẵn sàng chuẩn bị đối phó. Như vậy là liên hiệp Đông Nam Á đã ở tư thế sẵn sàng

đối địch. Nhưng phải nói là ba lần đánh trả (1258, 1285, 1287-88) của quân và dân Đại-việt có tầm quan trọng đặc biệt: không những đã làm thất bại đội quân xâm lược mà còn đập tan ý chí bành trướng của đế quốc Nguyên xuống phương Nam, một lần nữa góp phần duy trì và giữ gìn được thế hòa bình ổn định trên toàn khu vực Đông Nam Á, ít nhất trong hơn một thế kỷ.

Đông Nam Á như miếng mồi ngon dưới con mắt hau hau của các triều đại phong kiến Trung-quốc, từ Tần, Hán, Đường, đến Tống, Nguyên... Triều đại nào lên cầm quyền cũng tung quân xuống mong chiếm cứ lấy khu vực giàu có này. Tuy thất bại nối tiếp thất bại nhưng cái nết đánh chết không chừa. Nhà Minh lên lại lần theo bánh xe (thất bại) của các triều đại trước. Không tiến xuống phương Nam được bằng đường biển (vì vấp phải người Bồ-dào-nha), họ phải mở cuộc tiến công theo đường bộ, tất nhiên cũng bắt đầu với Đại-việt. Cuộc kháng chiến 10 năm của Lê-Lợi (đầu thế kỷ XV) đã xua hết quân tướng nhà Minh về hang ổ của chúng.



Vào thế kỷ XVI, và cho đến mãi giữa thế kỷ XX, Đông Nam Á lại bị khuấy động mạnh, lần này do sự xâm nhập của chủ nghĩa tự bản phương Tây. Nếu như khoảng 1500 năm trước, không gian quan hệ của Đông Nam Á chủ yếu chỉ giới hạn trong khu vực giữa Ấn-độ và Trung-hoa thì nay vịnh Ben-gan và Biển Đông lại hòa nhập vào một cảnh quan rộng lớn: Ấn-độ-dương và Thái-bình-dương, số phận Đông Nam Á lại gắn thêm với tình hình diễn ra ở những nơi xa xôi khác trên thế giới. Chất men hương liệu ở Đông Nam Á đã kích thích người Tây-ban-nha rồi Bồ-dào-nha rong buồm đi tìm những con đường hàng

hải sang châu Á. Cơn sốt hương liệu vừa lắng xuống thì cuộc chạy đua chiếm thị trường và tìm nguồn nguyên liệu công nghiệp lại sôi lên sùng sục. Từ bốn phương Tây (chủ yếu là người Bồ-đào-nha) dây lúi dúi ảnh hưởng của Trung-quốc ra khỏi vùng biển phía Nam; họ khu biệt Đông Nam Á thành hai vùng lục địa và hải đảo để phân chia khu vực ảnh hưởng. Tây-ban-nha chiếm lĩnh Bắc Phi-lip-pin chủ yếu để khai khẩn đất đai; Bồ-đào-nha, Hà-lan tranh nhau chiếm các quần đảo In-đô-nê-xi-a đến tận Mô-luynh chủ yếu để buôn bán; Anh nhảy vào Miến-điện lấy Thái-lan làm khu đệm với Pháp; Pháp vào đồ hộ Việt-nam, Cam-pu-chia, Lào. Dân dân các nước Đông Nam Á hoặc bị lệ thuộc hoặc bị biến thành thuộc địa của các nước tư bản phương Tây. Một sứ mệnh lịch sử lớn lao được đặt ra cho toàn khu vực: *chống chủ nghĩa thực dân, giành lại độc lập dân tộc về mọi mặt*. Tổ chức và phương pháp đấu tranh có khác nhau theo từng vùng nhưng mục đích đấu tranh là thống nhất.

Văn hóa Đông Nam Á lại đứng trước một thử thách mới: chống văn hóa nô dịch do chủ nghĩa thực dân áp đặt lên các dân tộc. Với truyền thống tiếp thụ có chọn lọc mọi tinh hoa văn hóa ngoại lai để không ngừng đổi mới nâng cao mình lên, các dân tộc Đông Nam Á đã tiếp thu thêm chất văn hóa phương Tây để đưa mình lên ngang tầm thời đại. Họ đã tận dụng những thành tựu mới về khoa học kỹ thuật, văn hóa của phương Tây không những để bồi bổ cho mình mà còn để chống lại mọi sự thao túng của đế quốc phương Tây, bảo vệ nền độc lập dân tộc, văn hóa dân tộc của mình.

Chiến tranh thế giới thứ nhất, rồi chiến tranh thế giới thứ hai đã tác động sâu sắc đến Đông Nam Á. Các dân tộc Đông Nam Á ngày càng thấy rõ thực chất chủ nghĩa đế quốc và

càng ý thức rõ vai trò, vị trí của mình. Phong trào đấu tranh vì độc lập dân tộc dấy lên khắp nơi. Cách mạng Tháng Mười Nga với sự ra đời của Nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới, nước Nga Xô viết, đã thổi một luồng gió mới vào phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á. Các đảng cộng sản được thành lập trên hầu khắp các nước Đông Nam Á.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, lần lượt các nước Đông Nam Á giành lại được độc lập. Nước Việt-nam Dân chủ Cộng hòa (nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam), Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á ra đời. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế, trước hết là đế quốc Mỹ và bọn bánh trưởng Trung-quốc vẫn còn hết sức gay gắt và phức tạp. Nhưng mọi nước mọi dân tộc ở Đông Nam Á đều có chung một sứ mệnh lịch sử là *xây dựng đất nước*, và chỉ có thể xây dựng đất nước có hiệu quả khi có *hòa bình và ổn định* trên toàn khu vực. Đó là một nguyện vọng chân chính chung của các dân tộc ở Đông Nam Á. Cũng có thể nói đó là một sự hội tụ mới về ý thức tư tưởng trên toàn khu vực, làm cơ sở cho mọi mối quan hệ hữu nghị hợp tác giữa các dân tộc ở Đông Nam Á.



Nhìn lại đường dài lịch sử đã đi qua, thấy Đông Nam Á quả là một chính thể lịch sử - văn hóa thống nhất. Trên từng chặng đường, thấy nổi lên những sứ mệnh chung cho toàn khu vực hay nhiệm vụ riêng cho từng vùng. Tùy điều kiện, hoàn cảnh, khả năng của từng nơi mà sứ mệnh đó, nhiệm vụ đó được giải quyết, nhưng hợp lý hơn cả là giải quyết trong mối quan hệ chung của toàn khu vực, bởi vì thống nhất là cơ bản.

CUỘC CHIẾN TRANH THẬT SỰ

hay là

những bề tặc thật sự

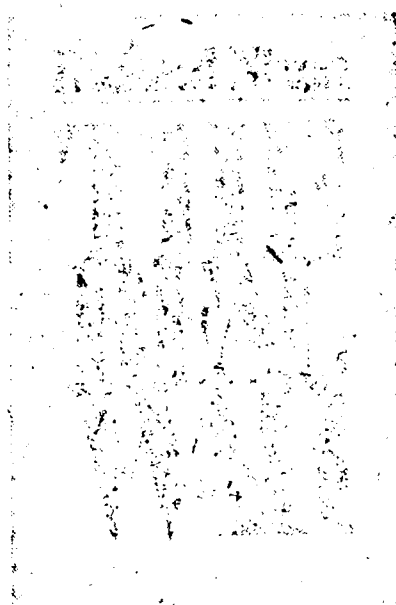
THÀNH-TÍN

DU luận thế giới gần đây chú ý đến một cuốn sách dày 311 trang, xuất bản từ thủ đô nước Mỹ. Tác giả là Ri-sô (Nich-xon, tổng thống thứ 37 của nước Mỹ, bị về vườn sau vụ bê bối Oa-tơ-ghét. Dầu đề cuốn sách là: *Cuộc chiến tranh thật sự* (*). Tác phẩm mới này của Nich-xon liền được dịch sang tiếng Pháp và xuất bản tại Pa-ri.

Đây là cuốn sách thứ tư của nguyên tổng thống Mỹ Nich-xon kể từ khi ông ta buộc phải từ giả Nhà trắng mùa thu năm 1974. Trong ba cuốn sách trước, cùng với hàng chục bài báo, Nich-xon kể lại về những ngày làm tổng thống và về vụ Oa-tơ-ghét. Cuốn sách mới của Nich-xon viết về một đề tài khác hẳn. Trong cuốn *Cuộc chiến tranh thật sự* này, Nich-xon « suy nghĩ về những thách thức mà những tổng thống tiếp, sau lời phải dưng đầu, về những biện pháp sử dụng sức mạnh của nước Mỹ để giành phần thắng trong cuộc chiến đấu quyết định số phận của phương Tây chúng ta... » (**).

Có thể nói ba cuốn hồi ký trước đây của Nich-xon là nhằm bảo chữa cho những tội ác và tội lỗi đã phạm phải, đồng thời là để kiếm tiền. Còn cuốn sách mới này là « Lời tâm huyết gửi đến các nhà lãnh đạo chính trị chúng ta để bảo đảm sự sống sót của nước Mỹ ». Qua cuốn sách này, còn diễn hầu từng bị gây cánh ở Việt-nam kiến nghị với giới tài phiệt cầm quyền ở Hoa-kỳ nhưng đường lối và biện pháp

chiến lược mới hòng cứu nguy cho nước Mỹ giữa cơn bão khủng hoảng hiện tại.



Trong khi Rô-nan Ri-gan, tổng thống Mỹ hiện tại, trong lời nói và việc làm, đang rập rập theo những lời « di chúc » tâm huyết của Nich-xon, trông cũng nên biết cuốn sách này nói những gì.

(*) Ri-sô Nich-xon: *Cuộc chiến tranh thật sự* (The real war). NXB U.C.N., 1980.

(**) Những đoạn in nghiêng trong bài này đều là trích trong cuốn sách *Cuộc chiến tranh thật sự*.

Những lời thú nhận có giá trị

Cuốn sách mới của Ních-xon gồm 12 chương. Chương 1: *« Không thể để mất thời gian »* nói về sự cấp bách phải cứu nguy cho nước Mỹ; nhận thức của chính giới Mỹ về nguy cơ của nước Mỹ đến nay đã là quá chậm; nước Mỹ (đế quốc) phải lấy lại ngay quyết tâm và ý chí, dốc sức ngay vào việc tăng cường lực lượng quân sự, phải hành động ngay kéo đã quá muộn mất rồi!

Chương 2: *Cuộc chiến tranh thế giới thứ ba*, lập luận một cách giảo giả rằng Liên-xô đã thất sự khởi đầu cuộc chiến tranh thế giới thứ ba ngay từ khi cuộc chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc nhằm chinh phục toàn thế giới, thông qua các cuộc chiến tranh được gọi là chiến tranh giải phóng dân tộc. Trong cuộc chiến tranh thất sự này, Liên-xô đã tăng nhanh tiềm lực quân sự và không ngừng giành thắng lợi, dẫn đến nguy cơ hiện tại là Mỹ có thể thua hoàn toàn trong chiến tranh, đồng thời Mỹ cũng có thể thua hoàn toàn bằng cách buộc phải đầu hàng mà không có chiến tranh.

Chương 3: *Bàn tay rõ rệt*, xuyên tạc lịch sử và vu khống rằng chế độ mới ở Liên-xô vẫn đi theo những chế độ tàn bạo cũ của các vua Nga nhằm thống trị thế giới.

Chương 4: *Đường huyết mạch vận chuyển dầu*, nói về sự phụ thuộc của Mỹ và các nước đế quốc phương Tây về các nguyên liệu cơ bản và nhiên liệu, về nguy cơ các đường vận chuyển chiến lược ấy bị uy hiếp và cắt đứt.

Chương 5: *Hội chứng Việt-nam*, than vãn về một số sai lầm chiến lược dẫn đến thất bại kinh khủng của Mỹ ở Việt-nam, những hậu quả nặng nề về mọi mặt do thất bại lịch sử ấy đưa lại; những thất bại mới rất nặng nề

của Hoa-kỳ trong thời kỳ sau Việt-nam.

Chương 6: *Người không lờ thức lĩnh*, nói về vị trí mới của nước Trung-hoa thân phương Tây trong chiến lược của Mỹ, sự lợi dụng lẫn nhau giữa Mỹ và Trung-quốc, và cung cách Hoa-kỳ chơi con bài Trung-quốc.

Các chương 7, 8, 9 và 10 phân tích về sức mạnh quân sự, sức mạnh kinh tế, sức mạnh ý chí của Hoa-kỳ và quyền lực của tổng thống Mỹ, vạch phướng hướng xây dựng và đề ra những biện pháp tận dụng có phối hợp những sức mạnh ấy.

Chương 11: *Không cái gì có thể thay thế cho chiến thắng*, nói về ý chí của Hoa-kỳ phải có quyết tâm giành chiến thắng bằng mọi giá. Mỹ không thể thất bại vì bỏ cuộc, vì mất hết ý chí, để cho tâm lý thất bại lan tràn một cách nguy hiểm.

Chương 12: *Thạch kiềm và tinh thần*, là chương kết thúc nhằm lên giây cót tinh thần cho bọn tài phiệt Mỹ, nêu bật ý chí dốc sức, dốc mọi thủ đoạn, huy động mọi thế lực, phản động trên toàn thế giới để cứu vãn « thế giới tự do » khỏi sụp đổ.

Cuốn sách đầy những nhận định bi quan về nước Mỹ, trên tất cả các mặt: kinh tế, quân sự, chính trị, ngoại giao, chiến lược. Điều rất lý thú là những thú nhận thất bại của Mỹ được chính Ních-xon — một kẻ hiếu chiến nhất, tiêu biểu cho bảy điều hâu hung hăng nhất ở Oa-sinh-ton, đại diện cho những thế lực tài phiệt phản động nhất của Mỹ — nói ra. Dưới đây là một vài ví dụ về những lời thú nhận rất có giá trị ấy.

— « Vào những năm 80 sắp tới, nước Mỹ, lần đầu tiên trong lịch sử hiện đại, buộc phải đứng trước hai thực tế lạnh lùng: nếu chiến tranh nổ ra, chúng ta có thể thua; và chúng ta có thể bị thất bại mà không có chiến tranh ».

— « Hai mươi năm tới là thời gian không hoảng cực độ của nước Mỹ và

phương Tây, là thời điểm quyết định số phận của nhiều thế hệ tương lai trên trái đất này.

— «Đề tài trung tâm cuốn sách này của tôi là phương Tây đã bước qua ngưỡng cửa của một thời kỳ khủng hoảng sâu sắc, trong đó sự sống sót của nó sang thế kỷ 21 đang bị trực tiếp đe dọa».

— «Vào hai mươi năm cuối cùng của thế kỷ này, nước Mỹ có nguy cơ trở thành một người không từ bỏ và điếc; cho đến một ngày nào đó chúng ta buộc phải đứng trước sự lựa chọn bị thảm: đầu hàng hay là bị hủy diệt».

— «Thất bại chống chất nổ công tác tình báo của nước Mỹ dẫn đến những kết quả bị thảm. Cơ quan CIA liên tiếp đánh giá sai về khả năng và tốc độ tăng cường lực lượng của đối phương».

— «Việc lật lọng những bí mật quốc gia của Mỹ mà điển hình là 7000 trang tư liệu tuyệt mật của Lầu năm góc bị đưa ra công khai dẫn đến tình thế đặc biệt bị đặt cho đất nước chúng ta!».

— «Lực lượng quân sự của khối NATO không thể nào đứng vững nổi trước một cuộc tấn công chớp nhoáng có thể xảy ra của khối Vác-sa-va».

— «Trong kho vũ khí của phương Tây, hiện không có một loại tên lửa nào lợi hại bằng tên lửa có động SS-20 của Liên-xô; cũng chẳng có một loại máy bay tấn công nào lợi hại bằng máy bay Béch-phat của Liên-xô».

Đã qua rồi, những lời huênh hoang, khoe mẽ về sức mạnh áp đảo, về ưu thế về mọi mặt của nước Mỹ!

Khi chủ nghĩa đế quốc có ý thức về khả năng diệt vong của nó,

Trước đây, nếu có ai nói đến sự diệt vong tất nhiên của chủ nghĩa đế quốc, về cuộc tổng khủng hoảng triền miên của nước Mỹ và các nước đế quốc khác thì các đại biểu sùng sộ nhất của các nước ấy liền giãy nảy lên mà cãi lại rằng: không! các chế

độ «tự do» (1) của phương Tây là rất vững chắc, rất phần thịnh và vinh cửu. Họ đã có cả những công trình lý luận để chứng minh rằng chế độ «tự do cạnh tranh», «tự do kinh doanh» của họ là hợp lý nhất, là công bằng nhất, phù hợp với ý chúa và lòng người. Họ eòn nữa mai rằng cái quy luật về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội trên quy mô toàn thế giới chỉ là điều hoàn toàn bịa đặt với mục đích tuyên truyền!

Ấy vậy mà nay chính Ri-sốt Nich-xon, nguyên tổng thống Mỹ, lớn tiếng nhận định rằng: Nước Mỹ đang lâm nguy, nước Mỹ và cả «thế giới tự do» đang đứng trước nguy cơ bị diệt vong, bị xóa sạch trên trái đất này! Nich-xon viết: «Mới đây, tôi tìm gặp tiến sĩ Ê-tu-ốt Ten-ơ, nhà vật lý nguyên tử nổi tiếng, còn được gọi là cha đẻ của bom khinh khí; tôi hỏi ông ta rằng ông ta dự đoán nước Mỹ sẽ ra sao vào năm 2000? Ông ta suy nghĩ khá lâu rồi trả lời rằng: tôi tin rằng có đến 50% khả năng đến lúc ấy Hoa-kỳ sẽ không còn tồn tại nữa. Tôi hỏi thêm ông ta: không còn tồn tại về mặt vật chất hay là về chế độ chính trị? Ông ta trả lời rằng: có thể là không tồn tại về một trong hai mặt đó, mà cũng có thể không tồn tại về cả hai».

Nich-xon hốt hoảng nhận xét: Nước Mỹ đang bị thách thức trên quy mô toàn cầu. Thật vậy, từ năm 1974 đến nay, Ăng-gô-la, Ê-ti-ô-pi-a, Ăp-gi-ni-xlan, Nam Yê-men, Mô-dam-bích, Lào, Căm-pu-chia, Nam Việt-nam, tất cả các nước ấy đều đã bị đặt dưới sự thống trị của cộng sản. Trong chỉ có 5 năm, thế giới tự do đã mất đến hơn một trăm triệu người!

Trong cơn lo sợ khủng khiếp, chủ nghĩa đế quốc đang quay cuồng một cách điên loạn để hòng thoát khỏi «định mệnh», thoát khỏi quy luật thép của sự phát triển của loài người! Chưa bao giờ những người cầm đầu nước Mỹ tỏ ra căm ghét Liên-xô, Việt-nam,

Cu-ba, căm ghét ba dòng thác cách mạng của thời đại hiện nay đến thế. Chúng đang cố gắng tập trung sức tiến hành đe dọa, vu khống và xuyên tạc sự thật, phản kích lại các lực lượng cách mạng hùng hậu của thời đại hòng kéo dài sự tồn tại của những chế độ xã hội thối nát đã bị lịch sử lên án. Cái hung hăng, hiếu chiến của chủ nghĩa đế quốc hiện nay khác hẳn cái hung hăng hiếu chiến của chúng trong mấy chục năm về trước. Trước kia là sự hung hăng đầy tự tin lao vào các cuộc phiêu lưu để giành những lợi nhuận béo bở, những thuộc địa cũ và mới giàu tài nguyên và sức lao động. Còn nay là sự hung hăng đầy khiếp sợ, dè dặt bám giữ những trận địa cuối cùng đang rung chuyển dữ dội, hòng tránh khỏi số phận bị diệt vong, số phận bị đưa lên giá treo cổ trước sự phát triển theo quy luật của thế giới ngày nay, quy luật mà chúng chỉ mới bắt đầu "nhận thức" được, tuy rằng đã quá muộn màng.

Việt nam! nổi uất hận khôn người ấy!

Con cáo già Ních-xon có biết bao lý do để mà thâm thù Việt-nam! Ních-xon đã leo lên những nấc thang tột đỉnh đánh phá Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia và đã bị giáng trả nên thân.

Trong cuốn sách: *Cuộc chiến tranh thật sự*, Việt-nam chiếm hẳn một chương lớn. *Hội chứng Việt-nam* và hai chữ Việt-nam thường xuyên được nhắc đến trong suốt cả 11 chương khác, như những điệp khúc thổ dài chưa xót và cay đắng. Ních-xon than vãn:

« Trong thời gian tôi làm tổng thống, Hoa-kỳ tiến hành cuộc chiến tranh cay đắng nhất của mình ở Việt-nam »; *Cuộc chiến tranh ở Việt-nam mang lại những kinh nghiệm đầy chấn thương cho người Mỹ chúng ta*. Ních-xon nhận định: « Việt-nam là một trong

những trận chiến đau đớn nhất của cuộc chiến tranh thế giới thứ ba ». Ních-xon còn đưa ra nhận định của Rô-bốt Tô-m-xon, một nhà chiến lược người Anh chuyên nghiên cứu về chống nổi dậy đã từng làm cố vấn cho chính phủ Mỹ về Việt-nam: « Không nghĩ ngờ gì nữa, cuộc chiến tranh Việt-nam là một trong những cuộc chiến tranh có tính chất quyết định trong thế kỷ này »; Ních-xon cũng nhắc đến ý kiến của thượng nghị sĩ Mỹ Mắc Ga-von: « Tôi cho rằng cuộc chiến tranh Đông-dương của Hoa-kỳ là sai lầm quân sự, chính trị, kinh tế và tinh thần lớn nhất trong toàn bộ lịch sử quốc gia chúng ta ».

Thế nhưng con điều hầu đã gây cánh trên bãi lầy Việt-nam ấy vào chưa chịu mở mắt. Ních-xon còn chưa hiểu đúng những nguyên nhân đã dẫn Mỹ đến thất bại triệt để ở Việt-nam. Hắn còn giữ nguyên những nhận định chủ quan, sai lầm, thiên cận, trái với sự thật và đôi khi còn ngơ ngẩn nữa!

Ních-xon cho rằng có ba sự kiện cơ bản làm cho con đường chiến thắng của Mỹ dỗi chiều sang thất bại: Một là thất bại của tổng thống Mỹ Giôn Ken-nơ-đi trong cuộc đổ bộ lên vịnh, Con lộn ở Cu-ba năm 1961 đã làm cho Ken-nơ-đi sợ phát hoảng lên và ra lệnh cho Tay-lơ tìm cách rút chân luôn ra khỏi Việt-nam. Hai là sự bất lực của Mỹ trong việc ngăn chặn và đánh phá đường mòn Hồ-Chí-Minh. Ba là việc thủ tiêu Ngô-Dinh-Diệm làm cho tình hình chính trị ở Nam Việt-nam lâm vào rối loạn triền miên.

Ních-xon lặp lại sự ngoan cố mù quáng của bọn trùm thực dân Pháp trước kia cho rằng: quân đội viễn chinh Pháp chiến thắng trên chiến trường, nhưng nước Pháp bị thua chỉ vì dư luận Pháp nhận thức sai lệch. Quốc hội và Chính phủ Pháp mang nặng tâm lý thất bại. Theo Ních-xon, « Chúng ta (Mỹ) đang

chiến thắng cả về quân sự và chính trị, thế nhưng trong căn cơ giết bệnh hoạn vì giận dữ và thiên cện, người Mỹ chúng ta đã vứt bỏ những thắng lợi đã giành được bằng biết bao cố gắng!». Sau khi huân hơang về kết quả to lớn, thất sự của chủ trương «Việt-nam hóa chiến tranh» theo học thuyết Ních-xon, y viết: «Sau những năm dài thất bại vì đi theo con đường sai lầm thì chúng ta lại bị phản đối khi đã tìm ra con đường đúng đắn dẫn đến thắng lợi!». Ních-xon chửi bới: «Chính những kẻ được coi là tinh hoa của Hoa-kỳ từng chịu trách nhiệm về những thất bại của Mỹ trong những năm 60, trước kia chuyên hứa hão là toàn thắng sắp đến nơi rồi, thì đến đầu những năm 70 lại kêu gào bỏ cuộc!». và «Chúng ta không thua trận trên chiến trường Việt-nam, chúng ta đã thua trận ở các hành lang của Quốc hội, trong các phòng họp các nghiệp đoàn, trong các phòng chỉ đạo ngôn luận của các báo và các mạng lưới vô tuyến truyền hình. Chúng ta đã thua trận trong các phòng trà ở Gloucester, trong các phòng khách của giới thượng lưu ở Niu Ôc, trong các giảng đường của các trường đại học lớn».

Về sự sụp đổ tan tành cơ đồ của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt-nam đầu xuân 1975, Ních-xon cay đắng nhận định: «Thất bại của chúng ta ở Việt-nam lúc ấy một phần là do những sai lầm về chiến thuật và chiến lược của tổng thống Thiệu và các tướng lĩnh của ông ta; còn phần chủ yếu trách nhiệm phải đặt lên vai những nghị sĩ Mỹ đã lũng bộ phiếu ngân chặn tổng thống, trước hết là tôi và sau đó là tổng thống Giơ-rôn Pho có những quyết định kịp thời nhằm tăng cường hiệu lực các hiệp định đã được ký kết, và ngăn cản việc cung cấp viện trợ quân sự để miền Nam Việt-nam có đủ sức đối phó kịp thời với cuộc tiến công của người Bắc Việt-nam».

Thế là rõ! Sau thất bại lịch sử ở Việt-nam, bọn trùm đế quốc ở Lầu năm góc và Nhà trắng vẫn chưa rút ra được những bài học bổ ích. Bài học đó là: chúng không thể dựa vào được ý chí sắt đá «Không có gì quý hơn độc lập tự do» của dân tộc Việt-nam; chúng chưa nhận thức được bản chất anh hùng bất khuất và tài thao lược của dân tộc Việt-nam! Không cần phải hiểu biết thật sâu sắc tình hình, một người quan sát bình thường cũng có thể thấy rằng, vào đầu năm 1975 dù cho Mỹ có tăng cường viện trợ quân sự cho bọn nguy quân và nguy quyền đến mức nào, thậm chí dù cho Mỹ có quyết định sử dụng lực lượng vũ trang Mỹ để cứu nguy cho quân nguy đang tan rã thì cũng vẫn chỉ là đề trả giá cao hơn cho những tính toán sai lầm của đế quốc Mỹ mà thôi! Chính Ních-xon cùng với các tổng thống Mỹ Ken-nơ-đi, Giôn-xon, là những thủ phạm chính chịu trách nhiệm về những tội ác và về những thất bại nặng nề trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam. Làm sao Ních-xon có thể thanh minh và chạy tội được!

Khi Rô-nan Ri-gân làm theo những điều Ri-sốt Ních-xon dạy.

Với cuốn *Cuộc chiến tranh thật sự*, Ních-xon có ý định rõ ràng là lên lớp cho những tổng thống Mỹ vào Nhà trắng sau ông ta. Sự dạy bảo của Ních-xon khá là hóm hỉnh và kiểu kỳ, đến mức: «Tôi muốn khắc trên bức tường của phòng bầu dục (phòng làm việc chính của tổng thống Mỹ) mười phương châm xử sự dưới đây cho những người kế tiếp tôi làm theo». Mười phương châm ấy đại thể là: khi thương lượng với đối phương thì phải chuẩn bị chu đáo, có thái độ kiên quyết; cần thương lượng bí mật và ký kết công khai các hiệp định; không chạy theo mục

dịch tuyên truyền, phải mặc cả có đi có lại; không được hờ, nói trước. Những điều Mỹ sẽ không làm; phân biệt rõ bạn và đối phương mặc dù bạn của Mỹ có khi vi phạm nhân quyền, hết sức giúp đỡ các nước "bạn" của Mỹ và phải giữ vững lòng tin... Nich-xon còn đề ra một phương châm xử thế của tổng thống Mỹ là « phải sẵn sàng làm những điều mà chính ông ta nghĩ rằng sẽ không bao giờ làm ». Có nghĩa là phải biết liều! phải có gan làm những điều bất ngờ nhất, táo tợn nhất!!

Ri-gân đã vào Nhà trắng được gần một năm. Có thể nói tổng thống thứ 40 của nước Mỹ này đã đọc rất kỹ cuốn sách « di chúc » của Nich-xon và đang đem ra thực hiện một cách đầy đủ nhất.

Nich-xon cay cú hận học đối với Liên-xô, Cu-ba, Việt-nam... thì Ri-gân cũng đặc biệt có thái độ thô lỗ đối với Liên-xô, Cu-ba, Việt-nam...

Nich-xon chỉ rõ cần tăng thật mạnh ngân sách quân sự (tăng mỗi năm thêm 30 tỷ trong 5 năm liền) để giành lại « tư thế chiến lược », thì Ri-gân liền tăng vọt ngân sách quân sự Mỹ lên theo con số ấy: ngân sách quân sự năm 1982 lên đến 222 tỷ đô la (năm 1980 là 164 tỷ).

Nich-xon đề xuất việc xây dựng lực lượng phản ứng nhanh với số lượng thật lớn để sẵn sàng can thiệp vào các khu vực nóng bỏng như: Trung Đông, vùng châu Phi, châu Âu, Bắc Á và Đông Nam Á... thì Ri-gân quyết định đưa lực lượng này lên đến gần 30 vạn tên, xây dựng hạm đội 5 ở Ấn-độ-đương, tăng mạnh lực lượng vận tải hàng không quân sự và xây dựng gấp các căn cứ tại chỗ ở Xô-ma-li, Ô-man, Kê-ni-a và Ai-cập.

Nich-xon kiên nghị cần tận dụng thái độ xích lại gần Mỹ của bôn lãnh đạo hiện nay ở Trung-quốc để tập trung mũi nhọn chống Liên-xô, thì Ri-gân đang tình chuyện cung cấp vũ

khí tiến công cho bôn bành trướng Bắc-kinh, lời kéo bôn này vào quỹ đạo liên minh toàn diện với Mỹ để chống phá cách mạng thế giới.

Nich-xon phê phán mạnh mẽ Pho và Ca-tô đã quá nhu nhược, đề cho « hội chứng Việt-nam » ám ảnh nặng nề và kéo dài, chuốc thêm quả nhục thất bại ở Đông Nam Á, Nam Á, châu Phi, châu Mỹ-la tinh... thì Ri-gân cũng tuyên bố « hội chứng Việt-nam » đã chấm dứt, Mỹ đã bước hẳn sang thời kỳ sau của thời kỳ sau Việt-nam. Mỹ lại sẵn sàng có hành động quân sự mạnh mẽ ở nước ngoài...

Có thể thấy rất rõ cái bóng ma của Ri-sốt Nich-xon đang trở lại ngự trị trong Nhà trắng. Thật là bi đát và nửa mai cho nước Mỹ giữa con lũng không hoàng! Vì cuộc chiến tranh Việt-nam đã nhấn chìm các nhân tài, đã thiêu đốt các lực lượng được coi là tinh hoa của Hoa kỳ, cho nên Rô-nan Ri-gân đành lại phải quay về với một nhân vật thô lỗ, hung hãn của quá khứ và nhuộm đầy ở nhục là Nich-xon, trên thực tế suy tôn Nich-xon lên làm cha đẻ tinh thần của mình vậy!

Cuốn kinh thánh chẳng có phép lạ.

Cuốn sách *Cuộc chiến tranh thất sự* của Nich-xon được bôn tài phiệt Mỹ đánh giá cao chính vì nó đáp ứng nhu cầu phản kích chống lại ba dòng thác cách mạng trong thời đại ngày nay, cố sức cứu nước Mỹ đế quốc chủ nghĩa thoát khỏi sự chìm đắm trong con lũng không hoàng toàn diện. Chẳng vậy mà có người đã vội coi cuốn sách này là kinh thánh của chính giới Mỹ trong hai mươi năm tới!

Thế nhưng cuốn kinh thánh này chẳng hề có phép lạ! Nước Mỹ đế quốc chủ nghĩa gặp rất nhiều nguy

cơ và thách thức vượt ra ngoài khả năng đối phó của Nhà trắng.

Một là, việc lao mạnh vào cuộc chạy đua vũ trang, cố giành lại ưu thế quân sự đã mất của Hoa-kỳ chỉ là ảo tưởng! Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác dứt khoát không bao giờ cho phép Mỹ và các nước đế quốc khác giành lại ưu thế quân sự để lộng hành phá hoại hòa bình và an ninh trên trái đất này..

Hai là cuộc chạy đua vũ trang điên loạn của Ri-gân chỉ phung phí tiền của nhân dân Mỹ vào những mục tiêu hão huyền sẽ làm cho cuộc đấu tranh giai cấp trong lòng nước Mỹ bùng nổ dữ dội. Nhân dân lao động Mỹ đang cấp bách cần việc làm, nhà ở, lương lương xã hội, sự chăm sóc y tế và giáo dục...; những nhu cầu ấy đã bị Ri-gân hy sinh cho những lợi nhuận của các công ty siêu quốc gia sản xuất vũ khí. Cuộc đấu tranh đến mức kỷ lục trong lịch sử Hoa-kỳ của hơn 40 vạn nhân dân Mỹ chống đường lối quân phiệt cực đoan của Ri-gân hồi cuối tháng 9 vừa qua chỉ mới là một màn dạo đầu có tính chất cảnh cáo. Cuộc đấu tranh ấy báo hiệu 4 năm cầm quyền đầy sóng gió của Ri-gân, do chính đường lối cực đoan của Ri-gân gây nên.

Ba là việc thống nhất các nước phương Tây theo cái gậy chỉ huy của Oa-sinh-ton mà Ních-xon nói đến và Ri-gân cố sức thực hiện cũng là hão huyền! Bảo, chỉ phương Tây đang bàn tán rất nhiều đến sự tréo gò trong chính sách của chính quyền Ri-gân trên lĩnh vực đối ngoại. Chính phủ Cộng hòa liên bang Đức lặn đầu từ chối cùng đi với Oa-sinh-ton hy sinh sự hòa hoãn Đông Tây để chống Liên-xô; tổng thống mới của nước Pháp cùng với chính phủ thiên tả ở Pa-ri làm sao có thể nhập cuộc với

một tổng thống hữu đến cực đoan ở Oa-sinh-ton! Trong khi Ri-gân làm hết sức mình để cứu nguy cho bọn tay sai quân phiệt ở Xan-va-đo thì Chính phủ Pháp và Chính phủ Mê-hi-cô lại ủng hộ các lực lượng cách mạng mà Oa-sinh-ton cho là quân phiến loạn! Có vô số thí dụ về quang cảnh trống đánh xuôi kèn thổi ngược giữa Mỹ và các đồng minh truyền thống của Mỹ. Đó là chưa nói đến cuộc chiến tranh kinh tế tài chính giữa Mỹ và Tây Âu trong Văn đề lãi xuất cũng như cuộc chiến tranh buôn bán ngày càng gay gắt giữa Mỹ và Nhật-bản.

Bọn trùm tài phiệt Mỹ đang quây quật trong bế tắc và bất lực. Bế tắc và bất lực trong mưu đồ phản kích ba đồng thách cách mạng của thời đại. Bế tắc và bất lực trong việc tăng cường chạy đua vũ trang và trong việc cứu vãn nền kinh tế tài chính Mỹ đang lâm vào suy thoái và khủng hoảng. Bế tắc và bất lực trong việc xoa dịu cuộc đấu tranh giai cấp đang phát triển trong lòng xã hội Mỹ. Bế tắc và bất lực trong ý đồ tập hợp và thống nhất các nước đồng minh dưới cái gậy chỉ huy của Mỹ.

Đó cũng là những bế tắc thật sự của Ních-xon và hiện nay là của Ri-gân, kẻ định đóng vai cứu tinh của Hợp chúng quốc Hoa-kỳ về mặt đường lối và phương châm, kẻ ráp tằm trở thành một tổng thống lớn khôi phục được sức mạnh và uy tín của nước Mỹ trên thế giới.

Cuốn sách *Cuộc chiến tranh thật sự* của Ních-xon rất lý thú đối với chúng ta, những người Việt-nam chiến thắng. Lời «tâm huyết» của Ních-xon, qua cuốn sách này, vang lên như một tiếng kêu tuyệt vọng của một bầy điều hâu gậy cảnh trên khoảng trời u ám của Nhà trắng.

BƯỚC PHIÊU LƯU CHẠY ĐUA VŨ TRANG CỦA Oa-SINH-TON

NGHỊ - VŨ

Ngay 2-10-1981 chính quyền Ri-gân công bố kế hoạch 5 điểm nhằm đẩy mạnh việc phát triển lực lượng hạt nhân chiến lược trong hai thập kỷ tới. Kế hoạch này nhằm xúc tiến gấp việc chế tạo bộ ba vũ khí chiến lược: tên lửa cơ động trên mặt đất, máy ký hiệu MX, máy bay ném bom B1 thay thế B.52, tàu ngầm chạy bằng năng lượng nguyên tử mang tên lửa Tơ-ri-don loại mới. Đồng thời, Ri-gân còn quyết định cải tiến « hệ thống chỉ huy - cảnh giới - báo động diện từ chiến lược » và đẩy mạnh chương trình thiết kế một loại máy bay ném bom chiến lược mới Xtin (Stealth) mà giới kỹ thuật quân sự Mỹ khoe là có khả năng tránh được sự phát hiện của kỹ thuật radar hiện đại.

Trong khuôn khổ chiến lược toàn cầu phân cách mạng, chiến lược quân sự mà chính quyền Ri-gân vừa mới đưa ra là nhằm « giành ưu thế quân sự » vào cuối thế kỷ này, tạo khả năng cho quân đội Mỹ « can thiệp vào bất cứ lúc nào, và nơi nào trên thế giới ». Chính quyền Ri-gân đang nuôi tham vọng đưa quân đội Mỹ trở lại thời kỳ « trước Việt-nam » hoặc bước vào

thời kỳ sau của « sau Việt-nam », khiến quân đội Mỹ có thể trở lại làm công cụ đặc lực cho « chính sách ngoại giao dựa trên sức mạnh » mà Oa-sinh-ton cho rằng đã đạt được dưới thời kỳ Ai-xen-hao và Ken-nơ-đi.

Giới quân sự Mỹ cho rằng chính quyền Ri-gân đang tiếp tục chiến lược quân sự Mỹ « ngăn đe - ngăn chặn », một chiến lược quân sự mang bản chất xâm lược và đã từng đem lại thất bại cay đắng, nhất là qua chiến tranh xâm lược Việt-nam.

Cái gọi là « ngăn đe » trong chiến lược quân sự cơ bản của Mỹ có nghĩa là nhấn mạnh với đối phương rằng có nguy cơ nổ ra một cuộc chiến tranh tổng lực. Lực lượng « ngăn đe » là lực lượng hạt nhân chiến lược bao gồm máy bay ném bom chiến lược, tên lửa tầm trung bình và vượt đại châu, tàu ngầm nguyên tử mang tên lửa chiến lược và hệ thống phòng không lục-dịa (Mỹ) hiện đại. « Ngăn chặn » có nghĩa là cảnh cáo đối phương rằng: các ngài đã đi xa đến mức giới hạn rồi, không được đi xa hơn nữa. Lực lượng « ngăn chặn » gồm các lực lượng vũ trang thông thường.

Trước đây, với chiến lược « trả dũa ào ạt » chính quyền Ai-xen-bao chú trọng lực lượng « ngăn đe ». Lúc đó Mỹ tự cho rằng Mỹ nắm ưu thế hạt nhân với « bộ ba » vũ khí chiến lược: máy bay ném bom chiến lược B.52, tàu ngầm nguyên tử mang tên lửa hạt nhân, và tên lửa vượt đại châu phóng từ mặt đất. Tuy nhiên, chiến lược « trả dũa ào ạt » với lực lượng « ngăn đe » hạt nhân của Mỹ không thể cứu vãn được thất bại của Pháp ở Điện-biên-phủ, cũng không thể ngăn cản được cao trào giải phóng dân tộc sau đó. Bước sang thập kỷ 60, Mỹ mất ưu thế hạt nhân. Tướng Mỹ Tây-lơ đưa ra chiến lược « phản ứng linh hoạt », chủ trương ưu tiên tăng cường lực lượng « ngăn chặn », tức là lực lượng vũ trang thông thường. Nội dung của chiến lược « phản ứng linh hoạt » là nhằm sẵn sàng tiến hành cả chiến tranh hạt nhân lẫn chiến tranh thông thường, vừa đề chống Liên-xô vừa đề chống phong trào giải phóng dân tộc.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt-nam đã đẩy chiến lược « phản ứng linh hoạt » mà các tổng thống Mỹ Ken-nơ-đi, Giôn-xon thi hành, đi đến phá sản. Trên chiến trường Việt-nam, « lực lượng ngăn chặn » — « thanh kiếm » Mỹ bị đánh gãy, trong khi « chiếc ô » « ngăn đe hạt nhân » Mỹ không mấy may đe dọa được Việt-nam.

Bước sang thập kỷ 70, do thất bại thảm hại trên chiến trường Việt-nam, chính quyền Ních-xon buộc phải công khai tuyên bố từ bỏ chiến lược « phản ứng linh hoạt » và thay bằng chiến lược « ngăn đe thực tế ». Lực lượng « ngăn đe » hạt nhân Mỹ đã phải « giảm chân tại chỗ » trong suốt thập kỷ 60, vì một bộ phận quan trọng của ngân sách quốc phòng Mỹ và cả đầu óc của những nhà chiến lược và những nhà sáng chế vũ khí Mỹ đều bị thu hút vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam. Nhân tố thời gian lại

làm cho « bộ ba » vũ khí chiến lược Mỹ ngày càng cũ kỹ. Trong khi đó, lực lượng « ngăn chặn » Mỹ gồm các quân chủng: lục quân, không quân, hải quân (gồm linh thủy đánh bộ) lại mang đầy « thương tích Việt-nam ». Toàn bộ lực lượng quân sự Mỹ, kể cả lực lượng « ngăn đe » bằng vũ khí hạt nhân và lực lượng « ngăn chặn » bằng vũ khí thông thường, đều bị thiệt hại nặng nề mà nhiều người cho rằng phải nhiều thập kỷ mới khôi phục được.

Xuất phát từ tình hình trên, chiến lược « ngăn đe thực tế » của chính quyền Ních-xon đặt ngang bằng cả hai vế « ngăn đe » và « ngăn chặn », không dành cho vế nào địa vị ưu tiên. Đặt vấn đề như thế, Ních-xon cho rằng có thể tự dành cho mình tình « linh hoạt » trong việc sử dụng cả hai lực lượng tùy theo điều kiện cụ thể. Theo Lê-đơ, bộ trưởng quốc phòng thời Ních-xon, trong thập kỷ 70, chính quyền Oa-sinh-ton dốc sức xây dựng lực lượng hạt nhân chiến lược trên quan điểm « vừa đủ » và lấy đó đặt tiêu chuẩn cụ thể cho việc chế tạo vũ khí chiến lược; đồng thời xây dựng lực lượng thông thường Mỹ được giúp sức bằng khả năng quân sự của các nước đồng minh trên cơ sở các nước này phải tăng thêm việc chia sẻ gánh nặng quân sự với Mỹ.

Có thể nói, chính quyền Ních-xon đã xem thập kỷ 70 là thời kỳ quân đội Mỹ « hàn gắn những vết thương Việt-nam », tu bổ lại cả lực lượng « ngăn đe » hạt nhân lẫn lực lượng thông thường « ngăn chặn » đã bị cuộc chiến tranh Việt-nam cướp đi ít nhất « một thế hệ » vũ khí.

Dưới chính quyền Ca-tơ, giới chiến lược Mỹ đã đưa ra những khái niệm chiến lược mới như « ngăn đe phòng thủ », « ngăn đe linh hoạt » v.v., nhưng về thực chất vẫn tiếp tục thực hiện chiến lược « ngăn đe thực tế » của chính quyền Ních-xon và dồn sức

vào việc chạy chữa các « vết thương Việt-nam ».

Trong cuộc vận động bầu cử tổng thống Mỹ tháng 11-1980, Đảng cộng hòa Mỹ và ứng cử viên của đảng này đã tìm cách khuấy động tinh thần dân tộc « sô vanh » trong nhân dân Mỹ, kêu gọi « chạy đua vũ trang ». Cương lĩnh của Đảng cộng hòa chủ trương tăng nhanh ngân sách quân sự để « giành ưu thế quân sự » so với Liên-xô. Cương lĩnh này đòi hỏi phải « sản xuất cấp tốc và triển khai nhanh chóng loại tên lửa MX, máy bay ném bom chiến lược kiểu mới, tên lửa cảnh ngăn tiêm kích Cru-der, triển khai gấp 572 tên lửa tầm trung bình trên một số nước Tây Âu thuộc khối NATO, sản xuất vũ khí nơ tơ rôn và hiện đại hóa lực lượng pháo binh sử dụng đầu đạn hạt nhân ». Song song với việc phát triển lực lượng « ngăn đe » trên đây, Đảng cộng hòa còn đòi « phải tăng cường khả năng cấp lực lượng « ngăn chặn » để « không quân và hải quân Mỹ phải có thêm khả năng cơ động, phải thường xuyên có mặt ở nước ngoài và một hạn đội thường trực Mỹ tại Ấn-độ-dương phải được thành lập gấp ».

Giới chiến lược Mỹ nhận xét rằng hiện nay Ri-gan đang thực hiện cương lĩnh của Đảng cộng hòa, tức là chủ trương đồng thời tăng cường cả hai vế « ngăn đe » và « ngăn chặn ». Tuy nhiên họ cũng đều thừa nhận rằng giờ đây Mỹ không thể nào giành được « ưu thế quân sự » bằng lực lượng « ngăn chặn » tức là lực lượng trang bị vũ khí thông thường đã bị đánh bại trong cuộc « chiến tranh cục bộ » ở Việt-nam, và trên thực tế vẫn còn trên đường « khôi phục » ít nhất cũng đến cuối thập kỷ 80. Thật hiển nhiên là trong hai thập kỷ 80 và 90, lục quân, hải quân (với lực lượng tàu chiến nổi và lính thủy đánh bộ), không quân chiến thuật Mỹ, những thành phần chủ yếu của lực lượng « ngăn chặn » Mỹ, không thể có bất cứ bước

« nhảy vọt » nào cả về lượng lẫn về chất. Giới cầm quyền Đa-sinh-ton đã tận lực « chơi con bài Trung-quốc » nhằm sử dụng quân đội Trung-quốc làm lực lượng bổ sung cho lực lượng « ngăn chặn » Mỹ tại châu Á. Nhưng cho đến nay, Mỹ vẫn chưa hết băn khoăn trước một câu hỏi : trong chiến tranh, chiến đấu trong cùng một chiến hào với Mỹ, quân đội Trung-quốc sẽ là lực lượng bổ sung hay ngược lại trở thành một gánh nặng cho Mỹ như Mỹ đã từng vấp phải khi sử dụng một số quân đội nguy hoặc thậm chí còn nguy hại hơn thế nhiều.

Vấp phải nhiều khó khăn nan giải trên con đường « ngăn chặn », Ri-gan đành phải dành ưu thế cho con đường « ngăn đe » hy vọng có thể « giành được ưu thế quân sự ».

Như vậy chiến lược quân sự của Ri-gan nhằm tăng cường lực lượng « ngăn đe », ra đời trong một tình thế hoàn toàn bị động. Vậy mà, ngày 2-10-1981, khi công bố kế hoạch sẽ chi thêm 180 tỷ đô la riêng cho việc phát triển « bộ ba » vũ khí chiến lược Mỹ, Ri-gan đã trắng trợn nói rằng kế hoạch này nhằm tăng cường « ngăn đe » đối với Liên-xô và cách mạng thế giới. Ri-gan đang lung hăng, hùng hổ, tay này giờ cao chéng gậy « ngăn đe » hạt nhân, tay kia thủ chiếc gậy « ngăn chặn »; được chấp thêm một màu « con bài Trung-quốc ». Giới quân sự phương Tây nhận xét rằng Ri-gan đang muốn quay ngược bánh xe lịch sử, nuôi ảo tưởng khôi phục thời kỳ Tơ-ru-man, Ai-xen-hao và Ken-ne-đi.

Tham vọng của Ri-gan quá lớn, nó gộp cả tham vọng của nhiều đời tổng thống Mỹ trước đây. Nhưng khả năng của nước Mỹ ngày nay thì lại bị thu hẹp quá nhiều so với những năm 50 và đầu những năm 60. Nước Mỹ vẫn còn đang ở trong thời kỳ « sau Việt-Nam », tức là đang trong quá trình xuống dốc chiến lược về cả thế lẫn lực, không thể nào gượng lại được.

Một trong những hậu quả nặng nề nhất của chiến tranh Việt-nam mà nhiều người trong giới cầm quyền Oa-sinh-ton đến nay thú nhận là: "Nước Mỹ ngày nay không thể vừa có đủ bom, vừa có đủ sống". Nhưng Ri-gan lại hồng lạt ngược lại tin tưởng đó bằng chính sách làm cho nước Mỹ vừa mạnh về kinh tế vừa giành được ưu thế quân sự. Đó là một mâu thuẫn rất lớn mà Ri-gan không tài nào khắc phục nổi. Với khoản 180 tỷ đô la chi thêm, trong 5 năm, từ 1982 đến 1986, chính quyền Ri-gan dự định chi 1500 tỷ đô la cho việc tăng cường quân sự, chạy đua vũ trang. Trong khi đó, nền kinh tế Mỹ "đã bước vào một thời kỳ suy thoái mới" theo chính lời thú nhận của Ri-gan ngày 18-10-1981. Năm 1980, ngân sách liên bang Mỹ thiếu hụt 40 tỷ đô la, năm 1981 có thể sẽ thiếu hụt tới 60 tỷ. Nợ trong nước của chính phủ liên bang lên tới con số kỷ lục: trên 1000 tỷ đô la. Tình hình nổi trên là trở ngại rất lớn đối với chính quyền Ri-gan trong việc tìm kiếm số tiền khổng lồ 1500 tỷ đô la trong 5 năm cho việc chạy đua vũ trang.

Nhìn vào khả năng kỹ thuật công nghiệp Mỹ, nhiều chuyên gia kinh tế cho rằng Mỹ khó lòng thực hiện được chương trình đầu tư to lớn đó, vì năng suất lao động trong công nghiệp ở Mỹ đang trên đà xuống dốc, khả năng tự túc về năng lượng và nguyên liệu đang giảm sút nhanh chóng. Riêng trong tháng 8-1981, Mỹ đã phải nhập tới 2,5 triệu tấn thép. Trong khi đó, việc mở rộng ngành công nghiệp quân sự lại đòi hỏi nhiều loại nguyên liệu mà Mỹ phải nhập khẩu một phần hoặc toàn bộ. Đó là những nhân tố gây mất ổn định trong xã hội Mỹ.

Nội dung đầu tư vào công nghiệp quân sự cũng không thu hút được nhiều sức lao động, trong khi nạn thất nghiệp đang ngày càng nặng nề. Tháng 9-1981, 7,5% số người lao động bị thất nghiệp. Bước sang năm 1982, con số đó sẽ là 8,2%, mức cao nhất kể từ cuộc khủng

hoảng kinh tế 1971 - 1975. Nạn thất nghiệp là một trong những nhân tố quan trọng nhất gây sự chống đối mạnh mẽ trong nhân dân Mỹ. Chính vì vậy mà bước phiếu lưu chạy đua vũ trang gồm 5 điểm của chính quyền Ri-gan đang gặp phải làn sóng chống đối trên khắp nước Mỹ.

Việc đầu tư ồ ạt vào công nghiệp quân sự cũng đang gây ra sự cạnh tranh gay gắt trong nội bộ tổ hợp công nghiệp quân sự nhằm giành những hợp đồng béo bở nhất, những thị trường thu nhiều lợi nhuận nhất. Đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu gây ra các cuộc tranh cãi gay gắt trong quốc hội Mỹ chung quanh các chương trình sản xuất vũ khí, đặc biệt là kế hoạch chạy đua vũ trang hết sức lớn hiện nay của Ri-gan.

Như vậy, đường lối đẩy mạnh chạy đua vũ trang nhằm "giành ưu thế quân sự" của chính quyền Ri-gan đang làm cho những mâu thuẫn nội bộ của xã hội Mỹ sâu sắc thêm, khiến cho cuộc "khủng hoảng thế hệ" "khủng hoảng thế chế" ... bắt nguồn từ chiến tranh Việt-nam càng kéo dài và gay gắt.

Mặt khác, chính sách "phiếu lưu hạt nhân" của Ri-gan đang vấp phải những phản ứng mãnh liệt từ những "đồng minh" của Mỹ tại Tây Âu và Nhật-bản. Chúng ta không thấy có sự thay đổi nào trong bản chất xâm lược của khối NATO, song nhiều nước đang hết sức đề dặt trước yêu cầu của Mỹ đòi các nước này tăng ngân sách quân sự để chia sẻ với Mỹ trách nhiệm chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh. Rõ ràng là trong lĩnh vực này, lợi ích của Mỹ và đồng minh của Mỹ đang có những nét khác nhau. Trong nhiều tháng nay, hàng triệu nhân dân nhiều nước thuộc khối NATO liên tục xuống đường biểu tình đấu tranh chống Mỹ. Họ chống Mỹ đặt 572 tên lửa tầm trung binh mạng đầu đạn hạt nhân tại một số nước Tây Âu, chống chủ trương "chiến

tranh hạt nhân hạn chế» mà Ri-gan đã tuyên bố ngày 16-10-1981... Nhân dân Nhật-bản liên tục xuống đường biểu tình đòi hủy bỏ «hiệp ước an ninh Nhật-Mỹ», đòi hủy bỏ các căn cứ quân sự Mỹ trên đất Nhật-bản.

Ngoài những vật cùn mà cỗ xe chiến tranh Mỹ đang vấp phải nói trên, ngay giới quân sự Mỹ cũng phải thừa nhận rằng kế hoạch «siêu vũ trang» của Ri-gan, phần chủ yếu phải đợi đến cuối thập kỷ này và sang thập kỷ sau mới có thể phát huy tác dụng. Hơn nữa, những vũ khí của kế hoạch này chẳng phải là những vũ khí hoàn toàn mới mẻ hoặc đặc sắc. Tính năng kỹ thuật của tên lửa MX không có gì ưu việt đặc biệt hơn tên lửa Mi-nit-man đang dùng, ngoài sự khác nhau giữa cái cũ là cố định còn cái mới là cơ động. Nhưng khả năng cơ động của MX vẫn không thể bảo đảm cho nó khỏi bị đòn đánh trả của đối phương, vì khi được phóng, nó vẫn phải được đặt trên hệ phóng dụng trong hầm, và như vậy vẫn khó thoát khỏi bị đối phương phát hiện. Loại máy bay ném bom chiến lược B1 đã tỏ ra có nhiều nhược điểm kỹ thuật qua các chuyến bay thử nghiệm và đã từng bị chính quyền Ca-tơ gạt bỏ, tên lửa Tơ-ri-đon (dính ba) gắn trên tàu ngầm hạt nhân chẳng qua cũng chỉ là loại Pô-la-rit. Pô-xây-đon (đang dùng) được cải tiến. Còn loại máy bay ném bom chiến lược Xtin được quảng cáo là có khả năng tránh được sự phát hiện của

ra đa thì thật ra vẫn đang nằm trên bản vẽ thiết kế.

Tóm lại, trên thực tế, các «bưu bối» hạt nhân chiến lược mà Ri-gan dự định tung ra trong các thập kỷ 80 và 90 không hề là kết quả của một sự «phát minh» đặc biệt mới mẻ nào trong lĩnh vực kỹ thuật quân sự. Bọn cuồng chiến Mỹ chưa có được loại «vũ khí tuyệt đối» mà chúng mơ ước.

Rõ ràng là với so sánh lực lượng trên thế giới ngày nay, hành động điên cuồng chạy đua vũ trang của đế quốc Mỹ không thể ngăn chặn được ba dòng thác cách mạng tiếp tục phát triển thế tiến công vũ bão, trong khi Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa sẵn sàng có những biện pháp thích đáng để đối phó với những bước phiêu lưu chiến tranh của Mỹ và các thế lực phản động, bành trướng và bá quyền Trung-quốc. Cỗ xe chiến tranh của Mỹ dưới tay lái của Ri-gan đang lao vào con đường vừa cực kỳ mạo hiểm vừa luẩn quẩn bế tắc. Chiến lược quân sự cơ bản «ngăn đe-ngăn chặn», sản phẩm của chiến lược toàn cầu phân cách mạng của Mỹ không thể đưa đế quốc Mỹ ra khỏi sự lúng túng về chiến lược hiện nay. Những cố gắng điều chỉnh của Ri-gan nhằm tăng cường và đánh trù tiên cho chiến lược «ngăn chặn» hoặc «ngăn đe» chỉ phơi bày rõ thêm bản chất cực kỳ hiểm chiến, đồng thời cũng phản ánh tình trạng suy yếu, bế tắc mà đế quốc Mỹ đang lún sâu trong thời kỳ «sau Việt-nam».

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ

№ 12 — 1981 г.

ПЕРЕДОВАЯ. Важнейшие задачи народных вооруженных сил на новом этапе. **ЧАН КЮОК ХОАН.** Усилить работу среди масс на новом этапе революции. **НГУЕН ТХАНЬ ЛЕ.** Некоторые проблемы о национально — освободительном движении. **ЧАН ВАН ФАК.** О крупной кампании «Развивать прекрасную сущность, повышать боеспособность» народных вооруженных сил. **С. ДАМБАДАЖА.** Внешняя политика Монгольской Народной республики и вопрос укрепления мира в Азии. **КАО СУАН ФО.** Юго — Восточная Азия: культурно — историческая целостность. **ТХАНЬ ТИН.** «Настоящая война» или настоящий тупик. **НУОАН ВУ.** Авантюристский шаг Вашингтона на пути гонки вооружений.

REVIEW OF COMMUNISM N° 12 — 1981

Editorial — The People's Armed Forces' Task Is of Paramount Importance in the New Stage. **TRẦN-QUỐC-HOÀN** — Strengthening the Work of the Masses in the New Stage. **NGUYỄN-THÀNH-LÊ** — Some Problems Concerning the National Liberation Movement. **TRẦN-VĂN-PHÁC** — On the Great Drive to «Bring into Full Play the Fine Qualities and Heighten the Fighting Strength» of the People's Armed Forces. **X. DAMBADAGIA** — The Foreign Policy of the People's Republic of Mongolia and the Problem of Consolidation of Peace in Asia. **CAO-XUÂN-PHỒ** — Southeast Asia, a Historical and Cultural Entity. **THÀNH-TÍN** — «The Real War» or the Real Impasse? **NHUẬN-VŨ** — Washington's Adventurous Step in the Arms Race.

REVUE DU COMMUNISME N° 12 — 1981

Editorial — La tâche importante des forces armées populaires dans la nouvelle période. **TRẦN-QUỐC-HOÀN** — Intensifier le travail des masses dans la nouvelle étape. **NGUYỄN-THÀNH-LÊ** — Quelques problèmes du mouvement de libération nationale. **TRẦN-VĂN-PHÁC** — Sur la grande campagne pour «Faire jouer la belle nature et élever la puissance combative» des forces armées populaires. **X. DAMBADAGIA** — La politique extérieure de la République populaire de Mongolie et le problème de la consolidation de la paix en Asie. **CAO-XUÂN-PHỒ** — L'Asie du Sud-Est: une entité historico-culturelle. **THÀNH-TÍN** — «Une guerre réelle» ou des impasses réelles. **NHUẬN-VŨ** — Un pas aventureux de Washington dans la course aux armements.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 12 — 1981

Editorial — La importante tarea de las Fuerzas Armadas Populares en el nuevo periodo. **TRẦN-QUỐC-HOÀN** — Intensificar el trabajo de la movilización popular en la actual etapa. **NGUYỄN-THÀNH-LÊ** — Algunos problemas sobre el movimiento de liberación nacional. **TRẦN-VĂN-PHÁC** — Sobre la gran campaña de «Poniendo en alto juego la naturaleza hermosa, elevar la fuerza combativa» de las Fuerzas Armadas Populares. **X. DAMBADAGIA** — La política exterior de la República Popular de Mongolia y el mantenimiento de la paz en Asia. **CAO-XUÂN-PHỒ** — Sureste de Asia: una entidad histórico-cultural. **THÀNH-TÍN** — ¿«Una guerra verdadera» o unos verdaderos apuros? **NHUẬN-VŨ** — Un paso aventurero en la carrera armamentista de Washington.

MỤC LỤC

Xã luận — Nhiệm vụ trọng đại của các lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới	1
TRẦN-QUỐC-HOÀI — Tăng cường công tác dân vận trong giai đoạn mới	6
NGUYỄN-THÀNH-LÊ — Mấy vấn đề về phong trào giải phóng dân tộc	20
TRẦN-VĂN-PHÁC — Về cuộc vận động lớn "Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu" của các lực lượng vũ trang nhân dân	27
★ ★ ☆ — Vì sao ở nông thôn Nam-bộ vẫn còn một số nông dân không có ruộng đất?	31
HOÀNG-HÀM — Huyện Vinh-lạc từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp	37
LÊ-VĂN-HOÀN — Một vài suy nghĩ từ thực tế của Triệu-bải	43
X. BÀM-BA-ĐA-GLA — Chính sách đối ngoại của nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô và vấn đề củng cố hòa bình ở châu Á	45
CAO-XUÂN-PHỒ — Đông Nam Á: một chỉnh thể lịch sử — văn hóa	53
THÀNH-TÍN — "Cuộc chiến tranh thật sự" hay là những bề tặc thật sự	59
NHUẬN-VŨ — Bước phiêu lưu chạy đua vũ trang của Oa-sinh-ton	66

MỤC LỤC

TẠP CHÍ CÔNG SẢN

NĂM 1981

BÀI	TÁC GIẢ	Số
I - NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐƯỜNG LỐI CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG		
- Cục diện cách mạng nước ta và nhiệm vụ kinh tế năm 1981	<i>Xã luận</i>	1
- Báo cáo về dự thảo Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam	<i>Trường-Chinh</i>	1
- Chuẩn bị tốt Đại hội lần thứ V của Đảng	<i>Xã luận</i>	2
- Nâng cao cảnh giác, làm tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội	<i>Xã luận</i>	3
- Lời chào mừng của đồng chí Lê-Duẩn đọc tại Đại hội thứ 26 Đảng cộng sản Liên-xô		3
- Cải tiến chế độ khoán trong nông nghiệp	<i>Võ-Chí-Công</i>	3
- Nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp, làm tốt cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội	<i>Xã luận</i>	4
- Học tập đạo đức của Hồ Chủ tịch, nâng cao phẩm chất cách mạng	<i>Xã luận</i>	5
- Cải tiến công tác phân phối, lưu thông, nhằm thúc đẩy sản xuất, ổn định đời sống	<i>Lê-Duẩn</i>	6
- Toàn dân bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội	<i>Phạm-Hùng</i>	6
- Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân	<i>Lê-Duẩn</i>	7

BÀI	TÁC GIẢ	Số
- Quyết tâm giành thắng lợi trên mặt trận phân phối lưu thông	<i>Đỗ-Mười</i>	7
- Hiến pháp của nhân dân chiến thắng	<i>Trường-Chính</i>	9
- Khoa học và kỹ thuật trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta	<i>Xã luận</i>	10
- Bước mới trong phong trào hợp tác hóa và sự nghiệp phát triển sản xuất nông nghiệp ở nước ta	<i>Phạm-Văn-Đông</i>	11
- Nhiệm vụ trọng đại của các lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới	<i>Xã luận</i>	12
- Tăng cường công tác dân vận trong giai đoạn mới	<i>Trần-Quốc-Hoàn</i>	12
II — KINH TẾ		
- Bố trí cơ cấu kinh tế hợp lý để sử dụng tốt nhất nguồn lao động và đất đai của nước ta	<i>Chế-Viễn-Tân</i>	1
- Phân phối — lưu thông trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta	<i>Vũ-Hữu-Ngoạn</i>	2
- Công ty quốc doanh cao su Đông-nai từng bước làm tốt việc kết hợp ba lợi ích	<i>Lê-Sắc-Nghị</i>	2
- Về vấn đề lương thực trong những năm trước mắt	<i>Hồ-Việt-Trắng</i>	3
- Một số kinh nghiệm rút ra từ Xi nghiệp đánh cá Côn-dảo	<i>Đỗ-Chính</i>	3
- Một số suy nghĩ về mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp công nghiệp quốc doanh	<i>Trường-Sơn</i>	4
- Bước đi của huyện M'Drắc	<i>Nguyễn-Văn-Nguyễn</i>	4
- "Khoán gọn" trong ngành xây dựng	<i>Đông-Si-Nguyễn</i>	5
- Trả lương khoán theo sản phẩm cuối cùng của xí nghiệp	<i>Trần-Anh-Vinh</i>	5
- Mở rộng và bảo đảm quyền tự chủ về tài chính của cơ sở, tăng cường quản lý tài chính tập trung thống nhất của Nhà nước	<i>Võ-Trí-Cao</i>	6
- Về kiểm kê và kiểm soát trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội	<i>Lê-Doãn-Tá</i>	6
- Những vấn đề cơ bản của chính sách giá hiện nay	<i>Đoàn-Trọng-Truyền</i>	7
- Xây dựng vốn rừng kinh tế tập trung ổn định	<i>Phan-Xuân-Dợt</i>	8
- Về vấn đề ba lợi ích: lợi ích của xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân	<i>Phạm-Thành</i>	8
- Tính khoa học của hình thức khoán mới trong hợp tác xã nông nghiệp	<i>Hồng-Giao</i>	8
- Xí nghiệp liên hợp công — nông nghiệp chè Trần-Phủ	<i>Nguyễn-Kim-Phong</i>	8
- Ba lợi ích kinh tế trong chủ nghĩa xã hội	<i>Đoàn-Trọng-Nhà</i>	9
- Bước đầu xây dựng cơ cấu nông — lâm — công nghiệp trên địa bàn huyện Văn-chấn	<i>Đỗ-Khắc-Cương</i>	9
- Mấy vấn đề về tư duy kinh tế khoa học	<i>Trần-Ngọc-Hiền</i>	10

BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Điềm qua các tạp chí của Đảng trong lịch sử - Tây-ninh củng cố các tổ chức cơ sở của Đảng - Nhớ lại việc xây dựng khu vực hợp Đại hội thứ II của Đảng - Tinh cách mạng và tinh khoa học trong công tác lãnh đạo - Khắc phục tàn dư tư tưởng phong kiến trong công tác thanh niên - Công đoàn - chỗ dựa của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện các chính sách kinh tế ở các xí nghiệp	Nguyễn-Thành 9 Phan-Văn 10 Hoàng-Như-Tiếp kè, 10 Thế-Tập ghi 10 Trần-Hữu-Tiến 11 Bát-Ngọc-Trình 11 Đan-Tâm 11	
VI - SINH HOẠT CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG		
- Chân lý... - "Chiếc ô" - Khi ghét... và khi yêu... - Phán - Nểm tự hào	Phan-Lang 2 Nguyễn-Trung-Thực 4 Nguyễn-Trung-Thực 6 Trọng-Nghĩa 7 Chu-Mộng 11	
VII - QUỐC TẾ		
- Những thành tựu to lớn của Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia - Cu-ba đẩy mạnh xây dựng kinh tế và cải tiến quản lý - Về cuộc chiến tranh xâm lấn, khiêu khích và phá hoại của Trung-quốc ở vùng biên giới nước ta trong hai năm qua - Tiền đề của liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa - Tình hình thế giới đầu thập kỷ 80 - Đất nước Xô viết với Đại hội XXVI Đảng cộng sản Liên-xô - Tiếng nói trực tiếp của những người cộng sản - Con đường tắt thẳng ở châu Phi: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội - Giai đoạn sau Mao của chủ nghĩa Mao - Không hoảng lòng tin ở Trung quốc - Kai Oa-sinh-ton đi tìm một chiến lược mới - Chúng ta - những người lạc quan - Bun-ga-ri, một nước công - nông nghiệp - Thành công tốt đẹp của Đại hội thứ IV Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia - Con đường dẫn đến hòa bình, độc lập, hữu nghị và hợp tác của các dân tộc Đông Nam Á - Bước phát triển mới của Tiệp-khắc - Trung-quốc : Điều chỉnh kinh tế kéo dài nhiều năm - 60 năm đấu tranh và thắng lợi - Quan hệ biện chứng giữa nhân tố dân tộc và nhân tố quốc tế - Thắng lợi to lớn của lực lượng dân châu ở Pháp	★ ★ ★ 1 Lý-Văn-Sáu 1 Nguyễn-Đức-Thịệp 2 X. Bô-ri-xốp 2 ★ ★ ★ 2 ★ ★ ★ 3 C. Da-rô-dốp 3 Văn-Hiền 3 Lê-Xuân-Lưu 3 Chu-Mộng 4 Thánh-Tín 4 Người cộng sản 5 Lê-Tĩnh 5 ★ ★ ★ 6 Phúc-Cương 6 Hát-Vân 6 Lê-Tĩnh 6 X Lập-xan Gôm-bô 7 Hồng-Chương 7 Bình luận 7	

BÀI	TÁC GIẢ	Số
- Những thành-tựu mới của chủ nghĩa xã hội phát triển ở Cộng hòa dân chủ Đức	Lê-Vi	8
- Gia tốc Việt-nam trong đà xuống dốc của Hoa kỳ	Thành-Tin	8
- Nấc thang nguy hiểm của sự cầu kết Mỹ - Trung-quốc	Nhuận-Vũ	8
- Ngôi sao trên đỉnh Bu-đơ-lút-gia	G. I-ô-rơ-da-nốp	9
- Vài nét về nước Lào anh em thân thiết	Thao-Hiền	9
- Ấn-độ: một nhân tố quan trọng của hòa bình, ổn định ở châu Á và trên thế giới	Lưu-Quý-Kỳ	9
- Kiên quyết ủng hộ nhân dân Ba-lan đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc	★ ★ ★	10
- Phê phán "tư tưởng quân sự Mao-Trạch-Đông"	Phạm-Hồng-Sơn	11
- Sự ra đời và phát triển của phong trào không liên kết	Phúc-Cương	11
- Đông Nam Á xưa và nay	Phạm-Huy-Thông	11
- Mấy vấn đề về giải phóng dân tộc	Nguyễn-Thành-Lê	12
- Chính sách đối ngoại của nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô và vấn đề củng cố hòa bình ở châu Á	X. Đan-ba-da-gia	12
- Cuộc chiến tranh thật sự hay là những bế tắc thật sự	Thành-Tin	12
- Bước phiêu lưu chạy đua vũ trang của Oa-sinh-ton	Nhuận-Vũ	12
- Đông Nam Á: một chỉnh thể lịch sử văn hóa	Cao-Xuân-Phổ	12
VIII - VĂN KIẾN - TỰ LIỆU		
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa bốn) về việc triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ năm của Đảng		1
- Thư của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam gửi các cấp ủy Đảng và toàn thể cán bộ, đảng viên về việc triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ năm		1
- Điện của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam mừng Đại hội lần thứ 26 Đảng cộng sản Liên-xô		3
- Lời phát biểu của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Trường-Chinh (tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa 7)		7
- Lời phát biểu của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm-văn-Đổng (tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa 7)		7
- Tuyên bố của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam hưởng ứng Lời kêu gọi của Xô viết tối cao Liên-xô ngày 23-6-1981 gửi Quốc hội và nhân dân các nước trên thế giới		7
- Truyền thông tập chí của Đảng ta		7
- Truyền thông tập chí của Đảng ta		8
- Truyền thông tập chí của Đảng ta		10

BÀI	TÁC GIẢ	Số
- Truyền thống cách mạng Việt-nam	Phong-Châu	2
- Xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa Việt-nam	Thanh-Lê	2
- Một trang sử vẻ vang của dân tộc ta	Hồng Linh và Văn-Di	3
- Lê-Hoàn phá Tống	Nhuận-Vũ	3
- Truyền thống và kinh nghiệm chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của dân tộc ta	Nguyễn-Lương-Bích	3
- Biện chứng của truyền thống	Hà-Văn-Tân	3
- Một số vấn đề về quản lý để xây dựng một nền văn hóa mới	Trần-Độ	4
- Nhà nước kết hợp với nhân dân chăm lo xây dựng và phát triển nền giáo dục xã hội chủ nghĩa	Bùi-Thanh-Khiết	4
- Bồi dưỡng và đào tạo cán bộ quản lý	Lê-Văn-Giang	4
- Nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước đối với công tác giáo dục	Hoàng-Ngọc-Di	5
- Đấu tranh chống sự phá hoại của địch trên mặt trận văn nghệ	Trần-Thọ	5
- Vấn đề hình thành dân tộc Việt-nam	Phan-Huy-Lê	6
- Một số vấn đề văn học phương Tây hiện đại	Nguyễn-Chí-Tĩnh	7
- Bước đi của cải cách giáo dục	Ng-Trường-Khoa	8
- Đấu tranh văn hóa, văn nghệ trong thời kỳ quá độ	Hà-Xuân-Trường	9
- Qua cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hóa, tư tưởng ở thành phố Hồ-Chí-Minh	Trương-Quốc-Minh	9
- Thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong khoa học lịch sử Việt-nam	Văn-Tạo	9
- Về sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khoa học và kỹ thuật	Bùi-Thanh-Khiết	1
- Về đợt truy quét văn hóa phẩm phản động, đồi trụy vừa qua	Trần-Thọ	10
V - ĐẢNG - CÁC TỔ CHỨC QUÂN CHÚNG		
- Năm vững quan điểm của Đảng về công tác tổ chức	Chinh-Trực	2
- Suy nghĩ về tổ chức và công tác tổ chức	Phạm-Thành	2
- Xây dựng tác phong mới trong công tác lãnh đạo	Lê-Quang	4
- Giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ	Vũ-Công-Cần	4
- Hồ Chủ tịch với vấn đề liên minh công nông	Đỗ-Tư	5
- Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, nhà báo vô sản vĩ đại	Thế-Tập	5
- Tăng cường cán bộ khoa học kỹ thuật cho cơ quan lãnh đạo các cấp	Phạm-Quán	6
- Vấn đề then chốt của tổ chức thực tiễn trong cách mạng xã hội chủ nghĩa	Trần-Ngọc-Thư	8
- Phấn đấu hoàn thành tốt công tác phát thể đảng viên vào cuối năm 1981	***	8
- Nhớ lại những ngày đi dự Đại hội thứ nhất của Đảng	Ba-Độc-kê	8
- Tiến hành tốt Đại hội đảng bộ các cấp	Thế-Tập ghi	8
	***	9

BÀI	TÁC GIẢ	Số
— Hải-phòng thực hiện chế độ khoán mới trong hợp tác xã nông nghiệp	Đoàn-Duy-Thành	10
— Máy kinh nghiệm công tác ngân hàng tỉnh Thái-bình	Ngô-Văn-Hải	10
— Xác lập đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương	Trương-Sơn	11
— Các hình thức hợp tác hóa nông nghiệp và khoán sản phẩm ở tỉnh Hậu-giang	Nguyễn-Kiến-Phước	11
— Một vài suy nghĩ từ thực tế của Triệu-hải	Lê-Văn-Hoan	12
— Huyện Vinh-lạc từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp	Hoàng-Hàm	12
— Vì sao ở nông thôn Nam-bộ vẫn còn một số nông dân không có ruộng đất?	***	12
III - CHÍNH TRỊ - TRIẾT HỌC - QUÂN SỰ		
— Chuyển chính vô sản và dân chủ tư sản	Hồng-Chương	1
— Nhà nước xã hội chủ nghĩa với quản lý kinh tế	Đoàn-Trọng-Truyền	4
— Tính chất của Nhà nước ta và vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam thể hiện trong Hiến pháp mới	Nguyễn-Ngọc-Minh	4
— Luật bầu cử của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa	Phan-Trung-Lý	4
— Tòa án nhân dân và việc thi hành Hiến pháp và pháp luật	Phạm-Hưng	8
— Chức năng lập pháp và giám sát của Quốc hội	Phan-Trung-Lý	8
— Chiến lược tổng hợp của chiến tranh cách mạng Việt-nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược	Hoàng-Vân-Thái	9
— Xây dựng và quản lý lực lượng dự bị động viên cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc	Lê-Trọng-Tấn	10
— Suy nghĩ về vai trò của nhân tố chủ quan trong sự phù hợp của quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất	Nguyễn-Chí-Mỹ	10
— Xây dựng pháp luật trong thời kỳ quá độ ở Việt-nam	Nguyễn-Ngọc-Minh	11
— "Toàn tập Lê-nin" - một kho tàng tư tưởng vô giá	Phạm-Thành	11
— Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, người xây đắp tình hữu nghị Việt - Xô	Phan-Ngọc-Liên	11
— Về cuộc vận động lớn « Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu » của các lực lượng vũ trang nhân dân	Trần-Văn-Phúc	12
IV - VĂN HÓA - GIÁO DỤC		
— Về truyền thống dân tộc	Trần-Quốc-Vượng	2
— Phương pháp luận trong vấn đề giáo dục những truyền thống tốt đẹp của dân tộc	Hoàng-Ngọc-Di	2

100

100

100

100

100

100

100

100

100

100

100

100

100

100

From:

交流圖書公司
'AO LIU PUB. SEC

Tìm đọc :

V.I. LÊ - NIN

Những năm đầu của thời kỳ quá
độ ở Liên-xô

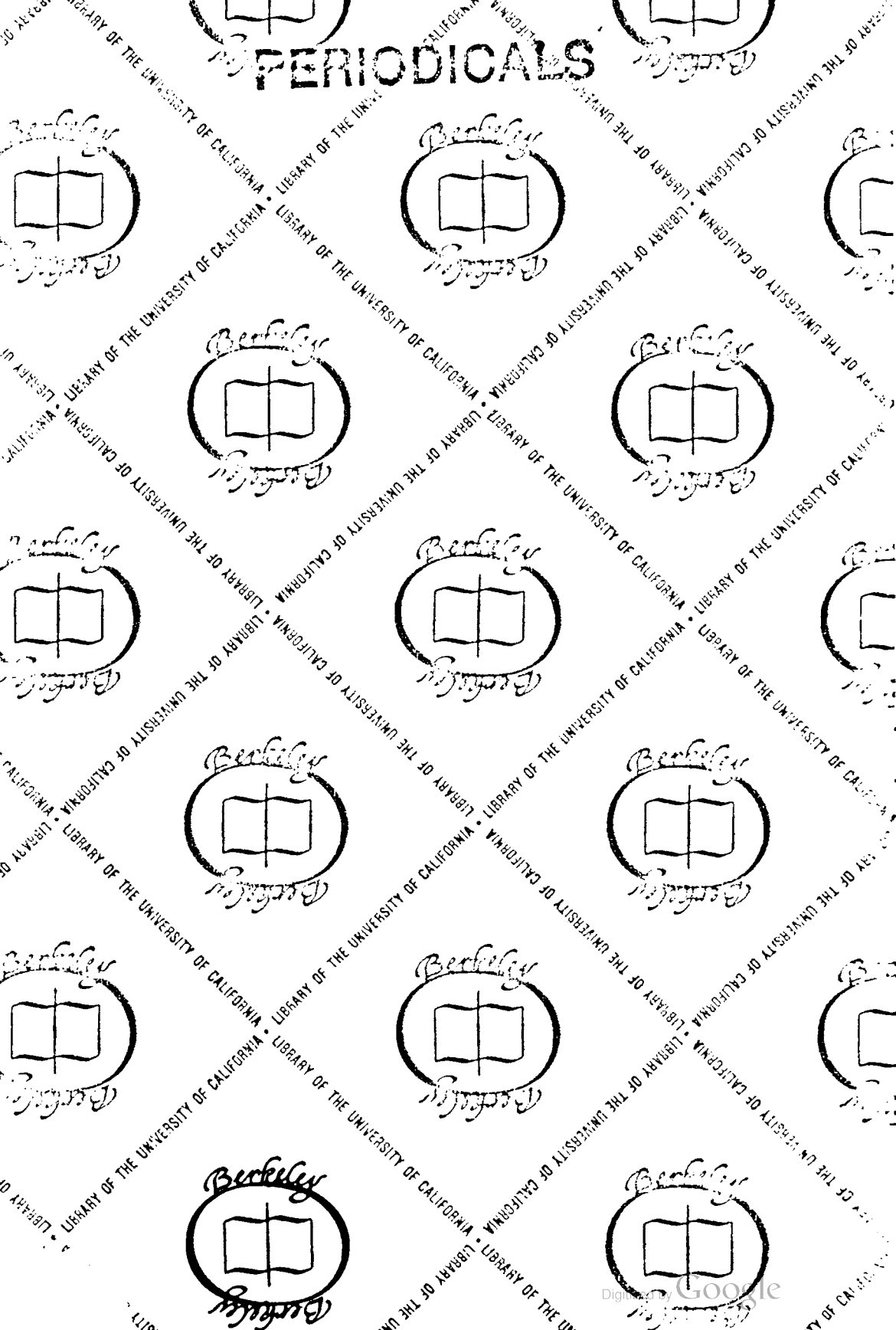
LÊ - DUÂN

- Máy vấn đề về Đảng cầm quyền
- Vì cả nước, cùng cả nước, các
tỉnh đồng bằng sông Cửu - long
hăng hái vươn lên



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

PERIODICALS



GENERAL LIBRARY - U.C. BERKELEY



8000582865

